

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nói 1 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120240
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thực hành nói, giao tiếp tiếng Nhật.

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp.

- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nói 1 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như thực hành theo mẫu hội thoại trình độ sơ cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để xây dựng bài hội thoại của riêng mình, luyện tập hội thoại theo cặp, theo nhóm, với giảng viên bản xứ; tìm hiểu cách sử dụng mẫu câu trong từng tình huống cụ thể thông qua tranh ảnh, video do giáo viên cung cấp...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên	
	Lên lớp				Thí nghiệm, thực hành, điền đã
	LT	BT			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu	Nhiệm vụ
<p>"オリエンテーション</p> <p>①テキスト紹介 ②授業の進め方 ③自学のし方 (予習・復習) ④クラスルール ⑤1学期目標提示</p> <p>小テスト：あ行～な行+ディクテ ことば ①国の名前</p> <p>ベトナム・日本・アメリカ・イギリス・インド・ インドネシア・韓国・タイ・中国・ドイツ・ ブラジル</p> <p>②みんなの日本語登場人物</p> <p>会話：1課会話 自己紹介 はじめまして。～です。 バリアブントウ大学の1年生です。 ～から来ました。/VTに住んでいます。 どうぞよろしくお願いします。</p> <p>表記：は行～ん 読み・書き 練習"</p>	3	1	0	<p>- Sinh viên hiểu mẫu câu cơ bản, mẫu hội thoại giao tiếp cơ bản hằng ngày</p>	<p>- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận</p>
<p>～から来ました。/VTに住んでいます。 どうぞよろしくお願いします。</p> <p>表記：は行～ん 読み・書き 練習"</p>					
<p>"小テスト：タ行～ハ行+ディクテ 練習：L1練習C 会話：L1会話 表記：マ行～ンカタカナ特殊音</p> <p>クラス活動集101：L1"</p>	3	1	0	<p>- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 1, mẫu hội thoại giao tiếp bài 1</p>	<p>- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận</p>
<p>"練習：L2練習C 会話：L2会話</p> <p>クラス活動集101：L2"</p>	3	1	0	<p>- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 2, mẫu hội thoại giao tiếp bài 2</p>	<p>- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận</p>
					<p>-</p>

C
 BUỒN
 HỌ
 VÙNG

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu	Nhiệm vụ
"練習 : L3練習C 会話 : L3会話 クラス活動集101 : L3"	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 3, mẫu hội thoại giao tiếp bài 3	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"復習 中間テスト"	3	1	0	-	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
					- Thảo luận -
"練習 : L4練習C 会話 : L4会話 クラス活動集101 : L4"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 4, mẫu hội thoại giao tiếp bài 4	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu	Nhiệm vụ
"練習 : L5練習C 会話 : L5会話 エリン : L6見てみよう「交通機関」 クラス活動集101 : L5"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 5, mẫu hội thoại giao tiếp bài 5	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"練習 : L6練習C 会話 : L6会話 クラス活動集101 : L6"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 6, mẫu hội thoại giao tiếp bài 6	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"練習 : L7練習C 会話 : L7会話 クラス活動集101 : L7"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 7, mẫu hội thoại giao tiếp bài 7	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu	Nhiệm vụ
"練習 : L8練習C 会話 : L8会話 クラス活動集101 : L8"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 8, mẫu hội thoại giao tiếp bài 8	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"練習 : L9練習C 会話 : L9会話 クラス活動集101 : L9"	2	1		- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 9, mẫu hội thoại giao tiếp bài 9	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
Tổng	27	11	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語ー初級Iー本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

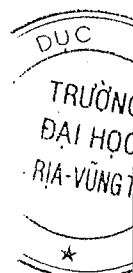
6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 杉浦千里 (著), 小野寺志津 (著), ボイクマン総子 (著) (2011), わたしのほんご
- 初級から話せるわたしの気持ち・わたしの考え, くろしお出版.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Suzuki Kaoru

Năm sinh:



Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: suzukik1519@pj9.so-net.ne.jp

Facebook:

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 2.7. tháng 1.1. năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

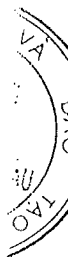
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiệt

PGS.TS. Hoàng Văn Kiệt

Suzuki Kaoru



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Đọc hiểu 1 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120266
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Xây dựng kỹ năng đọc hiểu văn bản, và xây dựng vốn từ vựng thuộc các chủ đề bài đọc khác nhau. Nâng cấp dần đến đọc hiểu những bài văn có nội dung đa dạng hơn.
- Kỹ năng: Có khả năng đọc, tổng hợp và, tìm kiếm thông tin cần thiết trong bài đọc.
- Thái độ: Yêu thích môn học, hiểu thêm về văn hóa Nhật Bản qua các bài đọc.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

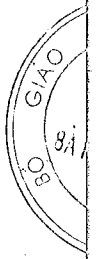
Học phần Đọc hiểu 1 hướng cho sinh viên:

- Hiểu về văn hoá Nhật Bản
- Cách đọc đoạn văn theo ngữ điệu diễn cảm.
- Cung cấp thêm lượng từ vựng liên quan đến các bài đọc trong giáo trình.
- Khả năng phân tích, tìm kiếm thông tin trong bài đọc, giải quyết vấn đề.
- Đọc những đoạn văn ngắn, đơn giản và ít Hán tự. Không đọc những đoạn văn khó hơn khả năng của mình vì như thế sẽ dễ nản và khó có động lực để tiến bộ. Phối hợp việc học từ vựng, học Kanji với việc đọc hiểu.
- Bài đọc đi kèm với những gì đã học và giúp ôn tập lại kiến thức cũ.

Học phần Đọc hiểu 1 được dạy trong 38 tiết (bao gồm bài tập kiểm tra và thi giữa học phần)

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền đã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
<ul style="list-style-type: none"> -オリエンテーション -あいさつ -ことば -自己紹介 -表記：拗音 -ことば：L1 	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
				vùng liên quan ngoài bài đọc	
<ul style="list-style-type: none"> -ウォーミングアップ1 -標準問題集：L1 -表記：特別なカタカナ 	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
				vùng liên quan ngoài bài đọc	

DUC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
4-VÙNG T

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ cụ thể của
<ul style="list-style-type: none"> -ウォーミングアップ 2 -標準問題集 : L2 -ことば : L3 導入 	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
<ul style="list-style-type: none"> -ウォーミングアップ 3 -標準問題集 : L3 -ことば : L4 導入 	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	
<ul style="list-style-type: none"> 復習 中間テスト 	2	1	<ul style="list-style-type: none"> -Ôn tập lại những kiến thức đã học. -Sửa bài tập phần luyện tập 	<ul style="list-style-type: none"> -SV ôn tập -Làm bài kiểm tra.
<ul style="list-style-type: none"> -ウォーミングアップ 4 -標準問題集 : L4 -ことば : L5 導入 	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ cụ thể của
<ul style="list-style-type: none"> -ウォーミングアップ 5 -標準問題集 : L5 -ことば : L6 導入 	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
<ul style="list-style-type: none"> -トピック 25 : L6 -標準問題集 : L6 -ことば : L7 導入 	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	
<ul style="list-style-type: none"> -トピック 25 : L7 -標準問題集 : L7 -ことば : L8 導入 			<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm kiến thức về các loại tàu điện, cách tắm Onsen ở Nhật. 	



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ cụ thể của
- トピック 25 : L8 - 標準問題集 : L8 - ことば : L9 導入	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
Tổng	22	16	0		

4.2. Học phần thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết	Mục tiêu cụ thể	Dụng cụ, thiết bị sử dụng	Định mức vật tư/SV, nhóm SV	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
Bài 1.....					
Bài 2.....					

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

Ghi chú:

- Đối với học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, điểm trung bình cộng các bài thí nghiệm, thực hành trong học kỳ làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần đó.

- Tùy theo đặc thù của học phần, có thể chọn các hình thức đánh giá dưới dạng bài tập lớn, tiểu luận, mô hình, video clip.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. 牧野 昭子, 澤田 幸子, 重川 明美, 田中 よね & 1 その他 (2014), みんなの日本語一初級II一読解 25 トピック, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語-初級I-本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thu Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Kỹ năng dạy đọc hiểu, ngữ pháp tiếng Nhật,

Thông tin liên hệ: trangacsd@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thu Trang



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: Viết 1 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120267
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chữ Hán.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để viết các bài luận, đoạn văn.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Viết 1 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để viết văn bản, thư...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như ôn tập từng vựng, học chữ Hán trình độ sơ cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để viết câu, viết các đoạn văn ngắn theo chủ đề do giảng viên yêu cầu, luyện viết chữ đúng và đẹp, học văn hóa viết của Nhật Bản...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu	Nhiệm vụ
<p>"オリエンテーション ①テキスト紹介 ②授業の進め方 ③自学のし方 (予習・復習) ④クラスルール ⑤1学期目標提示 教室用語 聞いてください/書いてください/ 読んでください/言ってください/ 見てください/来てください/ 立ってください/座ってください/ ~ページをあけてください/ ペアで話してください/ ことば: 道具 教科書/ノート/鉛筆/ペン/ 試験・テスト/宿題/質問/答え/例</p>	3	1	0	<p>- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu giao tiếp, cách viết</p>	<p>- Chuẩn bị bài - Làm bài tập</p>
<p>自己紹介 はじめまして。 ~です。 バリアブントウ大学の1年生です。 どうぞよろしくお願ひします。 表記: あ行~な行 読み・書き練習"</p>					
<p>"小テスト: ア行~サ行+ディクテ 書いて覚える: L1 表記: タ行~ハ行"</p>	3	1	0	<p>- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 1</p>	<p>- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập</p>
<p>"書いて覚える: L2 漢字: 漢字・ひらがな・カタカナ・Rōma-ji 漢字はどれですか 同じ漢字はどれですか 表記: カタカナ復習"</p>	3	1	0	<p>- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 2</p>	<p>- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập</p>

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu	Nhiệm vụ
"書いて覚える : L3 漢字 : 絵から漢字ができました (1) (2) 漢字のベーシック・ストローク"	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 3	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"復習 中間テスト"	3	1	0	- Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học - Hoàn thành tốt bài kiểm tra	- Học thuộc bài - Làm bài tập
"小テスト : 漢字の読み方 書いて覚える : L4 漢字 : 漢字の読み方 漢字を切る (1) (2) 同じ形がありますか"	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 4	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"書いて覚える : L5 漢字 : U1 日 月 火 水 木 金 土 山 川 田"	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 5	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

JC
TRƯỜNG
HỘI
VÙNG

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu	Nhiệm vụ
"小テスト : U1 書いて覚える : L6 漢字 : U2 一 二 三 四 五 六 七 八 九 十 百 千 万 円"	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 6	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"小テスト : U2 書いて覚える : L7 漢字 : U3 学 生 先 会 社 員 医 者 本 中 国 人"	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 7	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"小テスト : U3 書いて覚える : L8 漢字 : U4 今 朝 昼 晚 時 分 半 午 前 後 休 每 何"	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 8	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"小テスト : U4 書いて覚える : L9 漢字 : U5 / 漢字忍者 1 行 来 校 週 去 年 駅 電 車 自 転"	2	1		Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 9	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Tổng	27	11	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. 平井 悦子, 三輪 さち子 (2013), みんなの日本語-初級I-
書いて覚える文型練習帳, 株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 東京国際日本語学院 (2014), みんなの日本語-初級I-漢字練習帳,
株式会社スリーエーネットワーク.

[3] 門脇 薫・西馬薫 (2014), みんなの日本語-初級-やさしい作文,
株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Haruka Sasamura

Năm sinh: 1980

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: haruka929travis@gmail.com



Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Kiếm

Haruka Sasamura

VIA ĐÀO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: Ngữ Pháp 1 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120268
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp sau khi học xong các mẫu câu ngữ pháp, khả năng dùng đúng ngữ pháp khi viết câu, dịch câu, đoạn văn nhằm nắm bắt và vận dụng được trong các tình huống.

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và phân tích về cách viết câu, đặt câu ở cấp độ gần cuối Sơ cấp.

- Thái độ: sinh viên yêu thích, hứng thú, tự tin vận dụng, tìm tòi để có thể hiểu được ý nghĩa của câu, đoạn văn nhằm nâng cao trình độ.

3. Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm có các phần cơ bản như luyện tập viết từng mẫu câu cơ bản, tóm lược lại các mẫu câu đã học, ôn tập viết từ vựng, hoàn thành câu. Sinh viên sẽ biết cách dùng những mẫu câu như thế nào cho đúng hoàn cảnh, sử dụng đúng trường hợp. Ngoài ra, các mẫu câu sẽ được đưa vào trong từng bài đọc, để sinh viên vận dụng cho đúng văn cảnh sử dụng. Thông qua các mẫu câu sinh viên sẽ nắm vững phương pháp để áp dụng vào các môn học khác.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp	Thí nghiệm, thực hành,		

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	điền dã		
-Giới thiệu về môn học -Giới thiệu hệ thống chữ Tiếng Nhật -Những câu chào hỏi cơ bản	3		0	- Giới thiệu giáo trình, đặc trưng ngôn ngữ -Giới thiệu hệ thống chữ Tiếng Nhật - Luyện tập những câu chào hỏi cơ bản.	-Cho SV nhắc lại câu chào hỏi cơ bản.
第1課 : Chữ Katakana(Hàng a đến hàng sa)	2	1	0	-GV cho SV đọc, giảng từ vựng -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
				-Luyện tập các mẫu câu ứng dụng -Luyện cách viết chữ	
第2課 :	2	1		-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第3課 :	2	1		-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
復習 中間テスト	2	1		-Ôn tập lại những kiến thức đã học. -Sửa bài tập phần luyện tập	-SV ôn tập -Làm bài kiểm tra.

DU
T
ĐA
BÀ RI

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ
第4課 :	2	1	-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第5課 :	2	1	-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第6課 :	2	1	-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第7課 :	2	1	-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第8課 :	2	1	-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.

C
 UỶ
 HỌ
 TÊN

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ
第9課 :	2	1	-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
Tổng	26	12		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語ー初級 Iー本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 富岡 純子・島 恭子(2013), みんなの日本語ー初級 Iー標準問題集, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thuý

Năm sinh: 1984

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Nhật .

Thông tin liên hệ: thuytran1514@gmail.com

Điện thoại liên hệ: 0907 379 345

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

[Handwritten signature]

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

[Handwritten signature]
Trần Thị Thủy

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nghe 1 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120269
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiếng Nhật.
- Kỹ năng: sinh viên vận dụng kiến thức đã học để nâng cao kỹ năng nghe hiểu.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nghe 1 và tự tin khi nghe tiếng Nhật từ CD, video, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 2 phần gồm nghe CD các bài nghe theo giáo trình chính, nghe thêm CD và làm bài tập nâng cao trình độ sơ cấp. Thông qua các bài nghe, giảng viên hướng dẫn sinh viên các kỹ năng nghe để chọn được đáp án đúng, tự tin tham gia các kỳ thi năng lực, cách nâng cao kỹ năng nghe tiếng Nhật tại nhà...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
<p>"オリエンテーション</p> <p>①テキスト紹介 ②授業の進め方</p> <p>③自学の仕方 (予習・復習)</p> <p>④クラスルール ⑤1 学期目標提示</p> <p>小テスト：は行～ん+ディクテ</p> <p>教室用語</p> <p>授業を始めます/授業を終わります</p> <p>/</p> <p>先生、～ってどういう意味ですか/</p> <p>わかりました/わかりません/</p> <p>もういちどお願いします/</p>	3	1		<p>Sinh viên làm quen với tiếng Nhật cơ bản, những câu chào hỏi hằng ngày</p>	<p>Ghi chép, Học thuộc</p>
<p>もう少しゆっくり言ってください/</p> <p>ちょっと失礼します (トイレ等) /</p> <p>ことば：家族</p> <p>家族・祖父・祖母・父・母・兄・</p> <p>姉・弟・妹</p> <p>表記：濁音・半濁音・長音・促音"</p>					
<p>"小テスト：マ行～ン+ディクテ</p> <p>文型：L1 ディクテーション</p> <p>聴解タスク：L1</p> <p>課末：1・2・3/12 ページ</p> <p>表記：カタカナ特殊音</p> <p>わくリス①：L1・L2"</p>	3	1	0	<p>- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 1, làm bài tập vận dụng</p>	<p>- Chuẩn bị bài</p> <p>- Làm bài tập</p>
<p>"文型：L2 ディクテーション</p> <p>聴解タスク：L2</p> <p>課末：1・2・3/20 ページ</p> <p>わくリス①：L3・L4</p> <p>毎聞き上：L1"</p>	3	1	0	<p>- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 2, làm bài tập vận dụng</p>	<p>- Chuẩn bị bài</p> <p>- Học thuộc bài</p> <p>- Làm bài tập</p>

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
"文型 : L3 ディクテーション 聴解タスク : L3 課末 : 1・2 / 28 ページ わくリス① : L5,6"	3	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 3, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"復習 中間テスト"	2	1		-	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"文型 : L4 ディクテーション 聴解タスク : L4 課末 : 1・2・3・4 / 38 ページ わくリス① : L8,L23,L24	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 4, làm	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
毎聞き上 : L4 (㊦1,3) ,L8 (㊦1) "				bài tập vận dụng	
"文型 : L5 ディクテーション 聴解タスク : L5 課末 : 1・2・3 / 46 ページ わくリス① : L6,L25 毎聞き上 : L4 (㊦2) "	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 5, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"文型 : L6 ディクテーション 聴解タスク : L6 課末 : 1・2 / 54 ページ わくリス① : L8"	3	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 6, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"文型 : L7 ディクテーション 聴解タスク : L7 課末 : 1・2・3 / 62 ページ 復習 B : 3・4・5 / 65 ページ わくリス① : L10,L11 毎聞き上 : L8 (㊦2) ,L9 (㊦1) ,L10 (㊦2) "	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 7, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

DU
 24/
 10

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
"文型 : L8ディクテーション 聴解タスク : L8 課末 : 1・2・3 / 72 ページ 毎聞き上 : L7 (㊦1) "	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 8, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"文型 : L9ディクテーション 聴解タスク : L9 課末 : 1・2 / 80 ページ わくリス① : L18"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 9, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Tổng	27	11	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh + bài kiểm tra 15 phút

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語—初級 I—本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. スリーエーネットワーク(1998), みんなの日本語—初級 I—聴解タスク 25, 株式会社スリーエーネットワーク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Tuấn Kiệt

Năm sinh: 1995

Học vị: Cử nhân, HVCH

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: 097.55.77.847

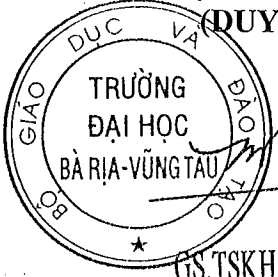
Email: trantuankiet1602@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

PGS.TS. Hoàng Văn Kỳ

Trần Tuấn Kiệt

8

8



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: Dẫn luận ngôn ngữ học
- Mã học phần: 0101120042
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần {là kết quả học tập mong đợi sinh viên đạt được}

- Kiến thức: cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất ngôn ngữ loài người, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá, giữa ngôn ngữ và tư duy, cung cấp những tri thức chung về ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, các loại hình ngôn ngữ và chữ viết.

- Kỹ năng: vận dụng những kiến thức trên trong học tập nghiên cứu, nâng cao mức độ phân tích, tổng hợp, vận dụng, tư duy sáng tạo.

- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Dẫn luận ngôn ngữ học, có hứng thú tìm hiểu những tri thức về ngôn ngữ.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có 06 chương:

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
<p>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÔN NGỮ VÀ NGÔN NGỮ HỌC</p> <p>1. Ngôn ngữ</p> <p>1.1. Ngôn ngữ là gì</p> <p>1.2. Bản chất của ngôn ngữ</p> <p>1.3. Chức năng của ngôn ngữ</p> <p>2. Ngôn ngữ học</p> <p>2.1. Ngôn ngữ học là gì</p> <p>2.2. Đối tượng nghiên cứu của Ngôn ngữ học</p> <p>2.3. Hệ thống và cấu trúc ngôn ngữ</p>	1	1	0	<p>- Hiểu được các tri thức chung về ngôn ngữ và ngôn ngữ học</p>	<p>- Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv</p>
<p>Chương 2 : NGỮ ÂM HỌC</p> <p>1. Tổng quát</p> <p>1.1. Đối tượng của Ngữ âm học</p> <p>1.2. Bản chất và cấu tạo của ngữ âm</p> <p>2. Các đơn vị đoạn tính</p> <p>3. Các hiện tượng siêu đoạn tính</p>	3	3	0	<p>- Hiểu được các kiến thức về ngữ âm;</p> <p>- Nhận diện được các đơn vị ngữ âm của tiếng Việt và ngoại ngữ sinh viên đang học</p>	<p>- Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv</p>

C
TRƯỜNG
HỌC
VÙNG

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
<p>Chương 3: NGỮ PHÁP HỌC</p> <p>1. Một số khái niệm chung của Ngữ pháp học</p> <p>1.1. Đối tượng nghiên cứu và các phân ngành của Ngữ pháp học</p> <p>1.2. Ý nghĩa ngữ pháp</p> <p>1.3. Phương thức ngữ pháp</p> <p>1.4. Phạm trù ngữ pháp</p> <p>2. Hình thái học</p> <p>2.1. Hình vị – đơn vị cấu tạo từ</p> <p>2.2. Từ và phương thức cấu tạo từ</p>	4	4	0	<p>- Hiểu được các kiến thức về ngữ pháp;</p> <p>- Nhận diện được các ý nghĩa, phương thức và phạm trù ngữ pháp của tiếng Việt và ngoại ngữ sinh viên đang học</p>	<p>- Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv;</p> <p>- Làm các bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của gv.</p>
<p>2.3. Phạm trù từ loại</p> <p>2.4. Cú pháp học</p> <p>2.5 Ngữ (ngữ đoạn)</p> <p>2.6. Câu</p>					



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
<p>Chương 4: NGỮ NGHĨA HỌC</p> <p>1. Đối tượng của ngữ nghĩa học</p> <p>2. Ngữ nghĩa học từ vựng</p> <p>2.1. Nghĩa và vật sở chỉ</p> <p>2.2. Các thành phần nghĩa của từ</p> <p>2.3. Đa nghĩa và đồng âm</p> <p>2.4. Sự biến đổi ý nghĩa của từ</p> <p>2.5. Nét nghĩa</p> <p>2.6. Quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ ngữ</p> <p>2.7. Các lớp từ vựng</p> <p>3. Ngữ nghĩa học cú pháp</p>	5	5	0	<p>- Hiểu được các kiến thức về ngữ nghĩa;</p> <p>- Nhận diện được các đơn vị ngữ nghĩa của tiếng Việt và ngoại ngữ sinh viên đang học</p>	<p>- Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv;</p> <p>Làm các bài tập theo yêu cầu và hướng dẫn của gv.</p>
<p>3.1. Nghĩa biểu hiện và nghĩa logic-ngôn từ</p> <p>3.2. Quan hệ ngữ nghĩa giữa các câu</p> <p>3.3. Vai nghĩa</p> <p>4. Ngữ nghĩa học dụng pháp</p> <p>4.1. Hành động ngôn từ</p> <p>4.2. Nghĩa hàm ẩn. Tiền giả định và hàm ý</p>					



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương 5: PHÂN LOẠI NGÔN NGỮ 1. Phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc 1.1. Cơ sở phân loại 1.2. Phương pháp so sánh – lịch sử 1.3. Một số họ ngôn ngữ tiêu biểu 2. Phân loại ngôn ngữ theo loại hình 2.1. Cơ sở phân loại 2.2. Phương pháp so sánh loại hình	1	1		- Hiểu được các cơ sở phân loại ngôn ngữ. - Nắm được nguồn gốc và loại hình của một số ngôn ngữ lớn.	- Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv
2.3. Các loại hình ngôn ngữ					
Chương 6: CHỮ VIẾT 1. Khái niệm về chữ viết 2. Các kiểu chữ viết 2.1. Chữ viết ghi ý 2.2. Chữ viết ghi âm	1	1	0	- Hiểu được các kiến thức về chữ viết và các loại chữ viết.	- Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv
Tổng	15	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm thường xuyên chuyên cần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và các bài kiểm tra 10 phút đầu giờ, các bài tập theo nội dung đã học hàng tuần

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút (1 bài)

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] - Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên) (2015), Dẫn luận Ngôn ngữ học, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

ĐỨC
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 HƯNG YÊN

6.2. Tài liệu tham khảo

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lê Thị Phương Mai

Năm sinh: 1977

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp tiếng Việt, Ngữ nghĩa học tiếng Việt, Phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài.

Thông tin liên hệ: mailtp@bvu.edu.vn

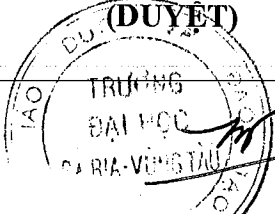
Facebook: Phuong Mai

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 1.1. năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

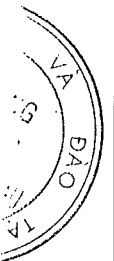
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiểm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

ThS. Lê Thị Phương Mai



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM
- Mã học phần: 0101120044
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam – là nền tảng để tiếp thu khối kiến thức chuyên ngành về văn hóa các dân tộc phương Đông.

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến văn hóa và con người Việt Nam.

- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải thích về các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản như khái niệm về văn hóa và hệ thống văn hóa, tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam, đặc trưng văn hóa của cộng đồng người Việt, các vùng văn hóa Việt Nam...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương I: Khái niệm về văn hóa và hệ thống văn hóa I. Các khái niệm cơ bản II. Đặc trưng và chức năng của văn hóa III. Hệ thống phân chia văn hóa IV. Văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây	6	0	0	- Sinh viên hiểu các khái niệm liên quan đến văn hóa và hệ thống văn hóa	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Chương II: Tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam I. Văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử II. Văn hóa Việt Nam trong thiên niên kỷ đầu công nguyên III. Văn hóa Việt Nam thời Đại Việt IV. Văn hóa Việt Nam thời Pháp thuộc V. Văn hóa Việt Nam thời hiện đại VI. Giao lưu và tiếp biến văn hóa	3	3	0	- Sinh viên hiểu về quá trình phát triển của văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Chương III: Đặc trưng văn hóa của cộng đồng người Việt I. Tổ chức nhà- làng- nước II. Văn hóa vật chất của cộng đồng người Việt III. Văn hóa tinh thần của cộng đồng người Việt	6	3	0	- Sinh viên hiểu và lí giải được bản chất/ những nét đặc trưng của văn hóa Việt Nam	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Chương IV: Các vùng văn hóa Việt Nam I. Vùng văn hóa Tây Bắc II. Vùng văn hóa Tây Nguyên III. Vùng văn hóa châu thổ Bắc bộ và Nam Bộ IV. Vùng văn hóa Trung bộ	6	3	0	- Sinh viên hiểu và so sánh được sự khác nhau về văn hóa các vùng miền trong cả nước.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Tổng	21	9	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và thuyết trình

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Trắc nghiệm

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Tự luận/ Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Trần Quốc Vương (chủ biên) (2010), Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Tp. HCM

[3] Trần Ngọc Thêm (Chủ biên) (2013), Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ, NXB Văn hóa – Văn nghệ, Tp. HCM

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

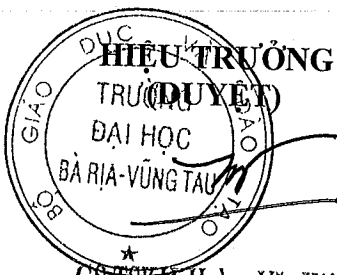
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bv.u.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Viết 2 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120236
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chữ Hán.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để viết các bài luận, đoạn văn.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Viết 2 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để viết văn bản, thư...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như ôn tập từng vựng, học chữ Hán trình độ sơ cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để viết câu, viết các đoạn văn ngắn theo chủ đề do giảng viên yêu cầu, luyện viết chữ đúng và đẹp, học văn hóa viết của Nhật Bản...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
総復習	3	1	0	- Ôn tập	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
"書いて覚える : L10 漢字 : U6 "	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 10	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"小テスト : U6 書いて覚える : L11 漢字 : U7 "	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 11	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"小テスト : U7 書いて覚える : L12 漢字 : U8 "	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 12	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"小テスト : U8 書いて覚える : L13 漢字 : U9"	2	1	0	- hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 13	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"小テスト : U9 書いて覚える : L14 漢字 : U10"	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 14	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"復習 中間テスト"	2	1	0	-	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"書いて覚える : L15 漢字 : U11"	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 15	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"小テスト : U11 書いて覚える : L16 漢字 : U12"	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 16	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"小テスト : U12 書いて覚える : L17 漢字 : U13"	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 17	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

ĐƯỢC
TR
ĐẠI
: R/A-V
★

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
"小テスト : U13 書いて覚える : L18 漢字 : U14"	2	1	0	Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 18	-
"小テスト : U14 書いて覚える : L19 漢字 : U15 "	2	1	0	Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 19	-
Tổng	26	12	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. 平井悦子,三輪さち子(2013),みんなの日本語—初級I—書いて覚える文型練習帳,株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 東京国際日本語学院 (2014), みんなの日本語—初級I—漢字練習帳, 株式会社スリーエーネットワーク.

[3] 門脇 薫・西馬薫(2014), みんなの日本語—初級—やさしい作文, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Haruka Sasamura

Năm sinh:

Học vị: Thạc sĩ

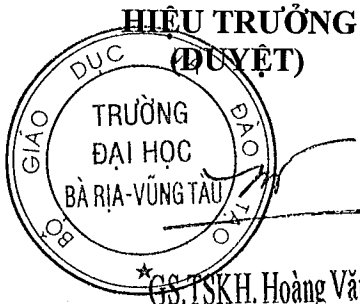
Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: haruka929travis@gmail.com

Facebook:

Facebook:

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

世村

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Haruka Sasamura



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Ngữ Pháp 2 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120262
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp sau khi học xong các mẫu câu ngữ pháp, khả năng dùng đúng ngữ pháp khi viết câu, dịch câu, đoạn văn nhằm nắm bắt và vận dụng được trong các tình huống.

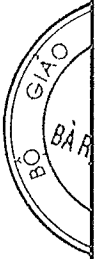
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và phân tích về cách viết câu, đặt câu ở cấp độ gần cuối Sơ cấp.

- Thái độ: sinh viên yêu thích, hứng thú, tự tin vận dụng, tìm tòi để có thể hiểu được ý nghĩa của câu, đoạn văn nhằm nâng cao trình độ.

3. Tóm tắt nội dung học phần: Môn học gồm có các phần cơ bản như chia các động từ thể từ điển, thể nai, thể te, thể ta. Áp dụng những thể đó vào các mẫu câu để sử dụng. Thông qua các mẫu câu sinh viên sẽ được học những từ vựng liên quan đến mẫu câu đó, cách sử dụng các mẫu câu trong hội thoại, trong đọc hiểu, trong giao tiếp hàng ngày. Thông qua các mẫu câu sinh viên sẽ nắm rõ hơn các trường hợp sử dụng cho phù hợp với từng trường hợp.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
第10課 :	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> -GV cho SV đọc, giảng từ vựng -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng 	<ul style="list-style-type: none"> - Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第11課 :	2	1		<ul style="list-style-type: none"> -GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第12課 :	2	1		<ul style="list-style-type: none"> -GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.

ĐỤC
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 A-VŨNG
 *

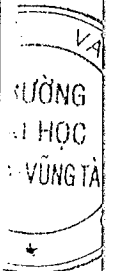
Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第13課 :	2	1		<ul style="list-style-type: none"> -GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第14課 :	2	1		<ul style="list-style-type: none"> -GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
復習 中間テスト	2	1		<ul style="list-style-type: none"> -Ôn tập lại những kiến thức đã học. -Sửa bài tập phân luyện tập 	<ul style="list-style-type: none"> -SV ôn tập -Làm bài kiểm tra.



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第15課 :	2	1		-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第16課 :	2	1		-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第17課 :	2	1		-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第18課 :	2	1		-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第19課 :	2	1		-GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa bài -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch luyện tập A, làm luyện tập B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng.	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
Tổng	26	12			



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語一初級I一本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 富岡 純子・島 恭子(2013), みんなの日本語一初級 I一標準問題集, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thuý

Năm sinh: 1984

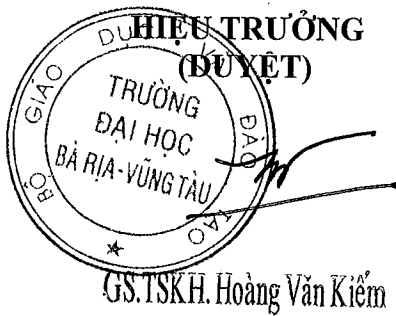
Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Nhật .

Thông tin liên hệ: thuytran1514@gmail.com

Điện thoại liên hệ: 0907 379 345

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thuý



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: Nói 2 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120263
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thực hành nói, giao tiếp tiếng Nhật.

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp.

- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nói 2 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như thực hành theo mẫu hội thoại trình độ sơ cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để xây dựng bài hội thoại của riêng mình, luyện tập hội thoại theo cặp, theo nhóm, với giảng viên bản xứ; tìm hiểu cách sử dụng mẫu câu trong từng tình huống cụ thể thông qua tranh ảnh, video do giáo viên cung cấp...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
総復習	3	1	0	- Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
"L10練習C 会話 クラス活動集 : L10"	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 10, mẫu hội thoại giao tiếp bài 10	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
"L11練習C 会話 クラス活動集 : L11"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 11, mẫu hội thoại giao tiếp bài 11	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
					<ul style="list-style-type: none"> -
"L12練習C 会話 クラス活動集 : L12"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 12, mẫu hội thoại giao tiếp bài 12	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
"L13練習C 会話 クラス活動集 : L13"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 13, mẫu hội thoại giao tiếp bài 13	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
"L14練習C 会話 クラス活動集 : L14"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 14, mẫu hội thoại giao tiếp bài 14	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận

ĐẠI
RI-A-V
*

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
"復習 中間テスト"	2	1	0	-	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"L15練習C 会話 クラス活動集 : L15"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 15, mẫu hội thoại giao tiếp bài 15	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"L16練習C 会話 クラス活動集 : L16"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 16, mẫu hội thoại giao tiếp bài 16	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"L17練習C 会話 クラス活動集 : L17"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 17, mẫu hội thoại giao tiếp bài 17	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"L18練習C 会話 クラス活動集 : L18"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 18, mẫu hội thoại giao tiếp bài 18	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
"L19練習C 会話 クラス活動集 : L19"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 19, mẫu hội thoại giao tiếp bài 19	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
Tổng	26	12	0		

UC
 QUẢNG
 HỌC
 NG TÀU
 T

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語—初級I—本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 杉浦千里 (著), 小野寺志津 (著), ボイクマン総子 (著) (2011), わたしのにほんご - 初級から話せるわたしの気持ち・わたしの考え, くろしお出版.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Suzuki Kaoru

Năm sinh:

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: suzukik1519@pj9.so-net.ne.jp

Facebook:

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

[Handwritten signature]

Suzuki Kaoru

VI
ĐÀO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Đọc hiểu 2 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120264
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Xây dựng kỹ năng đọc hiểu văn bản, và xây dựng vốn từ vựng thuộc các chủ đề bài đọc khác nhau. Nâng cấp dần đến đọc hiểu những bài văn có nội dung đa dạng hơn.
- Kỹ năng: Có khả năng đọc, tổng hợp và, tìm kiếm thông tin cần thiết trong bài đọc.
- Thái độ: Yêu thích môn học, hiểu thêm về văn hóa Nhật Bản qua các bài đọc.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Đọc hiểu 2 hướng cho sinh viên:

- Hiểu về văn hoá Nhật Bản
- Cách đọc đoạn văn theo ngữ điệu diễn cảm.
- Cung cấp thêm lượng từ vựng liên quan đến các bài đọc trong giáo trình.
- Khả năng phân tích, tìm kiếm thông tin trong bài đọc, giải quyết vấn đề.
- Đọc những đoạn văn ngắn, đơn giản và ít Hán tự. Không đọc những đoạn văn khó hơn khả năng của mình vì như thế sẽ dễ nản và khó có động lực để tiến bộ. Phối hợp việc học từ vựng, học Kanji với việc đọc hiểu.
- Bài đọc đi kèm với những gì đã học và giúp ôn tập lại kiến thức cũ.

Học phần Đọc hiểu 1 được dạy trong 38 tiết (bao gồm bài tập kiểm tra và thi giữa học phần)

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
総復習 ことば : L10	2	1		- Ôn tập lại những kiến thức đã học. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- SV ôn tập - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L10 標準問題集 : L10 ことば : L11	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L11 標準問題集 : L11 ことば : L12	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.

DUC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÀI-VŨNG
*

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L12 標準問題集 : L12 ことば : L13	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L13 標準問題集 : L13 ことば : L14	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	
トピック 25 : L14 標準問題集 : L14	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
復習 中間テスト ことば : L15	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập lại những kiến thức đã học. - Sửa bài tập phần luyện tập 	<ul style="list-style-type: none"> -SV ôn tập -Làm bài kiểm tra.

NG
 VA
 TÀI
 KHOA

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L15 標準問題集 : L15 ことば : L16	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L16 標準問題集 : L16 ことば : L17	2		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc. - Cung cấp thêm kiến thức về các loại tàu điện, cách tắm Onsen ở Nhật. 	
トピック 25 : L17 標準問題集 : L17 ことば : L18	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L18 標準問題集 : L18 ことば : L19	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L19 標準問題集 : L19	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
				- Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	
Tổng	24	14	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

Ghi chú:

- Đối với học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, điểm trung bình cộng các bài thí nghiệm, thực hành trong học kỳ làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần đó.

- Tùy theo đặc thù của học phần, có thể chọn các hình thức đánh giá dưới dạng bài tập lớn, tiểu luận, mô hình, video clip.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 牧野 昭子, 澤田 幸子, 重川 明美, 田中 よね & 1 その他 (2014), みんなの日本語一初級II一読解 25 トピック, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. スリーエーネットワーク (2013), みんなの日本語一初級 I一本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thu Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân


Hướng nghiên cứu chính: Kỹ năng dạy đọc hiểu, ngữ pháp tiếng Nhật,

Thông tin liên hệ: trangacsd@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

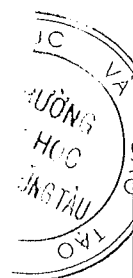


HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


PGS.TS. Hoàng Văn Việt



Trần Thị Thu Trang



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nghe 2 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120265
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiếng Nhật.
- Kỹ năng: sinh viên vận dụng kiến thức đã học để nâng cao kỹ năng nghe hiểu.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nghe 2 và tự tin khi nghe tiếng Nhật từ CD, video, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 2 phần gồm nghe CD các bài nghe theo giáo trình chính, nghe thêm CD và làm bài tập nâng cao trình độ sơ cấp. Thông qua các bài nghe, giảng viên hướng dẫn sinh viên các kỹ năng nghe để chọn được đáp án đúng, tự tin tham gia các kỳ thi năng lực, cách nâng cao kỹ năng nghe tiếng Nhật tại nhà...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
総復習 聴解: 1. ことば : L1 - L9 minna 2. 文法: L1 - L9 minna	2	1			
文型+ことば : L10ディクテーション 聴解タスク : L10 課末 : 1・2・3 / 88ページ わくリス① : L12,L13,L14,L22 毎聞き上 : L5	3	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 10 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
文型+ことば : L11ディクテーション 聴解タスク : L11 課末 : 1・2・3 / 96ページ わくリス① : L7,L9 毎聞き上 : L2	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 11 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
文型+ことば : L12ディクテーション 聴解タスク : L12 課末 : 1・2 / 104 ページ わくリス① : L19,L20,L39 毎聞き上 : L13 (P1)	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 12 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
文型+ことば : L13ディクテーション 聴解タスク : L13 課末 : 1・2 / 116 ページ わくリス① : L26 毎聞き上 : L10 (P1, P2)	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 13 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

ĐƯỢC
TR
ĐẠI
HIA-

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
文型+ことば : L14 ディクテーション 聴解タスク : L14 課末 : 1・2・3 / 124 ページ わくリス① : L16,L17,L47 毎聞き上 : L15 (㊦1, ㊦1,2) ,L16 (㊦3)	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 14 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
復習 中間テスト	2	1		-	-
文型+ことば : L15 ディクテーション 聴解タスク : L15 課末 : 1・2 / 132 ページ わくリス① : L30	3	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 15 minna, làm	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
				bài tập vận dụng	
文型+ことば : L16 ディクテーション 聴解タスク : L16 課末 : 1・2・3 / 140 ページ わくリス① : L21,41 毎聞き上 : L11 (㊦2) ,L15 (㊦2)	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 16 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
文型+ことば : L17 ディクテーション 聴解タスク : L17 課末 : 1・2 / 150 ページ わくリス① : L28,L30	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 17 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

ỨNG
 HỌC
 ỨNG

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
文型+ことば : L18 ディクテーション 聴解タスク : L18 課末 : 1・2 / 158 ページ わくリス① : L15 毎聞き上 : L11 (👂1)	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 18 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
文型+ことば : L19 ディクテーション 聴解タスク : L19 課末 : 1・2 / 166 ページ 毎聞き上 : L13 (👂)	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 19 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Tổng	26	12	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh + bài kiểm tra 15 phút

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語—初級 I—本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. スリーエーネットワーク(1998), みんなの日本語—初級 I—聴解タスク 2 5, 株式会社スリーエーネットワーク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Tuấn Kiệt

Năm sinh: 1995

Học vị: Cử nhân, HVCH

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: 097.55.77.847

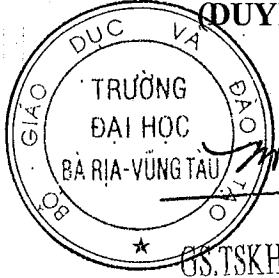
Email: trantuankiet1602@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(QUYẾT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



PGS.TSKH. Hoàng Văn Kiểm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Tuấn Kiệt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Đọc hiểu 3 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120218
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Xây dựng kỹ năng đọc hiểu văn bản, và xây dựng vốn từ vựng thuộc các chủ đề bài đọc khác nhau. Nâng cấp dần đến đọc hiểu những bài văn có nội dung đa dạng hơn.
- Kỹ năng: Có khả năng đọc, tổng hợp và, tìm kiếm thông tin cần thiết trong bài đọc.
- Thái độ: Yêu thích môn học, hiểu thêm về văn hóa Nhật Bản qua các bài đọc.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Đọc hiểu 3 hướng cho sinh viên:

- Hiểu về văn hoá Nhật Bản
- Cách đọc đoạn văn theo ngữ điệu diễn cảm.
- Cung cấp thêm lượng từ vựng liên quan đến các bài đọc trong giáo trình.
- Khả năng phân tích, tìm kiếm thông tin trong bài đọc, giải quyết vấn đề.
- Đọc những đoạn văn ngắn, đơn giản và ít Hán tự. Không đọc những đoạn văn khó hơn khả năng của mình vì như thế sẽ dễ nản và khó có động lực để tiến bộ. Phối hợp việc học từ vựng, học Kanji với việc đọc hiểu.
- Bài đọc đi kèm với những gì đã học và giúp ôn tập lại kiến thức cũ.

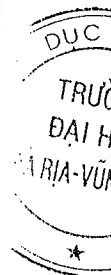
Học phần Đọc hiểu 1 được dạy trong 38 tiết (bao gồm bài tập kiểm tra và thi giữa học phần)

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

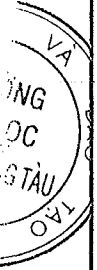
4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
総復習 ことば : L20	2	1		- Ôn tập lại những kiến thức đã học. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- SV ôn tập - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L20 標準問題集 : L20 ことば : L21	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn.	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình
				- Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L21 標準問題集 : L21 ことば : L22	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L22 標準問題集 : L22 ことば : L23	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L23 標準問題集 : L23 ことば : L24	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	
トピック 25 : L24 標準問題集 : L24	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	
復習 中間テスト ことば : L25	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập lại những kiến thức đã học. - Sửa bài tập phần luyện tập 	<ul style="list-style-type: none"> -SV ôn tập -Làm bài kiểm tra.



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L25 標準問題集 : L25 ことば : L26	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L26 標準問題集 : L26 ことば : L27	2		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc. - Cung cấp thêm kiến thức về các loại tàu điện, cách tắm Onsen ở Nhật. 	
トピック 25 : L27 標準問題集 : L27 ことば : L28	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L28 標準問題集 : L28 ことば : L29	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L29 標準問題集 : L29	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	
Tổng	24	14	0		



4.2. Học phần thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết	Mục tiêu cụ thể	Dụng cụ, thiết bị sử dụng	Định mức vật tư/SV, nhóm SV	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
Bài 1.....					
Bài 2.....					

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

Ghi chú:

- Đối với học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, điểm trung bình cộng các bài thí nghiệm, thực hành trong học kỳ làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần đó.

- Tùy theo đặc thù của học phần, có thể chọn các hình thức đánh giá dưới dạng bài tập lớn, tiểu luận, mô hình, video clip.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 牧野 昭子, 澤田 幸子, 重川 明美, 田中 よね & 1 その他 (2014), みんなの日本語 – 初級 I – 読解 25 トピック, 株式会社スリーエーネットワーク.

[2]. 牧野 昭子, 澤田 幸子, 重川 明美, 田中 よね & 1 その他 (2014), みんなの日本語 – 初級 II – 読解 25 トピック, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. スリーエーネットワーク (2013), みんなの日本語 – 初級 I – 本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

[4]. スリーエーネットワーク (2013), みんなの日本語 – 初級 II – 本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thu Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Kỹ năng dạy đọc hiểu, ngữ pháp tiếng Nhật,

Thông tin liên hệ: trangacs@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thu Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Viết 3 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120235
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chữ Hán.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để viết các bài luận, đoạn văn.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Viết 3 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để viết văn bản, thư...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như ôn tập từng vựng, học chữ Hán trình độ sơ cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để viết câu, viết các đoạn văn ngắn theo chủ đề do giảng viên yêu cầu, luyện viết chữ đúng và đẹp, học văn hóa viết của Nhật Bản...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của sinh
- 文型: L21 (~と 思います) - 漢字: Unit 21 - 宿題: Unit 21の漢字シート - 作文: はがき	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 21, mẫu câu bài 21, cách viết thiệp	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
- 小テスト (Unit 21) - 文型: L22 (Aは MDBN B (人・物・場所) です) (*~さんは どの人です) - 漢字: Unit 22 - 宿題: Unit 22の漢字シート	3	0	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 22, mẫu câu bài 22	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (Unit 22) - 文型: L23 (~とき、~) - 漢字: Unit 23 - 宿題: Unit 23の漢字シート	3	0	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 23, mẫu câu bài 23	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (Unit 23) - 文型: L24 (人は わたしに Nを くれます) - 漢字: Unit 24 - 宿題: Unit 24の漢字シート - 作文: プレゼント	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 24, mẫu câu bài 24	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (Unit 24) - 文型: L25 (~たら、~) - 漢字: Unit 25 - 宿題: Unit 25の漢字シート	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 25, mẫu câu bài 25	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (Unit 25) - 文型: L26 (~V・A・N (普通形) +んです) - 漢字: Unit 26 - 宿題: Unit 26の漢字シート	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 26, mẫu câu bài 26	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

DU
T
DA
SARIA

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của sinh
- 小テスト (Unit 26) - 文型: L27 (可能形) - 漢字: Unit 27 - 宿題: Unit 27の漢字シート	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 27, mẫu câu bài 27	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (Unit 27) - 文型: L28 (~V1 ながら、~V2) - 漢字: Unit 28 - 宿題: Unit 28の漢字シート - 作文: 旅行	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 28, mẫu câu bài 28, viết văn về du lịch	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (Unit 28) - 文型: L29 (他動詞・自動詞) - 漢字: Unit 29 漢字復習(Unit 29まで) - 宿題: Unit 29の漢字シート	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 29, mẫu câu bài 29	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (Unit 29) - 文型: L30 (~に ~がVてあります) - 漢字: Unit 30 漢字復習 (Unit 30 まで) - 宿題: Unit 30 の漢字シート	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 30, mẫu câu bài 30	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Tổng	30	8	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. 平井悦子,三輪さち子(2013),みんなの日本語－初級I－書いて覚える
文型練習帳,株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 東京国際日本語学院 (2014), みんなの日本語－初級I－漢字練習帳, 株式会社スリーエーネットワーク.

[3] 門脇 薫・西馬薫(2014), みんなの日本語－初級－やさしい作文, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Haruka Sasamura

Năm sinh:

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: haruka929travis@gmail.com

Facebook:

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Haruka Sasamura

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nói 3 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120257
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thực hành nói, giao tiếp tiếng Nhật.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nói 3 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như thực hành theo mẫu hội thoại trình độ sơ cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để xây dựng bài hội thoại của riêng mình, luyện tập hội thoại theo cặp, theo nhóm, với giảng viên bản xứ; tìm hiểu cách sử dụng mẫu câu trong từng tình huống cụ thể thông qua tranh ảnh, video do giáo viên cung cấp...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		
			Thí nghiệm, thực hành, điền đã	

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
L21 (～と 思います。 (推量) - 練習 C - 会話 - クラス活動 : L21 - シャドーイング	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 21, mẫu hội thoại giao tiếp bài 21	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
L21 (MDBN A (人・物・場所) は B です) - 練習 C - 会話 - クラス活動 : L22 - シャドーイング	3	0	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 22, mẫu hội thoại giao tiếp bài 22	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
L23 (～とき、～) - 練習 C - 会話 - クラス活動 : L23 - シャドーイング	3	0	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 23, mẫu hội thoại giao tiếp bài 23	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
L24 (人は わたしに Nを Vて形 くれま) - 練習 C - 会話 - クラス活動 : L24 - シャドーイング	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 24, mẫu hội thoại giao tiếp bài 24	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
L25 (～たら、～) - 練習 C - 会話 - クラス活動 : L25 - シャドーイング	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 25, mẫu hội thoại giao tiếp bài 25	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
L26 (～V・A・N (普通形) + んです) - 練習 C - 会話 - クラス活動 : L26 - シャドーイング	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 26, mẫu hội thoại giao tiếp bài 26	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận

三
 二
 一
 0
 1
 2
 3
 4
 5
 6
 7
 8
 9
 *

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
L27 (~V1 ながら、~V2) - 練習 C - 会話 - クラス活動 : L27 - シャドーイング	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 27, mẫu hội thoại giao tiếp bài 27	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
L28 (可能形) - 練習 C - 会話 - クラス活動 : L28 - シャドーイング	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 28, mẫu hội thoại giao tiếp bài 28	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
L29 (他動詞・自動詞) - 練習 C - 会話 - クラス活動 : L29 - シャドーイング	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 29, mẫu hội thoại giao tiếp bài 29	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
L30 (~に ~が Vてあります) - 練習 C - 会話 - クラス活動 : L30 - シャドーイング	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 30, mẫu hội thoại giao tiếp bài 30	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
Tổng	30	8	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. スリーエーネットワーク (2013), みんなの日本語－初級 I－本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

[2]. スリーエーネットワーク (2013), みんなの日本語－初級 II－本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. 杉浦千里 (著), 小野寺志津 (著), ボイクマン総子 (著) (2011), わたしのにほんご - 初級から話せるわたしの気持ち・わたしの考え, くろしお出版.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Suzuki Kaoru

Năm sinh:

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

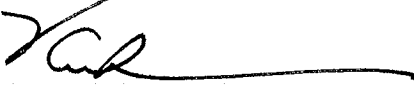
Thông tin liên hệ: suzukik1519@pj9.so-net.ne.jp


Facebook:

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 1 năm 2019



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


PGS.TS. Hoàng Văn Kiệt


Suzuki Kaoru

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: Nghe 3 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120259
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiếng Nhật.
- Kỹ năng: sinh viên vận dụng kiến thức đã học để nâng cao kỹ năng nghe hiểu.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nghe 3 và tự tin khi nghe tiếng Nhật từ CD, video, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 2 phần gồm nghe CD các bài nghe theo giáo trình chính, nghe thêm CD và làm bài tập nâng cao trình độ sơ cấp. Thông qua các bài nghe, giảng viên hướng dẫn sinh viên các kỹ năng nghe để chọn được đáp án đúng, tự tin tham gia các kỳ thi năng lực, cách nâng cao kỹ năng nghe tiếng Nhật tại nhà...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
総復習 聴解: 1. ことば : L10 – L19 minna 2. 文法: L10 – L19 minna	2	1			
文型+ことば : L20ディクテーション 聴解タスク : L20 課末 : 1・2・3 / 88ページ わくリス① : L12,L13,L14,L22 毎聞き上 : L5	3	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 20 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
文型+ことば : L21ディクテーション 聴解タスク : L21 課末 : 1・2・3 / 96ページ わくリス① : L7,L9 毎聞き上 : L2	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 21 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
文型+ことば : L22ディクテーション 聴解タスク : L22 課末 : 1・2 / 104 ページ わくリス① : L19,L20,L39 毎聞き上 : L13 (P1)	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 22 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
文型+ことば : L23ディクテーション 聴解タスク : L23 課末 : 1・2 / 116 ページ わくリス① : L26 毎聞き上 : L10 (P1, P2)	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 23 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

Đ
 T
 ĐA
 RI
 *

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
文型+ことば : L24 ディクテーション 聴解タスク : L24 課末 : 1・2・3 / 124 ページ わくリス① : L16,L17,L47 毎聞き上 : L15 (Ⓟ1,Ⓢ1,2) ,L16 (Ⓟ3)	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 24 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
復習 中間テスト	2	1			
文型+ことば : L25 ディクテーション 聴解タスク : L25 課末 : 1・2 / 132 ページ わくリス① : L30	3	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 25 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
文型+ことば : L26 ディクテーション 聴解タスク : L26 課末 : 1・2・3 / 140 ページ わくリス① : L21,41 毎聞き上 : L11 (Ⓟ2) ,L15 (Ⓟ2)	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 26 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
文型+ことば : L27 ディクテーション 聴解タスク : L27 課末 : 1・2 / 150 ページ わくリス① : L28,L30	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 27 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
文型+ことば : L28 ディクテーション 聴解タスク : L28 課末 : 1・2 / 158 ページ わくリス① : L15 毎聞き上 : L11 (Ⓟ1)	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 28 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

IC
 QUẢN LÝ HỌC TẬP

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
	2	1	0		
文型+ことば : L29ディクテーション 聴解タスク : L29 課末 : 1・2/166ページ 毎聞き上 : L13 (📍)				- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 29 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Tổng	26	12	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh + bài kiểm tra 15 phút

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語ー初級 Iー本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

[2]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語ー初級 IIー本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. スリーエーネットワーク(1998), みんなの日本語ー初級 Iー聴解タスク 2 5 , 株式会社スリーエーネットワーク.

[4]. スリーエーネットワーク(1998), みんなの日本語ー初級 IIー聴解タスク 2 5 , 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Tuấn Kiệt

Năm sinh: 1995

Học vị: Cử nhân, HVCH

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: 097.55.77.847

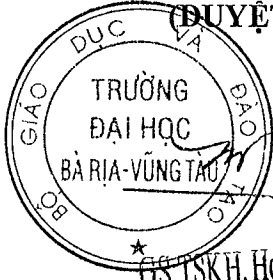
Email: trantuankiet1602@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2019

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



(Handwritten signatures)

GS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Tuấn Kiệt

ĐẠO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Ngữ Pháp 3 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120260
- Số tín chỉ:02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp sau khi học xong các mẫu câu ngữ pháp, khả năng dùng đúng ngữ pháp khi viết câu, dịch câu, đoạn văn nhằm nắm bắt và vận dụng được trong các tình huống.

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và phân tích về cách viết câu, đặt câu ở cấp độ gần cuối Sơ cấp.

- Thái độ: sinh viên yêu thích ,hứng thú, tự tin vận dụng ,tìm tòi để có thể hiểu được ý nghĩa của câu, đoạn văn nhằm nâng cao trình độ.

3. Tóm tắt nội dung học phần: Môn học gồm có các phần cơ bản như luyện tập cách chia các thể của câu,thông qua các thể đó sẽ có những mẫu câu liên quan như mệnh đề bổ nghĩa,những dự định, suy nghĩ của người nói, thể điều kiện, thể khả năng, cách liệt kê các hành động, suy nghĩ hay trạng thái tồn tại của 1 sự việc, sự vật nào đó... Thông qua những mẫu câu này sinh viên có khả năng vận dụng vào giao tiếp, áp dụng vào các môn học khác như nghe hay nói để hiểu rõ vấn đề mình muốn đề cập đến, nắm chắc kiến thức cơ bản, tạo nền tảng học lên trung cấp.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

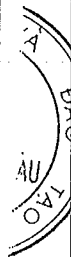


Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
復習：第9～20課	3		GV ôn tập toàn bộ ngữ pháp, từ vựng	-	-Cho VD khi GV nhắc lại cấu trúc câu
第21課： 1.私はあした雨が降ると思います。 2.私は父に留学したいと言いました。 3.疲れたでしょう。	2	1	0	- GV cho SV đọc, giảng từ vựng bài 21 -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc,dịch練習 A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 21 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 21, làm phần 問題
第22課： 1.これはミラーさんが作ったケーキです。 2.あそこにいる人はミラーさんです。 3.きのう習ったことばを忘れました。 4.買い物に行く時間がありません。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 21 -GV giảng cấu trúc câu BÀI 22,SV đọc,dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 22 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 22, làm phần 問題

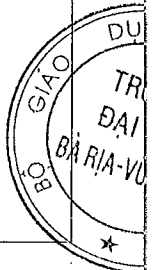
DỤC
 TR
 ĐÀ
 BÀ RIA

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第23課 : 1.図書館で本を借りるとき、カードが要ります。 2.このボタンを押すと、お釣りが出ます。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 22 -GV giảng cấu trúc câu bài 23, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 23 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 23, làm phần 問題
第24課 : 1.佐藤さんは私にチョコレートをくれました。 2.わたしは山田さんにレポートを直してもらいました。 3.私は木村さんに本を貸してあげました。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 23 -GV giảng cấu trúc câu bài 24, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 24 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 24, làm phần 問題

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第25課 : 1.雨が降ったら、出かけません。 2.雨が降っても、出かけます。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 24 -GV giảng cấu trúc câu bài 25, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 25 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 25, làm phần 問題
復習 中間テスト	2	1			
第26課 : 1.あしたから旅行なんです。 2.生花を習いたいんですが、いい先生を紹介していただけませんか。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 25 -GV giảng cấu trúc câu bài 26, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 26 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 26, làm phần 問題



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第27課： 1. わたしは日本語が少し話せます。 2. 山がはっきり見えます。 3. 駅の前に大きいスーパーができました。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 26 -GV giảng cấu trúc câu bài 27, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 27 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 27, làm phần 問題
第28課： 1. 音楽を聞きながら食事します。 2. 毎朝ジョギングをしています。 3. 地下鉄は速いし、安いし、地下鉄で行きましょう。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 27 -GV giảng cấu trúc câu bài 28, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 28 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 28, làm phần 問題



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第29課 : 1.窓がしまっています。 2.電車に傘を忘れてしまいました。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 28 -GV giảng cấu trúc câu bài 29, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 29 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 29, làm phần 問題
第30課 : 1.交番に町の地図がはってあります。 2.旅行の前に、インターネットでいろいろ調べておきます。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 29 -GV giảng cấu trúc câu bài 30, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 30 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 30, làm phần 問題
復習	2			-	-
Tổng	26	12			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語—初級I—本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

[2]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語—初級II—本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. 富岡 純子・島 恭子(2013), みんなの日本語—初級 I—標準問題集, 株式会社スリーエーネットワーク.

[4]. 富岡 純子・島 恭子(2013), みんなの日本語—初級 II—標準問題集, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thuý

Năm sinh: 1984

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Nhật .

Thông tin liên hệ: thuytran1514@gmail.com

Điện thoại liên hệ: 0907 379 345

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thuý

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: VĂN HÓA – VĂN MINH PHƯƠNG ĐÔNG
- Mã học phần: 0101121854
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của các nền văn minh phương Đông, những thành tựu vật chất và tinh thần của các nền văn minh trong lịch sử.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến các nền văn minh phương Đông.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Văn hóa - văn minh phương Đông và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải thích về các nền văn minh này...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản như sự xuất hiện của các quốc gia cổ đại phương Đông, sự phát triển của các nền văn minh, các thành tựu văn minh chủ yếu (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, ...).

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 1: Khái quát chung về các quốc gia cổ đại phương Đông	3	0	0	- Sinh viên hiểu và lí giải được về sự ra đời và quá trình hình thành nhà nước của các quốc gia cổ đại phương Đông.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 2: Văn hóa - văn minh Ai Cập	3	2	0	- Sinh viên hiểu về những đặc trưng + thành tựu cơ bản của nền văn minh Ai Cập.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 3: Văn hóa - văn minh Lương Hà	3	2	0	- Sinh viên hiểu về những đặc trưng + thành tựu cơ bản của nền văn minh Lương Hà.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 4: Văn hóa - văn minh Nhật Bản	3	2	0	- Sinh viên hiểu về những đặc trưng + thành tựu cơ bản của nền văn minh Nhật Bản.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 5: Văn hóa - văn minh Ả Rập	3	0	0	- Sinh viên hiểu về những đặc trưng + thành tựu cơ bản của nền văn minh Ả Rập.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 6: Văn hóa - văn minh Ấn Độ	2	2		- Sinh viên hiểu về những đặc trưng + thành tựu cơ bản của nền văn minh Ấn Độ.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình

DUC
TRU
ĐẠI
HIA-V
*

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 7: Văn hóa - văn minh Trung Quốc	3	2		- Sinh viên hiểu về những đặc trưng + thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Tổng	20	10	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Trắc nghiệm

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Tự luận/ Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Vũ Dương Ninh (2008), *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Đặng Đức An (Chủ biên) (2005), *Những mẫu chuyện lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bvu.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 23 tháng 11 năm 2018

TRƯỜNG
HỌC
NG TÀU

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Handwritten signature

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RI - VŨNG TÀU

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Viết 4 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120216
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chữ Hán.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để viết các bài luận, đoạn văn.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Viết 4 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để viết văn bản, thư...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như ôn tập từng vựng, học chữ Hán trình độ sơ cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để viết câu, viết các đoạn văn ngắn theo chủ đề do giảng viên yêu cầu, luyện viết chữ đúng và đẹp, học văn hóa viết của Nhật Bản...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
総復習	3	1	0	- Ôn tập	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
- 文型: L31 - 漢字: U31(園、飛、機、將、神、定、顔、受、決) - 宿題: U31 の漢字シート	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 31	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (U31) - 文型: L32 - 漢字: U32(星、雪、空、夕、濟、合、込、冷、練、勝、続、遊、最、際) - 作文: もし私が二人いたら - 宿題: U32 の漢字シート	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 32	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (U32) - 文型: L33 - 漢字: U33(席、荷、危、険、禁、触、投、吸、伝、曲、戻) - 宿題: U33 の漢字シート	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 33	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (U33) - 文型: L34 - 漢字: U34(組、齒、菓、甘、苦、磨、浴、踊、質、回、次) - 宿題: U34 の漢字シート	2	1	0	- hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 34	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (U34) - 文型: L35 - 漢字: U35(葉、橋、向、島、港、活、湯、昔、涼、結、婚、変、換、押) 漢字復習 2(ユニット 35 まで) - 作文: 趣味 - 宿題: U35 の漢字シート	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 35	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

C
TRƯỜNG
ẠI H
A-VUN
★

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	2	1	0		
"復習 中間テスト"	2	1	0	-	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 文型: L36 - 漢字 : U36 - 宿題 : U36 の漢字シート	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 36	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (U36) - 文型 : L37 - 漢字 : U37 - 宿題 : U37 の漢字シート	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 37	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (U37) - 文型 : L38 - 漢字 : U38 - 作文 : 楽しい 1 日 - 宿題 : U38 の漢字シート	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 38	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (U38) - 文型: L39 - 漢字 : U39 - 宿題 : U39 の漢字シート	2	1	0	Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 39	-
- 小テスト (U39) - 文型: L40 - 漢字 : U40 - 宿題 : U40 の漢字シート 漢字復習 3(ユニット 40 まで)	2	1	0	Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán, mẫu câu bài 40	-
Tổng	26	12	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. 平井悦子,三輪さち子(2013),みんなの日本語-初級I-書いて覚える文型練習帳,株式会社スリーエーネットワーク

[2]. 平井悦子,三輪さち子(2013),みんなの日本語-初級II-書いて覚える文型練習帳,株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] 東京国際日本語学院 (2014), みんなの日本語-初級I-漢字練習帳, 株式会社スリーエーネットワーク.

[4] 東京国際日本語学院 (2014), みんなの日本語-初級I-漢字練習帳, 株式会社スリーエーネットワーク.

[5] 門脇 薫・西馬薫(2014), みんなの日本語-初級-やさしい作文, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Haruka Sasamura

Năm sinh:

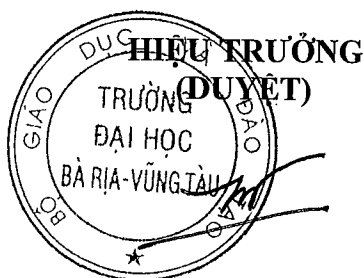
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: haruka929travis@gmail.com

Facebook:

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 23 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Haruka Sasamura

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nói 4 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120217
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thực hành nói, giao tiếp tiếng Nhật.

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp.

- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nói 4 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như thực hành theo mẫu hội thoại trình độ sơ cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để xây dựng bài hội thoại của riêng mình, luyện tập hội thoại theo cặp, theo nhóm, với giảng viên bản xứ; tìm hiểu cách sử dụng mẫu câu trong từng tình huống cụ thể thông qua tranh ảnh, video do giáo viên cung cấp...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	3	1	0		
総復習	3	1	0	- Ôn tập	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
"L31 - 練習C - 会話 - クラス活動 : L31 - シャドーイング"	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 31, mẫu hội thoại giao tiếp bài 31	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
"L32 - 練習C - 会話 - クラス活動 : L32 - シャドーイング"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 32, mẫu hội thoại giao tiếp bài 32	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"L33 - 練習C - 会話 - クラス活動 : L33 - シャドーイング"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 33, mẫu hội thoại giao tiếp bài 33	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"L34 - 練習C - 会話 - クラス活動 : L34 - シャドーイング"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 34, mẫu hội thoại giao tiếp bài 34	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"L35 - 練習C - 会話 - クラス活動 : L35 - シャドーイング"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 35, mẫu hội thoại giao tiếp bài 35	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -

UC
TRU
ĐẠI
HỌC
HÀ NỘI
★

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	2	1	0		
"復習 中間テスト"	2	1	0	-	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
" L36 - 練習C - 会話 - クラス活動 : L36 - シャドーイング"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 36, mẫu hội thoại giao tiếp bài 36	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
" L37 - 練習C - 会話 - クラス活動 : L37 - シャドーイング"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 37, mẫu hội thoại giao tiếp bài 37	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"L38 - 練習C - 会話 - クラス活動 : L38 - シャドーイング "	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 38, mẫu hội thoại giao tiếp bài 38	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"L39 - 練習C - 会話 - クラス活動 : L39 - シャドーイング"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 39, mẫu hội thoại giao tiếp bài 39	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
"L40 - 練習C - 会話 - クラス活動 : L40 - シャドーイング"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 40, mẫu hội thoại giao tiếp bài 40	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
Tổng	26	12	0		

ÔN
HỌC
NGỮ

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語-初級 I-本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

[2]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語-初級 II-本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. 杉浦千里 (著), 小野寺志津 (著), ボイクマン総子 (著) (2011), わたしのにほんご - 初級から話せるわたしの気持ち・わたしの考え, くろしお出版.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Suzuki Kaoru

Năm sinh:

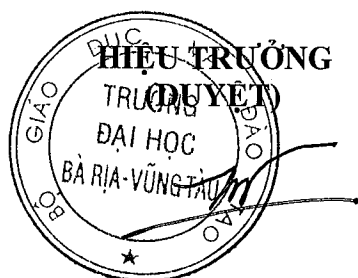
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: suzukik1519@pj9.so-net.ne.jp

Facebook:

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Suzuki Kaoru



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nghe 4
- Mã học phần: 0101120254
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiếng Nhật.
- Kỹ năng: sinh viên vận dụng kiến thức đã học để nâng cao kỹ năng nghe hiểu.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nghe 4 và tự tin khi nghe tiếng Nhật từ CD, video, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 2 phần gồm nghe CD các bài nghe theo giáo trình chính, nghe thêm CD và làm bài tập nâng cao trình độ sơ cấp. Thông qua các bài nghe, giảng viên hướng dẫn sinh viên các kỹ năng nghe để chọn được đáp án đúng, tự tin tham gia các kỳ thi năng lực, cách nâng cao kỹ năng nghe tiếng Nhật tại nhà...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền đã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
復讐	2	1			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
"– 言葉の小テスト (L31) – L31 の言葉の漢字 – トピック 25 : 本文 31 – N4 の読解"	3	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 31 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
" – 言葉の小テスト (L32) – L32 の言葉の漢字 – トピック 25 : 本文 32 – N4 の読解"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 32 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"– 言葉の小テスト (L33) – L33 の言葉の漢字 – トピック 25 : 本文 33 – N4 の読解"	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 33 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"– 言葉の小テスト (L34) – L34 の言葉の漢字 – トピック 25 : 本文 34 – N4 の読解"	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 34 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
" – 言葉の小テスト (L35) – L35 の言葉の漢字 – トピック 25 : 本文 35 – N4 の読解"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 35 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

DU
TR
DA
RIA

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
	2	1			
復習 中間テスト	2	1		-	-
"-L36の言葉の漢字 -トピック 25 : 本文 36 -N4の読解"	3	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 36 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
文型+ことば : L16ディクテーション "-言葉の小テスト (L36) -L37の言葉の漢字 -トピック 25 : 本文 37 -N4の読解"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 37 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
				bài tập vận dụng	
"-言葉の小テスト (L37) -L38の言葉の漢字 -トピック25 : 本文38 -N4の読解"	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 38 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"-言葉の小テスト (L38) -L39の言葉の漢字 -トピック25 : 本文39 -N4の読解"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 39 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

ƯỚP
HỌ
TÊN

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
	2	1	0		
"- 言葉の小テスト (L39) - L40の言葉の漢字 - トピック25 : 本文40 - N4の読解"				- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 40 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Tổng	26	12	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh + bài kiểm tra 15 phút

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語-初級I-本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

[2]. スリーエーネットワーク(2013), みんなの日本語-初級II-本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. スリーエーネットワーク(1998), みんなの日本語-初級I-聴解タスク25, 株式会社スリーエーネットワーク.

[4]. スリーエーネットワーク(1998), みんなの日本語-初級II-聴解タスク25, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Tuấn Kiệt

Năm sinh: 1995

Học vị: Cử nhân, HVCH

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: 097.55.77.847

Email: trantuankiet1602@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Handwritten signature of Hoàng Văn Việt

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Handwritten signature of Trần Tuấn Kiệt

Trần Tuấn Kiệt

ĐÀO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: Đọc hiểu 4 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120255
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Xây dựng kỹ năng đọc hiểu văn bản, và xây dựng vốn từ vựng thuộc các chủ đề bài đọc khác nhau. Nâng cấp dần đến đọc hiểu những bài văn có nội dung đa dạng hơn.
- Kỹ năng: Có khả năng đọc, tổng hợp và, tìm kiếm thông tin cần thiết trong bài đọc.
- Thái độ: Yêu thích môn học, hiểu thêm về văn hóa Nhật Bản qua các bài đọc.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Đọc hiểu 4 hướng cho sinh viên:

- Hiểu về văn hoá Nhật Bản
- Cách đọc đoạn văn theo ngữ điệu diễn cảm.
- Cung cấp thêm lượng từ vựng liên quan đến các bài đọc trong giáo trình.
- Khả năng phân tích, tìm kiếm thông tin trong bài đọc, giải quyết vấn đề.
- Trau dồi vốn từ vựng, kanji, củng cố được ngữ pháp và hiểu được cách sử dụng tiếng Nhật.
- Đọc hiểu sẽ giúp thấm tiếng Nhật dần, từ đó kỹ năng viết hay nói cũng dần được cải thiện theo.
- Đọc hiểu sẽ giúp đẩy nhanh quá trình “thành thạo” tiếng Nhật hơn của mình.

Học phần Đọc hiểu 1 được dạy trong 38 tiết (bao gồm bài tập kiểm tra và thi giữa học phần)

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền đã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
総復習 ことば : L30	2	1		- Ôn tập lại những kiến thức đã học. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- SV ôn tập - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L30 標準問題集 : L30 ことば : L31	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L31 標準問題集 : L31 ことば : L32	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.

TRƯỜNG
ẠI HỌC
A-VŨNG

★

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L32 標準問題集 : L32 ことば : L33	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L33 標準問題集 : L33 ことば : L34	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	
トピック 25 : L34 標準問題集 : L34	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
復習 中間テスト ことば : L35	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập lại những kiến thức đã học. - Sửa bài tập phần luyện tập 	<ul style="list-style-type: none"> -SV ôn tập -Làm bài kiểm tra.



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L35 標準問題集 : L35 ことば : L36	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L36 標準問題集 : L36 ことば : L37	2		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc. - Cung cấp thêm kiến thức về các loại tàu điện, cách tắm Onsen ở Nhật. 	
トピック 25 : L37 標準問題集 : L37 ことば : L38	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L38 標準問題集 : L38 ことば : L39	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L39 標準問題集 : L39	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
				- Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	
Tổng	24	14	0		

4.2. Học phân thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết	Mục tiêu cụ thể	Dụng cụ, thiết bị sử dụng	Định mức vật tư/SV, nhóm SV	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
Bài 1.....					
Bài 2.....					

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

Ghi chú:

- Đối với học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, điểm trung bình cộng các bài thí nghiệm, thực hành trong học kỳ làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần đó.

- Tùy theo đặc thù của học phần, có thể chọn các hình thức đánh giá dưới dạng bài tập lớn, tiểu luận, mô hình, video clip.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 牧野 昭子, 澤田 幸子, 重川 明美, 田中 よね & 1 その他 (2014), みんなの日本語—初級 I—読解 25 トピック, 株式会社スリーエーネットワーク.

[2]. 牧野 昭子, 澤田 幸子, 重川 明美, 田中 よね & 1 その他 (2014), みんなの日本語—初級 II—読解 25 トピック, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. スリーエーネットワーク (2013), みんなの日本語—初級 I—本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

[4]. スリーエーネットワーク (2013), みんなの日本語—初級 II—本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thu Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Kỹ năng dạy đọc hiểu, ngữ pháp tiếng Nhật,

Thông tin liên hệ: trangacsd@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thu Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Ngữ Pháp 4 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120256
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp sau khi học xong các mẫu câu ngữ pháp, khả năng dùng đúng ngữ pháp khi viết câu, dịch câu, đoạn văn nhằm nắm bắt và vận dụng được trong các tình huống.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và phân tích về cách viết câu, đặt câu ở cấp độ gần cuối Sơ cấp.
- Thái độ: sinh viên yêu thích, hứng thú, tự tin vận dụng, tìm tòi để có thể hiểu được ý nghĩa của câu, đoạn văn nhằm nâng cao trình độ.

3. Tóm tắt nội dung học phần: Môn học gồm có các phần cơ bản như luyện tập viết từng mẫu câu, tóm lược lại các mẫu câu đã học, ôn tập viết từ vựng..., Làm quen cách sử dụng những mẫu câu khó hơn diễn tả trạng thái thay đổi, mẫu câu bị động, hướng dẫn sinh viên cách sử dụng các mẫu câu sao cho câu văn được mềm dẻo, những mẫu câu sử dụng đến mục đích, nghe nói, diễn tả lý do hay cảm xúc của con người... Đây là những mẫu câu giúp sinh viên tiến gần hơn đến việc giao tiếp gần gũi với cuộc sống, hoạt động của con người. Thông qua những mẫu câu này các bạn sinh viên có thể hiểu nhanh văn cảnh đưa vào từng trường hợp cụ thể nắm nội dung.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
復習：第26～35課	3		GV ôn tập toàn bộ ngữ pháp, từ vựng	-	-Cho VD khi GV nhắc lại cấu trúc câu
第36課： 1.早く泳げるように、毎日練習しています。 2.やっと自転車に乗れるようになりました。 3.毎日日記を書くようにしています。	2	1	0	- GV cho SV đọc, giảng từ vựng bài 36 -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch練習 A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 36 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 36, làm phần 問題
第37課： 1.子どもの時、よく母に叱られました。 2.ラッシュの電車で足を踏まれました。 3.法隆寺は 607年建てられました。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 36 -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch練習 A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 37 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 37, làm phần 問題

UC
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 HÀ NỘI
 ★

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第38課 : 1.絵を書くのは楽しいです。 2.わたしは星を見るのが好きです。 3.財布を持ってくるのを忘れました。 4.わたしが日本へ来たのは去年の 3月です。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 37 -GV giảng câu trúc câu, SV đọc, dịch 練習 A, làm 練習 B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 38 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 38, làm phần 問題
第39課 : 1.ニュースを聞いて、びっくりしました。 2.地震でビルが 倒れました。 3.体の調子が悪いので、病気へ行きます。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 38 -GV giảng câu trúc câu, SV đọc, dịch 練習 A, làm 練習 B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 39 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 39, làm phần 問題
第40課 : 1.JL 107 便は何時に到着するか、調べてください。 2.台風 9 号は 東京へ来るか、まだ分かりません。 3.この服を着てみてもいいですか。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 39 -GV giảng câu trúc câu, SV đọc, dịch 練習 A, làm 練習 B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 40 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 40, làm phần 問題



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
復習 中間テスト	2 1				
第41課： 1.わたしは ワット先生に本をいただきます。 2.わたしは先生に漢字の間違いを直していただきました。 3.部長の奥さんがお茶を教えてくださいました。 4.わたしは息子に紙飛行機を作ってやりました。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 40 -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch 練習 A, làm 練習 B.	- Soạn từ vựng mới bài 41 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 41, làm phần 問題
				-Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	
第42課： 1.将来自分の店を持つために、貯金しています 2.この靴は山を歩くのにいいです。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 41 -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, dịch 練習 A, làm 練習 B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 42 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 42, làm phần 問題

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第43課： 1.いまにも雨が降りそうです。 2.ちょっと切符を買ってきます。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 42 -GV giảng câu trúc câu, SV đọc, dịch 練習 A, làm 練習 B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 43 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 43, làm phần 問題
第44課： 1.ゆうべお酒を飲みすぎました。 2.このパソコンは使いやすいです。 3.ズボンを短くしてください。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 43 -GV giảng câu trúc câu, SV đọc, dịch 練習 A, làm 練習 B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 44 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 44, làm phần 問題
第45課： 1.カードをなくした場合は すぐカード会社に連絡してください。 2.約束をしたのに、彼女は来ませんでした。	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 44 -GV giảng câu trúc câu, SV đọc, dịch 練習 A, làm 練習 B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 45 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 45, làm phần 問題



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
復習	2			-	-
Tổng	26	12			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. スリーエーネットワーク (2013), みんなの日本語ー初級Iー本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

[2]. スリーエーネットワーク (2013), みんなの日本語ー初級IIー本冊, 株式会社スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. 富岡 純子・島 恭子(2013), みんなの日本語ー初級 Iー標準問題集, 株式会社スリーエーネットワーク.

[4]. 富岡 純子・島 恭子(2013), みんなの日本語ー初級 IIー標準問題集, 株式会社スリーエーネットワーク.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thuý

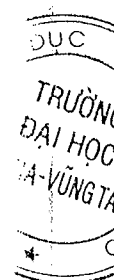
Năm sinh: 1984

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Nhật .

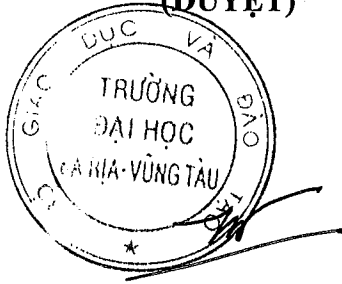
Thông tin liên hệ: thuytran1514@gmail.com

Điện thoại liên hệ: 0907 379 345



Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thuý



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: QUAN HỆ QUỐC TẾ Ở PHƯƠNG ĐÔNG
- Mã học phần: 0101120971
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên kiến thức về chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế ở phương Đông nhằm mở rộng hiểu biết về mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc trong khu vực.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quan hệ quốc tế.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Quan hệ quốc tế ở phương Đông và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải thích về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quan hệ quốc tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm những nội dung cơ bản như chính sách đối ngoại của các nước ở phương Đông, quan hệ giữa các nước qua các thời kỳ lịch sử, khuynh hướng quan hệ đối ngoại hiện nay...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương I: Quan hệ quốc tế ở Đông Bắc Á I.Sơ lược về tình hình chính trị ở khu vực Đông Bắc Á II.Lịch sử quan hệ giữa Trung Quốc và Nhật Bản III.Lịch sử quan hệ giữa Trung Quốc và Triều Tiên IV.Lịch sử quan hệ giữa Nhật Bản và Triều Tiên	9	3	0	- Sinh viên hiểu và giải thích được bản chất và các hiện tượng thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Bắc Á, đặc biệt là quan hệ giữa Trung Quốc – Triều Tiên – Nhật Bản	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Chương II: Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á I.Sơ lược về tình hình chính trị ở khu vực Đông Nam Á II.Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á thời cổ đại III.Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á thời trung đại IV.Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á thời cận đại V.Quan hệ quốc tế ở Đông Nam Á thời hiện đại	9	3	0	- Sinh viên hiểu và giải thích được bản chất và các hiện tượng thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế ở khu vực Đông Nam Á.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Chương III: Các vấn đề trong quan hệ quốc tế phương Đông	3	3	0	- Sinh viên hiểu và giải thích được bản chất của các vấn đề được học	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Tổng	21	9	0		

C
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HÀ NỘI
★

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và thuyết trình

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Trắc nghiệm

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Tự luận/ Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (2006), Lịch sử quan hệ quốc tế, Tập 1, NXB Giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Quốc Hùng, Hoàng Khắc Nam (2006), Quan hệ quốc tế những khía cạnh lý thuyết và vấn đề, NXB Chính trị quốc gia.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bvu.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 17 tháng 11 năm 2018



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: ĐỊA LÍ VÀ DÂN CƯ NHẬT BẢN
- Mã học phần: 0101120010
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

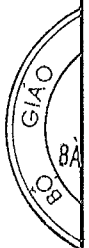
- Kiến thức: trang bị cho sinh viên kiến thức về các mặt tự nhiên và xã hội ở Nhật Bản, đồng thời phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên và sự phát triển văn hóa xã hội của dân tộc Nhật Bản
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến địa lí và dân cư Nhật Bản.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Địa lí và dân cư Nhật Bản và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải thích về các vấn đề liên quan ...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Địa lí và dân cư Nhật Bản được chia làm 2 chương với các nội dung chính: địa lí tự nhiên Nhật Bản (địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, ...) và địa lí dân cư Nhật Bản (thành phần dân cư, phân bố dân cư, ...).

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương I: Địa lí tự nhiên Nhật Bản I. Vị trí địa lí II. Địa hình III. Khí hậu IV. Sông ngòi V. Tài nguyên thiên nhiên VI. Bảo vệ môi trường VII. Các khu vực chính	12	3	0	- Sinh viên hiểu về đặc điểm tự nhiên của Nhật và có thể sử dụng kiến thức về vấn đề này để giải thích các hiện tượng/vấn đề có liên quan.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Chương II: Địa lí dân cư Nhật Bản I. Nhân chủng và ngôn ngữ II. Dân số và sự phân bố dân số III. Nguồn nhân lực IV. Các vấn đề liên quan	12	3	0	- Sinh viên hiểu về đặc điểm dân cư của Nhật và có thể sử dụng kiến thức về vấn đề này để giải thích các hiện tượng/vấn đề có liên quan.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Tổng	24	6	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và thuyết trình

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Trắc nghiệm

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Tự luận/ Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

ĐUC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HÀ NỘI
HÀ NỘI-VĨNH
★

[1] Teikoku Shoin (2009), *Discovering JAPAN_A New Regional Geography*, Tankobon Hardcover

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Peter J Woolley (2005), *Geography and Japan's Strategic Choices: From Seclusion to Internationalization*, Paperback

[3] Nicholas Bornoff (2008), *National Geographic Traveler: Japan (3rd Edition)*, Paperback

[4] Pradyumna Karan (2010), *Japan in the 21st Century: Environment, Economy, and Society*, University Press of Kentucky

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bv.u.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018.



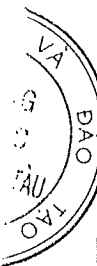
GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nói 5 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120215
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thực hành nói, giao tiếp tiếng Nhật.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nói 5 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như thực hành theo mẫu hội thoại trình độ sơ cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để xây dựng bài hội thoại của riêng mình, luyện tập hội thoại theo cặp, theo nhóm, với giảng viên bản xứ; tìm hiểu cách sử dụng mẫu câu trong từng tình huống cụ thể thông qua tranh ảnh, video do giáo viên cung cấp...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		
			Thí nghiệm, thực hành, điền đã	

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
-L46 1. ~ところです。 2. ~ばかりです。 3. ~はずです。 -練習 C -会話 -クラス活動 : L46 -シャドーイング	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 21, mẫu hội thoại giao tiếp bài 21	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
-L47 1. ~そうです。 2. ~ようです。 -練習 C -会話 -クラス活動 : L47 -シャドーイング	3	0	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 22, mẫu hội thoại giao tiếp bài 22	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
-L48 1. ~を~(さ) せます。 2. ~に~を~(さ) せます。 3. ~(さ) せていただけませんか。 -練習 C -会話 -クラス活動 : L48 -シャドーイング	3	0	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 23, mẫu hội thoại giao tiếp bài 23	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
-L49 1. ~(ら) れます。 2. お~になります。 3. 特別な尊敬語 4. お~ください。 -練習 C -会話 -クラス活動 : L49 -シャドーイング	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 24, mẫu hội thoại giao tiếp bài 24	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
L50 1. お／ご～します 2. 特別な謙讓語 3. 丁寧語 - 練習 C - 会話 - クラス活動 : L50 - シャドーイング	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 25, mẫu hội thoại giao tiếp bài 25	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
第1課：日本人の家を訪問する 生中継：ロールプレイ：15ページ 1. N1 といえば、N2 だ 2. も 3. Nは～こと、～ことだ 4. Vマス始める・Vマス終わる	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 26, mẫu hội thoại giao tiếp bài 26	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
第2課：出張の報告をする 生中継：ロールプレイ：23ページ 1. ～のでしょうか 2. 「自動詞・他動詞」の整理 3. V(よ)うとしても、Vない 4. ～のは～だ 5. 「自動詞～ている・他動詞～てある／ておく」の整理	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 27, mẫu hội thoại giao tiếp bài 27	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
第3課：寄り道の提案をする 1. V [普通形] ような N 2. Nばかり・Vてばかりいる 3. Nを欲しがる・V マスたがる・V マスたがらない 4. ついV てしまう 5. ～(の)は～からだ 6. Nのようだ・Nのように～(V/A/Na)・N1のようなN2	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 28, mẫu hội thoại giao tiếp bài 28	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
第4課：店で注文する 生中継：ロールプレイ 31 ページ 1. V ていく・V てきた 2. [表/グラフ] で見ると、～ことがわかる 3. N1 のような N2 4. XはYほど～ない 5. 「比較」の整理	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 29, mẫu hội thoại giao tiếp bài 29	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
第5課：郵便局で荷物を送る 生中継：ロールプレイ 39 ページ 1. A/Na さ 2. 連用中止 3. ～ものだ 4. 「もの・こと」の整理 5. ～ということだ 6. 長い文の練習	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 30, mẫu hội thoại giao tiếp bài 30	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
Tổng	30	8	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. スリーエーネットワーク (2013), みんなの日本語－初級Ⅱ－本冊, 株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Jリサーチ出版編集部 (2010), ゼロからスタートにほんご会話 初級マスター, ジェイ・リサーチ出版

[3]. 杉浦千里 (著), 小野寺志津 (著), ボイクマン総子 (著) (2011), わたしのにほんご - 初級から話せるわたしの気持ち・わたしの考え, くろしお出版

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Suzuki Kaoru

Năm sinh:

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: suzukik1519@pj9.so-net.ne.jp

Facebook:

VA
NG
OC
NGTÀU

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

[Handwritten signature] Suzuki

Suzuki Kaoru

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

ĐÀO TẠO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Viết 5 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120248
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chữ Hán.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để viết các bài luận, đoạn văn.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Viết 5 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để viết văn bản, thư, thiệp,...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như ôn tập từng vựng, học chữ Hán trình độ sơ cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để viết câu, viết các đoạn văn ngắn theo chủ đề do giảng viên yêu cầu, luyện viết chữ đúng và đẹp, học văn hóa viết của Nhật Bản...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền đã		
	LT	BT			



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
- 文型: L46 1. ~ところです。 2. ~ばかりです。 3. ~はずです。 - 漢字: U46 - 宿題: U46 の漢字シート	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 46, mẫu câu bài 46,	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
- 小テスト (U46) - 文型: L47 1. ~そうです。 2. ~ようです。 - 漢字: U47 - 作文: 隣の人にひとこと - 宿題: U47 の漢字シート	3	0	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 47, mẫu câu bài 47	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (U47) - 文型: L48 1. ~を~(さ) せます。	3	0	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 48, mẫu câu bài 48	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài
2. ~に~を~(さ) せます。 3. ~ (さ) せていただけませんか。 - 漢字: U48 - 宿題: U48 の漢字シート					- Làm bài tập
- 小テスト (U48) - 文型: L49 1. ~ (ら) れます。 2. お~になります。 3. 特別な尊敬語 4. お~ください。 - 漢字: U49 - 宿題: U49 の漢字シート	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 49, mẫu câu bài 49	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
- 小テスト (U49) - 文型: L50 1. お/ご~します 2. 特別な謙讓語 3. 丁寧語 - 漢字: U50 - 作文: 手紙 - 宿題: U50 の漢字シート 漢字復習 4(ユニット 50 まで)	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 50, mẫu câu bài 50	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

ĐỨC
 TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC
 GIA-VŨNG
 *

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
タイトル：ファストフード 学習項目：単作文 1. 3 (テーマ：代表的な・伝統的な・もっと知られているもの/人/場所/祭り) 単作文 2. 3 (テーマ：お金の使い方) 作文：テーマ：ファストフード 漢字：144-145 ページ 漢字・語彙が弱いあなたへ：15、16、17 課	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài, mẫu câu, cách viết văn bản theo từng chủ đề	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
タイトル：地震 学習項目：単作文 1. 2 (テーマ：にほんについて不思議だと思ふこと)	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài, mẫu câu, cách viết văn bản theo từng chủ đề	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
単作文 4. 3 (テーマ：日本の生活) 作文：テーマ：地震 漢字：147-148 ページ 漢字・語彙が弱いあなたへ：19、23 課					



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
<p>タイトル：最近のこども 学習項目：単作文 3. 2 (テーマ：人について お金がほしい 自由がほ しい 遊ぶ 有名にな る 自由になる 働く 旅行をする) 単作文 4. 2 (テーマ：つい やってし まうこと) 単作文 5. 2 (テーマ：住んでいるとこ ろ/通っている学校/使っ ているスマホ/着ている 服)</p>	3	1	0	<p>- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài, mẫu câu, cách viết văn bản theo từng chủ đề</p>	<p>- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập</p>
<p>単作文 6. 4 (テーマ： N のようだ・N のように～・N1 のような N2 の応用) 作文：テーマ：最近の (例：若い人) 漢字：150-151 ペー ジ 漢字・語彙が弱いあなた へ：32 課</p>					
<p>タイトル：日本のイメージ 学習項目：単作文 4. 2 (テーマ：子供のときと 今) 作文：テーマ：わたしの国 漢字：153-154 ペー ジ 漢字・語彙が弱いあなた へ：22、29 課</p>	3	1	0	<p>- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài, mẫu câu, cách viết văn bản theo từng chủ đề</p>	<p>- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập</p>



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	3	1	0		
タイトル：睡眠 学習項目：単作文 2. 2 (テーマ：自動販売機の使い方/料理の作り方/ATMの使い方) 単作文 5. 2 (テーマ：ベトナムの習慣や、してはいけないこと) 作文：テーマ：友達に睡眠について書きましょう。 漢字：156-157 ページ 漢字・語彙が弱いあなたへ：26 課 ペアで覚えるいろいろなことば：タイ・カレーの作り方/85 ページ				- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài, mẫu câu, cách viết văn bản theo từng chủ đề	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Tổng	30	8	0		

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. 平井悦子, 三輪さち子(2013), みんなの日本語-初級II-書いて覚える文型練習帳, 株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 東京国際日本語学院 (2014), みんなの日本語-初級II-漢字練習帳, 株式会社スリーエーネットワーク.

[3] 門脇 薫・西馬薫(2014), みんなの日本語-初級-やさしい作文, 株式会社スリーエーネットワーク.

VA
 ỜNG
 HOC
 ỜNG TÀU
 O

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Haruka Sasamura

Năm sinh:

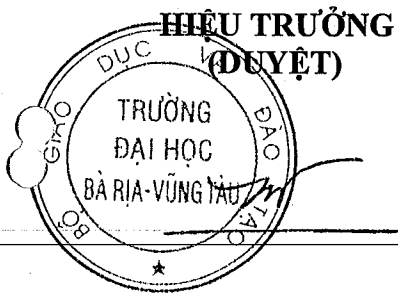
Học vị:

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ:

Facebook:

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

竹村

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiệt

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Haruka Sasamura

8



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Đọc hiểu 5 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120249
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Xây dựng kỹ năng đọc hiểu văn bản, và xây dựng vốn từ vựng thuộc các chủ đề bài đọc khác nhau. Nâng cấp dần đến đọc hiểu những bài văn có nội dung đa dạng hơn.
- Kỹ năng: Có khả năng đọc, tổng hợp và, tìm kiếm thông tin cần thiết trong bài đọc.
- Thái độ: Yêu thích môn học, hiểu thêm về văn hóa Nhật Bản qua các bài đọc.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Đọc hiểu 5 hướng cho sinh viên:

- Hiểu về văn hoá Nhật Bản
- Cách đọc đoạn văn theo ngữ điệu diễn cảm.
- Cung cấp thêm lượng từ vựng liên quan đến các bài đọc trong giáo trình.
- Khả năng phân tích, tìm kiếm thông tin trong bài đọc, giải quyết vấn đề.
- Trau dồi vốn từ vựng, kanji, củng cố được ngữ pháp và hiểu được cách sử dụng tiếng Nhật.
- Đọc hiểu sẽ giúp thấm tiếng Nhật dần, từ đó kỹ năng viết hay nói cũng dần được cải thiện theo.
- Đọc hiểu sẽ giúp đẩy nhanh quá trình “thành thạo” tiếng Nhật hơn của mình.

Học phần Đọc hiểu 1 được dạy trong 38 tiết (bao gồm bài tập kiểm tra và thi giữa học phần)

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
総復習 ことば : L40	2	1		- Ôn tập lại những kiến thức đã học. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- SV ôn tập - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L40 標準問題集 : L40 ことば : L41	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn.	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình
				- Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L41 標準問題集 : L41 ことば : L42	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.

DUC
TRU
DAI
RIA-V
*

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L42 標準問題集 : L42 ことば : L43	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L43 標準問題集 : L43 ことば : L44	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	
トピック 25 : L44 標準問題集 : L44	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
復習 中間テスト ことば : L45	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập lại những kiến thức đã học. - Sửa bài tập phân luyện tập 	<ul style="list-style-type: none"> -SV ôn tập -Làm bài kiểm tra.

ĐỒNG
 HỌC
 NG TÀI

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L45 標準問題集 : L45 ことば : L46	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L46 標準問題集 : L46 ことば : L47	2			<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
				<ul style="list-style-type: none"> kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc. - Cung cấp thêm kiến thức về các loại tàu điện, cách tắm Onsen ở Nhật. 	
トピック 25 : L47 標準問題集 : L47 ことば : L48	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
トピック 25 : L48 標準問題集 : L48 ことば : L49	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
トピック 25 : L49 標準問題集 : L49	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	
トピック 25 : L50 標準問題集 : L50	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
Tổng	24	14	0		



4.2. Học phần thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết	Mục tiêu cụ thể	Dụng cụ, thiết bị sử	Định mức vật tư/SV,	Nhiệm vụ cụ thể của sinh
-------------------	---------	-----------------	----------------------	---------------------	--------------------------

			dụng	nhóm SV	viên
Bài 1.....					
Bài 2.....					

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

Ghi chú:

- Đối với học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, điểm trung bình cộng các bài thí nghiệm, thực hành trong học kỳ làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần đó.

- Tùy theo đặc thù của học phần, có thể chọn các hình thức đánh giá dưới dạng bài tập lớn, tiểu luận, mô hình, video clip.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 牧野 昭子, 澤田 幸子, 重川 明美, 田中 よね & 1 その他 (2014), みんなの日本語 一初級Ⅱ - 読解 25 トピック, 株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 平井悦子、三輪さち子(2007), 中級を学ぼう, 株式会社スリーエーネットワーク

[3]. 日本語教育研究所 (著, 編集), 吉良ゆう子 (イラスト), 武田彩 (イラスト)(2011), 読解をはじめのあなたへ第3版 (初級から中級への橋渡しシリーズ4), 凡人社

[4]. できる日本語教材開発プロジェクト (2012), できる日本語 初中級 本冊, アルク

7. Thông tin về giảng viên

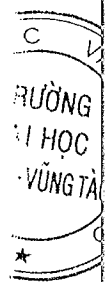
Họ và tên: Trần Thị Thu Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

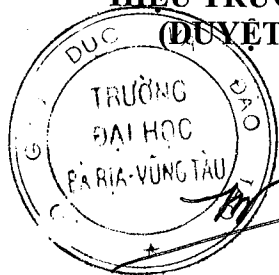
Hướng nghiên cứu chính: Kỹ năng dạy đọc hiểu, ngữ pháp tiếng Nhật,

Thông tin liên hệ: trangacsd@gmail.com



Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(QUYẾT)



GS.TS Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

[Handwritten signature] *[Handwritten signature]*

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thu Trang



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nghe 5 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120250
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiếng Nhật.
- Kỹ năng: sinh viên vận dụng kiến thức đã học để nâng cao kỹ năng nghe hiểu.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nghe 5 và tự tin khi nghe tiếng Nhật từ CD, video, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 2 phần gồm nghe CD các bài nghe theo giáo trình chính, nghe thêm CD và làm bài tập nâng cao trình độ sơ cấp. Thông qua các bài nghe, giảng viên hướng dẫn sinh viên các kỹ năng nghe để chọn được đáp án đúng, tự tin tham gia các kỳ thi năng lực, cách nâng cao kỹ năng nghe tiếng Nhật tại nhà...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
復讐	2	1			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
"– 言葉の小テスト (L40) – L40 の言葉の漢字 – トピック 25 : 本文 40 – N4 の読解"	3	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 40 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
"– 言葉の小テスト (L41) – L41 の言葉の漢字 – トピック 25 : 本文 41 – N4 の読解"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 41 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"– 言葉の小テスト (L42) – L42 の言葉の漢字 – トピック 25 : 本文 42 – N4 の読解"	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 42 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"– 言葉の小テスト (L43) – L43 の言葉の漢字 – トピック 25 : 本文 43 – N4 の読解"	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 43 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"– 言葉の小テスト (L44) – L44 の言葉の漢字 – トピック 25 : 本文 44 – N4 の読解"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 44 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
復習 中間テスト	2	1		-	-
"-L45の言葉の漢字 -トピック25:本文45 -N4の読解"	3	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 45 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
文型+ことば:L45ディクテーション "-言葉の小テスト(L45) -L45の言葉の漢字 -トピック25:本文45 -N4の読解"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 45 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"-言葉の小テスト(L46) -L46の言葉の漢字 -トピック25:本文46 -N4の読解"	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 46 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"-言葉の小テスト(L47) -L47の言葉の漢字 -トピック25:本文47 -N4の読解"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 47 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

IC
RUC
VIH
VUN
*

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
	2	1	0		
"一言葉の小テスト (L48) - L48の言葉の漢字 - トピック25 : 本文48 - N4の読解"				- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 48 minna, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Tổng	26	12	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh + bài kiểm tra 15 phút

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. 平井悦子、三輪さち子(2007), 中級を学ぼう, 株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. 日本語教育研究所 (著, 編集), 吉良ゆう子 (イラスト), 武田彩 (イラスト)(2011), 読解をはじめるあなたへ第3版 (初級から中級への橋渡しシリーズ4), 凡人社

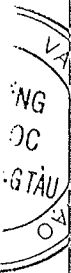
[3]. できる日本語教材開発プロジェクト (2012), できる日本語 初中級 本冊, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Tuấn Kiệt

Năm sinh: 1995

Học vị: Cử nhân, HVCH



Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: 097.55.77.847

Email: trantuankiet1602@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Tuấn Kiệt

ĐÀO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Ngữ Pháp 5 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120616
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp sau khi học xong các mẫu câu ngữ pháp, khả năng dùng đúng ngữ pháp khi viết câu, dịch câu, đoạn văn nhằm nắm bắt và vận dụng được trong các tình huống.

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và phân tích về cách viết câu, đặt câu ở cấp độ gần cuối Sơ cấp.

- Thái độ: sinh viên yêu thích ,hứng thú, tự tin vận dụng ,tìm tòi để có thể hiểu được ý nghĩa của câu, đoạn văn nhằm nâng cao trình độ.

3. Tóm tắt nội dung học phần: Môn học gồm có các phần cơ bản như luyện tập viết từng mẫu câu ,tóm lược lại các mẫu câu đã học, ôn tập viết từ vựng...,Những mẫu câu sẽ được học trong học phần này như chỉ lý do, mục đích, nghe nói, diễn tả suy đoán, suy nghĩ của người nói, mẫu câu cho nhận 1 hành động từ 1 người nào đó, mẫu câu chỉ thời điểm sử dụng hành động, đặc biệt học phần này sinh viên sẽ nắm vững kiến thức sử dụng kính ngữ, khiêm nhường ngữ để áp dụng các câu nói sử dụng trong các trường hợp như giao tiếp trong công ty, trong trường học cho đúng đối tượng, tạo ấn tượng cho người nghe. Nắm được cách dùng cơ bản, để câu nói được dùng đúng văn cảnh

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

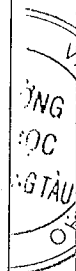
4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên				
	Lên lớp								
	LT	BT							
総復習	3		GV ôn tập toàn bộ ngữ pháp, từ vựng	-	-Cho VD khi GV nhắc lại cấu trúc câu				
第41課 1. <table style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr><td rowspan="3" style="font-size: 2em; vertical-align: middle;">}</td><td>いただきます</td></tr> <tr><td>くださいます</td></tr> <tr><td>やります</td></tr> </table> ~を	}	いただきます	くださいます	やります	2	1	0	- GV cho SV đọc, giảng từ vựng bài 41 -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc,dịch練習A, làm 練習B.	- Soạn từ vựng mới bài 41 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 41, làm phần 問題
}		いただきます							
		くださいます							
	やります								
2. <table style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr><td rowspan="3" style="font-size: 2em; vertical-align: middle;">}</td><td>いただきます</td></tr> <tr><td>くださいます</td></tr> <tr><td>やります</td></tr> </table> ~て 3. ~てくださいませんか	}	いただきます	くださいます	やります				-Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	
}		いただきます							
		くださいます							
	やります								
第42課： 1. ~ために、~ 2. ~(の)に、~ 3. 〈数量詞〉は/も	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 41 -GV giảng cấu trúc câu BÀI 42,SV đọc,dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 42 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 42, làm phần 問題				

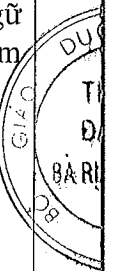
DUC
 TRU
 ĐAI
 HIA-VU
 *

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第43課： 1. ～そうです 2. ～て来ます	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 42 -GV giảng cấu trúc câu bài 43, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 43 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 43, làm phần 問題
第44課： 1. ～すぎます 2. ～やすい／～にくいです 3. ～く／～にします 4. ～く／～に～	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 43 -GV giảng cấu trúc câu bài 44, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 44 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 44, làm phần 問題



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第45課： 1. ～場合は、～ 2. ～のに、～	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 44 -GVgiảng cấu trúc câu bài 45,SV đọc,dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 45 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 45, làm phần 問題
第45課の宿題を直す 総復習 中間試験	2 1				
第46課： 1. (いまから) V辞書形 (いまVている+ところです。 (たったいま) Vた形 2. ～Vた ばかりです。 3. V Aい 普通形 + はずです。 Aな Nの	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 45 -GVgiảng cấu trúc câu bài 46,SV đọc,dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 46 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 46, làm phần 問題

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
<p>第47課：</p> <p>V使役形</p> <p>1. 人1は 人2を [N助詞] V (使役)</p> <p>人1は 人2に Nを V (使役)</p> <p>2. V (使役) ていただけませんか。</p>	2	1		<p>- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 46</p> <p>-GV giảng cấu trúc câu bài 47, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B.</p> <p>-Luyện tập các mẫu câu ứng dụng</p>	<p>- Soạn từ vựng mới bài 47 ở nhà</p> <p>-Học xong ngữ pháp bài 47, làm phần 問題</p>
<p>第48課：</p> <p>V使役形</p> <p>1. 人1は 人2を [N助詞] V (使役)</p> <p>人1は 人2に Nを V (使役)</p> <p>2. V (使役) ていただけませんか。</p>	2	1		<p>- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 47</p> <p>-GV giảng cấu trúc câu bài 48, SV đọc, dịch 練習A, làm 練習B.</p> <p>-Luyện tập các mẫu câu ứng dụng</p>	<p>- Soạn từ vựng mới bài 48 ở nhà</p> <p>-Học xong ngữ pháp bài 48, làm phần 問題</p>



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第49課： 尊敬語 1. Vられます (人)は T/gian N 助詞 V (ら)れます。 2. (人)は T/gian N 助詞 おVますになります 3. (人)は T/gian N 助詞 特別な動詞 4. (人)は N 助詞 おVます ください	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 48 -GVgiảng cấu trúc câu bài 49,SV đọc,dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 49 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 49, làm phần 問題
第50課： 謙讓語 1. 人(私)は [N助詞] おV (I,II) します 人(私)は [N助詞] ごV (III) します 2. 特別な謙讓語動詞	2	1		- GV kiểm tra từ vựng, ôn lại mẫu câu, sửa 問題 bài 49 -GVgiảng cấu trúc câu bài 50,SV đọc,dịch 練習A, làm 練習B. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới bài 50 ở nhà -Học xong ngữ pháp bài 50, làm phần 問題
総復習	2			-SV chuẩn bị phần ôn tập trước ở nhà	
Tổng	26	12			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 平井悦子、三輪さち子(2007), 中級を学ぼう, 株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 日本語教育研究所 (著, 編集), 吉良ゆう子 (イラスト), 武田彩 (イラスト)(2011), 読解をはじめのあなたへ第3版 (初級から中級への橋渡しシリーズ 4), 凡人社

[3]. できる日本語教材開発プロジェクト (2012), できる日本語 初中級 本冊, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thuý

Năm sinh: 1984

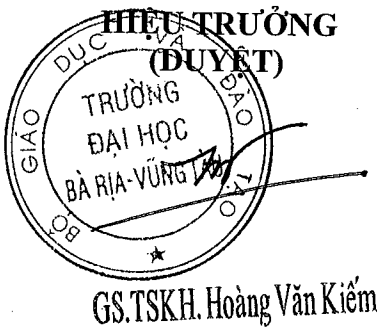
Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Nhật .

Thông tin liên hệ: thuytran1514@gmail.com

Điện thoại liên hệ: 0907 379 345

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thuý



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Lịch sử Nhật Bản
- Mã học phần: 0101120011
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không bắt buộc
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có)

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử của Nhật Bản từ thời Cổ đại đến thời Hiện đại
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lịch sử Nhật Bản.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Lịch sử Nhật Bản và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải thích về các vấn đề liên quan ...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm những nội dung cơ bản như Nhật Bản thời sơ sử, Nhật Bản thời trung cổ, va chạm giữa Nhật Bản và phương Tây, cải cách Minh Trị, thời kỳ tham chiến và sau chiến tranh.

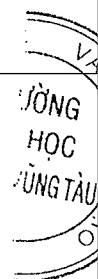
4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương I: Nhật Bản thời cổ đại I. Thời đồ đá cũ II. Thời đồ gốm Jomon III. Thời Yayoi IV. Thời văn hóa Kofun V. Thời Asuka VI. Thời Nara	3	0	0	- Sinh viên nắm được các mốc niên đại, hiểu được đặc trưng của từng thời kì lịch sử và lí giải được bản chất của các sự kiện trong từng giai đoạn.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Chương II: Nhật Bản thời trung cổ I. Thời Heian II. Thời Kamakura III. Thời Muromachi	3	3	0	- Sinh viên nắm được các mốc niên đại, hiểu được đặc trưng của từng thời kì lịch sử và lí giải được bản chất của các sự kiện trong từng giai đoạn.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Chương III: Những cuộc va chạm giữa Nhật Bản và phương Tây I. Thời Azuchi-Momoyama II. Thời Edo (chia làm 3 giai đoạn)	3	3	0	- Sinh viên nắm được các mốc niên đại, hiểu được đặc trưng của từng thời kì lịch sử và lí giải được bản chất của các sự kiện trong từng giai đoạn.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Chương IV: Nhật Bản thời cải cách Minh Trị I. Biến động chính trị, quân sự, xã hội cuối thế kỷ XIX II. Cách mạng công nghiệp đầu thế kỷ XX	3	3		- Sinh viên nắm được đặc trưng của từng thời kì lịch sử và lí giải được bản chất của các sự kiện liên quan.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình

ĐƯỢC
 TR
 Đ
 BÀ Rịa-

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương V: Nhật Bản thời chiến tranh I. Thời Taisho: Ảnh hưởng của chiến tranh thế giới thứ nhất đến xã hội Nhật Bản II. Thời Showa: Chiến tranh Thái Bình Dương	3	3		- Sinh viên nắm được các mốc niên đại, hiểu được đặc trưng của từng thời kì lịch sử và lí giải được bản chất của các sự kiện trong từng giai đoạn.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Chương VI: Nhật Bản sau chiến tranh I. Sự sụp đổ của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản II. Sự chiếm đóng của quân đội Đồng Minh III. Nhật Bản tái thiết quốc gia về kinh tế xã hội	3	0		- Sinh viên miêu tả được sự kiện và lí giải được bản chất của các sự kiện liên quan.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài
Tổng	18	12	0		



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Thuyết trình

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Tự luận/ Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Watanabe Hiroshi (1978), *Nippon no rekishi. Dai kan.1*, Kabushiki gaisha Gaku shyyu ken kyuu sha : To sho in satsu kabushiki gaisha.

6.2. Tài liệu tham khảo

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

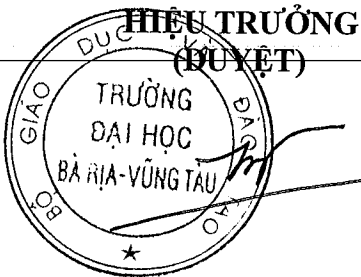
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ, Văn hóa, Lịch sử và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bvu.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

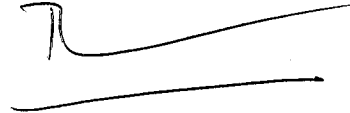
Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiểm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


PGS.TS. Hoàng Văn Việt


Lâm Ngọc Như Trúc

ĐÀO TẠO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Viết 6 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120062
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chữ Hán.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để viết các bài luận, đoạn văn.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Viết 6 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để viết văn bản, thư, thiệp,...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như ôn tập từng vựng, học chữ Hán trình độ sơ trung cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để viết câu, viết các đoạn văn ngắn theo chủ đề do giảng viên yêu cầu, luyện viết chữ đúng và đẹp, học văn hóa viết của Nhật Bản...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
総復習	2	1	0	- Ôn tập	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
" <p>タイトル：日本の発明 学習項目：単作文2. 3 (テーマ：後悔していること／困っていること／残念なこと) 単作文4. 2 (テーマ：失敗したこと) 作文：テーマ：わたしの国で発明された物 漢字：P159-160"</p>	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 47, mẫu câu bài 47	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
" <p>タイトル：リサイクルとフリーマーケット 学習項目：単作文1. 2 (テーマ：子供のころ、よくしたこと) 単作文4. 2 (テーマ：どちらが [いい・楽しい・簡単・大変・]) 作文：テーマ：リサイクル 漢字：P162-163"</p>	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 48, mẫu câu bài 48	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
" <p>タイトル：あいづち 学習項目：単作文5. 2 (テーマ：料理の味／考え方／習慣／挨拶の仕方) 作文1. 1 (テーマ：わたしの国のおもしろい身振り) 作文：テーマ：誤解したこと／誤解されたこと 漢字：P165-166"</p>	3	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 49, mẫu câu bài 49	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

D
T
Đ
RIA

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
<p>” タイトル：男の仕事・女の 仕事 学習項目：単作文 3. 2 (テーマ：わた しの国の気候) 単作文 4. 3 (テーマ：あな たは子供のとき、どんなこ とをさせられましたか。) 作文：テーマ：‘男性の家 事労働 漢字：P168-169 小テスト 7~9 課 漢字・語彙が弱いあなた へ：13 課”</p>	2	1	0	<p>- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài 50, mẫu câu bài 50</p>	<p>- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập</p>
<p>” タイトル：言葉の使い方 学習項目：応用練習 6. 2 (テーマ：標語 を作りなさい。) 単作文 2. 3 (テーマ：) 作文：テーマ：日本語の使 い方 (まちがえたこと) 漢字：P171-172 漢字・語彙が弱いあなた へ：1, 2, 3, 4 課”</p>	2	1	0	<p>- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài, mẫu câu, cách viết văn bản theo từng chủ đề</p>	<p>- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập</p>
<p>”復習 中間テスト”</p>	2	1	0	-	<p>- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập</p>
<p>”第 1 課 タイトル：音楽と音の効果 1, 2, 3/P9 2) 書こう・話そう/P19 作文：P22 漢字：”</p>	2	1	0	<p>- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài, mẫu câu, cách viết văn bản theo từng chủ đề</p>	<p>- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập</p>

JC
 RUC
 VI H
 VUN

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
"第2課 タイトル: いい数字・悪い数字 1, 2, 3/P25 2) 書こう・話そう/P35 作文: P38 漢字: "	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài, mẫu câu, cách viết văn bản theo từng chủ đề	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"第3課 タイトル: 「面白い」日本 2/P41 2) 書こう・話そう/P46 2) 書こう・話そう/P49 作文: P54 漢字: "	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài, mẫu câu, cách viết văn bản theo từng chủ đề	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"第4課 タイトル: くしゃみ 1, 2/P57 3) 書こう・話そう/P65 1) 書こう・話そう/P67 作文: P71 漢字: "	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài, mẫu câu, cách viết văn bản theo từng chủ đề	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"第5課 タイトル: わたしの町 1, 2/P75 2) 書こう・話そう/P79 3) 書こう・話そう/P80 作文: P86 漢字: "	2	1	0	- Sinh viên hiểu cách viết và cách đọc chữ Hán bài, mẫu câu, cách viết văn bản theo từng chủ đề	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Tổng	26	12	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 平井悦子、三輪さち子(2007), 中級を学ぼう, 株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 日本語教育研究所 (著, 編集), 吉良ゆう子 (イラスト), 武田彩 (イラスト)(2011), 読解をはじめるあなたへ第3版 (初級から中級への橋渡しシリーズ4), 凡人社

[3]. できる日本語教材開発プロジェクト (2012), できる日本語 初中級 本冊, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Haruka Sasamura

Năm sinh:

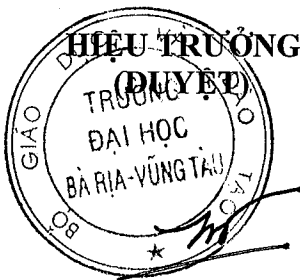
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: haruka929travis@gmail.com

Facebook:

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Haruka Sasamura

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nói 6 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120244
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thực hành nói, giao tiếp tiếng Nhật.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nói 6 và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để thực hành nói, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tóm tắt nội dung: Học phần gồm có các phần cơ bản như thực hành theo mẫu hội thoại trình độ sơ trung cấp, vận dụng mẫu ngữ pháp để xây dựng bài hội thoại của riêng mình, luyện tập hội thoại theo cặp, theo nhóm, với giảng viên bản xứ; tìm hiểu cách sử dụng mẫu câu trong từng tình huống cụ thể thông qua tranh ảnh, video do giáo viên cung cấp...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		
			Thí nghiệm, thực hành, điền đã	

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
総復習	3	1	0	- Ôn tập	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
"第6課：アルバイトを探す - 重要表現：P52, 53 - もういっぱい：P54 - ロールプレイ：P55"	3	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 6, mẫu hội thoại giao tiếp bài 6	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận
○ "第7課：ほめられて - 重要表現：P60, 61 - もういっぱい：P62 - ロールプレイ：P63 "	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 7, mẫu hội thoại giao tiếp bài 7	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"第8課：交通手段 - 重要表現：P68, 69, 70 - もういっぱい：P71 - ロールプレイ：P71"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 8, mẫu hội thoại giao tiếp bài 8	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
○ "第9課：ゆずります - 重要表現：P76, 77 - もういっぱい：P78 - ロールプレイ：P79"	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 9, mẫu hội thoại giao tiếp bài 9	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"第10課：マンション - 重要表現：P84, 85 - もういっぱい：P86 - ロールプレイ：P87 "	2	1	0	- Sinh viên hiểu mẫu câu bài 10, mẫu hội thoại giao tiếp bài 10	- Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -

DUC
TRU
ĐẠI
HỌC
HÀ NỘI

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
"復習 中間テスト"	2	1	0	-	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"第1課：出会い －重要表現：P12-14 －もういっぱい：P14-15 －ロールプレイ：P15 "	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên hiểu mẫu câu bài 1, mẫu hội thoại giao tiếp bài 1 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"第2課：ホテルで －重要表現：P20, 21 －もういっぱい：P22 －ロールプレイ：P23 "	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên hiểu mẫu câu bài 2, mẫu hội thoại giao tiếp bài 2 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"第3課：うわさ －重要表現：P28-30 －もういっぱい：P30 －ロールプレイ：P31 "	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên hiểu mẫu câu bài 3, mẫu hội thoại giao tiếp bài 3 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"第4課：機械のトラブル －重要表現：P36-37 －もういっぱい：P38 －ロールプレイ：P39 "	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên hiểu mẫu câu bài 4, mẫu hội thoại giao tiếp bài 4 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -
"第5課：失敗 －重要表現：P44-45 －もういっぱい：P46 －ロールプレイ：P47 "	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên hiểu mẫu câu bài 5, mẫu hội thoại giao tiếp bài 5 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc bài - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thảo luận -

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
Tổng	26	12	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 平井悦子、三輪さち子(2007), 中級を学ぼう, 株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 日本語教育研究所 (著, 編集), 吉良ゆう子 (イラスト), 武田彩 (イラスト)(2011), 読解をはじめのあなたへ第3版 (初級から中級への橋渡しシリーズ4), 凡人社

[3]. できる日本語教材開発プロジェクト (2012), できる日本語 初中級 本冊, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Suzuki Kaoru

Năm sinh:

Học vị: Thạc sĩ

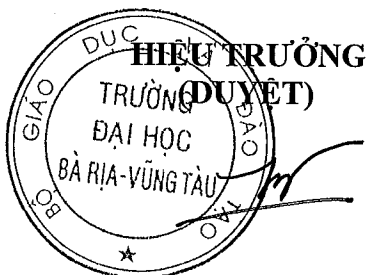
Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

Thông tin liên hệ: suzukik1519@pj9.so-net.ne.jp

Facebook:

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 23 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

[Handwritten signature] *[Handwritten signature]*

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Suzuki Kaoru



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Đọc hiểu 6 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101120245
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Xây dựng kỹ năng đọc hiểu văn bản, và xây dựng vốn từ vựng thuộc các chủ đề bài đọc khác nhau. Nâng cấp dần đến đọc hiểu những bài văn có nội dung đa dạng hơn.
- Kỹ năng: Có khả năng đọc, tổng hợp và, tìm kiếm thông tin cần thiết trong bài đọc.
- Thái độ: Yêu thích môn học, hiểu thêm về văn hóa Nhật Bản qua các bài đọc.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Đọc hiểu 6 hướng cho sinh viên:

- Hiểu về văn hoá Nhật Bản
- Cách đọc đoạn văn theo ngữ điệu diễn cảm.
- Cung cấp thêm lượng từ vựng liên quan đến các bài đọc trong giáo trình.
- Khả năng phân tích, tìm kiếm thông tin trong bài đọc, giải quyết vấn đề.
- Trau dồi vốn từ vựng, kanji, củng cố được ngữ pháp và hiểu được cách sử dụng tiếng Nhật.
- Đọc hiểu sẽ giúp thấm tiếng Nhật dần, từ đó kỹ năng viết hay nói cũng dần được cải thiện theo.
- Đọc hiểu sẽ giúp đẩy nhanh quá trình “thành thạo” tiếng Nhật hơn của mình.

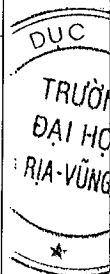
Học phần Đọc hiểu 1 được dạy trong 38 tiết (bao gồm bài tập kiểm tra và thi giữa học phần)

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

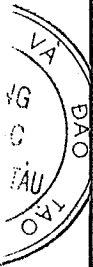
4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第1課：ファストフード ことばの練習 話しましょう 本文：2 ページ Q.A：3 ページ	2	1		- Ôn tập lại những kiến thức đã học. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- SV ôn tập - Làm bài tập về nhà.
第2課：地震 ことばの練習 話しましょう 本文：14 ページ Q.A：15 ページ	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
第3課：最近のこども ことばの練習 話しましょう 本文：26 ページ Q.A：27 ページ	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
第4課：日本のイメージ ことばの練習 話しましょう 本文：40 ページ Q.A：41 ページ	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
第5課：睡眠 ことばの練習 話しましょう 本文：54 ページ Q.A：55 ページ	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	
復習 中間テスト ことば：L45	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập lại những kiến thức đã học. - Sửa bài tập phần luyện tập 	<ul style="list-style-type: none"> -SV ôn tập -Làm bài kiểm tra.
第6課：日本の発明 ことばの練習 話しましょう 本文：P68 Q.A：P69	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
第7課：リサイクルとフリーマーケット ことばの練習 話しましょう 本文：P80 Q.A：P81	2		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc. - Cung cấp thêm kiến thức về các loại tàu điện, cách tắm Onsen ở Nhật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
第8課：あいづち ことばの練習 話しましょう 本文：P96 Q.A：P97	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
第9課：男の仕事・女の仕事 ことばの練習 話しましょう 本文：P110 Q.A：P111	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của
第10課：ことばの使い方 ことばの練習 話しましょう 本文：P126 Q.A：P127	2	1		- Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn. - Đọc và tìm kiếm thông tin yêu cầu trong bài đọc. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan ngoài bài đọc	- Chuẩn bị bài - Trả lời câu hỏi trong giáo trình - Làm bài tập về nhà.
Tổng	24	14	0		

4.2. Học phần thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết	Mục tiêu cụ thể	Dụng cụ, thiết bị sử dụng	Định mức vật tư/SV, nhóm SV	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
Bài 1.....					
Bài 2.....					

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

Ghi chú:

- Đối với học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, điểm trung bình cộng các bài thí nghiệm, thực hành trong học kỳ làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần đó.

- Tùy theo đặc thù của học phần, có thể chọn các hình thức đánh giá dưới dạng bài tập lớn, tiểu luận, mô hình, video clip.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1].平井悦子、三輪さち子(2007), 中級を学ぼう, 株式会社スリーエーネットワーク

ĐƯỢC
 TRƯỚC
 ĐẠI HỌC
 HÀ NỘI
 *

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 日本語教育研究所 (著, 編集), 吉良ゆう子 (イラスト), 武田彩 (イラスト)(2011), 読解をはじめるあなたへ第3版 (初級から中級への橋渡しシリーズ4), 凡人社

[3]. できる日本語教材開発プロジェクト (2012), できる日本語 初中級 本冊, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thu Trang

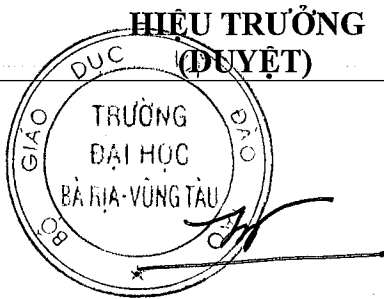
Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Kỹ năng dạy đọc hiểu, ngữ pháp tiếng Nhật,

Thông tin liên hệ: trangacsd@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH **GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Hoàng Văn Kiếm

Trần Thị Thu Trang

VÀ
ĐỌC
TÀI LIỆU

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nghe 6
- Mã học phần: 0101120246
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiếng Nhật.
- Kỹ năng: sinh viên vận dụng kiến thức đã học để nâng cao kỹ năng nghe hiểu.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nghe 6 và tự tin khi nghe tiếng Nhật từ CD, video, giao tiếp...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 2 phần gồm nghe CD các bài nghe theo giáo trình chính, nghe thêm CD và làm bài tập nâng cao trình độ sơ trung cấp. Thông qua các bài nghe, giảng viên hướng dẫn sinh viên các kỹ năng nghe để chọn được đáp án đúng, tự tin tham gia các kỳ thi năng lực, cách nâng cao kỹ năng nghe tiếng Nhật tại nhà...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
総復習	2	1		Ôn tập	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
第6課：アルバイトを探す -ウォーミングアップ：P48 -聞き取り練習：P49, 50, 51 -ポイントリスニング：P51	3	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 6, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
"第7課：ほめられて -ウォーミングアップ：P56 -聞き取り練習：P57, 58, 59 -ポイントリスニング：P59"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 7, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"第8課：交通手段 -ウォーミングアップ：P64 -聞き取り練習：P65, 66, 67 -ポイントリスニング：P67"	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 8, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"第9課：ゆずります -ウォーミングアップ：P72 -聞き取り練習：P73, 74, 75 -ポイントリスニング：P75"	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 9, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"第10課：マンション -ウォーミングアップ：P80 -聞き取り練習：P81, 82, 83 -ポイントリスニング：P83"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 10, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"復習 中間テスト"	2	1		-	- Học bài - Làm bài tập



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ	Nhiệm vụ của
"第1課：出会い －ウォーミングアップ：P8 －聞き取り練習：P9-11 －ポイントリスニング：P11"	3	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 1, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"第2課：ホテルで －ウォーミングアップ：P16 －聞き取り練習：P17-19 －ポイントリスニング：P19"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 2, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"第3課：うわさ －ウォーミングアップ：P24 －聞き取り練習：P25-27 －ポイントリスニング：P27"	2	1		- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 3, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"第4課：機械のトラブル －ウォーミングアップ：P32 －聞き取り練習：P33-35 －ポイントリスニング：P35"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 4, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
"第5課：失敗 －ウォーミングアップ：P40 －聞き取り練習：P41-43 －ポイントリスニング：P43"	2	1	0	- Sinh viên nghe hiểu từ vựng và mẫu câu bài 5, làm bài tập vận dụng	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Tổng	26	12	0		



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh + bài kiểm tra 15 phút

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi giấy trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 平井悦子、三輪さち子(2007), 中級を学ぼう, 株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 日本語教育研究所 (著, 編集), 吉良ゆう子 (イラスト), 武田彩 (イラスト)(2011), 読解をはじめのあなたへ第3版 (初級から中級への橋渡しシリーズ4), 凡人社

[3]. できる日本語教材開発プロジェクト (2012), できる日本語 初中級 本冊, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Tuấn Kiệt

Năm sinh: 1995

Học vị: Cử nhân, HVCH

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật

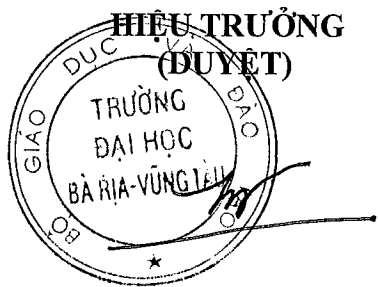
Thông tin liên hệ: 097.55.77.847

Email: trantuankiet1602@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



[Handwritten signature]
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

[Handwritten signature]
Trần Tuấn Kiệt

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Ngữ Pháp 6 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101121389
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp sau khi học xong các mẫu câu ngữ pháp, khả năng dùng đúng ngữ pháp khi viết câu, dịch câu, đoạn văn nhằm nắm bắt và vận dụng được trong các tình huống.

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và phân tích về cách viết câu, đặt câu ở cấp độ gần cuối Sơ cấp.

- Thái độ: sinh viên yêu thích, hứng thú, tự tin vận dụng, tìm tòi để có thể hiểu được ý nghĩa của câu, đoạn văn nhằm nâng cao trình độ.

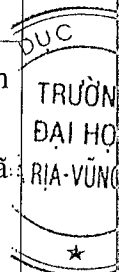
3. Tóm tắt nội dung học phần: Môn học gồm có các phần cơ bản như luyện tập viết từng mẫu câu, tóm lược lại các mẫu câu đã học, ôn tập viết từ vựng..., Làm quen với những mẫu câu tiền trung cấp. Sang học phần này sinh viên sẽ được làm quen với cấu trúc phức tạp hơn, các mẫu câu dùng trong văn viết nhiều, câu cú sẽ nhiều ý hơn, và sinh viên có khả năng vận dụng các mẫu câu vào viết văn, vào giao tiếp hay và gãy gọn hơn. Học phần này đòi hỏi sinh viên phải vận dụng suy nghĩ nhiều, nên cách dùng câu cú sẽ hay và thiết thực hơn trong cuộc sống. Phần từ vựng sẽ xoay quanh những thứ xung quanh nên sẽ dễ nắm bắt bài và tiếp thu thực tế.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
第1課 まなぶ	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. - Đặt câu theo mẫu câu đã học.
第2課 みつける	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. - Đặt câu theo mẫu câu đã học.
第3課 たべる	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. - Đặt câu theo mẫu câu đã học.
第4課 たとえる	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. - Đặt câu theo mẫu câu đã học.



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第5課 あきれる	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. Đặt câu theo mẫu câu đã học.
第6課 つたえる	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. Đặt câu theo mẫu câu đã học.
第7課 かざる	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. Đặt câu theo mẫu câu đã học.



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第8課 おもいこむ	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. Đặt câu theo mẫu câu đã học.
復習 中間テスト	2			<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập lại mẫu câu đã học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài ôn tập, củng cố kiến thức.
				<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra giữa kì 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài kiểm tra giữa kì.
第9課 まもる	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. Đặt câu theo mẫu câu đã học.
第10課 なれる	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. Đặt câu theo mẫu câu đã học.



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
第11課 つながる	2	1		- Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu.	- Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. - Đặt câu theo mẫu câu đã học.
第12課 わかる	2	1		- Cung cấp thêm từ vựng liên quan, luyện phát âm từ vựng, cách sử dụng từ trong câu. - Phân tích, luyện tập cách sử dụng mẫu câu.	- Học thuộc từ vựng, cách sử dụng từ. - Đặt câu theo mẫu câu đã học.
Tổng	26	12	0		



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 平井悦子、三輪さち子(2007), 中級を学ぼう, 株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 日本語教育研究所 (著, 編集), 吉良ゆう子 (イラスト), 武田彩 (イラスト)(2011), 読解をはじめるあなたへ第3版 (初級から中級への橋渡しシリーズ4), 凡人社

[3]. できる日本語教材開発プロジェクト (2012), できる日本語 初中級 本冊, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thuý

Năm sinh: 1984

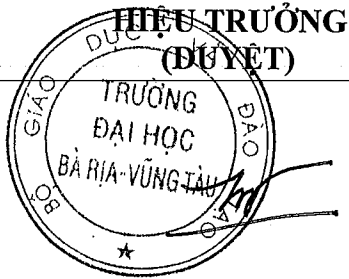
Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Nhật .

Thông tin liên hệ: thuytran1514@gmail.com

Điện thoại liên hệ: 0907 379 345

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thuý



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: Tiếng Nhật thương mại 1
- Mã học phần: 0101120197
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Bắt đầu xây dựng kiến thức về tác phong làm việc, sử dụng tiếng Nhật trong giao dịch với đồng nghiệp và đối tác, thông qua các tình huống cụ thể.

- Kỹ năng: Có kỹ năng giao tiếp và tác phong làm việc chuyên nghiệp của nhân viên công sở – một trong những nhân tố quan trọng đem lại sự thành công và phong cách chuyên nghiệp của các công ty Nhật Bản.

- Thái độ: Yêu thích môn học, hiểu thêm về ngôn ngữ thương mại cũng như văn hóa trong công việc của Nhật Bản qua các bài học.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Nhật thương mại 1 hướng cho sinh viên:

- Cách sử dụng kính ngữ và khiêm nhường ngữ được dùng trong kinh doanh.
- Cung cấp thêm lượng từ vựng liên quan đến các bài đọc trong giáo trình.
- Biết cách xử lý, ứng phó trong các tình huống giao tiếp cụ thể trong bài học.

Học phần Tiếng Nhật thương mại 1 được dạy trong 45 tiết (chưa bao gồm bài tập kiểm tra và thi giữa học phần)

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp	Thí		

	LT	BT	nhằm, thực hành, điền dã		
第1課／本文 紹介する	3	2	0	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc phần giới thiệu để nắm được mục đích cũng như tầm quan trọng của việc tạo ấn tượng qua việc tự giới thiệu và được giới thiệu - Giải đáp phần câu đố nhỏ liên quan quan đến bài học. - Đọc qua những cách nói quan trọng sẽ học trong bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Học thuộc cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Luyện tập bằng cách sử dụng nội dung đã học và tự mình làm bài hội thoại với thông tin đã được cho sẵn. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
				<ul style="list-style-type: none"> - Nghe, Đọc, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài đàm thoại, thay thế vào những từ vựng đã được cung cấp. - Đọc hiểu bài đàm thoại dài có sử dụng mẫu câu của những bài đàm thoại ngắn. - Luyện tập cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. 	
				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài văn ngắn cung cấp kiến thức về văn hóa trao danh thiếp của người Nhật. 	

DỤC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
RIIA-VU
★

第 2 課 / 本文	3	2	0		
挨拶をする				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc phần giới thiệu để nắm được tầm quan trọng của việc chào hỏi trong từng tình huống. - Giải đáp phần câu đố nhỏ liên quan quan đến bài học. - Đọc qua những cách nói quan trọng sẽ học trong bài. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài đàm thoại, thay thế vào những từ vựng đã được cung cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Học thuộc cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Luyện tập bằng cách sử dụng nội dung đã học và tự mình làm bài hội thoại với thông tin đã được cho sẵn. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đàm thoại dài có sử dụng mẫu câu của những bài đàm thoại ngắn. - Luyện tập cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Đọc hiểu bài văn ngắn cung cấp kiến thức về việc cúi chào. 	



第3課／本文	3	4	0		
電話をかける・受ける				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc phần giới thiệu để nắm được tầm quan trọng của cách nói, trình tự nói hay sử dụng trong điện thoại. - Giải đáp phần câu đố nhỏ liên quan quan đến bài học. - Đọc qua những cách nói quan trọng sẽ học trong bài. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài đàm thoại, thay thế vào những từ vựng đã được cung cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Học thuộc cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Luyện tập bằng cách sử dụng nội dung đã học và tự mình làm bài hội thoại với thông tin đã được cho sẵn. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đàm thoại dài có sử dụng mẫu câu của những bài đàm thoại ngắn. - Luyện tập cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Đọc hiểu bài văn ngắn cung cấp kiến thức về những quy tắc của việc gọi điện thoại. 	

GAC

第4課／本文	3	4	0	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc phần giới thiệu để nắm được tầm quan trọng của việc tiếp nhận và thái độ khi được người khác nhắc nhở. - Giải đáp phần câu đố nhỏ liên quan quan đến bài học. - Đọc qua những cách nói quan trọng sẽ học trong bài. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài đàm thoại, thay thế vào những từ vựng đã được cung cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Học thuộc cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Luyện tập bằng cách sử dụng nội dung đã học và tự mình làm bài hội thoại với thông tin đã được cho sẵn. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
注意をする・注意を受ける				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đàm thoại dài có sử dụng mẫu câu của những bài đàm thoại ngắn. - Luyện tập cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Đọc hiểu bài văn ngắn cung cấp kiến thức về những quy tắc “báo cáo, liên lạc, thảo luận” được dùng trong kinh doanh. 	



第 5 課 / 本文	3	4	0	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc phần giới thiệu để nắm được tầm quan trọng của những cách nói thích hợp dành cho từng đối tượng cụ thể khi nhờ vả hoặc từ chối khi được nhờ vả. - Giải đáp phần câu đố nhỏ liên quan quan đến bài học. - Đọc qua những cách nói quan trọng sẽ học trong bài. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài đàm thoại, thay thế vào những từ vựng đã được cung cấp. - Đọc hiểu bài đàm thoại dài có sử dụng mẫu câu của những bài đàm thoại ngắn. - Luyện tập cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Đọc hiểu bài văn ngắn cung cấp kiến thức về những loại hình của nhân viên mới vào. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Học thuộc cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Luyện tập bằng cách sử dụng nội dung đã học và tự mình làm bài hội thoại với thông tin đã được cho sẵn. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
頼む・断る				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài đàm thoại, thay thế vào những từ vựng đã được cung cấp. - Đọc hiểu bài đàm thoại dài có sử dụng mẫu câu của những bài đàm thoại ngắn. - Luyện tập cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Đọc hiểu bài văn ngắn cung cấp kiến thức về những loại hình của nhân viên mới vào. 	

DỤC
TRƯỚC
ĐẠI H
HÀ-VĂN
*

第 6 課 / 本文	3	4	0	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc phần giới thiệu để nắm được tầm quan trọng của những cách nói thích hợp để sao cho nhận được sự cho phép từ người khác. - Giải đáp phần câu đố nhỏ liên quan quan đến bài học. - Đọc qua những cách nói quan trọng sẽ học trong bài. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài đàm thoại, thay thế vào những từ vựng đã được cung cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Học thuộc cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Luyện tập bằng cách sử dụng nội dung đã học và tự mình làm bài hội thoại với thông tin đã được cho sẵn. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
許可をもらう				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đàm thoại dài có sử dụng mẫu câu của những bài đàm thoại ngắn. - Luyện tập cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Đọc hiểu bài văn ngắn cung cấp kiến thức về thời gian làm việc của người Nhật. 	
	18	20			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: ~~điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)~~

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. 宮崎道子・郷司幸子(2009), 日本語で働くービジネス日本語 30 時間, スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. 米田隆介・藤井和子・重野美枝・池田広子 (1996), 商談のための日本語 中級, スリーエーネットワーク.

[3]. 米田隆介・藤井和子・重野美枝・池田広子 共著 (2001), ビジネスのための日本語 初中級, スリーエーネットワーク.

[4]. TOP ランゲージ (2006), 実用ビジネス日本語 中級レベルからの, アルク.

[5]. 奥村 真希 , 釜淵 優子(2008), しごとの日本語ー電話応対 基礎編, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thu Trang

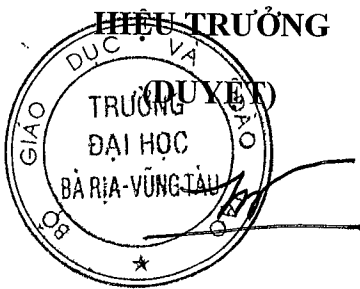
Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật thương mại, Ngữ Pháp Tiếng Nhật, Thực hành dịch(Tiếng Nhật)

Thông tin liên hệ: trangacsd@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiểm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thu Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- Mã học phần: 0101120281
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Sinh viên hiểu được các khái niệm, thuật ngữ và phương pháp nghiên cứu khoa học thường dùng. Nắm được các phương pháp dùng trong nghiên cứu khoa học và các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học

- Kỹ năng: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để xây dựng một đề cương nghiên cứu:

- Có khả năng đưa ra câu hỏi nghiên cứu xác đáng đối với vấn đề cần nghiên cứu
- Có khả năng chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp
- Có khả năng lập kế hoạch thu thập thông tin tương ứng để đảm bảo độ tin cậy và độ xác thực của thông tin

- Thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng của việc tìm hiểu vấn đề một cách có hệ thống và có phương pháp. Ý thức được tính đạo đức của vấn đề cần nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu đã chọn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo đề án nghiên cứu. Sinh viên sẽ được giới thiệu về những thiết kế nghiên cứu khác nhau, về cách chọn mẫu, cách thức xây dựng và tổ chức nghiên cứu để có thể tự mình áp dụng vào các đề án nghiên cứu của mình sau này

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
<p>Chương I: Giới thiệu khái quát về KH và NCKH</p> <p>1.1. Giới thiệu chung về môn học</p> <p>1.2. Một số khái niệm cơ bản</p> <p>1.3. Các đặc điểm của nghiên cứu khoa học</p> <p>1.4. Phân loại nghiên cứu khoa học</p>	3	3	0	<p>- Sinh viên hiểu được các khái niệm liên quan đến nghiên cứu khoa học, các đặc điểm nghiên cứu khoa học và phân loại nghiên cứu khoa học.</p>	<p>- Chuẩn bị bài</p> <p>- Làm bài tập</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt tri thức kinh nghiệm và kiến thức khoa học. • Giải thích được các khái niệm: đề tài, đề án, dự án, phát minh, sáng chế,.. <p>- Chuẩn bị/dự trù tên đề tài nghiên cứu của cá nhân/nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tên đề tài • Lí do chọn đề tài • Mục đích/mục tiêu của đề tài • Lịch sử nghiên cứu của đề tài • Kết quả dự kiến

DƯ
T
Đ
BÀ RI

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
<p>Chương II: Các phương pháp NCKH</p> <p>2.1. Phương pháp tiếp cận khảo sát</p> <p>2.1.1. Phương pháp lịch sử và logic</p> <p>2.1.2. Phương pháp hệ thống và cấu trúc</p> <p>2.1.3. Phương pháp diễn dịch và quy nạp</p> <p>2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu</p> <p>2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu bằng bảng hỏi</p>	6	3	0	<p>- Sinh viên hiểu và vận dụng được các phương pháp dùng trong nghiên cứu khoa học</p>	<p>- Chuẩn bị bài</p> <p>- Làm bài tập</p> <p>- Thuyết trình</p>
<p>2.2.2. Phương pháp phỏng vấn</p> <p>2.2.3. Phương pháp quan sát</p> <p>2.2.4. Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp</p> <p>2.3. Phương pháp chọn mẫu</p> <p>2.3.1. Khái niệm</p> <p>2.3.2. Quy mô</p> <p>2.3.4. Các phương pháp chọn mẫu cơ bản</p> <p>2.4. Phương pháp và kỹ thuật xử lý dữ liệu</p> <p>2.4.1. Quy trình xử lý dữ liệu</p> <p>2.4.2. Dữ liệu thô</p> <p>2.4.3. Hiệu chỉnh dữ liệu</p> <p>2.4.4. Mã hóa dữ liệu</p> <p>2.4.5. Phân tích dữ liệu</p> <p>2.4.6. Phân tích dữ liệu định lượng</p> <p>2.4.7. Phân tích dữ liệu định tính</p>					

C
 RƯ
 AI H
 : - VŨ
 ★

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương III: Quy trình thực hiện một nghiên cứu khoa học 3.1. Xây dựng đề tài nghiên cứu 3.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu 3.3. Lập kế hoạch nghiên cứu 3.4. Thu thập tài liệu nghiên cứu 3.5. Phân tích tư liệu 3.6. Viết báo cáo nghiên cứu	3	6	- Sinh viên hiểu và vận dụng được từng qui trình thực hiện một nghiên cứu khoa học	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập theo từng đề mục được học. - Trình bày trước lớp về công trình nghiên cứu của mình.
Chương IV: Cách trình bày 1 báo cáo nghiên cứu	3	3	- Sinh viên có thể trình bày được một nghiên cứu khoa học của riêng mình	- Hoàn thành file giấy công trình nghiên cứu của mình.
Tổng	15	15	0	

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Vấn đáp (Báo cáo nghiên cứu)

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] TS. Võ Thị Ngọc Lan - PGS. TS. Nguyễn Văn Tuấn (2015), Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, NXB Đại học Quốc gia

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Đinh Bá Hùng (Chủ biên) (2017), *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế - xã hội & hướng dẫn viết luận văn*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bv.u.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
DỤC (DUYẾT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản
- Mã học phần: 0101120626
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

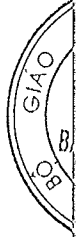
- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp của Nhật Bản, cụ thể là khái niệm về văn hóa doanh nghiệp, vai trò và các thành phần của văn hóa doanh nghiệp; cách thức xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Nhật Bản, mối liên hệ giữa văn hóa doanh nghiệp và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; văn hóa doanh nghiệp tác động đến nguồn nhân lực và các mô hình văn hóa doanh nghiệp tiêu biểu của Nhật Bản.

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để lí giải về những đặc trưng của văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản, có kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tế trong doanh nghiệp Nhật, hoàn thiện và nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp tốt với mọi người cũng như kỹ năng hou-ren-sou và các kỹ năng khác.

- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản, luôn ý thức về văn hóa doanh nghiệp, tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải thích về các vấn đề liên quan và dễ dàng hòa nhập với môi trường của các doanh nghiệp Nhật Bản sau khi tốt nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Văn hóa doanh nghiệp Nhật bao gồm những kiến thức cơ bản về văn hóa doanh nghiệp, vai trò và các thành phần của văn hóa doanh nghiệp; cách thức xây dựng văn hóa doanh nghiệp của Nhật Bản, mối liên hệ giữa văn hóa doanh nghiệp và



chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; văn hóa doanh nghiệp tác động đến nguồn nhân lực và các mô hình văn hóa doanh nghiệp tiêu biểu của Nhật Bản..

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Chương I: Cơ sở hình thành nền văn hóa Nhật Bản I. Đặc điểm tự nhiên II. Đặc điểm dân cư III. Tiến trình lịch sử	3	3	0	Sinh viên hiểu về đặc điểm tự nhiên - dân cư - lịch sử Nhật Bản	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Chương II: Văn hóa nhận thức I. Tư tưởng quốc gia - dân tộc II. Tư tưởng tôn giáo	3	3	0	Sinh viên hiểu và lí giải được các đặc điểm trong văn hóa nhận thức của người Nhật	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Chương III: Văn hóa sáng tạo I. Sáng tạo trong đời sống sinh hoạt II. Sáng tạo trong văn học III. Sáng tạo trong nghệ thuật tạo hình	6	3	0	Sinh viên hiểu và yêu thích các loại hình văn hóa sáng tạo của người Nhật	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập

DUC
TR
ĐAI
RIA-V
★

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương IV: Văn hóa giao tiếp – trình diễn I. Văn hóa giao tiếp II. Văn hóa trình diễn trong nghệ thuật sân khấu III. Văn hóa trình diễn trong nghệ thuật truyền thống Nhật Bản IV. Văn hóa trình diễn trong lễ hội V. Văn hóa trình diễn trong võ thuật	6	3	0	Sinh viên hiểu và lí giải được các đặc điểm trong văn hóa giao tiếp và cảm thụ được những nét đẹp trong các loại hình nghệ thuật trình diễn của người Nhật	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
	18	12	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và thuyết trình

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Trắc nghiệm

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Tự luận/ Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] John Alston, Isao Takei (2005), *Japanese Business Culture and Practices: A Guide to Twenty-First Century Japanese business*, iUniverse, Inc.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Boye Lafayette De Mente (2015), *Etiquette Guide to Japan: Know the Rules that Make the Difference! (Third Edition)*, Tuttle Publishing; Revised edition

[3] Edgar H. Schein (2012), *Văn hóa doanh nghiệp và sự lãnh đạo*, NXB Thời Đại

V
 HỒNG
 HỌC
 ỨNG TÀI

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bvu.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Ngữ Pháp 7 (tiếng Nhật)
- Mã học phần: 0101121397
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng hợp sau khi học xong các mẫu câu ngữ pháp, khả năng dùng đúng ngữ pháp khi viết câu, dịch câu, đoạn văn nhằm nắm bắt và vận dụng được trong các tình huống.

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và phân tích về cách viết câu, đặt câu ở cấp độ gần cuối Sơ cấp.

- Thái độ: sinh viên yêu thích, hứng thú, tự tin vận dụng, tìm tòi để có thể hiểu được ý nghĩa của câu, đoạn văn nhằm nâng cao trình độ.

3. Tóm tắt nội dung học phần: Môn học gồm có các phần cơ bản như luyện tập viết từng mẫu câu, tóm lược lại các mẫu câu đã học, ôn tập viết từ vựng. Ở học phần này sinh viên sẽ học những kiến thức trung cấp, những mẫu câu ở cấp độ khó, nên đòi hỏi sinh viên phải nắm bài vững. Các mẫu câu cung cấp cách dùng trong văn viết, hội thoại, trong giao tiếp, báo chí hàng ngày. Sinh viên sẽ lĩnh hội được những vấn đề xung quanh đời sống hàng ngày, những vấn đề cần tư duy và sáng tạo. Sinh viên hiểu và nắm được những kiến thức căn bản nhất để chuẩn bị hành trình tham gia những kì thi năng lực hay phỏng vấn việc làm sau khi ra trường.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第6課：この日に食べなきゃ意味がない！	2	1	0	-GV cho SV đọc, giảng từ vựng -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, làm luyện tập . -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第7課：お相撲さんの世界	2	1		-GV cho SV đọc, giảng từ vựng -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, làm luyện tập . -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
第8課：第一印象	2	1		-GV cho SV đọc, giảng từ vựng -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, làm luyện tập . -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
復習 中間テスト	2	1		-Ôn tập lại những kiến thức đã học. -Sửa bài tập phần luyện tập. -Cho SV làm bài kiểm tra.	-SV ôn tập -Làm bài kiểm tra.
復習 1	2	1		-GV ôn lại mẫu câu, sửa bài. -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, làm luyện tập. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
復習 2	2	1		-GV ôn lại mẫu câu, sửa bài. -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, làm luyện tập. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.

ĐC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
VÙNG

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
復習 3	2	1		-GV ôn lại mẫu câu, sửa bài. -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, làm luyện tập. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
復習 4	2	1		-GV ôn lại mẫu câu, sửa bài. -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, làm luyện tập. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
復習 5	2	1		-GV ôn lại mẫu câu, sửa bài. -GV giảng cấu trúc câu, SV đọc, làm luyện tập. -Luyện tập các mẫu câu ứng dụng	- Soạn từ vựng mới ở nhà - Làm bài tập về nhà.
Tổng	26	12			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 平井悦子、三輪さち子(2007), 中級を学ぼう, 株式会社スリーエーネットワーク

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 日本語教育研究所 (著, 編集), 吉良ゆう子 (イラスト), 武田彩 (イラスト)(2011), 読解をはじめのあなたへ第3版 (初級から中級への橋渡しシリーズ 4), 凡人社

[3]. できる日本語教材開発プロジェクト (2012), できる日本語 初中級 本冊, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thuý

Năm sinh: 1984

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Nhật .

Thông tin liên hệ: thuytran1514@gmail.com

Điện thoại liên hệ: 0907 379 345

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiểm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Trần Thị Thuý

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Tiếng Nhật thương mại 2
- Mã học phần: 0101120198
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Bắt đầu xây dựng kiến thức về tác phong làm việc, sử dụng tiếng Nhật trong giao dịch với đồng nghiệp và đối tác, thông qua các tình huống cụ thể.

- Kỹ năng: Có kỹ năng giao tiếp và tác phong làm việc chuyên nghiệp của nhân viên công sở – một trong những nhân tố quan trọng đem lại sự thành công và phong cách chuyên nghiệp của các công ty Nhật Bản.

- Thái độ: Yêu thích môn học, hiểu thêm về ngôn ngữ thương mại cũng như văn hóa trong công việc của Nhật Bản qua các bài học.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Nhật thương mại 2 hướng cho sinh viên:

- Cách sử dụng kính ngữ và khiêm nhường ngữ được dùng trong kinh doanh.
- Cung cấp thêm lượng từ vựng liên quan đến các bài đọc trong giáo trình.
- Biết cách xử lý, ứng phó trong các tình huống giao tiếp cụ thể trong bài học.

Học phần Tiếng Nhật thương mại 2 được dạy trong 45 tiết (chưa bao gồm bài tập kiểm tra và thi giữa học phần)

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第一章 挨拶／本文 1. 自己紹介をする 2. 人を紹介する	1	1		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài văn có thêm kiến thức về sự bố trí nhân viên và sự khác nhau về biểu hiện tình cảm giữa người Nhật trong đời thực và trong công việc. Cung cấp thêm kiến thức về việc chào hỏi và trao danh thiếp trong kinh doanh ở Nhật. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học. 	



第一章 挨拶／本文	1	1		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Đọc hiểu bài văn có thêm kiến thức về những câu hỏi mang tính chất cá nhân hay gặp trong công ty Nhật và những đối ứng phù hợp. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
第一章 挨拶／本文	1	1		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Đọc hiểu bài văn có thêm kiến thức về cách nói khiêm tốn của người 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.

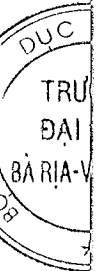
VA
 ỜNG
 HỌC
 ỨNG TÀI
 *

				Nhật, cùng với những ví dụ cụ thể. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học.	
第一章 挨拶／本文 7. 慰める言葉 8. 一日の別れの挨拶	1	2		- Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Đọc hiểu đoạn văn nhỏ để hiểu thêm khi vui trong công việc người Nhật sẽ nói câu gì? - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học.	- Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
第一章 挨拶／本文 9. しばらく会わない人への挨拶 10. お礼とおわび 11. 冠婚葬祭	1	2		- Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế.	- Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.



				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu đoạn văn nhỏ để hiểu thêm khi buồn trong công việc người Nhật sẽ nói câu gì? - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học. 	
<p>第2章 電話の応対／本文</p> <p>1. 電話が鳴った時の対応</p> <p>2. 電話をかける</p> <p>3. 電話を取る</p>	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu phần biểu đồ để nắm sơ lược về tiến trình nghe, trao, gọi điện thoại và cách đối ứng trong kinh doanh của người Nhật. - Đọc hiểu 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Học thuộc cấu trúc ngữ pháp, biểu hiện được sử dụng trong bài. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học. 	
<p>第2章 電話の応対／本文</p> <p>4. 取り次ぐ</p> <p>5. 取り次げない場合</p>	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường 	

				<p>hợp cụ thể.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. 	
				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Đọc hiểu bài văn có thêm kiến thức về nguồn gốc cũng như những khó khăn khi học chữ Kanji. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
第2章 電話の応対／ 本文	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại cơ bản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại.
6. 本人にかわって応対する 7. 間違い電話				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Đọc hiểu bài văn về những khó khăn về tên địa danh, tên người của tiếng Nhật, cách dùng của chữ “sumimasen” trong tiếng Nhật. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.



第2章 電話の応対／ 本文	1	2		- Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản.	- Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại.
8. 相手の声や名前がは っきりしない 9. その他の電話のトラ ブル				- Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Đọc hiểu bài văn có thêm kiến thức về cách đọc số điện thoại. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học.	- Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
第3章 依頼／本文	1	2		- Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản.	- Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại.
1. 依頼する／依頼を受 ける				- Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học.	- Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.

VÀ
JNG
HOC
JNGTAU

第3章 依頼／本文	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
第4章 注文する／本文	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.

ĐÀO 74

第5章 誘う／本文	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
第5章 誘う／本文	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
第5章 誘う／本文	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu phần hội thoại cơ bản. - Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại. - Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.



第5章 誘う／本文	1	2		- Đọc hiểu phản hội thoại cơ bản.	- Học thuộc mẫu đàm thoại, mẫu hội thoại.
3.アポイントを取る				- Đọc hiểu những mẫu câu nói được dùng trong từng trường hợp cụ thể. - Đọc hiểu, luyện tập phát âm ngữ điệu của bài hội thoại thực tế. - Cung cấp thêm các từ vựng liên quan đến bài học.	- Luyện tập, thực hành những bài hội thoại được dùng trong thực tế. - Học thuộc từ vựng được cung cấp.
	15	23			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 宮崎道子・郷司幸子(2009), 日本語で働くービジネス日本語 30時間, スリーエーネットワーク.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 米田隆介・藤井和子・重野美枝・池田広子(1996), 商談のための日本語 中級, スリーエーネットワーク.

[3]. 米田隆介・藤井和子・重野美枝・池田広子 共著(2001), ビジネスのための日本語 初中級, スリーエーネットワーク.

[4]. TOPランゲージ(2006), 実用ビジネス日本語 中級レベルからの, アルク.



7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thu Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Tiếng Nhật thương mại

Thông tin liên hệ: trangacsd@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

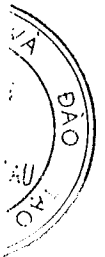
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thu Trang



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Chính sách đối ngoại Nhật Bản
- Mã học phần: 0101120625
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về chính sách đối ngoại của Nhật Bản qua các thời kì lịch sử.

Sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để phân tích được cơ sở hình thành và phát triển đường lối đối ngoại của Nhật Bản, phân tích được những chủ trương, chính sách đối ngoại Nhật Bản trong mỗi thời kỳ và giai đoạn lịch sử, cũng như hiệu quả của việc thực hiện những chủ trương đó.

- Kỹ năng: giúp sinh viên có kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, phát triển các kỹ năng trình bày một vấn đề khoa học, kỹ năng tự kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh phương pháp học tập để đạt kết quả tốt

- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Chính sách đối ngoại Nhật Bản và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải thích về các vấn đề liên quan.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Chính sách đối ngoại Nhật Bản được chia làm 4 chương với các nội dung chính: nhập môn chính sách đối ngoại Nhật Bản, chính sách đối ngoại của Nhật Bản trước Chiến tranh thế giới thứ hai, chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong thời kỳ 1945-1990 và chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh lạnh.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Chương I: Nhập môn chính sách đối ngoại của Nhật Bản 1. Khái niệm chính sách đối ngoại 2. Cơ sở của chính sách đối ngoại của Nhật Bản	3	0	0	Sinh viên hiểu về khái niệm và cơ sở hình thành chính sách đối ngoại Nhật Bản	- Chuẩn bị bài
Chương II: Chính sách đối ngoại của Nhật Bản trước Chiến tranh thế giới thứ hai	6	3	0	Sinh viên hiểu và lí giải được nội dung của chính sách đối ngoại Nhật Bản trước Chiến tranh thế giới thứ hai	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Thuyết trình
Chương III: Chính sách đối ngoại của Nhật Bản trong thời kỳ 1945-1990	6	3	0	Sinh viên hiểu và lí giải được nội dung của chính sách đối ngoại Nhật Bản trong giai đoạn 1945 - 1990	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Thuyết trình
Chương IV: Chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh lạnh	6	3	0	Sinh viên hiểu và lí giải được nội dung của chính sách đối ngoại Nhật Bản sau Chiến tranh lạnh	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Thuyết trình
	21	9	0		

DỤC
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 RIÊN-ĐÌNH
 ★

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và thuyết trình

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Trắc nghiệm

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Tự luận/ Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Kevin J. Cooney(206), Japan's Foreign Policy Since 1945, Routledge

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Ian Nish (2002), *Japanese Foreign Policy in the Interwar Period: (Praeger Studies of Foreign Policies of the Great Powers)*, Praeger

[3] Akitoshi Miyashita, Yoichiro Sato (2001), *Japanese Foreign Policy in Asia and the Pacific: Domestic Interests, American Pressure, and Regional Integration*, Palgrave Macmillan

[4] Yutaka Kawashima (2005), *Japanese Foreign Policy at the Crossroads: Challenges and Options for the Twenty-First Century*, Brookings Institution Press

[5] Kazuhiko Togo (2010), *Japan's Foreign Policy, 1945-2009*, BRILL

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

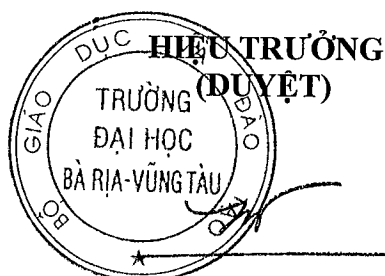
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bvu.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngọc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2017



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT PHÀN NÀN TỪ KHÁCH HÀNG**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước:
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có)

2. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những qui tắc, nghệ thuật, cách ứng xử, đối đáp với khách hàng trong các trường hợp cụ thể.
- Kỹ năng: sinh viên có được kỹ năng giao tiếp với khách hàng, đặc biệt là kỹ năng ứng đối và giải quyết tình huống với những phàn nàn của khách hàng.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Kỹ năng giải quyết phàn nàn từ khách hàng, tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề có liên quan.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng giải quyết phàn nàn từ khách hàng được chia làm 4 chương với các nội dung chính: cơ sở hình thành nền văn hóa Nhật Bản, văn hóa nhận thức, văn hóa sáng tạo và văn hóa giao tiếp – trình diễn.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		
		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VIỆN NGÔN NGỮ - VĂN HÓA - NTĐộc lập- Tự do- Hạnh phúc**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin chung**

- Tên học phần: **KỸ NĂNG GIẢI QUYẾT PHÀN NÀN TỪ KHÁCH HÀNG**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước:
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có)

2. Mục tiêu của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những qui tắc, nghệ thuật, cách ứng xử, đối đáp với khách hàng trong các trường hợp cụ thể.

- Kỹ năng: sinh viên có được kỹ năng giao tiếp với khách hàng, đặc biệt là kỹ năng ứng đối và giải quyết tình huống với những phàn nàn của khách hàng.

- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Kỹ năng giải quyết phàn nàn từ khách hàng, tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề có liên quan.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kỹ năng giải quyết phàn nàn từ khách hàng được chia làm 4 chương với các nội dung chính: cơ sở hình thành nền văn hóa Nhật Bản, văn hóa nhận thức, văn hóa sáng tạo và văn hóa giao tiếp – trình diễn.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương I: Khái quát chung về giao tiếp I. Khái niệm, cấu trúc của giao tiếp II. Các chức năng của giao tiếp III. Các loại hình giao tiếp cơ bản	6	3	0	Sinh viên hiểu về khái niệm, cấu trúc, chức năng và các loại hình giao tiếp cơ bản	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Chương II: Các kỹ năng giao tiếp cơ bản I. Kỹ năng lắng nghe II. Kỹ năng đặt câu hỏi III. Các kỹ năng xã giao thông thường IV. Kỹ năng thuyết phục V. Kỹ năng diễn thuyết VI. Kỹ năng giao tiếp bằng điện thoại VII. Vận dụng Omotenashi vào trong giao tiếp trong doanh nghiệp Nhật Bản	9	6	0	Sinh viên hiểu và vận dụng được các kỹ năng giao tiếp cơ bản và tinh thần Omotenashi trong văn hóa giao tiếp của người Nhật	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Chương III: Kỹ năng giải quyết phàn nàn từ khách hàng I. Bài tập tình huống 1 II. Bài tập tình huống 2 III. Bài tập tình huống 3 IV. Bài tập tình huống 4	0	6	0	Sinh viên vận dụng các kiến thức đã học ở chương 1 và chương 2 để giải quyết các tình huống cụ thể	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
	15	15	0		

UC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
BIÊN-TRƯỜNG
★

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: làm bài tập (4 bài)

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Vấn đáp (Giải quyết tình huống)

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Nhiều tác giả (2005), 日本語 Eメールの書き, The Japan Times.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nhiều tác giả (2010), わかるビジネス日本語, ASK Publishing

[3] TOPランゲージ (2006), 実用ビジネス日本語 中級レベルからの、アルク

[4] 富坂容子(1996), なめらか日本語会話, アルク

[5] 奥村 真希 , 釜淵 優子(2008), しごとの日本語—電話応対 基礎編, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

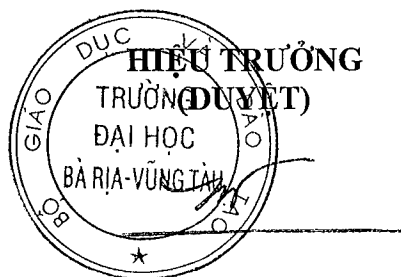
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: lamtrucvt@yahoo.com

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



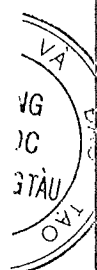
GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Thực hành dịch
- Mã học phần: 0101122133
- Số tín chỉ: 2
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Xây dựng kỹ năng đọc dịch văn bản, và xây dựng vốn từ vựng thuộc các chủ đề bài đọc khác nhau. Đọc dịch những bài văn, bài báo có nội dung đa dạng hơn.
- Kỹ năng: Có khả năng dịch, sử dụng vốn từ vựng vốn có trong từng trường hợp cụ thể. Có lối dịch hay phù hợp với ngôn ngữ dịch.
- Thái độ: Yêu thích môn học, hiểu thêm về văn hóa Nhật Bản qua các bài dịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Thực hành dịch hướng cho sinh viên:

- Cung cấp thêm lượng từ vựng liên quan đến các bài dịch.
- Biết cách phân tích cấu trúc câu, và dịch bài văn, bài báo một cách mượt mà, tránh lối dịch khô cứng.
- Đọc báo và tạp chí bằng tiếng Nhật.
- Tăng thêm hiểu biết về Nhật Bản.
- Tập trung nhiều vào các vấn đề xã hội, triết học, khoa học tương đối khó đọc. Nhiều bài tuy ngắn nhưng lại khó hiểu và có nhiều bài rất dài với lượng thông tin dày đặc nên phải chọn lọc cẩn thận.
- Thành thạo các văn bản báo chí và làm quen với nhiều mẫu câu thường được sử dụng trong các dạng văn bản này.

Học phần Thực hành dịch 1 được dạy trong 38 tiết (bao gồm bài tập kiểm tra và thi giữa học phần)

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

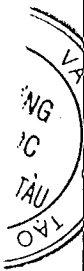
4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:



Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
第 1 課	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.
第 2 課	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.

UC
TRƯỜNG
AI H
VUNG

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
第3課	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc Hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.
第4課	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc Hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
第 5 課	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.
第 6 課	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.

GAC

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
第 7 課	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.
第 8 課	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
第9課	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc Hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.
第10課	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc Hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.

DỤC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HÀ NỘI
★

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
第 11 課	1	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc Hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.
第 12 課	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc đúng ngữ điệu của câu văn, đoạn văn, bài báo. - Cung cấp thêm các từ vựng cấu trúc ngữ pháp liên quan đến bài dịch - Dịch bài theo văn phong phù hợp, đảm bảo về mặt ý nghĩa, không lạc chủ đề và đi quá xa ý nghĩa vốn có của văn bản gốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cách đọc Hán tự, nghĩa từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong bài - Dịch trước bài - Làm việc theo nhóm.
Tổng	23	15	0		

VÀ
NG
ĐC
GTÀU
OAI

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm việc theo nhóm

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: thuyết trình

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. 柴田 元幸 (2013), 翻訳教室 (朝日文庫)- 柴田 元幸-朝日新聞出版, 朝日新聞出版

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 光藤京子 (2016), 誤訳ゼロトレーニング, 秀和システム

[3]. 高橋 さきの, 深井 裕美子, 井口 耕二, 高橋 聡 (2016), できる翻訳者になるためにプロフェッショナル4人が本気で教える 翻訳のレッスン (講談社パワー・イングリッシュ), 講談社

[4]. 柴田 耕太郎 (2017), 決定版 翻訳力錬成テキストブック: 英文を一点の曇りなく読み解く, 日外アソシエーツ

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thu Trang

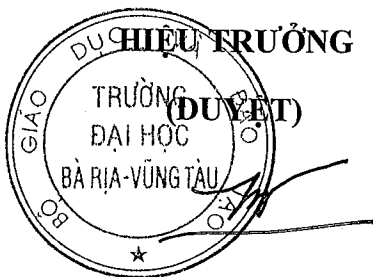
Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp tiếng Nhật, Thực hành dịch.

Thông tin liên hệ: trangacs@gmail.com

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiểm

Trần Thị Thu Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Văn học Nhật Bản
- Mã học phần: 0101120024
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần {là kết quả học tập mong đợi sinh viên đạt được}

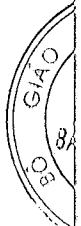
- Kiến thức cơ bản của văn học Nhật Bản: văn học và đặc điểm văn học của các thời kì và trích giảng những tác phẩm tiêu biểu của các thời kì văn học.
- Kỹ năng đọc hiểu và cảm nhận một tác phẩm văn học Nhật Bản. Trau dồi khả năng cảm thụ văn chương.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Văn học Nhật Bản, có hứng thú tìm hiểu về Văn học Nhật Bản .

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình Văn học Nhật Bản bao gồm các nội dung: Khái lược văn học Nhật Bản, Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến kỷ XIX , Văn học Nhật Bản từ thế kỷ XIX đến nay với các kiến thức về: Bối cảnh lịch sử, xã hội, văn hóa; đời sống văn học và một số tác phẩm tiêu biểu cho từng thời kì.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp			
	LT	BT		



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	2	1	0		
<p>Chương 1: Khái lược văn học Nhật Bản</p> <p>1.1. Vài nét khái quát đất nước- người Nhật Bản</p> <p>1.2. Khái quát văn học Nhật Bản</p>	2	1	0	Nắm được các kiến thức khái quát về văn học Nhật Bản	- Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv
<p>Chương 2: Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến kỷ XIX</p> <p>2.1. Văn học thời Nara (710-794)</p> <p>2.1.1. Bối cảnh lịch sử, văn hóa</p> <p>2.1.2. Tập thơ Manyoshu (Văn điệp tập)</p>	2	1	0	Nắm được các đặc điểm lịch sử, văn hóa thời Nara và những nét đặc sắc của tập thơ Manyoshu	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu chuẩn bị cho bài mới - Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv
<p>Chương 2:</p> <p>2.2 Văn học thời Heian (794-1192)</p> <p>2.2.1. Bối cảnh lịch sử, xã hội</p> <p>2.2.2. Đời sống văn học</p> <p>2.2.2.1. Tập thơ “Kokinshu” (Cổ kim tập)</p>	2	1	0	Nắm được các đặc điểm lịch sử, văn hóa thời Heian và những nét đặc sắc của tập thơ Kokinshu	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu chuẩn bị cho bài mới - Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv
<p>Chương 2:</p> <p>2.2 Văn học thời Heian (794-1192)</p> <p>2.2.2.2 Truyện Genji (Genji monogatari)</p>	2	1	0	Nắm được những nét đặc sắc của truyện Genji	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu chuẩn bị cho bài mới - Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv
<p>Chương 2:</p> <p>2.3 Văn học thời Kamakura (1192- 1338) và Muromachi (1338- 1573)</p> <p>2.3.1 Bối cảnh lịch sử, xã hội</p> <p>2.3.2 Tập thơ “Shinkokinshu” (Tân cổ kim tập)</p>	2	1	0	Nắm được các đặc điểm lịch sử, văn hóa thời Kamakura và Muromachi và những nét đặc sắc của tập thơ Shinkokinshu	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu chuẩn bị cho bài mới - Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv
<p>Chương 2:</p> <p>2.3 Văn học thời Kamakura (1192- 1338) và Muromachi (1338- 1573)</p> <p>2.3.3 Truyện kể Heike (Heike monogatari)</p>	2	1	0	Nắm được những nét đặc sắc của truyện kể Heike	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu chuẩn bị cho bài mới - Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv

DU
T
ĐA
RIA-

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương 2: 2.3 Văn học thời Kamakura (1192- 1338) và Muromachi (1338- 1573) 2.3.4 Sơ lược sân khấu Noh 2.4. Văn học thời Edo (1603- 1868) 2.4.1 Bối cảnh xã hội 2.4.2 Đời sống văn học	2	1	0	Nắm được các đặc điểm sơ lược của sân khấu Noh và bối cảnh xã hội, đặc điểm văn học thời Edo	- Đọc tài liệu chuẩn bị cho bài mới - Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv
Chương 3: Văn học Nhật Bản từ thế kỷ XIX đến nay 3.1 Bối cảnh lịch sử, xã hội 3.2 Đời sống văn học 3.2.1 Văn học thời Meiji (1868- 1912)	2	1	0	Nắm được các đặc điểm lịch sử, văn hóa hiện đại Nhật Bản và những đặc điểm văn học thời Meiji	- Đọc tài liệu chuẩn bị cho bài mới - Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv
Chương 3 3.2.2 Văn học thời Taisho (1912- 1926) và thời Showa (1926- 1989)	2	1	0	Nắm được các đặc điểm văn học thời Taisho và thời Showa	- Đọc tài liệu chuẩn bị cho bài mới - Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv
Chương 3 3.2.3 Văn học thời Heisei (1989 đến nay)	2	1	0	Nắm được các đặc điểm văn học thời Heisei	- Đọc tài liệu chuẩn bị cho bài mới - Thảo luận và ghi chép theo hướng dẫn của gv
Tổng	20	10	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và các bài kiểm tra 10 phút đầu giờ, các bài tập theo nội dung đã học hàng tuần

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: chấm điểm thuyết trình theo chủ đề

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] – Nhật Chiêu (2013), *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*, Nhà xuất bản Giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lê Thị Phương Mai

Năm sinh: 1977

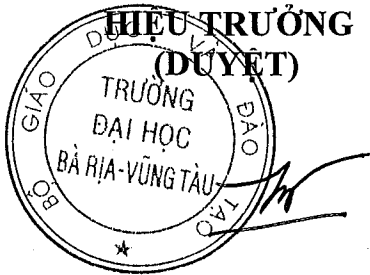
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp tiếng Việt, Ngữ nghĩa học tiếng Việt, Phương pháp giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, văn học Việt Nam và văn học châu Á.

Thông tin liên hệ: mailtp@bv.u.edu.vn

Facebook: Phuong Mai

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 17 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

ThS. Lê Thị Phương Mai

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Phương pháp dạy tiếng
- Mã học phần: 0101120107
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp dạy ngoại ngữ, cụ thể là tiếng Nhật, đồng thời, rèn luyện cả kỹ năng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài khi cần thiết. Ngoài ra học phần còn có những bài tập bổ sung kiến thức cho các em trước khi ra trường.
- Kỹ năng: giúp sinh viên có những kỹ năng cần thiết khi dạy ngoại ngữ: kỹ năng giảng giải, kỹ năng diễn đạt, kỹ năng phản biện, ...
- Thái độ: rèn luyện tác phong và phong cách ứng xử của một người thầy / cô giảng dạy.

3. Tóm tắt nội dung học phần: Học phần chia 13 tuần, trong đó kết hợp cả lý thuyết và thực hành để Sinh viên luyện tập những nội dung đã học. Ở học phần này sinh viên sẽ nắm những kiến thức như Phương pháp dạy phát âm tiếng Nhật, Phương pháp dạy từ vựng tiếng Nhật, Phương pháp dạy ngữ pháp tiếng Nhật, Phương pháp dạy nghe tiếng Nhật, Phương pháp dạy đọc hiểu tiếng Nhật. Sinh viên được Thực hành giảng dạy các môn học mình đăng kí để làm quen với phương pháp đã được dạy. Học phần này giúp sinh viên tổng hợp các kiến thức đã từng học nhằm tổng quát lại 1 lần nữa các kiến thức 1 cách chung nhất.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Tuần 1: Tìm hiểu chung về phương pháp dạy tiếng	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên tìm hiểu về những phương pháp dạy ngôn ngữ thường gặp, làm quen với các khái niệm mới về ngôn ngữ. - Sinh viên tự tìm cho mình phương pháp dạy tiếng hiệu quả để thực hành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Thảo luận - Thực hành
Tuần 2: Phương pháp dạy phát âm tiếng Nhật	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu những phương pháp dạy phát âm tiếng Hàn thường gặp. - Hiểu về cách hình thành nguyên âm, phụ âm, patchim, âm tiết trong tiếng Hàn để phát âm chính xác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thảo luận - Làm bài tập - Thực hành dạy
Tuần 3: Phương pháp dạy từ vựng tiếng Nhật	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về phương pháp dạy, phạm vi và chú ý khi dạy từ vựng tiếng Nhật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thảo luận - Làm bài tập - Thực hành dạy từ vựng tiếng Nhật
Tuần 4: Phương pháp dạy ngữ pháp tiếng Nhật	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về phương pháp dạy ngữ pháp, thực hành một vài điểm ngữ pháp đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thảo luận - Thực hành dạy ngữ pháp theo chủ điểm
Tuần 4: Phương pháp dạy ngữ pháp tiếng Nhật	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về phương pháp dạy ngữ pháp, thực hành một vài điểm ngữ pháp đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thảo luận - Thực hành dạy ngữ pháp theo chủ điểm

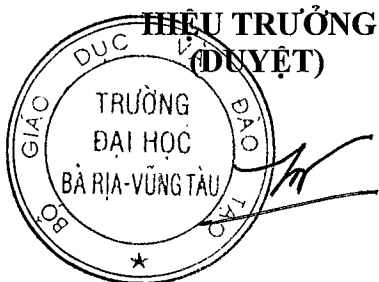
Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Tuần 5: Ôn tập, thi giữa kỳ	1	2	0	- Kiểm tra năng lực của Sv	- Chuẩn bị bài - Thảo luận - Làm bài
Tuần 6: Phương pháp dạy nghe tiếng Nhật	2	1	0	- Sv hiểu về những đặc tính của việc dạy nghe tiếng Nhật. - Tìm hiểu các phương pháp dạy nghe thường gặp.	- Chuẩn bị bài - Thực hành dạy nghe tiếng Nhật - Làm bài tập
Tuần 7: Phương pháp dạy nói tiếng Nhật	2	1	0	- Tìm hiểu đặc trưng dạy nói tiếng Nhật. - Tìm các phương pháp dạy nói có hiệu quả.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thực hành dạy nói
Tuần 8: Phương pháp dạy đọc hiểu tiếng Nhật	2	1	0	- Tìm hiểu về đặc trưng của môn đọc hiểu và phương pháp dạy đọc hiểu tiếng Nhật	- Làm bài tập - Thực hành dạy đọc hiểu
Tuần 9: Phương pháp dạy viết tiếng Nhật	2	1	0	- Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng phương pháp dạy viết, vai trò của giáo viên trong dạy viết. - Tìm hiểu các phương pháp dạy viết hiệu quả thường gặp.	- Chuẩn bị bài - Thảo luận - Làm bài tập - Thực hành dạy viết
Tuần 10: Luyện tập 4 kỹ năng: nghe nói đọc viết	2	1	0	- Biết kết hợp 4 kỹ năng nghe nói đọc viết trong giảng dạy tiếng Nhật	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thực hành 4 kỹ năng
Tuần 11: Thực hành giảng dạy	1	2	0	- Cho SV thực hành giảng dạy	- Thực hành dạy

ĐƯỢC
 TRƯỞNG
 HỌ
 TÊN

Thông tin liên hệ: thuytran1514@gmail.com


Điện thoại liên hệ: 0907 379 345


Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁNG VIÊN BIÊN SOẠN


PGS.TS. Hoàng Văn Việt


Trần Thị Thuý

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: Tiếng Nhật du lịch
- Mã học phần: 0101122477
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần**- Kiến thức:**

+Nắm vững kiến thức cơ bản của ngành du lịch như hoạt động dẫn khách đi tour, đặt phòng đặt vé tour, công việc của các đại lý du lịch, các loại hình nghỉ dưỡng và đi lại, phương thức tiếp thị quảng cáo trong du lịch, trải nghiệm khác nhau qua các loại tour khác nhau.

+Nâng cao vốn từ vựng về công việc trong ngành du lịch; từ vựng về điểm đến và các loại hình du lịch; thuật ngữ bán hàng của các đại lý du lịch; mô tả điểm đến, dịch vụ và cơ sở vật chất cho ngành du lịch; thuật ngữ tiếp thị quảng cáo trong ngành du lịch; các loại hình du lịch khác nhau.

+Nâng cao kiến thức ngôn ngữ trong chuyên ngành du lịch.

- Kỹ năng:

+*Kỹ năng cứng:*

- Nâng cao kỹ năng đọc hiểu thông qua nhiều bài đọc đa dạng về chủ đề và kiến thức du lịch.

- Nâng cao kỹ năng nghe thông qua nhiều bài nghe dạng hội thoại, trình bày và phỏng vấn với nhiều chủ đề du lịch khác nhau.

- Nâng cao kỹ năng giao tiếp qua các hoạt động trong du lịch.

- Nâng cao kỹ năng viết qua phần thực hành viết như viết CV, đơn xin việc, gửi thư cho khách hàng, đồng nghiệp, quản lý.

+*Kỹ năng mềm:*

- Kỹ năng giao tiếp với khách hàng bằng tiếng Việt cũng như tiếng Nhật khi làm việc như đại lý du lịch, hướng dẫn viên du lịch, quản lý nhà hàng khách sạn, nhân viên phục vụ.

- Kỹ năng chăm sóc khách hàng khi làm việc trong ngành du lịch.

- Thái độ:

+ Có ý thức tự giác nghiên cứu trước và sau khi đến lớp, có thái độ học tập nghiêm túc.



- + Có thái độ thích thú và quan tâm đến công việc trong ngành du lịch.
- + Tự nâng cao, trau dồi kiến thức để có thể tự tin làm việc trong ngành du lịch

DUC
TRU
ĐẠI
ARIA-V
★

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này cung cấp kiến thức, ngôn ngữ và kỹ năng liên quan trong ngành du lịch. Sinh viên được cung cấp kiến thức cơ bản về du lịch như điều hành, hướng dẫn tour, các điểm đến nổi tiếng trên thế giới, các đại lý du lịch, phương tiện đi lại trong du lịch, nơi lưu trú, quảng bá du lịch. Ngoài ra, sinh viên được nâng cao bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong bối cảnh du lịch. Thông qua các kiến thức giúp sinh viên hiểu và nắm rõ phần nào kiến thức du lịch, thống kê 1 cách khái quát chương trình học.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
第 1 課 –旅行は何ですか	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp kiến thức cơ bản về ngành du lịch, những công việc cụ thể của ngành du lịch và kỹ năng nghề nghiệp trong ngành này. - Biết vị trí của ngành du lịch ngày nay. 	- Yêu cầu SV soạn và học thuộc phần từ vựng liên quan
第 2 課 –紹介する	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn SV tự học. 	
第 3 課 –電話をかける・受ける	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Biết được những thuận lợi của việc đi tour trọn gói. - Nắm được vai trò của người tổ chức, điều hành tour. - Biết cách hỏi thông tin. - Biết cách chuẩn bị brochure hoặc web để quảng bá. 	SV chuẩn bị bài
第 4 課 –注意をする・注意を受ける	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn SV tự học. 	
第 5 課 –旅行代理	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được dịch vụ và sản phẩm của các đại lý du lịch. - Nắm vững các giai đoạn trong quá trình bán sản phẩm. - Biết cách ứng xử với khách hàng mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự học từ mới - Thực hiện theo yêu cầu của giảng viên

ÔNG
HỌC
JINGTA

第 6 課 - 旅行の乗り物	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các loại phương tiện đi lại khi đi du lịch - Biết cách miêu tả và so sánh các loại phương tiện đi lại. - Biết miêu tả lịch trình đi lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự học từ mới - Thực hiện theo yêu cầu của giảng viên
お客様に手紙の書き方	1			<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cách viết các thể loại như viết thư cho khách hàng, cho đồng nghiệp, cho quản lý, viết fax, tin nhắn và ghi chú. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập viết thêm ở nhà. - Nghiên cứu các hình thức của các thể loại viết trong ngành du lịch.
中間テスト		2			
第 7 課-旅行の泊まり方	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các loại hình lưu trú khác nhau. - Nắm được các dịch vụ và tiện nghi ở khách sạn. - Biết miêu tả vị trí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự học từ mới - Thực hiện theo yêu cầu của giảng viên
				<ul style="list-style-type: none"> - Biết nhận đăng ký phòng qua điện thoại. 	
第 8 課-旅行の広告	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Biết miêu tả thế mạnh và điểm yếu. - Biết sử dụng ngôn ngữ quảng cáo trong du lịch - Nắm được các kỹ thuật bán hàng trong du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự học từ mới - Thực hiện theo yêu cầu của giảng viên
第 9 課				<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn SV tự học. 	
第 10 課-旅行の形	2	1		Trải nghiệm về nhiều loại hình du lịch khác nhau theo 4 chủ đề như du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch nghỉ dưỡng và du lịch về nguồn.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự học từ mới - Thực hiện theo yêu cầu của giảng viên
第 11 課-切符の予約	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách đặt vé, đặt chỗ, nhận tour tại đại lý du lịch. - Biết sử dụng các thuật ngữ trong du lịch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự học từ mới - Thực hiện theo yêu cầu của giảng viên
第 12 課-空港で	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được cơ sở vật chất cơ bản ở sân bay. - Biết cách trả lời câu hỏi và yêu cầu một cách lịch sự. - Biết cách yêu cầu và yêu cầu người khác không nên làm việc gì một cách lịch sự 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự học từ mới - Thực hiện theo yêu cầu của giảng viên
Tổng: 38	25	13			



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. TOPランゲージ (2006), 実用ビジネス日本語 中級レベルからの、アルク

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. 奥村 真希 , 釜淵 優子(2008), しごとの日本語—電話応対 基礎編, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Thuý

Năm sinh: 1984

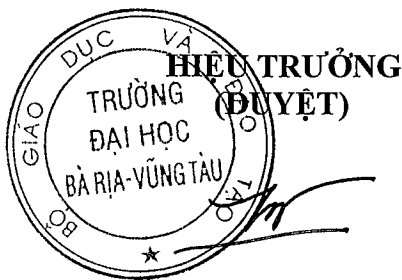
Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Nhật, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Thông tin liên hệ: thuytran1514@gmail.com

Điện thoại liên hệ: 0907 379 345

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018

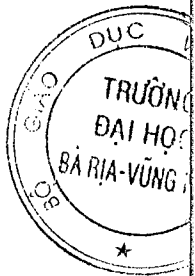


GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Thuý



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Kinh tế Nhật Bản
- Mã học phần: 0101120012
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về nền kinh tế Nhật Bản, đồng thời phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên, văn hóa xã hội đối với sự phát của kinh tế Nhật Bản
- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến kinh tế Nhật Bản.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Kinh tế Nhật Bản và tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải thích về các vấn đề liên quan ...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Kinh tế Nhật Bản được chia làm 3 chương với các nội dung chính: khái quát về kinh tế Nhật Bản, các ngành kinh tế, các vùng kinh tế và các vấn đề lớn của nền kinh tế Nhật Bản.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương I: Khái quát về kinh tế Nhật Bản I. Tự nhiên II. Dân cư – xã hội III. Quá trình phát triển của kinh tế NB	6	3	0	Sinh viên hiểu về đặc điểm tự nhiên - dân cư – xã hội Nhật Bản và sự ảnh hưởng của các yếu tố này đến sự phát triển kinh tế của Nhật qua các giai đoạn khác nhau	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Chương II: Các ngành kinh tế và các vùng kinh tế Nhật Bản I. Các ngành kinh tế của Nhật Bản II. Các vùng kinh tế của Nhật Bản	6	6	0	Sinh viên hiểu về đặc điểm các ngành kinh tế và các vùng kinh tế của Nhật và có thể sử dụng kiến thức về vấn đề này để giải thích các hiện tượng/vấn đề có liên quan.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Chương III: Các vấn đề lớn trong quá trình phát triển kinh tế Nhật Bản I. Vấn đề hiện đại hóa nền kinh tế II. Vấn đề khủng hoảng kinh tế III. Vấn đề “bong bóng” trong nền kinh tế Nhật Bản IV. Vấn đề đàm phán FTA và TPP	6	3		Sinh viên hiểu và giải thích được các vấn đề lớn trong tiến trình phát triển của nền kinh tế Nhật Bản	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Thuyết trình
Tổng	18	12	0		



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và thuyết trình

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Trắc nghiệm

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Tự luận/ Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] David Flath (2014), *The Japanese Economy*, Oxford University Press

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Christopher Wood (2005), *The Bubble Economy: Japan's Extraordinary Speculative Boom of the '80s and the Dramatic Bust of the '90s*, Solstice Publishing

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

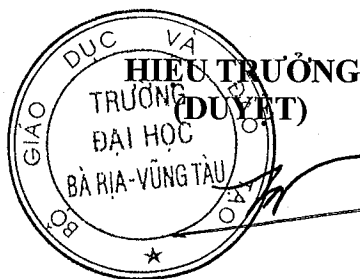
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bvu.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA – VŨNG TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VIỆN NGÔN NGỮ - VĂN HÓA - NT

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****1. Thông tin chung**

- Tên học phần: Văn hóa – xã hội Nhật Bản
- Mã học phần: 0101120023
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên ngành về quá trình hình thành, phát triển và những đặc trưng nổi bật của nền văn hóa Nhật Bản

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để lí giải về các khía cạnh khác nhau của văn hóa Nhật Bản, qua đó giúp sinh viên có những hiểu biết sâu sắc về đất nước và con người Nhật Bản.

- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Văn hóa – xã hội Nhật Bản, tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải thích về các vấn đề liên quan và dễ dàng hòa nhập với môi trường của các doanh nghiệp Nhật Bản sau khi tốt nghiệp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Văn hóa – xã hội Nhật Bản được chia làm 4 chương với các nội dung chính: cơ sở hình thành nền văn hóa Nhật Bản, văn hóa nhận thức, văn hóa sáng tạo và văn hóa giao tiếp – trình diễn.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, diễn đã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương I: Cơ sở hình thành nền văn hóa Nhật Bản I. Đặc điểm tự nhiên II. Đặc điểm dân cư III. Tiến trình lịch sử	3	3	0	Sinh viên hiểu về đặc điểm tự nhiên - dân cư - lịch sử Nhật Bản	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Chương II: Văn hóa nhận thức I. Tư tưởng quốc gia - dân tộc II. Tư tưởng tôn giáo	3	3	0	Sinh viên hiểu và lí giải được các đặc điểm trong văn hóa nhận thức của người Nhật	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Chương III: Văn hóa sáng tạo I. Sáng tạo trong đời sống sinh hoạt II. Sáng tạo trong văn học III. Sáng tạo trong nghệ thuật tạo hình	6	3	0	Sinh viên hiểu và yêu thích các loại hình văn hóa sáng tạo của người Nhật	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Chương IV: Văn hóa giao tiếp - trình diễn I. Văn hóa giao tiếp II. Văn hóa trình diễn trong nghệ thuật sân khấu III. Văn hóa trình diễn trong nghệ thuật truyền thống Nhật Bản IV. Văn hóa trình diễn trong lễ hội V. Văn hóa trình diễn trong võ thuật	6	3	0	Sinh viên hiểu và lí giải được các đặc điểm trong văn hóa giao tiếp và cảm thụ được những nét đẹp trong các loại hình nghệ thuật trình diễn của người Nhật	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
	18	12	0		



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và thuyết trình

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Trắc nghiệm

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: Tự luận/ Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Đào Thị Thu Hằng (2007), Văn hoá Nhật Bản và Yasunari Kawabata, NXB Giáo dục

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Nguyễn Nhật Linh (2017), *Đến Nhật Bản học về cuộc đời*, NXB Trẻ

[3] Marie Kondo (2017), *Nghệ thuật bài trí của người Nhật*, NXB Lao động

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

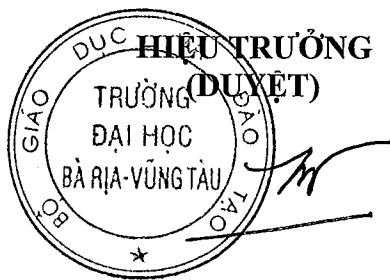
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bvu.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018



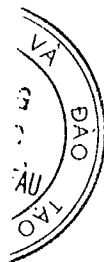
GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Thực tập chuyên ngành
- Mã học phần: 0101120185
- Số tín chỉ: 03
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Sinh viên hội nhập môi trường doanh nghiệp.
- Vận dụng kiến thức đã học vào công việc.
- Học hỏi, rèn luyện phong cách làm việc, biết ứng xử trong các mối quan hệ tại cơ quan.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần *Thực tập chuyên ngành* giúp cho sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động của các doanh nghiệp, tạo tiền đề để có thể thực hiện tốt các yêu cầu công tác và nghiên cứu thực tế sau khi ra trường.

4. Nội dung chi tiết học phần:

TÌM HIỂU TỔNG QUÁT VỀ ĐƠN VỊ THỰC TẬP

1. Giới thiệu quá trình hình thành và phát triển đơn vị thực tập
2. Nhiệm vụ, chức năng và định hướng phát triển của đơn vị thực tập
3. Giới thiệu cơ cấu tổ chức và nhân sự của đơn vị thực tập

KHẢO SÁT TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TIẾNG NHẬT VÀ LÀM ĐỀ TÀI TẠI ĐƠN VỊ THỰC TẬP

- Khảo sát chung về tình hình sử dụng các kỹ năng tiếng Nhật tại đơn vị thực tập.
- Đi sâu vào phân tích, đánh giá tình hình sử dụng các kỹ năng tiếng Nhật trong công việc văn phòng, và/hay kinh doanh: kỹ năng điện thoại, soạn thảo văn bản, thư tín thương mại, thuyết trình, đàm phán, xây dựng quan hệ xã hội...

hoặc

- Đi sâu vào phân tích đánh giá tình hình sử dụng tiếng Nhật chuyên ngành theo các chủ đề về ngành du lịch như thuật ngữ chuyên ngành cho Du lịch, văn hóa giao tiếp qua điện thoại; đặt chỗ, thiết kế tour, giới thiệu trong khách sạn về tour; thông tin về lộ trình, điểm đến và các địa điểm thăm quan; ngôn ngữ lịch thiệp, tế nhị trong ngành Du lịch....

- Thực hiện đề tài tại cơ quan thực tập

KINH NGHIỆM, KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

- Kinh nghiệm học hỏi sau đợt thực tập.

- Đề xuất kiến nghị của sinh viên đối với khoa, trường.

Thời gian	Nội dung công việc
Tuần 1	- Tìm hiểu tổng quát về đơn vị thực tập - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 2	- Tìm hiểu tổng quát về đơn vị thực tập - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 3	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 4	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó. - Viết báo cáo thực tập
Tuần 5	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 6	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó. - Viết báo cáo thực tập



5. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Hình thức trình bày: 10%
- Nội dung báo cáo thực tập: 60%
- Đánh giá của đơn vị thực tập : 30%

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Nhiều tác giả (2005), 日本語 Eメールの書き, The Japan Times.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nhiều tác giả (2010), わかるビジネス日本語, ASK Publishing

[3] TOPランゲージ (2006), 実用ビジネス日本語 中級レベルからの,
アルク

[4] 富阪容子(1996), なめらか日本語会話, アルク

[5] 奥村 真希 , 釜淵 優子(2008), しごとの日本語—電話応対 基礎編, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bvu.edu.vn

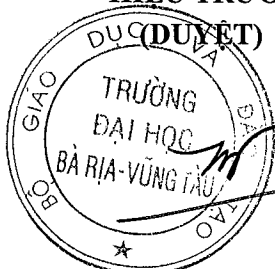
Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018.

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiến.

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: **TÁC PHONG LÀM VIỆC TRONG DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: 02
- Học phần tiên quyết/học trước:
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có)

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách thức, tác phong khi làm việc cho các doanh nghiệp của Nhật Bản, cụ thể như văn hóa ứng xử trong – ngoài, văn hóa chào hỏi, trang phục, các nghi lễ, và các kỹ năng chuyên sâu như: cách viết email, cách ứng đối qua điện thoại.

- Kỹ năng: sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học, hoàn thiện và nâng cao các kỹ năng cần thiết khi làm việc trong môi trường văn hóa Nhật.

- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Tác phong làm việc trong doanh nghiệp Nhật Bản, luôn ý thức về rèn luyện tác phong, tự tin khi sử dụng những kiến thức đã học để giải thích về các vấn đề liên quan và dễ dàng hòa nhập với môi trường của các doanh nghiệp Nhật Bản sau khi tốt nghiệp.

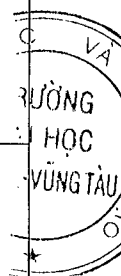
3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tác phong làm việc trong doanh nghiệp Nhật Bản bao gồm những kiến thức cơ bản về tác phong làm việc, thái độ/qui cách ứng xử và các kỹ năng chuyên sâu.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp	Thí nghiệm,		

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	LT	BT	thực hành, điền dã		
Chương I: Qui chuẩn về hình thái cá nhân trong doanh nghiệp Nhật I. Trang phục II. Phụ kiện III. Diện mạo	6	3	0	Sinh viên hiểu về các qui chuẩn hình thái cá nhân trong doanh nghiệp Nhật	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Chương II: Qui cách ứng xử I. Qui cách ứng xử đối với thành viên công ty II. Qui cách ứng xử đối với thành viên bên ngoài	3	3	0	Sinh viên hiểu và lí giải được các qui cách ứng xử trong doanh nghiệp Nhật	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Chương III: Các kỹ năng chuyên sâu I. Kỹ năng viết và trả lời email II. Kỹ năng ứng đối qua điện thoại III. Các kỹ năng khác	9	6	0	Sinh viên hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng đã học	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
	18	12	0		



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh và bài tập

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: Vấn đáp

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: Vấn đáp

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Nhiều tác giả (2005), 日本語Eメールの書き, The Japan Times.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nhiều tác giả (2010), わかるビジネス日本語, ASK Publishing

[3] TOPランゲージ (2006), 実用ビジネス日本語 中級レベルからの, アルク

[4] 富阪容子(1996), なめらか日本語会話, アルク

[5] 奥村 真希 , 釜淵 優子(2008), しごとの日本語—電話応対 基礎編, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bvu.edu.vn

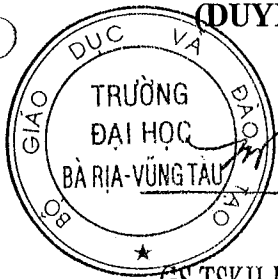
Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27. tháng 11. năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Thực tập tốt nghiệp
- Mã học phần: 0101120186
- Số tín chỉ: 04
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Sinh viên hội nhập môi trường doanh nghiệp.
- Vận dụng kiến thức đã học vào công việc.
- Học hỏi, rèn luyện phong cách làm việc, biết ứng xử trong các mối quan hệ tại cơ quan.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần *Thực tập tốt nghiệp* giúp cho sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động của các doanh nghiệp, tạo tiền đề để có thể thực hiện tốt các yêu cầu công tác và nghiên cứu thực tế sau khi ra trường.

4. Nội dung chi tiết học phần:

TÌM HIỂU TỔNG QUÁT VỀ ĐƠN VỊ THỰC TẬP

1. Giới thiệu quá trình hình thành và phát triển đơn vị thực tập
2. Nhiệm vụ, chức năng và định hướng phát triển của đơn vị thực tập
3. Giới thiệu cơ cấu tổ chức và nhân sự của đơn vị thực tập

KHẢO SÁT TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TIẾNG NHẬT VÀ LÀM ĐỀ TÀI TẠI ĐƠN VỊ THỰC TẬP

- Khảo sát chung về tình hình sử dụng các kỹ năng tiếng Nhật tại đơn vị thực tập.
- Đi sâu vào phân tích, đánh giá tình hình sử dụng các kỹ năng tiếng Nhật trong công việc văn phòng, và/hay kinh doanh: kỹ năng điện thoại, soạn thảo văn bản, thư tín thương mại, thuyết trình, đàm phán, xây dựng quan hệ xã hội...

hoặc

- Đi sâu vào phân tích đánh giá tình hình sử dụng tiếng Nhật chuyên ngành theo các chủ đề về ngành du lịch như thuật ngữ chuyên ngành cho Du lịch, văn hóa giao tiếp qua điện thoại; đặt chỗ, thiết kế tour, giới thiệu trong khách sạn về tour; thông tin về lộ trình, điểm đến và các địa điểm thăm quan; ngôn ngữ lịch thiệp, tế nhị trong ngành Du lịch....

- Thực hiện đề tài tại cơ quan thực tập

KINH NGHIỆM, KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

- Kinh nghiệm học hỏi sau đợt thực tập.

- Đề xuất kiến nghị của sinh viên đối với khoa, trường.

Thời gian	Nội dung công việc
Tuần 1	- Tìm hiểu tổng quát về đơn vị thực tập - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 2	- Tìm hiểu tổng quát về đơn vị thực tập - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 3	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 4	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó. - Viết báo cáo thực tập
Tuần 5	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 6	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó. - Viết báo cáo thực tập
Tuần 7	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 8	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm.

3C
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
IA-VÙNG
★

- | |
|---|
| - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
- Viết báo cáo thực tập |
|---|

5. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

- Hình thức trình bày: 10%
- Nội dung báo cáo thực tập: 60%
- Đánh giá của đơn vị thực tập : 30%

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Nhiều tác giả (2005), 日本語 Eメールの書き, The Japan Times.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nhiều tác giả (2010), わかるビジネス日本語, ASK Publishing

[3] TOPランゲージ (2006), 実用ビジネス日本語 中級レベルからの,
アルク

[4] 富阪容子(1996), なめらか日本語会話, アルク

[5] 奥村 真希 , 釜淵 優子(2008), しごとの日本語—電話対応 基礎編, アルク

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

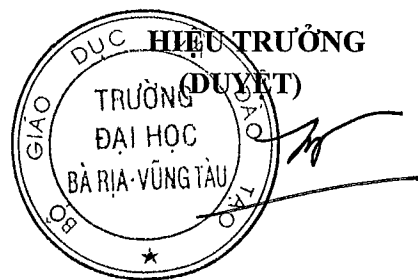
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa + lịch sử Nhật Bản - Việt Nam và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bvu.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 27 tháng 11 năm 2018.



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**
- Mã học phần: 0101120743
- Số tín chỉ: 8
- Học phần học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững hơn những vấn đề liên quan đến nghiên cứu khoa học, quan điểm, phương pháp luận và các bước tiến hành nghiên cứu khoa học. Việc lựa chọn vấn đề cần nghiên cứu, sự đóng góp của công trình nghiên cứu. Cách thức thu thập và các nguồn thông tin, xây dựng bảng câu hỏi, phương pháp phỏng vấn, chọn mẫu...

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần:

Khóa luận tốt nghiệp ngành Đông Phương học, chuyên ngành Ngôn ngữ Nhật Bản là báo cáo nghiên cứu về các đề tài liên quan đến ngôn ngữ và đất nước học Nhật Bản.

4. Mẫu đề cương của Khóa luận tốt nghiệp:**❖ Bộ cục đề cương**

- Trang bìa cứng (phụ lục 1)
- Trang phụ bìa (phụ lục 2)
- Mục lục
- Danh mục các chữ viết tắt (phụ lục 3)
- Danh mục các bảng biểu
- Phần mở đầu
 - Lý do chọn đề tài
 - Mục đích nghiên cứu
 - Đối tượng và phạm vi nghiên cứu
 - Lịch sử nghiên cứu vấn đề
 - Phương pháp nghiên cứu



- **Bố cục của đề tài**

- **Phần nội dung**

- Chương 1:

- 1.1. ...

- 1.2. ...

- Chương 2:

- 2.1. ...

- 2.2. ...

- Chương 3:

- 3.1. ...

- 3.2. ...

- **Kết luận**

- **Tài liệu tham khảo**

- **Phụ lục (ít nhất phải bao gồm bộ công cụ nghiên cứu)**

- ❖ **Hướng dẫn về hình thức trình bày đề cương**

- ✓ **Đánh số thứ tự bảng biểu**

- Đánh theo số chương và thứ tự của bảng trong chương (VD: Bảng 2.3 là bảng thứ ba trong chương 2)
- Sau số bảng là tên của bảng (VD: Bảng 2.3: Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc)
- Chú ý ghi đầy đủ đơn vị tính (nếu có)
- Phải ghi nguồn của thông tin trong bảng. Cách ghi giống như trích dẫn tài liệu tham khảo và ghi ở bên dưới bảng.

- ✓ **Đánh số các chương, mục và tiểu mục**

- Sử dụng số A rập, không dùng chữ số La Mã
- Không nên chia tiểu mục quá 4 chữ số
- Cần có tiêu đề cho các chương, mục và tiểu mục

- ✓ **Soạn thảo văn bản**

- Giấy A4(21 × 29,7 cm)
- Font chữ Unicode (Time New Roman), cỡ chữ 13, dòng 1.5 .
- Lề trái cách 3,5 cm, lề phải 2 cm, lề trên 3cm, lề dưới 3cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên đầu mỗi trang giấy, đánh số từ phần đặt vấn đề (theo chữ số A rập 1, 2, 3).
- Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.



- Phải đóng thành quyển có bìa như hướng dẫn

✓ **Viết tắt**

- Chỉ viết tắt những từ hoặc cụm từ là danh từ, không dài quá và được sử dụng nhiều lần trong luận văn
- Viết tắt các từ nước ngoài phải theo quy định quốc tế
- Nếu ít từ viết tắt, có thể viết toàn bộ cụm từ lần đầu với chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu nhiều từ viết tắt, lập bảng các chữ viết tắt ở đầu luận văn, xếp theo thứ tự ABC của chữ viết tắt.

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Nội dung chấm	Thang điểm	Điểm chấm
1. Hình thức bảo vệ	2,0	
- Phương pháp và kỹ thuật trình bày tóm tắt ĐA/KLTN	1,0	
- Hình thức bảng biểu minh họa rõ ràng, hợp lý	0,5	
- Thời lượng trình bày đảm bảo	0,5	
2. Nội dung ĐA/KLTN	5,0	
- Cấu trúc, bố cục, phương pháp nghiên cứu	1,0	
- Tính khoa học	2,0	
- Giá trị thực tiễn của đề tài	2,0	
3. Trả lời các câu hỏi	3,0	
- Trả lời thông suốt 100% câu hỏi	3,0	
- Trả lời đạt từ 50% đến nhỏ hơn 100% câu hỏi	1,5 – 2,5	
- Trả lời đạt dưới 50% đến 50% câu hỏi	0,0 – dưới 1,5	
Tổng cộng	10,0	

6. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lâm Ngọc Như Trúc

Năm sinh: 1981

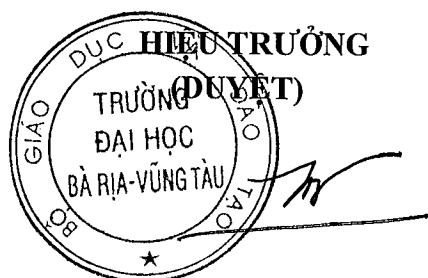
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ, Văn hóa, Lịch sử và Quan hệ quốc tế phương Đông.

Thông tin liên hệ: truclnn@bv.u.edu.vn

Facebook: Truc Lam Ngoc Nhu

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 23 tháng 11 năm 2018.



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lâm Ngọc Như Trúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Môi trường và phát triển**
- Mã học phần: 0101060031
- Số tín chỉ: 02 (2, 0, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

- + Sv được trang bị các vấn đề chung nhất về môi trường và tài nguyên, cách phân loại môi trường, tài nguyên. Môi trường và tài nguyên trong mối quan hệ phát triển bền vững. Các vấn đề về môi trường của Việt Nam và các nước phát triển trên thế giới.

- Kỹ năng:

- + Có kỹ năng giao thực hiện các hành động trong cuộc sống hàng ngày nhằm góp phần bảo vệ môi trường bền vững.

- Thái độ:

- + Sinh viên có nhận thức đúng đắn về việc bảo vệ môi trường, biết vận động những người xung quanh chung tay bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Bài mở đầu
- Vấn đề môi trường
- Tài nguyên thiên nhiên
- Môi trường và sự phát triển bền vững
- Vấn đề tài nguyên, môi trường ở những nước phát triển
- Vấn đề môi trường và phát triển ở Việt Nam

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
BÀI MỞ ĐẦU 1. Khái niệm 2. Đối tượng, nhiệm vụ của môn học 3. Phương pháp nghiên cứu của môn học 4. Vai trò của môn học	1	1	0	-Giúp Sv tìm hiểu các khái niệm cơ bản của môn học.	-Đọc tài liệu -Xây dựng bài -Thảo luận
Chương 1: VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG 1.1 Khái niệm môi trường 1.2 Phân loại môi trường 1.3 Chức năng của môi trường 1.4 Vai trò của môi trường đối với sự phát triển của xã hội loài người	4	2	0	-Sv tìm hiểu về môi trường, phân loại môi trường. -Sv tìm hiểu về chức năng, vai trò của môi trường.	-Đọc tài liệu -Xây dựng bài -Thảo luận -Đọc tài liệu -Xây dựng bài -Thảo luận



Chương 2. TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN					
2.1 Khái niệm tài nguyên thiên nhiên	5	3	0	-Sv tìm hiểu về khái niệm tài nguyên thiên nhiên, phân loại tài nguyên.	-Đọc tài liệu -Xây dựng bài -Thảo luận
2.2 Phân loại tài nguyên					
2.3 Chức năng của tài nguyên thiên nhiên				-Sv tìm hiểu về chức năng và vai trò của tài nguyên thiên nhiên.	-Đọc tài liệu -Xây dựng bài -Thảo luận
2.4 Vai trò của tài nguyên đối với sự phát triển của con người					
Chương 3: MÔI TRƯỜNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG				-Sv hiểu về sự phát triển bền vững	-Đọc tài liệu -Xây dựng bài -Thảo luận
3.1 Sử dụng hợp lý tài nguyên	4	3	0		
3.2 Bảo vệ môi trường					
3.3 Giải pháp bảo vệ và phát triển môi trường bền vững				-Sv tìm các giải pháp để bảo vệ và phát triển môi trường bền vững.	-Đọc tài liệu -Xây dựng bài -Thảo luận
Chương 4: VẤN ĐỀ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG Ở NHỮNG NƯỚC PHÁT TRIỂN	4	2	0	-Sơ lược thông tin về tài nguyên và môi trường của các nước phát triển.	-Đọc tài liệu -Xây dựng bài -Thảo luận
4.1 Sử dụng tài nguyên môi trường					
4.2 Hệ thống chính sách bảo vệ và phát triển môi trường					
4.3 Một số nước tiêu biểu trong vấn đề bảo vệ môi trường					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ARIA-VŨ

Chương 5: VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở VIỆT NAM				-Sv tìm hiểu về vấn đề môi trường và phát triển môi trường ở Việt Nam.	-Đọc tài liệu -Xây dựng bài -Thảo luận
5.1 Các vấn đề môi trường tiêu biểu	4	3	0		
5.2 Tình hình sử dụng tài nguyên môi trường					
5.3 Hiện trạng môi trường				-Sv tìm hiểu về vấn đề môi trường và phát triển môi trường ở Việt Nam.	-Đọc tài liệu -Xây dựng bài -Thảo luận
5.4 Các giải pháp bảo vệ và phát triển môi trường tài nguyên ở Việt Nam					
Ôn tập thi hết học phần	1	1	0		
Tổng:	23	15	0		

VA
1G
OC
INGTAU

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Bài kiểm tra thường xuyên: chiếm 20%, là điểm trung bình cộng của các điểm chuyên cần, thái độ học tập của sinh viên và bài kiểm tra thường xuyên.

- Thái độ chuyên cần học tập được tính dựa trên số tiết sinh viên tham gia vào buổi học trên lớp đúng và đủ giờ, tôn trọng thầy cô, hòa đồng với bạn bè, không làm việc riêng trong lớp, nghiêm túc nghe giảng và có ý thức xây dựng bài học thông qua các hoạt động làm việc theo nhóm.

- Bài kiểm tra thường xuyên được tổ chức sau từng bài học qua việc lựa chọn ngẫu nhiên một vài sinh viên trả lời những câu hỏi hướng đến trọng tâm của bài nhằm đánh giá mức độ tiếp thu của sinh viên.

5.2. Điểm thi giữa học phần: Bài kiểm tra giữa kỳ: chiếm 20% tổng điểm thành phần.

- Giảng viên tự tổ chức kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ cho sinh viên dựa trên nội dung học phần đã học.

- Hình thức thi: tự luận.

5.3. Bài kiểm tra kết thúc học phần: chiếm 60%, thi tập trung theo lịch thi của trường.

- Hình thức thi: tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Xuân Kính (2013), *Con người, môi trường và văn hóa*, Nxb KHXH.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. *Việt Nam đất nước con người* (2010), Nxb Chính trị quốc gia.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Duyên

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

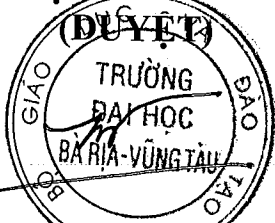
Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: duyentt@bvu.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



[Handwritten signature]

Trần Thị Duyên

S.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

GAO TA

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Địa lý du lịch**
- Mã học phần: 0101100010
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

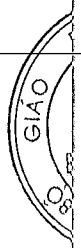
2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

- + Hiểu và phân tích được những lý luận cơ bản về tổ chức lãnh thổ du lịch, về các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch
- + Phân tích, đánh giá được vai trò và sự kết hợp các loại tài nguyên du lịch đối với việc phát triển du lịch của Việt Nam nói chung cũng như việc phát huy lợi thế về du lịch của từng vùng và địa phương nói riêng
- + Hiểu, phân tích và đánh giá được thực trạng phát triển du lịch ở Việt Nam hiện nay
- + Đánh giá được tiềm năng phát triển du lịch của BRVT

- Kỹ năng:

Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, nghiên cứu thực địa, đọc bản đồ và phân tích, tổng hợp tài liệu



- Thái độ:

Người học nhận thức được vai trò của tài nguyên du lịch đối với sự phát triển du lịch. Có ý thức bảo vệ và bảo tồn những giá trị về tự nhiên cũng như nhân văn của đất nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Ngày nay, du lịch đã trở thành nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống của con người và hoạt động du lịch đang được phát triển một cách mạnh mẽ, nó trở thành một ngành kinh tế quan trọng ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Phát triển du lịch chủ yếu dựa trên cơ sở khai thác các nguồn tài nguyên du lịch sẵn có. Để có thể phát triển du lịch một cách bền vững thì phải khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên du lịch. Học phần này nhằm cung cấp những kiến thức nền tảng cơ sở về vấn đề phân bố và tổ chức lãnh thổ du lịch ở Việt Nam hiện nay. Học phần được chia làm hai phần: phần thứ nhất (chương 1, 2, 3): những vấn đề lý luận. Phần này tập trung nghiên cứu vai trò, nhiệm vụ của địa lý du lịch và làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch. Nghiên cứu lý luận về tổ chức lãnh thổ du lịch. Phần thứ hai (chương 4 đến chương 5): Địa lý du lịch Việt Nam và Địa lý du lịch Bà Rịa Vũng Tàu. Phần này tập trung đi sâu vào nghiên cứu tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch của Việt Nam cũng như của địa phương.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ MÔN HỌC	5	3	0	- Hiểu và phân biệt được các khái niệm: du lịch, loại hình du lịch - Phân tích được vai trò và ý nghĩa của du	- Thảo luận trên lớp về vấn đề mối quan hệ giữa Du lịch với Kinh tế, Xã hội và Môi trường. - Nghiên cứu tài liệu [1] và [2]- Chương 1
1.1. Khái quát về du lịch và vai trò của du lịch					
1.1.1. Các khái niệm					

DUC
TRUC
DAI
A RIA-VU

1.1.2. Các loại hình du lịch				lịch đối với kinh tế, xã hội và môi trường	
1.1.3. Vai trò và ý nghĩa của du lịch đối với kinh tế, xã hội và môi trường				- Giải thích được đối tượng và nhiệm vụ của Địa lý du lịch	
1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của Địa lý du lịch				- Hiểu được các phương pháp nghiên cứu ĐL DL	
1.3. Phương pháp nghiên cứu					
Chương 2: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH	5	3	0	- Hiểu và phân biệt được các loại tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn - Phân tích được vai trò của TNDL đối với sự hình thành và phát triển du lịch	- Nghiên cứu Tài liệu [1] và chương 2- tài liệu [2] - Thảo luận về sự ảnh hưởng của một số nhân tố đến sự hình thành và phát triển du lịch - Khảo sát thực tế tại một số địa bàn phát triển du lịch cụ thể
2.1. Tài nguyên du lịch					
2.1.1. Khái niệm và vai trò của tài nguyên du lịch				- Phân tích tổng hợp và đánh giá được vai trò của các nhân tố kinh	
2.1.2. Đặc điểm và phân loại tài nguyên du lịch					
2.1.3. Tài nguyên					

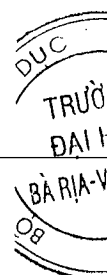
VÀ
NG
OC
NG TÀI

du lịch tự nhiên				tê-xã hội và chính trị đối với sự phát triển du lịch - Hiểu và phân biệt được các khái niệm CSVCKT du lịch và CSHT. Đánh giá được vai trò của các yếu tố đối với
2.1.4. Tài nguyên du lịch nhân văn				
2.2. Các nhân tố kinh tế - xã hội và chính trị				
2.2.1. Dân cư và lao động				
2.2.2. Sự phát triển của nền sản xuất xã hội và các ngành kinh tế				
2.2.3. Cách mạng khoa học- công nghệ				
2.2.4. Nhu cầu nghỉ ngơi du lịch				
2.2.5. Điều kiện sống				
2.2.6. Các nhân tố chính trị				sự hình thành và phát triển du lịch
2.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật				
2.3.1. Cơ sở hạ tầng				
2.3.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục				

ĐẠO ĐỨC

vụ du lịch					
Chương 3: TỔ CHỨC LÃNH THỔ DU LỊCH	5	3	0	- Phân tích được lịch sử và xu hướng phát triển du lịch trên thế giới hiện nay	- Nghiên cứu Tài liệu [1] và [2]- chương 3
3.1. Lịch sử và xu hướng phát triển du lịch thế giới				- Hiểu được khái niệm tổ chức lãnh thổ du lịch và giải thích được các	
3.1.1. Lịch sử phát triển du lịch				hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch	
3.1.2. Xu hướng phát triển và phân bố du lịch trên thế giới					
3.1. Quan niệm về tổ chức lãnh thổ du lịch					
3.2. Các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch					
3.2.1. Hệ thống lãnh thổ du lịch					
3.2.2. Cụm tương hỗ phát triển du lịch					
3.2.3. Vùng du lịch					
3.3. Hệ thống phân vị trong phân vùng					

du lịch					
Chương 4: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VIỆT NAM	4	3	0	- Đánh giá được tiềm năng phát triển du lịch của Việt Nam - Phân tích được thực trạng phát triển du lịch của Việt Nam hiện nay	- Nghiên cứu Tài liệu[1] và [2]- chương 4 - Tham khảo thêm tài liệu [3], [4] và truy cập vào các trang Web sau để thu thập thêm thông tin: http://whc.unesco.org , http://dch.gov.vn http://www.vietnamtourism.gov.vn - Thuyết trình, thảo luận về tiềm năng du lịch của các vùng du lịch Ở Việt Nam hiện nay
4.1. Tiềm năng phát triển du lịch VN					
4.1.1. Vị trí địa lý					
4.1.2. Tài nguyên					
du lịch tự nhiên					
4.1.3. Tài nguyên du lịch nhân văn					
4.2. Thực trạng phát triển ngành du lịch Việt Nam					
4.2.1. Nguồn khách					
4.2.2. Doanh thu					
4.2.3. Nguồn nhân lực					
4.2.4. Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch					
4.3. Hệ thống các vùng du lịch ở					



Việt Nam					
Chương 5. ĐỊA LÝ DU LỊCH BÀ RỊA VŨNG TÀU	4	3	0	- Năm được những thông tin cơ bản về tỉnh BRVT	- Nghiên cứu Tài liệu [1], [3] và [5]. - Đi thực tế khảo sát tiềm năng phát triển du lịch của Bà Rịa Vũng Tàu
5.1. Giới thiệu khái quát tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu				- Đánh giá được tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh BRVT	
5.2. Tài nguyên du lịch					
5.3. Sản phẩm du lịch đặc trưng					
5.4. Các điểm du lịch có ý nghĩa quốc gia và quốc tế					
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; - Hình thức thi: tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; - Hình thức thi: tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Đỗ Thị Minh Đức và Nguyễn Việt Thịnh (2017), *Giáo trình Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam*, Tập I, Nxb. Giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Những trầm tích địa danh*. Nxb Thời đại.

VÀ
NG
OC
UNGT
★

[3]. Lê Thông (2010), *Địa lí các tỉnh và thành phố Việt Nam*. Nxb Giáo dục.

6.3. Các website:

- <http://whc.unesco.org> - <http://dch.gov.vn> - <http://www.vietnamtourism.gov.vn>

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Đinh Thị Hoa Lê

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: địa lý du lịch

Thông tin liên hệ: ledth@bv.u.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

Đinh Thị Hoa Lê

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM
- Mã học phần: 0101120044
- Số tín chỉ: 02 (2, 0, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không bắt buộc
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.
- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần này trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tiến trình phát triển của văn hóa Việt Nam và đặc trưng văn hóa của các dân tộc Việt Nam, qua đó có thể thấy được những nét tương đồng và khác biệt giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa các nước khác. Đặc biệt là với văn hóa các nước trong khu vực và văn hóa các nước từng có nhiều ảnh hưởng đến Việt Nam (Trung Quốc, Pháp, Mỹ...).

- Kiến thức:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản về văn hóa, văn hóa học và văn hóa Việt Nam giúp người học có thể hiểu rõ hơn về dân tộc mình, nền văn hóa của mình; nhận biết được những nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam; nhận thức được vai trò có tính chất nền tảng của văn hóa trong sự phát triển toàn diện và bền vững của đời sống xã hội. Đồng thời giúp người học vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, lí giải các vấn đề có liên quan.

- Kỹ năng:

Sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức đã học để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến văn hóa và con người Việt Nam. Giúp người học hình thành những kỹ năng tư duy từ những vấn đề thực tiễn, có khả năng thích nghi ứng xử và hành xử văn hóa - văn minh hiện đại trong các lĩnh vực hoạt động xã hội.

- Thái độ:

+ Biết tôn trọng và tự hào, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

+ Có ý thức tôn trọng các nền văn hóa khác, biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho vốn văn hóa truyền thống.

+ Có thói quen quan tâm tới các vấn đề văn hóa đã và đang diễn ra trong đời sống xã hội.

+ Củng cố và nâng cao vốn văn hóa cho bản thân, xây dựng lối sống lành mạnh dựa trên các tiêu chí Chân - Thiện - Mỹ, nhằm góp phần hoàn thiện tâm hồn, nhân cách để trở thành những con người phát triển toàn diện, hài hòa, tạo nền tảng và động lực cho sự phát triển bền vững của xã hội.

- Phương pháp giảng dạy:

+ Giáo viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).

+ Giáo viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.

+ Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

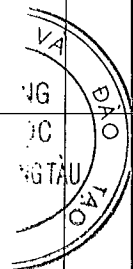
Học phần này cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về văn hoá như: văn hoá, văn minh, văn hiến, văn vật. Những vấn đề liên quan như đến hình thái, mô hình, cấu trúc, chức năng của văn hóa. Học phần cũng cung cấp cho người học những kiến thức tổng quát, từ đó có thể giúp người học có thể lý giải về các khía cạnh của văn hóa Việt Nam như: mối quan hệ giữa con người, với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội Việt Nam với văn hóa; những đặc trưng chung của quá trình giao lưu tiếp xúc văn hóa ở Việt Nam và những nét nổi bật của quá trình giao lưu tiếp xúc giữa văn hóa Việt Nam với Trung Hoa, Ấn Độ, phương Tây.

Học phần này cũng giới thiệu cho người học những thành tố cơ bản của văn hóa Việt Nam như: Ngôn ngữ, tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội và diễn trình của lịch sử văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam. Từ đó bước đầu định hướng nhận thức về sự phát triển của nền văn hóa Việt Nam hiện đại trên cơ sở gìn giữ, phát huy những giá trị truyền thống và hội nhập, tiếp thu những giá trị văn hóa mới.

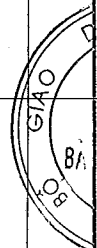
4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT, TL			

<p>Chương I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM</p> <p>I. Văn hóa là gì?</p> <p>I.1. Khái niệm văn hóa.</p> <p>I.2. Phân tích một số định nghĩa, quan niệm tiêu biểu về văn hóa.</p> <p>I.3. Phân biệt văn hóa với văn minh, văn hiến, văn vật.</p> <p>II. Định vị văn hóa Việt Nam</p> <p>II.1 Loại hình văn hóa</p> <p>II.1.1. Khái niệm loại hình văn hóa</p> <p>II.1.2. Các loại hình văn hóa gốc trong diễn trình văn hóa, văn minh nhân loại</p> <p>II.2. Tọa độ văn hóa Việt Nam</p> <p>II.2.1. Chủ thể văn hóa Việt Nam</p> <p>II.2.2. Không gian văn hóa Việt Nam</p> <p>II.2.3. Thời gian văn hóa Việt Nam</p> <p>II.3 Tiếp xúc và giao lưu văn hóa</p> <p>II.1. Tiếp xúc và giao lưu văn hóa</p> <p>II.2. Tiếp xúc và giao lưu văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam</p> <p>III. Đặc trưng, chức năng của văn hóa</p> <p>III.1. Một số đặc trưng cơ bản của văn hóa.</p> <p>III.2. Một số chức năng cơ bản của văn hóa.</p> <p>IV. Cấu trúc hệ thống của văn hóa, các thành tố văn hóa</p> <p>IV.1. Một số quan niệm về cấu trúc của văn hóa</p> <p>IV.2. Xác định cấu trúc hệ thống của văn hóa, các thành tố văn hóa.</p>	7	3		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên hiểu được các khái niệm văn hóa, phân biệt văn hóa với văn minh, văn hiến, văn vật; Hiểu được các loại hình văn hóa gốc trong diễn trình văn hóa, văn minh nhân loại (văn hóa gốc du mục, văn hóa gốc nông nghiệp); xác định được loại hình của văn hóa Việt Nam là gì; - Biết được tọa độ của của văn hóa Việt Nam (chủ thể, thời gian và không gian) - Hiểu được các khái niệm giao lưu tiếp biến và hội nhập văn hóa giữa Phương Đông và Phương Tây; quá trình giao lưu văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam. - Hiểu và xác định cấu trúc hệ thống của văn hóa, các thành tố văn hóa 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước tài liệu [2], [3]
<p>Chương II. TIẾN TRÌNH VĂN HÓA VIỆT NAM</p> <p>I. Văn hóa Việt Nam thời tiền sử và sơ sử: sự định hình cấu trúc văn hóa bản địa.</p> <p>1. Các văn hóa tiêu biểu thời kì đồ đá: Sơn Vi, Hòa Bình, Bắc Sơn...</p> <p>2. Văn hóa đồng thau và thời kì dựng nước: từ Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun đến văn hóa Đông Sơn...; Nhà nước Văn Lang - Âu</p>	7	2		<ul style="list-style-type: none"> - SV hiểu được quá trình hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam, các nền văn hóa tiêu biểu. - Biết được bối cảnh lịch sử xã hội, những đặc trưng, các vấn đề và thành tựu cơ bản của từng thời kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước tài liệu [2], [3], [4], [8], [9], [10]



Lạc. 3. Những thành tựu cơ bản và đặc trưng của cấu trúc văn hóa bản địa.				trong tiến trình văn hóa Việt Nam.	
II. Văn hóa Việt Nam thiên niên kỉ đầu công nguyên 1. Bối cảnh lịch sử - xã hội - văn hóa. 2. Tiếp xúc và giao lưu với văn hóa Trung Hoa. 3. Tiếp xúc và giao lưu với văn hóa Ấn Độ. Văn hóa Chăm-pa. 4. Những kết tinh giá trị của văn hóa Việt Nam thiên niên kỉ đầu công nguyên					
III. Văn hóa Việt Nam thời tự chủ: sự khẳng định cấu trúc văn hóa truyền thống 1. Bối cảnh lịch sử - xã hội - văn hóa. 2. Những vấn đề, thành tựu cơ bản của thiết chế văn hóa phong kiến Đại Việt - Đại Nam					
IV. Văn hóa Việt Nam thời cận - hiện đại: sự chuyển đổi từ cấu trúc văn hóa truyền thống sang mô thức văn hóa hiện đại 1. Bối cảnh lịch sử - xã hội - văn hóa 2. Những vấn đề, thành tựu văn hóa cơ bản của văn hóa Việt Nam hiện đại					
Chương III. MỘT SỐ THÀNH TỐ VĂN HÓA VIỆT NAM	10	2			
I. Hệ thống chính trị - xã hội I.1. Tổ chức gia đình, gia tộc I.2. Tổ chức làng xã I.3. Tổ chức đô thị I.4. Tổ chức quốc gia II. Pháp luật (Sinh viên tự học) III. Chế độ giáo dục khoa cử III.1. Giáo dục III.2. Chế độ khoa cử: tổ chức thi, quy chế thi, cấp bậc và thứ hạng IV. Phong tục tập quán IV.1. Nghệ thuật ẩm thực IV.2. Trang phục truyền thống IV.3. Nhà ở				- Giúp SV hiểu được hệ thống các thành tố của văn hóa Việt Nam: hệ thống chính trị - xã hội, pháp luật, chế độ khoa cử, phong tục tập quán, nghệ thuật truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết, văn học, nghệ thuật truyền thống, ngôn ngữ, chữ viết, văn học, tín ngưỡng - tôn giáo - tư tưởng của Việt Nam truyền thống. - Nắm được giá trị nổi bật và đặc trưng	Nghiên cứu trước tài liệu [1], [2], [3], [5], [9] - Làm bài tập ở nhà - Thuyết trình



<p>IV.4. Hôn nhân IV.5. Tang ma IV.6. Lễ tết, lễ hội V. Nghệ thuật truyền thống (<i>Sinh viên tự học</i>) VI. Ngôn ngữ, chữ viết, văn học nghệ thuật VI.1. Ngôn ngữ, chữ viết VI.2. Giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ VI.3. Thành tựu và đặc trưng văn học truyền thống. VII. Tín ngưỡng - tôn giáo - tư tưởng VII.1. Tín ngưỡng: Tín ngưỡng phồn thực; Tín ngưỡng thờ Mẫu; Thành hoàng làng VII.2. Tôn giáo: Nho, Phật, Đạo, Cao Đài, Hòa Hảo VII.3. Tư tưởng: diễn biến và đặc điểm qua các thời kì</p>				<p>cơ bản của các thành tố.</p>	
<p>Chương IV. VÙNG VĂN HÓA VIỆT NAM</p> <p>I. Vùng văn hóa và các tiêu chí phân vùng văn hóa II. Các vùng Văn hóa ở Việt Nam 1. Vùng văn hóa Tây Bắc 2. Vùng văn hóa Việt Bắc 3. Vùng văn hóa Bắc bộ và Bắc Trung Bộ 4. Vùng văn hóa Nam Trung Bộ 5. Vùng văn hóa Tây Nguyên 6. Vùng văn hóa Nam Bộ</p>	4	2		<p>- Mô tả được không gian của từng vùng văn hóa ở Việt Nam; Nắm được điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của từng vùng văn hóa.</p>	<p>- Nghiên cứu trước tài liệu [2], [3], [9], [11] - Làm bài tập ở nhà - Thuyết trình</p>
<p>Chương 5. VẤN ĐỀ VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN</p> <p>I. Bản sắc văn hóa và bản sắc văn hóa Việt Nam. II. Văn hóa và phát triển: vấn đề văn hoá và phát triển ở Việt Nam.</p>	2	1		<p>- Hiểu được bản sắc văn hóa Việt là gì? Mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển; Đánh giá được một số vấn đề về văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay</p>	<p>- Nghiên cứu trước tài liệu [2], [7] - Làm bài tập ở nhà - Thuyết trình</p>
Tổng	30	8			

UC
TRƯỜNG
LẠI HỌC
BÀ-VŨNG
★

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm/ tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm/ tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Trần Quốc Vượng (Cb) (2011), *Cơ sở văn hoá Việt Nam*, Nxb. Giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Quốc Vượng (2016), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học.

[3]. Ngô Đức Thịnh (2015), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, Nxb. KHXH.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày 20 tháng 1 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Tâm lý học đại cương**
- Mã học phần: 0101120044
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

+ Trang bị cho sinh viên hệ thống các khái niệm cơ bản của khoa học tâm lí và các phương pháp nghiên cứu trong tâm lí học; nguồn gốc nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; bản chất của mặt đời sống tâm lí con người: nhận thức; xúc cảm – tình cảm; hành động.

- Kỹ năng:

+ Nhận diện được các trạng thái tâm lí của con người; các thuộc tính tâm lí tạo nên cấu trúc nhân cách; các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách.

- Thái độ:

Yêu thích bộ môn và muốn tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn về môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn tâm lí học đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đời sống tâm lí của con người. Môn học này đề cập một số vấn đề mang tính lí luận chung về các hiện tượng tâm lí, cụ thể các phần:

- Vấn đề: Ý thức và vô thức.
- Vấn đề: Chú ý trong nhận thức.
- Vấn đề: Hoạt động của tư duy.
- Vấn đề: Hoạt động nhận thức.
- Vấn đề: Xúc cảm và tình cảm.
- Vấn đề: Ý chí, nhân cách.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
<p>Vấn đề 1: TÂM LÍ HỌC LÀ MỘT NGÀNH KHOA HỌC</p> <p>1.1. Sơ lược lịch sử tâm lí học</p> <p>1.2. Bản chất của hiện tượng tâm lí</p> <p>1.3. Chức năng của tâm lí</p> <p>1.4. Phân loại hiện tượng tâm lí</p> <p>1.5. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lí học</p> <p>1.6. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của tâm lí học</p> <p>1.7. Vị trí của tâm lí học và các lĩnh vực của tâm lí học</p>	4	3	0	Sv nắm được các khái niệm cơ bản về ngành tâm lí học.	-Đọc trước tài liệu -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận
<p>Vấn đề 2: Ý THỨC VÀ VÔ THỨC</p> <p>2.1. Ý thức</p>	5	3	0	-Tìm hiểu về ý thức	-Đọc trước tài liệu -Phát biểu



2.1.1. Khái niệm ý thức 2.1.2. Đặc điểm của ý thức 2.1.3. Cấu trúc của ý thức 2.1.4. Các cấp độ ý thức 2.1.5. Quá trình hình thành và phát triển ý thức 2.1.6. Ý thức trong lĩnh vực pháp lí					xây dựng bài -Thảo luận
2.2. Vô thức 2.2.1. Định nghĩa vô thức 2.2.2. Các hiện tượng vô thức 2.2.3. Mối quan hệ giữa ý thức và vô thức 2.3. 4. Vô thức trong lĩnh vực pháp lí				-Tìm hiểu về vô thức	-Đọc trước tài liệu -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận
Vấn đề 3: CHÚ Ý 3.1. Khái niệm chú ý 3.1.1. Định nghĩa 3.1.2. Vai trò của chú ý 3.2. Các thuộc tính của chú ý 3.3. Phân loại chú ý	4	2	0	-Tìm hiểu về “chú ý”	-Đọc trước tài liệu -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận
Vấn đề 4: HOẠT ĐỘNG 1. Một số khái niệm 4.1.1. Khái niệm hoạt động 4.1.2. Khái niệm hành động 4.1.3. Khái niệm hành vi 4.2. Đặc điểm của hoạt động 4.2.1. Tính đối tượng 4.2.2. Tính chủ thể 4.2.3. Tính mục đích 4.2.4. Tính gián tiếp	5	3	0	-Tìm hiểu về các hoạt động và hành vi, các khái niệm liên quan như và đặc điểm.	-Đọc trước tài liệu -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận
4.3. Cấu trúc của hoạt động				-Hiểu về cấu trúc	-Đọc trước

JC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HÀ-VĨNH
★

4.4. Quá trình động cơ hoá 4.4.1. Định nghĩa 4.4.2. Các yếu tố trong quá trình động cơ hoá 4.4.3. Cơ chế của quá trình động cơ hoá 4.5. Sự sai lệch hành vi cá nhân và hành vi xã hội của nhân cách 4.5.1. Sự sai lệch hành vi cá nhân 4.5.2. Sự sai lệch hành vi xã hội và sự giáo dục sửa chữa các hành vi lệch chuẩn mực đạo đức xã hội				của hoạt động, động cơ hóa, sự sai lệch hành vi cá nhân và hành vi xã hội của nhân cách.	tài liệu -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận
Vấn đề 5: HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC	4	2	0	-Sv tìm hiểu về hoạt động nhận thức cảm giác và tri giác	-Đọc tài liệu -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận
5.1. Hoạt động nhận thức cảm tính 5.1.1. Cảm giác 5.1.2. Tri giác					
5.2. Hoạt động nhận thức lí tính 5.2.1. Tư duy 5.2.2. Tưởng tượng				Sv tìm hiểu về hoạt động nhận thức lí tính	-Đọc tài liệu -Phát biểu bài
Ôn tập	1	2	0		
Tổng:	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Bài kiểm tra thường xuyên: chiếm 20%, là điểm trung bình cộng của các điểm chuyên cần, thái độ học tập của sinh viên và bài kiểm tra thường xuyên.

- Thái độ chuyên cần học tập được tính dựa trên số tiết sinh viên tham gia vào buổi học trên lớp đúng và đủ giờ, tôn trọng thầy cô, hòa đồng với bạn bè, không làm việc riêng trong lớp, nghiêm túc nghe giảng và có ý thức xây dựng bài học thông qua các hoạt động làm việc theo nhóm.

- Bài kiểm tra thường xuyên được tổ chức sau từng bài học qua việc lựa chọn ngẫu nhiên một vài sinh viên trả lời những câu hỏi hướng đến trọng tâm của bài nhằm đánh giá mức độ tiếp thu của sinh viên.

5.2. Điểm thi giữa học phần: Bài kiểm tra giữa kỳ: chiếm 20% tổng điểm thành phần.

- Giảng viên tự tổ chức kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ cho sinh viên dựa trên nội dung học phần đã học.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

5.3. Bài kiểm tra kết thúc học phần: chiếm 60%, thi tập trung theo lịch học của trường.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Công Khanh và Nguyễn Minh Đức (2017), *Nghệ thuật hiểu thấu tâm lý người khác*, Nxb. Khoa học xã hội.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Dương Thị Diệu Hoa (2008), *Giáo trình Tâm lý học phát triển*, Nxb. ĐH sư phạm.

[3]. Trần Thị Minh Đức (2008), *Các thực nghiệm trong tâm lý học xã hội*, Nxb. ĐHQG Hà Nội.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Xoan

Năm sinh:

Học vị: Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: xã hội học

Thông tin liên hệ:

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



(Handwritten signatures)

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Hồng Xoan

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Nhân học đại cương** (General Anthropology)
- Mã học phần: 0101120621
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

+ Kiến thức: Yêu cầu sinh viên đã tích lũy các kiến thức về lý luận Mác-xít

+ Kỹ năng: Sinh viên đã được trang bị các kỹ năng nhận biết vấn đề và đặt câu hỏi liên quan đến bài giảng

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Cung cấp cho sinh viên hiểu về một ngành khoa học nghiên cứu về con người trên các phương diện sinh học, văn hóa, xã hội.

- Kỹ năng:

+ Giải thích được những vấn đề cơ bản trong nội dung bài giảng.

+ Trả lời những câu hỏi của giảng viên và bạn học liên quan đến bài giảng

- Thái độ:

Yêu thích bộ môn và muốn tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn về môn học.

Biết cách đọc và tìm hiểu tài liệu liên quan đến môn học.

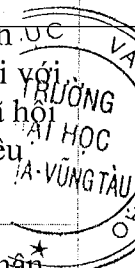
3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung của môn học là trình bày tổng quát một ngành khoa học nghiên cứu về con người; từ con người sinh học đến con người văn hóa – xã hội.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT, TL			
<p>Chương I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA NHÂN HỌC</p> <p>1. Đối tượng và quan điểm của Nhân học</p> <p>2. Sự hình thành và phát triển của Nhân học, các lĩnh vực nghiên cứu</p> <p>3. Mối quan hệ giữa Nhân học và các ngành khoa học khác</p> <p>4. Các trường phái, khuynh hướng chính trong Nhân học</p> <p>5. Điền dã Dân tộc học</p>	2	1	0	<p>- Giảng viên trình bày nội dung và đặt câu hỏi</p> <p>- Sinh viên đọc bài trước khi lên lớp, nghe giảng, trả lời câu hỏi và thảo luận</p>	<p>- Giáo trình Nhân học đại cương (chương 1)</p> <p>- Dân tộc học đại cương</p> <p>- Văn hóa học: những lý thuyết nhân học văn hóa</p> <p>- Nhân học – một quan điểm tình trạng nhân sinh</p>
<p>Chương II: SỰ TIẾN HÓA CỦA CON NGƯỜI VỀ SINH HỌC VÀ VĂN HÓA</p> <p>1. Quá trình nhân hoá và sự xuất hiện loài người và văn hoá</p> <p>2. Các chủng tộc loài người</p> <p>3. Mối quan hệ giữa chủng tộc, dân tộc và văn hoá</p> <p>4. Phê phán chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.</p>	2	1	0	<p>- Giảng viên trình bày nội dung và đặt câu hỏi</p> <p>- Sinh viên đọc bài trước khi lên lớp, nghe giảng, trả lời câu hỏi và thảo luận</p>	<p>- Giáo trình Nhân học đại cương (chương 2)</p> <p>- Dân tộc học đại cương</p>
<p>Chương III: TỘC NGƯỜI VÀ QUÁ TRÌNH TỘC NGƯỜI</p> <p>1. Khái niệm dân tộc trong khoa học</p>	3	2	0	<p>- Giảng viên trình bày nội dung và đặt câu hỏi</p>	<p>- Giáo trình Nhân học đại cương (chương 3)</p>

<p>Nhân học và Dân tộc học</p> <p>2. Các tiêu chí của tộc người</p> <p>3. Những nhân tố tác động đến tộc người</p> <p>4. Các cấp độ của cộng đồng tộc người</p> <p>5. Những quá trình tộc người</p> <p>6. Các tộc người ở Việt Nam</p>				<p>- Sinh viên đọc bài trước khi lên lớp, nghe giảng, trả lời câu hỏi và thảo luận</p>	<p>- Dân tộc học đại cương</p> <p>- Bức khám văn hóa châu Á</p>
<p>Chương IV: VĂN HOÁ</p> <p>1. Khái niệm và bản chất của văn hoá</p> <p>2. Các cách tiếp cận văn hoá trong lý thuyết Nhân học</p>	3	2	0	<p>- Giảng viên trình bày nội dung và đặt câu hỏi</p> <p>- Sinh viên đọc bài trước khi lên lớp, nghe giảng, trả lời câu hỏi và thảo luận</p>	<p>- Giáo trình Nhân học đại cương (chương 4)</p> <p>- Bức khám văn hóa châu Á</p>
<p>3. Tính chất và cấu trúc của văn hoá</p> <p>4. Văn hoá và biểu tượng</p> <p>5. Giao lưu, tiếp xúc văn hoá</p>				<p>- Nhân học văn hoá: con người với thiên nhiên, xã hội với thế giới siêu nhiên</p>	<p>- Nhân học văn hoá: con người với thiên nhiên, xã hội với thế giới siêu nhiên</p>
<p>Chương V: TÔN GIÁO</p> <p>1. Khái niệm tôn giáo và cách tiếp cận Nhân học về tôn giáo</p> <p>2. Các hình thái tôn giáo</p> <p>3. Huyền thoại và tôn giáo</p> <p>4. Nghi lễ tôn giáo</p> <p>5. Tổ chức tôn giáo</p>	3	2	0	<p>- Giảng viên trình bày nội dung và đặt câu hỏi</p> <p>- Sinh viên đọc bài trước khi lên lớp, nghe giảng, trả lời câu hỏi và thảo luận</p>	<p>- Giáo trình Nhân học đại cương (chương 5)</p> <p>- Nhân học văn hoá: con người với thiên nhiên, xã hội với thế giới siêu nhiên</p> <p>- Dân tộc học đại cương</p>
<p>Chương VI: NGÔN NGỮ</p> <p>1. Một số khái niệm cơ bản về ngôn ngữ</p> <p>2. Nhân học ngôn ngữ: ngôn ngữ học vị con người</p> <p>3. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ văn hoá và xã hội</p>	2	1	0	<p>- Giảng viên trình bày nội dung và đặt câu hỏi</p> <p>- Sinh viên đọc bài trước khi lên lớp, nghe giảng, trả lời câu hỏi và thảo luận</p>	<p>- Giáo trình Nhân học đại cương (chương 6)</p> <p>- Bức khám văn hóa châu Á</p>



3.1. Tiến trình nhận thức về mối quan hệ giữa văn hoá và xã hội 3.2. Một số lĩnh vực nghiên cứu cụ thể					
Chương VII: KINH TẾ 1. Mối quan hệ giữa kinh tế học và Nhân học 2. Các phương thức tìm kiếm thực phẩm của con người trên thế giới 3. Hệ thống kinh tế	2	1,5	0	- Giảng viên trình bày nội dung và đặt câu hỏi - Sinh viên đọc bài trước khi lên lớp, nghe giảng, trả lời câu hỏi và thảo luận	- Giáo trình Nhân học đại cương (chương 7) - Bức khám văn hóa châu Á - Dân tộc học đại cương
Chương VIII: THÂN TỘC, HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH 1. Thân tộc 2. Dòng họ 3. Hôn nhân 4. Gia đình	2	1,5	0	- Giảng viên trình bày nội dung và đặt câu hỏi - Sinh viên đọc bài trước khi lên lớp, nghe giảng, trả lời câu hỏi và thảo luận	- Giáo trình Nhân học đại cương (chương 7) - Dân tộc học đại cương - Bức khám văn hóa châu Á
Chương IX: CÁC HIỆP HỘI VÀ PHÂN TẦNG XÃ HỘI 1. Hiệp hội 2. Bất bình đẳng xã hội và phân tầng xã hội	2	1,5	0	- Giảng viên trình bày nội dung và đặt câu hỏi - Sinh viên đọc bài trước khi lên lớp, nghe giảng, trả lời câu hỏi và thảo luận	- Giáo trình Nhân học đại cương (chương 9) - Dân tộc học đại cương - Bức khám văn hóa châu Á
Chương X: NHÂN HỌC ỨNG DỤNG 1. Khái niệm Nhân học ứng dụng 2. Các lĩnh vực nghiên cứu của Nhân học ứng dụng 3. Các tổ chức hỗ trợ Nhân học ứng dụng	2	1,5	0	- Giảng viên trình bày nội dung và đặt câu hỏi - Sinh viên đọc bài trước khi lên lớp, nghe giảng, trả lời câu hỏi và thảo luận	- Giáo trình Nhân học đại cương (chương 10)

ĐẠO ĐỨC

4. Vai trò của nhà Nhân học ứng dụng và đạo đức nghề nghiệp của họ					
TỔNG	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Bài kiểm tra thường xuyên: chiếm 20%, là điểm trung bình cộng của các điểm chuyên cần, thái độ học tập của sinh viên và bài kiểm tra thường xuyên.

- Thái độ chuyên cần học tập được tính dựa trên số tiết sinh viên tham gia vào buổi học trên lớp đúng và đủ giờ, tôn trọng thầy cô, hòa đồng với bạn bè, không làm việc riêng trong lớp, nghiêm túc nghe giảng và có ý thức xây dựng bài học thông qua các hoạt động làm việc theo nhóm.

- Bài kiểm tra thường xuyên được tổ chức sau từng bài học qua việc lựa chọn ngẫu nhiên một vài sinh viên trả lời những câu hỏi hướng đến trọng tâm của bài nhằm đánh giá mức độ tiếp thu của sinh viên.

5.2. Điểm thi giữa học phần: Bài kiểm tra giữa kỳ: chiếm 20% tổng điểm thành phần.

- Giảng viên tự tổ chức kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ cho sinh viên dựa trên nội dung học phần đã học.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

5.3. Bài kiểm tra kết thúc học phần: chiếm 60%, thi tập trung theo lịch học của trường.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Hoàng Nam (2012), *Đại cương nhân học văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc.

6.2. Tài liệu tham khảo:

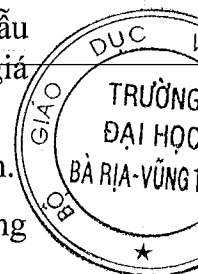
[2]. Hội dân tộc học thành phố HCM (2014), *Nhân học và cuộc sống*, Nxb ĐHQG TP. HCM.

[3]. Phạm Thành Nhân (2011), *Văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam*, Nxb Dân trí.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Phan Thị Hồng Xuân

Năm sinh:



Học vị: Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: nhân học

Thông tin liên hệ:

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁNG VIÊN BIÊN SOẠN



[Handwritten signature]

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Phan Thị Hồng Xuân



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Kinh tế học đại cương**
- Mã học phần: 0101100121
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần: sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** Học xong học phần này sinh viên có kiến thức về:
 - + Kinh tế học đại cương nghiên cứu những vấn đề gì, bắt nguồn từ đâu
 - + Cơ chế thị trường hoạt động như thế nào: khái niệm cầu, cung và cân bằng thị trường, những yếu tố ảnh hưởng đến trạng thái cân bằng, độ co giãn và ứng dụng
 - + Cách thức người tiêu dùng lựa chọn tiêu dùng hàng hóa dịch vụ với ngân sách hạn chế và cách thức nhà sản xuất ra quyết định sản xuất dựa trên nguồn lực có hạn.
 - + Đặc điểm của các loại thị trường và cách thức nhà sản xuất ra các quyết định sản xuất.
 - + Sự can thiệp của chính phủ ảnh hưởng như thế nào đến thị trường hàng hóa và dịch vụ và cách thức các thành phần kinh tế phản ứng trước những chính sách đó.
- **Kỹ năng:**
 - + *Kỹ năng cứng:*

Sinh viên biết cách sử dụng đồ thị cung cầu và các đồ thị khác để lập luận logic về các quyết định của người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Sinh viên biết cách giải thích các hiện tượng Kinh tế học đại cương xảy ra trong đời sống hàng ngày như: mối quan hệ giữa giá cả và sản lượng, hành vi của người tiêu dùng, hành vi của doanh nghiệp trong việc định giá và sản lượng sản xuất.

Sinh viên biết cách lý giải những diễn biến trên thị trường và phân tích mục đích, ưu nhược điểm của các chính sách của chính phủ nhằm điều tiết thị trường cung cầu hàng hóa và dịch vụ.

+ *Kỹ năng mềm*: Giúp sinh viên có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin, kỹ năng ra quyết định cho bản thân dưới góc độ là người tiêu dùng và nhà sản xuất, kỹ năng liên tưởng để tìm ra điểm tương đồng giữa mô hình kinh tế với thực tế xã hội. Sinh viên cũng có kỹ năng tư duy độc lập, kỹ năng tự học tự đọc hiểu tài liệu.

- *Thái độ*: Tôn trọng quan điểm của người khác, tôn trọng pháp luật, có động cơ học tập đúng đắn dựa trên quan điểm về chi phí cơ hội.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Trang bị cho học viên những kiến thức căn bản về cách thức ra quyết định của người tiêu dùng, nhà sản xuất và chính phủ trên các loại thị trường khác nhau với các khái niệm như cầu, cung, giá thị trường, độ co giãn...; các nguyên tắc lựa chọn hợp lý của người tiêu dùng và nhà sản xuất; các loại thị trường khác nhau thì cách thức ra quyết định của các thành phần trong nền kinh tế cũng khác nhau; các chính sách của chính phủ như giá trần, giá sàn, thuế, trợ cấp, ... ảnh hưởng như thế nào đến các thành phần trong nền kinh tế và nói chung toàn xã hội.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC	3	1	0	- Chi phí cơ hội của việc sản xuất một hàng hóa hoặc tiêu dùng một hàng hóa và dịch	Nghiên cứu trước: [1]: Chương 1, [3]: Chương 1.
1.1. Khái niệm về kinh tế học					



1.1.1 Kinh tế học về sự khan hiếm				vụ - Quy luật về sự khan hiếm - Các vấn đề cơ bản của một nền kinh tế và cách thức giải quyết chúng	Đọc thêm: [2], Bài 1, Con người ra quyết định như thế nào. Bài tập bắt buộc: [3]: Chương 1 Làm thêm: [1]: Chương 1.
1.1.2. Kinh tế học vi mô và vĩ mô					
1.1.3. Kinh tế học thực chứng và chuẩn tắc					
1.2. Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế					
1.2.1. Ba vấn đề cơ bản					
1.2.2. Đường giới hạn năng lực sản xuất					
1.2.3. Vòng chu chuyển kinh tế					
Chương 2. CUNG, CẦU VÀ GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	5	3	0	- Cơ chế thị trường hoạt động như thế nào để dẫn đến trạng thái cân bằng của thị trường - Những yếu tố nào ảnh hưởng đến cung cầu của thị trường và trạng thái cân bằng - Chính phủ can thiệp vào thị trường sẽ ảnh hưởng như thế nào đến các thành phần trong nền kinh tế	Nghiên cứu trước: [3]: Chương 2. [1]: Chương 3, chương 4. Đọc thêm: [2]: Bài 3, 4, 5, 6. Bài tập bắt buộc: [3]: Chương 2. Làm thêm: [1]: Chương 3, 4.
2.1. Thị trường					
2.2. Cầu thị trường					
2.2.1. Khái niệm					
2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng					
2.2.3. Sự co giãn của cầu					
2.3. Cung thị trường					
2.3.1 Khái niệm					
2.3.2 Các yếu tố ảnh hưởng					
2.4. Thị trường cân bằng					
2.4.1 Khái niệm					
2.4.2 Cơ chế thị trường					

C
V
RƯỜNG
VI HỌC
: - VŨNG TÀ

2.4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến trạng thái cân bằng					
2.5. Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường					
2.5.1. Giá trần					
2.5.2. Giá sàn					
2.5.3. Thuế					
2.5.4. Trợ cấp					
Chương 3. LÝ THUYẾT HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG	3	2	0	- Cách thức lựa chọn tiêu dùng hàng hóa dịch vụ với một ngân sách hạn chế.	Nghiên cứu trước [3]: Chương 3.
				- Những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của người tiêu dùng	[2]: Bài 21. [1]: Chương 5 Bài tập bắt buộc: [3]: Chương 3. [2]: Bài 21
3.1. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng thuyết hữu dụng					[3]: Chương 3, Mục 3.1
3.1.1. Khái niệm về hữu dụng					
3.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng					
3.2. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng hình học					[3]: Chương 3, Mục 3.2
3.2.1. Đường đẳng ích					
3.2.2. Đường ngân sách					
3.2.3. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng					



Chương 4. LÝ THUYẾT VỀ SẢN XUẤT VÀ CHI PHÍ	4	3	0	<p>-Cách thức ra quyết định sản xuất của nhà sản xuất nhằm tối đa hóa lợi nhuận</p> <p>- Chi phí sản xuất của doanh nghiệp đóng vai trò như thế nào trong hoạt động sản xuất và xác định giá bán của doanh nghiệp</p>	<p>Nghiên cứu trước:</p> <p>[3]: Chương 4.</p> <p>Đọc thêm:</p> <p>[1]: Chương 7, Chương 6.</p> <p>[2]: Bài 13.</p> <p>Bài tập bắt buộc:</p> <p>[3]: Chương 4.</p> <p>[2]: Bài 13</p> <p>Làm thêm:</p> <p>[1]: Chương 6,7</p>
4.1. Lý thuyết về sản xuất					
4.1.1. Một số khái niệm					
4.1.2. Nguyên tắc sản xuất					
4.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất					
4.2.1 Một số khái niệm					
4.2.2 Chi phí sản xuất trong ngắn hạn					
4.2.3. Chi phí sản xuất trong dài hạn					
Chương 5. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN TOÀN	5	4	0	<p>-Phân biệt các loại thị trường, trong đó cụ thể là thị trường cạnh tranh hoàn toàn.</p> <p>- Phân tích quyết định sản xuất của doanh nghiệp trong ngắn hạn và dài hạn trong thị trường mà giá cả không do nhà sản xuất quyết định.</p> <p>- Chính phủ can thiệp ảnh hưởng như thế nào đến hiệu quả của thị trường</p>	<p>Nghiên cứu trước:</p> <p>[3]: Chương 5.</p> <p>[2]: Bài 14.</p> <p>Đọc thêm:</p> <p>[6]: Phụ lục: Thặng dư và ảnh hưởng của chính sách Chính phủ can thiệp vào thị trường cạnh tranh hoàn toàn.</p> <p>[2]: Bài 9</p> <p>Bài tập bắt buộc:</p> <p>[3]: Chương 5</p> <p>[2]: Bài 14.</p> <p>Làm thêm:</p>
5.1. Một số vấn đề cơ bản					
5.1.1. Đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn toàn					
5.1.2. Đặc điểm của doanh nghiệp cạnh tranh hoàn toàn					
5.2. Phân tích quyết định sản xuất trong ngắn hạn					
5.2.1. Đối với doanh nghiệp					
5.2.2. Đối với thị trường					
5.3. Phân tích quyết định sản xuất trong dài hạn					
5.3.1. Quyết định gia nhập hay rời bỏ ngành					



5.3.2. Đường cung dài hạn của doanh nghiệp					[4]: Chương 5.
5.3.3. Trạng thái cân bằng dài hạn của thị trường cạnh tranh					
5.4. Hiệu quả của thị trường cạnh tranh và sự can thiệp của chính phủ vào thị trường					
5.4.1. Thặng dư tiêu dùng, thặng dư sản xuất và phúc lợi xã hội					
5.4.2. Sự can thiệp của chính phủ					
Chương 6. THỊ TRƯỜNG ĐỘC QUYỀN HOÀN TOÀN	3	2	0		
6.1. Một số vấn đề cơ bản				- Đặc điểm của thị trường độc quyền và các rào cản của doanh nghiệp độc quyền	Nghiên cứu trước: [3]: Chương 6. [2]: Bài 15.
6.1.1 Đặc điểm của thị trường độc quyền hoàn toàn				- Doanh nghiệp độc quyền ra quyết định như thế nào	Đọc thêm: [6]: Chương 6, Chương 7, [2]: Bài 16.
6.1.2 Doanh nghiệp độc quyền hoàn toàn				- Họ sử dụng các chiến lược giá như thế nào nhằm đem lại lợi nhuận cao	Bài tập bắt buộc: [3]: Chương 6. [2]: Bài 15
6.2. Hành vi của doanh nghiệp trong ngắn hạn				- Chính phủ có những biện pháp gì giảm thiểu độc quyền.	Làm thêm: [4]: Chương 6 [1]: Chương 8
6.2.1. Tối đa hóa lợi nhuận					
6.2.2. Tối đa hóa sản lượng					
6.2.3. Tối đa hóa doanh thu					
6.3. Các biện pháp quản lý và điều tiết đối với doanh nghiệp độc quyền					



6.4. Chiến lược phân biệt giá				
Tổng số tiết	23	15	0	

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; - Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; - Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Trần Đăng Thịnh (2012), *Giáo trình kinh tế học đại cương*, Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đồng Thị Thanh Phương, Phạm Ngọc Khanh (2015), *Giáo trình Kinh tế học đại cương*, Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Lê Thu Hằng

Năm sinh: 1990

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: kinh tế, kế toán.

Thông tin liên hệ: hanglt@bvu.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Lê Thu Hằng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Nghệp vụ hướng dẫn du lịch**
- Mã học phần: 0101120550
- Số tín chỉ: **03 (3, 0, 6)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Sinh viên được yêu cầu trang bị trước kiến thức của các học phần sau: Cơ sở văn hóa Việt Nam; Tâm lý giao tiếp du lịch Tổng quan du lịch; Địa lý du lịch; Tuyển điểm du lịch Việt Nam.
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Đi khảo sát tour ngắn ngày tại một số di tích, danh thắng và tuyển điểm du lịch mẫu.

** Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:*

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- + Thực hành đi khảo sát tour theo yêu cầu của giảng viên. Sinh viên phải đảm bảo tham gia thực hành tối thiểu 300 km trên phương tiện vận chuyển du lịch trong suốt thời gian học, dưới sự hướng dẫn của giảng viên (Điểm viết báo cáo khảo sát tour tính vào điểm thi cuối học kỳ).

** Phương pháp giảng dạy:*

- + Giảng viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector);
- + Giảng viên đưa ra chủ đề tình huống thảo luận nhóm, chủ đề bài tập;
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình;

+ Hướng dẫn sinh viên đi khảo sát ngắn ngày tại một số di tích, danh thắng và tuyến điểm du lịch mẫu.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch là môn học nghiệp vụ dành cho sinh viên chuyên ngành Văn hóa - Du lịch. Học phần mang tính thực tiễn cao, đặc biệt thích hợp cho những sinh viên có khuynh hướng chọn hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch là công việc tương lai. Bên cạnh việc trình bày các kỹ năng, quy trình kỹ thuật căn bản hướng dẫn khách du lịch trong và ngoài nước, môn học chú trọng khai thác các lý thuyết cơ bản về tâm lý, kỹ năng tư duy và giao tiếp để sinh viên hiểu và ứng dụng được những yêu cầu về tố chất và ứng xử xã hội, cũng như vị trí và vai trò của một người hướng dẫn trong toàn bộ hoạt động của ngành du lịch.

Học phần liên kết chặt chẽ với các học phần tiên quyết như: Tổng quan du lịch, Địa lý Du lịch và Tuyến điểm Du lịch dùng cho hướng dẫn viên (HDV) du lịch nội địa (domestic tour); hoặc chương trình đón khách quốc tế vào Việt Nam (inbound tour).

Sinh viên được yêu cầu có đủ kỹ năng cơ bản để tham gia công tác hướng dẫn các chương trình du lịch, bao gồm:

2.1. Kiến thức:

Cung cấp các kiến thức cơ bản cần có về nghiệp vụ công tác hướng dẫn du khách trong và ngoài nước, sinh viên được củng cố lại các kiến thức cơ bản về đất nước, khu vực, các phong tục tập quán dân tộc, văn hóa vùng miền, khai thác tâm lý du khách, kỹ năng tư duy, hoạt náo và giao tiếp ứng xử trong các tình huống tác nghiệp thường xuyên xảy ra.

- Nắm được những yêu cầu chung khi xử lý những tình huống phát sinh trong hoạt động du lịch, vận dụng vào việc giải quyết những tình huống cụ thể.

- Giúp sinh viên nắm được những yêu cầu và cách thức xây dựng một bài thuyết minh, những kỹ thuật thuyết minh cụ thể theo từng chuyên đề.

- Cách thiết kế một chương trình du lịch trọn gói và từng phần, các bước để tổ chức hoạt động hướng dẫn du khách.

Bổ sung những kiến thức cần thiết về quy định hành nghề hướng dẫn du lịch theo luật du lịch Việt Nam (Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 180/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013). Những kiến thức qui định hành nghề đối với Hướng dẫn viên nội địa và HDV du lịch quốc tế.

2.2. Kỹ năng:

Sau khi kết thúc học phần: Bước đầu có kỹ năng thuyết minh các tuyến - điểm du lịch chính của Việt Nam, các di tích danh thắng, các công trình kiến trúc, lịch sử, văn hóa... Sinh viên bắt buộc chuẩn bị một bài thuyết minh phục vụ cho công tác hướng dẫn trong chuyến du lịch trên giảng đường hoặc trong chuyến đi thực địa ngắn ngày. Sinh viên nắm vững phương pháp và kỹ năng hướng dẫn trên các phương tiện vận chuyển,

hướng dẫn tham quan trên mặt đất, hướng dẫn tham quan trên đường bằng bộ, đưa đón tại sân bay nhà ga, kỹ năng hoạt náo, teambuilding tour.

Ngoài chuyên môn, sinh viên biết chủ động vận dụng, khai thác những tố chất về năng khiếu của bản thân, tập sự những kỹ năng thuyết minh trong môi trường cụ thể, kỹ năng ứng xử tạo ấn tượng tốt đối với du khách... Đòi hỏi sinh viên cần năng động và nhạy bén qua các hạt động sau:

- Làm việc nhóm.
- Trình bày trước tập thể lớp.
- Phân tích tình huống (case study)
- Kỹ năng hoạt náo

2.3. Thái độ:

Có tác phong đạo đức công dân, rèn luyện ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động, trung thực và tôn trọng pháp luật cũng như chấp hành tốt nội qui của cơ quan, doanh nghiệp tuyển dụng.

Có tinh thần học hỏi, tích cực trong các hoạt động. Có thái độ hợp tác trong các hoạt động nhóm. Hình thành tính tự tin, bản lĩnh, tinh thần cầu tiến cho SV trong tác phong nghề nghiệp.

Có sự chuẩn bị tốt về mặt tinh thần cũng như các vấn đề chuyên môn cho quá trình thực tập nghiệp vụ tại các công ty du lịch và cho quá trình công tác sau này.

Đề cao ý thức chủ động và tác phong làm việc nhanh nhẹn, có trách nhiệm với công việc và đơn vị. Phải có tinh thần khát khao, tận tụy với công việc/ học tập và luôn có ý thức trách nhiệm của người thanh niên tiêu biểu trong một xã hội năng động.

Góp phần tuyên truyền giới thiệu và bảo vệ những giá trị di sản văn hóa, tài nguyên môi trường, xây dựng và bảo vệ đất nước nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường Quốc tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Đây là học phần cần thiết, được xem như là bước đầu tiên tiếp xúc và tìm hiểu đúng bản chất của Hướng dẫn viên du lịch. Qua đó, giúp các bạn sinh viên định hình được những công việc cụ thể về nghề nghiệp của mình trong tương lai. Học phần cung cấp đầy đủ cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề cũng như quy trình và phương pháp tổ chức hướng dẫn khách du lịch theo hình thức tổ chức chuyên đi, phương pháp hướng dẫn tuyến, phương pháp hướng dẫn tham quan theo chuyên đề, phương pháp trả lời câu hỏi, đối thoại với khách, phương pháp xử lý tình huống, phong cách hướng dẫn, động tác, cử chỉ, ngôn ngữ, nghệ thuật diễn đạt... và một số kỹ năng cần thiết khác của Hướng dẫn viên du lịch.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

RƯỜNG
ĐẠI H
RIA-VI

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp	Thí		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
Chương 1: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ DU LỊCH VÀ HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN DU LỊCH.	6	3		
1.1. Khái quát về hoạt động hướng dẫn du lịch			- Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản liên	* <i>Đọc:</i> 1. <i>Tập bài giảng Qui trình</i>
1.1.1. Đặc điểm nghề nghiệp				
1.1.2. Hướng dẫn viên du lịch và các quan niệm nghề nghiệp				
1.1.3. Vị trí và ý nghĩa của hoạt động hướng dẫn du lịch			quan đến hoạt động du lịch và hoạt động hướng dẫn du lịch	và <i>phương pháp hướng dẫn du lịch, Nguyễn Quang Thái</i>
1.2. Hướng dẫn du lịch và các hoạt động chủ yếu				<i>Chương (1) (trang 32);</i>
1.2.1. Hoạt động tổ chức				
1.2.2. Hoạt động thông tin				
1.2.3. Hoạt động kiểm tra và giám sát				
1.2.4. Hoạt động chăm sóc du khách				
1.2.5. Hoạt động PR và tuyên truyền quảng bá di sản.				
1.3. Vị trí và vai trò của người hướng dẫn trong hoạt động của ngành du lịch				
1.3.1. Vai trò của người phục vụ				* <i>Nghiên cứu trước:</i>
1.3.2. Vai trò Marketing viên không chuyên				2. <i>Giáo trình: Nghiệp vụ hướng</i>
1.3.3. Vai trò sứ giả hòa bình				
1.3.4. Vai trò người bảo vệ an ninh quốc gia, an toàn du lịch				
1.4. Những yếu tố khách quan tác				

VA
IG
OC
NGTA

<i>động đến hoạt động hướng dẫn du lịch</i>				của chương.	<i>dẫn du lịch,</i> Đình Trung Kiên, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2008.
1.4.1. Hình thức của chuyến đi					
1.4.2. Thời lượng và thời điểm thực hiện chương trình					
1.4.3. Đặc điểm của đoàn khách du lịch					
1.4.4. Các phương tiện vận chuyển khách du lịch					
1.4.5. Đặc điểm của tuyến, điểm du lịch					
1.4.6. Mối quan hệ với các nhà cung cấp dịch vụ					3. Đọc tài liệu tham khảo số [4], [8]
1.4.7. Mối quan hệ với cơ quan chức năng và khu vực dân cư.					
* Câu hỏi thảo luận: 1. <i>Phân tích vị trí, vai trò của hoạt động hướng dẫn du lịch</i> 2. <i>Đánh giá nghề HDV DL so với các ngành nghề khác trong XH</i> 3. <i>Phân tích đặc điểm lao động của HDV DL và những kiến thức cơ bản cần có là gì?</i> 4. <i>Để công tác hướng dẫn du lịch có hiệu quả, HDV DL cần phải trau dồi những đức tính và phong cách gì?</i>					
Chương 2: NHỮNG PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC CẦN CÓ CỦA HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH.	6	3			
<i>2.1. Khái niệm và phân loại hướng dẫn viên du lịch</i>				- Trang bị cho sinh viên nhận thức về tư duy và trau dồi phẩm chất đạo đức cũng như những	* Đọc: 1. <i>Tập bài giảng Qui trình và phương pháp hướng dẫn du</i>
2.1.1. <i>Hướng dẫn viên du lịch là gì?</i>					
2.1.2. <i>Phân loại hướng dẫn viên du lịch</i>					
2.1.3. <i>Phân biệt giữa hướng dẫn viên, thuyết minh viên và hướng dẫn viên du lịch</i>					
<i>2.2. Vai trò và nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch</i>					

2.2.1. Vai trò của hướng dẫn viên du lịch				năng lực cần thiết để làm nghề.	<i>lịch, Nguyễn Quang Thái</i>
2.2.2. Nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch				- Hiểu rõ về vai trò và nhiệm vụ của HDVDL trong định hướng học tập và hướng nghiệp.	Chương 2;
2.3. Những điều kiện cần có của hướng dẫn viên du lịch.					2. Giáo trình <i>Nghệ vụ hướng dẫn du lịch, Đinh</i>
2.3.1. Kiến thức và chuyên môn nghiệp vụ					
2.3.2. Kỹ năng chuyên nghiệp					
2.3.3. Trình độ ngoại ngữ					
2.3.4. Phong cách và tư cách					
2.3.5. Đức tính					
2.3.6. Các yêu cầu khác về ngôn ngữ giao tiếp, thể chất và tác phong					Đinh
2.4. Quy chế hướng dẫn viên du lịch.					Trung Kiên, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2008.
2.4.1. Điều 72: Hướng dẫn viên du lịch, thẻ hướng dẫn viên du lịch				- SV hiểu rõ về Quy chế hướng dẫn viên du lịch (<u>Luật Du lịch số: 44/2005/QH11</u> ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 180/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013).	3. Đọc tài liệu tham khảo số [4], [8]
2.4.2. Điều 73: Điều kiện hành nghề, tiru chuẩn cấp thẻ hướng dẫn viên.					
2.4.3. Điều 74: Cấp thẻ hướng dẫn viên					
2.4.4. Điều 75: Đổi, cấp lại, thu hồi thẻ hướng dẫn viên					
2.4.5. Điều 76: Quyền và nghĩa vụ của hướng dẫn viên					
2.4.6. Điều 77: Những điều hướng dẫn viên du lịch không được làm					
2.4.7. Điều 78: Thuyết minh viên.					
* Câu hỏi thảo luận chương 2:					

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Phân tích đặc điểm lao động của HDV DL và những kiến thức cơ bản cần có là gì?
2. Phân biệt khái niệm “Hướng dẫn du lịch và Hướng dẫn du lịch (HDV DL)”
3. Để công tác hướng dẫn du lịch có hiệu quả, HDV DL cần phải trau dồi những đức tính và phong cách gì?
4. Tại sao nói: sức khỏe, khả năng giao tiếp và diện mạo bề ngoài của HDV DL có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hướng dẫn du lịch...

Chương 3: QUI TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN DU LỊCH	6	3		
3.1. Quy trình chuẩn bị				- Sinh viên cần nắm bắt các nguyên tắc cơ bản trong công việc chuẩn bị và quy trình tổ chức thực hiện các công tác hướng dẫn du lịch.
3.1.1. Kế hoạch hình thức và thời gian của chuyến du lịch				* <i>Đọc:</i> 1. <i>Tập bài giảng Quy trình và phương pháp hướng dẫn du lịch,</i> Nguyễn Quang Thái Chương 3; 2. <i>Giáo trình Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch,</i> Đinh Trung Kiên, Nxb. ĐHQG
3.1.2. Cơ cấu khách du lịch và các loại phương tiện vận chuyển tham gia vào quá trình hoạt động du lịch				
3.1.3. Thiết lập quan hệ với các đối tác dịch vụ và các cơ quan hữu quan tại điểm đến du lịch				
3.2. Quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch				
3.2.1. Tổ chức đón khách				
3.2.2. Tổ chức họp đoàn trước khi khởi hành chuyến đi				
3.2.3. Tổ chức hoạt động vận chuyển khách				
3.2.4. Tổ chức phục vụ ăn, ở và tham quan cho du khách				
3.2.5. Tổ chức các dịch vụ du lịch và các thủ tục xuất nhập cảnh du lịch cho khách du lịch tại cửa khẩu				
3.3.6. Tổ chức việc tiễn khách				
3.3.7. Công tác sau khi kết thúc chương trình tour				

DV
 T
 ĐA
 BÀ RI
 X

				thuyết trình. - Trò chơi. - Thảo luận nhóm	Hà Nội, 2008. 3. Đọc tài liệu tham khảo số [4], [8]
--	--	--	--	--	--

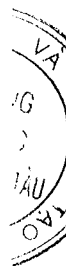
*** Câu hỏi thảo luận ở lớp:**

1. Hình thức và thời gian của chuyến du lịch ảnh hưởng đến hoạt động hướng dẫn như thế nào?
2. Những thuận lợi, khó khăn của HDV DL trong các chuyến đi dài ngày?
3. Tại sao trong hoạt động hướng dẫn, HDV cần phải phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, cơ quan chức năng và địa phương tại điểm đến...?
4. Nêu những công việc cần làm của HDV DL khi đón khách, tiễn khách và ý nghĩa thực hiện...

Chương 4: QUI TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN, THUYẾT MINH, XỬ LÝ TÌNH HUỐNG TRONG CÔNG TÁC HƯỚNG DẪN DU LỊCH.	6	3			
4.1. Qui trình và phương pháp hướng dẫn du lịch					
4.1.1. Qui trình chuẩn bị cho công tác hướng dẫn tham quan du lịch					
4.1.2. Đối tượng và loại hình tham quan du lịch					
4.1.3. Thiết kế lịch trình và chuẩn bị kế hoạch thực hiện					
4.1.4. Các phương pháp hướng dẫn tham quan du lịch					
+ Hướng dẫn tham quan trên phương tiện vận chuyển + Hướng dẫn tham quan trên mặt đất + Hướng dẫn tham quan khi đi bộ					
				- Trang bị những kiến thức bắt buộc trong quá trình hướng dẫn du khách tham quan du lịch, đòi hỏi người hướng dẫn phải có nghiệp vụ và trình độ	* <i>Đọc:</i> 1. <i>Tập bài giảng Qui trình và phương pháp hướng dẫn du lịch,</i> Nguyễn Quang Thái Chương

SC
RƯỜI
I HỘ
VÙNG

<ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn tại điểm tham quan + Hướng dẫn đưa đón tại sân bay và ga. 				chuyên môn nhằm thỏa mãn nhu cầu nhất định của du khách trong quá trình tham quan du lịch. - Giúp SV hiểu và	4; 2. Giáo trình <i>Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch</i> , Đinh Trung Kiên, Nxb. ĐHQG Hà Nội, 2008.
4.2. Quy trình và phương pháp thuyết minh					
4.2.1. Nguyên tắc xây dựng một bài thuyết minh					
4.2.2. Cấu trúc một bài thuyết minh.					
4.2.3. Chuẩn bị nội dung thuyết minh					
4.2.4. Kỹ năng và kỹ thuật sử dụng trong khi thuyết minh					
<ul style="list-style-type: none"> + Kỹ năng về tác phong chuyên nghiệp 				thực hành được các phương pháp	
<ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật hình thể và diễn đạt ngôn từ + Sử dụng các loại trang thiết bị phục vụ thuyết minh 				hướng dẫn trong từng điều kiện cụ thể.	3. Đọc tài liệu tham khảo số [4], [8]
4.2.5. Các phương pháp thuyết minh du lịch				- Cách xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình hoạt động du lịch.	
<ul style="list-style-type: none"> + Phương pháp chung + Phương pháp thuyết minh trên những chặng đường ngắn và dài + Miêu tả và kể chuyện, tái hiện những sự kiện, huyền thoại + Giới thiệu minh họa và bình luận + Phương pháp phân đoạn + Phương pháp làm nổi bật trọng tâm, trọng điểm + Phương pháp tức cảnh, sinh tình + Phương pháp kết hợp giữa hư và thực + Phương pháp hỏi đáp, đồ vui + Phương pháp lấp lửng – tạo ra những nỗi nhớ dai dẳng 				* Phương pháp đánh giá: - Thực	
<ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật hình thể và diễn đạt ngôn từ + Sử dụng các loại trang thiết bị phục vụ thuyết minh 					



+ Phương pháp so sánh – lấy cái quen thuộc để so sánh với điều mới lạ.				hành bố trí bàn tiệc. - Diễn giảng và thuyết trình. - Trò chơi thi đua và thảo luận nhóm.
4.3. Kỹ năng xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch				
4.3.1. Nguyên tắc trong xử lý các tình huống				
4.3.2. Các yêu cầu chung trong xử lý tình huống				
4.3.4. Cách xử lý một số tình huống thường gặp				
4.3.5. Câu hỏi thảo luận về xử lý các tình huống đặc biệt.				

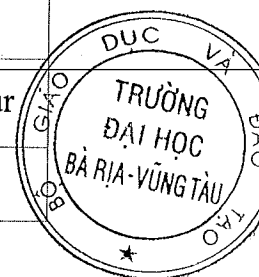
Câu hỏi thảo luận:

1. Trình bày những công việc cần chuẩn bị cho hướng dẫn tham quan du lịch và tầm quan trọng của việc thực hiện.
2. Nêu các tình huống thường xảy ra và biện pháp giải quyết những tình huống đó
3. Giáo viên đặt ra các chủ đề hoặc tình huống giả định
4. Xây dựng và thuyết trình nhóm 1 bài thuyết minh tuyển điểm cụ thể (hình thức trên lớp hoặc trên tour khảo sát ngắn ngày)

Chương 5: THỰC HÀNH CÁC KỸ NĂNG TEAMBUILDING VÀ THỂ NGHIỆM NĂNG KHIẾU TRONG HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN DU LỊCH	6	3		
5.1. Kỹ năng sinh hoạt tập thể				- Giúp sinh viên rèn luyện, làm quen với các kỹ năng công việc, nhằm tạo ấn tượng và sự tin tưởng của * <i>Đọc:</i> 1. <i>Tập bài giảng Qui trình và phương pháp hướng dẫn du lịch,</i> <i>Nguyễn</i>
5.1.1. Giới thiệu một số trò chơi vận động trường (team building)				
5.1.2. Quy trình và phương pháp tổ chức vận động				
5.2. Kỹ năng thể hiện năng khiếu cá nhân				
5.2.1. Kỹ thuật thực hiện				
5.2.2. Các loại hình thể hiện năng khiếu				
5.3. Diễn tiểu phẩm tình huống				

ĐÀO

5.3.1. Tư duy kịch bản				du khách trong suốt qua trình tham gia du lịch. - Rèn luyện kỹ năng hoạt náo và dẫn chương trình phục vụ cho công tác hướng dẫn.	Quang Thái Chương 5; 2. Sưu tầm một số trò chơi hoạt náo từ Google, Net
5.3.2. Sử dụng đối tượng và kỹ thuật hỗ trợ.					
❖ ĐI KHẢO SÁT TOUR (Ngắn ngày)	10	0	10	SV viết Báo cáo tour	
Tổng:	60				



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần, thái độ học tập, tích cực phát biểu: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần (Thuyết trình đề tài nhóm): 20% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần (Sinh viên viết báo cáo chuyến đi khảo sát thực tế tour ngắn ngày): 60% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Đinh Trung Kiên (2008), *Nghệp vụ hướng dẫn du lịch*, Nxb. ĐHQG HN.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Lâm (2008), *Nghệp vụ hướng dẫn du lịch*, Nxb. ĐHKD&CNHN.

[3]. Hà Thùy Linh (2006), *Giáo trình nghiệp vụ lễ hành*, Nxb. Hà Nội.

[4]. HĐ cấp CC - VTOS - Tổng cục DL (2009), *Du lịch và kinh doanh lễ hành*, DAPT NNL VN.

[5]. Nguyễn Văn Quảng (2007), *Để trở thành Hướng dẫn viên du lịch giỏi*, Nxb. Trẻ.

- Các trang web về du lịch và các hãng lữ hành tại Việt Nam.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Quang Thái

Năm sinh: 1970

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: du lịch

Thông tin liên hệ: thainq@bvu.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Quang Thái

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Xã hội học đại cương**
- Mã học phần: 0101120593
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- *Kiến thức:*

+ Trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về xã hội, các khái niệm, quan điểm, tư tưởng của các tác giả nổi tiếng trên thế giới về xã hội.

- *Kỹ năng:*

+ Nhận diện được các trạng thái tâm lý của con người; các thuộc tính tâm lý tạo nên cấu trúc nhân cách; các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách.

- *Thái độ:*

Yêu thích bộ môn và muốn tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn về môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Khái quát về sự hình thành và phát triển của xã hội học
- Các tác giả với những tư tưởng lớn về xã hội học

- Phương pháp nghiên cứu xã hội học
- Tổ chức xã hội và thiết chế xã hội
- Cơ cấu xã hội
- Xã hội hoá

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1: NHẬP MÔN XÃ HỘI HỌC 1.1. Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học 1.2. Đối tượng nghiên cứu, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học	4	3	0	-Tìm hiểu những khái niệm cơ bản về xã hội học	-Đọc trước tài liệu -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận
Chương 2: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU XÃ HỘI HỌC THỰC NGHIỆM 2.1. Xác định đề tài và mục tiêu nghiên cứu 2.2. Xây dựng giả thuyết và thao tác hoá khái niệm 2.3. Xây dựng bảng hỏi trong nghiên cứu xã hội học 2.4. Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu xã hội học	4	3	0	-Tìm hiểu các phương pháp nghiên cứu xã hội thực nghiệm	-Đọc trước tài liệu -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận



2.5. Các phương pháp thu thập thông tin					
Chương 3: HÀNH ĐỘNG XÃ HỘI VÀ TƯƠNG TÁC XÃ HỘI 3.1. Khái niệm hành động xã hội 3.2. Cấu trúc của hành động xã hội 3.3. Những nhân tố quy định hành động xã hội 3.4. Phân loại hành động xã hội 3.5. Tương tác xã hội và các loại hình tương tác xã hội 3.6. Quan hệ xã hội	5	3	0	-Tiếp cận các khái niệm: hành động xã hội và tương tác xã hội	-Đọc trước tài liệu -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận
Chương 4: TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ THIẾT CHẾ XÃ HỘI 4.1. Nhóm xã hội 4.2. Tổ chức xã hội 4.3. Bộ máy quan liêu và tổ chức xã hội hiện tại 4.4. Quyền lực xã hội 4.5. Trật tự xã hội 4.6. Thiết chế xã hội	5	3	0	-Tổ chức và thiết chế xã hội	-Đọc trước tài liệu -Phát biểu xây dựng bài -Thảo luận
Chương 5: CƠ CẤU XÃ HỘI 5.1. Cơ cấu xã hội và xã hội 5.2. Các yếu tố chủ yếu của cơ cấu xã hội 5.3. Một số lý thuyết về cơ cấu xã hội 5.4. Các cơ cấu xã hội cơ bản 5.5. Bất bình đẳng xã hội 5.6. Phân tầng xã hội	5	3	0	-Hiểu về cơ cấu xã hội ở các khái niệm cơ bản -Tìm hiểu sâu hơn về cơ cấu xã hội: bất bình đẳng, phân tầng xã hội, giai cấp xã hội, di	-Đọc tài liệu -Phát biểu bài -Thảo luận -Đọc tài liệu -Phát biểu bài -Thảo luận

ve
LỚN
HO
HÙNG

5.7. Giai cấp xã hội				động xã hội	
5.8. Di động xã hội					
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Bài kiểm tra thường xuyên: chiếm 20%, là điểm trung bình cộng của các điểm chuyên cần, thái độ học tập của sinh viên và bài kiểm tra thường xuyên.

- Thái độ chuyên cần học tập được tính dựa trên số tiết sinh viên tham gia vào buổi học trên lớp đúng và đủ giờ, tôn trọng thầy cô, hòa đồng với bạn bè, không làm việc riêng trong lớp, nghiêm túc nghe giảng và có ý thức xây dựng bài học thông qua các hoạt động làm việc theo nhóm.

- Bài kiểm tra thường xuyên được tổ chức sau từng bài học qua việc lựa chọn ngẫu nhiên một vài sinh viên trả lời những câu hỏi hướng đến trọng tâm của bài nhằm đánh giá mức độ tiếp thu của sinh viên.

5.2. Điểm thi giữa học phần: Bài kiểm tra giữa kỳ: chiếm 20% tổng điểm thành phần.

- Giảng viên tự tổ chức kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ cho sinh viên dựa trên nội dung học phần đã học.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

5.3. Bài kiểm tra kết thúc học phần: chiếm 60%, thi tập trung theo lịch học của trường.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Tạ Minh (2007), *Giáo trình xã hội học đại cương*, Nxb. ĐHQGTPHCM.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đặng Xuân Quý (2010), *Giáo trình xã hội học đại cương*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.



[3]. Lê Thanh Liêm (2010), *Giáo trình xã hội học đại cương*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

[4]. Trần Thị Phụng Hà (2014), *Bài giảng Xã hội học đại cương*, Đại học Cần Thơ.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Xoan

Năm sinh:

Học vị: Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ:

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Phan Thị Hồng Xoan

ĐÀN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: TIỀN TRÌNH LỊCH SỬ VIỆT NAM
 - Mã học phần: 0101120618
 - Số tín chỉ: **03 (3, 0, 6)**
 - Học phần tiên quyết/học trước: Không bắt buộc
 - Các yêu cầu đối với học phần: sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.
 - + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
 - + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
 - + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
 - + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- * Phương pháp giảng dạy:*
- + Giảng viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).
 - + Giảng viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.
 - + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

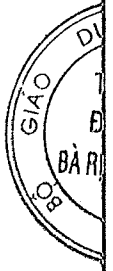
2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Kiến thức:

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, toàn diện về tiến trình lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay. Những sự kiện, vấn đề, nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam sẽ được lần lượt trình bày, phân tích, đánh giá. Đây là những kiến thức cơ sở, nền tảng giúp người học tiếp cận nhiều môn khoa học thuộc các lĩnh vực của khoa học xã hội và nhân văn.

2.2. Kỹ năng:

- Biết tìm kiếm các nguồn tài liệu, phát triển khả năng tự nghiên cứu.
- Rèn luyện kỹ năng đọc, ghi chép và tóm tắt tài liệu lịch sử.
- Nâng cao khả năng lập luận; nhìn nhận, đánh giá lịch sử từ nhiều góc độ, quan điểm và từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau.
- Biết sử dụng các phương pháp trong nghiên cứu lịch sử; vận dụng quan điểm mác xít khi nhìn nhận, đánh giá lịch sử.



2.3. Thái độ:

- Tham dự đầy đủ, nghiêm túc, có hiệu quả các giờ học trên lớp và các hoạt động ngoại khoá.
- Chuẩn bị kỹ phần tự học, tự nghiên cứu ở nhà.
- Có cách nhìn nhận khách quan, khoa học về lịch sử.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Đây là môn cơ sở của nhiều ngành học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về tiến trình lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến ngày nay. Bao trùm toàn bộ tiến trình lịch sử Việt Nam là những nội dung lớn như: sự thay thế, phát triển kế tiếp giữa các triều đại, các thời đại lịch sử; quá trình ra đời và hoàn thiện của hệ thống nhà nước và pháp luật; những thành tựu phát triển về kinh tế, văn hoá, xã hội; lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ... Các vấn đề trên sẽ được trình bày theo lịch đại (trình tự thời gian), đồng thời, ở mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn lịch sử, các vấn đề sẽ được phân tích, đánh giá một cách khách quan và khoa học.

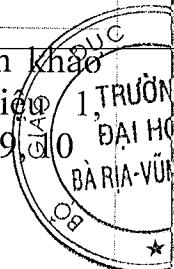
4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT, TL			
Chương 1. VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY VÀ DỰNG NƯỚC 1.1. Việt Nam thời nguyên thủy 1.2. Việt Nam thời kỳ dựng nước	2		0	Sinh viên nắm được tình hình Việt Nam thời Nguyên thủy và dựng nước: Biết về những dấu vết của con người trên đất Việt Nam thời tiền sử; những nền văn hoá tiêu biểu ứng với các thời đại và thời kỳ khảo cổ.	Tham khảo tài liệu 1, 2, 5, 6, 7, 8
Chương 2. VIỆT NAM THỜI KỲ BẮC THUỘC VÀ CHỐNG BẮC THUỘC (179 TCN-938) 2.1. Trên lãnh thổ Âu Lạc cũ	3		0	Sinh viên nắm được tình hình Việt Nam thời Bắc thuộc và chống Bắc thuộc.	Tham khảo tài liệu 1, 2, 5, 6, 7, 8

(Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ) 2.2. Vương quốc cổ Chăm Pa 2.3. Vương quốc cổ Phù Nam					
Chương 3. VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XV 3.1. Việt Nam nửa sau thế kỷ X 3.2. Việt Nam từ đầu thế kỷ Xi đến đầu thế kỷ XV	2		0	Sinh viên nắm được tình hình Việt Nam từ thế kỷ 10 đến đầu thế kỷ 15.	Tham khảo tài liệu 1, 2, 5, 6, 7, 8
Chương 4. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XV ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XVIII 4.1. Việt Nam thế kỷ XV 4.2. Việt Nam đầu thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XVIII	2		0	Sinh viên nắm được tình hình Việt Nam từ đầu thế kỷ 15 đến đầu thế kỷ 18.	Tham khảo tài liệu 1, 2, 5, 6, 7, 8
Chương 5. VIỆT NAM TỪ GIỮA THẾ KỶ XVIII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX 5.1. Tình hình chính trị 5.2. Tình hình kinh tế 5.3. Tình hình xã hội và văn hóa	3		0	Sinh viên nắm được tình hình Việt Nam từ giữa thế kỷ 18 đến giữa thế kỷ 19.	Tham khảo tài liệu 1, 2, 5, 6, 7, 8
Chương 6. VIỆT NAM NỬA SAU THẾ KỶ XIX 6.1. Việt Nam trước âm mưu và hành động xâm lược của thực dân Pháp 6.2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp những năm 1858-1884 6.3. Phong trào Cần Vương (1885-1896)	2		0	Sinh viên nắm được tình hình Việt Nam nửa sau thế kỷ 19.	Tham khảo tài liệu 1, 2, 4, 9, 10
Chương 7. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CUỐI CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT 7.1. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp và hậu quả của nó 7.2. Phong trào giải phóng dân	3		0	Sinh viên nắm được tình hình Việt Nam từ đầu thế kỷ 20 đến cuối chiến tranh thế giới thứ nhất.	Tham khảo tài liệu 1, 2, 4, 9, 10

ĐẠO ĐỨC

tộc Việt Nam đầu thế kỷ XX 7.3. Việt Nam trong chiến tranh thế giới thứ nhất					
Chương 8. VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT ĐẾN ĐẦU 1930 8.1. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp và tác động của nó đến xã hội Việt Nam 8.2. Phong trào đấu tranh dân tộc (1919-1925) 8.3. Phong trào đấu tranh dân tộc (1925-1930)	2		0	Sinh viên năm được tình hình Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 1930.	Tham khảo tài liệu 1, 2, 4, 9, 10
Chương 9. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930-1945 9.1. Việt Nam trong những năm 1930 -1939 9.2. Việt Nam trong những năm 1939 -1945 9.3. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa	3		0	Sinh viên năm được tình hình Việt Nam trong những năm 1930-1945.	Tham khảo tài liệu 1, 2, 4, 9, 10
Chương 10. VIỆT NAM BƯỚC ĐẦU XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ CỘNG HÒA VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954) 10.1. Công cuộc xây dựng và bảo vệ chế độ nền dân chủ cộng hòa (1945-1946) 10.2. Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và tiến triển của cuộc kháng chiến từ (1946-1950) 10.3. Tiến triển của cuộc kháng chiến trong những năm 1951-1954	3		0	Sinh viên năm được công cuộc xây dựng và bảo vệ nền dân chủ cộng hòa, công cuộc toàn quốc kháng chiến chống Pháp 1945-1954.	Tham khảo tài liệu 1, 3, 12, 13, 14, 15



<p>Chương 11. VIỆT NAM THỜI KỲ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954-1975)</p>	3	0	<p>Sinh viên nắm được nội dung công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc và chống Mỹ cứu nước ở miền Nam, các chiến dịch chiến tranh của Mỹ...</p>	<p>Tham khảo tài liệu 1, 3, 12, 13, 14, 15</p>
<p>11.1. Công cuộc xây dựng miền Bắc và đấu tranh chống Mỹ - Ngụy ở miền Nam (1954-1960) 11.2. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chiến đấu chống chiến tranh đặc biệt của Mỹ ở miền Nam (1961-1965) 11.3. Cuộc chiến đấu chống "Chiến tranh cục bộ" chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc (1965-1968)</p>				
<p>11.4. Cuộc chiến đấu chống "Việt Nam hóa chiến tranh" và chiến tranh phá hoại lần thứ hai của Mỹ, khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc (1969-1973) 11.5. Khôi phục và phát triển kinh tế miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973-1975)</p>				
<p>Chương 12. VIỆT NAM XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 - 2000) 12.1. Việt Nam xây dựng đất nước thời kỳ (1975-1986) 12.2. Đất nước trên đường đổi mới (1986-2000)</p>	2	0	<p>Sinh viên nắm được tình hình đất nước thời kỳ tiền đổi mới và sau khi đổi mới.</p>	<p>Tham khảo tài liệu 1, 3, 12, 13, 14, 15</p>
TỔNG	45	0		



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần, thái độ học tập, tích cực phát biểu: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2016), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Xuân Minh (2006), *Lịch sử Việt Nam 1945-2000*, Nxb Giáo dục.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: **TUYÊN ĐIỂM DU LỊCH VIỆT NAM**
- Mã học phần: 0101120679
- Số tín chỉ: **03 (3, 0, 6)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Địa lý du lịch
- Các yêu cầu đối với học phần: sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.
 - + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
 - + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
 - + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
 - + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- * *Phương pháp giảng dạy:*
 - + Giảng viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).
 - + Giảng viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.
 - + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

2. Chuẩn đầu ra của học phần**- Kiến thức:**

- + Hiểu và phân tích được những lý luận cơ bản về tuyên điểm du lịch
- + Đánh giá được tiềm năng phát triển du lịch của Việt Nam
- + Vận dụng kiến thức đã học trong việc khai thác, phát triển các tuyến điểm du lịch cơ bản của 7 vùng du lịch ở Việt Nam hiện nay

- Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, nghiên cứu thực địa, đọc bản đồ và phân tích, tổng hợp tài liệu.

- Thái độ: Người học nhận thức được vai trò của tài nguyên du lịch đối với sự phát triển du lịch; Có ý thức bảo vệ và bảo tồn những những giá trị về tự nhiên cũng như nhân văn của đất nước.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Tuyên điểm Du lịch là môn học nghiệp vụ lý thuyết và thực hành quan trọng dành cho sinh viên chuyên ngành Văn hóa du lịch. Môn học hỗ trợ cho môn Phương pháp hướng dẫn du lịch, Tuyên điểm du lịch đặc biệt quan trọng với sinh viên chuyên ngành

hướng dẫn du lịch. Môn học cung cấp nhiều kiến thức lịch sử, địa lý, văn hoá, xã hội, và môi trường du lịch cùng những vấn đề liên quan đến tuyến-điểm và kỹ năng cơ bản xây dựng tuyến điểm du lịch.

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng vận dụng tổng hợp về các điểm đến như địa lý, lịch sử phong tục và các đặc điểm đến và các điểm tham quan của cộng đồng dân cư địa phương, khí hậu và tính mùa vụ ảnh hưởng đến thời gian tham quan, các sự kiện đặc biệt như các lễ hội, các phương tiện dành cho du khách, những vấn đề liên quan đến an toàn và sức khỏe, những cảnh báo về du lịch có thể ảnh hưởng đến điểm đến đó.

Môn học giúp người học nắm vững yếu tố thời tiết và khí hậu khác nhau của từng vùng như thế nào, những hoạt động du lịch liên kết với nhau trong đó có nhiều tuyến và điểm tham quan.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp	Thí nghiệm,		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
<p>Chương 1: Khái quát về tuyến - điểm du lịch</p> <p>1.1. Tổng quan về tuyến - điểm du lịch</p> <p>1.1.1 Khái niệm tuyến - điểm du lịch</p> <p>1.1.2 Đặc tính và tầm quan trọng của tuyến - điểm du lịch trong hoạt động du lịch.</p> <p>1.2. Kết cấu hạ tầng cơ sở trong hoạt động tuyến - điểm du lịch</p> <p>1.2.1 Hệ thống giao thông vận tải</p> <p>1.2.2 Hệ thống thông tin viễn thông liên lạc</p> <p>1.2.3 Hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải</p> <p>1.3. Các điều kiện và tiêu chí trong hoạt động tuyến và điểm du lịch (Luật du lịch).</p>	3	0	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tuyến điểm du lịch trong hoạt động du lịch. - Đánh giá được vai trò của kết cấu hạ tầng trong hoạt động của tuyến điểm du lịch. - Hiểu được điều kiện và tiêu chí trong hoạt động tuyến và điểm du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu tài liệu [2] - chương 1 và [3]

ĐỤC
 TRU
 ĐẠI
 HÀ NỘI
 HÀ NỘI-VN
 ★

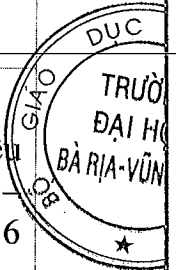
<p>1.3.1 Điều kiện để công nhận khu du lịch</p> <p>1.3.2 Điều kiện để công nhận tuyến du lịch</p> <p>1.3.3 Điều kiện để công nhận điểm du lịch</p> <p>1.4. Tiêu chí xây dựng tuyến - điểm du lịch</p> <p>1.5. Quy trình cơ bản thiết kế tuyến - điểm du lịch</p>					
Chương 2: Tuyến điểm du lịch vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ	6	0		- Đánh giá được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch của vùng	Nghiên cứu tài liệu [2] - chương 2 và [3]
<p>2.1. Khái quát về vùng</p> <p>2.1.1 Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn</p> <p>2.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>2.1.3 Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch</p> <p>2.2. Tiềm năng phát triển du lịch vùng du lịch Trung du và miền núi Bắc bộ</p> <p>2.2.1 Tài nguyên du lịch vùng (tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn)</p> <p>2.2.2 Các loại hình du lịch đặc trưng</p> <p>2.2.3 Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu</p> <p>2.3. Một số tuyến - điểm du lịch đang phát triển trong vùng</p>				- Phân tích được các loại hình du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng	
<p>Chương 3: Tuyến điểm du lịch vùng Đồng bằng sông hồng và duyên hải Đông bắc</p> <p>3.1. Khái quát về vùng</p> <p>3.1.1 Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn</p> <p>3.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội</p>	6	0		- Đánh giá được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch của vùng	Nghiên cứu tài liệu [2] - chương 3 và [3]
<p>3.1.1 Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn</p> <p>3.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội</p>				- Phân tích được các loại hình du lịch đặc	

ỜNG
HOC
NG TÀU

<p>3.1.3 Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch</p> <p>3.2. Tiềm năng phát triển du lịch vùng Đồng bằng sông hồng và duyên hải Đông bắc</p> <p>3.2.1 Tài nguyên du lịch vùng (tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn)</p> <p>3.2.2 Các loại hình du lịch đặc trưng</p> <p>3.2.3 Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu</p> <p>3.3. Một số tuyến - điểm du lịch đang phát triển trong vùng</p>				<p>trung và địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng</p> <p>- Hiểu, vận dụng và khai thác tốt các tuyến điểm du lịch cơ bản của vùng</p>	
<p>Chương 4: Tuyến điểm du lịch vùng du lịch Bắc trung bộ</p>	6	0		- Đánh giá được	Nghiên cứu tài liệu
<p>4.1. Khái quát về vùng</p> <p>4.1.1 Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn</p> <p>4.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>4.1.3 Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch</p> <p>4.2. Tiềm năng phát triển du lịch vùng Bắc Trung bộ</p> <p>4.2.1 Tài nguyên du lịch vùng (tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn)</p> <p>4.2.2 Các loại hình du lịch đặc trưng</p> <p>4.2.3 Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu</p> <p>4.3. Một số tuyến - điểm du lịch đang phát triển trong vùng</p>				<p>tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch của vùng</p> <p>- Phân tích được các loại hình du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng</p> <p>- Hiểu, vận dụng và khai thác tốt các tuyến điểm du lịch cơ bản của vùng</p>	[2] - chương 4 và [3]
<p>Chương 5: Tuyến điểm du lịch vùng du lịch Duyên hải Nam trung bộ</p>	6	0		- Đánh giá được	Nghiên cứu tài liệu
<p>5.1. Khái quát về vùng</p> <p>5.1.1 Vị trí địa lý, điều kiện tự</p>				<p>tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch của vùng</p> <p>- Phân tích</p>	[2] - chương 5 và [3]



<p><i>nhiên và nhân văn</i></p> <p>5.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>5.1.3 Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch</p> <p>5.2. Tiềm năng phát triển du lịch vùng Duyên hải Nam trung bộ</p> <p>5.2.1 Tài nguyên du lịch vùng (tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn)</p> <p>5.2.2 Các loại hình du lịch đặc trưng</p> <p>5.2.3 Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu</p> <p>5.3. Một số tuyến - điểm du lịch đang phát triển trong vùng</p>				<p>được các loại hình du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng</p> <p>- Hiểu, vận dụng và khai thác tốt các tuyến điểm du lịch cơ bản của vùng</p>	
<p>Chương 6: Tuyến điểm du lịch vùng du lịch Tây Nguyên</p> <p>6.1. Khái quát về vùng</p> <p>6.1.1 Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn</p> <p>6.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>6.1.3 Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch</p> <p>6.2. Tiềm năng phát triển du lịch vùng Tây Nguyên</p> <p>6.2.1 Tài nguyên du lịch vùng (tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn)</p> <p>6.2.2 Các loại hình du lịch đặc trưng</p> <p>6.2.3 Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu</p> <p>6.3. Một số tuyến - điểm du lịch đang phát triển trong vùng</p>	6	0		<p>- Đánh giá được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch của vùng</p> <p>- Phân tích được các loại hình du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng</p> <p>- Hiểu, vận dụng và khai thác tốt các tuyến điểm du lịch cơ bản của vùng</p>	<p>Nghiên cứu tài liệu [2] - chương 6 và [3]</p>
<p>Chương 7: Tuyến điểm du lịch vùng du lịch Đông Nam Bộ</p>	6	0		<p>- Đánh giá được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch của</p>	<p>- Nghiên cứu tài liệu [2] -</p>
<p>7.1. Khái quát về vùng</p>					<p>chương 7</p>



<p>7.1.1 Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn</p> <p>7.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>7.1.3 Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch</p> <p>7.2. Tiềm năng phát triển du lịch vùng Đông Nam bộ</p> <p>7.2.1 Tài nguyên du lịch vùng (tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn)</p> <p>7.2.2 Các loại hình du lịch đặc trưng</p> <p>7.2.3 Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu</p> <p>7.3. Một số tuyến - điểm du lịch đang phát triển trong vùng</p>				<p>vùng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được các loại hình du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng - Hiểu, vận dụng và khai thác tốt các tuyến điểm du lịch cơ bản của vùng 	<p>và [3]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi khảo sát thực tế một số tuyến điểm du lịch của vùng
<p>Chương 8: Tuyến điểm du lịch vùng du lịch Tây Nam Bộ</p>	6	0		<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch của vùng - Phân tích được các loại hình du lịch đặc trưng và địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu của vùng - Hiểu, vận dụng và khai thác tốt các tuyến điểm du lịch cơ bản của vùng 	<p>Nghiên cứu tài liệu [2] - chương 8 và [3]</p>
<p>8.1. Khái quát về vùng</p> <p>8.1.1 Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và nhân văn</p> <p>8.1.2 Điều kiện kinh tế - xã hội</p> <p>8.1.3 Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch</p> <p>8.2. Tiềm năng phát triển du lịch vùng Tây Nam bộ</p> <p>8.2.1 Tài nguyên du lịch vùng (tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn)</p> <p>8.2.2 Các loại hình du lịch đặc trưng</p> <p>8.2.3 Các địa bàn hoạt động du lịch chủ yếu</p> <p>8.3. Một số tuyến - điểm du lịch đang phát triển trong vùng</p>					
TỔNG	45	0	0		

VA
NG
DC
STAU
AO

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/tự luận.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Bùi Thị Hải Yến (2017), *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, Nxb. Giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bùi Thị Hải Yến (2011), *Tài nguyên du lịch*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

[3]. Tổng cục du lịch, Trung tâm thông tin du lịch, (2016), *Non nước Việt Nam*, Nxb. Lao động và Xã hội.

[4]. Võ Văn Thành (2017), *Du lịch Việt Nam qua 26 di sản thế giới*, Nxb Tổng hợp TP HCM.

6.3. Các website: - <http://whc.unesco.org>

- <http://dch.gov.vn>

- <http://www.vietnamtourism.gov.vn>

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa vùng Việt Nam.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 1 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**
- Mã học phần: 0101120281
- Số tín chỉ: 02 (2, 0, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Môn học phương pháp nghiên cứu khoa học nhằm mục đích trang bị cho sinh viên những phương pháp thiết kế nghiên cứu cơ bản nhất, đặc biệt là phương pháp định lượng, để có thể thực hiện được đề tài nghiên cứu cho khóa luận tốt nghiệp, đề tài cấp trường...

- Kỹ năng:

+Kỹ năng cứng bao gồm năng lực thực hành, kỹ năng giải quyết vấn đề thuộc chuyên môn nghề nghiệp (ví dụ: sinh viên có khả năng thiết kế đề cương nghiên cứu, trên cơ sở đó triển khai thành đề tài nghiên cứu. Sinh viên có kỹ năng phân tích kết quả nghiên cứu và vận dụng kết quả nghiên cứu để đưa giải pháp, hàm ý...).

+Kỹ năng mềm là các kỹ năng giúp sinh viên tư duy, tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; sử dụng công nghệ thông tin; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ; kỹ năng khám phá; kỹ năng sáng tạo; kỹ năng viết...).

- Thái độ:

Sau khi được trang bị kiến thức môn học, sinh viên có tinh thần đam mê nghiên cứu khoa học, có ý tưởng tốt để phát triển nghiên cứu, nhận thức cao về vấn đề đạo đức...

3. Tóm tắt nội dung học phần

Nội dung tổng quát của môn học này bao gồm các điểm chính sau:

1. *Nhận thức luận khoa học (ontology: the science of being & epistemology: the theory of knowledge):* Đây là những lãnh vực nghiên cứu về bản chất của thực thể (nature of reality) và lý thuyết tri thức khoa học: tri thức khoa học là gì? những gì là tri thức khoa học và những gì không phải là tri thức khoa học, nguồn gốc, bản chất và hạn chế của chúng, vv.
2. *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (methodology):* Đây là lãnh vực nghiên cứu về các phương pháp tạo ra tri thức khoa học: lý thuyết khoa học được xây dựng và kiểm định như thế nào? (tập trung vào trường phái định lượng)
3. *Phương pháp, công cụ nghiên cứu khoa học (methods, tools, techniques):* Đây là lãnh vực nghiên cứu về các phương pháp và công cụ (định lượng) thực hiện nghiên cứu khoa học như các phương pháp thiết kế và đánh giá đo lường, các phương pháp xử lý số liệu, vv.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1: Tổng quan về nghiên cứu khoa học	5	tiết		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được khái niệm NCKH và các trường phái NCKH - Hiểu được lý thuyết khoa học và quy trình kiểm định, xây dựng lý thuyết khoa học. 	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 1 đến 4, Chương 1
1.1. Nghiên cứu khoa học					
1.2. Các trường phái nghiên cứu					
1.3. Lý thuyết khoa học					
1.4. Nghiên cứu, xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học					
1.5. Dữ liệu để xây dựng và kiểm định lý thuyết khoa học					

học					
Chương 2. Vấn đề nghiên cứu	4 tiết				<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vấn đề nghiên cứu, mục tiêu, đối tượng nghiên cứu Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 1 đến 6, Chương 2
2.1. Vấn đề nghiên cứu					
2.2. Mục tiêu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu					
2.3. Đối tượng nghiên cứu					
2.4. Tổng kết lý thuyết					
2.5. Tài liệu tham khảo					
Chương 3: Phương pháp định lượng	5 tiết				<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được phương pháp và công cụ nghiên cứu định lượng - Xây dựng được đề cương nghiên cứu theo hướng định lượng Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 1 đến 4, Chương 4
3.1. Nghiên cứu định lượng trong kiểm định lý thuyết khoa học					
3.2. Khảo sát					
3.3. Thử nghiệm					
3.4. Đề cương nghiên cứu định lượng					
Chương 4: Chọn mẫu trong nghiên cứu định lượng	4 tiết				<ul style="list-style-type: none"> - Xác định mẫu để phục vụ cho nghiên cứu định lượng chính thức Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 1 đến 6, Chương 6
4.1. Lý do phải chọn mẫu					
4.2. Chọn mẫu và sai số					
4.3. Các khái niệm cơ bản trong chọn mẫu					
4.4. Quy trình chọn mẫu					
4.5. Các phương pháp chọn mẫu theo xác suất					
4.6. Các phương pháp chọn mẫu phi xác suất					
Chương 5: Đo lường và thu thập dữ liệu định lượng	4 tiết				<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các thang đo trong nghiên cứu - Kỹ năng làm sạch dữ liệu Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung từ mục 1 đến 4, Chương 7
5.1. Đo lường và cấp độ thang đo trong nghiên cứu					

DỤC
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 HÀ NỘI
 HÀ NỘI-VĂN
 *

5.2. Công cụ thu thập dữ liệu					
5.3. Hiệu chỉnh dữ liệu					
5.4. Chuẩn bị dữ liệu					
Chương 6: Đo lường khái niệm nghiên cứu	4 tiết				
6.1. Đo lường trong kiểm định lý thuyết khoa học					
6.2. Khái niệm nghiên cứu và thang đo chúng					
6.3. Tính chất của đo lường					
6.4. Xây dựng thang đo cho các khái niệm nghiên cứu					
6.5. Sai lệch đo lường do phương pháp					
Chương 7: Thống kê dùng trong kiểm định lý thuyết khoa học	4 tiết				
7.1. Tóm tắt thống kê cho mẫu					
7.2. Kỳ vọng					
7.3. Biến chuẩn trung bình và chuẩn hóa					
7.4. Quan hệ giữa tham số mẫu và đám đông					
7.5. Ước lượng thống kê					
7.6. Kiểm định thống kê					
7.7. Mối quan hệ giữa 2 biến ngẫu nhiên					
7.8. Sử dụng SPSS để tính hệ số tương quan					
Tổng	30				

- Hiểu được cách thức xây dựng khái niệm nghiên cứu
- Điều kiện cần có của thang đo

Nghiên cứu trước:
+ Tài liệu [1]: nội dung từ mục 1 đến 5, Chương 8

- Sử dụng các chỉ tiêu thống kê mô tả để phục vụ trong phân tích
- Ứng dụng kiến thức thống kê để kiểm định, phân tích mối quan hệ giữa các biến

Nghiên cứu trước:
+ Tài liệu [1]: nội dung từ mục 1 đến 8, Chương 9

4.2. Học phần thực hành:

Nội dung chi tiết	Số	Mục tiêu cụ thể	Dụng cụ,	Định mức	Nhiệm vụ
-------------------	----	-----------------	----------	----------	----------

	tiết		thiết bị sử dụng	vật tư/SV, nhóm SV	cụ thể của sinh viên
Bài 1: Cronbach alpha và đánh giá độ tin cậy thang đo	4 tiết	Phân tích độ tin cậy của thang đo	SPSS		Tham gia đầy đủ và thực hành trên máy
Bài 2: Mô hình EFA: Kiểm định giá trị thang đo	4 tiết	Phân tích yếu tố khám phá mới	SPSS		Tham gia đầy đủ và thực hành trên máy
Bài 3: Mô hình hồi quy đơn và bội	4 tiết	Phân tích yếu tố ảnh hưởng của biến độc lập đến biến phụ thuộc	SPSS		Tham gia đầy đủ và thực hành trên máy
Bài 4: Mô hình T-test và ANOVA	4 tiết	Phân tích sự khác biệt giữa các biến	SPSS		Tham gia đầy đủ và thực hành trên máy

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Vũ Cao Đàm (2011), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Đình Thọ (2014), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nxb Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

[3]. Võ Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Tuấn (2015), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

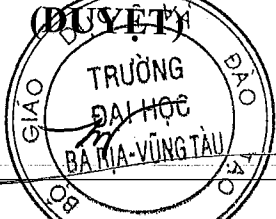
Hướng nghiên cứu chính: văn hóa du lịch

Thông tin liên hệ: luuttq@bvu.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(QUYẾT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



(Handwritten signatures)

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Lịch sử văn minh thế giới**

- Mã học phần: 0101120682

- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**

- Học phần tiên quyết/học trước: không

- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

* *Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:*

+ Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

* *Phương pháp giảng dạy:*

+ Giảng viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).

+ Giảng viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.

+ Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Nội dung học phần cung cấp cho người học có được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trên thế giới từ thời kỳ cổ đại, góp phần xây dựng quan điểm nhân văn, nhân sinh quan đúng đắn, nâng cao lòng tự hào, biết trân quý những giá trị tinh thần, vật chất của văn minh loài người, biết vận dụng một cách hữu ích vào công việc, đời sống; nhận thức rõ được những yếu tố cần kế thừa, phát huy hay loại trừ trong bối cảnh hội nhập thế giới, phục vụ cho công cuộc xây dựng

đất nước theo đường lối công nghiệp hóa - hiện đại hóa, với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Trang bị kiến thức cơ bản từ những thành tựu chủ yếu về văn hóa vật chất và tinh thần của những nền văn minh lớn trong lịch sử loài người. Cụ thể với sự phát triển rực rỡ của các nền văn minh phương Tây và phương Đông từ thời kỳ cổ đại đến thế kỷ XX và ảnh hưởng tác động qua lại giữa hai nền văn minh Á - Âu. Trong đó nổi bật những nền văn minh sớm, nhân mạnh các truyền thống văn hóa, văn minh đặc sắc ở phương Đông, phương Tây cùng sức lan tỏa của nó ra toàn thế giới từ thời kỳ cổ đại đến sự phát triển thịnh vượng của Văn minh phương Tây hiện đại.

2.1. Kiến thức:

Sinh viên sau khi kết thúc học phần, hiểu được nguồn gốc và những thành tựu văn minh tiêu biểu của nhân loại, hiểu được hệ thống các khái niệm cơ bản về văn hóa và văn minh của nhân loại.

+ Những kiến thức cơ bản và hệ thống về những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại.

+ Nắm bắt được phương pháp và những lý thuyết nghiên cứu cơ bản về văn hóa, văn minh.

2.2. Kỹ năng:

Trang bị cho người học những kỹ năng tư duy từ những nghiên cứu thực tiễn (case study) từ những tinh hoa của nhân loại, rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, hùng biện về văn minh nhân loại và tạo cho họ có khả năng thích nghi ứng xử và hành xử văn hóa - văn minh hiện đại trong các lĩnh vực hoạt động xã hội.

2.3. Thái độ:

Tạo cho sinh viên có nhận thức đúng và đánh giá khách quan về những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại.

+ Giúp cho người học hiểu và luôn có trách nhiệm, ý thức về hành vi văn hóa của mình với cộng đồng và môi trường sống xung quanh, có tác phong đạo đức công dân, nhận thức và tuyên truyền những giá trị tinh hoa nhân loại trong hội nhập văn hóa toàn cầu.

+ Phải có tinh thần khát khao, tận tụy với công việc / học tập và luôn có ý thức trách nhiệm của người thanh niên tiêu biểu trong một xã hội văn minh cũng như có ý thức tuyên truyền bảo vệ và bảo tồn những giá trị văn hóa nhân văn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

- Giới thiệu sự hình thành và phát triển của văn minh nhân loại thông qua việc trình bày các nền văn minh tiêu biểu như: (1) văn minh Ai Cập; (2) văn minh Lưỡng Hà; (3) văn minh Trung Hoa; (4) văn minh Ấn Độ; (5) văn minh A rập; (6) văn minh Đông Nam Á; (7) văn minh Hy Lạp - La Mã; (8) văn minh Tây Âu trung đại; (9) văn minh công nghiệp; (10) văn minh thế kỷ XX...

GIAO
BỘ

- Trong mỗi nền văn minh sẽ giới thiệu ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, môi trường xã hội - văn hóa tới sự hình thành và phát triển của các nền văn minh.

- Trình bày khái quát những nét chủ yếu của tiến trình văn minh và những đóng góp tiêu biểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, tôn giáo...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI	4	2	0		
1.1. Các khái niệm cơ bản.				<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và phân biệt được hệ thống các khái niệm cơ bản về văn hóa và văn minh. Tìm hiểu nội dung cơ bản của môn học cũng như phương pháp học tập nghiên cứu môn học này. - Chọn trước chủ đề thảo luận nhóm. 	<p><i>* Đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài giảng lịch sử văn minh thế giới, Nguyễn Quang Thái, Chương(1) + Đọc tài liệu TK số [5], [6]
1.1.1. Khái niệm văn hóa và văn hóa học.					
1.1.2. Khái niệm văn minh, văn hiến và văn vật					
1.1.3. Phân biệt khái niệm, nguyên lý và các mối quan hệ của văn hóa với văn hiến, văn vật và văn minh.					
1.2. Những nền văn minh lớn trên thế giới					
1.3. Khái niệm và so sánh văn minh Phương Đông với VM Phương Tây					
1.3.1. Khái niệm văn minh Phương Đông và văn minh Phương Tây.					
1.3.2. So sánh đặc trưng của hai nền văn minh Phương Đông và văn minh Phương Tây.					
Câu hỏi thảo luận:					

UC
TRU
ĐẠI
RIÀ-

1. Văn minh là gì? Phân biệt các khái niệm: văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật...
 2. Khái quát những nền văn minh lớn trên thế giới?

Chương 2: VĂN MINH BẮC PHI VÀ TÂY Á (VM PHƯƠNG ĐÔNG CỔ TRUNG ĐẠI)	4	3	0	
2.1. Văn minh Phương Đông cổ đại				
<p>2.1.1. Tổng quan về lịch sử Ai Cập cổ đại</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điều kiện địa lý và dân cư + Sự thành lập vương quốc cổ đại + Các thời kỳ lịch sử của Ai Cập cổ đại từ cuối thiên kỷ IV TCN đến cuối thiên kỷ I TCN 				<ul style="list-style-type: none"> + Khái quát chung lịch sử phương Đông + Những đặc điểm chung của lịch sử phương Đông + Những sự kiện, hiện tượng cơ bản của lịch sử các
<ul style="list-style-type: none"> + Một số đặc điểm chính trị xã hội của Ai Cập cổ đại 				<ul style="list-style-type: none"> nước phương Đông (tên các nước của các bài trong chương)
<p>2.1.2. Các thành tựu văn hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chữ viết cổ + Văn học + Tôn giáo tín ngưỡng + Nghệ thuật ướp xác + Nghệ thuật kiến trúc (Kim Tự tháp) + Thiên văn: Toán học, Vật lý, Y học... + Tượng Nhân sư (Sphinx) và các đền miếu. 				<ul style="list-style-type: none"> + Phần văn hóa – văn minh: những thành tựu chính của các nền văn minh. - Thảo luận theo nhóm, chọn ra các chủ đề trọng tâm. * Phương pháp đánh giá: - Diễn giảng và thuyết trình. - Thảo luận nhóm.
2.2. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại				
<p>2.1.1. Tổng quan về lịch sử Lưỡng Hà cổ đại.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vị trí địa lý và điều kiện thiên nhiên. + Lược sử hình thành vùng đất. + Các nhà nước cổ đại ở Lưỡng Hà cổ đại từ đầu thiên kỷ II TCN đến thế 				<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2], Chương (2,3) + Đọc tài liệu tham khảo số [5], [6], [7], [8]

* Đọc:

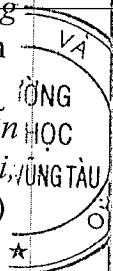
+ Bài giảng lịch sử văn minh thế giới, Nguyễn Quang Thái, Chương(2)

Nghiên cứu trước:

+ Tài liệu [2], Chương (2,3)

+ Đọc tài liệu tham khảo số [5], [6],

[7], [8]



kỷ VI TCN					* <i>Đọc:</i>
<p>2.1.2. Các thành tựu văn hóa văn minh</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chữ tượng hình và chữ tiết hình (hay “chữ góc”), quá trình tìm ra cách đọc chữ tiết hình + Văn học, Toán học, Thiên văn, Y học và Lịch pháp + Thành trì cổ đại + Vườn treo Babilon + Bộ luật Hammurabi + Thư viện vua Axuabanipan 					<ul style="list-style-type: none"> + Bài giảng lịch sử văn minh thế giới, Nguyễn Quang Thái, Chương (2) <p>Nghiên cứu trước:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tài liệu [2], Chương (2,3)
2.3. Văn minh Trung cận Đông (Văn minh Ả Rập)					+ <i>Đọc tài liệu tham khảo số [5],</i>
<p>2.3.1. Tổng quan về lịch sử văn minh Ả Rập.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vùng đất Trung cận Đông + Đạo Hồi (Islam) và đế quốc Ả rập + Lịch sử Ả Rập từ khi lập nước đến khi đế quốc Ả rập diệt vong (thế kỷ VII - XIII) 					[6], [7], [8]
<p>2.3.2. Thành tựu văn hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chữ viết và chữ số + Tín ngưỡng thiên chúa allah Văn hóa Hồi giáo + Ra đời Kinh Koran và Đạo Do Thái + Các thành tựu về văn học, nghệ thuật, khoa học, giáo dục. 					
2.4. Văn minh Ấn Độ					
<p>2.4.1. Tổng quan về VM Ấn Độ.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vị trí địa lý và dân cư 					

ĐẠO ĐỨC

<ul style="list-style-type: none"> + Sơ lược lịch sử Ấn Độ thời cổ trung đại + Thời kỳ chiếm hữu nô lệ + Thời kỳ phong kiến 					
<p><i>2.4.2. Những thành tựu của văn hóa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Tôn giáo và triết học + Chữ viết và ngôn ngữ + Văn học + Nghệ thuật + Khoa học tự nhiên + Đạo Bàlamôn và Ấn Độ giáo. + Đạo Phật và các trào lưu triết học Ấn Độ. 					
2.5. Lịch sử văn minh Trung Quốc					
<p><i>2.5.1. Tổng quan về lịch sử</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Địa lý và dân cư + Lịch sử cổ đại + Lịch sử trung đại 					
<p><i>2.5.2. Các thành tựu văn hóa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Chữ viết từ chữ Giáp cốt đến chữ Hán + Văn học: Kinh thi, thơ Đường, tiểu thuyết Minh Thanh + Sử học: Sử ký, lịch sử các triều đại, Tư trị thông giám + Khoa học tự nhiên + Bốn phát minh lớn về kỹ thuật: giấy, thuốc súng, la bàn + Tư tưởng và tôn giáo + Giáo dục + Nghệ thuật: hội họa, điêu khắc và kiến trúc điêu khắc + Tư tưởng và tôn giáo: Âm 					



đương, Bát quái, Ngũ hành, Âm dương gia, Nho gia, Đạo gia và Đạo giáo, Mặc gia, Pháp gia.					
Câu hỏi – bài tập:					
1. Trình bày tiến trình của lịch sử phương Đông					
2. Những đặc điểm chung của các nước phương Đông cổ trung đại					
3. Những sự kiện, hiện tượng tiêu biểu của lịch sử Ai cập, Ả rập, Ấn Độ, Trung Quốc.					
4. Miêu tả Kim Tự Tháp, vườn treo Babilon					
5. Các thành tựu chính của các nền văn hóa – văn minh Ai cập, Babilon, Ả rập, Ấn Độ.					
Chương 3: LỊCH SỬ VĂN MINH PHƯƠNG TÂY CỔ ĐẠI	4	3	0		
3.1. Văn minh Hy Lạp cổ đại				+ Tiến trình lịch sử phương Tây	
3.1.1. Tổng quan về Hy Lạp cổ đại. + Địa lý dân cư + Các thời kỳ lớn của lịch sử Hy Lạp cổ đại				+ Lịch sử ra đời các nền văn minh Hy Lạp, La Mã. + Những sự kiện hiện tượng lịch sử chính của Hy Lạp và La Mã	* <i>Đọc:</i> + <i>Bài giảng</i> lịch sử văn minh thế giới, Nguyễn Quang Thái, Chương(3)
3.1.2. Các thành tựu văn hóa văn minh + Văn học – Thần thoại + Hệ thống các thần ở Hy Lạp + Sử học + Nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc, hội họa + Khoa học tự nhiên: Thiên văn học, toán học, vật lý học + Triết học + Luật pháp + Sự ra đời và phát triển của đạo Kitô (Cơ đốc) + Giáo lý cơ bản của đạo Kitô				+ Văn hóa – văn minh + Bảy kỳ quan của thế giới cổ đại + Các thành tựu văn hóa tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã. - Thảo luận theo nhóm, chọn ra các chủ đề trọng tâm. * Phương pháp đánh giá: - Diễn giảng và thuyết trình.	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2], Chương (4) + Đọc tài liệu tham khảo số [5], [6],
3.2. Văn minh La Mã cổ đại					
3.2.1. Tổng quan về La Mã					

ĐƯỢC
 TRƯ
 ĐẠI
 RI-A-V
 *

<ul style="list-style-type: none"> + Địa lý và dân cư + Các thời kỳ lịch sử + Sự ra đời nhà nước La Mã cổ đại + Thời kỳ Cộng hòa + Thời kỳ đế chế 				- Thảo luận nhóm.	[7], [8]
<p>3.2.2. Các thành tựu văn hóa văn minh</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn học – Thần thoại + Hệ thống các thần ở La Mã + Sử học + Nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc, hội họa + Khoa học tự nhiên: Thiên văn học, 					
<ul style="list-style-type: none"> toán học, vật lý học + Triết học + Luật pháp + Sự ra đời và phát triển của đạo Kitô (Cơ đốc) + Giáo lý cơ bản của đạo Kitô + Chính sách của Nhà nước La Mã đối với đạo Kitô 					
<p>Câu hỏi – bài tập:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Miêu tả ngắn gọn bảy kỳ quan thế giới cổ đại 2. Những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Hy Lạp và La Mã. 					
<p>Chương 4: LỊCH SỬ VĂN MINH PHƯƠNG TÂY TRUNG ĐẠI</p>	4	3	0		
<p>4.1. Lịch sử văn minh phương Tây trung đại</p>				<ul style="list-style-type: none"> + Lịch sử phương Tây trung đại. Những đặc điểm chính của chế độ phong kiến Châu Âu 	<p>* Đọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài giảng lịch sử văn minh thế giới, Nguyễn
<p>4.1.1. Tổng quan về lịch sử phương Tây trung đại.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời kỳ hình thành củng cố và phát triển chế độ phong kiến. + Thời kỳ suy tàn của chế độ 					

HỒNG
 HỌC
 NG TÀI

<p>phong kiến và sự ra đời của chủ nghĩa tư bản ở Châu Âu.</p>					<p><i>Quang Thái,</i> Chương(4)</p>
<p><i>4.1.2. Sự thành lập các quốc gia mới ở Tây Âu</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự thành lập các quốc gia mới ở Tây Âu của người Giéc Mạnh + Sự ra đời của các nước Pháp, Đức, Ý, Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha 				<ul style="list-style-type: none"> + Các thành tựu chính của văn minh phương Tây trung đại (phong trào văn hóa phục hưng: cải cách tôn giáo) 	<p>Nghiên cứu trước:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tài liệu [2], Chương (6) + Đọc tài liệu tham khảo số [5], [6],
<p><i>4.1.3. Văn hóa Tây Âu từ thế kỷ V-X.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Tình hình kinh tế xã hội và vai trò của giáo hội La Mã + Sự suy thoái về văn hóa 				<p>* Phương pháp đánh giá:</p>	<p>[7], [8]</p>
<p><i>4.1.4. Văn hóa Tây Âu từ thế kỷ XI-XIV.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự ra đời của thành thị + Những thành tựu mới về văn hóa như: <ul style="list-style-type: none"> - Sự ra đời của trường đại học - Triết học kinh viện - Văn học kỳ sĩ và văn học thành thị - Kiến trúc Gò tích 				<ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng và thuyết trình. - Thảo luận nhóm. 	
<p>4.2. Văn minh phương Tây trung đại</p>					
<p><i>4.2.1. Phong trào văn hóa Phục hưng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Những điều kiện lịch sử <ul style="list-style-type: none"> - Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản - Sự xuất hiện chủ nghĩa nhân văn + Phong trào phục hưng và phát triển những tinh hoa của nền văn hóa – văn minh Hy Lạp – La Mã + Những thành tựu triết học tiêu biểu về văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, triết học 					

<ul style="list-style-type: none"> + Vì sao có phong trào văn hóa phục hưng? + Nội dung của phong trào văn hóa phục hưng + Ý nghĩa của phong trào văn hóa phục hưng + Một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu. 					
<p>4.2.2. Phong trào cải cách tôn giáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phong trào đòi thay đổi, đổi mới Cơ đốc giáo cho phù hợp với yêu cầu của giai cấp tư sản + Nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo 					
<ul style="list-style-type: none"> + Diễn biến, Nội dung, Kết quả + Các cuộc cải cách tôn giáo ở Đức, Thụy Sĩ, Anh và sự ra đời của các hình thức đạo Tin Lành. 					
<p>Câu hỏi – bài tập:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những đặc điểm chủ yếu của chế độ phong kiến Châu Âu? 2. Những thành tựu chính trong phong trào văn hóa phục hưng? 					
<p>Chương 5: VĂN MINH CẬN HIỆN ĐẠI (VĂN MINH CÔNG NGHIỆP)</p>	4	2	0		
<p>5.1. Sự tiếp xúc giữa các nền văn minh thế giới thế kỷ XVI</p>					
<p>5.1.1. Kỹ thuật hàng hải và những phát kiến địa lý</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự tiến bộ của kỹ thuật hàng hải + Phát kiến địa lý của Vasco de Gama, Christophe Colomb, Majellan + Ý nghĩa lịch sử của những phát kiến địa lý 					<ul style="list-style-type: none"> + Lịch sử cận hiện đại thế giới và sự ra đời văn minh công nghiệp + Các thành tựu khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, văn học nghệ thuật tiêu biểu trong các thế kỷ XVIII, XIX, nửa đầu thế kỷ <p>* <i>Đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Bài giảng lịch sử văn minh thế giới, Nguyễn Quang Thái, Chương(5)
<p>5.1.2. Văn minh Châu Mỹ: Các nền văn hóa cổ xưa miền Trung Nam Mỹ</p>					<p>Nghiên cứu trước:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tài liệu

<ul style="list-style-type: none"> + Văn hóa Maya + Văn hóa Inca + Văn hóa Aztech 				<p>XX.</p> <p>* Phương pháp đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giảng và thuyết trình. - Thảo luận nhóm. <p>+ Lịch sử thế giới cận hiện đại và sự ra đời của văn minh công nghiệp từ nửa sau thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI như công nghiệp chế tạo dùng hơi nước...</p>	<p>[2], Chương (7)</p> <p>+ Đọc tài liệu tham khảo số [5], [6], [7], [8]</p>
<p><i>5.1.3. Quá trình thực dân hóa và sự tiếp xúc giữa các nền văn minh Âu - Phi - Mỹ.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự xâm nhập và khai thác của người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Chế độ thực dân Châu Mỹ La tinh + Quan hệ thương mại Âu - Á, Âu - Phi - Mỹ. Ngôn ngữ và văn hóa 					
<p>5.2. Văn minh Công nghiệp.</p>					
<p><i>5.2.1. Điều kiện ra đời các quốc gia tư sản đầu tiên ở Châu Á và Bắc Mỹ (thế kỷ XVI-XVIII).</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Cách mạng tư sản ở Hà Lan, Anh, Bắc Mỹ. + Trào lưu triết học Ánh sáng và Cách mạng Pháp thế kỷ XVIII 					<p><i>* Đọc:</i></p> <p>+ <i>Bài giảng lịch sử văn minh thế giới, Nguyễn Quang Thái, Chương(5)</i></p>
<p><i>5.2.2. Bước đầu cách mạng công nghiệp ở Anh nửa đầu thế kỷ XIX</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự chuyển biến cơ bản từ sản xuất thủ công sang sản xuất cơ khí + Phát minh máy hơi nước và sự ứng dụng vào sản xuất + Quá trình công nghiệp hóa Châu Âu nửa đầu thế kỷ XIX + Hậu quả kinh tế - xã hội ở Châu Âu nửa đầu thế kỷ XIX 					<p>Nghiên cứu trước:</p> <p>+ Tài liệu [2], Chương (7)</p> <p>+ Đọc tài liệu tham khảo số [5], [6], [7], [8]</p>
<p><i>5.2.3. Những thành tựu của văn minh công nghiệp nửa cuối thế kỷ XIX.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Cuộc cách mạng công nghiệp và những tiến bộ về khoa học kỹ thuật nửa cuối thế kỷ XIX. + Các phát minh về sinh học, hóa 					

học, vật lý học...

- + Phát minh khoa học – kỹ thuật, khoa học xã hội, văn học nghệ thuật.
- + Phát minh về điện và việc sử dụng điện trong các lĩnh vực sản xuất, thông tin, y học, quân sự.
- + Cơ khí hóa sản xuất
- + Các phương tiện giao thông liên lạc mới
- + Sự phát triển của công xưởng và thành thị
- + Sự hình thành giai cấp tư sản và giai cấp vô sản

5.2.4. Sự chuyển biến kinh tế - xã hội nửa cuối thế kỷ XIX

- + Chủ nghĩa thực dân phương Tây đối với các nước Á - Phi - Mỹ Latinh.
- + Sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân
- + Sự giao tiếp hai nền văn hóa Đông - Tây: Hấp thụ và loại trừ, khai thác và phá hoại.
- + Hậu quả kinh tế - xã hội và văn hóa đối với phương Đông.

5.2.5. Bối cảnh lịch sử trong nửa đầu thế kỷ XX.

- + Những học thuyết về triết học và kinh tế tư sản
- + Các trào lưu văn học nghệ thuật thế kỷ XIX ở Châu Âu: Chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa hiện thực
- + Học thuyết Mác và những trào lưu tư tưởng trước Mác
- + Chủ nghĩa xã hội khoa học Mácxít



+ Sự phát triển tư tưởng của Lênin đối với học thuyết Mác					
Câu hỏi – bài tập: 1. Nội dung cơ bản của lịch sử cận đại 2. Nội dung cơ bản của lịch sử thế giới đầu thế kỷ XX 3. Những thành tựu khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, văn học nghệ thuật tiêu biểu trong các thế kỷ XVIII, XIX, nửa đầu thế kỷ XX.					
Chương 6: VĂN MINH HẬU CÔNG NGHIỆP (VĂN MINH HIỆN ĐẠI THẾ KỶ XX - XXI).	3	2	0		
6.1. Hoàn cảnh lịch sử.					
6.1.1. Cách mạng tháng Mười Nga và sự xuất hiện Văn minh xã hội chủ nghĩa + Sự hình thành chế độ mới và cấu trúc xã hội mới + Văn hóa Xô viết và Con người mới + Chiến tranh thế giới và sự phá hoại văn minh nhân loại				+ Nội dung cơ bản của lịch sử thế giới nửa sau thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. + Sự khác nhau giữa văn minh công nghiệp và Hậu công nghiệp. + Những thành tựu khoa học công nghệ chính trong thời kỳ văn minh Hậu công nghiệp.	* <i>Đọc:</i> + <i>Bài giảng</i> lịch sử văn minh thế giới, Nguyễn Quang Thái, Chương(6) Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2], Chương (8) + <i>Đọc</i> tài liệu tham khảo số [5], [6], [7], [8]
6.1.2. Văn minh thế giới nửa sau thế kỷ XX + Những phát minh về kỹ thuật quân sự. + Khoa học kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. + Thời gian từ phát minh khoa học đến ứng dụng vào thực tế ngày càng rút ngắn và hiệu quả cao. + Cuộc cách mạng công nghiệp trở thành cốt lõi của cách mạng khoa học kỹ thuật				+ Sự phát triển của khoa học và công nghệ: phát minh máy tính, quá trình tự động hóa sản xuất và đời sống. Bước mở đầu của văn minh thông tin. Những thành tựu của công cuộc chinh phục vũ trụ.	
6.1.3. Hệ tư tưởng cổ truyền của phương Đông trước sự phát triển kinh tế xã hội ở các nước Đông Á và Đông				* Phương pháp đánh giá: - <i>Diễn giảng</i> và	

UC
TRU
AI K
4-VU
*

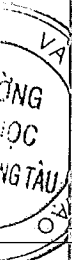
<p><i>Nam Á.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự ra đời các nhà nước độc lập ở phương Đông + Sự phát triển tư tưởng cổ truyền trong xây dựng đất nước: Kinh nghiệm Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan. + Sự tiếp nhận văn minh thế giới và bảo vệ bản sắc dân tộc 				<p>thuyết trình. - Thảo luận nhóm.</p>	
<p>6.2. Những thành tựu khoa học – công nghệ bước sang thế kỷ XXI</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn minh loài người trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI (Văn minh công nghiệp hiện đại) + Máy tính 					
<ul style="list-style-type: none"> + Người máy (rôbot) + Các vật liệu mới + Tia laser + Cáp sợi thủy tinh quang dẫn + Công nghệ sinh học + Công cuộc chinh phục vũ trụ 					
<p>Câu hỏi ôn tập chương:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nội dung cơ bản của lịch sử thế giới ở nửa sau thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI 2. Thế nào là cách mạng công nghệ? Những thành tựu? 					
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

- 5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần, thái độ học tập, tích cực phát biểu: 20% điểm học phần.
- 5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;
 - Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.
- 5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.
 - Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:



[1]. Vũ Dương Ninh (2016), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb. Giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Will Durant (2018), *Lịch sử văn minh Á Rập*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh (bản dịch của Nguyễn Hiến Lê).

[3]. Will Durant (2018), *Lịch sử văn minh Ấn Độ*, Nxb. Hồng Đức (bản dịch của Nguyễn Hiến Lê).

[4]. Will Durant (2018), *Lịch sử văn minh Trung Hoa*, Nxb. Hồng Đức (bản dịch của Nguyễn Hiến Lê).

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Mai Ngọc Chừ

Năm sinh: 1950

Học vị: Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: chumn@bv.u.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH Hoàng Văn Kiém

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Mai Ngọc Chừ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội Việt Nam**
- Mã học phần: 0101120555
- Số tín chỉ: **03 (2, 1, 6)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

** Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:*

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

- + Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận tôn giáo học; về đặc điểm, vai trò, giá trị của tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam; chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tôn giáo, tín ngưỡng.
- + Cung cấp những kiến thức cơ bản về phong tục tập quán nói chung và những thuần phong mỹ tục của Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó giúp người học biết phân biệt, lựa chọn những phong tục tập quán phù hợp với cuộc sống mới để tuyên truyền, bảo lưu, đồng thời gạt bỏ những phong tục tập quán cổ hủ.

- Kỹ năng:

- + Rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy, phân tích tổng hợp các vấn đề đặt ra trong học phần.

- + Giúp sinh viên có khả năng liên hệ với thực tế, có thái độ đúng đắn với các tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán và lễ hội ở các vùng miền khác nhau, phục vụ cho việc nghiên cứu văn hóa nói chung, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán và lễ hội nói riêng.

- Thái độ:

- + Sinh viên tôn trọng các tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, lễ hội tốt đẹp của dân tộc
- + Phê phán các hủ tục lạc hậu và thực hiện tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo phương châm tốt đời, đẹp đạo.

- Phương pháp giảng dạy:

- + Giáo viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).
- + Giáo viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức lí luận và thực tiễn về tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam theo tiến trình lịch đại và theo đặc trưng đồng đại. Trên cơ sở phong kiến thức văn hóa từ các năm học trước và kiến thức công cụ mới được trang bị, học viên có thể nhận diện, phân tích, đánh giá được các hiện tượng tôn giáo tín ngưỡng, nắm được một số đặc điểm hiện nay, chính sách của Đảng, thực trạng tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam và một số giải pháp cơ bản.
- Những khái niệm cơ bản về phong tục tập quán và những phong tục tập quán tiêu biểu của Việt Nam như phong tục cưới xin, ma chay, lễ hội và lễ tết, ...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		TN,		
	LT	BT, TL	TH, điền dã		
Chương 1. VÀI NÉT LÝ LUẬN VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO	4	2	2		
I. Khái niệm tôn giáo, tín ngưỡng 1. Khái niệm tín ngưỡng				- Hiểu được các khái niệm cơ	Sinh viên đọc trước tài liệu



<p>2. Khái niệm tôn giáo</p> <p>3. Điểm giống và khác nhau giữa tôn giáo và tín ngưỡng</p>			<p>bản về tín ngưỡng, tôn giáo, biết được điểm giống và khác nhau của tôn giáo và tín ngưỡng.</p>	<p>[1], [2], [4], [5], [6], [10]</p>
<p>II. Các hình thức tôn giáo trong lịch sử</p> <p>1. Các hình thức tôn giáo trong xã hội nguyên thủy (tôn giáo sơ khai)</p> <p>1.1. Totem giáo</p> <p>1.2. Ma thuật giáo</p>			<p>- Biết được các hình thức tôn giáo, tín ngưỡng trong lịch sử,</p>	<p>Sinh viên đọc trước tài liệu [1], [2], [4], [5], [6], [10]</p>
<p>1.3. Bái vật giáo</p> <p>1.4. Vật linh giáo</p> <p>1.5. Saman giáo</p> <p>2. Các hình thức tôn giáo trong xã hội có giai cấp</p> <p>2.1. Tôn giáo dân tộc</p> <p>2.2. Tôn giáo khu vực</p> <p>2.3. Tôn giáo thế giới</p>			<p>phạm vi ảnh hưởng và tính chất của những tôn giáo này.</p>	
<p>III. Chức năng và vai trò của tôn giáo, tín ngưỡng</p> <p>1. Chức năng</p> <p>1.1. Chức năng an ủi</p> <p>1.2. Chức năng thế giới quan</p> <p>1.3. Chức năng điều chỉnh hành vi</p> <p>1.4. Chức năng liên kết</p> <p>1.5. Chức năng giao tiếp</p>			<p>- Biết và hiểu được chức năng, vai trò của tôn giáo, tín ngưỡng trong đời sống cộng đồng và trong nền văn hóa của mỗi dân</p>	<p>Sinh viên đọc trước tài liệu [1], [2], [4], [5], [6], [10]</p>



2. Vai trò 2.1. Mặt tích cực 2.2. Mặt tiêu cực				tộc.	
Chương 2. TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VIỆT NAM I. Những điều tự nhiên, lịch sử, văn hoá ảnh hưởng tới sự hình thành và phát triển của tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam II. Tôn giáo ở Việt nam 1. Hệ thống tôn giáo ở Việt Nam 2. Đặc điểm của tôn giáo Việt Nam 3. Khu vực các tôn giáo mới xuất hiện đầu thế kỷ XX 4. Một số tôn giáo chính ở Việt Nam	7	3	3	- Biết được những điều kiện dẫn tới sự hình thành và phát triển của tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam, hệ thống các tôn giáo, đặc điểm của tôn giáo, các tôn giáo chính...	Sinh viên đọc trước tài liệu [1], [2], [4], [5], [6], [10], [11]
III. Tín ngưỡng Việt Nam 1. Phân loại tín ngưỡng 2. Đặc điểm của tín ngưỡng Việt Nam 3. Một số tín ngưỡng chủ yếu ở Việt Nam				- Biết được những loại hình tín ngưỡng chủ yếu ở Việt Nam, đặc điểm của tín ngưỡng, biết cách phân loại tín ngưỡng.	Sinh viên đọc trước tài liệu [1], [2], [4], [5], [6], [10], [11]
IV. Một số tín ngưỡng chủ yếu ở Việt Nam 1. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên 2. Tín ngưỡng thờ Mẫu 3. Tín ngưỡng phồn thực				- Hiểu được bản chất của những tín ngưỡng cơ bản của người Việt.	Sinh viên đọc trước tài liệu [1], [2], [4], [5], [6], [10], [11]
V. Một số tôn giáo chính ở Việt Nam				- Hiểu được tính	Sinh viên đọc

<ol style="list-style-type: none"> 1. Phật giáo 2. Công giáo 3. Tin lành 4. Hồi giáo 5. Cao Đài 6. Hoà Hảo 				chất cơ bản của những tôn giáo chính ở Việt Nam.	trước tài liệu [1], [2], [4], [5], [6], [10]
Chương 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO VÀ CHÍNH SÁCH TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	4	2	2	- Hiểu được những quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng, chính sách về tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước ta.	Sinh viên đọc trước tài liệu [1], [2], [4], [5], [6], [10]
I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, tín ngưỡng II. Chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước Việt Nam					
Chương 4. VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ PHONG TỤC TẬP QUÁN <ol style="list-style-type: none"> 1. Khái niệm phong tục và tập quán 2. Cấu trúc, phong tục tập quán 3. Chức năng phong tục tập quán 4. Phân loại phong tục tập quán 	4	2	2	- Hiểu được những nét khái quát về phong tục, tập quán Việt Nam: khái niệm, cấu trúc, chức năng, phân loại.	Sinh viên đọc trước tài liệu [2], [7], [8], [9], [11], [12], [13], [14], [15], [16]
Chương 5. PHONG TỤC CƯỚI HỎI VÀ TANG MA <ol style="list-style-type: none"> 1. Phong tục cưới hỏi 	3	2	2	- Biết được những nét độc đáo trong phong	Sinh viên đọc trước tài liệu [2], [7], [8], [9],



2. Phong tục tang ma				tục cưới hỏi và tang ma của người Việt.	[11], [12], [13], [14], [15], [16]
Chương 6. PHONG TỤC LỄ HỘI VIỆT NAM 1. Khái niệm 2. Cấu trúc 3. Chức năng 4. Phân loại 5. Đặc trưng 6. Giá trị văn hóa của lễ hội	4	2	2	- Biết được những nét cơ bản về phong tục lễ hội của Việt Nam: khái niệm, cấu trúc, chức năng, phân loại, đặc trưng	Sinh viên đọc trước tài liệu [2], [7], [8], [9], [11], [12], [13], [14], [15], [16]
				cơ bản, giá trị văn hóa...	
Chương 7. PHONG TỤC LỄ TẾT VIỆT NAM 1. Khái niệm 2. Cấu trúc 3. Chức năng 4. Phân loại 5. Đặc trưng 6. Giá trị văn hóa của lễ tết	4	2	2	- Biết được những nét cơ bản về phong tục lễ Tết của Việt Nam: khái niệm, cấu trúc, chức năng, phân loại, đặc trưng	Sinh viên đọc trước tài liệu [2], [7], [8], [9], [11], [12], [13], [14], [15], [16]
Tổng	30				

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Mai Thanh Hải (2016), *Địa chí tôn giáo lễ hội Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Tín ngưỡng dân gian - Những góc nhìn*, Nxb Thời đại.

[3]. Trần Quốc Vượng (2016), *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Mai Ngọc Chừ

Năm sinh:

Học vị: Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: chumn@bv.u.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 18 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Mai Ngọc Chừ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Các vùng văn hóa Việt Nam**
- Mã học phần: 0101120552
- Số tín chỉ: **03 (3, 0, 6)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được những khái niệm cơ bản trong nghiên cứu văn hóa Việt Nam, khái niệm vùng văn hóa, tiêu chí phân vùng văn hóa và những đặc trưng văn hóa của các vùng và tiểu vùng văn hóa Việt Nam. Từ đó, biết cách phân biệt được vùng văn hóa này với vùng văn hóa khác hay tiểu vùng văn hóa này với tiểu vùng văn hóa khác. Đồng thời, biết khai thác, bảo tồn và phát huy giá trị các đặc trưng văn hóa của các vùng miền t

- Kỹ năng:

- + Rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích và tổng hợp các tài liệu về các vùng văn hóa Việt Nam.
- + Biết cách làm việc theo nhóm, viết báo cáo, thuyết trình, trình bày quan điểm về một vấn đề thuộc văn hóa vùng ở Việt Nam.
- + Biết cách khảo sát, nghiên cứu một vấn đề cụ thể về văn hóa vùng của Việt Nam.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học

- + Biết chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu
- + Biết tôn trọng và học hỏi các nhà nghiên cứu khoa học
- + Có ý thức coi trọng và bảo vệ các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của nước ta
- + Có ý thức xây dựng một nếp sống mang tính văn hóa cao, phê phán các hành vi thiếu văn hóa.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho người học các lý thuyết cơ bản như khái niệm vùng văn hóa, các nhân tố liên quan đến vùng văn hóa và những đặc điểm chủ yếu của 7 vùng văn hóa Việt Nam. Trong từng vùng văn hóa cụ thể, môn học cũng đề cập đến những đặc trưng cơ bản của những tiểu vùng văn hóa tiêu biểu. Ngoài ra, môn học còn đề cập đến cách phân loại vùng văn Việt Nam hóa theo thể loại văn hóa và bàn về vấn đề bảo vệ các giá trị của văn hóa vùng.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết:

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
<p>Chương 1: CÁC LÝ THUYẾT VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU</p> <p><i>1.1. Khái niệm vùng văn hóa</i></p> <p><i>1.2. Hệ tiêu chí phân vùng văn hóa</i></p> <p><i>1.3. Văn hóa vùng trong mối quan hệ với văn hóa quốc gia</i></p> <p><i>1.4. Phác thảo phân vùng văn hóa ở nước ta</i></p>	3	1	0	<p>- Người học phải nắm được khái niệm vùng văn hóa, các tiêu chí phân vùng văn hóa và mối quan hệ giữa văn hóa quốc gia và văn hóa vùng, từ đó có cách nhìn nhận đúng về vị trí, vai trò của các vùng văn hóa Việt Nam trong bức tranh tổng thể của văn hóa Việt Nam.</p> <p>- Trên cơ sở các hệ tiêu chí phân vùng văn hóa, người học tiếp cận một số cách phác thảo phân vùng văn hóa. Đồng thời, người học có thể tự đưa ra cách phác thảo phân vùng văn hóa</p>	<p>- Tài liệu [1]: trang 7 – 28, tài liệu [2] trang 150-153, tài liệu [3] trang 11-18</p>



				theo mục đích và quan điểm nghiên cứu của mình.	
Chương 2: VÙNG VĂN HÓA TÂY BẮC 2.1. Những đặc điểm chung 2.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên 2.1.2. Địa lý dân cư và thành phần tộc người 2.2. Những đặc trưng văn hóa cơ bản 2.2.1. Văn hóa vật chất 2.2.2. Văn hóa tinh thần	3	1	0	- Người học phải nắm được những đặc điểm chung và những đặc trưng văn hóa mang tính phổ quát của vùng văn hóa Tây Bắc, một vùng văn hóa trong đó có sự đan xen của nhiều tộc người thiểu số nhưng lại có tính thống nhất cao.	- Tài liệu [1]: trang 33-36, 134-160, tài liệu [2] trang 154-166, tài liệu [3] trang 243-248
2.3. Các dạng sinh thái tộc người 2.3.1. Dạng sinh thái tộc người rẻo cao 2.3.2. Dạng sinh thái tộc người rẻo giữa					
Chương 3: VÙNG VĂN HÓA ĐÔNG BẮC 3.1. Những đặc điểm chung 3.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên 3.1.2. Địa lý dân cư và thành phần tộc người 3.2. Những đặc trưng văn hóa cơ bản 3.2.1. Văn hóa vật chất 3.2.2. Văn hóa tinh thần 3.3. Tiểu vùng văn hóa xứ Lạng	3	1	0	- Người học phải nắm được những đặc điểm chung và những đặc trưng văn hóa cơ bản của văn hóa vùng Đông Bắc; Biết được ý nghĩa quan trọng về vị trí địa lý của vùng đối với đất nước và vai trò trung tâm của văn hóa xứ Lạng.	- Tài liệu [1]: trang 30-32, 113-133, tài liệu [2] trang 166-173, tài liệu [3] trang 248-250
Chương 4: VÙNG VĂN HÓA ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ 4.1. Những đặc điểm	6	2	0	- Người học phải nắm được những đặc điểm chung và những đặc trưng văn hóa cơ bản của vùng đồng bằng	- Tài liệu [1]: trang 29-30, 48-112, tài liệu [2] trang 173-181, tài liệu [3] trang 250-

JC V
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
A-VÙNG T
★

<p>chung</p> <p>4.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên</p> <p>4.1.2. Địa lý dân cư và thành phần tộc người</p> <p>4.2. Những đặc trưng văn hóa cơ bản</p> <p>4.2.1. Văn hóa vật chất</p> <p>4.2.2. Văn hóa tinh thần</p> <p>4.3. Các tiểu vùng văn hóa</p> <p>4.3.1. Tiểu vùng văn hóa đất Tổ</p> <p>4.3.2. Tiểu vùng văn hóa Kinh Bắc</p>				<p>Bắc Bộ và 5 tiểu vùng văn hóa, thấy rõ vị trí và vai trò trung tâm của văn hóa vùng này trong văn hóa quốc gia.</p>	<p>253</p>
<p>4.3.3. Tiểu vùng văn hóa Thăng Long – Hà Nội</p> <p>4.3.4. Tiểu vùng văn hóa Hải Đông</p> <p>4.3.5. Tiểu vùng văn hóa Sơn Nam</p>					
<p>Chương 5: VÙNG VĂN HÓA TRUNG BỘ</p> <p>5.1. Những đặc điểm chung</p> <p>5.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên</p> <p>5.1.2. Địa lý dân cư và thành phần tộc người</p> <p>5.2. Những đặc trưng văn hóa cơ bản</p> <p>5.2.1. Văn hóa vật chất</p> <p>5.2.2. Văn hóa tinh thần</p> <p>5.3. Các tiểu vùng văn hóa</p> <p>5.3.1. Tiểu vùng văn hóa xứ Thanh</p> <p>5.3.2. Tiểu vùng văn hóa xứ Nghệ</p> <p>5.3.3. Tiểu vùng văn hóa</p>	<p>5</p>	<p>1</p>	<p>0</p>	<p>- Người học phải nắm được những đặc điểm chung và các đặc trưng cơ bản của vùng văn hóa duyên hải Bắc Trung Bộ, đồng thời hiểu rõ những đặc điểm riêng của các tiểu vùng văn hóa tiêu biểu xứ Thanh, xứ Nghệ, xứ Huế, xứ Quảng và vùng cực nam Trung bộ.</p>	<p>- Tài liệu [1]: trang 36-42, 161-233, 234-278, Tài liệu [2] trang 181-188, tham khảo tài liệu [3] trang 253-256, tài liệu [4]</p>



<p><i>xứ Huế</i></p> <p>5.3.4. <i>Tiểu vùng văn hóa cực Quảng</i></p> <p>5.3.5. <i>Tiểu vùng văn hóa cực Nam trung bộ</i></p>					
<p>Chương 6: VÙNG VĂN HÓA TRƯỜNG SƠN TÂY NGUYÊN</p> <p>6.1. Những đặc điểm chung</p> <p>6.1.1. <i>Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên</i></p> <p>6.1.2. <i>Địa lý dân cư và thành phần tộc người</i></p> <p>6.2. Những đặc trưng văn hóa cơ bản</p>	3	1	0	<p>- Người học phải nắm được những đặc trưng cơ bản về văn hóa – tộc người của vùng Trường Sơn – Tây Nguyên và những biến đổi đang diễn ra, từ đó có ý thức bảo vệ giá trị văn hóa – tộc người truyền thống của khu vực này.</p>	<p>- Tài liệu [1]: trang 42-45, 279-304, tài liệu [2] trang 188-201, tham khảo tài liệu [3] trang 256-260</p>
<p>6.2.1. <i>Văn hóa vật chất</i></p> <p>6.2.2. <i>Văn hóa tinh thần</i></p> <p>6.3. Các khuynh hướng biến đổi văn hóa ở Tây Nguyên hiện nay</p>					
<p>Chương 7: VÙNG VĂN HÓA NAM BỘ</p> <p>7.1. Những đặc điểm chung</p> <p>7.1.1. <i>Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên</i></p> <p>7.1.2. <i>Địa lý dân cư và thành phần tộc người</i></p> <p>7.2. Những đặc trưng văn hóa cơ bản</p> <p>7.2.1. <i>Văn hóa vật chất</i></p> <p>7.2.2. <i>Văn hóa tinh thần</i></p> <p>7.3. Sự khác biệt giữa làng Nam Bộ và làng Bắc Bộ</p>	3	1	0	<p>- Người học phải nắm được những đặc điểm văn hóa đồng bằng Nam Bộ với tư cách là vùng đất mới, sự khác biệt với văn hóa đồng bằng Bắc Bộ vốn có truyền thống lâu đời.</p>	<p>- Tài liệu [1]: trang 45-47, 305-341, tài liệu [2] trang 201-211, tham khảo tài liệu [5], tài liệu [3] trang 260-262.</p>
<p>Chương 8: VÙNG THỂ LOẠI VĂN HÓA VÀ VĂN ĐỀ BẢO TỒN GIÁ</p>	4	2	0	<p>- Người học phải nắm được khái niệm vùng thể loại văn hóa, phạm vi phổ biến và</p>	<p>- Tài liệu [1]: trang 342-358, tài liệu [3] trang</p>



TRỊ VĂN HÓA VÙNG 8.1. Nhận xét chung 8.2. Các vùng thể loại văn hóa 8.2.1. Vùng truyền thuyết – nghi lễ 8.2.2. Vùng dân ca, âm nhạc 8.2.3. Vùng tín ngưỡng, nghi lễ và lễ hội 8.3. Vấn đề bảo tồn văn hóa vùng				những đặc trưng tiêu biểu của các vùng thể loại văn hóa ở Việt Nam như: vùng truyền thuyết – nghi lễ, vùng dân ca – âm nhạc, vùng tín ngưỡng – lễ hội và biết đưa ra quan điểm về bảo tồn văn hóa vùng.	262-294.
TỔNG	45	0	0		

4.2. Học phần thực hành (5 tiết)

Nội dung chi tiết	Số tiết	Mục tiêu cụ thể	Dụng cụ, thiết bị sử dụng	Định mức vật tư/SV, nhóm SV	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
- Thực hành điền dã: (Chương 8: Vùng văn hóa Nam Bộ)	5	Tìm hiểu đời sống văn hóa của người dân Nam Bộ			Thăm quan thực tế tìm hiểu đời sống văn hóa một địa phương tiêu biểu mang đậm dấu ấn văn hóa của vùng Nam Bộ



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Ngô Đức Thịnh (2015), *Phân hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*,

Nxb. KHXH, 471 tr.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Ngọc Thanh (2018), *Đặc trưng văn hóa vùng Nam bộ*, Nxb Khoa học xã hội.

[3]. Trần Ngọc Thêm (2013), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam bộ*, Nxb. KHXH.

[4]. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (2011), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa vùng Việt Nam.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐÀO TẠO
11

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: KỸ NĂNG THUYẾT MINH DU LỊCH
- Mã học phần: 0101120948
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần học trước:
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.
 - + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
 - + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
 - + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
 - + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần này, sinh viên trang bị được những kiến thức về thuyết minh du lịch như: nguyên tắc, phương pháp thuyết minh du lịch. Từ đó sinh viên có thể ứng dụng để xây dựng một bài thuyết minh hoàn chỉnh và phân tích, đánh giá, tổng hợp các kỹ năng, phương pháp thuyết minh để thực hành các kỹ năng thuyết minh du lịch cho phù hợp.

- *Kiến thức:*

- + Có kiến thức về công việc thuyết minh du lịch
- + Phân biệt được các văn bản thuyết minh du lịch để phục vụ cho công tác hướng dẫn du lịch.
- + Vận dụng các nguyên tắc khi hướng dẫn du lịch.
- + Phân tích, tổng hợp và đánh giá được tình huống thực tế để lựa chọn phương pháp thuyết minh du lịch phù hợp.

- *Kỹ năng:*

- + Sưu tầm thông tin khoa học, chính xác cần thiết cho nội dung các bài thuyết minh du lịch cần viết.
- + Kỹ năng xây dựng văn bản thuyết minh du lịch.
- + Kỹ năng thuyết minh du lịch.
- + Kỹ năng giao tiếp và ứng xử.
- + Kỹ năng thuyết trình, nói trước đám đông

- + Kỹ năng làm việc nhóm.
- + Kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin.
- + Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.
- + Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ.
- + Kỹ năng tự học.

- Thái độ:

- + Có tinh thần học tập nghiêm túc, chấp hành tốt các yêu cầu của môn học.
- + Có thái độ đúng đắn về công việc thuyết minh du lịch.
- + Có ý thức, trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp của người hướng dẫn viên du lịch.
- + Luôn rèn luyện và trau dồi các kỹ năng xây dựng bài thuyết minh và phương pháp thuyết minh du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuyết minh du lịch; giúp sinh viên nhận thức được vai trò của công việc này và phân biệt được các loại hình thuyết minh du lịch. Từ đó, sinh viên có điều kiện rèn luyện kỹ năng xây dựng bài thuyết minh; rèn luyện kỹ năng, phương pháp thuyết minh phù hợp và ứng phó nó vào trong công tác hướng dẫn du lịch của mình.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp	Thí nghiệm, thực hành, điễn dã	Thí nghiệm, thực hành, điễn dã		
Chương 1: Mở đầu về thuyết minh du lịch	3			Giúp sinh viên có kiến thức về thuyết minh du lịch, có tinh thần học tập nghiêm túc, chấp hành tốt các yêu cầu của môn học, có thái độ đúng đắn về công việc thuyết minh du lịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước tài liệu [2] và [3] -Thảo luận về: <ul style="list-style-type: none"> +Thuyết minh du lịch +Các loại hình thuyết minh du lịch +Vai trò của thuyết minh du lịch
1.1. Khái niệm					
1.2. Vai trò của thuyết minh trong hướng dẫn du lịch					
1.3. Các loại hình thuyết minh du lịch					
Chương 2: Xây dựng bài thuyết minh du lịch	3			Giúp sinh viên phân biệt được các văn bản thuyết minh du lịch để phục vụ cho công tác hướng dẫn du lịch. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sưu tầm thông tin khoa học, chính xác	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu trước tài liệu [3] và [4] -Ôn lại nội dung “Biên tập tư liệu và thuyết minh du lịch” -Tra cứu nội dung về: văn bản thuyết minh, văn bản thuyết minh du lịch.
2.1. Nguyên tắc xây dựng bài thuyết minh du lịch					
2.2. Kết cấu bài thuyết minh du					



thuyết minh				huống thực tế để lựa chọn phương pháp thuyết minh du lịch phù hợp. Rèn luyện cái kỹ năng và thái độ cần thiết cho người thuyết minh viên du lịch.	-Thuyết trình theo cá nhân
4.4. Thực hành phối hợp thuyết minh và các kỹ năng hướng dẫn du lịch					
Tổng	23	15			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

- 5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.
5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.
- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.
5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.
- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Tổng cục du lịch (2015), *Bộ Tiêu chuẩn Nghề Du lịch Việt Nam (VTOS)*, Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch VN.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Tổng cục du lịch, Trung tâm thông tin du lịch, (2016), *Non nước Việt Nam*, Nxb. Lao động và Xã hội.

[3]. Bùi Thị Hải Yến (2012), *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, Nxb. Giáo dục.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Phạm Thu Huyền

Năm sinh: 1987

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: huyenpt@bv.u.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Phạm Thu Huyền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Văn minh - Văn hóa Phương Đông**
- Mã học phần: 0101121720
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước:
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được những khái niệm cơ bản trong nghiên cứu văn hóa Phương Đông, những đặc điểm chủ yếu của văn hóa Phương Đông, những thành tựu cũng như những hạn chế của văn hóa truyền thống Phương Đông.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được kỹ năng đọc, phân tích và tổng hợp các tài liệu về văn hóa Phương Đông.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc theo nhóm, viết báo cáo, trình bày quan điểm về một vấn đề thuộc văn hóa Phương Đông.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,

- + Biết chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu,
- + Biết tôn trọng và học hỏi các nhà nghiên cứu khoa học,
- + Có ý thức bảo vệ các công trình, di tích lịch sử - văn hóa,
- + Coi trọng các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần.
- + Có ý thức xây dựng một nếp sống mang tính văn hóa cao, phê phán các hành vi thiếu văn hóa.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trình bày những đặc điểm chủ yếu của văn hóa Phương Đông, những khác biệt của văn hóa truyền thống Phương Đông so với văn hóa Phương Tây, những đóng góp của văn hóa Phương Đông vào kho tàng văn hóa thế giới, những thành tựu và những hạn chế cần khắc phục của văn hóa truyền thống Phương Đông.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	nghiệm, thực hành, điền dã		
Chương 1: SƠ LƯỢC VỀ LỊCH SỬ VÀ CÁC NỀN VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG	3	2	0	Sinh viên phải nắm được phạm vi không gian của văn hóa Phương Đông, hoàn cảnh ra đời và quá trình phát triển của các nền văn hóa truyền thống Phương Đông	-Tài liệu [1]: trang 9-12, có thể đọc thêm tài liệu [3] trang 9-14
1.1 Phạm vi không gian của văn hóa Phương Đông					
1.2 Điều kiện ra đời các					



nền văn hóa Phương Đông					
1.3 Sơ lược về tiến trình văn hóa Phương Đông					
Chương 2: BẢN SẮC NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN CỦA VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG	3	2	0	Sinh viên phải nắm được cơ sở kinh tế - xã hội làm nảy sinh tính chất nông nghiệp – nông thôn và những biểu hiện đa dạng của tính chất này. Đây là đặc điểm mang tính	-Tài liệu [1]: trang 28-31, tài liệu [2] trang 20-25, có thể đọc thêm tài liệu [3] trang 213-214, tài liệu [4] trang
				chất loại hình văn hóa tiêu biểu của Phương Đông.	18-19, 40-48
2.1 Cơ sở làm xuất hiện bản sắc nông nghiệp – nông thôn					
2.2 Những biểu hiện của tính chất nông nghiệp – nông thôn					
2.2.1 Văn hóa sinh hoạt: ăn, mặc, ở, ...					
2.2.2 Lễ hội, lễ tết					
2.2.3 Các phong tục tập quán về cưới xin, ma chay, ...					
2.2.4 Văn hóa, Nghệ thuật dân gian					

V
 NG
 HỌC
 ĐNGT

2.2.5 Tụ cư theo làng					
Chương 3: TÍNH CHẤT “CHỦ TOÀN” VÀ TỔNG HỢP CỦA VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG	3	2	0	Sinh viên phải nắm được ảnh hưởng từ tính chất nông nghiệp – nông thôn dẫn đến cách nghĩ, cách ứng xử tổng hợp, từ đó tạo ra cách nhìn nhận toàn diện nhưng lại hạn chế óc phân tích	-Tài liệu [1]: trang 32, tài liệu [2] trang 22
3.1 Cơ sở hình thành					
3.2 Những biểu hiện cụ thể					
3.3 Ưu điểm và hạn chế					
Chương 4: CÁCH ỨNG XỬ TÌNH CẢM, MỀM DẸO CỦA CON NGƯỜI PHƯƠNG ĐÔNG	3	2	0	Sinh viên phải nắm được cơ sở hình thành cách ứng xử tình cảm, mềm dẻo, mặt ưu và mặt hạn chế, đặc biệt là ý thức “trọng tình hơn lý”..	-Tài liệu [1]: từ trang 33, tài liệu [2] trang 22
4.1 Cơ sở hình thành					
4.2 Những biểu hiện cụ thể					
4.3 Ưu, nhược điểm					
Chương 5: TÍNH HÒA ĐỒNG, THUẬN TỰ				Sinh viên phải nắm được cơ sở hình thành tính hòa đồng, thuận tự	-Tài liệu [1]: trang 34, tài liệu



NHIÊN CỦA VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG	3	2	0	nhiên, mặt ưu và mặt hạn chế, nhất là việc cải tạo tự nhiên	[2] trang 132, 186, có thể đọc thêm tài liệu [3] trang 123-127, 213-219
5.1 Cơ sở hình thành					
5.2 Những biểu hiện cụ thể					
5.3 Ưu, nhược điểm					
				Sinh viên phải nắm được cơ sở hình thành	-Tài liệu [1]:
Chương 6: TÍNH TRỌNG TÍNH, HƯỚNG NỘI VÀ KHÉP KÍN CỦA VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG	3	2	0	tính chất này là việc tụ cư theo làng với nền sản xuất nông nghiệp, phải nắm được những ưu điểm và hạn chế của tính chất hướng nội, khép kín.	trang 35-37, tài liệu [2] trang 89, 319, có thể đọc thêm tài liệu [4] trang 38-48
6.1 Cơ sở hình thành: Tụ cư theo làng					
6.2 Những biểu hiện cụ thể					
6.3 Ưu, nhược điểm					
Chương 7: NHỮNG ĐẶC ĐIỂM RIÊNG CỦA CÁC KHU VỰC VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG	3	2	0	Sinh viên phải nắm được những đặc điểm riêng của 6 khu vực văn hóa Phương Đông	Tài liệu [1] trang 12-28



7.1 Khu vực Đông Bắc Á					
7.2 Khu vực Đông Nam Á					
7.3 Khu vực Nam Á					
7.4 Khu vực Tây Á – Bắc Phi					
7.5 Khu vực Trung Á					
7.6 Khu vực Bắc Á					
Chương 8: THÀNH TỰU VÀ HẠN CHẾ CỦA VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG PHƯƠNG ĐÔNG	2	1	0	Sinh viên phải nắm được những thành tựu và đóng góp của văn hóa Phương Đông cho kho tàng văn hóa nhân loại (trên các mặt triết học, tôn giáo, khoa học kỹ thuật, văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, các di sản văn hóa thế giới...) và những hạn chế cần khắc phục.	-Tài liệu [1]: trang 37-63, tài liệu [2] từ trang 319, có thể đọc thêm tài liệu [5] trang 34-49, 73-79, 104-151, 194-249, 163-184.
8.1 Thành tựu					
8.2 Hạn chế					
Tổng	23	15	0		



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Vũ Dương Ninh (2016), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb. Giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Will Durant (2018), *Lịch sử văn minh Á Rập*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh (bản dịch của Nguyễn Hiến Lê).

[3]. Will Durant (2018), *Lịch sử văn minh Ấn Độ*, Nxb. Hồng Đức (bản dịch của Nguyễn Hiến Lê).

[4]. Will Durant (2018), *Lịch sử văn minh Trung Hoa*, Nxb. Hồng Đức (bản dịch của Nguyễn Hiến Lê).

[5]. Mai Ngọc Chừ (chủ biên) (2008), *Giới thiệu văn hóa Phương Đông*, Nxb. Hà Nội.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Mai Ngọc Chừ

Năm sinh: 1950

Học vị: Tiến sĩ

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ, văn hóa

Thông tin liên hệ: chumn@bv.u.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

(DUYỆT) VÀ



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Mai Ngọc Chừ



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Tâm lý và Nghệ thuật ứng xử trong du lịch**

- Mã học phần: 0101122152

- Số tín chỉ: **03 (3, 0, 6)**

- Học phần tiên quyết/học trước: không

- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

* *Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:*

+ Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

* *Phương pháp giảng dạy:*

+ Giảng viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).

+ Giảng viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.

+ Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Kiến thức:

- Có vốn tri thức cơ bản về tâm lý cá nhân và tâm lý của nhóm người để từ đó nắm được những ảnh hưởng của một số hiện tượng tâm lý xã hội và quy luật tâm lý đối với hoạt động du lịch.

- Nắm chắc và có khả năng vận dụng những phương pháp nghiên cứu tâm lý và tâm lý học xã hội trong du lịch như: Phương pháp quan sát; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp trắc nghiệm; Phương pháp nhập tâm.

- Nắm vững hành vi, nhu cầu, động cơ, thị hiếu, tâm trạng và những nét đặc trưng trong tâm lý của người tiêu dùng du lịch.

- Hiểu được những vấn đề cơ bản về giao tiếp, mối quan hệ giữa người phục vụ và người tiêu dùng du lịch, giữa người tiêu dùng du lịch và cộng đồng dân cư địa phương và một số hoạt động xã giao khác trong du lịch.

- Tạo ra các sản phẩm du lịch phù hợp mong muốn của khách.

- Nhận thức rõ vấn đề đạo đức nghề nghiệp và có ý thức tự giác rèn luyện bản thân.

2.2. Kỹ năng:

- Nâng cao kỹ năng thực hành trong quá trình giao tiếp, phục vụ khách du lịch, xử lý các mối quan hệ trong hoạt động du lịch phù hợp với đặc điểm tâm lý cá nhân và tâm lý xã hội của khách nhằm đảm bảo được lợi ích cho khách, bảo đảm được lợi ích của nhà kinh doanh du lịch và nơi đến du lịch.

- Phát triển kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong cuộc sống nói chung và hoạt động kinh doanh du lịch nói riêng.

- Nâng cao kỹ năng thực hành trong quá trình giao tiếp, phục vụ khách du lịch, xử lý các mối quan hệ trong hoạt động du lịch phù hợp với đặc điểm tâm lý cá nhân và tâm lý xã hội của khách nhằm đảm bảo được lợi ích cho khách, bảo đảm được lợi ích của nhà kinh doanh du lịch và nơi đến du lịch.

- Sinh viên biết vận dụng kiến thức tâm lý để đoán biết được hành vi của du khách.

- Sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề, các tình huống có thể xảy ra trong công tác hướng dẫn du lịch.

- Phát triển kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong cuộc sống nói chung và hoạt động kinh doanh du lịch nói riêng.

- Phát triển kỹ năng bình luận, diễn đạt, thuyết trình trước công chúng;

- Phát triển kỹ năng hoạt động nhóm.

- Trang bị cho sinh viên những kỹ năng như:

+ Kỹ năng lắng nghe

+ Kỹ năng giao tiếp và ứng xử

+ Kỹ năng đàm phán

+ Kỹ năng thuyết trình

BỘ GIÁO
DỤC

- + Kỹ năng làm việc nhóm
- + Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc
- + Kỹ năng giải quyết vấn đề
- + Kỹ năng ra quyết định
- + Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

2.3. Thái độ:

Xây dựng thói quen, ứng xử đúng mực, phù hợp, khôn khéo, mềm dẻo, tế nhị. Phát triển kỹ năng “lắng nghe” để hiểu được mục đích và ý định của du khách. Biết quan sát để hiểu được tính cách và tập quán của khách du lịch trong hành vi ứng xử.

- Sinh viên tham dự các buổi học nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm.
- Hình thành tính tự tin, bản lĩnh, tinh thần cầu tiến cho SV trong tác phong nghề nghiệp, giao tiếp đối ngoại với các đối tượng khách quý. Có cái nhìn đúng đắn và thái độ tích cực trong hoạt động phục vụ du khách và giao tiếp trong du lịch.
- Sinh viên có ý thức, tinh thần trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp chuẩn mực trong lĩnh vực công tác du lịch.
- Tạo lập khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, có ý thức tự giác nghiên cứu, tìm tòi, bản thân tự nâng cao trình độ, thu thập kinh nghiệm để có những kiến thức chuyên môn vững chắc, am hiểu tâm lý du khách và giao tiếp văn minh.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần đề cập đến các cơ sở tâm lý của du khách, đặc điểm tâm lý của du khách; những vấn đề chung của giao tiếp trong du lịch; những kỹ năng trong giáo tiếp du lịch; những phẩm chất cần có của người hướng dẫn viên du lịch. Sau khi học học phần này, sinh viên có cơ sở khoa học để hiểu tâm lý du khách và những chỉ dẫn về giao tiếp văn minh của hướng dẫn viên du lịch.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ TÂM LÝ XÃ HỘI ỨNG DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH	7	4	4		

ĐƯỢC
 TRƯ
 ĐẠI
 Ả R/IA-V
 *

1.1. Khái niệm và bản chất của tâm lý học và tâm lý học xã hội				<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và nhớ khái niệm tâm lý khách du lịch - Phân tích mối quan hệ giữa tâm lý khách du lịch và tâm lý học xã hội - Hiểu và phân tích được tầm quan trọng của việc nghiên cứu tâm lý khách du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2]: nội dung
1.1.1 Sự hình thành và phát triển của tâm lý học.					
1.1.2. Các hiện tượng tâm lý xã hội cơ bản tác động đến tâm lý khách du lịch					
1.1.3. Nhận thức các quá trình tâm lý cơ bản: Cảm xúc và ý chí + Xúc cảm và tình cảm + Ý chí và tâm lý					
1.1.4. Các trạng thái tâm lý xã hội cơ bản: + Vui – buồn					
<ul style="list-style-type: none"> + Lạc quan – Bi quan + Tin tưởng – Nghi ngờ + Cương quyết – Nhu nhược + Quyết đoán – do dự + Kiên trì – Xốc nổi... 				<ul style="list-style-type: none"> - Gắn liền với quá trình nhận thức là trạng thái chú ý - Gắn liền với quá trình xúc cảm là trạng thái xúc cảm và tình cảm - Gắn liền với quá trình ý chí là các hiện tượng tâm lý như tin tưởng, lạc quan, - nghi ngờ; bi quan; cương quyết - nhu nhược, do dự; kiên cường, kiên trì - bồng bột, xốc nổi 	<ul style="list-style-type: none"> chương 1. + Tài liệu [1]: nội dung chương 1,2 + Tài liệu tham khảo [3], [6], [7], [11]
1.1.4. Các thuộc tính tâm lý + Động cơ tâm lý + Năng lực tâm lý + Hành vi tâm lý					
1.2. Một số hiện tượng tâm lý xã hội và quy luật tâm lý ứng dụng trong du lịch					
1.2.1. Một số hiện tượng tâm lý học xã hội phổ biến + Phong tục tập quán + Truyền thống + Môi trường giao tiếp + Tín ngưỡng – tôn giáo + Dur luận xã hội + Thị hiếu + Tính cách dân tộc					

PHÒNG
 HỌC
 TẬP TÀI

1.2.2. Vận dụng phương pháp nghiên cứu tâm lý học và tâm lý học xã hội trong du lịch + <i>Phương pháp quan sát</i> + <i>Phương pháp phỏng vấn</i> + <i>Phương pháp trắc nghiệm</i> + <i>Phương pháp nhập tâm</i>				Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng + thảo luận nhóm	
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM TÂM LÝ DU KHÁCH	7	4	4		
2.1. <i>Khái quát về tâm lý du khách</i>				- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách du lịch	
2.2. <i>Hành vi tiêu dùng du lịch</i>				- Phân tích nhu	
2.2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng				cầu của khách du lịch trong nước, nước ngoài đối với thị trường du lịch Việt Nam	
+ <i>Những đặc tính của người tiêu dùng du lịch</i> + <i>Quá trình ra quyết định tiêu dùng du lịch</i>				- Hiểu về hành vi tiêu dùng du lịch.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2]: nội dung chương 2. + Tài liệu [1]: nội dung chương 3,4,5 + Tài liệu tham khảo [3], [6], [7], [11]
2.3. <i>Nhu cầu, động cơ, thị hiếu, tâm trạng và hành vi của người tiêu dùng du lịch</i>				- Phân tích sự tác động của tâm trạng và xúc cảm của khách đến hành vi du lịch của khách	
2.3.1. Nhu cầu của người tiêu dùng du lịch + <i>Dịch vụ vận chuyển</i> + <i>Dịch vụ lưu trú và ăn uống</i> + <i>Dịch vụ tham quan, giải trí</i> + <i>Các dịch vụ khác</i>				- Tìm hiểu động cơ và sở thích của các đối tượng khách khác nhau	
2.3.2. Động cơ tiêu dùng du lịch				- Xác định các	
2.3.3. Sở thích và thị hiếu của người tiêu dùng du lịch + <i>Sự hình thành sở thích và thị hiếu</i> + <i>Những thị hiếu phổ biến của người tiêu dùng du lịch</i>					
2.3.4.. Tâm trạng và cảm xúc của					

người tiêu dùng du lịch				đặc điểm tâm lý của khách du lịch theo đặc điểm sinh lý.	
2.3.5. Phân loại hành vi người tiêu dùng du lịch + Căn cứ vào mức độ biểu hiện nhu cầu của người tiêu dùng du lịch + Căn cứ vào thái độ cá nhân của người tiêu dùng du lịch đối với người phục vụ + Căn cứ vào khả năng thanh toán và thói quen tiêu tiền				- Xác định các đặc điểm tâm lý của khách du lịch theo vùng lãnh thổ, quốc gia; - Xác định các đặc điểm tâm lý của khách du lịch theo nghề	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu
2.4. Phân loại tâm lý theo nhóm khách du lịch					
2.4.1. Tâm lý khách du lịch theo giới tính.				nghề nghiệp...	[2]: nội dung chương 2.
2.4.2. Tâm lý khách du lịch theo lứa tuổi (Trẻ em, thanh niên, trung niên, người cao tuổi)...				Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng + thảo luận nhóm	+ Tài liệu [1]: nội dung chương 3,4,5
2.4.3. Tâm lý khách du lịch theo châu lục (<i>Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ</i>)					+ Tài liệu tham khảo [3], [6], [7], [11]
2.4.4. Tâm lý khách du lịch theo quốc gia, dân tộc (Anh, Đức, Pháp, Italy, Nga, Thụy Sĩ, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc, Malaysia, Singapore, Thailand)..					
2.4.5. Tâm lý khách du lịch theo nghề nghiệp (Bác sĩ, Nghệ sĩ, Chuyên gia, Kỹ sư, Thương nhân, Nhà khoa học, Sinh viên-học sinh, người lao động)...					
2.4.6. Tâm lý khách du lịch theo tín ngưỡng, tôn giáo (Islam giáo, Phật giáo, Kito giáo)...					

2.4.7. Tâm lý của khách du lịch “Ba lô”.					
Chương 3: NGHỆ THUẬT GIAO TIẾP ỨNG XỬ TRONG DU LỊCH	8	4	4		
3.1. Lý luận cơ bản về giao tiếp				<ul style="list-style-type: none"> - Nhớ khái niệm về giao tiếp - Phân biệt các dạng giao tiếp - Hiểu và nhớ các phương tiện giao tiếp - Thể hiện và thực hành phong cách giao tiếp đối với khách du lịch 	
3.1.1. Khái niệm chung về giao tiếp					
3.1.2. Ngôn ngữ trong giao tiếp + <i>Giao tiếp bằng lời nói</i> + <i>Giao tiếp phi ngôn ngữ</i>					
3.1.3. Các giai đoạn của quá trình giao tiếp					
3.1.4. Nguyên tắc giao tiếp cơ bản					
3.1.5. Phong cách giao tiếp và ấn tượng ban đầu				<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách tổ chức trong việc hướng dẫn và giao tiếp với du khách - Hiểu được tâm lý của các đối tượng du khách khác nhau - Ứng dụng việc nghiên cứu tâm lý trong phục vụ khách - Xử lý tình 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2]: nội dung chương 3. + Tài liệu [1]: nội dung chương 4,5,6 + Tài liệu tham khảo [3], [6], [7], [11]
3.1.6. Các loại hình giao tiếp + <i>Căn cứ theo tính chất tiếp xúc</i> + <i>Căn cứ theo số người tham dự trong cuộc giao tiếp</i> + <i>Căn cứ theo tính chất của giao tiếp</i> + <i>Căn cứ theo đặc điểm của hoạt động</i> + <i>Căn cứ theo khoảng cách của đối tượng giao tiếp</i>					
3.2. Kỹ năng giao tiếp trong du lịch					
3.2.1. Rèn luyện các kỹ năng trong giao tiếp					
3.2.2. Kỹ năng xử lý các mối quan hệ					
3.2.3. Kỹ năng giải quyết tình huống trong giao tiếp					

3.2.4. Kỹ năng cần thiết trong hoạt động đối ngoại phục vụ du lịch				hướng trong hoạt động hướng dẫn du lịch - Biết cách giải quyết tình huống khi hướng dẫn khách trong thực tế. - Nâng cao kỹ năng thực hành trong quá trình giao tiếp, phục vụ khách du lịch, xử lý các mối quan hệ trong hoạt động du lịch phù hợp với đặc điểm tâm lý cá nhân và tâm lý xã hội của khách nhằm đảm bảo được lợi ích cho khách, bảo đảm được lợi ích của nhà kinh doanh du lịch và nơi đến du lịch.	
3.3. Các mối quan hệ giao tiếp với khách du lịch					
3.3.1. Quan hệ giữa người phục vụ và người tiêu dùng du lịch					
3.3.2. Quan hệ giữa người tiêu dùng du lịch và cộng đồng dân cư địa phương					
3.4. Các hoạt động giao tiếp khác trong du lịch					
3.4.1. Lễ nghi xã giao + <i>Giao dịch bằng danh thiếp</i>				- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2]: nội dung chương 3. + Tài liệu [1]: nội dung chương 4,5,6 + Tài liệu tham khảo [3], [6], [7], [11]	
+ <i>Giao dịch bằng thư tín</i> + <i>Giao dịch bằng điện thoại</i> + <i>Lễ nghi giao tiếp hàng ngày</i>					
3.4.2. Nghệ thuật xã giao trong đàm phán + <i>Ba yếu tố cơ bản của đàm phán</i> + <i>Nghệ thuật đàm phán</i>					
3.4.3. Nghệ thuật xã giao trong các cuộc họp + <i>Một số yêu cầu chung khi tổ chức cuộc họp</i> + <i>Một số yêu cầu với những người tham gia cuộc họp</i>					
3.4.4. Lễ tân ngoại giao du lịch + <i>Đón, tiếp và tiễn khách</i> + <i>Tổ chức tiệc chiêu đãi</i> + <i>Một số loại tiệc phổ biến</i>					

DU
TR
ĐA
BÀ RI

<p>3.4.5. Một số nghi thức giao tiếp gián tiếp trong hoạt động du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Qua điện thoại</i> + <i>Công văn – thư tín</i> + <i>Danh thiếp</i> + <i>Fax</i> + <i>Internet</i> 				<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên biết vận dụng kiến thức tâm lý để đoán biết được hành vi của du khách. - Sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề, các tình huống có thể xảy ra trong công tác hướng 	
				<p>đẫn du lịch.</p> <p>Phương pháp dạy – học:</p> <p>Thuyết giảng + thảo luận nhóm</p>	
<p>Chương 4: VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG TRONG NGÀNH DU LỊCH</p>	8	3	3		
<p>4.1. Những phẩm chất cần có của người làm công tác du lịch</p>				<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được vai trò, tư cách phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp của người làm công tác du lịch. 	
<p>4.1.1. Khái niệm đạo đức nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp trong du lịch</p>				<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được cơ cấu lao động trong ngành du lịch và những 	
<p>4.1.2. Cơ sở để đánh giá đạo đức nghề nghiệp của người lao động trong du lịch</p>					
<p>4.1.3. Cấu trúc tâm lý nhân cách của cá nhân</p>					
<p>4.1.4. Đặc điểm lao động trong du lịch</p>					<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2]: nội

HƯỚNG
 DẪN HỌC
 VÙNG
 ★

- <i>Đối tượng lao động</i> - <i>Mục đích lao động</i> - <i>Phương tiện lao động</i> - <i>Điều kiện lao động</i> - <i>Tính chất lao động</i>				cơ hội phát triển năng lực chuyên môn. Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng + thảo luận nhóm	dung chương 4. 5 + Tài liệu [1]: nội dung chương 7,8 + Tài liệu tham khảo [3], [4], [5], [8]
4.1.5. Những phẩm chất cần có của người làm công tác du lịch + <i>Phẩm chất đạo đức, chính trị.</i> + <i>Các phẩm chất tâm lý cá nhân</i> + <i>Một số năng lực cần thiết</i>					
4.2. Tuyển chọn lao động trong ngành du lịch					
4.2.1. Tính tất yếu của công tác tuyển chọn lao động trong du lịch					
4.2.2. Một số yêu cầu cơ bản trong về tuyển chọn lao động du lịch					
4.2.3. Kỹ năng và quy trình tuyển dụng, bồi dưỡng phát triển nhân lực du lịch.					
Ôn tập					
	30	15			
Tổng:		45			



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần, thái độ học tập, tích cực phát biểu: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập:

6.1. *Tài liệu bắt buộc:*

[1]. Nguyễn Văn Đính, Nguyễn Văn Mạnh (2012), *Giáo trình Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch*, Nxb ĐH Kinh tế quốc dân.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Công Khanh và Nguyễn Minh Đức (2017), *Nghệ thuật hiểu thấu tâm lý người khác*, Nxb. Khoa học xã hội.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Quang Thái

Năm sinh: 1970

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: du lịch

Thông tin liên hệ: thainq@bv.u.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Quang Thái

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Marketing du lịch**
- Mã học phần: 0101100044
- Số tín chỉ: 02 (2, 0, 4)
- Học phần học trước: Marketing căn bản
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ

như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Kiến thức:

-Phát triển lên từ marketing căn bản, học phần Marketing du lịch giúp sinh viên hiểu và phân tích được các đặc tính đặc trưng của sản phẩm dịch vụ du lịch. Mở rộng 4P trong marketing căn bản và bổ sung marketing điểm tham quan, lưu trú, điểm đến du lịch.

-Theo triết lý kinh doanh hiện đại thì mục tiêu tổng quát hoạt động marketing của các doanh nghiệp là thiết lập và duy trì mối quan hệ giữa khách hàng và doanh nghiệp. Xét một cách cụ thể hơn thì mục tiêu của hoạt động marketing là duy trì sự cân đối giữa lợi nhuận của doanh nghiệp và sự thỏa mãn của khách hàng.

2.2. **Kỹ năng:** Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng tổ chức các hoạt động xúc tiến, các chiến lược giá, sản phẩm, phân phối đối với doanh nghiệp du lịch.



2.3. Thái độ: Giúp người học nhận thức được tầm quan trọng của Marketing trong việc xúc tiến các sản phẩm du lịch, từ đó rút ra được những bài học và kinh nghiệm để áp dụng vào thực tiễn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

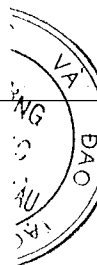
Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung của Marketing dịch vụ và các kiến thức chuyên ngành về Marketing kinh doanh du lịch như: khái quát về thị trường du lịch và Marketing du lịch, các khái niệm và phương pháp tiếp cận Marketing riêng trong du lịch; hành vi của khách hàng; phân tích các cơ hội Marketing; nghiên cứu Marketing, thiết kế chiến lược và kế hoạch Marketing; quản trị các nỗ lực Marketing của doanh nghiệp du lịch: chính sách sản phẩm, chính sách giá, chính sách phân phối, chính sách xúc tiến.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp	Thí nghiệm,		
Nội dung chi tiết	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, điền dã	
Chương 1: Tổng quan về Marketing du lịch	3	1		- Nghiên cứu tài liệu [1] và tài liệu [2] chương 1
1.1. Khái niệm Marketing				
1.2. Marketing du lịch				
1.3: Marketing hỗn hợp trong du lịch				
Chương 2: Môi trường Marketing du lịch	3	2		Nghiên cứu tài liệu [1] và tài liệu [2] chương 4
2.1. Môi trường vĩ mô (Macromarketing)				



2.2. Môi trường vi mô (Micromarketing)				viên có kiến thức để phân tích việc công ty du lịch chủ động đáp ứng các thay đổi của môi trường như thế nào.	
2.3. Các công cụ phân tích môi trường Marketing					
Chương 3: Hành vi khách hàng	3	2		Giúp sinh viên có thể phân tích được những đặc trưng, xu hướng, các đặc điểm về hành vi người tiêu dùng dịch vụ du lịch cùng các nhân tố tác động đến hành vi mua hàng của họ.	Nghiên cứu tài liệu [1] và tài liệu [2] chương 5
3.1. Động lực du lịch					
3.2. Phân loại người mua theo thái độ					
3.3. Mô hình hành vi người mua sản phẩm du lịch và lữ hành					
3.4. Hành vi mua hàng của tổ chức					
Chương 4: Phân khúc thị trường – lựa chọn thị trường mục tiêu – định vị trong thị trường du lịch	3	2		Giúp sinh viên hiểu và phân loại những chương trình Marketing phù hợp với mỗi nhóm khách hàng khác nhau. Giới thiệu một vài phương pháp định vị sản phẩm trong thị trường du lịch.	Nghiên cứu tài liệu [1] và tài liệu [2] chương 6
4.1: Khái niệm thị trường du lịch					
4.2: Phân khúc thị trường					
4.3: Xác định thị trường mục tiêu					
Chương 5: Chiến lược sản	3	2		Giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng	Nghiên cứu tài liệu [1] và tài liệu [2] chương 8



phẩm du lịch				của sản phẩm và chiến lược sản phẩm trong kinh doanh du lịch từ đó giúp sinh viên biết cách phân tích cách phát triển một sản phẩm mới và nghiên cứu về chu kỳ sống của sản phẩm.	
5.1: Khái niệm					
5.2: Hoạch định, phân tích và quản lý sản phẩm du lịch					
5.3: Quyết định nhãn hiệu sản phẩm					
5.4: Phát triển sản phẩm mới					
5.5: Chu kỳ sống của sản phẩm du lịch					
Chương 6: Chiến lược giá của tổ chức du lịch	3	2		Hiểu được bản chất và tầm quan trọng của giá đối với tổ chức du lịch từ đó đưa ra các cách thức định giá dựa trên sản phẩm và vị trí của doanh nghiệp để có thể đề xuất những chiến lược giá phù hợp cho doanh nghiệp.	Nghiên cứu tài liệu [1] và tài liệu [2] chương 9
6.1: Bản chất của giá cả					
6.2: Những vấn đề cần quan tâm khi xác định giá					
6.3: Các chiến lược về giá					
Chương 7: Chiến lược phân phối của tổ chức du lịch	3	2		Giúp sinh viên biết được các kênh phân phối phổ biến của các tổ chức du lịch. Trình bày các căn cứ lựa chọn kênh phân phối từ đó giới thiệu các hình thức phân phối.	Nghiên cứu tài liệu [1] và tài liệu [2]
7.1: Bản chất và tầm quan trọng của chiến lược phân phối					
7.2: Cấu trúc và tổ chức kênh					



phân phối					
7.3: Lựa chọn và tổ chức kênh phân phối					
Chương 8: Chiến lược xúc tiến hỗn hợp của tổ chức du lịch	2	2		Sinh viên biết được về xúc tiến hỗn hợp của tổ chức du lịch. Giúp sinh viên biết được các công cụ cơ bản của xúc tiến.	Nghiên cứu tài liệu [1] và tài liệu [2] chương 10
8.1: Khái quát về xúc tiến hỗn hợp				Biết cách phân tích để đưa ra được những chiến lược xúc tiến phù hợp cho mỗi	
8.2: Các công cụ cơ bản của xúc tiến				doanh nghiệp	
8.3: Quảng cáo					
8.4: Xây dựng chiến lược xúc tiến hỗn hợp du lịch					
Tổng:		30			



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1]. Hà Nam Khánh Giao (2015), *Giáo trình Marketing du lịch*, Nxb. Tổng hợp TP. HCM.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Đình Hòa (2015), *Giáo trình Marketing du lịch*, Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân.

[3]. Philip Kotler (2016), *Những nguyên lý tiếp thị: Principles of marketing*, Harlow: Pearson.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Ngô Thúy Lân

Năm sinh: 1981

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: kinh tế

Thông tin liên hệ: lannt@bvu.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Ngô Thúy Lân



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Làng nghề truyền thống Việt Nam**
- Mã học phần: 0101120933
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Không

- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được những khái niệm cơ bản về nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống Việt Nam; những tiêu chuẩn công nhận làng nghề truyền thống, tiêu chí phân loại làng nghề; Biết được sự phân bố và đặc trưng của văn hóa làng nghề ở Việt Nam; sự hình thành và quá trình phát triển của những làng nghề truyền thống ở Việt Nam; Hiểu được vai trò của các làng nghề truyền thống trong sự phát triển kinh tế xã hội; Đánh giá được tình hình phát triển của các làng nghề truyền thống Việt Nam hiện nay.

- Kỹ năng:

+ Sinh viên phải nắm được kỹ năng đọc, phân tích và tổng hợp các tài liệu về làng nghề truyền thống Việt Nam; kỹ năng đi khảo sát và thu thập thông tin từ thực địa.

+ Sinh viên cần biết cách làm việc theo nhóm, viết báo cáo, trình bày quan điểm về một vấn đề của làng nghề truyền thống Việt Nam.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,
- + Biết chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu,
- + Biết tôn trọng và học hỏi các nhà nghiên cứu khoa học,
- + Có ý thức và thái độ tôn trọng sinh hoạt của văn hóa làng nghề,
- + Coi trọng các giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của làng nghề Việt Nam,
- + Có ý thức xây dựng một nếp sống mang tính văn hóa cao, phê phán các hành vi thiếu văn hóa.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp hệ thống kiến thức vừa mang tính khái quát, vừa có điểm chuyên sâu về sự ra đời, các giai đoạn phát triển, những đặc trưng giá trị văn hoá vật thể, văn hoá phi vật thể của nghề và làng nghề truyền thống ở Việt Nam từ trước đến nay. Học phần còn cung cấp tri thức lí luận văn hoá theo quan điểm của Đảng, phương pháp tiếp cận bổ sung cho kiến thức lí luận từ các học phần trước đó để học viên xử lý, lý giải các đặc điểm văn hoá của nghề, làng nghề ở Việt Nam hiện nay.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
<p>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGHỀ VÀ LÀNG NGHỀ VIỆT NAM</p> <p>1. Một số khái niệm</p> <p>1.1. Ngành nghề nông thôn</p> <p>1.2. Nghề truyền thống</p>	10	2		- Nắm được khái niệm về nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; biết cách phân loại nghề và làng	- Tham khảo tài liệu [1], [2], [3], [4], [6], [7], [8]

GIÁO DỤC

<p>1.3. Làng nghề</p> <p>1.4. Làng nghề truyền thống</p> <p>1.5. Làng nghề mới</p> <p>2. Phân loại nghề và làng nghề ở Việt Nam</p> <p>2.1. Tiêu chuẩn xác định làng nghề</p> <p>2.2. Tiêu chí công nhận làng nghề truyền thống</p> <p>3. Tiêu chuẩn công nhận nghề nhân</p>				<p>nghề dựa trên những tiêu chuẩn và tiêu chí nhất định; nắm được sự phân bố của làng nghề Việt Nam, đặc trưng, vai trò, lịch sử ra đời và phát triển của làng nghề truyền thống ở Việt Nam.</p>	
<p>2.4. Tiêu chí phân loại làng nghề</p> <p>3. Sự phân bố của làng nghề ở Việt Nam</p> <p>4. Đặc trưng của làng nghề ở Việt Nam</p> <p>5. Vai trò của làng nghề trong sự phát triển kinh tế xã hội Việt Nam</p> <p>6. Lịch sử ra đời và phát triển của làng nghề ở Việt Nam</p> <p>6.1. Giai đoạn Phùng Nguyên</p> <p>6.2. Giai đoạn Đồng Đậu</p> <p>6.3. Giai đoạn Gò Mun</p> <p>6.4. Giai đoạn Lý, Trần, Lê</p> <p>6.5. Thời nhà Nguyễn</p> <p>6.6. Thời Pháp thuộc</p>					

V
RƯỜNG
ĐẠI H
SÀ RIA-V
B

6.7. Từ sau 1954 đến nay					
Chương 2: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở VIỆT NAM <i>1. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển làng nghề</i> <i>2. Thực trạng phát triển làng nghề ở Việt Nam</i> 1. Biến đổi làng nghề 2.2. Khó khăn, thách thức	8	2		- Nắm được các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của làng nghề truyền thống Việt Nam; thực trạng phát triển và đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy, phát triển các giá trị của làng	- Tham khảo tài liệu [1], [2], [3], [8]
3. Nhóm giải pháp 3.1. Giải pháp chung 3.2. Giải pháp phát triển kinh tế làng nghề 3.3. Giải pháp phát triển văn hóa làng nghề				nghề truyền thống ở Việt Nam.	
Chương 3: MỘT SỐ LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU Ở VIỆT NAM 1. Nghề chế tác kim loại 2. Nghề mộc, chạm 3. Nghề gốm 4. Nghề đan lát, nghề thêu, nghề làm giấy, đồ mã và nghề làm tranh dân gian 5. Nghề chế tác đá, nghề sơn và một số nghề khác	9	2		- Biết được quá trình hình thành, phát triển, vùng phân bố, các nghệ nhân, tổ nghề của những nghề, làng nghề truyền thống tiêu biểu; Biết được giá trị của những sản phẩm từ làng nghề truyền thống Việt	- Tham khảo tài liệu [1], [3], [4], [5], [7], [9], [10]



				Nam; Thực trạng phát triển của những làng nghề tiêu biểu.	
Chương 4: DU LỊCH LÀNG NGHỀ <i>1. Tiềm năng phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam</i> <i>2. Thực trạng phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam</i> <i>Mô hình và định hướng phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam</i>	3	2		- Biết được tiềm năng phát triển du lịch làng nghề ở Việt Nam; Đánh giá được thực trạng phát triển của du lịch làng nghề - Đề xuất và xây dựng mô hình, định hướng khai thác, phát triển du lịch của làng nghề ấy trong giai đoạn hiện nay trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm của nhiều mô hình du lịch làng nghề trên thế giới.	- Tham khảo tài liệu [2], [6], [8].
<i>4. Kinh nghiệm phát triển du lịch làng nghề của một số nước trên thế giới</i>					
Thực tế			10	- Đưa sinh viên đi thực tế tìm hiểu văn hóa của một làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Vũng Tàu hoặc Bình Dương.	- Sinh viên chuẩn bị phương tiện đi lại và giấy bút, máy ghi âm, chụp hình... cần thiết để ghi chép, chụp lại những



					tư liệu điền dã do chính mình trải nghiệm để về viết báo cáo hoặc bản thu hoạch sau buổi thực tế.
Tổng	30	0	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Đinh Thị Vân Chi (2016), *Bảo tồn và phát triển các làng nghề trong quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Nông nghiệp.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Quốc Vượng (2014), *Nghề thủ công truyền thống Việt Nam và các vị tổ nghề*, Nxb. Văn hóa thông tin.

[3]. Hội văn nghệ dân gian Việt Nam (2012), *Nghề và làng nghề truyền thống*, Nxb. Văn hóa dân tộc.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

VA
JNG
HỌC
A-VÙNG
★

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(DUYỆT)



GS.TSKH Hoàng Văn Việt

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐÀO TẠO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Âm thực du lịch**
- Mã học phần: 0101122121
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần học trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Kiến thức: giúp sinh viên hiểu được những kiến thức lý thuyết cơ bản về văn hóa âm thực nói chung; văn hóa âm thực Việt Nam nói riêng; hiểu được những yếu tố ảnh hưởng âm thực và văn hóa âm thực.

2.2. Kỹ năng: giúp sinh viên bước đầu có phương pháp học tập, nghiên cứu về chuyên ngành; phân biệt được văn hóa âm thực với ẩm thực; văn hóa âm thực của một quốc gia; văn hóa âm thực các vùng miền; biết vận dụng hiểu biết về ẩm thực, văn hóa âm thực vào cuộc sống, ...

2.3. Thái độ: góp phần trau dồi ý thức học tập nghiêm túc, cầu thị và có ý thức vận dụng những điều đã học vào trong thực tế, lòng yêu nghề, yêu đất nước, con người Việt Nam; biết trân trọng giá trị văn hóa trong ẩm thực của dân tộc, ...

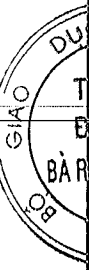
3. Tóm tắt nội dung học phần

Với tính chất của một bộ môn thuộc chuyên ngành đào tạo, học phần đem đến cho người học những hiểu biết mang tính khái quát về văn hóa âm thực nói chung và văn hóa âm thực Việt Nam nói riêng. Người học có được khả năng tìm hiểu, nghiên cứu về ẩm

thực, đề xuất ý kiến thỏa đáng trong việc nâng cao giá trị ẩm thực, văn hóa ẩm thực; sáng tạo cách chế biến tạo ra sản phẩm ẩm thực có giá trị.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	nghiệm, thực hành, điền dã		
Chương 1: VĂN HÓA ẨM THỰC – NÉT ĐẶC	6	4	0	Giúp sinh viên hiểu được khái niệm về văn hóa và các cấu trúc hệ thống của văn hóa. So sánh giữa văn hóa với văn minh, văn hiến và văn vật. Phân biệt ẩm thực đơn thuần với văn hóa ẩm thực.	- Nghiên cứu tài liệu [1] và [2]
TRUNG CỬA VĂN HÓA VIỆT NAM.					
1.1. Các đặc trưng và chức năng của văn hóa					
1.2. Văn hóa với văn minh, văn hiến, văn vật.					
1.3. Cấu trúc hệ thống của văn hóa					
1.4. Cơ sở văn hóa và văn hóa ẩm thực					
Chương 2: VĂN HÓA ẨM	6	4	0	Giúp sinh viên hiểu được các quan niệm về	Nghiên cứu tài liệu [1] và [2]



THỰC VIỆT NAM				ăn uống và khẩu vị ăn uống của người Việt Nam.	
2.1. Quan niệm về nấu ăn và dấu ấn nông nghiệp trong cơ cấu bữa ăn				Biết được tính chất, đặc điểm trong lối ăn của người Việt.	
2.2. Tính tổng hợp trong lối ăn của người Việt				Biết rõ tập quán và khẩu vị ăn uống của các vùng miền khác nhau trong lãnh thổ Việt Nam.	
2.3. Tính cộng đồng và tính chuẩn mực trong lối ăn của người Việt					
2.4. Tính biện chứng và tính linh hoạt trong lối ăn của người Việt					
2.5. Những món ăn độc đáo của 3 miền – sự phong phú của ẩm thực Việt Nam					
2.6. Tết và Văn hóa ẩm thực					
Chương 3: VĂN HÓA ẨM	6	4	0	Giúp sinh viên nắm rõ các dụng cụ, nguyên	Nghiên cứu tài liệu [1] và [4]

THỰC MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á				liệu thực phẩm và phương pháp chế biến các món ăn của các quốc gia thuộc khu vực Châu Á. Hiểu cơ cấu bữa ăn và cách ứng xử trong ăn uống của người Châu Á.	
3.1: Tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực Châu Á				Hiểu rõ khẩu vị và tập quán ăn uống của một số quốc gia tiêu biểu thuộc khu vực Châu Á.	
3.2: Ẩm thực một số quốc gia Châu Á					
3.2.1. Ẩm thực Trung Quốc					
3.2.2. Ẩm thực Nhật Bản					
3.2.3. Ẩm thực Hàn Quốc					
3.2.4. Ẩm thực Ấn Độ					
3.2.5. Ẩm thực Thái Lan					
Chương 4: VĂN HÓA ẨM THỰC MỘT SỐ NƯỚC ÂU - MỸ	5	3	0	Biết rõ các dụng cụ, nguyên liệu thực phẩm và phương pháp chế biến món ăn của các quốc gia thuộc khu vực Châu Âu - Mỹ Hiểu cơ cấu bữa ăn và cách ứng xử trong ăn uống của người châu	Nghiên cứu tài liệu [1] và [3]
4.1. Tập quán và khẩu vị ăn uống chung của khu vực Châu Âu-Mỹ					
4.2: Ẩm thực một					

4
TÀU

số quốc gia Châu Âu – Mỹ				Âu - Mỹ	
4.2.1. Ẩm thực Pháp					
4.2.2. Ẩm thực Anh					
4.2.3. Ẩm thực Đức					
4.2.4. Ẩm thực Nga					
4.2.5. Ẩm thực Ý					
4.2.6. Ẩm thực Mỹ					
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Vương Xuân Tình (2018), *Du lịch ẩm thực: Kinh nghiệm thế giới và thực hiện ở Việt Nam*, Nxb. Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Phong Điều (2014), *Văn hoá ẩm thực người Việt Đồng bằng Sông Cửu Long*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Thị Bảy, Trần Quốc Vượng (2010), *Văn hóa ẩm thực Việt Nam nhìn từ lý luận và thực tiễn*, Nxb. Từ điển bách khoa và Viện văn hóa, Hà Nội.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Phạm Thu Huyền

Năm sinh: 1987

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: huyenpt@bvu.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Phạm Thu Huyền

U
C
A
C

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: **Tổ chức hoạt động Teambuilding trong du lịch**
- Mã học phần: 0101120683
- Số tín chỉ: 2(2, 0, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

+ Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần**- Kiến thức:**

Hiểu một số khái niệm cơ bản của lý thuyết trò chơi. Biết trình bày các kỹ thuật sàng lọc thông tin, đánh tín hiệu. Biết các chiến lược đàm phán trên cơ sở phân tích hành vi đối tác, các yếu tố tạo nên sức mạnh đàm phán. Đưa ra ứng dụng lý thuyết trò chơi.

- Kỹ năng:

Hiểu được một số vấn đề về ứng dụng lý thuyết trò chơi trong kinh doanh. Nắm được nguyên nhân và phân tích hướng cạnh tranh của các doanh nghiệp. Hiểu được bản chất của vấn đề gia nhập, chiếm lĩnh thị trường và chèn ép trong kinh doanh.

- Thái độ:

Ý thức thành công hơn trong kinh doanh cũng như trong tổ chức trò chơi. Biết đàm phán, hiểu sức mạnh đàm phán để đưa ra được chiến lược đàm phán, ra quyết định kinh doanh phù hợp nhằm hướng tới hiệu quả, đôi bên có lợi trong kinh doanh. Nắm được các nguyên tắc trong việc xây dựng một thể chế lành mạnh, hỗ trợ kinh doanh.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong tổ chức trò chơi hỗ trợ doanh nghiệp. Học phần bao gồm 7 chương với các nội dung cơ bản sau: Lịch sử của ngành Lý thuyết trò chơi; Biểu diễn trò chơi; Các loại trò chơi; Ứng dụng của lý thuyết trò chơi; Teambuilding; Quy trình tổ chức teambuilding; Xây dựng tinh thần đồng đội. Các chương được kết cấu gồm: mục tiêu, nội dung, câu hỏi thảo luận.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết 38			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, diễn dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1. Lịch sử của ngành Lý thuyết trò chơi	2	2		Hiểu khái niệm và lịch sử của ngành Lý thuyết trò chơi.	Nghiên cứu trước: Tài liệu chương 1. [1]
1.1. Khái niệm					
1.2. Lược sử hình thành					
1.3 Thảo luận					Chuẩn bị ví dụ
Chương 2. Biểu diễn trò chơi	2	2		- Hiểu về biểu diễn trò chơi theo các dạng chuẩn tắc và mở rộng.	Nghiên cứu trước: Tài liệu chương 2. [1]
2.1. Dạng chuẩn tắc					
2.2. Dạng mở rộng.					
2.5 Thảo luận					Chuẩn bị câu hỏi và thực hiện trao đổi trong lớp.
Chương 3. Các loại trò chơi	2	2		Hiểu nguyên tắc tổ chức các trò chơi.	Nghiên cứu trước: Tài liệu chương 3. [1]
3.1. Trò chơi đối xứng và bất đối xứng					
3.2. Trò chơi tổng bằng không và trò chơi tổng khác không					
3.3. Trò chơi đồng thời và trò chơi tuần tự.					
3.4. Trò chơi thông tin hoàn hảo và Trò chơi có					

GIAO DƯỠNG
 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

thông tin không hoàn hảo					
3.5. Các trò chơi dài vô tận					
3.6. Thảo luận					Trao đổi và thảo luận trong lớp
Chương 4. Ứng dụng của lý thuyết trò chơi	2	2		Biết ứng dụng lý thuyết trò chơi vào các lĩnh vực kinh doanh, khoa học, chính trị và triết học.	Nghiên cứu trước: Tài liệu chương 4. [1]
4.1. Kinh tế và kinh doanh					
4.2. Tính quy chuẩn					
4.3. Sinh học					
4.4. Khoa học máy tính và logic					
4.5. Chính trị học					
4.6. Triết học					
4.7. Thảo luận					Trao đổi và thảo luận trong lớp
Chương 5. Teambuilding	3	2		Hiểu khái niệm, kỹ năng cơ bản trong hoạt động và lãnh đạo đội nhóm.	Nghiên cứu trước: Tài liệu chương 5. [1]
5.1. Các khái niệm					
5.2. Nhóm kỹ năng teamwork cơ bản.					
5.3. Lãnh đạo và quản lý đội nhóm.					
5.4. Quản lý thái độ trong quá trình làm việc nhóm.					
5.5. Câu hỏi thảo luận					Trao đổi và thảo luận trong lớp
Chương 6. Quy trình tổ chức teambuilding	3	2		Hiểu và tổ chức tốt quy trình tổ chức teambuilding	Nghiên cứu trước: Tài liệu chương 6. [1]



6.1. Yêu cầu					
6.2. Khảo sát					
6.3. Biên soạn					
6.4. Nội dung kinh phí					
6.5. Thống nhất					
6.6. Thực hiện					
6.7. Tổng kết					
6.8. Tư vấn đồng hành					
6.3. Thảo luận					Trao đổi và thảo luận trong lớp
Chương 7.					
Xây dựng tinh thần đồng đội	3	1		Hiểu được phương pháp xây dựng tinh thần đồng đội.	Nghiên cứu trước: Tài liệu chương 7. [1]
7.1. Ý nghĩa của tinh thần đồng đội qua trò chơi team building					
7.2. Tạo động lực giúp các thành viên phát huy năng lực bản thân, vượt qua trở ngại tâm lý.					
7.3. Nâng cao tinh thần đồng đội, giá trị hợp tác, trách nhiệm.					
7.4. Thảo luận					
ÔN TẬP	1				Sinh viên ôn lại tất cả các nội dung lý thuyết.
Tổng	23	15			



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

- 5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.
- 5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.
- 5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Avinash K. Dixit, Bary J. Nalebuff (2015), *Tư duy chiến lược: Lý thuyết trò chơi thực hành*, Nxb. Dân trí.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Hồng Nhật (2017), *Lý thuyết trò chơi ứng dụng trong quản trị - kinh doanh*, Nxb Thanh niên.

[3]. Phạm Văn Nhân (2014), *Kỹ năng tổng hợp về kỹ năng hoạt động thanh thiếu niên*, Nxb Trẻ.

6.3 Các website:

[3]. [http://www. Saigontimesonline.vn](http://www.Saigontimesonline.vn)

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Phạm Thu Huyền

Năm sinh: 1987

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: huyenpt@bv.u.edu.vn

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG

(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Phạm Thu Huyền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Du lịch văn hóa (Culture Tourism)**
- Mã học phần: 0101120943
- Số tín chỉ: 02 (2, 0, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch, Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Các yêu cầu đối với học phần: sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.
- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sau khi kết thúc môn học sinh viên có nhận thức cơ bản liên quan đến du lịch văn hóa: Khái niệm du lịch, khái niệm du lịch văn hóa, khái niệm văn hóa du lịch; Mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch.

+ Nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa của các dạng tài nguyên "du lịch văn hóa";

+ Thực trạng du lịch văn hóa ở Việt Nam;

- **Kỹ năng:** Kết thúc môn học, sinh viên có kỹ năng

+ Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp lý thuyết;

+ Có các kỹ năng tư duy, phân tích và ra quyết định, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề;

+ Viết thu hoạch và báo cáo thu hoạch có sử dụng công nghệ thông tin;

+ Thuyết trình, phản biện;

+ Làm việc cá nhân và hợp tác trong nhóm;

+ Bước đầu điều tra thực địa.

- Thái độ:

- + Nghiêm túc trong học tập và làm việc nhóm;
- + Yêu nghề, đam mê công việc;
- + Tích cực nghiên cứu tìm tòi tài liệu phục vụ môn học.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp những kiến thức cụ thể về một loại hình du lịch đó là Du lịch văn hóa. Trước hết là những thuật ngữ liên quan đến du lịch văn hóa. Nhiệm vụ chính là trang bị kỹ năng nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa của tài nguyên du lịch văn hóa: Lễ hội, di tích lịch sử văn hóa, Làng nghề truyền thống, Di sản Thế giới ở Việt Nam... , đồng thời khái quát thực trạng và xu thế phát triển du lịch văn hóa Việt Nam.

Nội dung chính của học phần bao gồm 3 chương. Cụ thể:

Chương 1: Các khái niệm cơ bản

Chương 2: Tài nguyên du lịch văn hóa

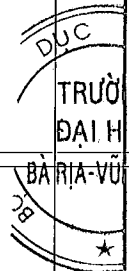
Chương 3: Thực trạng và xu thế phát triển “du lịch văn hóa”

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT, TL			
Chương 1: Các khái niệm cơ bản 1.1. Đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của du lịch văn hóa 1.2. Các khái niệm cơ bản 1.3. Vai trò của văn hóa và tài nguyên du lịch trong kinh doanh du lịch 1.4. Sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng của Việt Nam 1.5. Kinh nghiệm phát triển du lịch văn hóa trên thế giới	8	5		- Giúp Sv nắm được đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của du lịch văn hóa, các khái niệm cơ bản, vai trò của văn hóa và các tài nguyên du lịch trong kinh doanh du lịch, các sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng của Việt Nam và kinh nghiệm phát triển du lịch văn hóa ở trên thế giới.	- Nghiên cứu trước tài liệu tham khảo [1], [2], [3], [7], [8]
Chương 2: Các kỹ năng, nghiệp vụ du lịch văn hóa	8	5		- Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng cơ	- Nghiên cứu trước

GIÁO

<p>3.1. Các kỹ năng cơ bản khi nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa</p> <p>3.2. Nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa vật thể</p> <p>3.3. Nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa phi vật thể</p> <p>3.4. Xây dựng, xúc tiến và bán chương trình du lịch văn hóa</p> <p>3.5. Nghiệp vụ tổ chức và hướng dẫn du lịch văn hóa</p> <p>3.6. Xây dựng, tổ chức, quản lý mô hình làng du lịch văn hóa phục vụ du lịch</p> <p>3.7. Đánh giá tác động của du lịch tới môi trường văn hóa, xã hội</p>				<p>bản về nghiệp vụ du lịch văn hóa, nhận diện và biết khai thác các giá trị văn hóa đưa vào phục vụ du lịch đồng thời đánh giá được tác động của du lịch tới văn hóa xã hội, hình thành kỹ năng giao tiếp có văn hóa, xây dựng văn hóa giao tiếp trong du lịch.</p>	<p>tài liệu tham khảo [1], [2], [3], [4], [6], [7], [8]</p>
<p>3.8. Giao tiếp, ứng xử văn hóa trong du lịch.</p>					
<p>Chương 3: Thực trạng và xu thế phát triển “du lịch văn hóa”</p> <p>3.1 Hàng số văn hóa Việt Nam và ảnh hưởng đến du lịch văn hóa Việt Nam</p> <p>3.2 Thực trạng du lịch văn hóa ở Việt Nam</p> <p>3.3 Phát triển du lịch văn hóa bền vững</p>	7	5		<p>- Biết được hàng số văn hóa Việt Nam, sự ảnh hưởng của nó đến hoạt động du lịch, thực trạng hiện có và xu thế để phát triển văn hóa du lịch bền vững.</p>	<p>- Nghiên cứu trước tài liệu tham khảo [1], [2], [3], [6], [7], [8]</p>
Tổng:	30				



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Võ Văn Thành (2016), *Một số vấn đề văn hóa du lịch Việt Nam*, Nxb. VH văn nghệ.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Thị Thống Nhất (2016), *Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới vật thể*, Nxb Đà Nẵng.

[3]. Nguyễn Mạnh Hùng (2017), *Văn hóa du lịch*, Nxb. ĐHQG Hà Nội

[4]. Tổng cục Du lịch (2012), *Di sản thế giới ở Việt Nam*, Nxb Thanh niên.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày tháng năm

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

S.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

Trần Thị Quỳnh Lưu

VÀ
VG
QC
VG TÀU
C

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Du lịch sinh thái** (*Ecotourism*)
- Mã học phần: 0101122164
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch, Địa lý du lịch
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

* *Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:*

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

* *Phương pháp giảng dạy:*

- + Giảng viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).
- + Giảng viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm về du lịch sinh thái (DLST), tài nguyên DLST; các loại hình du lịch sinh thái; các kiến thức, phương pháp và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động du lịch sinh thái trên phương diện kỹ thuật, kinh tế-xã hội và môi trường; kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái các khu bảo tồn; vườn quốc gia...

2.1. Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về du lịch sinh thái (DLST) và quản lý các dự án DLST tại các khu du lịch, khu bảo tồn, Vườn quốc gia. Hiểu những vấn đề lý

luận và thực tiễn về du lịch sinh thái để áp dụng vào thực tiễn phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam

Đánh giá được tiềm năng và hiện trạng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam

Vận dụng những kiến thức về quy hoạch du lịch sinh thái trên thế giới để quy hoạch phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

2.2. Kỹ năng:

Trang bị các phương pháp, kỹ năng để có thể tham gia xây dựng các quy hoạch, kế hoạch quản lý, phát triển DLST, làm việc tại các khu du lịch, khu bảo tồn, vườn quốc gia...

- Sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề, tự tin giải quyết các tình huống có thể xảy ra nguy cơ mất an toàn cho du khách trong công tác du lịch.

- Biết nhận thức sâu sắc những vấn đề rủi ro và biết thiết lập các giải pháp khắc phục vấn đề hiệu quả nhất.

- Phát triển kỹ năng bình luận, diễn đạt, thuyết trình trước công chúng;

- Phát triển kỹ năng hoạt động nhóm, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể

2.3. Thái độ:

Sinh viên có ý thức trong việc nâng cao chất lượng công việc học tập, nghiên cứu cũng như hoạt động của bản thân.

- Sinh viên tham dự các buổi học nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm.

- Hình thành tính tự tin, bản lĩnh, tinh thần cầu tiến cho SV trong tác phong nghề nghiệp, có ý thức, tinh thần trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp chuẩn mực trong lĩnh vực công tác du lịch.

- Tạo lập khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, có ý thức tự giác nghiên cứu, tìm tòi, bản thân tự nâng cao trình độ, thu thập kinh nghiệm để có những kiến thức chuyên môn vững chắc. Có ý thức, trách nhiệm đối với việc bảo vệ môi trường, sinh thái.

- Nắm bắt được tâm lý và có trách nhiệm đối với du khách

- Tự hào về giá trị thiên nhiên và văn hóa của đất nước.

- Có trách nhiệm đối với cộng đồng.

- Tích cực tuyên truyền để nâng cao ý thức của du khách về bảo vệ môi trường, sinh thái.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận và thực tiễn về du lịch sinh thái trên thế giới và ở Việt Nam; điều kiện và hiện trạng phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam; cách thiết kế và quản lý địa bàn phát triển du lịch sinh thái. Qua đó, người học

có cái nhìn tổng quan về du lịch sinh thái và có thể vận dụng những kiến thức vào phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI	4	3			
<i>1.1. Khái niệm du lịch sinh thái</i>				Sinh viên cần nắm: + Các khái niệm DLST + Đặc trưng của tài nguyên du lịch sinh thái. + Các nguyên tắc của du lịch sinh thái	- Nghiên cứu trước: + Khái niệm du lịch sinh thái [6, tr.5-6] + Vẽ sơ đồ các thành phần của du lịch sinh thái [5, tr.8] + Nêu một số địa bàn du lịch sinh thái ở vùng ĐBSCL và phân tích (căn cứ vào các thuộc tính của du lịch sinh thái) + Phân tích sơ đồ xuất xứ của du lịch sinh thái [5, tr.16] + Những đặc trưng cơ bản của du lịch sinh thái [5, tr.17-19]
<i>1.2. Quá trình hình thành du lịch sinh thái</i>					
<i>1.3. Những đặc trưng cơ bản của du lịch sinh thái</i>					
<i>1.4. Các kiểu khách du lịch tự nhiên và đặc trưng của khách du lịch sinh thái</i>					
<i>1.5. Các nguyên tắc của du lịch sinh thái</i>					
<i>1.6. Các yêu cầu cơ bản trong phát triển du lịch sinh thái</i>					
<i>1.7. Lợi ích của du lịch sinh thái</i>					
Chương 2: TÀI NGUYÊN DU LỊCH SINH THÁI	4	3			
<i>2.1. Khái niệm về tài nguyên và tài nguyên DLST.</i>				SV cần nắm các khái niệm về tài nguyên DLST và các loại tài nguyên DLST	- Nghiên cứu trước: + Đặc điểm của tài nguyên du lịch sinh thái [6, tr.10] + Các đặc điểm của du lịch sinh thái (https://www.ecotourism.org/what-isecotourism)
<i>2.2. Đặc điểm của tài nguyên DLST</i>					
<i>2.3. Các loại tài nguyên DLST cơ bản</i>					
<i>2.4. Các tài nguyên DLST đặc thù.</i>					
<i>2.5. Tài nguyên Văn hoá bản địa.</i>					
Chương 3: MỘT SỐ KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN DU	4	3			

GIAO
CỔ
BÀ

LỊCH SINH THÁI TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM				
3.1. <i>Nhu cầu và tiềm năng phát triển DLST trên thế giới và Việt Nam</i>				+ Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái ở vườn quốc gia Một số quốc gia ở Châu Âu, Châu Á và Việt Nam - Nghiên cứu trước: + Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái ở vườn quốc gia Một số quốc gia ở Châu Âu và Châu Á... [sanctuaries.noaa.gov/management/.../galapagos_user_guideviet.pdf] - Nghiên cứu + Tài liệu [1]: nội dung chương 3, 4. + Tài liệu [2]: nội dung chương 3,4
3.2. <i>Du lịch sinh thái trong các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên trên thế giới</i>				
3.2.1. <i>Mô hình phát triển và quản lý du lịch sinh thái ở một số quốc gia Châu Âu</i>				
3.2.2. <i>Mô hình phát triển và quản lý du lịch sinh thái ở một số nước Châu Á</i>				
3.2.3. <i>Hiện trạng phát triển du lịch sinh thái ở một số địa phương tại Việt Nam</i>				
3.3. <i>Bài học kinh nghiệm trong phát triển du lịch sinh thái ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên</i>				
Chương 4: DU LỊCH SINH THÁI VÀ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN / VƯỜN QUỐC GIA	4	3		
4.1. <i>Hiện trạng phát triển DLST ở các KBTTN/Vườn Quốc gia tại Việt Nam</i>				Năm bắt những cơ sở lý thuyết về Khu bảo tồn thiên nhiên và Vườn Quốc gia Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng và thảo luận nhóm Nghiên cứu trước: + Hệ thống phân hạng khu bảo tồn thiên nhiên năm 1994 của IUCN + Hệ thống vườn quốc gia ở Việt Nam [http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C6%B0%E1%BB%9Dn_qu%E1%BB%91c_gia_%E1%BB%9F_Vi%E1%BB%87t_Na_m] + Phân tích sơ đồ các dạng quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo tồn tự nhiên [5,
4.2. <i>DLST và các khu Bảo tồn thiên nhiên</i>				
4.3. <i>Quan điểm phát triển DLST ở các khu BTTN.</i>				
4.4. <i>Các bên tham gia vào hoạt động DLST ở các khu bảo tồn thiên nhiên (Stakeholders)</i>				
4.5. <i>Địa bàn thích hợp phát triển du lịch sinh thái và Khu BTTN, Vườn Quốc gia.</i>				
4.6. <i>Tác động tích cực và tiêu cực của DLST, Khu BTTN đối với môi trường.</i>				

DUC
TRU
ĐẠI H
IA-VU
★

Chương 5: HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ VÀ THIẾT KẾ DU LỊCH SINH THÁI	5	3			
5.1. Hướng dẫn quản lý các đối tượng khách tham quan					- Nghiên cứu trước: + So sánh với thực tế quản lý và thiết kế du lịch sinh thái ở Việt Nam + Nghiên cứu trước: + So sánh với cách quản lý và thiết kế du lịch sinh thái ở Việt Nam.
5.1.1. Thành lập trung tâm đón tiếp khách Du lịch					
5.1.2. Hướng dẫn trước cho khách tham quan tại các khu Bảo tồn thiên nhiên.					
5.1.3. Quản lý lượng khách trên cơ sở phương pháp tính sức chứa (Carrying Capacity).					
5.2. Vấn đề quy hoạch và đầu tư					
5.2.1. Vấn đề thiết kế công trình nhân tạo tại khu DLST và BTTN					
5.2.2. Thiết kế đường mòn thiên nhiên					
5.2.3. Vấn đề nguồn năng lượng và cơ sở hạ tầng					
5.2.4. Vấn đề quản lý rác thải					
5.2.5. Vấn đề tổ chức ngắm cảnh động vật hoang dã					
5.2.6. Vấn đề hướng dẫn viên du lịch sinh thái					
5.2.7. Giải quyết những vấn đề mâu thuẫn trong phát triển du lịch sinh thái					+ Biết thiết kế một số tour mẫu
5.2.8. Phương pháp giám sát và đánh giá quản lý DLST					
5.3. Xúc tiến, quảng bá và thiết kế sản phẩm DLST					
5.3.1. Xúc tiến các dự án đầu tư DLST					
5.3.2. Thiết kế mẫu các sản phẩm DLST					
Ôn tập	2,0	0			

Nghiên cứu:
+ Khó khăn trong phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam
+ Vì sao khách ít chọn Việt Nam làm nơi đến du lịch sinh thái trong các chuyến du lịch?

Đọc trước:
+ Quản lý Tài nguyên du lịch tự nhiên ở Việt Nam
[http://www.itdr.org.vn/details_news-x-13.vdl]

+ Mô tả và giới thiệu về các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam.

NG
OC
VGTÀ

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần, thái độ học tập, tích cực phát biểu: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức thi: trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập**6.1. Tài liệu bắt buộc:**

[1]. Lê Huy Bá (2016), *Du lịch Sinh thái (Ecotourism)*, Nxb. ĐHQG TPHCM.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Lê Huy Bá, Lâm Minh Triết (2015), *Sinh thái môi trường ứng dụng*, Nxb. ĐHQG TPHCM

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Quang Thái

Năm sinh: 1970

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: du lịch

Thông tin liên hệ: thainq@bv.u.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG**(DUYỆT)****GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm****HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

Hoàng Văn Việt
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Quang Thái
Nguyễn Quang Thái

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Biểu tượng văn hóa Việt Nam**
- Mã học phần: 0101120931
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

* Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mã văn hóa, biểu tượng văn hóa của Việt Nam phân biệt được các biểu tượng sống, biểu tượng chết, qua đó có thể giải mã được những ý nghĩa tiêu biểu ẩn tàng dưới lớp vỏ của biểu tượng góp phần vào nghiên cứu văn hóa Việt Nam.

- **Kỹ năng:** Học phần này trang bị cho người học những kỹ năng tư duy từ những biểu tượng, từ hình ảnh thực tế để giải mã văn hóa.

- **Thái độ:** Phải có tinh thần khát khao, tận tụy với công việc, học tập và luôn có ý thức trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

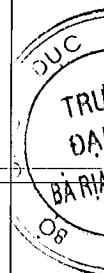
3. Tóm tắt nội dung học phần:

Ngoài một chương mở đầu giới thiệu khái quát về những kiến thức lý luận chung trước khi nghiên cứu biểu tượng. Môn học có 5 chương bao quát những nội dung cơ bản về việc tìm hiểu ý nghĩa của biểu tượng, lịch sử hình thành khoa học nghiên cứu và giải mã về biểu tượng, những biểu tượng tiêu biểu của Việt Nam, trong tôn giáo và trên thế giới.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệ m, thực hành, điền dã		
	L T	BT, TL			
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN 1.1 Mã và mã văn hóa 1.1.1 Mã (Code) 1.1.2 Mã văn hóa	2	1	0	- Sinh viên hiểu được các khái niệm về mã văn hóa và biểu tượng - Biết phân biệt được các loại mã văn hóa.	- Nghiên cứu trước tài liệu [1], [5], [7], [10]
1.2 Các loại mã văn hóa 1.2.1 Tín hiệu, ký hiệu 1.2.2 Biểu tượng 1.2.3 Mật mã					
CHƯƠNG 2: LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU CÁC BIỂU TƯỢNG 2.1 Thế giới 2.2 Việt Nam	3	2	0	- Sinh viên hiểu được lịch sử nghiên cứu biểu tượng trên thế giới và Việt Nam, biết được các công trình nghiên cứu, các tác giả tiêu biểu, biết được quá trình ra đời và phát triển của khoa học nghiên cứu biểu tượng	- Nghiên cứu trước tài liệu [1], [4], [5], [7]
CHƯƠNG 3: BIỂU TƯỢNG – LOẠI MÃ VĂN HÓA TIÊU BIỂU NHẤT 1. Ý nghĩa của biểu tượng 2. Một số đặc điểm của biểu	4	3	0	- Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của mã văn hóa quan trọng nhất (biểu tượng): ý nghĩa của	- Nghiên cứu trước tài liệu [1], [5], [7], [10]

<p>tượng</p> <p>3. Phân loại biểu tượng (BT sống, BT chết)</p>				<p>biểu tượng, biểu tượng ra đời như thế nào; đặc điểm của biểu tượng;</p> <p>- Biết cách phân loại biểu tượng</p>	
<p>CHƯƠNG 4: NHỮNG BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA TIÊU BIỂU CỦA VIỆT NAM</p> <p>1. Biểu tượng âm – dương</p> <p>1.1 Triết lý âm dương</p> <p>1.2 Biểu hiện của triết lý âm dương trong đời sống</p>	6	5	0	<p>- Nắm được ý nghĩa của biểu tượng, biết cách giải mã biểu tượng, biết được những quan niệm, triết lý của người Việt thông qua biểu tượng;</p>	<p>- Nghiên cứu trước tài liệu [2], [3], [4], [7], [8]</p>
<p>1.3 Giải mã một số biểu tượng âm dương</p> <p>2. Biểu tượng tròn – vuông</p> <p>2.1 Quan niệm</p> <p>2.2 Biểu hiện trong đời sống</p> <p>2.3 Giải mã một số biểu tượng tiêu biểu</p> <p>3. Biểu tượng mặt trời, nước, rồng châu mặt trời - mặt trăng</p> <p>4. Biểu tượng voi, ngựa và đôi voi – ngựa</p> <p>5. Biểu tượng rồng, hổ, cá chép</p> <p>6. Biểu tượng đá, cây, rùa, hạc</p> <p>7. Biểu tượng quốc gia</p> <p>8. Biểu tượng của các địa phương</p>				<p>biểu hiện của biểu tượng trong đời sống xã hội như thế nào?</p>	
<p>CHƯƠNG 5: NHỮNG BIỂU TƯỢNG TIÊU BIỂU TRONG</p>	4	2	0	<p>- Biết được biểu tượng của một số tôn giáo,</p>	<p>- Nghiên cứu trước</p>



TÔN GIÁO				tín ngưỡng đã và đang tồn tại ở Việt Nam	tài liệu [2], [2], [4], [6], [7], [9]
CHƯƠNG 6: NHỮNG BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA TIÊU BIỂU TRÊN THẾ GIỚI	4	2	0	- Biết được những biểu tượng văn hóa tiêu biểu ở trên thế giới	- Nghiên cứu trước tài liệu [2], [6], [7]
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Đinh Hồng Hải (2014), *Nghiên cứu biểu tượng: Một số hướng tiếp cận lý thuyết*, Nxb. Thế giới.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Jean Chevalier – Alain Gheerbrant (2016), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng.

[3]. Phạm Đức Dương (2014), *Biểu tượng văn hóa ở làng quê Việt Nam*, Nxb. VHNT.

[4]. Iu.M. Lotman (2014), *Ký hiệu học văn hóa*, Nxb. ĐHQG Hà Nội.

[5]. Jean-Francois Froger và Jean-Piere Durand (2016), *Biểu tượng và ý nghĩa của các loài thú trong kinh thánh*, Nxb. Hồng Đức.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu



HIỆU TRƯỞNG



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

GAO TÀU

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Di sản thế giới ở Việt Nam** (World heritage in Viet Nam)
- Mã học phần: 0101122170
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Tuyển điểm du lịch
- Các yêu cầu đối với học phần: sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

+ Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** Môn học giúp cho sinh viên hiểu được các cơ sở lý luận và kiến thức tổng quát về di sản thế giới (văn hóa, thiên nhiên, hỗn hợp); nắm được các văn bản pháp luật quốc tế, quốc gia với việc quản lý, khai thác và bảo tồn các di sản. Đồng thời, nắm được những hiểu biết cơ bản về các di sản nổi tiếng thế giới ở Việt Nam.
- **Kỹ năng:** Môn học giúp cho sinh viên nâng cao ý thức bảo tồn và bảo vệ di sản thế giới ở Việt Nam; Hình thành các kỹ năng khám phá, phân tích và giải thích hiện tượng; Hình thành thói quen lựa chọn và sử dụng các biện pháp bảo tồn di sản thế giới; Rèn luyện kỹ năng chuyên môn, phát triển năng lực thực hành, ứng xử tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề; Vận dụng kiến thức đã học để nghiên cứu, thảo luận về Di sản Thế giới, tuyên truyền và quảng bá giá trị các di sản và kiến thức hỗ trợ cần thiết; Mô tả được các di sản; Biết quản lý, khai thác di sản cho hoạt động du lịch.
- Góp phần rèn luyện khả năng thuyết trình, xử lý tình huống
- Góp phần phát triển kỹ năng cộng tác, kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả
- **Thái độ:** Chủ động và tích cực học hỏi, nâng cao kiến thức và rèn luyện kỹ năng chuyên môn; biết cách tổ chức điền dã di sản; Có lòng yêu nghề.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Di sản thế giới ở Việt Nam là một môn khoa học văn hóa – xã hội trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến di sản thế giới, di sản thế giới ở Việt Nam. Việc quản lý, khai thác di sản thế giới ở Việt Nam phục vụ du lịch. Quy trình tổ chức và quản lý, khai thác di sản thế giới đối với phát triển văn hóa, xã hội và du lịch. Đây là học phần cơ sở được thiết kế dành cho sinh viên các chuyên ngành: văn hóa du lịch, văn hóa học và Việt Nam học. Tùy theo thiết kế chương trình của mỗi chuyên ngành, môn học này có thể là môn học bắt buộc hoặc tự chọn; có thể bố trí ở bất kỳ học kỳ nào (từ học kỳ 1 đến học kỳ 8) trong chương trình đào tạo. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên có tư duy khoa học, có khả năng liên hệ với thực tiễn và củng cố thêm vốn kiến thức về địa lý, văn hóa, lịch sử và du lịch Việt Nam.

Học phần này gồm 3 chương có nội dung căn bản như sau:

Chương 1: Những vấn đề chung về di sản thế giới và tổ chức UNESCO

Chương 2: Di sản thế giới và các di sản thế giới ở Việt Nam

Chương 3: Di sản thế giới với phát triển du lịch

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

+ **Hình thức – Phương pháp tổ chức dạy và học:** Sử dụng kết hợp các hình thức, phương pháp dạy và học sau: Diễn giảng, thảo luận/thuyết trình theo nhóm, hỏi – đáp nhanh, bài tập tình huống, trò chơi, hoạt động ngoại khóa, điền dã thực tế...

+ **Phương tiện dạy và học:** Máy chiếu, bảng đứng, giấy (A0, A4, A5, ...), tranh ảnh, ...

+ **Nội dung chi tiết:**

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DI SẢN THẾ GIỚI VÀ TỔ CHỨC UNESCO					
1.1 Khái niệm	8	5	0	Hiểu được các khái niệm cơ bản liên quan đến di sản	Chuẩn bị bài ở nhà và tham khảo tài liệu số [5], [8], [11], [14], [15], [16]
1.1.1 Di sản					
1.1.2 Di sản thiên nhiên thế giới					
1.1.3 Di sản văn hóa thế giới					
1.1.4 Di sản hỗn hợp thế giới					
1.1.5 Di sản văn hóa phi vật thể					
1.2 Tổ chức giáo dục, khoa				Biết được mục	Chuẩn bị bài

<p>học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) với di sản văn hoá và thiên nhiên thế giới</p>				<p>đích tôn chỉ, chức năng, cơ cấu hoạt động, các chương trình hành động, Công ước 1972 của UNESCO, các tiêu chí để công nhận các di sản văn hoá và thiên nhiên</p>	<p>ở nhà và tham khảo tài liệu số [8], [16]</p>
<p>1.2.1. Tổ chức UNESCO</p>					
<p>1.2.1.1. Mục đích tôn chỉ và chức năng của UNESCO</p>					
<p>1.2.1.2. Cơ cấu hoạt động của UNESCO</p>					
<p>1.2.1.3. Chương trình hoạt động</p>					
<p>1.2.2. Quy trình công nhận di sản văn hoá và thiên nhiên thế</p>					
<p>giới của UNESCO</p>					
<p>1.2.2.1. Công ước 1972 của UNESCO</p>					
<p>1.2.2.2. Các tiêu chí để công nhận các di sản văn hoá và thiên nhiên</p>					
<p>1.2.3. Trình tự và thủ tục của việc đề cử và công nhận Di sản</p>					
<p>Chương 2. DI SẢN THẾ GIỚI VÀ CÁC DI SẢN THẾ GIỚI Ở VIỆT NAM</p>					
<p>2.1 Các di sản thế giới trên thế giới</p>				<p>Nắm được những kiến thức cơ bản và khái quát về các di sản thế giới, di sản thế giới của các nước, các kỳ quan thế giới mới và việc bình chọn các kỳ quan thế giới mới</p>	<p>Chuẩn bị bài ở nhà và tham khảo tài liệu số [1], [6], [7], [8], [10]</p>
<p>2.1.1 Những di sản nổi tiếng thế giới mang tính toàn cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoá thạch – biên niên sử cuộc sống - Các nhà thờ của đức tin mới - Cung điện, lâu đài, tượng đài - một biểu hiện của quyền lực và lối sống vương giả của 	<p>10</p>	<p>5</p>	<p>0</p>		

các vị hoàng đế					
2.1.2 Di sản thế giới các nước					
2.1.3 Các kỳ quan thế giới mới					
2.1.4 UNESCO và vấn đề bình chọn các Kỳ quan thế giới mới					
2.2 Các di sản thế giới ở Việt Nam				Nắm được kiến thức tổng quan, khái quát và cụ thể, chi tiết về các di sản thế giới ở Việt Nam: số	Chuẩn bị bài ở nhà và tham khảo tài liệu số [1], [2], [6], [7], [9], [11], [12], [13], [14], [15], [16]
2.2.1 Di sản thiên nhiên thế giới					
2.2.2 Di sản văn hóa thế giới					
2.2.3 Các kiệt tác truyền khẩu					
và vật thể phi vật thể nhân loại				lượng, loại hình di sản, phân bố, giá trị, quy mô, thời gian được công nhận....	



Chương 3. DI SẢN THẾ GIỚI VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1 Các loại hình du lịch gắn với di sản thế giới ở Việt Nam				Xác định được các loại hình du lịch có khai thác sử dụng các giá trị của di sản thế giới ở Việt Nam	
3.1.1 Du lịch văn hóa					
3.1.2 Du lịch di sản văn hóa					
3.1.3 Du lịch mạo hiểm					
3.1.4 Du lịch tâm linh					
3.2. Một số vấn đề quản lý di sản thế giới với phát triển du lịch ở Việt Nam	5	5	0	Nắm được những vấn đề căn bản trong quản lý di sản thế giới ở Việt Nam: nguyên tắc quản lý, nội dung, quy trình tổ	Chuẩn bị bài ở nhà và tham khảo tài liệu số [1], [2], [3], [4], [5], [7], [9], [11], [12], [13], [14], [15], [16]
3.3. Nguyên tắc quản lý di sản thế giới với phát triển du lịch					
3.4. Nội dung cơ bản quản					

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài).

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Võ Văn Thành (2017), *Du lịch Việt Nam qua 26 di sản thế giới*, Nxb. Tổng hợp TP. HCM.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Tổng cục Du lịch (2012), *Di sản thế giới ở Việt Nam*, Nxb Thanh niên.

[3]. Nguyễn Thị Thống Nhất (2016), *Phát triển du lịch trên cơ sở khai thác hợp lý giá trị di sản văn hóa thế giới vật thể*, Nxb Đà Nẵng.

6.3. Tài liệu website:

[1]. <http://www.dsvh.gov.vn>

[2]. <http://www.cinet.gov.vn>

[3]. <http://www.dch.gov.vn>

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu



Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

[Handwritten signature]

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Thiết kế và điều hành tour** (Design and Tour Operator)
- Mã học phần: 0101120945
- Số tín chỉ: **02(2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch; Tuyển điểm du lịch Việt Nam.
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

** Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:*

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

** Phương pháp giảng dạy:*

- + Giảng viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).
- + Giảng viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch...; nhằm giúp sinh viên có được kiến thức và kỹ năng trong xây dựng, thực hiện và quản lý các Tour du lịch...

Môn học liên kết chặt chẽ với môn Cơ sở văn hóa Việt Nam; Tổng quan du lịch; Địa lý du lịch; Tuyển điểm du lịch Việt Nam; Marketing căn bản; Quản trị chiến lược; Quản trị sự kiện và hội nghị và Quản trị kinh doanh lễ hành;

Sinh viên được yêu cầu có đủ kỹ năng cơ bản để tham gia công tác hướng điều hành, quản lý và thiết kế các sản phẩm tour du lịch có chất lượng, bao gồm:

2.1. Kiến thức:

Học phần giúp cho sinh viên hiểu được các quy trình thiết kế một Tour du lịch (Nghiên cứu thị trường khách du lịch; Nghiên cứu thị trường cung và các yếu tố cầu du lịch; Xây dựng mục đích, ý tưởng Tour du lịch; xây dựng chương trình và định giá bán cho tour; chủ động trong việc đưa ra các biện pháp để bảo đảm và nâng cao chất lượng Tour du lịch).

2.2. Kỹ năng:

+ Sinh viên có khả năng tự chủ trong phân tích, tổng hợp, đánh giá về sự phát triển du lịch của công ty để đề xuất những chương trình hành động hiệu quả và đảm bảo chất lượng cho sản phẩm tour để bán ra thị trường.

+ Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức để tính toán thực hiện quy trình thiết kế tour và khả năng điều hành tour du lịch.

+ Để hoàn thành tốt học phần, mỗi sinh viên phải có các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, thảo luận và giải quyết vấn đề cho bài tập nhóm.

2.3. Thái độ:

+ Tự giác học tập và tiếp thu kiến thức của học phần, nhạy bén trong việc thiết kế các Tour du lịch hấp dẫn. Chủ động xây dựng nhãn hiệu và thương hiệu chất lượng cho sản phẩm cho công ty mà mình thực hiện. Hiểu rõ được vai trò của hướng dẫn viên trong quá trình tổ chức thực hiện Tour du lịch và chủ động xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình tổ chức thực hiện Tour du lịch.

+ Có ý thức tìm hiểu, trau dồi và khai thác kiến thức bổ trợ cho môn học qua nhiều kênh thông tin ngoài giáo trình, như: sách tham khảo, các chương trình truyền hình chuyên đề, các trang web và tạp chí có nội dung liên quan...

+ Rèn luyện tính tự chủ, tự tin trong hoạt động nhóm; giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình thiết kế chương trình du lịch, công tác định giá chương trình du lịch, công việc tổ chức xúc tiến bán chương trình du lịch cũng như công tác tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch. Bên cạnh đó môn học cũng trang bị cho sinh viên cách nhìn tổng quan về chất lượng tour du lịch và một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng tour du lịch. Qua đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức được trang bị vào thực tế hoạt động kinh doanh của các công ty du lịch, lữ hành.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1: QUI TRÌNH THIẾT KẾ TOUR DU LỊCH	5	3			
<i>1.1. Các khái niệm cơ bản về du lịch và Tour du lịch.</i>				+ Nhận biết được thế nào là một chương trình du lịch, tour du lịch và những yêu cầu	* <i>Đọc: Tập bài giảng</i>
<i>1.2. Đặc điểm, phân loại Tour du lịch</i>				khí kinh doanh một chương trình du lịch.	<i>Thiết kế & điều hành tour, Nguyễn Quang Thái, Chương 1</i>
<i>1.3. Quy trình thiết kế một Tour du lịch</i>				+ Nắm được các đặc điểm của một tour du lịch, cách thức và căn cứ để phân loại tour du lịch, cũng như biết được các loại hình tour du lịch đang phổ biến hiện nay.	* <i>Nghiên cứu trước:</i>
<i>1.4. Yêu cầu của việc thiết kế Tour du lịch</i>				+ Nắm được các bước thiết kế một tour du lịch, nội dung của từng bước, ứng dụng thực tế để thiết kế một tour du lịch cụ thể.	+ <i>Tài liệu [2]: nội dung chương 3</i>
<i>1.5. Những hạn chế, rủi ro trong quá trình thiết kế sản phẩm du lịch.</i>				+ Nắm được các yêu cầu của việc thiết kế một tour du lịch, tránh những sai sót trong việc thiết kế tour du lịch thực tế.	+ <i>Đọc tài liệu tham khảo số [6]</i>
<i>1.6. Thiết kế sản phẩm du lịch (các tour mẫu)</i> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Những tour ngắn ngày (dịch vụ đơn giản). ✓ Những tour ngắn ngày (dịch vụ phức tạp). ✓ Những tour dài ngày (dịch vụ đơn giản). ✓ Những tour dài ngày (dịch vụ phức tạp). ✓ Những tour hội nghị (Mice). 					<i>Thảo luận nhóm</i>
<i>1.7. Thiết kế sản phẩm</i>					

DỤC
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 LA-VŨNG
 ★

<i>du lịch Mice</i>				+ Biết được một số tour du lịch đang hấp dẫn ở Việt Nam, cập nhật những thông tin mới nhất về các tour du lịch ở Việt Nam hiện nay.	
1.7.1. Vì sao Việt Nam phải phát triển du lịch Mice?					
1.7.2. Những lưu ý khi thiết kế sản phẩm du lịch Mice					
1.8. Nghiên cứu một số Tour du lịch hấp dẫn ở Việt Nam.				- Thảo luận theo nhóm, chọn ra các chủ đề trọng tâm. * Phương pháp đánh giá: - Diễn giảng và thuyết trình.	
				- Thảo luận nhóm	
<p>* Câu hỏi ôn tập:</p> <p>1. Phân biệt các loại tour du lịch</p> <p>2. Quy trình thiết kế tour du lịch gồm những bước nào?</p> <p>* Chủ đề thảo luận: Các vùng du lịch của Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề 1: Bắc bộ - Chủ đề 2: Vùng núi phía Bắc + Duyên hải Đông Bắc + Nam Bắc bộ - Chủ đề 3: Bắc Trung bộ + Duyên hải Nam Trung bộ - Chủ đề 4: Tây Nam bộ - Chủ đề 5: Đông Nam bộ + Tây Nguyên <p>* Yêu cầu: Nắm được các vùng du lịch của Việt Nam, các tuyến, điểm du lịch, các danh tham, địa điểm tham quan tại từng điểm du lịch. Hiểu và vận dụng xây dựng tour du lịch hợp lý.</p>					
Chương 2: QUI TRÌNH ĐỊNH GIÁ TOUR DU LỊCH.	4	3			
2.1. Xác định giá thành Tour du lịch				+ Nắm được các thành phần cấu thành nên giá thành của một tour du lịch, cách thức tính và các phương pháp để	* Đọc: <i>Tập bài giảng</i> <i>Thiết kế & điều hành</i>
2.2. Xác định giá bán Tour du lịch					
2.3. Những điều cần					

NG
DC
STAU

<p><i>lưu ý khi định giá tour du lịch.</i></p>			<p>xác định giá thành của một tour du lịch. + Nắm được các yếu tố tác động đến giá bán của tour, cách thức tính giá bán và các trường hợp tính giá bán của tour. + Nắm được những yêu cầu, những lưu ý khi định giá tour, tránh được những sai sót, biết được cách tính giá bán theo lợi nhuận mục tiêu của doanh nghiệp, cũng</p>	<p><i>tour, Nguyễn Quang Thái, Chương 2</i></p> <p>* Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2]: nội dung Chương 5 + Đọc tài liệu tham</p>
			<p>như xác định được số lượng khách tham gia để doanh nghiệp đạt lợi nhuận mục tiêu hoặc hòa vốn. - Thảo luận theo nhóm, chọn ra các chủ đề trọng tâm. * Phương pháp đánh giá: - Diễn giảng và thuyết trình. - Thảo luận nhóm</p>	<p>khảo số [6] Thảo luận nhóm</p>
<p>* Câu hỏi thảo luận ở lớp: <i>Thiết kế một tour du lịch 3 ngày 2 đêm: Vận dụng nội dung lý thuyết quy trình thiết kế một tour du lịch để thiết kế tour du lịch 3 ngày 2 đêm cho lớp, đồng thời thực hành việc định giá tour và chào bán tour.</i></p>				
<p>Chương 3: TỔ CHỨC XÚC TIẾN VÀ BÁN TOUR DU LỊCH</p>	<p>5</p>	<p>3</p>		
<p>3.1. Khái niệm về xúc</p>			<p>+ Nắm được các khái</p>	<p>* Đọc:</p>



<p><i>tiến, quảng cáo tour du lịch.</i></p>				<p>niệm về xúc tiến và quảng cáo tour du lịch, những yêu cầu quảng cáo sản phẩm là tour du lịch.</p>	<p><i>Tập bài giảng</i></p>
<p><i>3.2. Thiết kế, xuất bản và phân phối brochure.</i></p>				<p>+ Biết được cách thức thiết kế brochure du lịch, các hình thức xuất bản và phân phối brochure.</p>	<p><i>Thiết kế & điều hành tour,</i></p>
<p><i>3.3. Các hoạt động và phương tiện quảng cáo Tour du lịch</i></p>				<p>+ Năm được các kênh quảng cáo sản phẩm du lịch và hoạch định chính sách, dự trù chi phí cho</p>	<p><i>Nguyễn Quang Thái,</i></p>
<p><i>3.4. Lựa chọn kênh phân phối</i></p>				<p>+ Năm được các kênh quảng cáo sản phẩm du lịch và hoạch định chính sách, dự trù chi phí cho</p>	<p>Chương 3</p>
<p><i>3.5. Các hình thức bán Tour du lịch</i></p>				<p>+ Năm được các kênh quảng cáo sản phẩm du lịch và hoạch định chính sách, dự trù chi phí cho</p>	<p>* Nghiên cứu trước:</p>
<p><i>3.6. Các điều kiện bán Tour du lịch.</i></p>				<p>hoạt động quảng cáo. + Năm được các kênh phân phối tour du lịch, đặc điểm của từng kênh phân phối và cách thức lựa chọn kênh phân phối phù hợp với doanh nghiệp. + Năm được các hình thức bán tour du lịch, đặc điểm của từng hình thức và cách thức lựa chọn hình thức bán phù hợp với loại hình tour. + Năm được các yêu cầu và các điểm chú ý khi thực hiện bán tour du lịch. - Thảo luận theo nhóm, chọn ra các chủ đề trọng tâm. * Phương pháp đánh</p>	<p>+ Tài liệu [2]</p>
				<p>hoạt động quảng cáo. + Năm được các kênh phân phối tour du lịch, đặc điểm của từng kênh phân phối và cách thức lựa chọn kênh phân phối phù hợp với doanh nghiệp. + Năm được các hình thức bán tour du lịch, đặc điểm của từng hình thức và cách thức lựa chọn hình thức bán phù hợp với loại hình tour. + Năm được các yêu cầu và các điểm chú ý khi thực hiện bán tour du lịch. - Thảo luận theo nhóm, chọn ra các chủ đề trọng tâm. * Phương pháp đánh</p>	<p>+ Đọc tài liệu tham khảo số [6] nội dung Chương 6 Thảo luận nhóm</p>

				giá: - Diễn giảng và thuyết trình. - Thảo luận nhóm	
* Câu hỏi ôn tập: 1. Thế nào là xúc tiến, quảng cáo tour du lịch 2. Các bước thiết kế, xuất bản và phân phối brochure 3. Các hoạt động và phương tiện quảng cáo Tour du lịch 4. Các hình thức và điều kiện để bán Tour du lịch					
Chương 4: QUI TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐIỀU HÀNH TOUR VÀ CÔNG VIỆC CỦA NHÂN VIÊN ĐIỀU HÀNH.		5	3		
4.1. Nội dung cơ bản của quá trình điều hành tour					* Đọc: Tập bài giảng Thiết kế & điều hành tour, Nguyễn Quang Thái, Chương 4 * Nghiên cứu trước: + Tài liệu
4.1.1. Các nội dung cơ bản của nghiệp vụ điều hành tour du lịch + Cơ cấu tổ chức của bộ phận điều hành + Vai trò của bộ phận điều hành tour				+ Nắm được nội dung công việc cụ thể của từng giai đoạn tổ chức thực hiện Tour du lịch. + Những yêu cầu và lưu ý khi tổ chức thực hiện tour du lịch. + Nắm được nội dung của từng công việc cụ thể trong việc giữ chỗ và đặt dịch vụ. + Nắm được những công việc cần làm của nhân viên điều hành Tour. Chủ động xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình điều hành Tour du lịch.	
4.1.2. Các điểm cần lưu ý khi điều hành tour du lịch.					
4.1.3. Các cách giải quyết những tình huống phát sinh trong quá trình điều hành + Những tình huống thường xảy ra khi điều					

GIAO

hành tour + Một số cách giải quyết những tình huống phát sinh				+ Nắm được nội dung công việc cụ thể của từng giai đoạn tổ chức thực hiện Tour du lịch. Những yêu cầu và lưu ý khi tổ chức thực hiện tour du lịch.	[2]: nội dung Chương 4 + Đọc tài liệu tham khảo số [6]
4.1.4. Sự phối hợp giữa bộ phận điều hành & các bộ phận khác				- Thảo luận theo nhóm, chọn ra các chủ đề trọng tâm. * Phương pháp đánh giá: - Diễn giảng và thuyết trình.	Thảo luận nhóm
4.1.5. Điều hành một số tour mẫu					
4.2. Quy trình tổ chức thực hiện điều hành Tour					
4.2.1. Các giai đoạn thực hiện					
+ Giai đoạn thỏa thuận với khách + Giai đoạn chuẩn bị thực hiện					
4.2.2. Tổ chức thực hiện + Tổ chức điều hành tour inbound + Chỉ đạo hướng dẫn, điều hành khách outbound + Chỉ đạo hướng dẫn, điều hành khách du lịch nội địa.				+ Nắm được nội dung của từng công việc cụ thể trong việc giữ chỗ và đặt dịch vụ. + Nắm được những công việc cần làm của nhân viên điều hành.	
4.2.3. Công tác kiểm tra và kết toán quá trình thực hiện. + Đối chiếu, kiểm tra hoá đơn chứng từ & hỗ trợ việc thu công nợ + Báo cáo & quyết					

DU
TR
ĐA
BÀ RIA-

toán tour.					
4.3. Công việc của nhân viên điều hành					
4.2.1. Công việc giữ chỗ và đặt dịch vụ					
4.2.2. Công việc điều hành Tour					
Câu hỏi thảo luận:					
1. Quy trình Tổ chức thực hiện Tour du lịch.					
2. Nêu tính chất công việc của nhân viên điều hành tour là gì?					
Chương 5: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TOUR DU LỊCH	4	3			
5.1. Khái niệm chất lượng Tour du lịch, quản lý chất lượng tour du lịch.				+ Nắm được các khái niệm về chất lượng tour du lịch. Hiểu được lợi ích của việc xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chất lượng Tour du lịch trong doanh nghiệp du lịch lữ hành.	* <i>Đọc:</i> <i>Tập bài giảng Thiết kế & điều hành tour,</i> <i>Nguyễn Quang Thái,</i> Chương 5
5.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng Tour du lịch				+ Nắm được các yếu tố có tác động tới chất lượng của Tour du lịch. Xác định và đo lường được các yếu tố có ảnh hưởng tới chất lượng của Tour.	* <i>Nghiên cứu trước:</i>
5.3. Các biện pháp để bảo đảm và nâng cao chất lượng Tour du lịch				+ Nắm được các biện pháp để bảo đảm và nâng cao chất lượng Tour du lịch. Chủ động triển khai áp dụng ISO9000 và TQM trong	+ Tài liệu [2] + Đọc tài liệu tham khảo số [6]
5.4. Hệ thống các tiêu chí để đánh giá chất lượng Tour du lịch.					
5.5. Phương pháp quản lý chất lượng Tour du lịch					

ƯỜNG
HỌC
VÙNG T.

				<p>quản lý chất lượng Tour du lịch.</p> <p>+ Nắm được hệ thống các tiêu chí để đánh giá chất lượng tour du lịch. Chủ động sử dụng hệ thống các tiêu chí để đánh giá chất lượng Tour du lịch thực tế.</p> <p>+ Nắm được các phương pháp quản lý chất lượng tour du lịch. Xây dựng hệ thống quản lý chất</p>	Thảo luận nhóm
				<p>lượng Tour du lịch theo ISO9000 và theo TQM.</p> <p>- Thảo luận theo nhóm, chọn ra các chủ đề trọng tâm.</p> <p>* Phương pháp đánh giá:</p> <p>- Diễn giảng và thuyết trình; thảo luận nhóm</p>	
<p>Câu hỏi ôn tập:</p> <p>1. Hệ thống các tiêu chí để đánh giá chất lượng Tour du lịch.</p> <p>2. Lợi ích của việc xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chất lượng Tour du lịch trong doanh nghiệp du lịch lữ hành.</p> <p>3. Biện pháp nâng cao hiệu quả thiết kế sản phẩm du lịch</p> <p>4. Biện pháp nâng cao hiệu quả điều hành tour.</p>					
Ôn tập		2	0		
Tổng:		38			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh, PGS. TS Phạm Hồng Chương (2012), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lý hành*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Hoài Nhân (2012), *Bài giảng Thiết kế và điều hành tour du lịch*, ĐH Công nghệ Đồng Nai.

[3]. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quản trị lữ hành*, ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

[4]. Hoàng Anh (2005, 2017), *Luật du lịch Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Quang Thái

Năm sinh: 1970

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: du lịch

Thông tin liên hệ: thainq@bvu.edu.vn.

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: **Du lịch biển đảo Việt Nam** (Island Tourism)
- Mã học phần: 0101120959
- Số tín chỉ: 2 (2, 0, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Tuyển điểm du lịch
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Atlas địa lý Việt Nam

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Thứ nhất, sinh viên phải nắm được những khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch biển đảo.

Thứ hai, trang bị cho sinh viên những kiến thức về biển đảo giúp người học có cái nhìn tổng quan, khái quát về biển đảo và ý nghĩa của biển đảo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, hướng dẫn sinh viên tìm hiểu và phân tích các thế mạnh và hạn chế về biển đảo và du lịch biển đảo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Thứ tư, hướng dẫn sinh viên đánh giá những thực trạng của ngành du lịch biển đảo trong nền kinh tế và từ đó đưa ra những biện pháp nhằm bảo vệ chủ quyền, môi trường biển đảo và phát triển loại hình du lịch biển đảo ở Việt Nam.

Học phần còn trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết để thực hành nghề nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Sinh viên phải nắm được kỹ năng đọc và tổng hợp các tài liệu về biển đảo, du lịch biển đảo; kỹ năng phân tích và đánh giá tiềm năng, thực trạng của du lịch biển đảo và trình bày một cách khoa học, sinh động.

+ Biết vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tế trong hoạt động du lịch biển đảo để vừa phát triển kinh tế vừa bảo vệ chủ quyền biển đảo.

+ Sinh viên cần biết cách làm việc theo nhóm, viết báo cáo, trình bày quan điểm về một vấn đề trong lĩnh vực du lịch biển đảo.

- Thái độ:

+ Yêu thích môn học, ngành học

+ Nâng cao nhận thức về việc sử dụng và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững

+ Nâng cao hiểu biết về du lịch biển đảo, những nguồn tài nguyên, nguồn lực để phát triển du lịch biển đảo

+ Biết tôn trọng và học hỏi các nhà nghiên cứu khoa học và chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu

+ Có ý thức xây dựng môi trường du lịch an toàn, lành mạnh và hiệu quả.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp cho người học những hiểu biết chung về du lịch biển đảo của Việt Nam để sinh viên có thể hiểu hơn về nguồn tài nguyên du lịch biển, nguồn lực và tình hình phát triển du lịch ở vùng biển đảo. Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải nắm được những kiến thức nền về nguồn tài nguyên biển đảo, nguồn lực phát triển du lịch biển đảo và các vấn đề liên quan đến bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta để vận dụng vào chuyên ngành mình đang học.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp			
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ BIỂN ĐẢO VIỆT NAM I. Một số khái niệm về biển đảo Việt Nam 1. Khái niệm du lịch 2. Các loại hình du lịch 3. Khái niệm du lịch biển đảo II. Vấn đề chủ quyền trên biển đảo	8	2	Sinh viên phải nắm được khái niệm du lịch, du lịch biển đảo, vấn đề chủ quyền trên biển.	Sinh viên nghiên cứu trước tài liệu [1], và [3]; - Tra cứu thêm nội dung về chủ quyền trên biển đảo của Việt Nam và thế giới



1. Công ước quốc tế về Luật biển 2. Luật biển Việt Nam 3. Vấn đề biển Đông III. Văn hóa biển đảo 1. Phương pháp nghiên cứu văn hóa biển đảo 2. Văn hóa biển đảo Việt Nam qua các góc nhìn					
CHƯƠNG II: VAI TRÒ CỦA BIỂN ĐẢO Ở VIỆT NAM II.1 Một số đặc điểm chung của biển đảo Việt Nam	10	3	3	Sinh viên phải nắm được những đặc điểm chung của biển đảo Việt Nam về tài nguyên, nguồn lực, phân bố, hạn chế của biển đảo trong việc phát triển du lịch.	Sinh viên nghiên cứu trước tài liệu [1] và [2]; - Tra cứu thêm nội dung về tiềm năng và hạn chế của biển đảo Việt Nam
II.2 Tiềm năng của biển đảo Việt Nam II.3 Một số hạn chế về biển đảo ở Việt Nam					
CHƯƠNG III: DU LỊCH BIỂN ĐẢO VIỆT NAM III. 1 Hiện trạng phát triển du lịch biển Việt Nam III.2 Vai trò, cơ hội và thách thức của phát triển du lịch biển đảo ở Việt Nam III.3 Định hướng phát triển của ngành du lịch biển đảo ở Việt Nam	12	3	4	Sinh viên phải nắm được vai trò của biển đảo và tình hình phát triển du lịch biển đảo của nước ta từ trước cho đến nay.	Sinh viên nghiên cứu trước tài liệu [1], [2], [4], [5]; - Tra cứu thêm nội dung về thực trạng phát triển du lịch biển đảo ở Việt Nam
Tổng	30	8	7		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

HỒNG
 HỌC
 VÙNG TÂY

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Phạm Ngọc Trâm (2016), *Bảo vệ chủ quyền và quản lý – khai thác biển đảo Việt Nam 1975-2014*, Nxb Tổng hợp TP HCM.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Vũ Quang Dũng (2017), *Văn hoá biển đảo Việt Nam: Dưới góc nhìn văn hoá dân gian*, 2 Tập, Nxb. Công an nhân dân.

[3]. Lê Đức Tố (2014), *Cả nước chung sức quyết tâm bảo vệ chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa*, Nxb Văn hóa thông tin.

[4]. Nguyễn Thái Anh (2013), *Những ký ức không thể lãng quên Hoàng Sa - Trường Sa trong trái tim Tổ Quốc*, Nxb Văn hóa thông tin.

[5]. Tạp chí Phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng (2016), *Biển đảo Việt Nam: Lịch sử, chủ quyền, kinh tế và văn hóa*, Nxb Văn hóa – văn nghệ TP.HCM.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa vùng Việt Nam.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG

(CHUYỂN)

TRƯỜNG

ĐẠI HỌC

BÀ RỊA - VŨNG TÀU

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm



Trần Thị Quỳnh Lưu

PGS.TS. Hoàng Văn Kiếm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Nghiep vụ lễ tân nhà hàng, khách sạn**
- Mã học phần: 0101122497
- Số tín chỉ: 03 (3, 0, 6)
- Học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch – khách sạn.
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như

sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1 Kiến thức:

- Trình bày được cơ cấu tổ chức bộ phận lễ tân, vai trò và nhiệm vụ của bộ phận lễ tân và chức năng nhiệm vụ của từng vị trí nhân viên tại bộ phận.
- Hiểu biết được các loại phòng, giá phòng và các dịch vụ tại khách sạn.
- Biết được các kỹ năng bán phòng một cách chuyên nghiệp.
- Trình bày được quy trình tiếp nhận yêu cầu đặt phòng qua điện thoại, qua mail...
- Trình bày được các chính sách đặt phòng đảm bảo/không đảm bảo, waiting list, over booking...
- Trình bày được quy trình check in đối với khách lẻ, khách đoàn, khách VIP.
- Trình bày được quy trình check out đối với khách lẻ, khách đoàn, khách VIP, quy trình trả phòng nhanh (Express Check out)
- Biết được quy trình xử lý các than phiền đối với những tình huống phát sinh có liên quan.

2.2 Kỹ năng: Thực hiện chính xác các quy trình công việc liên quan tại bộ phận lễ tân của khách sạn. Sử dụng và lập được các biểu mẫu theo quy định. Có khả năng xử lý những than phiền của khách một cách chuyên nghiệp và hiệu quả.

2.3 Thái độ: Rèn luyện được khả năng giao tiếp và ứng xử. Lòng yêu nghề, có tinh thần tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với công việc, hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung môn học đề cập đến những khái niệm tổng quát về bộ phận lễ tân, tập trung vào những quy trình trong các giai đoạn đón tiếp và phục vụ khách của bộ phận lễ tân. Môn học giúp sinh viên có khả năng thực hiện và vận dụng được những kiến thức đã học vào công việc thực tiễn của bộ phận lễ tân trong khách sạn. Bên cạnh đó, rèn luyện cách giao tiếp ứng xử và giải quyết than phiền cho khách một cách chuyên nghiệp.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp			
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
<p>Chương 1: Khái quát về bộ phận lễ tân</p> <p>1.1 Tổng quan về bộ phận lễ tân khách sạn</p> <p>1.1.1 Tổng quan về bộ phận lễ tân</p> <p>1.1.2 Vị trí của bộ phận lễ tân</p> <p>1.1.3 Vai trò của bộ phận lễ tân</p> <p>1.1.4 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của bộ phận lễ tân</p> <p>1.1.5 Trang thiết bị, vật dụng tại quầy</p> <p>1.1.6 Mối liên hệ giữa bộ phận lễ tân và những bộ phận khác</p> <p>1.1.7 Những yêu cầu đối với các chức danh công việc tại bộ phận lễ tân</p> <p>1.2 Chuẩn bị công việc</p> <p>1.2.1 Vệ sinh cá nhân và diện mạo</p> <p>1.2.2 Vệ sinh và sắp xếp khu vực làm việc</p> <p>1.2.3 Công tác bàn giao ca</p> <p>1.2.4 Tác phong làm việc</p>	5		<p>Hiểu rõ kiến thức tổng quan về bộ phận lễ tân và những yêu cầu đối với các chức danh công việc của bộ phận lễ tân</p>	<p>-Nghiên cứu trước: +Tài liệu [1]: nội dung chương 1. +Tài liệu [2][3][4]: nội dung chương 2</p>



<p>1.2.5 Một số kỹ năng giao tiếp cơ bản</p> <p>1.3 Quy trình phục vụ khách của bộ phận lễ tân</p> <p>1.3.1 Giai đoạn Pre-Arrival</p> <p>1.3.2 Giai đoạn Check-in</p> <p>1.3.3. Giai đoạn Occupied</p> <p>1.3.4 Giai đoạn Check-out</p>					
<p>Chương 2: Hoạt động đặt phòng</p> <p>2.1 Tổng quan về hoạt động đặt phòng trong khách sạn</p> <p>2.1.1 Khái niệm đặt phòng</p>	5	5		<p>Hiểu rõ các chính sách giá, loại và hạng phòng và thực hiện được quy trình tiếp nhận yêu cầu đặt phòng bằng các hình thức như</p>	<p>Nghiên cứu trước:</p> <p>+Tài liệu [1]: nội dung chương 2.</p> <p>+Tài liệu [2][3][4]: nội dung chương 3.</p>
<p>2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ của đặt phòng</p> <p>2.1.3 Lợi ích của đặt phòng</p> <p>2.2 Loại/hạng phòng</p> <p>2.2.1 Loại phòng</p> <p>2.2.2 Hạng phòng</p> <p>2.3 Chính sách giá phòng</p> <p>2.3.1 Giá nét</p> <p>2.3.2 Giá ++</p> <p>2.3.3 Các chính sách giá khác</p> <p>2.4 Các nguồn đặt phòng</p> <p>2.5 Hình thức đặt phòng</p> <p>2.5.1 Đặt phòng đảm bảo</p> <p>2.5.2 Đặt phòng không đảm bảo</p> <p>2.5.3 Đặt phòng theo danh sách chờ (Waiting list)</p> <p>2.5.4 Chính sách Overbooking</p> <p>2.6 Phương thức đặt phòng</p> <p>2.6.1 Đặt phòng trực tiếp</p> <p>2.6.2 Đặt phòng qua điện</p>				<p>đảm bảo/không đảm bảo, đặt phòng qua điện thoại, email, fax, online...</p>	

DU
TR
ĐẠI
RIA-V
★

thoại

2.6.3 Đặt phòng qua email/Fax...

2.7 Các kỹ năng bán phòng

2.7.1 Top down

2.7.2 Bottom up

2.7.3 A range of choice

2.8 Chính sửa yêu cầu đặt phòng

2.8.1 Chính sửa yêu cầu đặt phòng khách sạn có khả năng đáp ứng

2.8.2 Chính sửa yêu cầu đặt phòng khách sạn không có khả năng đáp ứng

2.9 Hủy đặt phòng

2.9.1 Tình trạng No Show

2.9.2 Hủy đặt phòng không đảm bảo

2.9.3 Hủy đặt phòng đảm bảo có thu phí

2.9.4 Hủy đặt phòng đảm bảo không thu phí.

2.10 Phương pháp sắp xếp lưu trữ hồ sơ và lập báo cáo đặt phòng

2.10.1 Hồ sơ khách lẻ

2.10.2 Hồ sơ khách đoàn

2.10.3 Lập sơ đồ đặt buồng

2.10.4 Sử dụng sơ đồ tình trạng buồng trong hệ thống PMS

2.10.5 Báo cáo hoạt động đặt phòng

2.11 Xử lý những tình huống phát sinh

Chương 3: Quy trình đón tiếp và thủ tục check – in

3.1 Công tác chuẩn bị

5	5		Hiểu rõ và thực hiện đúng quy trình đón tiếp và thủ tục check – in đối với	Nghiên cứu trước: +Tài liệu [1]: nội dung chương 3.	

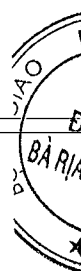
TRƯỜNG
HỌC
CÔNG TÀI



4.1.3 Dịch vụ in ấn
 4.1.4 Dịch vụ dịch thuật
 4.1.5 Dịch vụ đánh máy
 4.1.6 Dịch vụ photocopy/scan
4.2 Tiếp nhận và cung cấp dịch vụ vận chuyển
 4.2.1 Đăng ký vé các phương tiện vận chuyển công cộng
 4.2.2 Cung cấp dịch vụ vận chuyển tại chỗ
4.3 Cung cấp dịch vụ báo thức
 4.3.1 Báo thức trực tiếp

4.3.2 Báo thức qua điện thoại
 4.3.3 Báo thức bằng hệ thống chuông báo
4.4 Cung cấp dịch vụ điện thoại
 4.4.1 Gọi nội bộ
 4.4.2 Gọi ra bên ngoài KS (trong nước và quốc tế)
 4.4.3 Nhận chuyển cuộc gọi
 4.4.4 Cách thức lấy lời nhắn
4.5 Cung cấp thông tin về điểm đến
 4.5.1 Địa điểm tham quan
 4.5.2 Mua sắm
 4.5.3 Ăn/uống
 4.5.4 Giải trí...
4.6 Dịch vụ bảo quản chìa khóa phòng
 4.6.1 Chìa khóa cơ
 4.6.2 Chìa khóa từ
4.7 Nhận giữ tài sản có giá

<p>trị tại quầy</p> <p>4.8 Dịch vụ thu đổi ngoại tệ</p> <p>4.9 Dịch vụ giữ trẻ (Baby sitting)</p> <p>4.10 Dịch vụ giữ thú cưng, vật nuôi</p> <p>4.11 Thực hiện yêu cầu thanh toán trước cho khách</p> <p>4.12 Quy trình giải quyết than phiền</p> <p>4.12.1 Phân loại than phiền</p> <p>4.12.2 Quy trình xử lý than phiền</p> <p>4.12.3 Giải quyết một số tình huống than phiền của khách lưu trú</p>					
<p>Chương 5: Thủ tục check – out</p> <p>5.1 Tổng quan về hoạt động check – out</p> <p>5.1.1 Khái niệm check – out</p> <p>5.1.2 Nhiệm vụ của hoạt động check – out</p> <p>5.2 Hệ thống lập hóa đơn</p> <p>5.2.1 Thủ công</p> <p>5.2.2 Máy lập hóa đơn điện tử</p> <p>5.2.3 Hệ thống quản lý PMS</p> <p>5.3 Các loại hóa đơn</p> <p>5.3.1 Hóa đơn tạm tính (Guest check)</p> <p>5.3.2 Hóa đơn giá trị gia tăng (VAT)</p> <p>5.4 Kiểm toán đêm</p> <p>5.4.1 Vai trò của kiểm toán đêm</p> <p>5.4.2 Công việc của kiểm toán đêm</p>	5	5		Thực hiện được quy trình check – out và thanh toán cho khách lưu trú.	Nghiên cứu trước: +Tài liệu [1]: nội dung chương 5.



[2] Bardi, A. J. (2010), *Hotel Front Office Management* (5th ed.). John Wiley & sons: Inc, New Jersey.

[3] Sudhir Andrews (2008). *Textbook of front office management and operations*. New Delhi: Tata McGraw-Hill.

7. Thông tin về giảng viên

ThS. Yi Kim Quang, giảng viên Viện Du lịch – Điều dưỡng.

Sinh năm: 1989

Email: yiquang67@yahoo.com.vn

Hướng nghiên cứu: Quản trị chất lượng dịch vụ, du lịch MICE, tổ chức sự kiện, nhà hàng – khách sạn.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Yi Kim Quang



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Thị trường MICE**
- Mã học phần:
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Tổng quan du lịch, phương pháp hướng dẫn du lịch, tổ chức và quản lý sự kiện, thiết kế và điều hành tour.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1 Kiến thức

- + Biết được những kiến thức tổng quan, cơ sở lý luận về du lịch MICE. Tầm quan trọng của việc thu hút và phát triển du lịch MICE đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, du lịch tại điểm đến.
- + Hiểu được thực trạng phát triển du lịch MICE trong những năm qua tại Việt Nam, tiềm năng và hướng phát triển trong tương lai.
- + Hiểu biết các loại hình dịch vụ cung cấp phục vụ kinh doanh M.I.C.E (các hoạt động du lịch kết hợp với hội nghị/hội thảo, khen thưởng, triển lãm/sự kiện) tại điểm đến, phân tích năng lực của điểm đến, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đoàn MICE và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách MICE.
- + Hiểu được những yêu cầu đòi hỏi về trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, kiến thức chăm sóc khách hàng, quan hệ công chúng... đối với đội ngũ nguồn nhân lực phục vụ và nhà quản trị du lịch MICE.
- + Hiểu những kiến thức liên quan đến an toàn, an ninh trong hoạt động phục vụ đoàn MICE.

2.2 Kỹ năng

- + Thực hiện được việc xây dựng giá bán, đàm phán và ký kết hợp đồng, tư vấn và hỗ trợ cho khách hàng xây dựng chương trình tour MICE theo yêu cầu.
- + Khảo sát và xây dựng kế hoạch chương trình tổ chức; xúc tiến bán sản phẩm; tổ chức thực hiện, giám sát hoạt động hội họp, hội nghị hội thảo, hội chợ triển lãm/sự kiện và du lịch khen thưởng nhằm đạt chất lượng dịch vụ, thoả mãn nhu cầu khách hàng và hiệu quả kinh tế cao.

+ Rèn luyện kỹ năng chăm sóc khách hàng và giải quyết than phiền, nâng cao chất lượng phục vụ đoàn MICE.

2.3 Thái độ, chuyên cần: Rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.

3. Tóm tắt nội dung học phần

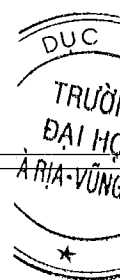
Học phần **Quản trị du lịch MICE** là môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về cơ sở lý luận du lịch MICE, những đặc điểm của khách MICE và tầm quan trọng trong việc thu hút khách MICE đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tại điểm đến. Qua đó, giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về thực trạng, tiềm năng hiện có nhằm đề xuất các chiến lược phù hợp để phát triển và khai thác hiệu quả loại hình du lịch MICE này.

Hiểu rõ các loại hình dịch vụ cung cấp cho đoàn MICE, biết cách khảo sát và xây dựng kế hoạch tổ chức chương trình du lịch; xúc tiến bán sản phẩm; đàm phán và ký kết hợp đồng, tổ chức thực hiện, chăm sóc và giải quyết than phiền của khách, giám sát và đánh giá các hoạt động phục vụ hội họp, hội nghị hội thảo, hội chợ triển lãm và du lịch khen thưởng... diễn ra chủ yếu tại các khách sạn cao cấp, trung tâm hội nghị, hội chợ, triển lãm và các khu du lịch, điểm và tuyến du lịch... nhằm thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ của người quản lý, đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng dịch vụ, thoả mãn nhu cầu khách hàng và đạt được mục tiêu kinh doanh đề ra.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp			
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
BÀI 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH MICE 1.1 Tổng quan về Du lịch MICE 1.1.1 Khái niệm du lịch MICE 1.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển 1.1.3 Cấu trúc thị trường MICE	4	3	Hiểu rõ các khái niệm và các kiến thức tổng quát về du lịch MICE.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 1. + Tài liệu [2][3]: nội dung chương 2



<p>1.1.4 Đặc trưng của thị trường MICE</p> <p>1.1.5 Điểm đến và điều kiện phát triển du lịch MICE</p> <p>1.2 Tầm quan trọng của thị trường MICE</p> <p>1.2.1 Đối với bản thân doanh nghiệp, công ty tổ chức</p> <p>1.2.2 Đối với kinh tế, xã hội tại điểm đến</p> <p>1.3 Thực trạng kinh doanh du lịch MICE tại Việt Nam</p> <p>1.3.1 Thực trạng phát triển du lịch MICE những năm qua</p>					
<p>1.3.2 Tiềm năng và cơ hội cho sự phát triển</p> <p>1.3.3 Những thách thức và khó khăn</p>					
<p>BÀI 2: HOẠT ĐỘNG MARKETING PHÁT TRIỂN DU LỊCH MICE</p> <p>2.1 Nghiên cứu thị trường và phân tích cạnh tranh</p> <p>2.1.1 Môi trường chính trị</p> <p>2.1.2 Môi trường kinh tế - xã hội</p> <p>2.1.3 Môi trường văn hóa</p> <p>2.1.4 Môi trường chính sách – pháp luật</p> <p>2.1.5 Phân tích cạnh tranh</p> <p>2.1.6 Phân tích năng lực điểm đến</p> <p>2.1.6.1 Tài nguyên du lịch</p> <p>2.1.6.2 Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ</p> <p>2.1.6.3 Hạ tầng giao thông, thông</p>	4	3		<p>Hiểu được các hoạt động nghiên cứu thị trường phát triển du lịch MICE và các kỹ năng cơ bản của nhân viên kinh doanh thị trường MICE.</p>	<p>- Nghiên cứu trước:</p> <p>+ Tài liệu [1]: nội dung chương 2.</p> <p>+ Tài liệu [2][3]: nội dung chương 3</p>

VÀ
 G
 C
 TÀI
 O

<p>tin liên lạc</p> <p>2.1.6.4 Nguồn nhân lực phục vụ</p> <p>2.1.6.5 Năng lực nhà tổ chức</p> <p>2.1.7 Nghiên cứu thị trường và xác định khách hàng mục tiêu</p> <p>2.2 Chiến lược Marketing – mix 7P cho phát triển du lịch MICE</p> <p>2.2.1 Product -sản phẩm</p> <p>2.2.2 Price - giá</p> <p>2.2.3 Place - phân phối</p> <p>2.2.4 Promotion - xúc tiến</p> <p>2.2.5 Process – quy trình</p> <p>2.2.6 People – con người</p>					
<p>2.2.7 Physical evidence – điều kiện vật chất</p> <p>2.3 Kỹ năng cơ bản của nhân viên bán hàng thị trường M.I.C.E</p> <p>2.3.1 Am hiểu về sản phẩm</p> <p>2.3.2 Kỹ năng giao tiếp và đàm phán</p> <p>2.3.3 Nụ cười và tác phong chuyên nghiệp</p> <p>2.3.4 Thấu hiểu nhu cầu khách hàng</p> <p>2.3.5 Kỹ năng bán hàng</p> <p>2.3.6 Nắm rõ đối thủ cạnh tranh</p> <p>2.3.7 Thông thạo môi trường xung quanh và điểm đến</p> <p>2.3.8 Tư vấn cho khách hàng</p> <p>2.3.9 Chịu được áp lực công việc cao</p> <p>2.3.10 Kỹ năng giải quyết than phiền</p>					
<p>BÀI 3: LẬP KẾ HOẠCH</p>	<p>5</p>	<p>3</p>		<p>Hiểu được các</p>	<p>- Nghiên cứu</p>

DẠO

<p>PHỤC VỤ ĐOÀN MICE</p> <p>3.1 Quá trình đàm phán và ký kết hợp đồng</p> <p>3.1.1 Tư vấn và hỗ trợ khách hàng thiết kế chương trình</p> <p>3.1.2 Xem xét các yêu cầu đặt dịch vụ và khả năng đáp ứng</p> <p>3.1.3 Thương thảo và thống nhất dự toán với nhà cung ứng bên ngoài</p> <p>3.1.4 Thương thảo và thống nhất dự toán với khách hàng, nhà tổ chức</p> <p>3.1.5 Đàm phán, ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ</p>				<p>bước lập kế hoạch và chuẩn bị phục vụ đoàn MICE.</p>	<p>trước:</p> <p>+ Tài liệu [1]: nội dung chương 3.</p> <p>+ Tài liệu [2][3]: nội dung chương 4</p>
<p>3.1.6 Các lưu ý khi ký kết hợp đồng</p> <p>3.1.7 Quy định quy trình thanh toán</p> <p>3.2 Lập kế hoạch tour MICE</p> <p>3.2.1 Dự toán ngân sách</p> <p>3.2.2 Chọn thời gian tổ chức</p> <p>3.2.3 Chọn địa điểm tổ chức</p> <p>3.2.4 Lập danh sách khách mời</p> <p>3.2.5 Chương trình chi tiết (Bao gồm chương trình tham quan du lịch, hội nghị/hội thảo/khuyến thưởng và tổ chức sự kiện...)</p> <p>3.2.6 Phân công nhiệm vụ</p> <p>3.3 Công tác chuẩn bị phục vụ đón tiếp</p> <p>3.3.1 Đối với khách hàng</p> <p>3.3.2 Đối với nhà cung cấp dịch vụ tại điểm đến</p> <p>3.3.3 Các quy định về thủ tục</p>					

xin phép tổ chức hội nghị, sự kiện					
BÀI 4:TỔ CHỨC ĐÓN TIẾP VÀ PHỤC VỤ ĐOÀN MICE 4.1 Tổ chức đón tiếp – lưu trú đoàn MICE 4.1.1 Công việc của bộ phận tiền sảnh 4.1.2 Công việc của bộ phận buồng 4.2 Tổ chức các hoạt động hội nghị/hội thảo/khuyến thương/tổ chức sự kiện cho đoàn MICE	5	3		Hiểu rõ các công tác tổ chức đón tiếp và phục vụ đoàn MICE.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 4. + Tài liệu [2][3]: nội dung chương 5
4.2.1. Chuẩn bị sắp xếp phòng họp, phòng tiệc, phòng hội nghị và nơi tổ chức 4.2.2. Những điều cần lưu ý khi sắp xếp 4.2.3. Công tác kiểm tra 4.2.4 Điều hành và giám sát quá trình thực hiện 4.2.5 Phục vụ các bữa ăn chính 4.2.6 Phục vụ hội họp và giải lao giữa giờ 4.2.7 Phục vụ chương trình tour tham quan/hoạt động vui chơi giải trí/hoạt động khác... cho đoàn MICE 4.2.8 Thu dọn và bàn giao mặt bằng 4.2.8 Quản trị rủi ro và yếu tố bất ngờ trong quá trình phục vụ 4.3 Nhiệm vụ của những bộ phận khác liên quan trong					

DU
T
ĐA
SÀ RIA

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm/ tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1 Tài liệu bắt buộc:

[1]. Bộ Văn hóa, Thể thao – Du lịch, (2014), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quản trị du lịch MICE*, Hà Nội.

6.2 Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Hoàng Vũ (2014), *Bài giảng Tổ chức kinh doanh MICE trong khách sạn*, ĐH Văn hóa TP HCM.

[3]. Sơn Hồng Đức (2011), *Đường vào kinh doanh du lịch MICE*, Nxb. Lao động Xã hội.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Yi Kim Quang

Năm sinh: 1989

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Quản trị chất lượng dịch vụ, du lịch MICE, tổ chức sự kiện, nhà hàng – khách sạn.

Thông tin liên hệ: quangyk@bvu.edu.vn yiquang67@yahoo.com.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Yi Kim Quang

HIỆU TRƯỞNG

(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Quản trị du lịch lữ hành**
- Mã học phần: 0101120950
- Số tín chỉ: 02 (2, 0, 4)
- Học phần học trước: Thiết kế và điều hành tour
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

- + Hiểu được những vấn đề cơ bản về kinh doanh lữ hành
- + Vận dụng được kiến thức đã học vào xây dựng, bán, tổ chức xúc tiến hỗn hợp một CTDL
- + Vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh CTDL của doanh nghiệp

- **Kỹ năng:** Hình thành các kỹ năng quản lý và kỹ năng tác nghiệp trong kinh doanh lữ hành

- **Thái độ:** Người học nhận thức được vai trò của kinh doanh lữ hành trong hoạt động du lịch hiện nay.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Quản trị kinh doanh lữ hành trang bị cho sinh viên những lý luận và kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh lữ hành. Học phần bao gồm 6 chương với những

nội dung cơ bản sau: Khái quát về lịch sử phát triển kinh doanh lữ hành; Các nội dung cơ bản của kinh doanh lữ hành; Quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành; Xây dựng CTDL trọn gói; Tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện các chương trình du lịch và Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hoạt động kinh doanh CTDL.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1. Khái quát về lịch sử phát triển kinh doanh lữ hành	4	3		- Hiểu được lịch sử phát triển của kinh doanh lữ hành	- Thảo luận trên lớp về vấn đề các xu hướng kinh
1.1. Khái quát về nguồn gốc kinh doanh lữ hành				- Phân tích, đánh giá được các xu hướng kinh doanh lữ hành trên thế giới hiện nay - Nắm được thông tin về một số tổ chức quốc tế lữ hành hiện nay	doanh lữ hành trên thế giới hiện nay - Nghiên cứu tài liệu [1] và [2]- Chương 1
1.2. Một số xu hướng kinh doanh lữ hành trên thế giới nửa cuối thế kỷ XX					
1.3. Vai trò của các tổ chức quốc tế về lữ hành					
Chương 2. Các nội dung cơ bản của kinh doanh lữ hành	4	3		- Hiểu, phân biệt được các khái niệm về kinh doanh lữ hành - Nắm được hệ thống sản phẩm của kinh doanh lữ hành	- Nghiên cứu Tài liệu [1] và chương 2- tài liệu [2] - Thảo luận về vai trò của kinh doanh lữ hành
2.1. Vai trò của kinh doanh lữ hành					
2.2. Định nghĩa và phân loại kinh doanh lữ hành					
2.2.1. Định nghĩa					
2.2.2. Phân loại					
2.3. Hệ thống sản phẩm của kinh doanh lữ hành					
Chương 3. Quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh	5	3		- Hiểu và phân biệt được các nhà cung cấp	- Nghiên cứu Tài liệu [1] và [2]-



ngiệp lữ hành				của doanh nghiệp lữ hành	chương 3
3.1. Nhà cung cấp của doanh nghiệp lữ hành				- Phân biệt được các hình thức quan hệ của doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp	
3.1.1. Định nghĩa cung du lịch và nhà cung cấp của doanh nghiệp lữ hành					
3.1.2. Vai trò của các nhà cung cấp đối với doanh nghiệp lữ hành					
3.1.3. Phân loại các cung cấp của doanh nghiệp lữ hành, ý nghĩa của việc phân loại					
3.1.4. Quyền mặc cả của các nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành					
3.2. Doanh nghiệp lữ hành-kênh phân phối sản phẩm của nhà cung cấp					
3.3. Các hình thức quan hệ của doanh nghiệp lữ hành với nhà cung cấp					
Chương 4. Xây dựng chương trình du lịch trọn gói	4	2		- Hình thành các kỹ năng xây dựng CTDL - Hình thành kỹ năng tính toán chi phí, kỹ năng xác định giá bán và điểm hòa vốn trong kinh doanh CTDL	- Nghiên cứu Tài liệu[1] và [2]- chương 4 - Xây dựng và thuyết trình, báo cáo về một tour du lịch
4.1. Định nghĩa và phân loại chương trình du lịch					
4.2. Quy trình xây dựng chương trình du lịch trọn gói					
4.3. Xác định giá thành, giá bán và các quy định của một chương trình du lịch					



Chương 5. Tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện các chương trình du lịch	3	2		- Hình thành kỹ năng tổ chức xúc tiến hỗn hợp, bán và thực hiện các chương trình du lịch	Nghiên cứu Tài liệu [1], [2] và [3]
5.1. Tổ chức xúc tiến hỗn hợp chương trình du lịch					
5.2. Tổ chức bán các chương trình du lịch trọn gói					
5.3. Tổ chức thực hiện các chương trình du lịch tại doanh nghiệp lữ hành					
5.4. Tổ chức các hoạt động sau khi kết thúc chuyến đi					
của khách					
Chương 6. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hoạt động kinh doanh CTDL	4	2		- Hiểu được ý nghĩa và vận dụng được các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả và kết quả kinh doanh Tour	Nghiên cứu Tài liệu [1], [2] và [3]
6.1. Hệ thống các chỉ tiêu tuyệt đối để đánh giá các kết quả kinh doanh CTDL (Tour) <p>6.1.1. Chỉ tiêu tổng doanh thu từ kinh doanh Tour</p> <p>6.1.2. Chỉ tiêu tổng chi phí kinh doanh Tour trong kỳ phân tích</p> <p>6.1.3. Chỉ tiêu lợi nhuận thuần từ kinh doanh CTDL trong kỳ phân tích</p> <p>6.1.4. Chỉ tiêu tổng số ngày khách thực hiện trong kỳ phân tích</p>					



6.1.5. Chỉ tiêu tổng lượt khách trong kỳ phân tích				
6.2. Hệ thống các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh CTDL				
6.2.1. Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn lưu động cho kinh doanh các CTDL				
6.2.2. Chỉ tiêu năng suất lao động bình quân				
6.2.3. Chỉ tiêu doanh thu trung bình trong một ngày khách				
6.2.4. Chỉ tiêu chi phí trung bình trên một ngày khách				
6.2.5. Chỉ tiêu lợi nhuận trung bình trên một ngày khách				
Tổng:	38			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

{Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, bài tập lớn, tiểu luận}

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm/ tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

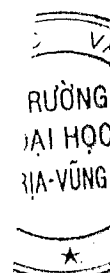
- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm/ tự luận.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Văn Mạnh và Phạm Hồng Chương (2012), *Quản trị kinh doanh lễ hành*, Nxb. Đại học Kinh tế Quốc dân.

6.2. Tài liệu tham khảo:



[2]. Tổng cục du lịch (2015), *Tiêu chuẩn nghề Du lịch Việt Nam - Điều hành du lịch và quản lý lễ hành*, VTOS.

6.3. Các website

<http://www.vietnamtourism.gov.vn>

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Quang Thái

Năm sinh: 1970

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: du lịch

Thông tin liên hệ: thainq@bvu.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1**
(English for Tourism, module1)
- Mã học phần: 0101100003
- Số tín chỉ: 03 (2, 1, 6)
- Học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh căn bản (Basic English)
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

** Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:*

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình các bài tập nhóm theo chủ đề.
- + Đọc trước tài liệu giáo trình và tài liệu đọc thêm theo yêu cầu của GV
- + Hoàn thành các bài tập về nhà
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- + Tham dự kì kiểm tra giữa môn và kì thi kết thúc môn học với 5 nội dung: đọc hiểu; dịch Anh – Việt; dịch Việt – Anh; viết; nói.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Trong sự phát triển nhanh chóng của ngành Du lịch thì môn học Tiếng Anh Du lịch ngày càng được chú trọng để đưa vào học tập và nghiên cứu. Nhiệm vụ quan trọng của Tiếng Anh Du lịch là giới thiệu những kiến thức cơ bản về ngành du lịch, đồng thời phát triển khả năng ngôn ngữ và kỹ năng xử lý tình huống du lịch cho người học, để từ đó ứng dụng vào công tác dịch thuật hoặc các công việc chuyên môn liên quan đến ngành du lịch

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về ngành du lịch được lồng vào các tình huống giao tiếp ứng dụng thực tế nhằm phát triển kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp của sinh viên gồm những vấn đề sau:

- + *Cung cấp các phương tiện vận tải du lịch.*
- + *Các vấn đề liên quan đến thủ tục check-in và check-out khách sạn.*
- + *Nhà hàng và các dịch vụ phục vụ ăn uống.*

- Kiến thức (Knowledge):

+ Sinh viên nắm vững những tri thức cơ bản trong ngành Du lịch, có khả năng hiểu và sử dụng các thuật ngữ, khái niệm trong du lịch, có kỹ năng và ý thức vận dụng được các cấu trúc tương đối phức tạp vào phiên dịch, biên dịch các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành Du lịch. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị các kiến thức cơ bản về các quy trình xử lý công việc, các kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc của một công ty du lịch.

+ Sinh viên phải nhớ được những khái niệm và thuật ngữ cơ bản bằng tiếng Anh trong chuyên ngành du lịch;

+ Sinh viên phải biết cách dùng từ đúng ngữ pháp và ngữ nghĩa khi diễn đạt về các lĩnh vực địa lý, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội.

+ Biết cách viết hoàn chỉnh 1 bài luận và trình bày thuyết phục trước tập thể.

Đồng thời ôn lại những kiến thức căn bản tiếng Anh về các thì (Tenses), mệnh đề (Clauses), câu (Sentenses) và các kiến thức tổng quát về từ loại (kinds of words).

- Kỹ năng (Skills):

+ Trau dồi kỹ năng giao tiếp cao cấp gồm nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh và xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến những vấn đề đã học.

+ Để hoàn thành tốt học phần, mỗi sinh viên phải có các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, thảo luận và giải quyết vấn đề cho bài tập nhóm.

+ Sinh viên phải rèn luyện kỹ năng dịch từ Anh – Việt; Việt – Anh

+ Sinh viên phải rèn luyện kỹ năng đọc - hiểu, kỹ năng nghe – nói; có thể trình bày các chủ đề liên quan đến môn học một cách lưu loát.

+ Có thể giao tiếp với người nước ngoài trong những tình huống nhất định về những kiến thức tổng quát liên quan đến ngành du lịch.

- Thái độ (Behavior):

+ Có thái độ nghiêm túc và tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu. Lên lớp nghe giảng đầy đủ, tự nghiên cứu bài học theo đề cương, tham gia thảo luận và làm bài tập theo yêu cầu của môn học.

+ Có ý thức tìm hiểu, trau dồi và khai thác kiến thức bổ trợ cho môn học qua nhiều kênh thông tin ngoài giáo trình, như: sách tham khảo, các chương trình truyền hình chuyên đề, các trang web và tạp chí có nội dung liên quan...

+ Rèn luyện tính tự chủ, tự tin trong hoạt động nhóm; giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

- Phương pháp giảng dạy (Teaching Methods):

+ Giáo viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).

+ Giáo viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.



+ Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

3. Tóm tắt nội dung học phần (Summaries): {Gồm khoảng 150 từ, mô tả tóm lược các nội dung chính được giảng dạy cho người học}

In the rapid development of the tourism industry, the subjects English Tourism is increasingly focused to put into learning and research. The important task of the English Tourism is introducing the basic knowledge of the tourism industry, and develop language skills and problem solving skills for student, so that the application to the translation or professional jobs related to tourism.

The main contents is taught to students includes 6 articles:

No	Program Content	Duration: 02 credits (38 hours)		Summary
		Theory (hours)	Practice/ Discussion/ Seminar (hours)	
01	Unit 1: Air travel	3	2	Introduction to travel by air, providing the information in tourism activities about the experience of flying, bookings and transport.
02	Unit 2: Travel by road and rail	3	2	Provide the information about the itinerary for a tour by road and rail.
03	Unit 3: Travel by sea and river	3	2	Provide information to travelers experience traveling by ship Introduction traveling by sea and inland waterways
04	Unit 4: Hotel Check-in and Check out	3	2	Provides the rules for the check-in and check-out the hotel, explain questions for guests.
05	Unit 5: Restaurants and Their Services	4	3	Some golden rules that tourism staff members

C
HƯỚNG
DẪN
HỌC
VÙNG TA

				need to be aware of in order to provide good food service.
06	Unit 6: Explaining Dishes	4	3	Handle situations arise, the tourists complain about dishes.
07	Review	3	1	Complete all of knowledge learned.
	Total	23	15	

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Unit 1: Air travel	5	5			
1.1. Speaking: Experience of flying.				* Discussion: - Announcements and procedures - Checking in - Flight attendants * Output task: Describe procedures for boarding.	* Đọc: Tập bài giảng English Terms in Tourism, modul 1, Nguyen Quang Thai, Unit: (1)
1.2. Listening: Airport announcements.					
1.3. Reading and vocabulary: Airport procedure					
Unit 2: Travel by road and rail	5	5			
2.1. Speaking: Travel experiences.				Discussion: - The best way to travel? - Independent travel overland. - Coach tours - dreams or disaster * Output task: Write an itinerary for a tour in Ha Noi	* Đọc: Tập bài giảng English Terms in Tourism, modul 1,
2.2. Reading: A rail journey in America.					
2.3. Listening:					



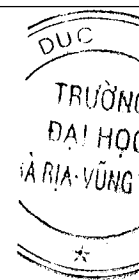
A weekend break.				* <i>Writing and Speaking:</i> Write an itinerary for a 4-day tour from Ho Chi Minh to Hue. Then, explain your tour itinerary to the whole class.	Nguyen Quang Thai, Unit: (2)
Unit 3: Travel by sea and river	5	5		<i>Discussion:</i> + Independent travel overland + Coach tours - dream or disaster? * Output task: + Passenger information	* <i>Đọc:</i> Tập bài giảng English Terms in Tourism, modul 2, Nguyen Quang Thai, Unit: (3)
3.1. Speaking: Type of water holiday.					
3.2. Reading: General Information					
					Thai, Unit: (3)
Unit 4: Hotel Check-in and Check out	5	5			
4.1. Hotel Check-in				* <i>Output task:</i> 1. Staff at the reception making tasks Guest registration 2. Staff at the reception making tasks Guest checkout	* <i>Đọc:</i> Tập bài giảng English Terms in Tourism, modul 1, Nguyen Quang Thai, Unit: (4)
4.1.1. Section 1: + Language focus + Expressions of check-in. + Receptionist + Conversations					
4.1.2. Section 2: Reading and vocabulary: "GUEST REGISTRATION"					
4.2. Hotel Check-out					
4.1.1. Section 1:					

<ul style="list-style-type: none"> + Language focus + Dealing with the check-out. + Dealing with the bill payment + Guest check - out procedures 					
4.1.2. Section 2: Reading and vocabulary: "GUEST CHECK-OUT "					
4.3. Practice:					
Hotel Problems					
4.3.1. Problems in check-in					
4.3.2. Problems during the guest's staying					
4.3.3. Problems in hotel check-out Speaking					
4.3.4. Problems in payment					
Unit 5: Restaurants and Their Services	5	5			
5.1. Section 1: Language focus				<i>* Output task:</i> + Looking after guests as they arrive + Making guests feel welcome + Taking orders + Describing food + Explaining amenities and	<i>* Đọc:</i> <i>Tập bài giảng</i> <i>English</i> <i>Terms in</i> <i>Tourism,</i>
5.1.1. Describing eating and drinking establishments					
5.1.2. Eating and Drinking					



establishments				services	<i>modul 1, Nguyen Quang Thai, Unit: (5)</i>
5.2. Section 2: Reading and vocabulary				+ Professional experience, and knowledge in your career	
5.2.1. Reading topic: "THE SERVICE PROFESSION "					
5.2.2. Hierarchy for a Large Establishment					
5.2.3. Hierarchy for a Medium- Sized Operation					

Unit 6: Explaining Dishes	5	5			
6.1. Section 1: Language focus				* <i>Output task:</i> + Structures do you use to describefoods to customers	* <i>Đọc:</i> <i>Tập bài</i> <i>giảng</i> <i>English</i> <i>Terms in</i> <i>Tourism,</i> <i>modul 1,</i> <i>Nguyen</i> <i>Quang</i> <i>Thai,</i> <i>Unit: (6)</i>
6.1.1. Describing foods					
6.1.2. Food ingredients and recipes					
6.2. Section 2: Reading and vocabulary					
6.3. Reading and vocabulary Basic principles for Organizing a Menu					
Ôn tập	2			Complete all of knowledge learned	
Tổng:	60				



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

{Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, bài tập lớn, tiểu luận}

STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
01	- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập. - Hình thức kiểm tra: bài tập thảo luận, trả lời câu hỏi	20%
02	- Điểm thi giữa học phần: seminar (thuyết trình nhóm)	20%
03	- Điểm thi kết thúc học phần (hình thức thi trắc nghiệm)	60%

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Hans Møl (2009), *English for tourism and hospitality: In higher education studies: Course book*, Garnet Education.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Robin Walker and Keith Harding (2006), *Tourism 1: Student's Book*, Oxford: Oxford University Press.

[3]. Robin Walker and Keith Harding (2006), *Tourism 1: Teacher's Resource Book*, Oxford: Oxford University Press.

[4]. Robin Walker and Keith Harding (2006), *Tourism 1: Class CD [CD-ROM]*, Oxford: Oxford University Press.

[5]. Leo Jones (2007), *Welcome! English for the travel and tourism industry: student's book*, second Edition, New York: Cambridge University Press.

6.3. Tài liệu Website:

<http://www.yeudulich.org/forumdisplay>

<http://www.vietnamtourism.com>

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Hồ Thị Thanh Hiền

Năm sinh: 1985

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: hienhtt@bvu.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH Hoàng Văn Kiếm

[Handwritten signature]

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Hồ Thị Thanh Hiền

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2**
(English for Tourism, module2)
- Mã học phần: 0101100004
- Số tín chỉ: 03 (3, 0, 6)
- Học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 căn bản
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

** Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:*

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình các bài tập nhóm theo chủ đề.
- + Đọc trước tài liệu giáo trình và tài liệu đọc thêm theo yêu cầu của GV
- + Hoàn thành các bài tập về nhà
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- + Tham dự kì kiểm tra giữa môn và kì thi kết thúc môn học với 5 nội dung: đọc hiểu; dịch Anh – Việt; dịch Việt – Anh; viết; nói.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Trong sự phát triển nhanh chóng của ngành Du lịch thì môn học Tiếng Anh Du lịch ngày càng được chú trọng để đưa vào học tập và nghiên cứu. Nhiệm vụ quan trọng của Tiếng Anh Du lịch là giới thiệu những kiến thức cơ bản về ngành du lịch, đồng thời phát triển khả năng ngôn ngữ và kỹ năng xử lý tình huống du lịch cho người học, để từ đó ứng dụng vào công tác dịch thuật hoặc các công việc chuyên môn liên quan đến ngành du lịch

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về ngành du lịch được lồng vào các tình huống giao tiếp ứng dụng thực tế nhằm phát triển kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp của sinh viên gồm những vấn đề sau:

- + Cung cấp thông tin du lịch và bảo hiểm.
- + Các vấn đề liên quan đến vé, đặt chỗ trước, đăng ký tour.

+ Công tác hướng dẫn du lịch và xử lý tình huống phát sinh, than phiền của du khách trong quá trình hoạt động du lịch.

- Kiến thức (Knowledge):

+ Sinh viên nắm vững những tri thức cơ bản trong ngành Du lịch, có khả năng hiểu và sử dụng các thuật ngữ, khái niệm trong du lịch, có kỹ năng và ý thức vận dụng được các cấu trúc tương đối phức tạp vào phiên dịch, biên dịch các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành Du lịch. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị các kiến thức cơ bản về các quy trình xử lý công việc, các kỹ năng giải quyết những vấn đề phát sinh trong công việc của một công ty du lịch.

+ Sinh viên phải nhớ được những khái niệm và thuật ngữ cơ bản bằng tiếng Anh trong chuyên ngành du lịch;

+ Sinh viên phải biết cách dùng từ đúng ngữ pháp và ngữ nghĩa khi diễn đạt về các lĩnh vực địa lý, kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội.

+ Biết cách viết hoàn chỉnh 1 bài luận và trình bày thuyết phục trước tập thể.

Đồng thời ôn lại những kiến thức căn bản tiếng Anh về các thì (Tenses), mệnh đề (Clauses), câu (Sentences) và các kiến thức tổng quát về từ loại (kinds of words).

- Kỹ năng (Skills):

+ Trau dồi kỹ năng giao tiếp cao cấp gồm nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh và xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến những vấn đề đã học.

+ Để hoàn thành tốt học phần, mỗi sinh viên phải có các kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, thảo luận và giải quyết vấn đề cho bài tập nhóm.

+ Sinh viên phải rèn luyện kỹ năng dịch từ Anh – Việt; Việt – Anh

+ Sinh viên phải rèn luyện kỹ năng đọc - hiểu, kỹ năng nghe – nói; có thể trình bày các chủ đề liên quan đến môn học một cách lưu loát.

+ Có thể giao tiếp với người nước ngoài trong những tình huống nhất định về những kiến thức tổng quát liên quan đến ngành du lịch.

- Thái độ (Behavior):

+ Có thái độ nghiêm túc và tích cực trong quá trình học tập, nghiên cứu. Lên lớp nghe giảng đầy đủ, tự nghiên cứu bài học theo đề cương, tham gia thảo luận và làm bài tập theo yêu cầu của môn học.

+ Có ý thức tìm hiểu, trau dồi và khai thác kiến thức bổ trợ cho môn học qua nhiều kênh thông tin ngoài giáo trình, như: sách tham khảo, các chương trình truyền hình chuyên đề, các trang web và tạp chí có nội dung liên quan...

+ Rèn luyện tính tự chủ, tự tin trong hoạt động nhóm; giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

- Phương pháp giảng dạy (Teaching Methods):



- + Giáo viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).
- + Giáo viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

3. Tóm tắt nội dung học phần (Summaries): {Gồm khoảng 150 từ, mô tả tóm lược các nội dung chính được giảng dạy cho người học}

In the rapid development of the tourism industry, the subjects English Tourism is increasingly focused to put into learning and research. The important task of the English Tourism is introducing the basic knowledge of the tourism industry, and develop language skills and problem solving skills for student, so that the application to the translation or professional jobs related to tourism.

The main contents is taught to students includes 6 articles:

No	Program Content	Duration: 02 credits (38 hours)		Summary
		Theor y (hours)	Practice/ Discussion/ Seminar (hours)	
01	Unit 1: Tourist information	5	2	Providing the information in tourism activities about tourism tours, hotel bookings and transport.
02	Unit 2: Tour Itineraries	5	2	Provide the information about the itinerary for a tour.
03	Unit 3: Tour Booking	5	3	How to booking tour and plan a local tour.
04	Unit 4: Tour Commentaries	4	3	Commenting on the famous tourist destination.
05	Unit 5: Taking Customers' food Orders	4	3	Some golden rules that tourism staff members need to be aware of in order to provide good service.
06	Unit 6: Handling	4	2	Handle situations arise,

SC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HÀ NỘI
★

	Complaints with Hotel Problems			the tourists complain during tourist activities.
07	Review	3		Complete all of knowledge learned.
	Total	30	15	

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần:

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	nghiệm, thực hành, điền dã		
Unit 1: Tourist information	5	2		+ Giving holiday information	* Đọc:
1.1. The term in the tourism sector				+ Talking about holiday experiences	<i>Tập bài giảng English Terms in Tourism, modul 2, Nguyen Quang Thai, Unit: (1)</i>
1.2. Section 1: Language Focus.				+ Writing and responding to letters of inquiry	
1.2.1. Work in pairs. Match the words to the correct pictures + Tourist attractions and facilities + Tourist Activities				+ Write activities for tourists in the Mekong delta.	
1.2.2. Rewrite some sentences without changing the meaning. + Direct to Indirect questions + Advice and suggestions				+ Give some suggestions - Information for floating markets of the Mekong delta.	
1.3. Section 2: Reading and vocabulary Subject reading: "TOURIST INFORMATION OFFICES"				* Output task: Writing a tourist information leaflet	
* Topics discussed: - Speaking:					

VA
IG
IC
GTA

Choose a tourist destination in Vietnam which you know well. In groups of four or five students, prepare a presentation about tourist attractions and activities in that place.

- Questions:

1. What does a tourism information office do to promote travel to the destination country?
2. Why is the job of public relations important?
3. What are some of the duties of public relations people?
4. How well do employees who work in English-speaking countries have to know English?
5. What are some famous places and activities for tourists in the Mekong Delta?
6. If you want to give some suggestions, what can you say?

Unit 2: Tour Itineraries	5	2		
2.1. Section 1: Language focus.				<p><i>* Output task:</i> Write an itinerary for a tour in the Mekong Delta.</p> <p><i>* Writing and Speaking:</i> Write an itinerary for a 4-day tour in the Mekong Delta. Then, explain your tour itinerary to the whole class.</p>
2.1.1. Referring to the future itineraries.				
2.1.2. Work in pairs, one as a travel agent, the other as a tourist"				
- Ask and answer questions about the trip from London to Oxford.				
2.2. Section 2: Reading and vocabulary: <i>Topic:</i> "TOUR ITINERARIES TO THAILAND, CAMCODIA AND LAO".				<p><i>* Đọc:</i> <i>Tập bài giảng English Terms in Tourism, modul 2, Nguyen Quang Thai,</i> Unit: (2)</p>
2.3. Section 3: Complete the following statements. • <i>The simple present can</i>				

BẢNG ĐÁP

<i>be used for</i> <ul style="list-style-type: none"> • <i>WILL can be used for</i> • <i>BE GOING TO can be used for</i> 					
* Pre-reading questions: <ol style="list-style-type: none"> 1. What means of transport do you like for a short journey? for a long journey? Why? 2. What are some of the most popular means of transport available in Can Tho that tourists can use? 					
Unit 3: Tour Booking	5	3			
3.1. Section 1: Language focus				Student A is a travel agent. Student B is a customer. Role-play the following situation After you've finished, change roles and repeat the role plays. * Output task: Arrange for local tours	* <i>Đọc:</i> <i>Tập bài giảng English Terms in Tourism, modul 2, Nguyen Quang Thai, Unit: (3)</i>
<i>3.1.1. Taking booking</i> + Expressions the travel agent uses when taking the booking.					
<i>3.1.2. Asking questions indirectly.</i>					
3.2. Section 2: Reading and vocabulary					
<i>3.2.1. Reading:</i> LOCAL TOURS					
<i>3.2.2. Buy a package tour to explore Can Tho City</i>					
<i>3.1.3. Vocabulary:</i> Choose the correct word or phrase to complete each sentence.					
* Pre-reading questions: <ol style="list-style-type: none"> 1. What are the two ways that tourists can arrange for local tours? 2. Why do some tourists prefer to make local tour reservations after they arrive in _____ the destination country? 3. What are some expressions that you can use to take tour booking? 					
Unit 4: Tour Commentaries	4	3			* <i>Đọc:</i>

4.1. Section 1: Language focus				<p>* Output task: Prepare a short commentary for a famous tourist attraction in Vung Tau City.</p> <p>- Working as a tour guide</p>	<p><i>Tập bài giảng English Terms in Tourism, modul 2, Nguyen Quang Thai, Unit: (4)</i></p>
<p>4.1.1. Grammar: Guiding language</p> <ul style="list-style-type: none"> + Indicating position + Superlatives + Passives + Present perfect 					
<p>4.1.2. PRACTICE: Reading and translating to Vietnamese.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Information about St Paul's Cathedral in London + Commentaries at three places: Parthenon, Eiffel 					
<p>Tower and St Peter's.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Use the following notes to write into full sentences 					
<p>4.1.3. Vocabulary:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Work with a partner and do the following quiz + Choose the correct word or phrase to complete each sentence 					
<p>4.2. Section 2: Reading and vocabulary: Reading: CITY TOURS</p>					
<p>* Question:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Where did you go on your last vacation? 2. How did you go? 3. Who did you go with? 4. What did you see and do? 5. What did you buy as a souvenir? 6. These are some of the most famous tourist attractions in Vung Tau City. Do you know all of them? 					

Full sentences about St Paul's Cathedral in London:

1. On/left/beautiful/St Paul's Cathedral.
2. Stood/over 300 years.
3. Designed/Christopher Wren.
4. One/large/dome/world.
5. Said/influenced/design/Capitol building/Washington.
6. Lord Nelson/buried/crypt.

Work in groups and answer the following questions.

1. Why are local tours sometimes called sightseeing tours?
2. Why does Mrs. Miller tell the sightseers to ask her any questions they have about the places they see?
3. How did the driver get the experience to become a tour bus driver?
4. What gives people confidence in a driver?
5. Why do tourists ask a tour guide to take their photographs?

Unit 5: Taking Customers'		4	3		
food Orders					
5.1. Section 1: Language focus					+ Taking a food order and describing dishes + Courses in a restaurant + Looking after guests as they arrive + Making guests feel welcome - Some golden rules that restaurant staff members need to be aware of in order to provide good service. * Output task: Design better service delivery systems
5.1.1. Structures Articles: A/AN and THE					
5.1.2. Practice + Fill in the blanks with blanks with A/AN or THE. + Fill in the blanks with blanks with A/AN or SOME					
5.2. Section 2: Reading and vocabulary					
5.2.1. Reading topic: "LAW OF SERVICE"					
5.2.2. Most critical relationship in all service work + Accessibility + Courtesy + Personal attention					

* Đọc: Tập bài giảng English Terms in Tourism, modul 2, Nguyen Quang Thai, Unit: (5)

DU
BA
BO

+ Empathy + Job knowledge + Consistency + Teamwork				
---	--	--	--	--

Discuss the following questions with your friends.

1. How can service organizations use this law of service to design better service delivery systems?
2. Can you think of other rules enhancing good service delivery that are not mentioned in the text?
3. What other things should service employees avoid?
4. What do customers often expect of good food service?
5. What are some bad habits that can lead to poor service?
6. What is "passing the buck"?
7. What do you say when you want to take orders?
8. What do you say when you want to make a recommendation?

Unit 6: Handling Complaints with Hotel Problems	4	2		
6.1. Section 1: Language focus				<p>Some things aren't the faults of the hotel However, it is very important to deal with the guest's faults politely and reasonably. No guests are pleased with talking about their faults.</p> <p>* Output task: How to maintain the customer's confidence?</p>
<p><i>6.1.1. Structures</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Dealing with problems + Dealing with requests and complaints 				
<p><i>6.1.2. Vocabulary</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Explaining regulations with <i>have to</i> and <i>may not</i> + Some mistakes of the guest + How to say when that is the guest's fault + What a room maid can do 				

* *Đọc:*
Tập bài giảng English Terms in Tourism, modul 2, Nguyen Quang Thai, Unit: (6)

C
RƯỚC
ẠI H
IA-VU
★

+ Verbs of cleaning and housekeeping + Expressions of errors and damage				
6.2. PRACTICE: Hotel Problems				
6.2.1. Problems in hotel reservations				
6.2.2. Problems in check-in				
6.2.3. Problems during the guest's staying				
6.2.4. Problems in hotel check-out Speaking				
6.2.5. Problems in payment				
Ôn tập	2			Complete all of knowledge learned
Tổng:	30	15		

VA
G
C
GTÀU
O
YAO

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

{Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, bài tập lớn, tiểu luận}

STT	Hình thức đánh giá	Trọng số
01	- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập. - Hình thức kiểm tra: bài tập thảo luận, trả lời câu hỏi	20%
02	- Điểm thi giữa học phần: seminar (thuyết trình nhóm)	20%
03	- Điểm thi kết thúc học phần (hình thức thi trắc nghiệm)	60%

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Robin Walker and Keith Harding (2006), *Tourism 2: Student's Book*, Oxford: Oxford University Press.

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [2]. Robin Walker and Keith Harding (2006), *Tourism 2: Teacher's Resource Book*, Oxford: Oxford University Press.
- [3]. Stephen Hall, Troy Blappert, Christopher J O'Brien (2010), *First class service 1: English for the tourism and hospitality industry*, Singapore: Cengage Learning Asia Pte Ltd.
- [4]. Nguyễn Thành Yên (b.d) (2006), *Đàm thoại tiếng Anh cho du khách và hướng dẫn viên du lịch = Practical conversations with emphasis on tourism*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
- [5]. Tổng cục du lịch (2013), *Du lịch Việt Nam = Viet Nam Tourism Review*, Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch.

+ Website:

<http://www.yeudulich.org/forumdisplay>

<http://www.vietnamtourism.com>

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Võ Ngọc Toàn

Năm sinh: 1971

Học vị:

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: toanvn@bvu.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

Handwritten signature of Hoàng Văn Việt

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Handwritten signature of Võ Ngọc Toàn
Võ Ngọc Toàn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH DU LỊCH 3**
- Mã học phần: 0101121793
- Số tín chỉ: **03 (2, 1, 6)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1-2.
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

+ Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1 Kiến thức: Tiếng Anh chuyên ngành du lịch là môn học bắt buộc trong ngành Văn hóa du lịch, môn học trang bị cho sinh viên có khả năng giao tiếp và nắm bắt những ngữ cảnh trong thực tế của ngành Văn hóa du lịch khi sử dụng ngôn ngữ khác là tiếng Anh để giao tiếp.

2.2 Kỹ năng: tự tin giao tiếp với khách hàng.

2.3 Thái độ: hòa nhã, niềm nở trong giao tiếp, tích cực trong học tập, năng nổ, tinh thần hăng say ham học hỏi.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học được phân bổ theo các nội dung sau:

- Chương 1: Tourist Information & Itiniraries
- Chương 2: Tour Booking & Tour Commentaries
- Chương 3: Restaurants and Their Services

- Chương 4: Taking Customer's Orders & Explaining Dishes
- Chương 5: Hotel Reservations
- Chương 6: Hotel Check-in
- Chương 7: Hotel Check-out
- Chương 8: Handling Complaints

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1: Tourist Information & Itiniraries	6			Hiểu và giao tiếp được trong các ngữ cảnh về cung cấp thông tin về du lịch và hành trình.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 1. + Tài liệu [2][3]: nội dung chương 2
1.1 Language Focus 1.1.1 Vocabulary 1.1.2 Compound nouns – WILL – GOING TO 1.1.3 Practise writing these sentences without changing the meaning 1.2 Reading 1.2.1 Pre-reading 1.2.2 Reading 1.2.3 Vocabulary 1.3 Writing & Speaking					
Chương 2: Tour Booking & Tour Commentaries	6			Hiểu và giao tiếp được trong các ngữ cảnh về book tour du lịch và phản hồi những góp ý của khách hàng.	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 2. + Tài liệu [2][3]: nội dung chương 3
2.1 Language Focus 2.1.1 Vocabulary 2.1.2 Practise writing these sentences without changing the meaning 2.1.3 QUIZ					

<p>2.2 Reading</p> <p>2.2.1 Pre-reading</p> <p>2.2.2 Reading</p> <p>2.2.3 Vocabulary</p> <p>2.3 Writing & Speaking</p>					
<p>Chương 3: Restaurants and Their Services</p> <p>3.1 Language Focus</p> <p>3.1.1 Structures describing eating and drinking establishments</p> <p>3.1.2 Vocabulary eating and drinking establishments</p> <p>3.1.3 Practise writing these sentences without changing the meaning</p> <p>3.2 Reading</p> <p>3.2.1 Pre-reading</p> <p>3.2.2 Reading</p> <p>3.2.3 Vocabulary</p> <p>3.3 Writing & Speaking</p>	6			<p>Hiểu và giao tiếp được trong các ngữ cảnh về nhà hàng và phục vụ khách tại nhà hàng.</p>	<p>Nghiên cứu trước:</p> <p>+ Tài liệu [1]: nội dung chương 3.</p> <p>+ Tài liệu [2][3]: nội dung chương 4</p>
<p>Chương 4: Taking Customer's Orders & Explaining Dishes</p> <p>4.1 Language Focus</p> <p>4.1.1 Vocabulary & structure describing foods</p> <p>4.1.2 Articles A/AN & THE – A or SOME</p> <p>4.1.3 Practise writing these sentences without changing the meaning</p> <p>4.2 Reading</p> <p>4.2.1 Pre-reading</p> <p>4.2.2 Reading</p>	6			<p>Hiểu và giao tiếp được trong các ngữ cảnh về cách thức tiếp nhận yêu cầu gọi món và giải thích về món ăn trong quá trình phục vụ.</p>	<p>- Nghiên cứu trước:</p> <p>+ Tài liệu [1]: nội dung chương 4.</p> <p>+ Tài liệu [2][3]: nội dung chương 5</p>

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HÀ NỘI

4.2.3 Vocabulary 4.3 Writing & Speaking					
Chương 5: Hotel Reservations 5.1 Language Focus 5.1.1 Vocabulary & Hotel types 5.1.2 Expressing the locations 5.2 Reading 5.2.1 Pre-reading 5.2.2 Reading 5.2.3 Vocabulary 5.3 Writing & Speaking	3			Hiểu và giao tiếp được trong các ngữ cảnh về thực hiện đặt phòng khách sạn.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 5. + Tài liệu [2][3]: nội dung chương 6
Chương 6: Hotel Check-in 6.1 Language Focus 6.1.1 Vocabulary 6.1.2 Practise writing these sentences without changing the meaning 6.2 Reading 6.2.1 Pre-reading 6.2.2 Reading 6.2.3 Vocabulary 6.3 Writing & Speaking	3			Hiểu và giao tiếp được trong các ngữ cảnh về thực hiện thủ tục nhận phòng khách sạn.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 6. + Tài liệu [2][3]: nội dung chương 7
Chương 7: Hotel Check-out 7.1 Language Focus 7.1.1 Vocabulary 7.1.2 Practise writing these sentences without changing the meaning 7.2 Reading 7.2.1 Pre-reading 7.2.2 Reading	3			Hiểu và giao tiếp được trong các ngữ cảnh về thực hiện thủ tục trả phòng khách sạn.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 7. + Tài liệu [2][3]: nội dung chương 8

V.AT
IG
ĐC
JNGTAM
★

7.2.3 Vocabulary 7.3 Writing & Speaking					
Chương 8: Handling Complaints 8.1 Language Focus 8.1.1 Vocabulary & dealing with problems 8.1.2 Structures: dealing with problems, Apologizing, Asking about problems, Maintaining the customer's confidence, Promising an action, Attracting a customer's attention, Polite refusals, Expressing sympathy, Explaining regulations with have to and may not, Insisting about regulations, How to say when that is the guests' fault 8.1.3 Practise writing these sentences without changing the meaning 8.2 Reading 8.2.1 Pre-reading 8.2.2 Reading 8.2.3 Vocabulary 8.3 Writing & Speaking	12			Hiểu và giao tiếp được trong các ngữ cảnh về thực hiện giải quyết than phiền của khách hàng.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 8.
Tổng		45			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

6. Tài liệu học tập:

6.1 Tài liệu tham khảo:

[1]. Robin Walker and Keith Harding (2006), *Tourism 3: Student's Book*, Oxford: Oxford University Press.

6.2 Tài liệu tham khảo:

[2]. Robin Walker and Keith Harding (2006), *Tourism 3: Teacher's resource Book*, Oxford: Oxford University Press.

[3]. Stephen Hall, Troy Blappert, Christopher J O'Brien (2010), *First class service 2: English for the tourism and hospitality industry*, Singapore: Cengage Learning Asia Pte Ltd.

[4]. Công ty TNHH Nhân Trí Việt (2011), *Tourism English: A Hands-On Course for Tourism Professionals*, Nxb. Tổng hợp TPHCM.

[5]. Hans-Mol (2009), *English for tourism and hospitality: In higher education studies: Course book*, Garnet Education.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Hồ Văn Hận

Năm sinh: 1978

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: hanhv@bvu.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

[Handwritten signature]

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

[Handwritten signature]
Hồ Văn Hận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Pháp luật Du lịch**
- Mã học phần: 0101122123
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Pháp luật đại cương
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

- + Hiểu được các phạm trù khái niệm, những điểm đặc trưng, các thuật ngữ pháp lý cơ bản liên quan đến pháp luật du lịch. Thấy rõ sự cần thiết phải điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch ở Việt Nam
- + Nắm được những kiến thức cơ bản về quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động du lịch ở Việt Nam như quy định cụ thể về khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch, khách du lịch, hướng dẫn viên du lịch...
- + Nắm rõ các quy định cụ thể về kinh doanh dịch vụ du lịch: chủ thể kinh doanh, điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch...

+ Nắm được các quy định của pháp luật về hợp đồng nói chung và hợp đồng trong lĩnh vực du lịch nói riêng và giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động du lịch.

- Kỹ năng:

+ Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống pháp lý do Giảng viên cung cấp hoặc lấy từ đời sống thực tế.

+ Biết cách thức thành lập, hoạt động và quản lý một doanh nghiệp du lịch, đọc hiểu và có khả năng soạn thảo hợp đồng trong hoạt động du lịch, xác định được các hành vi vi phạm trong lĩnh vực du lịch, từ đó biết cách quản lý và hành xử trong du lịch một cách đúng luật.

- Thái độ:

+ Tôn trọng và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của nhà nước, của doanh nghiệp du lịch, khách du lịch đối với hoạt động du lịch.

+ Có ý thức tự giác chấp hành pháp luật của Nhà nước, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật.

+ Biết lựa chọn hành vi và khẳng định sự tự chủ của mình trong các quan hệ xã hội, trong lao động và trong cuộc sống hàng ngày phù hợp với pháp luật.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Chương trình môn học Luật Du lịch nhằm cung cấp cho sinh viên chuyên ngành du lịch những kiến thức rất cơ quan liên quan đến hoạt động du lịch ở Việt Nam như: những quy định của pháp luật về hoạt động du lịch ở Việt Nam (như quy định cụ thể về khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch, khách du lịch, hướng dẫn viên du lịch); chủ thể kinh doanh dịch vụ du lịch, điều kiện, thủ tục kinh doanh dịch vụ du lịch theo quy định của Luật du lịch và pháp luật có liên quan; pháp luật về hợp đồng và hợp đồng trong hoạt động du lịch (nội dung, hình thức, hiệu lực, cách thức soạn thảo...); giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động du lịch.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể
-------------------	---------	-----------------	-----------------

	Lên lớp		Thí		của sinh viên
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành, điển dã		
Chương 1: HOẠT ĐỘNG DU LỊCH VÀ ĐIỀU CHỈNH BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DU LỊCH	4	2	0		
1.1. Khái quát về du lịch và hoạt động du lịch				- Sinh viên hiểu cơ bản khái niệm du lịch và hoạt động du lịch.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]
1.1.1. Khái niệm du lịch				Hiểu rõ tính chất và các nguyên tắc phát triển du lịch ở Việt Nam.	
1.1.2. Khái niệm hoạt động du lịch					
1.1.3. Tính chất của du lịch					
1.1.4. Nguyên tắc phát triển du lịch					
1.2. Các chủ thể tham gia vào hoạt động du lịch				- Biết được các chủ thể nào tham gia vào hoạt động du lịch và vai trò của các chủ thể đó.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1] + Tài liệu [2]
1.3. Điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch				-Thấy rõ sự cần thiết phải điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động du lịch và nguồn luật điều chỉnh hoạt	+ Tài liệu [3]

100
 8/

				động du lịch ở VN hiện nay.	
1.4. Quản lý nhà nước đối với hoạt động du lịch				-Biết được các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và nội dung quản lý nhà nước về du lịch.	
Chương 2: QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ KHU DU LỊCH, ĐIỂM DU LỊCH, TUYẾN DU LỊCH, ĐÔ THỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH DU LỊCH	5	4	0		
2.1. Tài nguyên du lịch				-Hiểu rõ Khái niệm tài nguyên du lịch, hoạt động điều tra tài nguyên du lịch. Nguyên tắc bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch và Các loại tài nguyên du lịch.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1] + Tài liệu [2]
2.2. Khu du lịch				- Hiểu rõ khái niệm và căn cứ, cơ sở cho việc xếp hạng khu du lịch. Hồ sơ đề nghị công nhận và thẩm quyền công nhận khu du lịch.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1] + Tài liệu [2]
2.3. Điểm du lịch				- Hiểu rõ khái niệm và	- Nghiên cứu

DU
 TI
 Đ
 RI
 /

				căn cứ, cơ sở cho việc xếp hạng điểm du lịch. Hồ sơ đề nghị công nhận và thẩm quyền công nhận điểm du lịch.	trước: + Tài liệu [1] + Tài liệu [2]
2.4. Tuyển du lịch				- Hiểu rõ khái niệm và căn cứ, cơ sở cho việc xếp hạng tuyển du lịch. Hồ sơ đề nghị công nhận và thẩm quyền công nhận tuyển du	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]
				lịch.	
2.5. Đô thị du lịch				-Hiểu rõ Khái niệm Điều kiện công nhận đô thị du lịch Hồ sơ, thủ tục, thẩm quyền công nhận đô thị du lịch Quản lý phát triển đô thị du lịch	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1] + Tài liệu [2]
2.6. Khách du lịch				-Hiểu rõ Khái niệm khách du lịch, các quyền và nghĩa vụ pháp lý cơ bản của họ	
Chương 3: QUY CHẾ PHÁP LÝ VỀ KINH DOANH DU LỊCH	5	5	0		

RƯỚC
M. H
A-VU
★

3.1. Các ngành, nghề kinh doanh du lịch			-Hiểu rõ các ngành nghề kinh doanh du lịch và thấy được quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh du lịch.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1] + Tài liệu [2] + Tài liệu [3] + Tài liệu [4]
3.2. Chủ thể kinh doanh du lịch			-Hiểu về các chủ thể kinh doanh du lịch, các đặc điểm pháp lý cơ bản về chủ thể kinh doanh du lịch. -Hiểu rõ điều kiện để	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1] + Tài liệu [2] + Tài liệu [3] + Tài liệu [4]
			thành lập và hoạt động kinh doanh của các chủ thể đó theo quy định của pháp luật du lịch và pháp luật có liên quan (pháp luật doanh nghiệp, luật thương mại...)	+ Tài liệu [7]
3.3. Một số quy định về kinh doanh lữ hành, kinh doanh vận chuyển khách du lịch, về kinh doanh lưu trú du lịch			- Nắm rõ điều kiện kinh doanh lữ hành (nội địa và quốc tế), kinh doanh vận chuyển khách du lịch, về kinh doanh lưu trú du lịch.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1] + Tài liệu [2] + Tài liệu [3] + Tài liệu [4]
3.4. Một số quy định về kinh doanh phát triển khu			-Hiểu rõ điều kiện kinh doanh phát triển khu	- Nghiên cứu trước:

du lịch, điểm du lịch và kinh doanh dịch vụ du lịch trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch				du lịch, điểm du lịch và điều kiện, quyền và nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh dịch vụ du lịch trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch.	+ Tài liệu [1] + Tài liệu [2] + Tài liệu [3] + Tài liệu [4]
Chương 4: HỢP ĐỒNG TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH	6	2	0		
4.1. Khái quát chung về hợp đồng				- Nắm được những vấn đề pháp lý cơ bản về	- Nghiên cứu trước:
4.1.1. Khái niệm, hình thức, nội dung và phân loại hợp đồng				hợp đồng như khái niệm, hình thức, nội dung, hiệu lực, giao kết, thực hiện hợp đồng và chế tài khi xảy ra vi phạm hợp đồng.	+ Tài liệu [1] + Tài liệu [2] + Tài liệu [3]
4.1.2. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng					+ Tài liệu [4] + Tài liệu [7]
4.1.3. Giao kết hợp đồng					
4.1.4. Thực hiện hợp đồng					
4.1.5. Chế tài hợp đồng					
4.2. Hợp đồng trong lĩnh vực du lịch				-Hiểu được một số điểm đặc thù về hợp đồng trong lĩnh vực du lịch, những nội dung cần thỏa thuận khi ký kết hợp đồng, quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các bên trong	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1] + Tài liệu [2] + Tài liệu [3] + Tài liệu [4] + Tài liệu [7]
4.2.1. Khái quát chung					
4.2.2. Một số quy định về hợp đồng lữ hành					
4.2.3. Một số quy định về hợp đồng đại lý lữ hành					
4.2.4. Một số quy định về hợp					

đồng lao động				quan hệ hợp đồng. -Có thể soạn thảo được hợp đồng trong hoạt động du lịch.	
Chương 5: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP PHÁT SINH TỪ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH	3	2	0		
5.1. Khái quát về tranh chấp và giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động du lịch				-Hiểu rõ về khái niệm tranh chấp phát sinh từ hoạt động du lịch, đặc điểm của tranh chấp	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [10] + Tài liệu [11]
5.1.1. Khái quát tranh chấp phát sinh từ hoạt động du lịch				phát sinh từ hoạt động du lịch	
5.1.2. Đặc điểm tranh chấp phát sinh từ hoạt động du lịch					
5.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động du lịch				- Nắm được những phương thức giải quyết tranh chấp cơ bản, ưu nhược điểm của từng phương thức và cách thức vận dụng khi giải quyết tranh chấp.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [10] + Tài liệu [11]
5.2.1. Thương lượng					
5.2.2. Hòa giải					
5.2.3. Trọng tài					
5.2.4. Tòa án					
TỔNG	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Căn cứ đánh giá:

- Tham gia lớp học
- Mức độ tích cực tương tác với Giảng viên trong giờ học
- Tham gia Bài tập nhóm

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Căn cứ đánh giá:

- Bài thi giữa kỳ được tổ chức trong quá trình học.
- Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận. Thời gian: 45->60 phút

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Bài thi kết thúc học phần do Khoa tổ chức
- Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận. Thời gian: 60 phút

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

- [1]. Hoàng Anh (2005), *Tìm hiểu Luật du lịch Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
- [2]. Nghị định 92/2007/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật du lịch
- [3]. Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL hướng dẫn Nghị định 92 về kinh doanh lưu trú du lịch.
- [4]. Thông tư 89/2008/TT-BVHTTDL hướng dẫn Nghị định 92 về kinh doanh lữ hành, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam.
- [5]. Nghị định 16/2012/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [6]. Hiến pháp nước CHXHCNVN năm 2013
- [7]. Luật doanh nghiệp 2014
- [8]. Bộ Luật dân sự 2005
- [9]. Luật xử lý vi phạm hành chính 2012

[10]. Bộ luật tố tụng dân sự

[11]. Luật trọng tài thương mại

6.3. Các website:

[12]. Cổng thông tin Chính phủ nước CHXHCNVN (để tìm các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến bài học): vanban.chinhphu.vn

[13]. Website của Bộ Văn hóa Thể thao Du Lịch: www.bvhttdl.gov.vn

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Diễm Hương

Năm sinh:

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: huongntd@bvu.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Diễm Hương

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Tổ chức và quản lý sự kiện**
- Mã học phần: 0101122496
- Số tín chỉ: 02 (1.5,0.5,4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Marketing căn bản
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

+ Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1. Kiến thức:

Sinh viên hiểu biết những kiến thức nền tảng của tổ chức sự kiện. Nắm vững các khái niệm về sự kiện. Kiến thức và kỹ năng cụ thể của việc quản trị sự kiện. Hiểu và phân biệt rõ ràng các loại hình kinh doanh sự kiện.

2.2. Kỹ năng:

Biết tìm ý tưởng, phát triển ý tưởng và xây dựng kịch bản cho sự kiện. Hiểu và biết vận hành 6 bước khi tổ chức sự kiện. Quản lý kế hoạch kinh doanh và tiếp thị cho sự kiện. Hiểu phương pháp rèn luyện tinh thần và thái độ đúng

2.3. Thái độ:

Ý thức thành công hơn trong tổ chức, kinh doanh sự kiện. Ý thức và trách nhiệm phục vụ cho nhiều tình huống khác trong cuộc sống: thuyết phục người khác làm theo điều mình mong muốn, thuyết phục nhà tuyển dụng, các nhà tài trợ cho những dự án sự kiện đang đeo đuổi.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong tổ chức hội nghị, sự kiện. Học phần bao gồm 5 chương với các nội dung cơ bản sau: Những khái niệm cơ bản về sự kiện; Quy trình tổ chức một sự kiện; Tìm ý tưởng và xây dựng kịch bản cho sự kiện; Marketing sự kiện; Rèn luyện tinh thần và thái độ đúng khi tổ chức kinh doanh sự kiện; Các chương được kết cấu gồm: mục tiêu, nội dung, câu hỏi thảo luận.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thí nghiệm, thực hành, diễn đã		
Chương 1. Những khái niệm cơ bản về sự kiện	5	3		Hiểu khái niệm cơ bản của hội nghị sự kiện.	Nghiên cứu trước: Tài liệu chương 1. [1]
1.1. Các khái niệm về sự kiện					
1.2. Khái niệm “tổ chức sự kiện”					
1.3. Mục tiêu của việc tổ chức sự kiện					
1.4. Bùng nổ sự kiện ở Việt Nam					
1.5. Thảo luận					Chuẩn bị ví dụ
Chương 2. Quy trình tổ chức một sự kiện	5	3		Hiểu và biết vận hành 6 bước khi tổ chức sự kiện.	Nghiên cứu trước: Tài liệu chương 2. [1]
2.1. Thành lập nhóm tổ chức sự kiện.					

DUC
TRU
ĐẠI
BÀ RI
Đ

2.2. Thiết kế sự kiện.					
2.3. Lập đề án tổ chức sự kiện.					
2.4. Lên kế hoạch chi tiết.					
2.5. Tiến hành tổ chức.					
2.6. Đánh giá					
2.7. Thảo luận					Trao đổi và thảo luận trong lớp
Chương 3. Tìm ý tưởng và xây dựng kịch bản cho sự kiện	5	3		Biết tìm ý tưởng, phát triển ý tưởng và xây dựng kịch bản cho sự kiện.	Nghiên cứu trước: Tài liệu chương 3. [1]
3.1. Tìm ý tưởng					
3.2. Phát triển ý tưởng sự kiện					
3.3. Phương pháp xây dựng kịch bản sự kiện					
3.4. Thảo luận					Trao đổi và thảo luận trong lớp
Chương 4. Marketing sự kiện	4	3		Biết tổ chức và marketing cho sự kiện	Nghiên cứu trước: Tài liệu chương 4. [1]
4.1. Nghiên cứu thị trường và chọn mô hình sự kiện phù hợp					
4.2. Lập kế hoạch và tuyển chọn chương trình P.R					

cho sự kiện					
4.3. Kỹ thuật tiếp thị sự kiện hiệu quả theo định hướng khách hàng					
4.4. Các công cụ truyền thông hỗ trợ cho marketing lễ hội - sự kiện.					
4.5. Thảo luận					
Chương 5. Rèn luyện thái độ đúng trong nghề tổ chức sự kiện	4	3		Hiểu phương pháp rèn luyện tinh thần và thái độ đúng	
5.1. Bản chất của thái độ đúng					
5.2. Rèn luyện tinh thần và thái độ đúng					
5.3. Thảo luận					
Tổng:		38			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

Ghi chú:

- Đối với học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, điểm trung bình cộng các bài thí nghiệm, thực hành trong học kỳ làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần đó.

- Tùy theo đặc thù của học phần, có thể chọn các hình thức đánh giá dưới dạng bài tập lớn, tiểu luận, mô hình, video clip.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

VA
NG
:OC
JNG

[1]. Nguyễn Thị Mỹ Thanh (2015), *Giáo trình quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội*, Nxb. Lao động.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Lưu Văn Nghiêm, Dương Hoài Bắc (2012), *Tổ chức sự kiện*, Nxb. ĐH Kinh tế Quốc dân.

[3]. Lưu Văn Nghiêm (2012), *Tổ chức sự kiện*, Nxb. ĐH Kinh tế Quốc dân

6.3 Các website:

[3]. [http://www. Saigontimesonline.vn](http://www.Saigontimesonline.vn)

[4]. <http://www.tochucsukien.com>

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Phạm Thu Huyền

Năm sinh: 1987

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: huyenpt@bv.u.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

[Handwritten signatures]

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Phạm Thu Huyền

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

ĐÀO TẠO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Thực tập chuyên ngành**
- Mã học phần: 0101120185
- Số tín chỉ: 03 (0, 3, 6)
- Học phần học trước: Các môn cơ sở Ngành, cơ sở chuyên ngành
- Các yêu cầu đối với học phần:

+ Tham dự tối thiểu 80% thời gian thực tập.

+ Thực hiện và nộp đầy đủ báo cáo thực tập theo yêu cầu của giáo viên hướng dẫn.

1.1. Mục đích đi thực tập

- Thực tập chuyên ngành là nhiệm vụ bắt buộc của mỗi sinh viên sau khi học các học phần lý thuyết về chuyên ngành của khóa học.
- Thực tập chuyên ngành giúp sinh viên vận dụng kiến thức tổng hợp của các môn học vào thực tế hoạt động, có điều kiện so sánh, giải thích, áp dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể thuộc chuyên ngành Văn hóa du lịch.
- Bước đầu tiếp cận thực tế các nội dung đã học ở chuyên ngành, sinh viên thực tập, học hỏi và làm quen với chuyên môn được đào tạo để khi chuyên ngành có thể làm việc được ngay tại các cơ quan, doanh nghiệp.
- Tìm hiểu về tổ chức và bộ máy hoạt động của cơ quan, doanh nghiệp, xu thế phát triển của các doanh nghiệp trong tương lai.
- Thực tập chuyên ngành cũng giúp cho sinh viên rèn luyện tính tổ chức, kỷ luật, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo.
- Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, đối tác, cấp trên, biết xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh trong các hoạt động thực tiễn của đơn vị; rèn luyện khả năng biết liên kết, làm việc trong một cộng đồng, cùng vì một nhiệm vụ chung.
- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào một (hay một số) nội dung liên quan đến công việc cụ thể tại đơn vị thực tập.

- Giúp sinh viên có cơ hội tìm hiểu thực tế, làm quen với công tác nghiên cứu cũng như kỹ năng thu thập, xử lý thông tin làm báo cáo khoa học.

1.2. Yêu cầu khi đi thực tập

- Hiểu và nắm vững về kiến thức chuyên ngành Văn hóa du lịch và những kiến thức bổ trợ liên quan.

- Tìm hiểu thực tiễn về nội dung đã học và những vấn đề có liên quan.

- Nhận xét và ghi chép về hoạt động trong thực tiễn tại cơ quan, doanh nghiệp, công ty so với cơ sở lý luận đã học tại trường. Giải thích sự khác biệt giữa thực tiễn và lý thuyết áp dụng tại các cơ quan, doanh nghiệp trên cơ sở lý luận và điều kiện thực tế của cơ quan, doanh nghiệp.

- Sinh viên phải có tinh thần tích cực và chủ động gặp gỡ, trao đổi với giáo viên hướng dẫn trong quá trình thực tập, nghiên cứu và trình bày kết quả trong báo cáo thực tập chuyên ngành.

- Mỗi sinh viên trên cơ sở đã được hướng dẫn, tự lập cho mình một đề cương chi tiết sẽ thực hiện trong thời gian thực tập tại cơ sở.

- Yêu cầu sinh viên chấp hành nghiêm túc nội quy thực tập của Bộ môn và cơ sở thực tập.

- Kết thúc đợt thực tập, mỗi sinh viên viết một báo cáo theo đề cương chi tiết (*theo yêu cầu và mẫu kèm theo*). Bài báo cáo phải đính kèm phiếu nhận xét có đầy đủ chữ ký và dấu xác nhận của cơ sở thực tập (*mẫu kèm theo*).

- Báo cáo thực tập được tính là 1 môn học, tương đương 3 đơn vị học trình. Hình thức chấm điểm: Báo cáo trước hội đồng Bộ môn (ngày cụ thể thông báo khi nộp báo cáo).

1.3. Phạm vi thực tập chuyên ngành

Sinh viên có thể thực tập chuyên ngành tại các loại hình đơn vị sau:

- Các cơ quan văn hóa và du lịch như: Sở/Phòng/Ban/Trung tâm văn hóa các cấp; Các khu di tích lịch sử văn hóa; Bảo tàng; Khu tưởng niệm; Trung tâm thông tin – triển lãm; Báo/Tạp chí về văn hóa và Du lịch; Sở Du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch, làng du lịch, làng văn hóa dân tộc...

- Các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng, giải trí, nghệ thuật...

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** Thực hành vận dụng các kiến thức đã được học vào thực tế: Khảo sát tuyến điểm du lịch; bước đầu nhận diện các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch; Thực hành nghiệp vụ thiết kế và triển khai thực hiện điều hành một chương trình tham quan du lịch; Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch.;Thực hành kỹ năng tổ chức và quản lý sự kiện.

- **Kỹ năng:** Giúp sinh viên gắn lý thuyết với thực hành, làm quen với môi trường thực tế qua nghiên cứu và khảo sát các tuyến điểm thực tập. Rèn luyện tác phong làm việc, kỹ năng, năng lực làm việc chuyên nghiệp, độc lập và sáng tạo để sinh viên có thể đảm đương được những vị trí nghề nghiệp cụ thể sau khi tốt nghiệp.
- **Thái độ:** Tạo không khí học tập sống động qua chuyến tham quan - thực tập thực tế, đồng thời rèn luyện tính tổ chức, kỷ luật và tinh thần cộng đồng cũng như kỹ năng làm việc theo nhóm cho sinh viên.

3. Tóm tắt nội dung học phần

3.1. Kiến thức và kỹ năng đã được học

Sinh viên tham gia đợt thực tập này đã được học các kiến thức về cơ sở chuyên ngành, chuyên ngành và kỹ năng nghiệp vụ như sau:

1. Kiến thức cơ sở chuyên ngành:

- a. Lịch sử văn minh thế giới
- b. Cơ sở văn hóa Việt Nam
- c. Tiến trình lịch sử Việt Nam
- d. Địa lý du lịch
- e. Các vùng văn hóa Việt Nam
- f. Văn hóa-văn minh phương Đông
- g. Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam
- h. Phong tục tập quán Việt Nam
- i. Văn hóa dân gian Việt Nam
- j. Làng xã Việt Nam
- k. Văn hóa ẩm thực
- l. Di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam
- m. Những biểu tượng văn hóa Việt Nam
- n. Kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam
- o. Làng nghề truyền thống Việt Nam

2. Kiến thức chuyên ngành:

- a. Tuyến điểm du lịch
- b. Pháp luật du lịch
- c. Thiết kế điều hành tour
- d. Marketing du lịch
- e. Nghệ thuật giao tiếp và tâm lý du khách
- f. Du lịch sinh thái
- g. Du lịch biển đảo Việt Nam
- h. Quản trị du lịch lữ hành
- i. An toàn du lịch
- p. Thị trường MICE

3. Kỹ năng và nghiệp vụ:

- a. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

- b. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao
- c. Kỹ năng thuyết minh du lịch
- d. Kỹ năng tổ chức hội nghị, sự kiện
- e. Thực hành tuyển điểm du lịch

3.2. Công việc thực tập

Nêu rõ các công việc qui định sinh viên cần phải thực hiện về công tác chuyên môn, về quy tắc ứng xử trong thời gian thực tập và báo cáo thực tập.

3.3. Tiến độ thực tập

TT	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
1	20/07/2018 - 25/07/2018	- Lập danh sách sinh viên đi thực tập chuyên ngành và kế hoạch thực tập - Gửi công văn giới thiệu sinh viên đi thực tập chuyên ngành đến các đơn vị ngoài trường	Phòng Đào tạo, Viện, Ngành Đông phương học
2	25/07/2018 - 26/08/2018	- Sinh viên lấy giấy giới thiệu thực tập tại Văn phòng Viện	Các giáo viên hướng dẫn thống nhất với sinh viên về tên đề tài hướng dẫn theo ngành học.
3	27/07/2018 - 01/08/2018	- Liên hệ cơ sở thực tập; - Nộp thông tin đơn vị thực tập của sinh viên về Viện.	
4	02/08/2018 - 10/09/2018	Sinh viên đi thực tập (6 tuần)	Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện báo cáo
5	15/09/2018	Nộp Hồ sơ thực tập và báo cáo thực tập tại Văn phòng Viện (có chữ ký của giáo viên hướng dẫn)	Sinh viên nộp Báo cáo thực tập chuyên ngành (01 cuốn + 01 file pdf)
6	18/09/2018 - 20/09/2018	Giáo viên hướng dẫn chấm báo cáo thực tập	

RƯỜNG
 AI HỌ
 IA-VUN
 ★

4. Nội quy thực tập

Để bảo đảm tốt kết quả thực tập, sinh viên có trách nhiệm thực hiện nội quy sau:

Điều 1: Tuyệt đối chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của người hướng dẫn thực tập và cơ sở thực tập.

Điều 2: Giữ vững đạo đức, tác phong của người sinh viên.

- Gương mẫu, nhiệt tình trong công tác.
- Tận tụy với công việc, tôn trọng nhân cách của cán bộ công nhân viên.
- Xung hô đúng mực.
- Đầu tóc, quần áo gọn gàng, nghiêm chỉnh.
- Quan hệ với cán bộ công nhân viên đúng mực.

Điều 3: Giữ vững đoàn kết

- Đoàn kết với cán bộ công nhân viên tại cơ sở thực tập, với nhân dân địa phương.
- Giữ vững đoàn kết nội bộ. Thẳng thắn phê bình và tự phê bình để giúp nhau cùng tiến bộ.

Điều 4: Đảm bảo ý thức tổ chức kỷ luật

- Không được nghỉ trong đợt thực tập. (Trường hợp đặc biệt phải được phép của giáo viên hướng dẫn thực tập và cán bộ hướng dẫn tại địa điểm thực tập).
- Nghiêm chỉnh thực hiện thời gian biểu và sự phân công của người hướng dẫn thực tập và cơ sở thực tập.

Điều 5: Tự giác chấp hành nội quy.

Mọi sinh viên tự giác chấp hành nội quy thực tập.

Người thực hiện tốt sẽ được biểu dương, ai vi phạm sẽ bị xử lý tùy mức độ nặng, nhẹ.

Điều 6: Báo cáo tình hình thực tập

- Sau khi đến cơ sở thực tập, sinh viên phải báo cáo cho Giáo viên phụ trách họ tên và số điện thoại của cán bộ trực tiếp quản lý, hướng dẫn tại cơ sở thực tập.
- Hàng tuần, sinh viên phải liên hệ với Giáo viên phụ trách để báo cáo tình hình thực tập của mình, có thể nộp trực tiếp hoặc qua email. Tình huống phát sinh đột xuất phải báo cáo ngay với Giáo viên phụ trách.
- Sinh viên nào không liên hệ, không báo cáo cho Giáo viên phụ trách theo đúng quy định sẽ bị đánh giá vào điểm thực tập chuyên ngành.

5. Quy định trình bày báo cáo thực tập chuyên ngành

- Báo cáo bắt buộc phải đánh máy trên giấy A4, tối thiểu 30 trang, tối đa 50 trang (không tính mục lục, phụ lục và tài liệu tham khảo).

A
C
GTÁU

- **Tờ 1:** Bìa báo cáo (theo mẫu quy định, màu xanh đối với hệ Đại học và màu vàng đối với hệ Cao đẳng).

- **Tờ 2:** Mục lục (ghi rõ các phần được trình bày trong báo cáo, số trang)

- **Tờ 3:** Nhận xét của cơ sở thực tập (theo mẫu, phải xin đầy đủ chữ ký của CBHD, chữ ký và dấu của cơ sở thực tập trước khi nộp cho Bộ môn).

- **Tờ 4:** Nhận xét của Giáo viên hướng dẫn (theo mẫu, có đầy đủ chữ ký của GVHD).

- **Tờ 5:** Lời cảm ơn (nếu có)

- **Từ tờ thứ 6:** Nội dung báo cáo.

+ Mở đầu

+ Nội dung báo cáo:

Phần 1. Giới thiệu chung về cơ sở thực tập

Phần 2. Hoạt động của cơ sở thực tập

Phần 3. Nội dung tự chọn

Phần 4. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị

+ Kết luận

+ Tài liệu tham khảo (nếu có): Xếp theo tên tác giả theo vần ABC.

+ Phụ lục (nếu có): Tranh ảnh minh họa về cơ sở thực tập, các hoạt động tại cơ sở thực tập.

5. Đánh giá kết quả thực tập

5.1. Thang điểm (Thang điểm 10)

1. Báo cáo quyền: 10 điểm

2. Điểm đánh giá tại cơ quan thực tập: 10 điểm

3. Điểm cuối cùng: là điểm trung bình cộng của báo cáo quyền do giảng viên hướng dẫn chấm và kết quả điểm do cán bộ tại cơ quan thực tập chấm.

5.2. Tiêu chí

Kết quả đánh giá dựa trên các yêu cầu sau:

- Nộp kế hoạch công việc đúng hạn
- Nộp nhật ký thực tập có ghi chép đầy đủ
- Nộp báo cáo đúng hạn
- Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định
- Báo cáo phải theo kế hoạch xác lập từ trước.

Báo cáo thực tập chuyên ngành được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau:

- Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài
- Phương pháp, kỹ năng, tài liệu
- Kết quả nghiên cứu, khả năng ứng dụng
- Bố cục và hình thức trình bày.

Số lượng báo cáo thực tập chuyên ngành phải nộp: **01 cuốn** (Bìa màu xanh dương).

- Điểm của báo cáo thực tập chuyên ngành do giáo viên hướng dẫn chấm và ghi vào danh sách do thư ký chuyển cho giảng viên theo mẫu của trường. Khi sinh viên nộp bảng báo cáo thực tập chuyên ngành chính thức, giáo viên hướng dẫn cho sinh viên ký tên vào bảng điểm, xong giáo viên hướng dẫn ký tên vào bên dưới bảng điểm và nộp lại cho thư ký khoa.

6. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

(DUYỆT)



GSTSKN Hoàng Văn Kiếm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Du lịch bền vững**
- Mã học phần: 0101121665
- Số tín chỉ: 02 (2, 0, 4)
- Học phần học trước: Không bắt buộc
- Các yêu cầu đối với học phần: sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

- + Nắm vững các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan về Du lịch, Du lịch bền vững, Phát triển bền vững và Phát triển du lịch bền vững trong phạm vi ngành du lịch Việt Nam.
- + Nắm vững các kiến thức về phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm: vùng bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái hoang sơ.
- + Nắm vững các kiến thức về định hướng và các công cụ tăng cường du lịch bền vững.
- + Vận dụng những kiến thức và công cụ phát triển bền vững để hoạch định những chiến lược phù hợp trong quá trình lập kế hoạch phát triển cho các điểm du lịch.

- Kỹ năng:

- + Kỹ năng phân tích và đánh giá một vấn đề khoa học du lịch
- + Kỹ năng viết bài báo cáo khoa học về vấn đề phát triển du lịch bền vững

- + Kỹ năng quan sát, ghi chú, đề xuất cho những thay đổi (nếu có) về vấn đề phát triển bền vững ở các điểm tuyến du lịch
- + Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với khách du lịch, đồng nghiệp
- + Kỹ năng thuyết trình
- + Kỹ năng làm việc nhóm

- Thái độ:

- + Nghiêm túc trong học tập và làm việc nhóm
- + Yêu nghề, đam mê công việc

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biên, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.

Nội dung chính của học phần bao gồm 3 chương. Cụ thể:

Chương 1: Các vấn đề liên quan đến phát triển du lịch bền vững

Chương 2: Du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm

Chương 3: Định hướng và các công cụ tăng cường du lịch bền vững

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		TN, TH, điền dã		
	LT	BT, TL			
Chương 1: CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG 1.1. Khái niệm 1.1.1. Phát triển 1.1.2. Phát triển bền vững 1.1.3. Phát triển không bền vững 1.1.4. Phát triển du lịch bền vững	5	3		- Nắm được các khái niệm cơ bản, nội dung và ý nghĩa của việc phát triển du lịch bền vững.	- Nghiên cứu trước tài liệu tham khảo [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7],

<p>1.2. Nội dung của phát triển bền vững</p> <p>1.2.1. Yêu cầu</p> <p>1.2.2. Nguyên tắc</p> <p>+ 10 nguyên tắc (10R) trong tiếp cận phát triển du lịch bền vững</p> <p>+ Bộ tiêu chuẩn phát triển du lịch bền vững</p> <p>+ Các nguyên tắc cơ bản của phát triển du lịch bền vững trong mối quan hệ với tài nguyên môi trường</p> <p>1.2.3. Mục tiêu</p> <p>1.2.4. Các thành phần của du lịch bền vững</p> <p>1.3. Ý nghĩa của việc phát triển du lịch bền vững</p>				[8]
<p>Chương 2: DU LỊCH VÀ MÔI TRƯỜNG</p> <p>2.1. Lịch sử các loại hình du lịch</p> <p>2.2. Những đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch</p>	4	3	- Nắm được lịch sử hình thành các loại hình du lịch,	- Nghiên cứu trước tài liệu
<p>2.2.1. Tính xen ghép</p> <p>2.2.2. Vòng đời của điểm du lịch</p> <p>2.2.3. Khả năng tải của điểm du lịch</p> <p>2.2.4. Tác động môi trường của du lịch</p> <p>2.2.5. Sức ép môi trường lên phát triển du lịch bền vững</p> <p>2.2.5.1. Khái niệm về sức ép môi trường</p> <p>2.2.5.1 Một số dạng sức ép môi trường chính</p>			những đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch để có những định hướng phát triển du lịch bền vững.	tham khảo [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8]
<p>Chương 3: DU LỊCH BỀN VỮNG</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Dấu hiệu nhận biết về phát triển du lịch bền vững từ các góc độ</p> <p>3.2.1. Đảm bảo sự phát triển bền vững về kinh tế</p> <p>3.2.2. Đảm bảo sự phát triển bền vững về tài nguyên và môi trường</p> <p>3.2.3. Đảm bảo sự phát triển bền vững về xã hội</p> <p>3.2.4. Một số dấu hiệu khác</p>	4	3	- Hiểu được khái niệm du lịch bền vững và tự đưa ra một khái niệm du lịch bền vững theo cách hiểu của mình.	- Biết được các dấu hiệu nhận biết về phát triển du lịch bền vững ở các góc độ khác nhau;

DU
BA
CB

<p>3.3. Các biện pháp tự điều chỉnh nhằm đạt tới sự bền vững</p> <p>3.3.1. Tiếp thị và nhân sinh thái</p> <p>3.3.2. Phát triển một chính sách tiêu thụ có ý nghĩa môi trường</p> <p>3.3.3. Quản lý năng lượng</p> <p>3.3.4 Tiết kiệm nước</p> <p>3.3.5. Quản lý chất thải</p> <p>3.3.6. Giao thông vận tải</p> <p>3.3.7. Đào tạo</p> <p>3.3.8. Giáo dục và thông tin cho khách du lịch</p> <p>3.3.9. Sử dụng các biện pháp can thiệp trong những tình huống cần thiết</p> <p>3.4. Tổ chức sự tham gia của cộng đồng địa phương và tiến hành hoạt động du lịch</p> <p>3.5. Đánh giá tính bền vững của du lịch</p>			<p>- Biết được các công việc, các chính sách thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch ở Việt Nam và đánh giá được tính chất bền vững hay không bền vững của hoạt động du lịch ở Việt Nam.</p>	
<p>Chương 4: PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở CÁC VÙNG SINH THÁI NHẠY CẢM</p> <p>4.1. Vùng sinh thái nhạy cảm</p> <p>4.2. Phát triển du lịch bền vững ở vùng bờ biển</p> <p>4.3. Phát triển du lịch bền vững ở miền núi</p> <p>4.4. Phát triển du lịch bền vững ở vùng sinh thái hoang sơ</p>	5	3	<p>- Biết được vùng sinh thái nhạy cảm là vùng như thế nào, đặc điểm phát triển du lịch bền vững ở những vùng sinh thái nhạy cảm tiêu biểu.</p>	<p>- Nghiên cứu trước tài liệu tham khảo [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8]</p>
<p>Chương 5: ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC CÔNG CỤ TĂNG CƯỜNG DU LỊCH BỀN VỮNG</p> <p>5.1. Cơ sở thực tiễn về phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam</p> <p>5.1.1. Khái quát chung về thực trạng phát triển du lịch ở Việt Nam</p> <p>5.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững ở Việt Nam.</p> <p>5.1.3. Kinh nghiệm phát triển du lịch thiếu bền vững trong mối quan hệ với các yếu tố</p>	5	3	<p>- Nắm được cơ sở thực tiễn về việc phát triển du lịch bền vững, những bài học kinh nghiệm và xây dựng định hướng phát triển du lịch bền vững thông qua các công cụ hỗ trợ.</p>	<p>- Nghiên cứu trước tài liệu tham khảo [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8]</p>

C
 RƯỜNG
 TẠI HỌ
 IA-VŨNG

<i>có liên quan</i>				
5.2. Một số bài học về phát triển du lịch thiếu bền vững				
5.3. Định hướng du lịch bền vững				
5.4. Các công cụ tăng cường du lịch bền vững				
TỔNG:		38		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

{Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, bài tập lớn, tiểu luận}

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Đình Hoà, Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, Nxb. ĐHQG Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Đình Hoà (2007), *Môi trường và phát triển bền vững*, Nxb. Giáo dục.

[3]. Nguyễn Quốc Phi (2013), *Bài giảng Môi trường và phát triển bền vững*.

[4]. Lê Văn Thắng (chủ biên) (2008), *Giáo trình Du lịch và môi trường*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

[5]. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái những vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam*, Nxb. Giáo dục.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lư

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Nghiệp vụ xuất nhập cảnh và Thanh toán quốc tế**
- Mã học phần: 0101122119
- Số tín chỉ: 02 (2, 0, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

+ ~~Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.~~

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:**

+ Sinh viên có được sự hiểu biết về hoạt động xuất nhập cảnh, một phần rất quan trọng trong thời đại hội nhập ngày nay. Việc đi ra nước ngoài không còn khó khăn như trước đây nữa vì chúng ta đang sống trong thời đại của toàn cầu hóa và quốc tế hóa. Sinh viên cần phải có những hiểu biết về quy trình làm thủ tục xuất nhập cảnh, những lưu ý khi đi ra nước ngoài:

+ Sinh viên có kiến thức cơ bản về ngoại tệ, các phương tiện và phương thức thanh toán, các quy trình trong thanh toán nhờ thu, tín dụng chứng từ. Nắm vững ưu nhược điểm của từng phương thức thanh toán...

- **Kỹ năng:** sinh viên có thể tự chuẩn bị các thủ tục hồ sơ xin nhập cảnh, các vật dụng cũng như số ngoại tệ có thể mang ra nước ngoài. Ngoài ra sinh viên còn có thể lập được hối phiếu, Séc phục vụ trong việc thanh toán, sinh viên có thể lập bộ chứng từ hoàn

hảo xuất trình ngân hàng để xin thanh toán.... Sinh viên có thể nhận diện được ưu nhược điểm của từng phương thức thanh toán phù hợp với hàng và đối tác kinh doanh...

- **Thái độ:** Trung thực trong khai báo và lập các chứng từ cần thiết để xin thanh toán với ngân hàng, linh hoạt trong giải quyết những khó khăn phát sinh trong thanh toán quốc tế

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần được chia làm hai nội dung chính:

Phần 1: Nghiệp vụ xuất nhập cảnh

Trong phần này, sinh viên sẽ được học về các khái niệm liên quan đến xuất nhập cảnh, đọc và tìm hiểu các thông tư, quyết định, luật xuất nhập cảnh....

Tìm hiểu về xuất nhập cảnh thông qua các video, các mẫu khai thông tin khi xuất nhập cảnh...

Phần 2: Thanh toán quốc tế

Giới thiệu chung về thanh toán quốc tế (ngoại tệ, ngoại hối, dự trữ ngoại tệ, cách xác định tỷ giá chéo...)

- Tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán
- Các phương tiện thanh toán quốc tế (Séc, hối phiếu...)
- Các phương thức thanh toán trong ngoại thương
- Các điều kiện mua bán trong hợp đồng ngoại thương
- Incoterm 2010

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp			
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
Chương 1: Giới thiệu chung	3	3		Đọc tài liệu [3].
1.1. Các khái niệm cơ bản			Làm quen với khái niệm xuất nhập cảnh, các quy trình	



1.1.1. Xuất nhập cảnh					
1.1.2. Các loại hình trong xuất nhập cảnh					
1.1.3. Quy trình xuất nhập cảnh					
Chương 2: Quy định về mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam	5	3			
2.1. Nghiên cứu các form mẫu				Hiểu về các quy định liên quan đến hoạt động nhập cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam	Đọc tài liệu [2], [3]
2.1.1. Tập điền thông tin bằng tiếng anh và tiếng việt					
2.1.2. Giấy tờ liên quan đến hoạt động nhập cảnh					
2.1.3. Giấy tờ liên quan đến hoạt động xuất cảnh					
2.1.4. Giấy tờ liên quan đến hoạt động cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam					
2.1.5. Xem các video mẫu					
Chương 3: Quy định về mẫu giấy tờ liên quan đến việc xuất cảnh của cư dân Việt nam	5	2			
3.1. Nghiên cứu các thông				Hiểu về các quy định,	Đọc tài liệu [2],

tu, quy định				thông tư quản lý xuất cảnh đối với cư dân Việt Nam	[3]
3.2. Nghiên cứu các form mẫu về đơn từ					
3.1.2. Các giấy tờ liên quan đến hoạt động xuất cảnh					
3.1.3. Xem các video mẫu					
Ôn tập		3			
Phần 2: Thanh toán quốc tế					
Chương 1: Tổng quan về thanh toán quốc tế, cán cân thanh toán và tỷ giá hối đoái	4	2			
1.1. Thanh toán quốc tế				Giới thiệu chung về thanh toán quốc tế, vị trí, vai trò của nó đối với hoạt động kinh doanh quốc tế	Đọc và nghiên cứu chương 1, tài liệu [1]
1.1.1. Phạm vi sử dụng					
1.2.1. Chức năng lưu thông					
1.2.2. Mục đích sử dụng					
1.2. Cán cân thanh toán					
1.2.1. Khái niệm					
1.2.2. Phân loại					
1.2.3. Các nguyên tắc ghi cán cân thanh toán					
1.2.4. Các biện pháp cân bằng cán cân thanh toán					
1.3. Tỷ giá hối đoái					
1.3.1. Khái niệm					

1.3.2. Cách niêm yết					
1.3.3. Phân loại tỷ giá					
Chương 2. Các phương tiện thanh toán quốc tế thông dụng	4	2			
2.1. Hối phiếu				Nắm và thực hành thành thạo các phương tiện thanh toán quốc tế phổ biến, phạm vi áp dụng	Đọc và tìm hiểu nội dung chương 3,4 tài liệu [1]
2.1.2. Khái niệm, đặc điểm					
2.1.3. Quy trình lưu thông					Đọc chương 4, tài liệu [1]. Làm bài tập chương 4
2.2. Phương thức nhờ thu					
2.3. Phương thức tín dụng chứng từ					
2.3.1 L/C tính chất và điều kiện mở L/C					
2.3.2. Khái niệm					
2.3.3. Điều kiện mở và thông báo L/C					
2.3.4. Nội dung chủ yếu của L/C					
2.3.5. Số hiệu, địa điểm, ngày mở L/C					
2.3.6. Thời hạn hiệu lực, thời hạn giao hàng, thời hạn trả tiền					
2.3.7. Loại L/C					



Tổng:	38			
--------------	-----------	--	--	--

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

(sinh viên phải đi học đầy đủ, đúng giờ, làm bài tập và học bài cũ ở nhà)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Trần Hoàng Ngân (2016), Giáo trình thanh toán quốc tế, Nxb ĐH Kinh tế TP HCM.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Đinh Xuân Trình (2014), Thanh toán quốc tế trong ngoại thương & tài trợ thương mại quốc tế, Nxb. Thống kê.

[3]. Lê Phan Thị Diệu Thảo (2010), Giáo trình thực hành nghiệp vụ thanh toán quốc tế, Nxb Phương đông.

[4]. Luật xuất nhập cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

[5]. Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật về xuất nhập cảnh.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Phạm Thị Yến Ly

Năm sinh: 1980

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: lypty@bv.u.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

(Handwritten signatures)

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Phạm Thị Yến Ly

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Quản lý chất lượng dịch vụ du lịch**
- Mã học phần: 0101122127
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
- * *Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:*
- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

* *Phương pháp giảng dạy:*

+ Giảng viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).

+ Giảng viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.

+ Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Học phần giúp sinh viên hiểu biết vai trò các nhà quản lý doanh nghiệp khi họ luôn phải biết ra quyết định tốt nhất liên quan tới việc làm thế nào để nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, qua đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

2.1. Kiến thức:

+ Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chất lượng, chất lượng dịch vụ và vai trò của chất lượng trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.

+ Hiểu được nội dung và các nguyên tắc quản trị chất lượng hiện đại để vận dụng vào thực tế công việc, cuộc sống hàng ngày nhằm đạt mục tiêu đã đề ra, và hạn chế sự sai sót.

+ Nắm được công cụ cần thiết để tính kiểm soát quá trình thực hiện công việc để đảm bảo chất lượng công việc góp phần đạt mục tiêu của tổ chức.

+ Hiểu được các yêu cầu của hệ thống quản trị chất lượng cơ bản như ISO 9001:2008 và từ đó tiếp cận với các hệ thống quản lý khác.

+ Hiểu được nội dung công tác đảm bảo và cải tiến chất lượng trong doanh nghiệp hoặc cơ sở kinh doanh.

2.2. Kỹ năng:

+ Sử dụng được các công cụ kiểm soát chất lượng để cải tiến năng suất và chất lượng công việc khi được giao.

+ Vận dụng kỹ năng đánh giá nội bộ hệ thống quản trị chất lượng nhằm đảm bảo cải tiến liên tục các quá trình cụ thể của một tổ chức.

2.3. Thái độ:

- Sinh viên có ý thức trong việc nâng cao chất lượng công việc cũng như hoạt động của bản thân.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho SV cao học các kiến thức liên quan tới quản lý chất lượng như: các khái niệm cơ bản về chất lượng, chi phí chất lượng, kiểm tra và đánh giá chất lượng, các hệ thống chất lượng và chất lượng trong dịch vụ, bên cạnh đó môn học còn cung cấp cho người học một số công cụ như: các công cụ thống kê, QFD.... Kinh nghiệm của người học, cũng như việc vận dụng kiến thức học được vào thực tế là rất được chú ý trong môn học này.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp			
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		

Chương 1: CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ KHÁCH HÀNG	6	3	3		
1.1. Chất lượng sản phẩm và vai trò của chất lượng sản phẩm				<p>- Trong nền kinh tế hàng hoá, dịch vụ, sản phẩm sản xuất ra để trao đổi trên thị trường.</p> <p>- Mỗi sản phẩm khi được sản xuất ra đều nhằm mục đích đáp ứng những nhu cầu nhất định của người tiêu dùng.</p> <p>Càng ngày, khi xã hội càng phát triển thì nhu cầu của con người về các loại sản phẩm, dịch vụ với số lượng đa dạng, chất lượng cao càng nhiều.</p> <p>- Ngày nay, khi sản phẩm do các doanh nghiệp sản xuất ra không chỉ đáp ứng những nhu cầu về giá trị vật chất mà cả về những yếu tố về tinh thần, văn hoá của người tiêu dùng.</p>	<p>- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 1. + Tài liệu [2]: nội dung chương 1</p>
1.1.1. Khái niệm sản phẩm, chất lượng sản phẩm					
1.1.2. Các thuộc tính của chất lượng sản phẩm					
1.1.3. Vai trò của chất lượng sản phẩm					
1.2. Dịch vụ và chất lượng dịch vụ					
1.2.1. Khái niệm dịch vụ					
1.2.2. Phân loại dịch vụ					
1.2.3. Các yếu tố phản ánh chất lượng dịch vụ					
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng dịch vụ					
1.3.1. Những nhân tố thuộc môi trường bên ngoài (MT vĩ mô)					
1.3.2. Các nhân tố bên trong doanh nghiệp (MT vi mô)					
1.4. Khách hàng và nhu cầu thỏa mãn của khách hàng					
1.4.1. Khách hàng và vai trò của khách hàng					
1.4.2. Nhu cầu khách hàng với vấn đề chất lượng dịch vụ					
1.4.3. Nhu cầu thỏa mãn của khách hàng về chất lượng dịch vụ					
1.4.4. Phương pháp xác định nhu cầu về chất lượng dịch vụ					
Chương 2: CHI PHÍ - CHẤT	6	3	3		

JC

RUC
AI H
4-VU

★

LƯỢNG - NĂNG SUẤT				
2.1. Chi phí chất lượng				<p>Tất cả các chi phí có liên quan đến việc đảm bảo chất lượng cho các sản phẩm/dịch vụ đều được coi là chi phí chất lượng.</p> <p>Các nhà quản lý cho rằng các chi phí liên quan đến chất lượng luôn phong phú hơn nhiều các loại chi phí ghi trong sổ sách kế toán và lớn hơn nhiều chi phí theo báo cáo.</p>
2.1.1. Khái niệm chi phí chất lượng (COQ - Cost of Quality)				
2.1.2. Phân loại chi phí chất lượng				
2.2. Các mô hình chi phí chất lượng				
2.2.1. Mô hình chi phí chất lượng truyền thống				
2.2.2. Mô hình chi phí chất lượng truyền thống				
2.3. Ảnh hưởng của chất lượng đến năng suất				
2.3.1. Năng suất và phân loại năng suất				
2.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến năng suất				
2.3.3. Mối quan hệ giữa năng suất lao động và chất lượng				
Chương 3: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	6	3	3	
3.1. Quản lý chất lượng và vai trò của quản lý chất lượng dịch vụ				<p>Chất lượng không tự nhiên sinh ra, nó là kết quả của sự tác động của hàng loạt các yếu tố có liên quan chặt chẽ với nhau.</p> <p>Muốn đạt được chất lượng mong muốn cần phải quản lý một cách đúng đắn các yếu tố này.</p> <p>Quản lý chất lượng</p>
3.1.1. Sự phát triển của khoa học quản lý chất lượng dịch vụ				
3.1.2. Khái niệm quản lý chất lượng dịch vụ				
3.2. Những nguyên tắc quản lý chất lượng dịch vụ				
3.2.1. Quản lý chất lượng phải được định hướng bởi khách hàng				
3.2.2. Coi trọng con người trong quản lý chất lượng dịch vụ				

- Nghiên cứu trước:
+ Tài liệu [1]: nội dung chương 2.
+ Tài liệu [2]: nội dung chương 2

- Nghiên cứu trước:
+ Tài liệu [1]: nội dung chương 3.
+ Tài liệu [2]: nội dung chương 3

ĐANG HỌC NGỮ

3.2.3. Quản lý chất lượng phải thực hiện toàn diện và đồng bộ				là một khía cạnh của chức năng quản lý để xác định và thực hiện chính sách chất lượng. Quản lý chất lượng được thực hiện trong suốt chu kỳ sống của sản phẩm, từ thiết kế, chế tạo, dịch vụ bán hàng, hậu mãi đến quá trình sử dụng sản phẩm của khách hàng.		
3.3. Các chức năng cơ bản của quản lý chất lượng dịch vụ						
3.3.1. Hoạch định chất lượng dịch vụ						
3.3.2. Tổ chức thực hiện						
3.3.3. Kiểm tra, kiểm soát chất lượng dịch vụ						
3.3.4. Chức năng kích thích						
3.3.5. Điều chỉnh, điều hoà và phối hợp						
3.4. Các phương pháp quản lý chất lượng dịch vụ						
3.4.1. Phương pháp kiểm tra - I (Inspection)						
3.4.2. Phương pháp kiểm soát-QC (Quality Control)						
3.4.3. Đảm bảo chất lượng - QA (Quality Assurance)						
3.4.4. Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện - TQM (Total Quality Management)						
Chương 4. HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ	6	3	3			
4.1. Thực chất của hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ				Để cạnh tranh trong điều kiện hiện nay, các tổ chức phải đạt và duy trì được chất lượng với hiệu quả kinh tế cao, đem lại lòng tin trong nội bộ và cho khách hàng và các		
4.1.1. Khái niệm hệ thống chất lượng						- Nghiên cứu trước:
4.1.2. Phân loại hệ thống chất lượng						+ Tài liệu [1]: nội dung
4.1.3. Cấu trúc của hệ thống chất lượng						chương 4.
4.2. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000						+ Tài liệu

4.2.1. Tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hoá ISO				bên có liên quan về hệ thống hoạt động của mình. Muốn vậy doanh nghiệp phải có chiến lược, mục tiêu, từ đó có một chính sách hợp lý, một cơ cấu tổ chức và nguồn lực phù hợp để xây dựng một hệ thống quản lý có hiệu quả và hiệu lực.	[2]: nội dung chương 4
4.2.2. Sự hình thành và phát triển của ISO 9000					
4.2.3. Thực chất, cấu trúc của ISO 9000					
4.2.4. Nguyên tắc cơ bản của ISO 9000					
4.2.5. Tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 - Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu chung					
4.2.6. Các bước áp dụng ISO 9000 trong doanh nghiệp					
4.3. Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện (TQM)					
4.3.1. Khái niệm quản lý chất lượng toàn diện					
4.3.2. Đặc điểm của TQM					
4.3.3. Các nguyên tắc cơ bản của quản lý chất lượng toàn diện					
4.3.4. Thực hiện mô hình 5S trong doanh nghiệp					
Chương 5. TIÊU CHUẨN HÓA VỀ ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG	6	3	3		
5.1. Tiêu chuẩn hóa và vai trò của tiêu chuẩn hóa				Tiêu chuẩn hoá chính là quá trình xây dựng, công bố và tổ chức triển khai thực hiện hệ thống các tiêu chuẩn đã đề ra. Như vậy, tiêu chuẩn hoá nhằm duy trì nguyên trạng	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 5 + Tài liệu [2]: nội dung
5.1.1. Mục đích, ý nghĩa của tiêu chuẩn hóa					
5.1.2. Chức năng của tiêu chuẩn hóa					
5.1.3. Những yêu cầu trong tiêu chuẩn hóa					
5.2. Các loại tiêu chuẩn và cấp tiêu chuẩn					

5.2.1. Các loại tiêu chuẩn				những đặc tính, những chỉ tiêu đã đạt được. Tiêu chuẩn hoá không chỉ đảm bảo cho sản phẩm, dịch vụ mà còn cả các công việc được duy trì thực hiện theo đúng tiêu chuẩn quy định.	chương 5
5.2.2. Cấp tiêu chuẩn					
5.3. Đo lường chất lượng dịch vụ					
5.3.1. Thực chất của đo lường					
5.3.2. Mối quan hệ giữa đo lường và tiêu chuẩn hóa					
Ôn tập					
Tổng:		60			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần, thái độ học tập, tích cực phát biểu: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Đình Phan, Đặng Ngọc Sự (2012), *Giáo trình quản trị chất lượng*, Nxb. ĐH Kinh tế quốc dân.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Quốc Tuấn, Trương Hồng Trinh, Lê Thị Minh Hằng (2010), *Quản trị chất lượng toàn diện*, Nxb. ĐH Tài chính.

[3]. Hà Nam Khánh Giao (2018), *Đo lường chất lượng dịch vụ tại Việt Nam: Nhìn từ phía khách hàng*, Nxb. ĐH Tài chính.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: **Ứng dụng GIS trong quản lý du lịch**
- Mã học phần: 0101100096
- Số tín chỉ: 02 (2,0, 4)
- Học phần học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

~~+ Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.~~

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần**- Kiến thức:**

+ Hiểu được khái niệm và các thành phần của một hệ thống thông tin địa lý

+ Hiểu được các khái niệm bản đồ, tỷ lệ bản đồ và lưới chiếu bản đồ. Có thể phân tích và đọc được các loại bản đồ cụ thể

+ Phân biệt được mô hình dữ liệu raster và vector trong GIS. Hiểu được các chức năng phân tích không gian của GIS, nắm được hệ thống phần mềm và phần cứng của GIS

+ Sử dụng thành thạo phần mềm Arcview

+ Đánh giá được ứng dụng của GIS trong lĩnh vực du lịch hiện nay

- Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, đọc bản đồ, trình bày và in bản đồ, phân tích và tổng hợp tài liệu.

- Thái độ: Nhận thức được vai trò của công nghệ thông tin nói chung cũng như của công nghệ GIS nói riêng đối với hoạt động du lịch của Việt Nam hiện nay.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Hiện nay công nghệ thông tin nói chung và hệ thống thông tin địa lý (GIS) nói riêng đang được ứng dụng một cách có hiệu quả trong nhiều ngành và lĩnh vực khác nhau, nhất là trong quản lý và quy hoạch sử dụng, khai thác các nguồn tài nguyên một cách hợp lý và bền vững. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản nhất về công nghệ GIS, về những mô hình ứng dụng của GIS trong lĩnh vực du lịch hiện nay. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên tiếp cận với một số phần mềm GIS được sử dụng nhiều trong lĩnh vực du lịch hiện nay. Sau khi học xong, sinh viên có thể áp dụng công nghệ GIS vào việc: Xây dựng cơ sở dữ liệu cho việc khai thác thông tin phục vụ phát triển và quảng bá tiếp thị về du lịch; Quy hoạch không gian lãnh thổ du lịch...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực		
	Lý	Bài			
	thuyết	tập, thảo luận	hành, điền dã		
Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về GIS	4		3		- Nghiên cứu trước tài liệu [1] và [2] – phần 2 - Thảo luận
1.1. Tìm hiểu một số khái niệm liên quan				- Nắm vững được lịch sử phát triển của GIS	
1.2. Khái niệm về GIS				- Hiểu được bản chất của GIS và một số hướng ứng dụng của GIS hiện nay	
1.3. Lịch sử phát triển của GIS					
1.4. Ứng dụng của GIS					
Chương 2: Tổng quan về bản đồ	5		3	-Hiểu và phân tích được các đặc điểm cơ bản của bản đồ - Hình thành kỹ năng đọc bản đồ	- Nghiên cứu trước tài liệu [1] và [2] – phần 1 - Thảo luận
2.1. Các khái niệm cơ bản					
2.1.1. Định nghĩa bản đồ					
2.1.2. Đặc điểm cơ bản của bản đồ					

DỤC
TR
Đ
BÀ R
BO

2.1.3. Phân loại bản đồ					
2.2. Elipsoid					
2.2.1. Khái niệm					
2.2.2. Tọa độ địa lý					
2.3. Tỷ lệ và lưới chiếu bản đồ					
2.3.1. Khái niệm					
2.3.2. Phân loại lưới chiếu					
Chương 3. Mô hình cấu trúc dữ liệu của GIS	5		3	- Hiểu được mô hình cấu trúc dữ liệu của GIS	- Nghiên cứu trước tài liệu [1] và [4] – chương 2
3.1. Mô hình cấu trúc dữ liệu vector GIS				- Phân biệt được hai dạng dữ liệu thuộc tính và dữ liệu không gian	
3.2. Mô hình cấu trúc dữ liệu Raster GIS				- Hiểu được chức năng phân tích của GIS	
3.3. Dữ liệu thuộc tính				- Phân biệt được phần mềm và phần cứng của GIS	
3.4. Dữ liệu không gian					
3.5. Chức năng phân tích trong gis					
3.6. Tổ chức dữ liệu cho phân tích					
3.7. Xử lý thông tin trong gis					
3.8. Phần cứng và phần mềm cho gis					
Chương 4. Phần mềm Arcview	4		3	- Sử dụng được phần mềm Arcview	- Nghiên cứu trước tài liệu [1]

VA
 ƯỜNG
 HỌ C
 A-VŨNG

4.1. Giới thiệu khái quát về phần mềm Arcview					và [3] – phần 1 - Thực hành phần mềm Arcview
4.2. Thực hành một số chức năng của phần mềm Arcview					
Chương 5. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS trong du lịch	5		3	- Đánh giá được ứng dụng của GIS trong lĩnh vực du lịch hiện nay - Vận dụng được chức năng phân tích mạng lưới trong môi trường GIS của phần mềm Arcview	- Nghiên cứu tài liệu trước tài liệu [1] và [3] – phần 1 - Thực hành trên lớp
5.1. Chức năng nối tiếp và phân tích mạng					
5.2. Phân tích mạng lưới trong môi trường GIS của phần mềm Arc view 3.2.					
Tổng:			38		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Minh Tuệ và Vũ Đình Hòa (2017), *Giáo trình Địa lý kinh tế xã hội Việt Nam*, Tập I, Nxb. Giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Phan Huy Xu, Mai Phú Thanh (2005), *Tìm hiểu địa lí kinh tế Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

[3]. Tổng cục du lịch, Trung tâm thông tin du lịch (2009), *Non nước Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Đinh Thị Hoa Lê

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

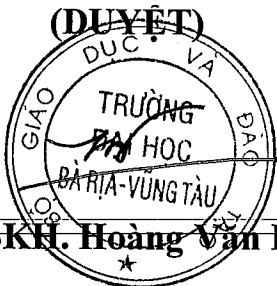
Hướng nghiên cứu chính:

Thông tin liên hệ: ledth@bv.u.edu.vn

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIÁNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Việt

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Đinh Thị Hoa Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **An toàn du lịch** (*Tourist Safety*)
- Mã học phần: 0101122153
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

* *Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:*

- + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
- + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
- + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

* *Phương pháp giảng dạy:*

- + Giảng viên giảng lý thuyết trên lớp với laptop và máy chiếu (projector).
- + Giảng viên đưa ra chủ đề thảo luận nhóm, chủ đề bài tập.
- + Hướng dẫn sinh viên làm bài tập nhóm và thuyết trình.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Du lịch Việt Nam đang tăng trưởng tốt, được đánh giá là điểm đến an toàn, thân thiện nhất trong khu vực và thế giới. Để duy trì và phát triển hình ảnh tốt đẹp của Du lịch Việt Nam đối với du khách quốc tế và nội địa, tiếp tục giữ được đà tăng trưởng cao như hiện nay, bên cạnh việc định hướng khai thác thị trường phù hợp, tăng cường xúc tiến quảng bá, bảo đảm chất lượng sản phẩm, thì việc đảm bảo an ninh, an toàn cho du khách tại các điểm du lịch trong cả nước, đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

2.1. Kiến thức:

Học phần cung cấp và yêu cầu sinh viên kiến thức nghiên cứu và thảo luận những vấn đề liên quan đến thực trạng vấn đề đảm bảo an toàn du lịch cho du khách ở Việt Nam:

+ Tổng quan các vấn đề lý luận về an toàn của khách du lịch (Các khái niệm, thuật ngữ về an toàn của khách du lịch; các yếu tố có khả năng gây mất an toàn cho khách trong quá trình sử dụng các dịch vụ du lịch...);

+ Đánh giá thực trạng vấn đề an toàn của khách du lịch ở Việt Nam hiện nay:

- Phân tích nhu cầu của khách du lịch liên quan tới các vấn đề về đảm bảo an toàn;

- Thực trạng về an toàn thực phẩm trong hệ thống cơ sở lưu trú;

- Thực trạng vấn đề an toàn của khách du lịch tại một số khu, điểm du lịch điển hình;

- Đánh giá, phân tích những mặt tích cực, những yếu kém, bất cập trong vấn đề đảm bảo an toàn cho khách du lịch tại một số khu, điểm du lịch hiện nay;

2.2. Kỹ năng:

- Sinh viên có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề, tự tin giải quyết các tình huống có thể xảy ra nguy cơ mất an toàn cho du khách trong công tác du lịch.

- Biết nhận thức sâu sắc những vấn đề rủi ro và biết thiết lập các giải pháp khắc phục vấn đề hiệu quả nhất.

- Phát triển kỹ năng bình luận, diễn đạt, thuyết trình trước công chúng;

- Phát triển kỹ năng hoạt động nhóm, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể

2.3. Thái độ:

Sinh viên có ý thức trong việc nâng cao chất lượng công việc học tập, nghiên cứu cũng như hoạt động của bản thân.

- Sinh viên tham dự các buổi học nghiêm túc, có tinh thần trách nhiệm.

- Hình thành tính tự tin, bản lĩnh, tinh thần cầu tiến cho SV trong tác phong nghề nghiệp, có ý thức, tinh thần trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp chuẩn mực trong lĩnh vực công tác du lịch.

- Tạo lập khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, có ý thức tự giác nghiên cứu, tìm tòi, bản thân tự nâng cao trình độ, thu thập kinh nghiệm để có những kiến thức chuyên môn vững chắc.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần tập trung chủ yếu vào việc cung cấp cho sinh viên cách nghiên cứu thực trạng và giải pháp phân tích, mổ xẻ những vấn đề bất ổn trong hoạt động du lịch hiện nay nhằm nhận thức, tư vấn, tuyên truyền những giải pháp đảm bảo an toàn du lịch cho khách du lịch tại các điểm đến du lịch như sau:

- Phân tích nhu cầu của khách du lịch liên quan tới các vấn đề về đảm bảo an toàn;

- Thực trạng về an toàn thực phẩm trong hệ thống cơ sở lưu trú;

- Thực trạng vấn đề an toàn của khách du lịch tại một số khu, điểm du lịch điển hình;

- Đánh giá, phân tích những mặt tích cực, những yếu kém, bất cập trong vấn đề đảm bảo an toàn cho khách du lịch tại một số khu, điểm du lịch hiện nay;

- Kinh nghiệm của một số quốc gia, một số địa phương, khu du lịch ở Việt Nam trong việc đảm bảo an toàn cho khách du lịch (Nghiên cứu một số biện pháp đã được áp dụng tại một số quốc gia; một số địa phương; khu, điểm du lịch ở Việt Nam trong việc đảm bảo an toàn cho khách du lịch)

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ ĐẢM BẢO AN TOÀN DU LỊCH	5	3			
1.1. Một số vấn đề chung về an toàn du lịch				- Sinh viên nắm được các khái niệm và nhu cầu an toàn cần thiết của con người. - Các khái niệm an toàn về du lịch trong hoạt động du lịch - Khái niệm an toàn cho khách du lịch được giới hạn trong phạm vi an toàn về tính mạng,	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 1. + Tài liệu Tham khảo [6], [7], [8]
1.1.1. Khái niệm về sự an toàn và an toàn trong du lịch					
1.1.2. Nhu cầu an toàn của con người					
1.1.3. Nhu cầu an toàn đối với khách du lịch					
1.1.4. Nhu cầu an toàn đối với doanh nghiệp kinh doanh du lịch					
1.2. Các yếu tố liên quan đến khả năng mất an toàn của khách du lịch					
1.2.1. Vấn đề bất an toàn tác động từ chính cá nhân khách du lịch + Uống rượu vượt quá mức quy định tại điểm đến.					

JUC
TRU
ĐA
BA RI
BO

<ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng thuốc kích thích. + Cầu thả trong vấn đề bảo quản tiền bạc, tài sản, hành lý + Quên giấy tờ tùy thân + Thiếu thông tin, thiếu hiểu biết + Thói quen dùng tiền mặt và bất cẩn khi tiêu dùng du lịch + Du khách dễ trở thành mục tiêu cho các hoạt động phạm tội. + Gây mâu thuẫn với người dân quá khích hoặc chính quyền ở địa phương nơi họ đến. + Coi thường hoặc không nắm được những qui định pháp luật sở tại. 				<p>về sức khỏe và về tài sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nguyên nhân gây rủi ro và bất an toàn đối với khách du lịch vì sức khỏe và tính mạng, tài sản. - Vấn đề đảm bảo sức khỏe khi đi du lịch là vấn đề được du khách khá quan tâm trong quá trình thực hiện chuyến đi. Có >50% - >70% du khách thực sự rất quan tâm đến việc mình liệu có mắc phải một căn bệnh lây nhiễm nào đó, bị tổn thương do bất cứ nguyên nhân khách quan hay những vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm tại điểm đến. Đặc biệt vấn đề vệ sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 1.
<ul style="list-style-type: none"> + Không tuân thủ quy định, hướng dẫn tham gia các loại hình du lịch + Không chấp hành những qui định về luật giao thông đường bộ... 				<ul style="list-style-type: none"> + Tài liệu Tham khảo [6], [7], [8] 	
<p>1.2.2. Các vấn đề liên quan đến sức khỏe du khách</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông tin du lịch không cụ thể hoặc sai lệch. + Dễ bị tổn thương bởi những loại vi khuẩn, virus lạ tại điểm đến. + Một vài bệnh lây nhiễm có thể đe dọa sức khỏe du khách tại khu vực điểm đến + Dễ bị ngộ độc thực phẩm hoặc do không đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm + Cơ sở lưu trú không an toàn + Các loại hình du lịch không đảm bảo tuyệt đối an toàn + Sức khỏe không đảm bảo tham 					

<p>gia hoạt động du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Kém thích nghi do lệch múi giờ về thời gian</i> + <i>Vấn đề không an toàn giao thông</i> + <i>Cơ sở hạ tầng và phương tiện vận chuyển du lịch kém an toàn</i> + <i>Tác động không mong muốn từ môi trường, khí hậu, thời tiết.</i> + <i>Bị xâm hại tính mạng, tài sản từ các đối tượng phạm tội.</i> + <i>Vấn đề ô nhiễm môi trường tác động....</i> 				<p>an toàn thực phẩm luôn được các du khách đặc biệt quan tâm.</p> <p>Phương pháp dạy & học:</p> <p>Thuyết giảng+ thảo luận nhóm</p>
1.3. Vai trò và ý nghĩa của an toàn trong hoạt động du lịch				
Chương 2: THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ AN TOÀN DU LỊCH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	4	3		
2.1. Thực trạng chung về vấn đề đảm bảo an toàn du lịch ở Việt Nam hiện nay				<p>- Sinh viên cần nắm được những yếu tố nào đang hàng ngày đe dọa đến sự an toàn của du khách. Giao thông, vấn đề an toàn thực phẩm, nạn cướp giật, móc túi, nạn chèo kéo, chặt chém khách du lịch đang diễn ra một cách thường xuyên</p>
2.1.1. Tình hình ổn định chính trị, trật tự, trị an tại các khu, điểm du lịch				
2.1.2. Vấn đề về môi trường kinh doanh du lịch và khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch hợp lý				
2.1.3. Vấn đề kinh doanh dịch vụ du lịch an toàn				
2.1.4. Các văn bản pháp lý hiện hành về đảm bảo an toàn cho khách du lịch hiện nay và tình hình thực thi các văn bản				
2.2. Một số vấn nạn xã hội liên quan đến hoạt động du lịch hiện				

<i>nay</i>				và đang làm	
2.2.1. Các vấn đề ô nhiễm môi trường				xấu hình ảnh du lịch Việt Nam trong con mắt du khách	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 2.
<ul style="list-style-type: none"> • Ô nhiễm không khí • Ô nhiễm nước • Ô nhiễm đất • Ô nhiễm tiếng ồn • Ô nhiễm rác thải • Ô nhiễm môi trường biển • Ô nhiễm văn hóa, văn hóa ngoại lai 				- Cung cấp cho sinh viên các khái niệm liên quan đến ô nhiễm môi trường	+ Tài liệu Tham khảo [6], [7],
2.2.2. Vấn đề an ninh, tội phạm xã hội				- Nghiên cứu nguồn, tác nhân gây ô nhiễm và cơ chế lan truyền ô nhiễm trong môi trường.	[8]
<ul style="list-style-type: none"> • Nạn cướp giết, lừa đảo • Nạn mại dâm • Nạn chèo kéo du khách • Nạn chặt chém du khách • Năn ăn xin 				- Trên cơ sở nắm bắt các nguồn, tác nhân và cơ chế lan truyền ô nhiễm trong môi trường, nội dung chương này cung cấp cho sinh viên cách thức tiếp cận quản lý môi trường	
2.2.3. Vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm					
<ul style="list-style-type: none"> • Thực phẩm kém chất lượng tràn lan • Nguồn gốc thực phẩm không qua kiểm duyệt chặt chẽ • Các cơ sở kinh doanh ăn uống quá nhiều thiếu kiểm soát • Tiêu chuẩn nhà bếp nhiều bất cập • Vấn đề xử lý, phân loại rác thải. • Bảo quản và các tác nhân sinh học gây ô nhiễm thực phẩm 					
2.2.4. Vấn đề lưu trú không đảm bảo an toàn					
				Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng+	

<ul style="list-style-type: none"> • Cơ sở lưu trú thiếu kiểm định • Công suất phục vụ kinh doanh phụ thuộc nhiều vào tính thời vụ • Trang thiết bị sử dụng kém tiêu chuẩn • Thiếu các biện pháp an ninh, bảo vệ. • Vấn đề xử lý nước thải và rác thải ra môi trường 				thảo luận nhóm - Những vấn nạn rủi ro luôn rình rập khách du lịch nói riêng hàng ngày, nhất là tại những điểm đến có hoạt động du lịch phát triển sẽ kéo theo	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 2. + Tài liệu Tham khảo
2.2.5. Vấn đề an toàn giao thông và vận tải du lịch <ul style="list-style-type: none"> • Cơ sở hạ tầng giao thông kém hiện đại • Phương tiện vận chuyển chưa đa dạng và trang bị kém tiêu chuẩn 				những rủi ro tiềm ẩn. Sinh viên cần nhận thức rõ và phân tích để có hướng giải pháp tư vấn, tập sự và khắc phục những vấn đề một cách chuyên nghiệp.	[6], [7], [8]
<ul style="list-style-type: none"> • Phương tiện giao thông thô sơ nhiều gây ùn tắc • Nạn mãi lộ còn phổ biến • Ý thức của người dân khi tham gia giao thông 				GV gợi ý các chủ đề cho các nhóm SV thảo luận, đánh giá và giải quyết vấn đề.	
2.2.6. Vấn đề quản lý kinh doanh du lịch <ul style="list-style-type: none"> • Thiếu chính sách, chiến lược quản lý vi mô • Chưa có chiến lược quảng bá, tuyên truyền du lịch an toàn có trách nhiệm • Thiếu đội ngũ kiểm soát du lịch, cảnh sát du lịch • Chính sách giá cả chưa phù hợp, nhất quán 					
2.2.7. Vấn đề tiêu chuẩn an toàn tại các khu, điểm tham quan du lịch <ul style="list-style-type: none"> • Thiếu đội ngũ nhân sự quản lý chuyên nghiệp 					

<ul style="list-style-type: none"> • Thiếu bộ phận hướng dẫn, công cụ cảnh báo, chỉ dẫn du lịch • Thiếu trang bị an toàn vui chơi giải trí. • Thiếu phương tiện đưa đón chuyên nghiệp tại điểm • Ô nhiễm cảnh quan và xử lý rác thải 					
Chương 3: Kinh nghiệm đảm bảo an toàn cho khách du lịch của các nước trên thế giới và Việt Nam	4	3			
3.1. Kinh nghiệm an toàn du lịch của một số quốc gia trên thế giới				Phần này giới thiệu những kinh nghiệm	- Nghiên
3.3.1. Kinh nghiệm an toàn du lịch của Các nước Châu Âu (Anh, Pháp, Canada, Thụy Sĩ, Italia)				quản lý du lịch hiệu quả toàn diện nhằm bảo vệ những lợi thế du lịch và bảo vệ khách du lịch một cách tối đa đem	cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 3.
3.3.1. Kinh nghiệm an toàn du lịch của một số nước Châu Á (Nhật Bản, TháiLand, Singapore, Malaysia)...				lại sự hài lòng, tin tưởng và thỏa mãn nhu cầu du lịch.	+ Tài liệu Tham khảo [6], [7], [8]
3.2. Kinh nghiệm và bài học an toàn du lịch tại một số điểm đến ở Việt Nam				Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng+ thảo luận nhóm	
3.2.1. Kinh nghiệm quản lý kinh doanh du lịch ở một số điểm đến tại Việt Nam (Đà Nẵng, Hạ Long, Hội An)...					
3.2.2. Những bài học kinh nghiệm quản lý an toàn du lịch					
Chương 4: AN TOÀN MÔI TRƯỜNG DU LỊCH	4	3			
4.1. Khái niệm môi trường an toàn				- Thực trạng khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt	
4.2. Hiện trạng và giải pháp bảo vệ					

<p><i>môi trường du lịch sinh thái ở Việt Nam</i></p>				<p>Nam an toàn, giúp sinh viên nhận ra các vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững.</p>	
<p>4.2.1. Hiện trạng môi trường sinh thái</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khai thác và suy thoái môi trường cảnh quan tự nhiên + Hiện trạng nguồn nước và suy thoái đất đai + Hiện trạng chặt phá rừng nguyên sinh + Ảnh hưởng sự thay đổi khí hậu toàn cầu + Vấn đề đô thị hóa đất nông nghiệp 				<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng khai thác và bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam. - Định hướng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 4. + Tài liệu
<ul style="list-style-type: none"> + An ninh, an toàn lương thực + Mai một các giá trị đóng góp của bản sắc văn hóa dân tộc và cư dân địa phương 				<p>và giải pháp khai thác, bảo vệ môi trường du lịch Việt Nam theo hướng phát triển bền vững.</p>	<p>Tham khảo [6], [7], [8]</p>
<p>4.2.2. Giải pháp bảo vệ môi trường du lịch sinh thái ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khai thác, sử dụng và xử lý nguồn nước phù hợp + Giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm môi trường + Mở rộng diện tích trồng rừng + Khôi phục và bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa + Đào tạo và phát triển đội ngũ lao động du lịch chuyên nghiệp, có sự đóng góp của địa phương + Truyền truyền và quảng bá ý thức bảo vệ môi trường... 				<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ môi trường tự nhiên là nhiệm vụ kinh tế – xã hội. Trong việc sử dụng đúng đắn môi trường tự nhiên du lịch là một bộ phận đáng được quan tâm không chỉ bảo vệ môi 	
<p>4.3. Quản lý điểm đến du lịch an toàn.</p>				<p>tâm không chỉ bảo vệ môi</p>	

<p>4.3.1. Phân loại điểm đến du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm đến du lịch mang tính chất khu vực + Điểm đến du lịch quốc gia + Điểm đến du lịch địa phương 				<p>trường sống cho cộng đồng nói chung và cho du khách cảm thấy an tâm khi tham gia du lịch.</p>	
<p>4.3.2. Nội dung quản lý điểm đến du lịch và các biện pháp đảm bảo an toàn cho khách du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bảo vệ, phát triển tài nguyên du lịch tại điểm; • Bảo đảm vệ sinh môi trường; • Tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến tham quan; • Bảo đảm sự tham gia của cộng 				<p>Phương pháp dạy – học: Thuyết giảng+ thảo luận nhóm</p>	<p>- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương</p>
<p>đồng dân cư vào các hoạt động du lịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; • Bảo đảm an toàn cho khách du lịch. 					<p>4. + Tài liệu Tham khảo [6], [7], [8]</p>
<p>4.3.3. Các giải pháp đảm bảo an toàn cho khách du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải pháp về cơ chế chính sách trong vấn đề đảm bảo an toàn cho khách du lịch. + Giải pháp nhằm tăng cường và đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm trong cơ sở lưu trú du lịch. + Giải pháp về tổ chức và phối hợp liên ngành + Giải pháp tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ du khách. + Giải pháp đảm bảo an toàn cho khách du lịch khi tham gia một số 					

loại hình du lịch mạo hiểm. + Nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác dự báo khí tượng thủy văn để phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai cho khách du lịch.					
4.3.4. Các tiêu chí đánh giá sự an toàn trong du lịch và phương pháp đánh giá					
Chương 5. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO KHÁCH DU LỊCH	4	3			
5.1. Các giải pháp quản lý đồng bộ					
5.1.1. Đối với các cấp quản lý nhà nước				- Phân này sẽ phối hợp với sinh viên cùng	
5.1.2. Đối với các cơ sở kinh doanh phục vụ du lịch				tham khảo đưa ra những đóng góp bổ sung thêm những giải pháp hiệu quả để giải quyết, khắc phục những vấn đề không an toàn trong kinh doanh du lịch ở Việt Nam.	- Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: nội dung chương 5. + Tài liệu Tham khảo [6], [7], [8]
5.1.3. Đối với người dân địa phương					
5.1.4. Đối với khách du lịch					
5.2. Các giải pháp giải quyết các vấn nạn xã hội					
5.2.1. Phát triển hệ thống thông tin du lịch toàn cầu					
5.2.2. Hỗ trợ y tế và du lịch toàn cầu cùng phối hợp tham gia bảo vệ du khách kịp thời.					
5.2.3. Quảng bá, tuyên truyền du lịch có trách nhiệm với môi trường và xã hội					
5.2.4. Có chiến lược giảm thiểu phát sinh rác thải và ô nhiễm môi trường					
5.2.5. Xây dựng lực lượng cảnh sát du lịch chuyên nghiệp					
Ôn tập	2	3			

Tổng: 38

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần, thái độ học tập, tích cực phát biểu: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Khoa khách sạn – du lịch (2017), *Bài giảng Quản lý điểm đến du lịch (Tourist Destination Management)*, Đại học Thương Mại, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Tổng cục du lịch (2013), *Nghiệp vụ an ninh khách sạn*, VTOS.

[3]. Tổng cục du lịch phối hợp với Ủy ban Châu Âu (2009), *Tiêu chuẩn kỹ năng nghề du lịch Việt Nam: Kỹ thuật chế biến món ăn Việt Nam*, VTOS.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày²⁸ tháng¹¹ năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

HIỆU TRƯỞNG

(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

[Handwritten signature]

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Văn hóa trong kinh doanh du lịch**
- Mã học phần: 0101122495
- Số tín chỉ: 2 (2, 0, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Cơ sở văn hóa Việt Nam, Tổng quan du lịch,
- Các yêu cầu đối với học phần: sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.
 - + Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
 - + Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.
 - + Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.
 - + Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được những khái niệm cơ bản về văn hóa, du lịch, văn hóa du lịch, văn hóa kinh doanh; vai trò của văn hóa trong hoạt động kinh doanh du lịch; các loại hình kinh doanh du lịch và những nhân tố góp phần hình thành nên văn hóa trong kinh doanh du lịch; đặc thù văn hóa trong kinh doanh lễ hành, nhà hàng, khách sạn,... Đồng thời, nắm vững phương pháp xây dựng môi trường kinh doanh có văn hóa, đề xuất giải pháp mới xây dựng văn hóa trong môi trường kinh doanh của du lịch.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được kỹ năng đọc, phân tích và tổng hợp các tài liệu về văn hóa trong kinh doanh du lịch.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc theo nhóm, viết báo cáo, thuyết minh, trình bày quan điểm về một vấn đề văn hóa trong kinh doanh du lịch.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học
- + Biết chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu
- + Cập nhật kiến thức thực tế liên quan đến môn học

- + Biết tôn trọng và học hỏi các nhà nghiên cứu khoa học
- + Có ý thức bảo vệ xây dựng văn hóa, văn minh trong hoạt động kinh doanh du lịch
- + Có ý thức xây dựng một nếp sống mang tính văn hóa cao, phê phán các hành vi thiếu văn hóa.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trình bày những vấn đề chung, khái quát về văn hóa trong kinh doanh du lịch, những lý thuyết căn bản về triết lí, đạo đức kinh doanh trong môi trường du lịch, những tác động qua lại giữa văn hóa và du lịch, biện pháp xây dựng môi trường kinh doanh có văn hóa.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm,		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
<p>CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA KINH DOANH DU LỊCH</p> <p>1.1. Văn hóa</p> <p>1.2. Du lịch</p> <p>1.3. Văn hóa du lịch (phân biệt với khái niệm du lịch văn hóa)</p> <p>1.4. Kinh doanh (kinh doanh du lịch)</p> <p>1.5. Văn hóa kinh doanh</p> <p>1.6. Văn hóa kinh doanh trong du lịch</p> <p>2. CÁC LĨNH VỰC VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH</p> <p>2.1. Vai trò của văn hóa đối với sự phát triển du lịch</p> <p>- Văn hóa là nguồn lực, là tài</p>	7			<p>Sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về văn hóa, du lịch, văn hóa du lịch, văn hóa kinh doanh, văn hóa trong kinh doanh du lịch, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển du lịch; Đồng thời nắm được các lĩnh vực thuộc về văn hóa có liên quan trong phát triển du lịch và biết cách khai thác các giá trị văn hóa để phục vụ du lịch.</p>	<p>Tham khảo tài liệu [1], [2]</p>

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁRỊA-VŨ

<p>nguyên để phát triển du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa là cách thức duy trì sự phát triển bền vững của du lịch <p>2.2. Khai thác các giá trị văn hóa trong kinh doanh du lịch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống di tích lịch sử-văn hóa - Lễ hội truyền thống - Các loại hình nghệ thuật dân gian - Các làng nghề truyền thống - Ẩm thực 					
<ul style="list-style-type: none"> - Các giá trị văn hóa khác: tôn giáo, tín ngưỡng, ngôn ngữ, phương ngữ, phong tục tập quán,... 					
<p>CHƯƠNG 2: VĂN HÓA KINH DOANH TRONG DU LỊCH</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những lĩnh vực cụ thể trong kinh doanh du lịch 2. Đặc điểm của văn hóa kinh doanh trong du lịch 3. Thuộc tính của văn hóa kinh doanh trong du lịch 4. Mỗi quan hệ giữa văn hóa và kinh doanh du lịch 5. Một số nội dung của văn hóa kinh doanh du lịch 6. Đạo đức trong kinh doanh du lịch 7. Tập quán kinh doanh du lịch 8. Vai trò của tôn giáo, tín ngưỡng trong kinh doanh du lịch 	<p>15</p>			<p>Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về các lĩnh vực kinh doanh trong du lịch; Biết được đặc điểm của văn hóa kinh doanh trong kinh doanh du lịch, thuộc tính, mối quan hệ, các nội dung cơ bản như: triết lý, đạo đức, tập quán trong kinh doanh du lịch, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân của Việt Nam và biết cách kinh doanh du lịch có văn</p>	<p>Tham khảo tài liệu [1], [2]</p>



9. Văn hóa doanh nghiệp và văn hóa doanh nhân 10. Kinh doanh du lịch văn hóa				hóa.	
CHƯƠNG 3: VĂN HÓA KINH DOANH DU LỊCH TRONG HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN 1. Thực trạng chung về nền văn hóa và môi trường kinh doanh du lịch 2. Những cơ hội và thách thức của kinh doanh du lịch trong bối cảnh hội nhập 3. Văn hóa quản lý và văn hóa quản lý trong kinh doanh du lịch	8			Hiểu và đánh giá được thực trạng chung của hoạt động kinh doanh du lịch ở Việt Nam; Biết cách bảo vệ văn hóa trong phát triển kinh doanh du lịch.	Tham khảo tài liệu [1], [2]
4. Bảo vệ văn hóa trong phát triển kinh doanh du lịch					
TỔNG	30				

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Mạnh Hùng (2017), *Văn hóa du lịch*, Nxb. ĐHQG Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Phan Ngọc (2010), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (2014), *Giáo trình Kinh tế Du lịch*, Nxb. Lao động.

[4]. Dương Thị Liễu (2011), *Giáo trình Văn hóa kinh doanh*, Nxb. Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Văn hóa Việt Nam.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Thực tập tốt nghiệp**

- Mã học phần: 0101120186

- Số tín chỉ: 4 (0, 4, 16)

- Học phần học trước: không

- Các yêu cầu đối với học phần:

+ Tham dự tối thiểu 80% thời gian thực tập.

+ Thực hiện và nộp đầy đủ báo cáo thực tập theo yêu cầu của giáo viên hướng dẫn.

1.1. Mục đích đi thực tập

- Thực tập tốt nghiệp là nhiệm vụ bắt buộc của mỗi sinh viên sau khi hoàn thành chương trình lý thuyết của khóa học.

- Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên vận dụng kiến thức tổng hợp của các môn học vào thực tế hoạt động, có điều kiện so sánh, giải thích, áp dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể thuộc chuyên ngành Văn hóa du lịch.

- Bước đầu tiếp cận thực tế các nội dung đã học ở chuyên ngành, sinh viên thực tập, học hỏi và làm quen với chuyên môn được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể làm việc được ngay tại các cơ quan, doanh nghiệp.

- Tìm hiểu về tổ chức và bộ máy hoạt động của cơ quan, doanh nghiệp, xu thế phát triển của các doanh nghiệp trong tương lai.

- Thực tập tốt nghiệp cũng giúp cho sinh viên rèn luyện tính tổ chức, kỷ luật, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo.

- Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, đối tác, cấp trên, biết xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh trong các hoạt động thực tiễn của đơn vị; rèn luyện khả năng biết liên kết, làm việc trong một cộng đồng, cùng vì một nhiệm vụ chung.

- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào một (hay một số) nội dung liên quan đến công việc cụ thể tại đơn vị thực tập.

- Giúp sinh viên có cơ hội tìm hiểu thực tế, làm quen với công tác nghiên cứu cũng như kỹ năng thu thập, xử lý thông tin làm báo cáo khoa học, chuẩn bị cho công tác tốt nghiệp.

1.2. Yêu cầu khi đi thực tập

- Hiểu và nắm vững về kiến thức chuyên ngành Văn hóa du lịch và những kiến thức bổ trợ liên quan.
- Tìm hiểu thực tiễn về nội dung đã học và những vấn đề có liên quan.
- Nhận xét và ghi chép về hoạt động trong thực tiễn tại cơ quan, doanh nghiệp, công ty so với cơ sở lý luận đã học tại trường. Giải thích sự khác biệt giữa thực tiễn và lý thuyết áp dụng tại các cơ quan, doanh nghiệp trên cơ sở lý luận và điều kiện thực tế của cơ quan, doanh nghiệp.
- Sinh viên phải có tinh thần tích cực và chủ động gặp gỡ, trao đổi với giáo viên hướng dẫn trong quá trình thực tập, nghiên cứu và trình bày kết quả trong báo cáo thực tập tốt nghiệp.
- Mỗi sinh viên trên cơ sở đã được hướng dẫn, tự lập cho mình một đề cương chi tiết sẽ thực hiện trong thời gian thực tập tại cơ sở.
- Yêu cầu sinh viên chấp hành nghiêm túc nội quy thực tập của Bộ môn và cơ sở thực tập.
- Kết thúc đợt thực tập, mỗi sinh viên viết một báo cáo theo đề cương chi tiết (*theo yêu cầu và mẫu kèm theo*). Bài báo cáo phải đính kèm phiếu nhận xét có đầy đủ chữ ký và dấu xác nhận của cơ sở thực tập (*mẫu kèm theo*).
- Báo cáo thực tập được tính là 1 môn học, tương đương 4 đơn vị học trình. Hình thức chấm điểm: Báo cáo trước hội đồng Bộ môn (ngày cụ thể thông báo khi nộp báo cáo).

1.3. Phạm vi thực tập tốt nghiệp

Sinh viên có thể thực tập tốt nghiệp tại các loại hình đơn vị sau:

- Các cơ quan văn hóa và du lịch như: Sở/Phòng/Ban/Trung tâm văn hóa các cấp; Các khu di tích lịch sử văn hóa; Bảo tàng; Khu tưởng niệm; Trung tâm thông tin – triển lãm; Báo/Tạp chí về văn hóa và Du lịch; Sở Du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch, làng du lịch, làng văn hóa dân tộc...
- Các công ty, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, nhà hàng, giải trí, nghệ thuật...

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** Thực hành vận dụng các kiến thức đã được học vào thực tế kinh doanh như nghiên cứu văn hóa, thị trường du lịch, xây dựng kế hoạch kinh doanh, quản lý văn hóa, sự kiện và hội nghị..., qua đó nghiên cứu phát hiện và đề xuất giải pháp cho những vấn đề cụ thể do thực tiễn đặt ra với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.
- **Kỹ năng:** Giúp sinh viên gắn lý thuyết với thực hành, làm quen với môi trường thực tế qua nghiên cứu và thực tập ở các cơ sở thực tập.

- **Thái độ:** Rèn luyện tác phong làm việc, kỹ năng, năng lực làm việc chuyên nghiệp, độc lập và sáng tạo để sinh viên có thể đảm đương được những vị trí nghề nghiệp cụ thể sau khi tốt nghiệp

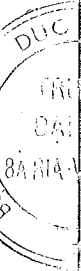
3. Tóm tắt nội dung học phần (Nội dung thực tập)

Báo cáo thực tập chuyên ngành Văn hóa du lịch là báo cáo tổng hợp hoạt động của đơn vị hay bộ phận thực tập từ đó đưa ra những kiến nghị và rút ra kinh nghiệm học hỏi được của sinh viên từ quá trình đi thực tập.

3.1. Kiến thức và kỹ năng đã được học

Sinh viên trong đợt thực tập này đã hoàn thành 127 tín chỉ trong tổng số 131 tín chỉ của chương trình đào tạo, bao gồm phần kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức cơ sở chuyên ngành, kiến thức chuyên ngành và được đào tạo một phần về kỹ năng, nghiệp vụ. Cụ thể như sau:

1. Kiến thức giáo dục đại cương
 - a. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin
 - b. Tư tưởng Hồ Chí Minh
 - c. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
 - d. Tiếng Anh (Toeic 450)
 - e. Tin học đại cương (Microsoft Office)
2. Kiến thức cơ sở ngành
 - a. Xã hội học đại cương
 - b. Tâm lý học đại cương
 - c. Pháp luật đại cương
 - d. Nhân học đại cương
 - e. Kinh tế vĩ mô
 - f. Môi trường và phát triển
 - g. Bảo tàng học
 - h. Tổng quan về du lịch
 - i. Phương pháp nghiên cứu khoa học
3. Kiến thức cơ sở chuyên ngành
 - a. Lịch sử văn minh thế giới
 - b. Cơ sở văn hóa Việt Nam
 - c. Tiến trình lịch sử Việt Nam
 - d. Địa lý du lịch
 - e. Các vùng văn hóa Việt Nam
 - f. Văn hóa-văn minh phương Đông
 - g. Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam
 - h. Phong tục tập quán Việt Nam
 - i. Văn hóa dân gian Việt Nam
 - j. Làng xã Việt Nam
 - k. Văn hóa ẩm thực
 - l. Di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam
 - m. Những biểu tượng văn hóa Việt Nam
 - n. Kiến trúc và mỹ thuật Việt Nam



- o. Làng nghề truyền thống Việt Nam
- 4. Kiến thức chuyên ngành
 - a. Tuyển điểm du lịch
 - b. Pháp luật du lịch
 - c. Thiết kế điều hành tour
 - d. Marketing du lịch
 - e. Nghệ thuật giao tiếp và tâm lý du khách
 - f. Du lịch sinh thái
 - g. Du lịch biển đảo Việt Nam
 - h. Quản trị du lịch lữ hành
 - i. An toàn du lịch
 - j. Văn hóa du lịch
 - k. Thị trường MICE
 - l. Quản trị văn phòng
 - m. Khởi nghiệp
- 5. Kỹ năng và nghiệp vụ

- a. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
- b. Nghiệp vụ lễ tân ngoại giao
- c. Nghiệp vụ xuất nhập cảnh
- d. Thanh toán quốc tế trong du lịch
- e. Kỹ năng thuyết minh du lịch
- f. Kỹ năng tổ chức hội nghị, sự kiện
- g. Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh du lịch
- h. Thực hành tuyển điểm du lịch

3.2. Công việc thực tập

Nêu rõ các công việc qui định sinh viên cần phải thực hiện về công tác chuyên môn, về quy tắc ứng xử trong thời gian thực tập và báo cáo thực tập.

3. Tiến độ thực tập

TT	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
1	05/12/2018 - 10/12/2018	Xét điều kiện thực tập tốt nghiệp	Phòng Đào tạo, Viện, Ngành Đông phương học
2	10/12/2018 - 15/12/2018	- Sinh viên đăng ký thực hiện Báo cáo thực tập tốt nghiệp; - Sinh viên lấy giấy giới thiệu thực tập tại Văn phòng Viện	Các giáo viên hướng dẫn thống nhất với sinh viên về tên đề tài hướng dẫn theo ngành học.
3	15/12/2018 - 20/12/2018	- Liên hệ cơ sở thực tập; - Nộp thông tin đơn vị thực tập của sinh viên về Viện.	

4	24/12/2018 - 28/02/2019	Sinh viên đi thực tập (8 tuần) Đợt 1: Từ ngày 24/12/2018 đến ngày 31/01/2019 (5 tuần) Đợt 2: Từ ngày 11- 28/02/2019 (3 tuần)	Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện báo cáo
5	05/03/2019	Nộp Hồ sơ thực tập và báo cáo thực tập tại Văn phòng Viện (có chữ ký của giáo viên hướng dẫn)	Sinh viên nộp Báo cáo thực tập tốt nghiệp (01 cuốn + 01 file pdf)
6	05/03/2019 - 10/03/2019	Giáo viên hướng dẫn chấm báo cáo thực tập	

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian		
			Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Giới thiệu về đơn vị thực tập				
2	Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu				
3	Thực trạng của vấn đề nghiên cứu				
4	Giải pháp và kiến nghị				
	TỔNG			120	

5. Nội quy thực tập

Để bảo đảm tốt kết quả thực tập, sinh viên có trách nhiệm thực hiện nội quy sau:

Điều 1: Tuyệt đối chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của người hướng dẫn thực tập và cơ sở thực tập.

Điều 2: Giữ vững đạo đức, tác phong của người sinh viên.

- gương mẫu, nhiệt tình trong công tác.
- Tận tụy với công việc, tôn trọng nhân cách của cán bộ công nhân viên.
- Xung hô đúng mực.
- Đầu tóc, quần áo gọn gàng, nghiêm chỉnh.

- Quan hệ với cán bộ công nhân viên đúng mực.

Điều 3: Giữ vững đoàn kết

- Đoàn kết với cán bộ công nhân viên tại cơ sở thực tập, với nhân dân địa phương.
- Giữ vững đoàn kết nội bộ. Thắng thắn phê bình và tự phê bình để giúp nhau cùng tiến bộ.

Điều 4: Đảm bảo ý thức tổ chức kỷ luật

- Không được nghỉ trong đợt thực tập. (Trường hợp đặc biệt phải được phép của giáo viên hướng dẫn thực tập và cán bộ hướng dẫn tại địa điểm thực tập).
- Nghiêm chỉnh thực hiện thời gian biểu và sự phân công của người hướng dẫn thực tập và cơ sở thực tập.

Điều 5: Tự giác chấp hành nội quy.

Mọi sinh viên tự giác chấp hành nội quy thực tập.

Người thực hiện tốt sẽ được biểu dương, ai vi phạm sẽ bị xử lý tùy mức độ nặng, nhẹ.

Điều 6: Báo cáo tình hình thực tập

- Sau khi đến cơ sở thực tập, sinh viên phải báo cáo cho Giáo viên phụ trách họ tên và số điện thoại của cán bộ trực tiếp quản lý, hướng dẫn tại cơ sở thực tập.
- Hàng tuần, sinh viên phải liên hệ với Giáo viên phụ trách để báo cáo tình hình thực tập của mình, có thể nộp trực tiếp hoặc qua email. Tình huống phát sinh đột xuất phải báo cáo ngay với Giáo viên phụ trách.
- Sinh viên nào không liên hệ, không báo cáo cho Giáo viên phụ trách theo đúng quy định sẽ bị đánh giá vào điểm thực tập tốt nghiệp.

6. Quy định trình bày báo cáo thực tập tốt nghiệp

- Báo cáo bắt buộc phải đánh máy trên giấy A4, tối thiểu 30 trang, tối đa 50 trang (không tính mục lục, phụ lục và tài liệu tham khảo).
- **Tờ 1:** Bìa báo cáo (theo mẫu quy định, màu xanh đối với hệ Đại học và màu vàng đối với hệ Cao đẳng).
- **Tờ 2:** Mục lục (ghi rõ các phần được trình bày trong báo cáo, số trang)
- **Tờ 3:** Nhận xét của cơ sở thực tập (theo mẫu, phải xin đầy đủ chữ ký của CBHD, chữ ký và dấu của cơ sở thực tập trước khi nộp cho Bộ môn).
- **Tờ 4:** Nhận xét của Giáo viên hướng dẫn (theo mẫu, có đầy đủ chữ ký của GVHD).
- **Tờ 5:** Lời cảm ơn (nếu có)
- **Từ tờ thứ 6:** Nội dung báo cáo.
 - + Mở đầu
 - + Nội dung báo cáo:

Phần 1. Giới thiệu chung về cơ sở thực tập

Phần 2. Hoạt động của cơ sở thực tập

Phần 3. Nội dung tự chọn

Phần 4. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị

+ Kết luận

+ Tài liệu tham khảo (*nếu có*): Xếp theo tên tác giả theo vần ABC.

+ Phụ lục (*nếu có*): Tranh ảnh minh họa về cơ sở thực tập, các hoạt động tại cơ sở thực tập.

7. Đánh giá kết quả thực tập

7.1. Thang điểm (Thang điểm 10)

1. Báo cáo quyền: 10 điểm

2. Điểm đánh giá tại cơ quan thực tập: 10 điểm

3. Điểm cuối cùng: là điểm trung bình cộng của báo cáo quyền do giảng viên hướng dẫn chấm và kết quả điểm do cán bộ tại cơ quan thực tập chấm.

7.2. Tiêu chí

Kết quả đánh giá dựa trên các yêu cầu sau:

- Nộp kế hoạch công việc đúng hạn
- Nộp nhật ký thực tập có ghi chép đầy đủ
- Nộp báo cáo đúng hạn
- Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định
- Báo cáo phải theo kế hoạch xác lập từ trước.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau:

- Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài
- Phương pháp, kỹ năng, tài liệu
- Kết quả nghiên cứu, khả năng ứng dụng
- Bố cục và hình thức trình bày.

Số lượng báo cáo thực tập tốt nghiệp phải nộp: **01** cuốn (*Bìa màu xanh dương*).

- Điểm của báo cáo thực tập tốt nghiệp do giáo viên hướng dẫn chấm và ghi vào danh sách do thư ký chuyển cho giảng viên theo mẫu của trường. Khi sinh viên nộp bảng báo cáo thực tập tốt nghiệp chính thức, giáo viên hướng dẫn cho sinh viên ký tên vào bảng điểm, xong giáo viên hướng dẫn ký tên vào bên dưới bảng điểm và nộp lại cho thư ký khoa.

Đề cương được Viện thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2018.

8. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



[Handwritten signatures]

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung**

- Tên học phần: **Khóa luận tốt nghiệp**
- Mã học phần: 0101120743
- Số tín chỉ: 8(0, 8, 16)
- Học phần học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần:

+ Thực hiện và nộp đầy đủ báo cáo thực tập theo yêu cầu của giáo viên hướng dẫn.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững hơn những vấn đề liên quan đến nghiên cứu khoa học, quan điểm, phương pháp luận và các bước tiến hành nghiên cứu khoa học. Việc lựa chọn vấn đề cần nghiên cứu, sự đóng góp của công trình nghiên cứu. Cách thức thu thập và các nguồn thông tin, xây dựng bảng câu hỏi, phương pháp phỏng vấn, chọn mẫu...

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Văn hóa du lịch là báo cáo tổng hợp hoạt động của đơn vị hay bộ phận thực tập từ đó đưa ra những kiến nghị và rút ra kinh nghiệm học hỏi được của sinh viên từ quá trình đi thực tập, có thể là một trong các học phần chủ yếu sau đây: Các vùng văn hóa Việt Nam, Các làng nghề truyền thống Việt Nam, Du lịch văn hóa, Du lịch biển đảo, Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, Thiết kế điều hành tour, Quản trị du lịch sự kiện và hội nghị, Marketing du lịch, Quản trị du lịch lữ hành, Thị trường MICE, Quản trị chất lượng dịch vụ...

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian		
			Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Giới thiệu về đơn vị thực tập				
2	Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu				
3	Thực trạng của vấn đề nghiên cứu				



4	Giải pháp và kiến nghị				
	TỔNG			240	

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

Hình thức đánh giá: báo cáo khóa luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

6.2. Tài liệu tham khảo

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lưu

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

Facebook: Quỳnh Lưu

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

(DUYỆT)

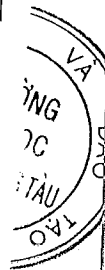


GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Bảo tàng học**
- Mã học phần: 0101122489
- Số tín chỉ: **02 (2, 0, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (*nếu có*): sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau.

+ Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

+ Tham gia đầy đủ 100% giờ cùng tham gia thảo luận, tranh luận và thuyết trình bài báo cáo của các nhóm thuyết trình.

+ Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm, nộp báo cáo và trình bày theo trình tự ngẫu nhiên.

+ Tham dự kiểm tra giữa học kỳ và dự thi kết thúc học phần.

+ Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

2. Chuẩn đầu ra của học phần

2.1 Kiến thức:

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận về bảo tàng, bảo tàng học như: khái niệm bảo tàng và Bảo tàng học; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và cấu trúc của bảo tàng học; đặc trưng, vai trò và các chức năng xã hội của bảo tàng; phân loại bảo tàng, đặc điểm của hiện vật bảo tàng; hiện vật trưng bày và vai trò của chúng trong hoạt động bảo tàng. Đồng thời, trang bị kiến thức về các hoạt động nghiệp vụ của bảo tàng như: sưu tầm, kiểm kê, bảo quản, trưng bày, giới thiệu; Giúp người học nắm rõ các thuộc tính và phân loại hiện vật gốc, hiện vật bảo tàng, chức năng của các loại tài liệu hiện vật trong trưng bày bảo tàng.

2.2 Kỹ năng:

Môn học là sự tập dượt cho sinh viên về một số kỹ năng nghiệp vụ cần thiết đối với một cán bộ bảo tàng trong tương lai như:

- Kỹ năng trong hoạt động sưu tầm, kiểm kê, tổ chức kho, bảo quản hiện vật, trưng bày và tổ chức phục vụ khách tham quan bảo tàng;
- Các kỹ năng trong quy trình kiểm kê, xếp hạng, phát huy giá trị di tích, nắm vững quy trình bảo quản, tu sửa di tích lịch sử - văn hóa.

2.3 Thái độ:

Chủ động và tích cực học hỏi, nâng cao kiến thức và rèn luyện kỹ năng chuyên môn; xây dựng ý thức tôn trọng, bảo vệ các di sản văn hóa của dân tộc (tài liệu, hiện vật bảo tàng), định hình, vun đắp lòng yêu nghề, nhiệt huyết, ý thức trách nhiệm của sinh viên trong quá trình bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc và nhân loại.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Bảo tàng học là một môn khoa học xã hội và nhân văn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Bảo tàng học để có năng lực thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tại các bảo tàng, di tích và các thiết chế văn hóa có liên quan đến bảo tồn, bảo tàng. Môn học tập trung vào việc giúp sinh viên có tư duy khoa học, có khả năng liên hệ với thực tiễn và cũng có thêm vốn kiến thức về lịch sử, địa lý, văn hóa – nghệ thuật, khoa học, khảo cổ và di tích lịch sử ở Việt Nam.

Học phần này gồm 6 chương có nội dung căn bản như sau:

Chương 1. Bảo tàng và đặc trưng của bảo tàng

Chương 2. Công tác sưu tầm

Chương 3. Công tác kiểm kê, xác định và ghi chép khoa học về các di tích, hiện vật của bảo tàng

Chương 4. Công tác bảo quản kho

Chương 5. Công tác trưng bày

Chương 6. Công tác quần chúng

4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Chương 1. BẢO TÀNG VÀ	4	3	0	Hiểu được các khái	Chuẩn bị

<p>ĐẶC TRƯNG CỦA BẢO TÀNG</p> <p>I. Khái niệm</p> <p>II. Sự hình thành và phát triển của bảo tàng và bảo tàng học</p> <p>III. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu bảo tàng học</p> <p>IV. Vai trò, chức năng của bảo tàng trong xã hội</p> <p>V. Phân loại bảo tàng</p> <p>VI. Đặc trưng của bảo tàng</p>				<p>niệm cơ bản của bảo tàng, bảo tàng học; sự hình thành và phát triển của bảo tàng; đối tượng, phương pháp nghiên cứu bảo tàng học; vai trò, chức năng của bảo tàng trong xã hội; biết cách phân loại và đặc trưng của bảo tàng.</p>	<p>bài ở nhà và tham khảo tài liệu số [2], [3], [4], [7], [8], [10]</p>
<p>Chương 2. CÔNG TÁC SƯU TẦM</p> <p>I. Nội dung và nhiệm vụ công tác sưu tầm bảo tàng</p> <p>II. Tính chất nghiên cứu khoa học của công tác sưu tầm</p> <p>III. Phương thức và phương pháp sưu tầm di tích của bảo tàng</p> <p><i>III.1 Phương pháp khảo sát</i></p> <p><i>III.2 Phương pháp tổ chức những chuyến đi công tác khoa học</i></p>	<p>4</p>	<p>3</p>	<p>0</p>	<p>Nắm được kiến thức về hoạt động sưu tầm của bảo tàng như: nội dung, nhiệm vụ, tính chất, phương pháp sưu tầm di tích và hiện vật của bảo tàng; Thực hành đi sưu tầm một số hiện vật có giá trị xung quanh cuộc sống và lập hồ sơ cho hiện vật.</p>	<p>Chuẩn bị bài ở nhà và tham khảo tài liệu số [2], [3], [5], [6], [8], [11]</p>

DU
T
E
BÀ
R
C

<p>Chương 3. CÔNG TÁC KIỂM KÊ, XÁC ĐỊNH VÀ GHI CHÉP KHOA HỌC VỀ CÁC DI TÍCH, HIỆN VẬT CỦA BẢO TÀNG</p> <p>I. Nhiệm vụ kiểm kê các di tích của bảo tàng</p> <p>II. Kiểm kê bước đầu và chỉnh lý khoa học bước đầu các kho bảo tàng</p> <p><i>II.1 Lập biên bản các di tích của bảo tàng</i></p> <p><i>II.2 Sổ kiểm kê bước đầu</i></p>	4	3	0	<p>Nắm được kiến thức về hoạt động kiểm kê, xác định và ghi chép khoa học về các di tích, hiện vật của bảo tàng.</p> <p>- Biết được nhiệm vụ cụ thể của công tác kiểm kê;</p> <p>- Biết cách lập các biên bản di tích của bảo tàng; làm sổ kiểm kê, biên mục</p>	<p>Chuẩn bị bài ở nhà và tham khảo tài liệu số [2], [3], [5], [8], [10], [11]</p>
<p><i>II.3 Các loại sổ kiểm kê các hiện vật bảo tàng khác</i></p> <p>III. Kiểm kê hệ thống và biên mục khoa học kho bảo tàng</p> <p>III.1 Nhiệm vụ và tổ chức biên mục khoa học</p> <p>III.2 Biên mục khoa học hay hộ chiếu khoa học</p> <p>III.3 Đánh số các di tích của bảo tàng</p>				khoa học...	

C
R
A
A
/

<p>Chương 4. CÔNG TÁC BẢO QUẢN KHO</p> <p>I. Nhiệm vụ của bảo quản và tu sửa các di tích trong kho của bảo tàng</p> <p>II. Phân nhóm các di tích chính của bảo tàng</p> <p>II.1 Phân nhóm và sắp xếp di tích</p> <p>II.2 Nhiệt độ và độ ẩm</p> <p>II.3 Ánh sáng</p> <p>II.4 Những tác hại do giới thực vật và động vật gây nên</p>				<p>Nắm được kiến thức về công tác bảo quản kho của bảo tàng: nhiệm vụ cụ thể của công tác bảo quản kho; Biết cách phân nhóm, sắp xếp di tích, các yếu tố ảnh hưởng, Một số đặc điểm về bảo quản các mẫu tự nhiên, bảo quản di tích của bảo tàng, di tích văn</p>	<p>Chuẩn bị bài ở nhà và tham khảo tài liệu số [2], [3], [4], [5], [9], [9], [10]</p>
<p>III. Một số đặc điểm về bảo quản các mẫu tự nhiên</p> <p>III.1 Mẫu tự nhiên thuộc thành phần vô cơ</p> <p>III.2 Mẫu tự nhiên thuộc thành phần hữu cơ</p> <p>IV. Một số đặc điểm về bảo quản di tích của bảo tàng, di tích văn hóa</p> <p>IV.1 Những sản phẩm thuộc thành phần vô cơ</p> <p>IV.2 Những sản phẩm thuộc thành phần hữu cơ</p> <p>IV.3 Những sản phẩm thuộc thành phần phức tạp</p>	4	3	0	hóa...	

TRƯỜNG
HỌC
VÙNG
★

<p>Chương 5. CÔNG TÁC TRUNG BÀY</p> <p>I. Vị trí và ý nghĩa của công tác trung bày</p> <p>II. Tổ chức trung bày</p> <p>II.1 Lập kế hoạch trang trí trung bày</p> <p>II.2 Trang trí kiến trúc nghệ thuật</p> <p>II.3 Bài viết trong trung bày bảo tàng</p> <p>II.4 Lắp ráp trung bày</p> <p>III. Kỹ thuật trung bày</p>	4	3	0	<p>Nắm được kiến thức về công tác trung bày của bảo tàng: Vị trí, ý nghĩa của công tác trung bày; Cách thức tổ chức trung bày: trang trí, bài viết, sắp xếp hiện vật...</p>	<p>Chuẩn bị bài ở nhà và tham khảo tài liệu số [2], [3], [4], [5], [9], [10]</p>
<p>III.1 Sắp xếp hiện vật trung bày</p> <p>III.2 Màu sắc trong trung bày bảo tàng</p> <p>III.3 Ánh sáng trong trung bày bảo tàng</p> <p>III.4 Phương tiện trung bày của bảo tàng</p>					
<p>Chương 6. CÔNG TÁC QUẢN CHỨNG</p> <p>I. Vị trí, ý nghĩa công tác quản chứng của bảo tàng</p> <p>I.1 Thu hút người đến xem bảo tàng</p> <p>I.2 Giúp người xem tìm hiểu nội dung trung bày của bảo tàng</p> <p>I.3 Tạo điều kiện phục vụ nhân dân ở những nơi xa bảo tàng</p>	3	2	0	<p>Nắm được kiến thức về công tác quản chứng của bảo tàng: Vị trí, ý nghĩa của công tác quản chứng; những hình thức công tác quản chứng;</p> <p>- Biết cách xây dựng bài thuyết minh, giới thiệu, tổ chức, hướng dẫn khách tham quan bảo tàng.</p>	<p>Chuẩn bị bài ở nhà và tham khảo tài liệu số [2], [3], [4], [5], [7], [9], [10], [11]</p> <p>- Sinh viên</p>

12/11/2017

II. Những hình thức công tác quần chúng				- Kết thúc môn học là	tham gia
II.1 Hướng dẫn tham quan				chuyến tham quan	chuyến đi
II.2 Công tác tổ chức cuộc tham quan				thực tế tại các bảo tàng ở thành phố Hồ Chí Minh.	và viết bài thu hoạch
II.3 Nói chuyện					
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

{Yêu cầu và cách thức đánh giá, sự hiện diện trên lớp, mức độ tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, các quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra, bài tập lớn, tiểu luận}

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận.

Ghi chú:

- Đối với học phần thực hành, sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thí nghiệm, thực hành, điểm trung bình cộng các bài thí nghiệm, thực hành trong học kỳ làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần đó.

- Tùy theo đặc thù của học phần, có thể chọn các hình thức đánh giá dưới dạng bài tập lớn, tiểu luận, mô hình, video clip.

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Lê Minh Chiến (2010), *Giáo trình bảo tàng học*, Nxb. ĐH Đà Lạt.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Văn Huy (2005), *Các công trình nghiên cứu của bảo tàng dân tộc học*, Nxb KHXH.

[3]. Vương Hồng (2008), *Giao tiếp tiếng Anh trong dịch vụ văn hóa và Viện bảo tàng*, Nxb Hồng Đức.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Trần Thị Quỳnh Lư

Năm sinh: 1988

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Việt Nam học.

Thông tin liên hệ: quynhluuqb.vnh@gmail.com

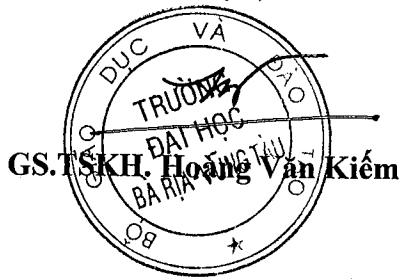
BẢO TÀNG

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Trần Thị Quỳnh Lưu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: NGỮ PHÁP 1 (TIẾNG HÀN)
- Mã học phần: 0101120898
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên cấu trúc ngữ pháp trình độ Sơ cấp
- Kỹ năng: kỹ năng sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trình độ Sơ cấp
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Ngữ pháp 1 (tiếng Hàn), có kỹ năng ứng dụng thành thạo các cấu trúc ngữ pháp đã học vào các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Bảng chữ cái tiếng Hàn	2	1	0	-Thuộc bảng chữ cái tiếng Hàn -Có thể ghép vần và đọc được từ vựng tiếng Hàn	- Phát âm tiếng Hàn theo hướng dẫn của gv

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 2: Chuẩn bị 1 이에요/예요	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 3: Chuẩn bị 2 이게 뭐예요? 저게	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 4: Chuẩn bị 3 있어요/ 없어요 숫자 개, 명, 병, 권	2	1		Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 5: Chuẩn bị 4 -이/가 -(장소)에 있어요	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 6: Số điện thoại của bạn là số mấy? 전화번호가 몇 번이에요? -숫자(2) -얼마예요?	2	1	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 7: Bạn đi đâu đấy?	2	1	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp
				<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 8: Xem phim ở rạp chiếu phim	2	1	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 9: Hôm qua tôi không đi học	2	1	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận

V.A
 KINH
 ĐẠI
 BA
 CH
 H
 H

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 10: Ngân hàng ở đâu thế?	2	1		Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 11: Đi như thế nào đến Trường đại học Seogang?	1	2		Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
					<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 12: Ôn tập từ bài 1-5	1	2		Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Nắm vững kiến thức ngữ pháp từ bài 1-5
Bài 13: Ôn tập từ bài 6-11	1	1		Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Nắm vững kiến thức ngữ pháp từ bài 6-11
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút (2 bài)

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1A*, Đại học Sogang Hàn Quốc, Nxb Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2013), Giáo trình *Tiếng Hàn tổng hợp 1*, NXB Giáo dục
3. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, Nxb Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc.
4. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Yonsei, NXB Đại học Yonsei.
5. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Seoul, Nxb Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá xã hội Hàn Quốc thông qua tác phẩm văn học.

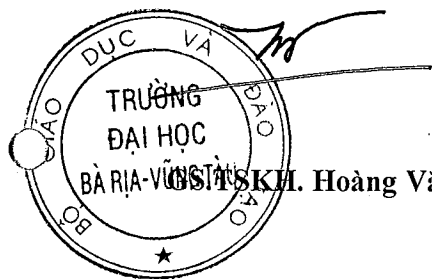
Thông tin liên hệ: thualim@gmail.com

Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



PGS.TS. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **NGHE 1 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101121405
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** cung cấp sinh viên những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề trong bài học và mở rộng vốn hiểu biết về Hàn Quốc thông qua các bài nghe bổ sung lấy từ đề thi Topik – thi năng lực tiếng Hàn. Từ đó, giúp sinh viên có kiến thức vừa sâu vừa đa dạng và làm các bài thi Topik một cách dễ dàng.

- **Kỹ năng:** rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Hàn cho sinh viên, tập cho sinh viên phản ứng nhanh nhạy và kịp thời khi nghe người Hàn nói chuyện hoặc phát biểu. Kết hợp kỹ năng nói trong quá trình giảng dạy để giúp sinh viên phát triển hài hòa giữa nghe và nói khi giao tiếp.

- **Thái độ:** giúp sinh viên mạnh dạn và tự tin hơn trong giao tiếp, phản ứng nhanh nhạy khi giao tiếp với người Hàn Quốc; giúp sinh viên yêu thích tiếng Hàn và có thái độ học tập một cách tích cực.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 11 bài, trong đó học chữ cái: 1 tuần, Chuẩn bị 1, 2, 3, 4 trong 4 tuần và 6 bài còn lại trong 6 tuần tiếp theo, 1 tuần ôn tập và thi giữa kỳ. Mỗi bài học theo một chủ đề khác nhau. Giảng viên vừa sử dụng giáo trình chính, vừa bổ sung thêm một số giáo trình khác bên ngoài để cung cấp thêm kiến thức cho sinh viên một cách đa dạng.



4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
Bài 1: Làm quen bảng chữ cái tiếng Hàn	2	2		- Nghe phát âm về chữ cái tiếng Hàn	- Chuẩn bị bài - Thực hành nghe - nói - Làm bài tập
Chuẩn bị 1: Hân hạnh gặp mặt	2	1		- Nghe hỏi về những câu đầu tiên sử dụng khi gặp mặt	- Chuẩn bị bài - Thực hành nghe - nói - Làm bài tập
Chuẩn bị 2: Cái này là cái gì?	2	1		- Nghe về cách hỏi đồ vật xung quanh	- Chuẩn bị bài - Thực hành nghe - nói - Làm bài tập
Chuẩn bị 3: Hãy cho tôi cà phê	2	1		- Học cách nhờ vả, cầu khiến ai thông qua những bài nghe	- Chuẩn bị bài - Thực hành nghe - nói - Làm bài tập
Chuẩn bị 4: Ga Seoul ở đâu?	2	1		- Hỏi - nghe - đáp về địa điểm, thực hành hỏi các địa điểm xung quanh nơi mình sinh sống	- Chuẩn bị bài - Thực hành nghe - nói - Làm bài tập
Bài 1: Sinh nhật của tôi là ngày 26 tháng 5	2	1		- Nghe - nói về sinh nhật, mời tới tiệc sinh nhật, chuẩn bị quà sinh nhật	- Chuẩn bị bài - Thực hành nghe - nói - Làm bài tập
Ôn tập, thi giữa kỳ	1	2		- củng cố kiến thức đã học - Thi giữa kỳ	- Sv làm bài thi giữa kỳ
Bài 2: Bạn có rảnh vào lúc 1 giờ không?	2	1		- Nghe - nói về thời gian - Hỏi đáp về ngày giờ hẹn gặp	- Chuẩn bị bài - Thực hành nghe - nói - Làm bài tập

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ
Bài 3: Tôi cũng thích xem phim	2	1	- Nghe – nói về sở thích - Học cách nói chuyện về sở thích và tham gia các nhóm cùng sở thích	- Chuẩn bị bài - Thực hành nghe - nói - Làm bài tập
Bài 4: Tại sao bạn không tới điểm hẹn?	2	1	- Nghe các tình huống phát sinh không dự đoán được, các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống	- Chuẩn bị bài - Thực hành nghe - nói - Làm bài tập
Bài 5: Tôi đã tới văn phòng để gặp Suchan	2	1	- Nghe – nói về cách tìm đến một địa điểm hẹn gặp, cách dùng các phương tiện giao thông tới điểm hẹn	- Chuẩn bị bài - Thực hành nghe - nói - Làm bài tập
Bài 6: Hãy đón xe bus 273 Ôn tập cuối kỳ	2	2	- Thực hành nghe về phương tiện giao thông, so sánh phương tiện Việt Nam và Hàn Quốc	- Chuẩn bị bài - Thực hành nghe - nói - Làm bài tập
Tổng	23	15		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] 김성희외 6명 (2016), *서강 한국어 1A*, 서강대학교 국제문화교육원 출판사.

Kim Seong Hee và nhóm biên soạn (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Seogang 1A*, Nxb. Viện giáo dục văn hóa Quốc tế.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 서울대학교 언어교육원 (2016), *한국어 1*, [주]문진미디어.

ĐH Seoul(2016), *Giáo trình tiếng Hàn Seoul 1A, 1B*, Nxb. Moonjinmidea.

[3] Cho Háng Rok, Lee Mi Hye (2013), Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyện - *Giáo trình tổng hợp dành cho người Việt Nam 1* – Nxb. KB Kookmin Bank.

[4] Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Dongguk대학교 한국어연구원.

DH Dongguk (2015), *Cùng học tiếng Hàn*, Nxb. DH Dongguk.

[5] 최정선 (2013), *Yonsei Korean 1-1, 1-2*, 연세언어원출판사.

Choi Jeong Soon (2013), *Yonsei Korean 1-1, 1-2*, Nxb. Viện ngôn ngữ ĐH Yeonsei.

[6] Bộ đề thi Topik I lần thứ 35 ~ 54, Topik.or.kr

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

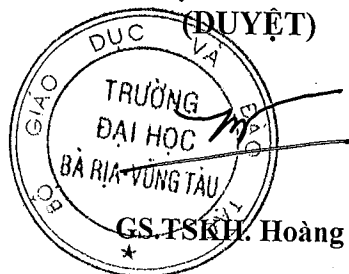
Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(QUYẾT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiểm

Hoàng Văn Kiểm
GS.TS. Hoàng Văn Kiểm

Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: NÓI 1 (TIẾNG HÀN)
- Mã học phần: 0101121406
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên kiến thức nói ở trình độ Sơ cấp
- Kỹ năng: kỹ năng sử dụng thành thạo các câu nói phù hợp ở những tình huống thuộc trình độ Sơ cấp
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nói 1 (tiếng Hàn).

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phân cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Bảng chữ cái tiếng Hàn	2	1	0	-Thuộc bảng chữ cái tiếng Hàn -Có thể ghép vần và đọc được từ vựng tiếng Hàn	- Phát âm tiếng Hàn theo hướng dẫn của gv

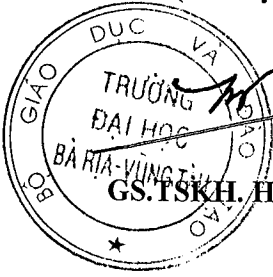
Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 2: Chuẩn bị 1 Chào hỏi	2	1	0	Nói được những câu chào hỏi đơn giản	- Thực hành nói những câu chào hỏi đơn giản
Bài 3: Chuẩn bị 2 Giới thiệu đồ đạc	2	1	0	Nói những câu giới thiệu đồ đạc trong phòng học, phòng ngủ	Thực hành nói những câu giới thiệu đồ đạc trong phòng học, phòng ngủ
Bài 4: Chuẩn bị 3 Mua hàng hoá	2	1		Nói những câu mua bán đơn giản	Thực hành nói những câu mua hàng hoá đơn giản
Bài 5: Chuẩn bị 4 Hỏi đường	2	1	0	Hỏi và trả lời những câu chỉ đường đơn giản	Thực hành những câu hỏi và trả lời những câu chỉ đường đơn giản
Bài 6: Số điện thoại của bạn là số mấy?	2	1		Hỏi và trả lời về số điện thoại, số tiền	Thực hành hỏi và trả lời về số điện thoại, số tiền
Bài 7: Bạn đi đâu đấy?	2	1		Hỏi giờ, địa điểm	Thực hành hỏi giờ và địa điểm
Bài 8: Xem phim ở rạp chiếu phim	2	1		Nói về một hoạt động cụ thể trong một địa điểm cụ thể	Thực hành nói về một hoạt động cụ thể trong một địa điểm cụ thể
Bài 9: Hôm qua tôi không đi học	2	1		Nói những câu thời quá khứ	Thực hành nói những câu thời quá khứ
Bài 10: Ngân hàng ở đâu thế?	2	1		Nói những câu giao dịch ngân hàng đơn giản	Thực hành nói những câu giao dịch ngân hàng đơn giản
Bài 11: Đi như thế nào đến Trường đại học Seogang?	1	2		Nói những câu đề nghị, thức mệnh lệnh	Thực hành những câu đề nghị, thức mệnh lệnh

DU
 TI
 ĐA
 HÀ RI
 *

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

Handwritten signature of PGS.TS. Hoàng Văn Việt
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Handwritten signature of Ths. Nguyễn Thị Thu Hà
Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **ĐỌC 1 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101120897
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để hoàn thiện một câu, tăng cường kỹ năng đọc hiểu câu văn, đoạn văn.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để đặt câu.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản đã học bao gồm cả một số điểm ngữ pháp và từ vựng để hoàn thành câu nói giao tiếp cũng như tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Ngoài ra sinh viên còn được thực hành kỹ năng đọc hiểu câu, văn bản dưới dạng đơn giản để nắm bắt nhanh ý và nội dung chính qua một số bài học tham khảo. Bên cạnh nội dung bài học trong giáo trình thì sinh viên còn được làm quen với một số dạng bài đọc đa dạng chủ đề với cấp độ và nội dung tương đương để trau dồi thêm kỹ năng đọc hiểu.

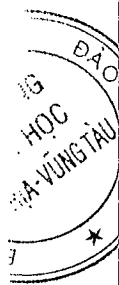
4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí		
	Lý thuyết	Bài tập,	nghiệm, thực		

		thảo luận	hành, điền dã		
Tuần 1: Bảng chữ cái tiếng Hàn	2	1		-Phụ âm, nguyên âm, cách ghép. -Phát âm -Cấu tạo chữ Hàn	-Học thuộc phụ âm, nguyên âm, cách ghép và nhớ các nguyên tắc viết từ
Tuần 2 Cách ghép phụ âm, nguyên âm	2	1		-Cách ghép - Nguyên tắc phát âm (biến âm và phụ âm cuối)	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 3 Bài 1: 반갑습니다 Rất vui được gặp	2	1		-Cách chào hỏi, tự giới thiệu. -Cách làm quen, chào	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm liên quan đến chủ đề thảo luận. -Làm bài tập.
				hỏi của người Hàn Quốc. -Từ vựng liên quan đến nghề nghiệp, quốc gia, lời chào.	
Tuần 4 Bài 2: 이게 뭐예요? Cái này là cái gì?	2	2		-Cách diễn đạt hỏi về đồ dùng, sự vật mà mình không biết rõ. -Giới thiệu về tên đồ vật, máy móc, trang thiết bị...trong phòng học, nơi làm việc. Quốc. -Từ vựng liên quan đến các đồ dụng, vật dụng thiết yếu cho sinh hoạt hàng ngày.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 5 Bài 3: 커피 주세요 Vui lòng cho tôi ly cà phê	2	1		-Cách diễn đạt số lượng của đồ vật, sự vật. -Cách thể hiện yêu cầu người khác làm hay	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm hội thoại liên quan đến chủ đề thảo luận. -Làm bài tập.



				<p>đưa đồ vật, vật dụng cho mình.</p> <p>-Từ vựng liên quan đến các vật dụng, số đếm để diễn đạt số lượng, trang thiết bị sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày.</p>	
<p>Tuần 6</p> <p>Bài 4: : 서울역이 어디에 있어요? Ga Seoul ở đâu?</p>	2	2		<p>-Đọc hiểu cách diễn đạt hỏi và trả lời vị trí của ai đó, của đồ vật, trang thiết bị, máy móc...</p> <p>-Từ vựng liên quan nơi chốn, địa điểm, vị trí. Đọc hiểu bài miêu tả vị trí đồ vật trong phòng của bản thân.</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
<p>Tuần 7</p> <p>Ôn tập và thi giữa kỳ</p>	2	1		<p>- Làm bài tập.</p> <p>-Ôn tập</p>	<p>- Hệ thống lại toàn bộ từ vựng và các điểm ngữ pháp đã học.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
<p>Tuần 8</p> <p>Bài 5: 전화번호가 몇번이에요? Số điện thoại của anh là số mấy?</p>	2	1		<p>-Cách dùng số đếm để diễn đạt số điện thoại, số nhà, ngày tháng năm, giá cả.</p> <p>-Tìm hiểu về cách thể hiện chúc mừng vào những ngày có ý nghĩa (sinh nhật, tốt nghiệp...)</p> <p>-Từ vựng liên quan số đếm Hán Hàn, những ngày kỷ niệm, lễ tết</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm hội thoại liên quan đến bài học.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
<p>Tuần 9</p> <p>Bài 6: 어디에 가요? Anh đi đâu vậy?</p>	2	1		<p>-Cách diễn đạt thời gian và hoạt động cụ thể cho từng khoảng thời gian.</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.</p>



				-Các hoạt động cuối tuần của người Hàn Quốc. -Từ vựng liên quan đến những hoạt động hằng ngày, thời gian, số đếm Thuần Hàn.	-Làm bài tập.
Tuần 10 Bài 7: Tôi xem phim ở rạp chiếu phim	1	1		-Đọc hiểu một số hoạt động cuối tuần. -Tìm hiểu về các môn vận động, thể dục. -Từ vựng liên quan đến nơi chốn và các động từ chỉ hoạt động.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm hội thoại liên quan đến bài học. -Làm bài tập.
Tuần 11 Bài 8: Hôm qua tôi đã không đi đến trường	2	1		-Tìm hiểu đuôi kết thúc câu thì quá khứ -Hình thức phủ định của động từ và tính từ. -Đọc hiểu câu diễn tả về sau có hiện tượng, sự việc tương tự câu trước. -Từ vựng về thời gian.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 12 Bài 9: Ngân hàng ở đâu vậy?	1	1		-Đọc và tìm hiểu cách miêu tả mục đích để thực hiện hành động nào đó. -Cách miêu tả vị trí của sự vật. -Từ vựng liên quan đến vị trí, đồ vật.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 13 Bài 10: Nếu muốn đến trường đại học Sogang thì đi như thế nào?	1	1		-Tìm hiểu cách nói khuyên ai đừng làm việc gì. -Cách diễn đạt thể hiện ước muốn hay	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



PGS.TS. *Hoàng Văn Kiêm*

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: VIẾT 1 (TIẾNG HÀN)
- Mã học phần: 0101120896
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên kiến thức để viết những văn bản thuộc trình độ Sơ cấp.
- Kỹ năng: kỹ năng viết những câu đơn; những đoạn hội thoại sơ cấp
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Viết 2 (tiếng Hàn), có kỹ năng viết những đoạn hội thoại trình độ sơ cấp như chào hỏi, nói về thời gian, địa điểm.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

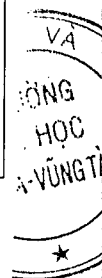
4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Bảng chữ cái tiếng Hàn	2	1	0	-Viết được bảng chữ cái tiếng Hàn - Viết được từ đơn tiếng Hàn -Viết được chính tả	- Viết âm tiếng Hàn theo hướng dẫn của gv

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 2: Chuẩn bị 1 이예요/예요	2	1	0	Viết đoạn hội thoại ngắn về chào hỏi	- Nghe băng và viết lại - Luyện ghép vần
Bài 3: Chuẩn bị 2 이게 뭐예요? 저게	2	1	0	Viết đoạn hội thoại về đồ vật, nơi để đồ vật đó	- Viết câu - Viết đoạn - Viết bài
Bài 4: Chuẩn bị 3 있어요/ 없어요 숫자	2	1	0	Viết đoạn hội thoại về đặt đồ uống, yêu cầu đồ uống, đồ ăn	- Viết câu - Viết đoạn - Viết bài
개,명,병,권					
Bài 5: Chuẩn bị 4 -이/가 -(장소)에 있어요	2	1	0	Viết những đoạn hội thoại về hỏi đường, nơi chốn	- Viết câu - Viết đoạn - Viết bài
Bài 6: Số điện thoại của bạn là số mấy? 전화번호가 몇 번이에요? -숫자(2) -얼마예요?	2	1	0	Viết những đoạn hội thoại về địa chỉ, số nhà, số điện thoại	- Viết câu - Viết đoạn - Viết bài



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 7: Bạn đi đâu đấy? 몇 시예요? (장소)에 가요 아/어요 (시간)에	2	1	0	Viết những đoạn hội thoại về địa điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Viết câu - Viết đoạn - Viết bài
Bài 8: Xem phim ở rạp chiếu phim 을/를 아/어요(2)	2	1	0	Viết những đoạn hội thoại giới thiệu đang ở đâu, làm gì	<ul style="list-style-type: none"> - Viết câu - Viết đoạn - Viết bài
동사 에서					
Bài 9: Hôm qua tôi không đi học 았/었어요 안 도 시간	2	1	0	Viết những đoạn hội thoại ứng dụng ngữ pháp chỉ thời quá khứ	<ul style="list-style-type: none"> - Viết câu - Viết đoạn - Viết bài
Bài 10: Ngân hàng ở đâu thế? 위, 아래, 앞, 뒤 으러 가요/봐요	2	1	0	Viết những đoạn hội thoại chỉ đường tới ngân hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Viết câu - Viết đoạn - Viết bài



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 11: Đi như thế nào đến Trường đại học Seogang? 으로 으세요 지 마세요 고 싶어요	1	2	0	Viết những đoạn hội thoại ứng dụng cấu trúc mệnh lệnh	- Viết câu - Viết đoạn - Viết bài
Bài 12: Ôn tập từ bài 1-5	1	2	0	Viết tổng hợp các bài hội thoại từ 1-5	- Viết câu - Viết đoạn - Viết bài
Bài 13: Ôn tập từ bài 6-11	1	1	0	Viết tổng hợp các bài hội thoại từ 6-11	- Viết câu - Viết đoạn - Viết bài
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút (2 bài)

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1A*, Đại học Sogang Hàn Quốc, Nxb Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2013), Giáo trình *Tiếng Hàn tổng hợp 1*, NXB Giáo dục

3. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, Nxb Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc.



4. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Yonsei, NXB Đại học Yonsei.

5. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Seoul, NXB Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá văn học.

Thông tin liên hệ: thualim@gmail.com


Facebook: Thuha Lim


Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

HIỆU TRƯỞNG (DUYỆT) HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm


PGS.TS. Hoàng Văn Việt


Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: NGỮ PHÁP 2 (TIẾNG HÀN)
- Mã học phần: 0101120901
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên cấu trúc ngữ pháp trình độ Sơ cấp
- Kỹ năng: kỹ năng sử dụng thành thạo cấu trúc ngữ pháp trình độ Sơ cấp
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Ngữ pháp 2 (tiếng Hàn), có kỹ năng ứng dụng thành thạo các cấu trúc ngữ pháp đã học vào các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 1: Ôn tập	2	1	0	Ôn tập lại kiến thức Ngữ pháp 1 (tiếng Hàn)	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 2: -(으)ㄹ 거예요 -(으)ㄹ 수 있다/없다	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu
					<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 3: -은 -지 않아요 -아/어 보세요	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 4: -으세요 -으셨어요	2	1		Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	2	1	0		
Bài 5: -을 줄 알아요/ 몰라요 -아/어야 해요 -거나	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 6: Ôn tập và thi giữa kỳ	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu
					- Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 7: -을까요? -하고 -고	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 8: 못 -아/어서 -으려고 해요	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận

V
HỌ
VŨNG
*

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 9: -아/어 봤어요 -아/어 주세요	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp. - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 10: -보다 (더) 제일	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu
					- Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 11: Ôn tập từ bài 1-5	1	2	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng làm bài tập - Ứng dụng trong giao tiếp - Ứng dụng trong đọc hiểu - Ứng dụng trong viết bài luận
Bài 12: Ôn tập từ bài 6-10	1	2	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Nắm vững kiến thức ngữ pháp từ bài 1-5
Bài 13: Tổng kết	1	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Nắm vững kiến thức ngữ pháp từ bài 6-11
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1B*, Đại học Sogang Hàn Quốc, Nxb Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2013), Giáo trình *Tiếng Hàn tổng hợp 1*, NXB Giáo dục

3. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, Nxb Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc.

4. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Yonsei, NXB Đại học Yonsei.

5. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Seoul, Nxb Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

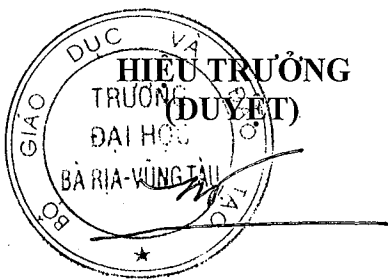
Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá xã hội Hàn Quốc thông qua tác phẩm văn học.

Thông tin liên hệ: thuhelim@gmail.com


Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm


PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **NGHE 2 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101121407
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

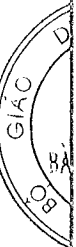
- **Kiến thức:** cung cấp sinh viên những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề trong bài học và mở rộng vốn hiểu biết về Hàn Quốc thông qua các bài nghe bổ sung lấy từ đề thi Topik – thi năng lực tiếng Hàn. Từ đó, giúp sinh viên có kiến thức vừa sâu vừa đa dạng và làm các bài thi Topik một cách dễ dàng.

- **Kỹ năng:** rèn luyện kỹ năng nghe tiếng Hàn cho sinh viên, tập cho sinh viên phản ứng nhanh nhạy và kịp thời khi nghe người Hàn nói chuyện hoặc phát biểu. Kết hợp kỹ năng nói trong quá trình giảng dạy để giúp sinh viên phát triển hài hòa giữa nghe và nói khi giao tiếp.

- **Thái độ:** giúp sinh viên mạnh dạn và tự tin hơn trong giao tiếp, phản ứng nhanh nhạy khi giao tiếp với người Hàn Quốc; giúp sinh viên yêu thích tiếng Hàn và có thái độ học tập một cách tích cực.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 8 bài với 8 chủ đề khác nhau. Sau 2 bài sẽ có một tuần ôn tập sâu thêm về chủ đề đó bằng các bài học tương đương của các giáo trình khác. Giữa kỳ học sẽ có 1 buổi ôn tập và thi giữa kỳ. Các chủ đề trong môn học gồm: sức khỏe, mua sắm, du lịch, sở thích, lý do, ẩm thực, học tập và cuộc hẹn.



4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	L T	B T			
Bài 1: Ngày mai có đi du lịch không? 내일 여행 갈 거예요?	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Nghe đoạn hội thoại về chủ đề du lịch, về kế hoạch cho kỳ nghỉ. - Luyện phát âm - Tập nói chuyện về du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Nghe và trả lời câu hỏi - Làm bài tập
Bài 2: Hãy mặc thử áo này 이 옷을 입어 보세요	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Nghe đoạn hội thoại về chủ đề mua sắm, hỏi về kích thước, màu sắc hàng hóa, ... - Luyện phát âm - Tập nói chuyện về mua sắm 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Nghe và trả lời câu hỏi - Làm bài tập
Ôn tập bài 1, 2 연습	2	2		<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập hai chủ đề đã học - Luyện nghe thêm các bài liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Nghe và trả lời câu hỏi - Làm bài tập
Bài 3: Đạo này có khỏe không? 요즘 어떻게 지내세요?	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Nghe đoạn hội thoại về lý do vắng mặt trong các tiết học, học cách xin lỗi - Luyện phát âm - Tập nói chuyện về sức khỏe, các triệu chứng bệnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Nghe và trả lời câu hỏi - Làm bài tập
Bài 4: Bạn có biết bơi không? 수영할 줄 알아요	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Học từ vựng về chủ đề thể thao - Nghe đoạn hội thoại về kế hoạch tập luyện cuối tuần - Luyện phát âm - Nói chuyện về vận động 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Nghe và trả lời câu hỏi - Làm bài tập

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Ôn tập bài 3, 4 Thi giữa kỳ	2	2	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập hai chủ đề đã học - Luyện nghe thêm các bài liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Nghe và trả lời câu hỏi - Làm bài tập
Bài 5: Cùng đi xem phim nhé! 같이 영화 볼까요?	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe về kế hoạch trong các ngày nghỉ, cách lên kế hoạch và thực hiện kế hoạch đảo Jeju - Luyện phát âm - Nói về những việc làm trong kỳ nghỉ lễ 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Nghe và trả lời câu hỏi - Làm bài tập
Bài 6: Em bị ốm nên không thể đến lớp được 아파서 못 갔어요	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe đoạn hội thoại về lỗi lầm, học cách giải thích và xin lỗi khi trễ hẹn hoặc gây ra lỗi lầm - Luyện phát âm 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Nghe và trả lời câu hỏi - Làm bài tập
Ôn tập 5, 6	2	2		
연습			<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập hai chủ đề đã học - Luyện nghe thêm các bài liên quan 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Nghe và trả lời câu hỏi - Làm bài tập
Bài 7: Tôi đã ăn thử món ăn Hàn Quốc 한국 음식을 먹어 봤어요	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hội thoại về cách đặt món ăn, học thêm từ vựng liên quan đến ẩm thực - Nói chuyện về ẩm thực - Luyện phát âm 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Nghe và trả lời câu hỏi - Làm bài tập
Bài 8: Tiết học nói thú vị nhất 말하기 수업이 제일 재미있었어요 Ôn tập bài 7, 8	2	2	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe đoạn hội thoại về cách chuẩn bị đồ khi đi du lịch, tìm hiểu về các địa phương trước khi đi du lịch - Thảo luận về kế hoạch du lịch - Luyện phát âm 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Nghe và trả lời câu hỏi - Làm bài tập
Tổng	23	15		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần;

- Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Kim성희외 6명 (2016), *서강 한국어 1A*, 서강대학교 국제문화교육원 출판사.

Kim Seong Hee và nhóm biên soạn (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Seogang 1B*, Nxb. Viện giáo dục văn hóa Quốc tế.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 서울대학교 언어교육원 (2016), *한국어 1*, [주]문진미디어.

ĐH Seoul(2016), *Giáo trình tiếng Hàn Seoul 1A, 1B*, Nxb. Moonjinmidea.

[3] Cho Hang Rok, Lee Mi Hye (2013), Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyện - *Giáo trình tổng hợp dành cho người Việt Nam 1, 2*, Nxb. KB Kookmin Bank.

[4] 동국대 (2015), *함께 배우는 한국어*, 동국대학교 한국어연구원.

ĐH Dongguk (2015), *Cùng học tiếng Hàn*, Nxb. ĐH Dongguk.

[5] 최정선 (2013), *Yonsei Korean 1-1, 1-2*, 연세언어원출판사.

Choi Jeong Soon (2013), *Yonsei Korean 1-1, 1-2*, Nxb. Viện ngôn ngữ ĐH Yonsei.

[6] Bộ đề thi Topik I lần thứ 35 ~ 54, Topik.or.kr

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiểm

Handwritten signature
GS.TS. Hoàng Văn Việt

Handwritten signature

Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: NÓI 2 (TIẾNG HÀN)
- Mã học phần: 0101121409
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên từ vựng, cấu trúc, phản xạ nói trình độ Sơ cấp.

- Kỹ năng: kỹ năng nói trình độ Sơ cấp

- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nói 2 (tiếng Hàn), có kỹ năng giao tiếp cơ bản thuộc trình độ Sơ cấp.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Ôn tập	2	1	0	Giao tiếp về những việc đã làm trong đợt nghỉ, đợt thi học kỳ	Thực hành kể về kỳ thi học kỳ trước
Bài 2: Ngày mai tôi sẽ đi du lịch	2	1	0	Nói về kế hoạch du lịch cá nhân	Thực hành nói về kế hoạch du lịch cá nhân



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 3: Đề xuất thử quần áo	2	1	0	Nói những câu giao tiếp tại cửa hàng quần áo	Thực hành nói những câu giao tiếp tại cửa hàng quần áo
Bài 4: Đạo này bạn sống như thế nào?	2	1	0	Nói theo chủ đề	Thực hành theo chủ đề
Bài 5: Bạn có biết bơi không?	2	1	0	Hỏi về khả năng có thể làm gì đó	Thực hành nói về khả năng có thể làm gì đó hay không
Bài 6: Thi giữa kỳ	2	1	0	Làm bài giữa kỳ	Làm bài giữa kỳ
Bài 7: Bạn có muốn đi xem phim không?	2	1	0	Nói theo chủ đề	Thực hành theo chủ đề
Bài 8: Tôi không thể đi vì bị ốm	2	1	0	Nói theo chủ đề	Thực hành theo chủ đề
Bài 9: Tôi đã từng ăn món ăn Hàn Quốc	2	1	0	Nói theo chủ đề	Thực hành theo chủ đề
Bài 10: Môn nói là thú vị nhất	2	1	0	Nói theo chủ đề	Thực hành theo chủ đề
Bài 11: Ôn tập từ bài 1-5	1	2	0	Nói theo chủ đề	Thực hành theo chủ đề
Bài 12: Ôn tập từ bài 6-10	1	2	0	Nói theo chủ đề	Thực hành theo chủ đề
Bài 13: Tổng kết	1	1	0	Nói theo chủ đề	Thực hành theo chủ đề
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút (2 bài)

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1B*, Đại học Sogang Hàn Quốc, Nxb Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2013), Giáo trình *Tiếng Hàn tổng hợp 1*, NXB Giáo dục

3. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, Nxb Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc.

4. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Yonsei, NXB Đại học Yonsei.

5. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Seoul, Nxb Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ Hàn, văn học Hàn Quốc, văn hoá Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thuhlim@gmail.com

Facebook: Thuha Lim

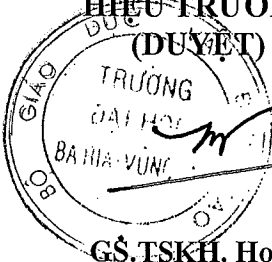
Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

GS.TS. Hoàng Văn Việt

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **ĐỌC 2 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101120902
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để hoàn thiện một câu, tăng cường kỹ năng đọc hiểu đoạn văn, chủ đề... kiến thức về một số lĩnh vực có liên quan hay gắn gũi với bài học một cách thực tế.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để đặt câu.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.
- + Có thể làm bài thi TOPIK tương đương.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản đã học bao gồm cả một số điểm ngữ pháp và từ vựng để hoàn thành câu nói giao tiếp cũng như tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị kỹ năng đọc hiểu câu, văn bản dưới dạng đơn giản để nắm bắt nhanh ý và nội dung chính. Bên cạnh nội dung bài học trong giáo trình thì sinh viên còn được làm quen với một số dạng bài đọc có cấp độ và nội dung tương đương để trau dồi thêm kỹ năng đọc hiểu.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

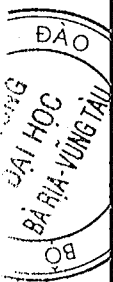
4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí		
	Lý thuyết	Bài tập,	nghiệm, thực		

		thảo luận	hành, điền đã		
Tuần 1 Bài 1: Ôn tập	2	1		-Hệ thống và ôn tập, làm bài tập	-Học thuộc từ mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.
Tuần 2 Ngày mai tôi sẽ đi du lịch	2	1		-Tìm hiểu về cách biểu hiện về khả năng có thể hay không thể làm việc gì. -Đọc và tìm hiểu về du lịch và đưa lên kế hoạch cho kỳ nghỉ hay một dịp nào đó.	-Học thuộc từ mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.
Tuần 3 Bài 2: Chị hãy mặc thử áo này	2	1		-Tìm hiểu cách diễn đạt theo dạng phủ định đối với động từ và tính từ. -Đọc và tìm hiểu nội dung về quá trình mua bán, trao đổi hàng hóa, mua sắm và miêu tả cụ thể về sản phẩm.	-Học thuộc từ mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.
Tuần 4 Bài 3: Đạo này anh sống thế nào?	2	1		-Đọc và tìm hiểu về cách sử dụng kính ngữ. -Các biểu hiện của sức khỏe. -Đọc và tìm hiểu thông tin mở rộng về việc nói rõ lý do không thực hiện hoạt động gì được do sức khỏe không tốt. -Đọc đoạn văn và sau đó trao đổi thông tin với bạn bè về việc sử dụng kính ngữ cho đoạn văn.	-Học thuộc từ mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.



				Nội dung về hỏi thăm sức khỏe...	
Tuần 5 Bài 4: Tôi biết bơi	2	1		-Đọc và tìm hiểu cách diễn đạt khả năng có thể thực hiện việc gì. -Cách diễn đạt về việc bắt buộc cần phải thực hiện hành động gì. Sau đó tìm hiểu thêm về các môn thể thao, âm nhạc...	-Học thuộc từ mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.
Tuần 6 Ôn tập	1	1		Ôn tập và thi giữa kỳ	-Học thuộc từ mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.
Tuần 7 Bài 5:Chúng ta cùng đi xem phim nhé?	2	1		- Cách diễn đạt rủ hay đề nghị ai đó cùng làm việc gì. -Đọc và tìm hiểu thêm về các cuộc hẹn, các hoạt động cho cuộc hẹn giữa 2 người bạn.	-Học thuộc từ mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.
Tuần 8 Bài 6: Vì tôi không khỏe nên tôi không thể đi đến được	1	2		- Tìm hiểu các từ vựng và thông tin liên quan về giải thích lý do hay dự định làm việc gì. - Đọc và tìm hiểu cách đưa ra tình huống không thể thực hiện hành động đã định trước và có đưa ra lý do hay nguyên nhân phù hợp.	-Học thuộc từ mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.
Tuần 9	2	1		- Tìm hiểu các từ vựng,	-Học thuộc từ



Bài 7: Tôi đã ăn thử món Hàn Quốc				thông tin liên quan đến mùi vị thức ăn và ẩm thực nói chung. -Đọc và tìm hiểu thêm về văn hóa ẩm thực Hàn Quốc và sau đó trao đổi thông tin với bạn bè.	mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.
Tuần 10 Bài 8: Tiết học nói là thú vị nhất	1	2		-Tìm hiểu từ vựng có liên quan đến trường học, giờ học. -Đọc và tìm hiểu về môi trường học tập ở Hàn Quốc của sinh viên nước ngoài.	-Học thuộc từ mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.
Tuần 11	2	1		Làm bài tập tham khảo	-Học thuộc từ
Đọc thêm bài tham khảo				một số bài đọc hiểu khác	mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.
Tuần 12 Ôn tập	2	1		Ôn tập và hệ thống kiến thức	-Học thuộc từ mới và làm bài tập. - Ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước bài mới.
Tổng	23	15			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Trường Đại học Sogang (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1B*, Nxb. Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2012), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 1*, Nxb. Giáo dục

[3] Trường đại học Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Nxb. Viện Giáo dục Ngôn ngữ trường ĐH Dongguk.

[4] Trường Đại học Yeonsei (2013), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1-1*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[5] Trường Đại học Seoul (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1A*, Nxb. Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

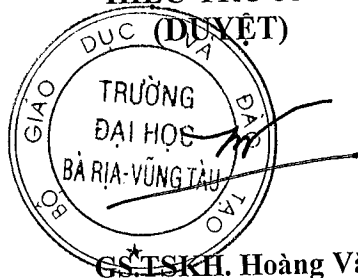
Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355 , Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: VIẾT 2 (TIẾNG HÀN)
- Mã học phần: 0101120900
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên kiến thức để viết tiếng Hàn ở trình độ Sơ cấp
- Kỹ năng: kỹ năng viết những bài viết ở trình độ Sơ cấp
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Viết 1 (tiếng Hàn).

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Ôn tập	2	1	0	Ôn tập lại kiến thức Ngữ pháp 1 (tiếng Hàn)	- Thực hành viết bài giới thiệu bản thân
Bài 2: -(으)ㄹ 거예요 -(으)ㄹ 수 있다/없다	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp Ứng dụng NP để viết câu, đoạn, bài văn	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng viết bài

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 3: -은 -지 않아요 -아/어 보세요	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp Ứng dụng NP để viết câu, đoạn, bài văn	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng viết bài
Bài 4: -으세요 -으셨어요	2	1		Nắm vững cấu trúc ngữ pháp Ứng dụng NP để viết câu, đoạn, bài văn	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng viết bài
Bài 5: -을 줄 알아요/ 몰라요 -아/어야 해요 -거나	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp Ứng dụng NP để viết câu, đoạn, bài văn	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng viết bài
Bài 6: Ôn tập và thi giữa kỳ	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp Ứng dụng NP để viết câu, đoạn, bài văn	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng viết bài
Bài 7: -을까요? -하고 -고	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp Ứng dụng NP để viết câu, đoạn, bài văn	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng viết bài
Bài 8: 못 -아/어서 -으려고 해요	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp Ứng dụng NP để viết câu, đoạn, bài văn	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng viết bài

JC
 TRU
 ĐAI
 RIAT

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 9: -아/어 봤어요 -아/어 주세요	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp Ứng dụng NP để viết câu, đoạn, bài văn	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng viết bài
Bài 10: -보다 (더) 제일	2	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp Ứng dụng NP để viết câu, đoạn, bài văn	- Hiểu cấu trúc - Ứng dụng viết bài
Bài 11: Ôn tập từ bài 1-5	1	2	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp Ứng dụng NP để viết câu, đoạn, bài văn	- Nắm vững kiến thức ngữ pháp từ bài 1-5
Bài 12: Ôn tập từ bài 6-10	1	2	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Nắm vững kiến thức ngữ pháp từ bài 6-11
Bài 13: Tổng kết	1	1	0	Nắm vững cấu trúc ngữ pháp	- Hiểu kiến thức toàn bộ chương trình
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút (2 bài)

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1B*, Đại học Sogang Hàn Quốc, Nxb Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2013), Giáo trình *Tiếng Hàn tổng hợp 1*, NXB Giáo dục.

3. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, Nxb Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc.



4. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Yonsei, NXB Đại học Yonsei.

5. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1*, Trường Đại học Seoul, Nxb Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá văn học.

Thông tin liên hệ: thualim@gmail.com

Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiém

Handwritten signature of PGS.TS. Hoàng Văn Việt
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Handwritten signature of Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **NGŨ PHÁP 3 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101120905
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để hoàn thiện một câu, tăng cường kỹ năng đọc hiểu câu văn, đoạn văn.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để đặt câu.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp ở mức độ nâng cao hơn so với cấp độ cơ bản nhằm giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu hay viết câu khi kết hợp các điểm ngữ pháp đó với nguồn từ vựng đã học. Các điểm ngữ pháp đa dạng, phù hợp với từng tính huống mà người nói, người nghe muốn truyền tải nội dung. Từ đó sinh viên có thể tạo các đoạn hội thoại theo tình huống một cách dễ dàng hoặc tạo phản xạ nhanh trong các tình huống giao tiếp, so sánh và đối chiếu với một số điểm ngữ pháp tương đương trong quá trình học, ứng dụng phù hợp cho từng trường hợp cụ thể.

4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp	Thí nghiệm,		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, thực hành,		

		luận	điền đ		
Tuần 1: Bài 1: Tên của anh là gì?	2	1	0	-Cấu trúc kính ngữ trong giao tiếp. -Cấu trúc: sẽ làm việc gì cho ai đó. -Cấu trúc phủ định đối với danh từ -Cách chào hỏi, giới thiệu và trao đổi thông tin bản thân.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 2 Bài 1: Ôn tập	2	1	0	Ôn tập và chia nhóm tạo tình huống chào hỏi và giới thiệu về bản thân, trao đổi các thông tin cá nhân với các bạn trong nhóm.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 3 Bài 2: Sau giờ học anh làm gì?	2	1	0	-Cấu trúc miêu tả hành động đang diễn ra ở thời điểm nào đó: đang... -Dự định làm việc gì: định là..., dự định là... -Miêu tả trình tự công việc theo thứ tự trước, sau.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm liên quan đến chủ đề thảo luận. -Làm bài tập.
Tuần 4 Bài 3: Tôi đã đi gặp bạn và xem phim	2	2	0	-Cấu trúc diễn tả về thời gian cho hoạt động nào đó: trước khi... -Cấu trúc miêu tả thời gian: khi... -Cấu trúc diễn tả trình tự của hoạt động:.....và...,rồi... -Tìm hiểu về các hoạt động giữ gìn sức khỏe của người Hàn Quốc.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 5 Bài 4: Nếu đi tuyến số 2 thì có thể đến Insadong không?	2	1	0	-Cấu trúc giả định: nếu...thì... -Cấu trúc hỏi ý kiến, mời ai cùng thực hiện hành động gì: .. nhé?	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm hội thoại liên quan đến chủ đề



				-Cấu trúc miêu tả hành động sẽ thực hiện trong tương lai: sẽ... -Miêu tả trình tự của các hoạt động.	thảo luận. -Làm bài tập.
Tuần 6 Ôn tập và hệ thống kiến thức đã học	2	2	0	Ôn tập các bài đã học và thi giữa kỳ	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 7 Bài 5: Hôm nay tôi bận nên mai đi	2	1	0	-Định ngữ cho động từ. -Cấu trúc rủ rê, đề nghị ai cùng làm việc gì. -Cấu trúc giải thích lý do, nguyên nhân. -Cấu trúc nói lên quyết tâm làm việc gì.	- Hệ thống lại toàn bộ từ vựng và các điểm ngữ pháp đã học. -Làm bài tập.
Tuần 8 Bài 6: Tôi ngồi đây được không?	2	1	0	-Cấu trúc giả định có thể thực hiện một hoạt động nào đó hay không. -Cấu trúc được phép làm việc gì đó hay không -Đuôi kết thúc câu thể hiện chủ ý của chủ ngữ.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 9 Bài 7: Quý khách thích màu nào?	1	1	0	-Cấu trúc thực hiện yêu cầu của đối phương. -Cách diễn tả màu sắc. -Các biểu hiện dùng trong mua bán, giao dịch.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 10 Bài 8:Anh chị dùng gì?	2	1	0	-Mẫu câu nhờ ai đó làm gì giúp mình. -Mẫu câu nói gián tiếp -Từ vựng liên quan đến trao đổi đặt chỗ, gọi món ăn, các biểu hiện trong nhà hàng.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.

C
TRƯỜNG
HỌC
TỈNH

Tuần 11 Ôn tập và mở rộng một số điểm ngữ pháp mới	1	1	0	-Làm bài tập và học mở rộng một số điểm ngữ pháp mới thường dùng trong giao tiếp	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tuần 12 Bài 9: Vui lòng chuyển lời là tôi đã gọi điện thoại	1	1	0	-Mẫu câu nói gián tiếp ở thì hiện tại, quá khứ và tương lai. -Mẫu câu thường dùng trong giao tiếp qua việc trao đổi bằng điện thoại.	-Chuẩn bị nội dung liên quan đến bài thuyết trình. -Ôn tập và xem lại các bài đã học
Tuần 13 Ôn tập và hệ thống kiến thức	2	1		Ôn tập và làm các dạng bài tập theo cấu trúc ngữ pháp đã học	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Sogang (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2A*, Nxb. Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2012), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 2*, Nxb. Giáo dục.

[3] Trường đại học Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Nxb. Viện Giáo dục Ngôn ngữ trường ĐH Dongguk.

[4] Trường Đại học Yeonsei (2013), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2-1*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[5] Trường Đại học Seoul (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1B*, Nxb. Đại học Seoul

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355

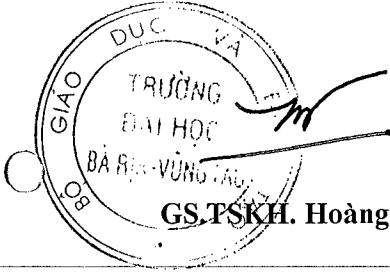
, Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

Handwritten signature

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Handwritten signature

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: NGHE 3 (TIẾNG HÀN)
- Mã học phần: 0101121408
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên từ vựng và ngữ pháp độ Sơ cấp
- Kỹ năng: kỹ năng nghe hiểu trình độ Sơ cấp
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nghe 3 (tiếng Hàn), có kỹ năng ứng dụng thành thạo trong giao tiếp thực tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Đăng ký học tiếng Hàn ở Trung tâm	2	1	0	<ul style="list-style-type: none">- Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe- Trả lời được câu hỏi nghe hiểu- Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none">- Làm bài tập- Viết chính tả

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh
	2	1	0		
Bài 2: Tình cơ gặp lại	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 3: Giải trí cuối tuần	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 4: Chỉ đường đến rạp chiếu phim	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 5: Thể loại phim ảnh	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 6: Quy tắc trong lớp học	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu - Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả

TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 HÀ NỘI
 HÀ NỘI-VŨ

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh
Bài 7: Mua sắm	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 8: Khai trương cửa hàng	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 9: Nấu ăn	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 10: Siêu thị	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu - Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 11: Ngân hàng	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu - Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh
	1	1			
Bài 12: Tính cách	1	1		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 13: Ôn tập	1	1		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3A*, Đại học Sogang Hàn Quốc, Nxb Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2013), Giáo trình *Tiếng Hàn tổng hợp 3*, NXB Giáo dục

3. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3*, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, Nxb Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc.

4. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3*, Trường Đại học Yonsei, NXB Đại học Yonsei.

5. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3*, Trường Đại học Seoul, Nxb Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá xã hội Hàn Quốc thông qua tác phẩm văn học.

Thông tin liên hệ: thuhelim@gmail.com

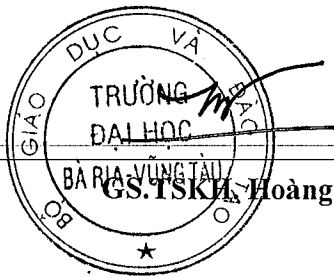
Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



[Handwritten signature]
PGS.TS. Hoàng Văn Kiệt

[Handwritten signature]

GS. TSKH. Hoàng Văn Kiêm

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **NÓI 3 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101121410
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để hoàn thiện một câu, tăng cường kỹ năng nói từng câu văn hoặc hội thoại, nhận và trao đổi, tương tác thông tin.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để đặt câu.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản đã học để hoàn thành câu nói giao tiếp cũng như tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Áp dụng những điểm ngữ pháp đã học cùng với nguồn từ vựng để thực hành nói từ câu đơn giản đến câu dài nhiều ý. Bên cạnh đó thực hành tạo các hội thoại giao tiếp theo từng tình huống, trường hợp tương ứng cụ thể như trao đổi thông tin cá nhân, hỏi đường, một số hoạt động theo sở thích...

4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp			
	Lý thuyết	Thí nghiệm, thực hành, diễn đã		
	Bài tập, thảo luận			

Tuần 1: Bài 1: Tên của anh là gì?	2	1	0	-Thực hành cấu trúc kính ngữ trong giao tiếp. -Cấu trúc: sẽ làm việc gì cho ai đó. -Cách nói cấu trúc phủ định đối với danh từ -Cách chào hỏi, giới thiệu và trao đổi thông tin bản thân.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 2 Bài 1: Ôn tập	2	1	0	Ôn tập và chia nhóm tạo tình huống chào hỏi và giới thiệu về bản thân, trao đổi các thông tin cá nhân với các bạn trong nhóm.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 3 Bài 2: Sau giờ học anh làm gì?	2	1	0	-Thực hành cấu trúc miêu tả hành động đang diễn ra ở thời điểm nào đó: đang... -Cách nói Dự định làm việc gì: định là..., dự định là... -Miêu tả trình tự công việc theo thứ tự trước, sau.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm liên quan đến chủ đề thảo luận. -Làm bài tập.
Tuần 4 Bài 3: Tôi đã đi gặp bạn và xem phim	2	2	0	-Thực hành cấu trúc diễn tả thời gian cho hoạt động nào đó: trước khi... -Cách nói cấu trúc miêu tả thời gian: khi... -Cấu trúc diễn tả trình tự của hoạt động:.....và..., rồi -Tìm hiểu về các hoạt động giữ gìn sức khỏe của người Hàn Quốc.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 5 Bài 4: Nếu đi tuyến số 2 thì có thể đến Insadong không?	2	1	0	-Cách thể hiện mẫu câu giả định: nếu...thì... -Cấu trúc hỏi ý kiến,	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm



				<p>mời ai cùng thực hiện hành động gì: .. nhé?</p> <p>-Cách thể hiện cấu trúc miêu tả hành động sẽ thực hiện trong tương lai: sẽ...</p> <p>-Miêu tả trình tự của các hoạt động.</p>	<p>hội thoại liên quan đến chủ đề thảo luận.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
Tuần 6 Ôn tập và hệ thống kiến thức đã học	2	2	0	Ôn tập các bài đã học và thi giữa kỳ	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
Tuần 7 Bài 5: Hôm nay tôi bận nên mai đi	2	1	0	<p>-Thực hành câu có chứa Định ngữ cho động từ.</p> <p>-Cấu trúc rủ rê, đề nghị ai cùng làm việc gì.</p>	<p>- Hệ thống lại toàn bộ từ vựng và các điểm ngữ pháp đã học.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
				<p>-Cách nói mẫu câu giải thích lý do, nguyên nhân.</p> <p>-Thực hành cấu trúc nói lên quyết tâm làm việc gì.</p>	
Tuần 8 Bài 6: Tôi ngồi đây được không?	2	1	0	<p>-Cách nói cấu trúc giả định có thể thực hiện một hoạt động nào đó hay không.</p> <p>-Thực hành với cấu trúc được phép làm việc gì đó hay không</p> <p>-Thể hiện câu với đuôi kết thúc câu thể hiện chủ ý của chủ ngữ.</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
Tuần 9 Bài 7: Quý khách thích màu nào?	1	1	0	<p>-Thực hành cấu trúc thực hiện yêu cầu của đối phương.</p> <p>-Cách diễn tả màu sắc.</p> <p>-Các biểu hiện dùng trong mua bán, giao</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.</p> <p>-Làm bài tập.</p>

1C
 TRƯỜNG
 ĐẠI HỌC
 HÀ NỘI
 HÀ NỘI
 ★

				địch.	
Tuần 10 Bài 8: Anh chị dùng gì?	2	1	0	-Mẫu câu nhờ ai đó làm gì giúp mình. -Tạo tình huống giao tiếp có sử dụng mẫu câu nói gián tiếp -Kết hợp từ vựng liên quan đến trao đổi đặt chỗ, gọi món ăn để hoàn thành các đoạn hội thoại cơ bản ở nhà hàng	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 11 Ôn tập và thực hành nói một số chủ đề mới	1	1	0	Lập nhóm và trao đổi thông tin theo từng tình huống cụ thể có sử dụng các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tuần 12 Bài 9: Vui lòng chuyển lời là tôi đã gọi điện thoại	1	1	0	-Thực hành mẫu câu nói gián tiếp ở thì hiện tại, quá khứ và tương lai. -Cách diễn tả mẫu câu thường dùng trong giao tiếp qua việc trao đổi bằng điện thoại.	-Chuẩn bị nội dung liên quan đến bài thuyết trình. -Ôn tập và xem lại các bài đã học
Tuần 13 Ôn tập và hệ thống kiến thức	2	1	0	Ôn tập và hoàn thành hội thoại theo tình huống cụ thể	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

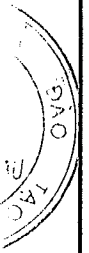
Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận



6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Sogang (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2A*, Nxb. Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2012), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 2*, Nxb. Giáo dục

[3] Trường Đại học Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Nxb. Viện Giáo dục Ngôn ngữ trường ĐH Dongguk.

[4] Trường Đại học Yeonsei (2013), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2-1*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[5] Trường Đại học Seoul (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1B*, Nxb. Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355

, Email: thuynghvt@gmail.com

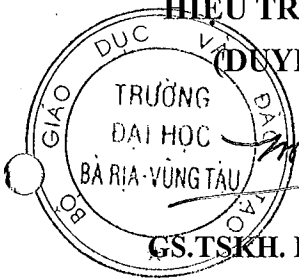
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

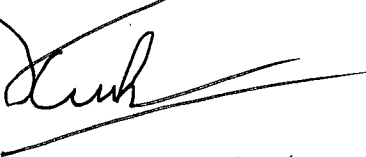
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH


GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(DUYỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm


PGS.TS. Hoàng Văn Việt


Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **ĐỌC HIỂU 3 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101120904
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp liên quan đến các chủ đề: trường lớp, thăm hỏi, sức khỏe, trang phục, ẩm thực, tính cách và ngân hàng. Học hỏi thêm về văn hóa giao tiếp và ứng xử của người Hàn.
- Kỹ năng: rèn luyện kỹ năng đọc và hiểu về nội dung của đoạn văn, đoạn hội thoại. Xây dựng kỹ năng dịch và ứng dụng kiến thức vào cuộc sống hàng ngày.
- Thái độ: sinh viên mạnh dạn hơn sau khi học được những kỹ năng đọc, hiểu và dịch được đoạn văn, đoạn hội thoại. Từ đó, giúp sinh viên tập làm thông dịch viên trong các tình huống.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần có 12 bài với 12 chủ đề khác nhau xoay quanh cuộc sống hàng ngày, đó là: Giới thiệu bản thân, xử lý vấn đề, thói quen, tặng quà, sở thích, ẩm thực, mua sắm, giao thông, kỷ niệm. Tuần 6 ôn tập và thi giữa kỳ. tuần cuối vừa học vừa ôn thi cuối kỳ. Hàng tuần sinh viên sẽ được tiếp cận với bài học trong giáo trình và được bổ sung các bài học khác không có trong giáo trình nhưng liên quan tới chủ đề đã đưa ra.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Giới thiệu bản thân	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - SV học những từ vựng liên quan đến giới thiệu bản thân và giới thiệu cả người thân, bạn bè, thầy cô của mình 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Phát biểu
Bài 2: Xử lý vấn đề	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - SV làm quen và thực hành với những cấu trúc, từ vựng liên quan tới những sự việc xảy ra không theo ý muốn và cách giải quyết các tình huống đó. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Phát biểu
Bài 3: Thói quen	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc hiểu những bài viết nói về thói quen của bản thân cũng như gia đình, bạn bè. Kết hợp kỹ năng nghe nói để giới thiệu về thói quen. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Bài 4: Tặng quà	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - SV học hỏi kỹ năng đọc hiểu, nói chuyện, tư vấn về cách chọn quà, tặng quà cho bạn bè và người thân, cách mua sắm và giải quyết các tình huống phát sinh khi mua sắm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Bài 5: Sở thích	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - SV đọc hiểu những bài viết nói về sở thích của bản thân cũng như gia đình, bạn bè. Kết hợp kỹ năng nghe nói để giới thiệu về sở thích. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Bài 6: Ôn tập, thi giữa kỳ	1	3		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên ôn tập toàn bộ kiến thức đã học về các chủ đề, làm bài thi giữa kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Làm bài thi
Bài 7: Âm thực (1)	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tìm hiểu về đặc trưng ẩm thực của Hàn Quốc, học từ vựng về các món ăn và cách chế biến vài món ăn đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ
Bài 8: Mua sắm	2	1	- Sinh viên đọc các bài viết về mua sắm, cách đổi, trả hàng, hoàn tiền khi mua hàng bị lỗi.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Bài 9: Âm thực (2)	2	1	- Sinh viên đọc hiểu sâu hơn về âm thực Hàn Quốc, các bài viết về chế biến các món ăn phức tạp hơn.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Bài 10: Hẹn gặp	2	1	-Đọc hiểu bài viết về hẹn gặp bạn bè, thầy cô. Tìm hiểu về văn hóa “hẹn” của người Hàn Quốc.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Bài 11: Giao thông	2	1	-Tìm hiểu về các phương tiện giao thông, cách thức sử dụng và văn hóa giao thông của Hàn Quốc.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Bài 12: Kỷ niệm Ôn tập cuối kỳ	2	2	-Đọc các bài viết về kỷ niệm, thực hành nghe và nói về kỷ niệm của bản thân mình.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Tổng	23	15		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần; Hình thức thi: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. 김성희외 (2016), *서강 한국어 2A (Student's Book & Workbook*, 서강대학교 출판사.

Kim Seong Hee và nhóm biên soạn (2016), *Giáo trình Sogang 2A (Student's Book và Workbook)*, NXB. Trường Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. 서울대학교 언어교육원 (2016), *한국어 1 & 2*, [주]문진미디어.

Viện ngôn ngữ Đại học Seoul (2016); *Giáo trình tiếng Hàn Seoul 1 và 2*, Nxb. Moonjin.

[3]. 경희대학교 언어교육원 교재편찬위원회 (2017), *경희대 한국어 1 & 2*, 형설출판사.

Ủy ban biên soạn giáo trình viện ngôn ngữ Đại học Kyunghee (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Kyunghee 1 và 2*, Nxb. Hyungsals.

[4]. 이미혜 외 (2017), *이민자를 위한 한국어와 한국문화 중급 1*, 국립중앙도서관.

Lee Mi Hye và nhóm biên soạn (2017), *Văn hóa Hàn Quốc – trung cấp 1*, Nxb. Trung Ương quốc gia.

[5]. Lê Huy Kháng, Lê Huy Khoa – *Tục ngữ – thành ngữ tiếng Hàn* – Nxb. Trẻ.

[6]. Lê Huy Khoa, Lê Hữu Nhân – *Tiếp từ, thành ngữ 4 chữ và danh ngôn tiếng Hàn* – Nxb. Thanh Niên.

[7]. Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyện (2012), *Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 1, 2*, Nxb. KB Kookmin Bank.

[8]. 최정선 (2013), *Yonsei Korean 2-1, 2-2*, 연세언어원출판사.

Choi Jeong Soon (2013), *Yonsei Korean 2-1, 2-2*, Nxb. Viện ngôn ngữ ĐH Yeonsei.

[9]. 동국대 (2015), *함께 배우는 한국어*, 동국대학교 한국어연구원.

ĐH Dongguk (2015), *Cùng học tiếng Hàn*, Nxb. ĐH Dongguk.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

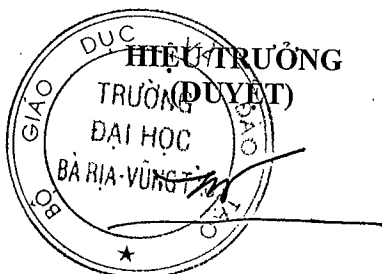
Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiểm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **VIẾT 3 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101121408
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để hoàn thiện một câu, tăng cường kỹ năng viết câu văn, đoạn văn, đoạn hội thoại.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để đặt câu.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

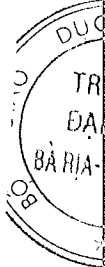
3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng viết câu, đoạn văn tổng hợp những cấu trúc ngữ pháp và từ vựng đã học. Kỹ năng viết từ câu đơn giản đến câu dài nhiều ý và câu sử dụng những điểm ngữ pháp ở mức độ nâng cao. Từ đó sinh viên có thể tạo các đoạn hội thoại theo tình huống một cách dễ dàng hoặc tạo phản xạ nhanh trong các tình huống giao tiếp. Chủ đề viết đa dạng cụ thể: giới thiệu thông tin cá nhân, kế hoạch, cách sử dụng phương tiện giao thông ở Hàn Quốc...

4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên	
	Lên lớp				Thí nghiệm, thực hành, điền dã
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			

Tuần 1: Bài 1: Tên của anh là gì?	2	1	0	-Thực hành viết câu sử dụng cấu trúc kính ngữ trong giao tiếp. -Thực hành viết cấu trúc phủ định đối với danh từ -Viết đoạn văn chào hỏi, giới thiệu và trao đổi thông tin bản thân với một người khác hay một nhóm	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tuần 2 Bài 1: Ôn tập	2	1	0	Ôn tập và chia nhóm tạo tình huống chào hỏi và giới thiệu về bản thân, trao đổi các thông tin cá nhân với các bạn trong nhóm.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tuần 3 Bài 2: Sau giờ học anh làm gì?	2	1	0	-Thực hành viết cấu trúc miêu tả hành động đang diễn ra ở thời điểm nào đó: đang... -Dự định làm việc gì: định là..., dự định là... -Viết đoạn văn diễn tả trình tự công việc theo thứ tự trước, sau.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tuần 4 Bài 3: Tôi đã đi gặp bạn và xem phim	2	2	0	-Thực hành viết câu diễn tả về thời gian cho hoạt động nào đó: trước khi... -Viết câu miêu tả thời điểm thực hiện hoạt động nào đó: khi... -Viết đoạn văn miêu tả về các hoạt động và cách giữ gìn sức khỏe của người Hàn Quốc.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tuần 5 Bài 4: Nếu đi tuyến số 2 thì có thể đến Insadong không?	2	1	0	-Thực hành câu miêu tả ý nghĩa giả định: nếu...thì... -Thực hành viết hội thoại về hỏi ý kiến, mời	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.



				ai cùng thực hiện hành động nào đó. -Viết đoạn văn miêu tả cách sử dụng phương tiện giao thông ở Hàn Quốc và có thể so sánh với Việt Nam	
Tuần 6 Ôn tập và hệ thống kiến thức đã học	2	2	0	Ôn tập các bài đã học và thi giữa kỳ	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tuần 7 Bài 5: Hôm nay tôi bận nên mai đi	2	1	0	-Thực hành viết câu thể hiện ý nghĩa rủ rê, đề nghị ai cùng làm việc gì. -Viết hội thoại và đoạn văn giải thích lý do không thể tham gia hoạt động dã ngoại cùng các bạn và xin lỗi các bạn.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tuần 8 Bài 6: Tôi nghĩ đây được không?	2	1	0	-Thực hành viết câu nói về khả năng có thể thực hiện một hoạt động nào đó hay không. -Viết đoạn văn với nội dung trao đổi về hoạt động lúc rảnh rỗi hay hoạt động cuối tuần.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tuần 9 Bài 7: Quý khách thích màu nào?	2	1	0	-Thực hành viết câu thể hiện ý nghĩa yêu cầu nhờ đối phương làm giúp việc gì. -Viết đoạn văn về hoạt động mua sắm hay kỷ niệm mua sắm với người bạn ở Hàn Quốc hay Việt Nam.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tuần 10 Bài 8: Anh chị dùng gì?	2	1	0	-Thực hành viết câu nhờ ai đó làm gì giúp	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp

PHÒNG
 HỌC
 TẬP

				minh. -Viết đoạn hội thoại giữa khách hàng và nhân viên phục vụ về cách đặt món ăn và tư vấn về món ăn.	-Làm bài tập.
Tuần 11 Bài 9: Vui lòng chuyển lời là tôi đã gọi điện thoại	2	1	0	-Mẫu câu nói gián tiếp ở thì hiện tại, quá khứ và tương lai. -Viết đoạn văn hay hội thoại nói về việc giao tiếp hay trao đổi bằng điện thoại ở Hàn Quốc.	-Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tuần 12 Ôn tập và hệ thống kiến thức	1	2		Ôn tập và làm các dạng bài tập theo cấu trúc ngữ pháp đã học	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp -Làm bài tập.
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Sogang (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2A*, Nxb. Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2012), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 2*, Nxb. Giáo dục.

[3] Trường đại học Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Nxb. Viện Giáo dục Ngôn ngữ trường ĐH Dongguk.

[4] Trường Đại học Yeonsei (2013), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2-1*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[5] Trường Đại học Seoul (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 1B*, Nxb. Đại học Seoul

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355

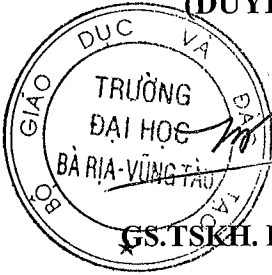
, Email: thuyngavt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

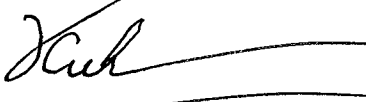
**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm


PGS.TS. Hoàng Văn Việt



Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Ngữ pháp 4 (Tiếng Hàn)**
- Mã học phần: 0101120909
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức nền về tự vựng, tình huống và một số hiện tượng ngữ pháp tiếng Hàn. Khi kết thúc học phần, sinh viên phải nắm được cấu trúc câu tiếng Hàn cơ bản để đặt được câu và tạo lập được đoạn văn, hội thoại giao tiếp.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được quy tắc trật tự câu văn tiếng Hàn và cách sử dụng hệ thống trợ từ.
- + Sinh viên phải nắm được kỹ năng dịch Hàn – Việt, Việt – Hàn đối với những câu đơn cơ bản.

- Thái độ:

- + Tập trung trong giờ học, về nhà học bài, làm bài đầy đủ.
- + Tích cực phát biểu trong giờ học, đam mê môn học.
- + Có thể làm bài thi Topik ở mức độ tương đương.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp ở mức độ nâng cao hơn so với cấp độ cơ bản nhằm giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu hay viết câu khi kết hợp các điểm ngữ pháp đó với nguồn từ vựng đã học. Từ đó sinh viên có thể tạo các đoạn hội thoại theo tình huống một cách dễ dàng hoặc tạo phản xạ nhanh trong các tình huống giao tiếp. Kết hợp nhiều điểm ngữ pháp lại sẽ giúp cho sinh viên hoàn thành câu văn dài với

nhiều ý một cách đầy đủ hơn. Bên cạnh đó sinh viên có thể phân biệt một số điểm ngữ pháp tương tự nhau được sử dụng trong câu văn.

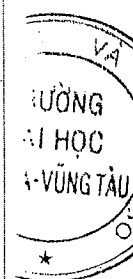
4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Tuần 1 Bài 1: Anh có biết người ngồi bên cạnh Andy là ai không?	2	1		-Dạng định ngữ đối với động từ thì hiện tại. -Dạng định ngữ đối với động từ thì quá khứ -Cụm động từ miêu tả hành động mặc trang phục. -Từ vựng liên quan đến trang phục.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 2 Ôn tập, hệ thống kiến thức	2	1		Ôn tập và làm thêm bài tập ngoài, tạo tình huống sử dụng các điểm ngữ pháp đã học	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 3 Bài 2: Hôm qua tôi đã học rất khuya	2	1		-Cấu trúc dự đoán sự việc nào đó đối với động từ và tính từ. -Từ vựng liên quan đến hành động và một số trạng thái.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 4 Bài 3: Vì là cuối tuần nên chúng ta hãy đi ra ngoài nhé	2	1		-Hình thức dùng từ ngữ không kính ngữ trong giao tiếp với đối tượng là bạn bè. -Cách nói gián tiếp về đề	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.

DU
T
E
BÀ
BO

				<p>nghị cùng làm việc gì đó.</p> <p>-Từ vựng liên quan đến việc lên kế hoạch làm gì.</p>	
<p>Tuần 5</p> <p>Bài 4: Anh trai lớn thì ít nói nhưng tôi thì không như vậy</p>	2	1		<p>-Cách nói tạo tiền đề cho nội dung phía sau đối với động từ và tính từ.</p> <p>-Cách nói so sánh giữa hai đối tượng hay sự vật.</p> <p>-Từ vựng liên quan đến xung hô trong gia đình và tuổi tác.</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
<p>Tuần 6</p> <p>Bài 5: Dù bận rộn thế nào thì chúng ta cũng phải tập thể dục</p>	1	1		<p>-Cách nói gián tiếp với ý nghĩa yêu cầu, đề nghị.</p> <p>-Cách nói thể hiện ý nghĩa thay đổi trạng thái của sự vật, hiện tượng.</p> <p>-Cách nói đưa ra lời khuyên nhủ</p> <p>-Từ vựng liên quan sức khỏe</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
				<p>-Cách nói đưa ra lời khuyên nhủ</p> <p>-Từ vựng liên quan sức khỏe</p>	
<p>Tuần 7</p> <p>Ôn tập và thi giữa kỳ</p>	1	2		<p>Hệ thống kiến thức và ôn tập</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
<p>Tuần 8</p> <p>Bài 6: Anh đã từng đi đến Tây Ban Nha chưa?</p>	2	1		<p>Cách hỏi về việc đã từng làm một việc gì trước đó hay chưa.</p> <p>-Cách nói đồng thời thực hiện hai hành động hay hai sự vật.</p> <p>-Từ vựng liên quan đến du lịch</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
<p>Tuần 9</p>	2	1		<p>-Mẫu câu miêu tả thì</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các</p>



<p>Bài 7: Xin chúc mừng anh. Anh vui lắm đúng không?</p>				<p>tương lai. -Cách nói về việc tìm hiểu đối tượng đó có biết thông tin về sự vật hay hiện tượng nào đó không. -Từ vựng liên quan đến ý nghĩa chúc mừng, văn hóa tổ chức tiệc ở Hàn Quốc như: tiệc thôi nôi...</p>	<p>điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.</p>
<p>Tuần 10 Bài 8: Anh đi phỏng vấn công việc tốt chứ?</p>	1	2		<p>-Cách nói gián tiếp để hỏi lại sự việc nào. -Cách nói kính ngữ đối với đối tượng là người lớn</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.</p>
				<p>tuổi hay người có chức vụ cao hơn. -Đuôi kết thúc câu. -Cách nói, giới thiệu thông tin của bản thân. -Từ vựng liên quan đến thông tin cá nhân.</p>	<p>-Làm bài tập.</p>
<p>Tuần 11 Ôn tập và mở rộng</p>	2	1		<p>Ôn tập và làm bài tập tổng hợp các điểm ngữ pháp đã học.</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.</p>
<p>Tuần 12 Bài 9: Lần đầu khi anh đến Hàn Quốc anh thấy thế nào?</p>	2	1		<p>-Cách nói thể hiện quyết tâm thực hiện hành động hay việc nào đó -Cách nói thời điểm thực hiện hành động nào đó. -Dạng câu bị động. -Từ vựng liên quan đến ước mơ hay nghề nghiệp</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.</p>

				sẽ làm trong tương lai.	
Tuần 13 Ôn tập	2	1		Ôn tập và hệ thống kiến thức	*Ôn tập và làm bài tập
Tổng	23	15			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Trường Đại học Sogang (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2B*, Nxb. Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2012), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 2*, Nxb. Giáo dục.

[3] Trường Đại học Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Nxb. Viện Giáo dục Ngôn ngữ trường ĐH Dongguk

[4] Trường Đại học Yeonsei (2013), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2-1*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[5] Trường Đại học Seoul (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2A*, Nxb. Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

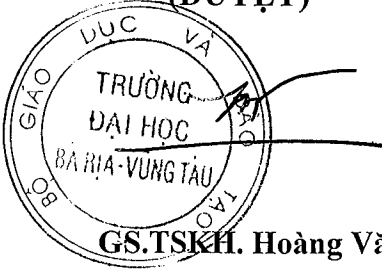
Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355

, Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: NGHE 4 (TIẾNG HÀN)
- Mã học phần: 0101121412
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên từ vựng và ngữ pháp trình độ Sơ cấp
- Kỹ năng: kỹ năng nghe hiểu trình độ Sơ cấp
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Nghe 4 (tiếng Hàn), có kỹ năng ứng dụng thành thạo trong giao tiếp thực tế.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Ôn tập Kỹ năng nghe 3	2	1	0	<ul style="list-style-type: none">- Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe- Trả lời được câu hỏi nghe hiểu- Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none">- Làm bài tập- Viết chính tả

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh
Bài 2: Hanseu lấy cặp đi mất rồi	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 3: Tại sao đường lại tắc như thế này?	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 4: Tổ chức sinh nhật bí mật cho Sora	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 5: Nhà nhiều con gái	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 6: Tìm hiểu cách chăm sóc sức khỏe	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu - Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh
Bài 7: Hãy giới thiệu cho tôi nơi nào tốt	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 8: Bạn cầm gì vào ngày thôi nôi	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 9: Hãy giới thiệu bản thân	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 10: Tôi buồn khi phải chia tay bạn	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu - Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 11: Ngân hàng	1	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu - Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết chính tả

DU
 TR
 ĐAI
 A-VL
 *

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh
	1	1			
Bài 12: Tính cách	1	1		- Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	- Làm bài tập - Viết chính tả
Bài 13: Ôn tập	1	1		- Nắm được nội dung chính của bài nghe sau 2 lần nghe - Trả lời được câu hỏi nghe hiểu Viết chính tả từng câu trong đoạn nghe	- Làm bài tập - Viết chính tả
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút (2 bài)

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2B*, Đại học Sogang Hàn Quốc, Nxb Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2013), Giáo trình *Tiếng Hàn tổng hợp 2*, Nxb Giáo dục

3. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2*, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, Nxb Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc.

4. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2*, Trường Đại học Yonsei, Nxb Đại học Yonsei.

5. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2*, Trường Đại học Seoul, Nxb Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá xã hội Hàn Quốc thông qua tác phẩm văn học.

Thông tin liên hệ: thualim@gmail.com

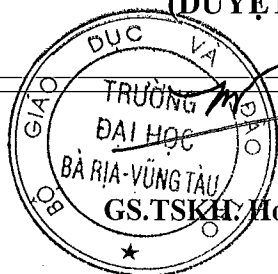
Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

~~PGS.TS. Hoàng Văn Việt~~

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Nói 4 (Tiếng Hàn)
- Mã học phần: 0101121411
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức nền về tự vựng, tình huống và một số hiện tượng ngữ pháp tiếng Hàn. Khi kết thúc học phần, sinh viên phải nắm được cấu trúc câu tiếng Hàn cơ bản để đặt được câu và tạo lập được đoạn văn.

- Kỹ năng:

+ Sinh viên phải nắm được quy tắc trật tự câu văn tiếng Hàn và cách sử dụng hệ thống trợ từ.

+ Sinh viên phải nắm được kỹ năng dịch Hàn – Việt, Việt – Hàn đối với những câu đơn cơ bản.

- Thái độ:

+ Tập trung trong giờ học, về nhà học bài, làm bài đầy đủ.

+ Tích cực phát biểu trong giờ học, đam mê môn học.

+ Có thể làm bài thi Topik ở mức độ tương đương.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn Nói 4 là môn học hướng dẫn cho sinh viên về từ vựng, một số hiện tượng cấu trúc ngữ pháp, cách tình huống giao tiếp cụ thể. Dựa vào đó, sinh viên sẽ làm bài tập để thuần thục hơn và thực hành kỹ năng nói tốt các chủ đề hay nội dung trong giáo trình. Sinh viên có thể thực hiện một số tình huống giao tiếp có xen kẽ thảo luận và trình bày quan điểm của mình về một vấn đề nào đó với các bạn trong nhóm.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

4.1. Học phần lý thuyết hoặc lý thuyết kết hợp với thực hành:

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp			
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
Tuần 1 Ôn tập, hệ thống kiến thức	2	1	Ôn tập và làm thêm bài tập ngoài, tạo tình huống sử dụng các điểm ngữ pháp đã học	-Hệ thống kiến thức và làm bài tập. -Chuẩn bị bài mới
Tuần 2 Bài 1: Anh có biết người ngồi bên cạnh Andy là ai không?	2	1	- Thực hành nói dạng định ngữ đối với động từ thì hiện tại. -Dạng định ngữ đối với động từ thì quá khứ -Tập nói cụm động từ miêu tả hành động mặc trang phục. -Từ vựng liên quan đến trang phục.	-Học thuộc từ mới và làm bài tập -Chuẩn bị bài mới
Tuần 3 Bài 2: Hôm qua tôi đã học rất khuya	2	1	-Thực hành nói cấu trúc dự đoán sự việc nào đó đối với động từ và tính từ. -Kết hợp từ vựng liên quan đến hành động và một số trạng thái để tạo đoạn hội thoại.	-Học thuộc từ mới và làm bài tập -Chuẩn bị bài mới
Tuần 4 Bài 3: Vì là cuối tuần nên chúng ta hãy đi ra ngoài nhé	2	1	-Thực hành nói hình thức dùng từ ngữ không kính ngữ trong giao tiếp với đối tượng là bạn bè. -Tập nói câu gián tiếp về đề nghị cùng làm việc gì	-Học thuộc từ mới và làm bài tập -Chuẩn bị bài mới



				đó. -Từ vựng liên quan đến việc lên kế hoạch làm gì.	
Tuần 5 Bài 4: Anh trai lớn thì ít nói nhưng tôi thì không như vậy	2	1		-Thực hành nói cấu trúc tạo tiền đề cho nội dung phía sau đối với động từ và tính từ. -Cách nói so sánh giữa hai đối tượng hay sự vật. -Tìm hiểu từ vựng liên quan đến xung hô trong gia đình và tuổi tác.	-Học thuộc từ mới và làm bài tập -Chuẩn bị bài mới
Tuần 6 Bài 5: Dù bạn rộn thể nào thì chúng ta cũng phải tập thể dục	1	1		-Thực hành hình thức nói gián tiếp với ý nghĩa yêu cầu, đề nghị. -Cách nói thể hiện ý nghĩa thay đổi trạng thái của sự vật, hiện tượng. -Cách nói đưa ra lời khuyên nhủ -Từ vựng liên quan sức khỏe	-Học thuộc từ mới và làm bài tập -Chuẩn bị bài mới
Tuần 7 Ôn tập và thi giữa kỳ	1	2		Hệ thống kiến thức và ôn tập	-Ôn tập và làm bài tập
Tuần 8 Bài 6: Anh đã từng đi đến Tây Ban Nha chưa?	2	1		-Thực hành cách hỏi về việc đã từng làm một việc gì trước đó hay chưa. -Cách nói đồng thời thực hiện hai hành động hay hai sự vật. -Tạo đoạn hội thoại kết hợp từ vựng liên quan đến du lịch và ngữ pháp đã học	-Học thuộc từ mới và làm bài tập -Chuẩn bị bài mới
Tuần 9 Bài 7: Xin chúc mừng anh. Anh vui lắm đúng	2	1		-Mẫu câu miêu tả thì tương lai.	

không?				-Cách nói về việc tìm hiểu đối tượng đó có biết thông tin về sự vật hay hiện tượng nào đó không. -Từ vựng liên quan đến ý nghĩa chúc mừng, văn hóa tổ chức tiệc ở Hàn Quốc như: tiệc thôi nôi...	
Tuần 10 Bài 8: Anh đi phỏng vấn công việc tốt chưa?	1	2		-Thực hành nói với mẫu câu nói gián tiếp để hỏi lại về một sự việc, hiện tượng nào đó. -Sử dụng cách nói kính	-Học thuộc từ mới và làm bài tập -Chuẩn bị bài mới
				ngữ đối với đối tượng là người lớn tuổi hay người có chức vụ cao hơn và hoàn thành hội thoại. -Kết hợp từ vựng đã học và thực hành phần tự giới thiệu về bản thân.	
Tuần 11 Ôn tập và mở rộng	2	1		- Ôn tập và làm bài tập tổng hợp. - Tạo tình huống hội thoại tổng hợp dựa trên các điểm ngữ pháp và từ vựng đã học.	-Học thuộc từ mới và làm bài tập -Chuẩn bị bài mới
Tuần 12 Bài 9: Lần đầu khi anh đến Hàn Quốc anh thấy thế nào?	2	1		-Thực hành với mẫu câu thể hiện quyết tâm thực hiện hành động hay việc nào đó -Hoàn thành tình huống hội thoại với câu bị động. -Kết hợp từ vựng liên quan	-Học thuộc từ mới và làm bài tập -Chuẩn bị bài mới

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355

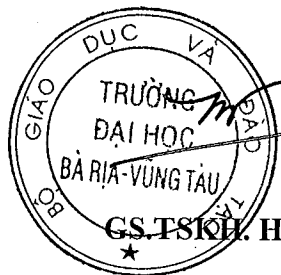
, Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

Handwritten signature
GS.TS. Hoàng Văn Việt

Handwritten signature

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **ĐỌC HIỂU 4 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101120908
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp liên quan đến các chủ đề: trường lớp, thăm hỏi, sức khỏe, trang phục, ẩm thực, tính cách và ngân hàng. Học hỏi thêm về văn hóa giao tiếp và ứng xử của người Hàn.
- **Kỹ năng:** rèn luyện kỹ năng đọc và hiểu về nội dung của đoạn văn, đoạn hội thoại. Xây dựng kỹ năng dịch và ứng dụng kiến thức vào cuộc sống hàng ngày.
- **Thái độ:** sinh viên mạnh dạn hơn sau khi học được những kỹ năng đọc, hiểu và dịch được đoạn văn, đoạn hội thoại. Từ đó, giúp sinh viên tập làm thông dịch viên trong các tình huống.

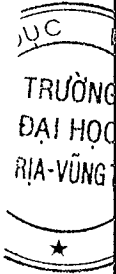
3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần có 11 bài với 11 chủ đề khác nhau xoay quanh cuộc sống hàng ngày. Một tuần ôn tập và thi giữa kỳ. 11 chủ đề là khám phá địa danh, vận may, truyện cổ tích Hàn Quốc, bệnh tật, du lịch, văn hóa gia đình, ước mơ, kịch, ẩm thực. Hàng tuần sinh viên sẽ được tiếp cận với bài học trong giáo trình và được bổ sung các bài học khác không có trong giáo trình nhưng liên quan tới chủ đề đã đưa ra.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên	
	Lên lớp				Thí nghiệm, thực hành, điền dã
	LT	BT			

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ
Bài 1: Khám phá Chuncheon	2	1	- SV học bài giới thiệu về thành phố Chuncheon, những đặc điểm nổi bật, những điểm du lịch nổi tiếng của thành phố này.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Phát biểu
Bài 2: Nổi nóng	2	1	- Đọc bài viết về các tình huống ngoại mong đợi và phản ứng của các nhân vật khi gặp các tình huống đó => rút ra kinh nghiệm bản thân.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập - Phát biểu
Bài 3: Vận may	2	1	- Tìm hiểu về các con số, biểu tượng được cho là may mắn cũng như không may đối với người Hàn trong cuộc sống hàng ngày.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Bài 4: Truyện cổ tích	2	1	- Đọc truyện cổ tích chọn lọc của Hàn Quốc, tìm hiểu nội dung, ý nghĩa và tập kể chuyện bằng tiếng Hàn.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Bài 5: Bệnh tật.	2	1	- SV đọc hiểu những bài viết nói về các căn bệnh, triệu chứng bệnh thường gặp trong cuộc sống hàng ngày.	- Chuẩn bị bài - Học thuộc bài - Làm bài tập
Bài 6: Ôn tập, thi giữa kỳ	1	3	- Sinh viên ôn tập toàn bộ kiến thức đã học về các chủ đề, làm bài thi giữa kỳ	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Làm bài thi
Bài 7: Du lịch	2	1	- Đọc bài về chuyến du lịch mơ ước, cách lên kế hoạch trước khi đi du lịch và đọc những bài cảm nhận sau chuyến đi.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Bài 8: Văn hóa Hàn Quốc	2	1	- Tìm hiểu một vài điểm văn hóa của Hàn Quốc thông qua các bài đọc trong giáo trình.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Bài 9: Gia đình	2	1	- Luyện tập ngữ pháp, từ vựng tiếng Hàn về chủ đề gia đình thông qua các bài đọc cùng chủ đề.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ
Bài 10: Ước mơ	2	1	-Đọc hiểu bài viết về ước mơ của bản thân, các lập kế hoạch hành động để biến ước mơ thành hiện thực.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Bài 11: Kịch	2	1	-Tìm hiểu về kịch Hàn Quốc và tập các đoạn kịch ngắn thông qua các bài đọc.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Bài 12: Âm thực Ôn tập cuối kỳ	2	2	- Sinh viên tìm hiểu về đặc trưng âm thực của Hàn Quốc, học từ vựng về các món ăn và cách chế biến vài món ăn đơn giản. - Ôn thi cuối kỳ.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập
Tổng	23	15		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần; Hình thức thi: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] 김성희외 (2016), *서강 한국어 2B (Student's Book & Workbook*, 서강대학교 출판사.

Kim Seong Hee và nhóm biên soạn (2016), *Giáo trình Sogang 2B (Student's Book và Workbook)*, NXB. Trường Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 서울대학교 언어교육원 (2016), *한국어 2*, [주]문진미디어.

Viện ngôn ngữ Đại học Seoul (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Seoul 2*, Nxb. Moonjin.

[3] 경희대학교 언어교육원 교재편찬위원회 (2017), *경희대 한국어 2 & 3*, 형설출판사.

Ủy ban biên soạn giáo trình viện ngôn ngữ Đại học Kyunghee (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Kyunghee 2 và 3*, Nxb. Hyungsal.

[4] 이미혜 외 (2017), *이민자를 위한 한국어와 한국문화 중급 1*, 국립중앙도서관.

Lee Mi Hye và nhóm biên soạn (2017), *Văn hóa Hàn Quốc – trung cấp 1*, Nxb.

Trung Ương quốc gia.

[5] Lê Huy Kháng, Lê Huy Khoa – *Tục ngữ – thành ngữ tiếng Hàn* – Nxb. Trẻ.

[6] Lê Huy Khoa, Lê Hữu Nhân – *Tiếp từ, thành ngữ 4 chữ và danh ngôn tiếng Hàn* – Nxb. Thanh Niên.

[7] Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyến - *Giáo trình tổng hợp dành cho người Việt Nam 2*, Nxb. KB Kookmin Bank.

[8] 최정선 (2013), *Yonsei Korean 2-1, 2-2*, 연세언어원출판사.

Choi Jeong Soon (2013), *Yonsei Korean 2-1, 2-2*, Nxb. Viện ngôn ngữ ĐH Yeonsei.

[9] 동국대 (2015), *함께 배우는 한국어*, 동국대학교 한국어연구원.

ĐH Dongguk (2015), *Cùng học tiếng Hàn*, Nxb. ĐH Dongguk.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

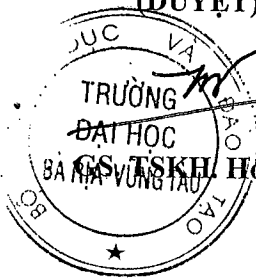
Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS. TSKH. Hoàng Văn Kiém

Hoàng Văn Việt
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Viết 4 (Tiếng Hàn)**
- Mã học phần: 0101120907
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được những cấu trúc ngữ pháp đã học để vận dụng kết hợp các điểm ngữ pháp cùng với nguồn từ vựng để viết câu, đoạn văn từ đơn giản đến phức tạp theo nhiều chủ đề.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để viết câu, đoạn văn.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

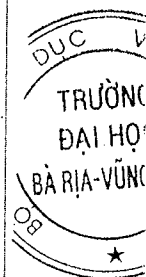
- + Yêu thích môn học, tự tìm hiểu và tham khảo nhiều tài liệu, giáo trình.
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.
- + Có khả năng viết đoạn văn phù hợp với đề thi Topik tương đương.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp các đặc điểm cấu trúc ngữ pháp đơn giản và thường sử dụng trong giao tiếp hàng ngày. Từ đó sinh viên vận dụng những kiến thức ngữ pháp này kết hợp với nguồn từ vựng được trang bị để thực hành viết câu và các đoạn văn cơ bản đến câu có nhiều ý diễn đạt. Nội dung sẽ đi từ câu văn đơn giản đến câu văn kết hợp nhiều ý và chủ đề sẽ được đề chọn một cách đa dạng để sinh viên phát huy sự sáng tạo trong kỹ năng chọn lọc thông tin và viết.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Tuần 1 Ôn tập, hệ thống kiến thức	2	1		Ôn tập và làm thêm bài tập ngoài, tạo tình huống sử dụng các điểm ngữ pháp đã học để viết câu, đoạn văn	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để thực hành viết đoạn văn, hội thoại. -Làm bài tập.
Tuần 2 Bài 1: Anh có biết người ngồi bên cạnh Andy là ai không?	2	1		-Viết câu sử dụng dạng định-ngữ-đối-với-động-từ thì hiện tại và quá khứ. -Thực hành viết câu sử dụng cụm động từ miêu tả hành động mặc trang phục. -Từ vựng liên quan đến trang phục.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để thực hành viết đoạn văn, hội thoại. -Làm bài tập.
Tuần 3 Bài 2: Hôm qua tôi đã học rất khuya	2	1		-Thực hành viết câu sử dụng cấu trúc dự đoán sự việc nào đó đối với động từ và tính từ. -Từ vựng liên quan đến hành động và một số trạng thái. -Viết bài giới thiệu về một địa điểm du lịch nổi tiếng.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để thực hành viết đoạn văn, hội thoại. -Làm bài tập.
Tuần 4 Bài 3: Vì là cuối tuần nên chúng ta hãy đi ra ngoài nhé	2	1		-Viết câu dùng từ ngữ không kính ngữ trong giao tiếp với đối tượng là bạn bè. -Tạo đoạn hội thoại sử dụng cách nói gián tiếp về	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để thực hành viết đoạn văn, hội thoại. -Làm bài tập.



			<p>đề nghị cùng làm việc gì đó.</p> <p>-Từ vựng liên quan đến việc lên kế hoạch làm gì.</p>	
<p>Tuần 5</p> <p>Bài 4: Anh trai lớn thì ít nói nhưng tôi thì không như vậy</p>	2	1	<p>-Viết câu tạo tiền đề hay mở lời cho nội dung phía sau đối với động từ và tính từ.</p> <p>-Viết câu thể hiện ý so sánh giữa hai đối tượng hay sự vật.</p> <p>-Từ vựng liên quan đến xung hô trong gia đình và tuổi tác.</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để thực hành viết đoạn văn, hội thoại.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
<p>Tuần 6</p> <p>Bài 5: Dù bận rộn thế nào thì chúng ta cũng phải tập thể dục</p>	1	1	<p>-Viết câu, đoạn văn sử dụng cách nói gián tiếp với ý nghĩa yêu cầu, đề nghị.</p> <p>-Tạo đoạn hội thoại thể hiện ý nghĩa thay đổi trạng thái của sự vật, hiện tượng.</p> <p>-Thực hành viết câu với ý nghĩa đưa ra lời khuyên như</p> <p>-Từ vựng liên quan sức khỏe</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để thực hành viết đoạn văn, hội thoại.</p> <p>-Làm bài tập.</p>
<p>Tuần 7</p> <p>Ôn tập và thi giữa kỳ</p>	1	2	<p>Hệ thống kiến thức và ôn tập</p>	<p>*Ôn tập và làm bài tập</p>
<p>Tuần 8</p> <p>Bài 6: Anh đã từng đi đến Tây Ban Nha chưa?</p>	2	1	<p>-Viết câu, đoạn văn với ý hỏi về việc đã từng làm một việc gì trước đó hay chưa.</p> <p>-Thực hành viết câu thể hiện ý nghĩa chủ thể đồng thời thực hiện hai hành động.</p> <p>-Từ vựng liên quan đến</p>	<p>- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để thực hành viết đoạn văn, hội thoại.</p> <p>-Làm bài tập.</p>

				du lịch	
Tuần 9 Bài 7: Xin chúc mừng anh. Anh vui lắm đúng không?	2	1		-Thực hành viết mẫu câu miêu tả thì tương lai. -Tạo đoạn hội thoại sử dụng cách nói về việc tìm hiểu đối tượng đó có biết thông tin về sự vật hay hiện tượng nào đó không. -Từ vựng liên quan đến ý nghĩa chúc mừng, văn hóa tổ chức tiệc ở Hàn Quốc như: tiệc thôi nôi.....	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để thực hành viết đoạn văn, hội thoại. -Làm bài tập.
				-Viết đoạn văn kể về buổi thôi nôi đã tham dự.	
Tuần 10 Bài 8: Anh đi phỏng vấn công việc tốt chứ?	1	2		Viết câu sử dụng cách nói gián tiếp để hỏi lại sự việc nào. -Tạo đoạn hội thoại có thể hiện cách nói kính ngữ đối với đối tượng là người lớn tuổi hay người có chức vụ cao hơn. -Đuôi kết thúc câu. -Viết bài giới thiệu thông tin của bản thân một cách chi tiết. -Từ vựng liên quan đến thông tin cá nhân.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để thực hành viết đoạn văn, hội thoại. -Làm bài tập.
Tuần 11 Ôn tập và mở rộng	2	1		Ôn tập và làm bài tập tổng hợp các điểm ngữ pháp đã học.	*Học thuộc từ, ngữ pháp và làm bài tập
Tuần 12	2	1		-Thực hành viết câu thể	- Chuẩn bị từ vựng và các

Bài 9: Lần đầu khi anh đến Hàn Quốc anh thấy thế nào?				hiện quyết tâm thực hiện hành động hay việc nào đó -Thực hành viết câu dạng câu bị động. -Từ vựng liên quan đến ước mơ hay nghề nghiệp sẽ làm trong tương lai.	điểm ngữ pháp để thực hành viết đoạn văn, hội thoại. -Làm bài tập.
Tuần 13 Ôn tập	2	1		Ôn tập và hệ thống kiến thức	*Ôn tập và làm bài tập
Tổng	23	15			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

[1] Trường Đại học Sogang (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2B*, Nxb. Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2012), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 2*, Nxb. Giáo dục.

[3] Trường Đại học Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Nxb. Viện Giáo dục Ngôn ngữ trường ĐH Dongguk

[4] Trường Đại học Yeonsei (2013), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2-1*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[5] Trường Đại học Seoul (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2A*, Nxb. Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355 , Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS. PSKH. Hoàng Văn Kiếm

[Handwritten signature]
Hoàng Văn Kiếm

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **NGŨ PHÁP 5 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101120910
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** cung cấp sinh viên những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề trong bài học và mở rộng vốn hiểu biết về Hàn Quốc thông qua các bài tập bổ sung từ các giáo trình khác.
- **Kỹ năng:** rèn luyện kỹ năng đặt câu, viết câu sử dụng trong giao tiếp, trong văn bản, kỹ năng tư duy, lập luận trong các tình huống theo từng chủ đề của bài học,
- **Thái độ:** giúp sinh viên mạnh dạn và tự tin hơn trong giao tiếp tiếng Hàn, yêu thích tiếng Hàn, yêu thích văn hóa Hàn Quốc, và có thái độ học tập một cách tích cực.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 8 bài với 8 chủ đề khác nhau chia đều trong 12 tuần học. đó là các chủ đề: giới thiệu, sinh hoạt trường lớp, mời và viếng thăm, ngoại hình và tính cách, giải quyết vấn đề, sinh hoạt nơi công cộng, công việc. Bài học có sự kết hợp của lý thuyết và thực hành cùng sách bài tập và một số giáo trình bổ sung khác.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	L T	B T			



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	2	1		
Tuần 1: Ôn tập	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập các kiến thức đã học ở học kỳ trước - Định hướng kiến thức sẽ học trong học kỳ này 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 2 Bài 1: Giới thiệu	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - -은지 (시간) 됐다 - 인데 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 3 Bài 2: sinh hoạt trường lớp	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - 으려면 - 으면 되다 - 간접화법 축약 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 4 Bài 3: Mời và viếng thăm	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - 은/는 편이다 - 긴 하다 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 5 Bài 4: Ngoại hình và tính cách	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - 을 테니까 (1) - 으면서 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 6 Ôn tập, thi giữa kỳ	1	2	연습, 시험보기	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập ôn tập - Thi giữa kỳ
Tuần 7 Bài 5: Ngoại hình và tính cách	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - 다 - 아/어 보니까 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 8 Bài 6: Giải quyết vấn đề	2	1	<ul style="list-style-type: none"> - 기 때문에 - 았/었으면 좋겠다 - 던데요 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	2	1			
Tuần 9 Bài 7: Công việc	2	1		- 다면서요? - 을 텐데 걱정이다	- Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 10 Bài 8: sinh hoạt nơi công cộng	2	1		- 은/는데 (2) - 을	- Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 11: Ôn tập	2	2		- 연습	- Làm bài tập ôn tập
Tuần 12: Ôn tập	2	2		- 연습	- Làm bài tập ôn tập
Tổng	23	15			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần;

- Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] 김성희외 (2016), *서강 한국어 3A (Student's Book&Work Book*, 서강대학교 출판사.
Kim Seong Hee và nhóm biên soạn (2016), *Giáo trình Sogang 3A (Student's Book và Work Book)*, NXB. Trường Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 서울대학교 언어교육원 (2016), *한국어 3*, [주]문진미디어.

Viện ngôn ngữ Đại học Seoul (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Seoul 3*, Nxb. Moonjin.

[3] 경희대학교 언어교육원 교재편찬위원회 (2017), *경희대 한국어 3, 4*, 형설출판사.

Ủy ban biên soạn giáo trình viện ngôn ngữ Đại học Kyunghee (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Kyunghee 3 và 4*, Nxb. Hyungsals.

[4] 이미혜 외 (2017), *이민자를 위한 한국어와 한국문화 중급 2*, 국립중앙도서관.

Lee Mi Hye và nhóm biên soạn (2017), *Văn hóa Hàn Quốc – trung cấp 2*, Nxb. Trung Ương quốc gia.

[5] Lê Huy Kháng, Lê Huy Khoa – *Tục ngữ – thành ngữ tiếng Hàn* – Nxb. Trẻ.

[6] Lê Huy Khoa, Lê Hữu Nhân – *Tiếp từ, thành ngữ 4 chữ và danh ngôn tiếng Hàn* – Nxb. Thanh Niên.

[7] Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyện - *Giáo trình tổng hợp dành cho người Việt Nam 2,3* Nxb. KB Kookmin Bank.

[8] 최정선 (2013), *Yonsei Korean 3-1, 3-2*, 연세언어원출판사.

Choi Jeong Soon (2013), *Yonsei Korean 3-1, 3-2*, Viện ngôn ngữ ĐH Yonsei.

[9] 동국대 (2015), *함께 배우는 한국어*, 동국대학교 한국어연구원.

DH Dongguk (2015), *Cùng học tiếng Hàn*, Nxb. ĐH Dongguk.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

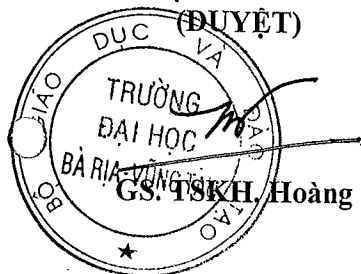
Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(ĐUỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS. TS.KH. Hoàng Văn Kiêm

Hoàng Văn Việt
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Trang
Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **NGHE 5 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101121919
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để hoàn thiện một câu, tăng cường kỹ năng nghe hiểu câu văn, đoạn văn, hội thoại.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để đặt câu.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng nghe hiểu và tiếp nhận thông tin bằng việc kết hợp các điểm ngữ pháp và nguồn từ vựng đã học. Sinh viên sẽ tập nghe hiểu câu, đoạn văn, hội thoại giao tiếp cũng như tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Nội dung bài nghe được thực hiện từ đơn giản đến khó dần và theo nhiều chủ đề, tình huống giao tiếp thực tế sẽ giúp cho sinh viên có thêm nhiều thông tin liên quan đến bài học như nội dung về thời tiết, sinh hoạt hàng ngày, tính cách, một số quy tắc sinh hoạt nơi công cộng ...

4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành,		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo			

		luận	điền đã		
Tuần 1: Bài 1: Thời tiết và du lịch	2	1	0	-Thực hành nghe cấu trúc nói về thời tiết với cách nói nhiệt độ, lượng mưa, gió và dự báo thời tiết. -Nghe hội thoại trao đổi về kế hoạch du lịch được đưa ra theo tình hình thời tiết	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 2 Ôn tập	2	1	0	Ôn tập và làm bài tập	-Hệ thống kiến thức đã học và làm bài tập
Tuần 3 Bài 2: Sinh hoạt ở trường học	2	1	0	-Nghe hội thoại về cách rút gọn của hình thức câu nói gián tiếp, mệnh đề giả định. -Hội thoại về giờ hoạt động của thư viện hay câu lạc bộ trong trường học.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm liên quan đến chủ đề âm-thực và các mùa. -Làm bài tập.
Tuần 4 Bài 3: Nhà cửa	2	2	0	-Nghe hội thoại về những đặc điểm của nhà, các dịch vụ liên quan đến bất động sản. - Nghe hiểu hội thoại về cách tìm nhà hay phòng trọ, ký túc xá.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 5 Bài 4: Lời mời và đến thăm	2	1	0	-Nghe hội thoại về tình huống được mời và đến thăm nhà hay thăm ai đó. -Tìm hiểu thêm văn hóa khi đến chơi nhà người Hàn Quốc vào dịp tết.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 6 Ôn tập và hệ thống kiến thức đã học	2	2	0	Ôn tập các bài đã học và thi giữa kỳ	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.



Tuần 7 Bài 5: Ngoại hình và tính cách	2	1	0	-Nghe cách sử dụng từ miêu tả ngoại hình, hình dáng, tính cách. -Nghe hiểu tình huống thảo luận và trao đổi về tình cách hay ngoại hình của một người nào đó.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 8 Bài 6: Vấn đề, khó khăn	2	1	0	- Nghe hội thoại về tình huống yêu cầu giúp đỡ hay mong muốn thực hiện việc gì. -Nghe đoạn văn kể về những khó khăn hay vấn đề khi mua hàng cùng với dịch vụ chăm sóc khách hàng.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 9 Bài 7: Công việc	2	1	0	- Nghe hội thoại về tình huống tìm việc và giải thích những dẫn đo trong công việc. -Nghe đoạn văn kể việc là nhân viên thử việc cho công ty trong thời gian nghỉ hè.	-Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 10 Bài 8: Sinh hoạt nơi công cộng	2	1	0	- Nghe hội thoại về việc sử dụng dịch vụ của một số nơi như ngân hàng, bưu điện, phòng xuất nhập cảnh... -Nghe đoạn văn kể về việc hướng dẫn chi tiết quá trình hay các bước khi sử dụng dịch vụ ở	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.

UC
TRƯỜNG
HỌC
NGÀY

				một số nơi công cộng.	
Tuần 11 Ôn tập và nghe một số chủ đề mới Bài nghe: Giấc mơ	1	2	0	-Nghe hội thoại kể về ước mơ hay giấc mơ trong tương lai -Tìm hiểu từ vựng về kế hoạch vạch ra cho tương lai và những ngành nghề nổi bật.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để nghe hiểu hội thoại. -Làm bài tập.
Tuần 12 Ôn tập và nghe một số chủ đề mới Bài nghe: Ngôi nhà mình muốn sống	2	1	0	-Nghe hội thoại kể về những điều kiện hay những điểm trong ngôi nhà mơ ước muốn sống -Tìm hiểu từ vựng về cơ sở vật chất, hệ thống giao thông...	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để nghe hiểu hội thoại. -Làm bài tập.
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Sogang (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3A*, Nxb. Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2012), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 3*, Nxb. Giáo dục.

[3] Trường Đại học Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Nxb. Viện Giáo dục Ngôn ngữ trường ĐH Dongguk.

[4] Trường Đại học Yeonsei (2013), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2-2*, Nxb. Đại học Yeonsei.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355 , Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



***GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm**


PGS.TS. Hoàng Văn Việt



Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Nói 5 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101121921
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để hoàn thiện một câu, tăng cường kỹ năng thực hành nói câu, đoạn văn và đoạn hội thoại.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để đặt câu.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản đã học để thực hành nói câu, đoạn văn, hội thoại giao tiếp cũng như tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Sinh viên có thể nói những câu đơn giản đến mẫu câu nhiều ý cần diễn đạt. Bên cạnh đó còn có thể mở rộng tình huống giao tiếp nâng cao với những chủ đề phức tạp hơn và thảo luận nhiều hơn dựa trên những cấu trúc ngữ pháp cùng với từ vựng phù hợp cho từng trường hợp cụ thể.

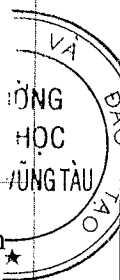
4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền đã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Tuần 1: Bài 1:	2	1	0	-Thực hành nói cấu trúc nói về thời tiết với cách	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có

Thời tiết và du lịch				nói nhiệt độ, lượng mưa, gió và dự báo thời tiết. -Thực hành hội thoại trao đổi về kế hoạch du lịch được đưa ra theo tình hình thời tiết	thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 2 Ôn tập	2	1	0	Ôn tập và làm bài tập	-Hệ thống kiến thức đã học và làm bài tập
Tuần 3 Bài 2: Sinh hoạt ở trường học	2	1	0	-Thực hành hội thoại về cách rút gọn của hình thức câu nói gián tiếp, mệnh đề giả định. -Hội thoại về giờ hoạt động của thư viện hay câu lạc bộ trong trường	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm liên quan đến chủ đề âm thực và các mùa. -Làm bài tập.
				học.	
Tuần 4 Bài 3: Nhà cửa	2	2	0	-Tập hội thoại về những đặc điểm của nhà, các dịch vụ liên quan đến bất động sản. - Thực hành nói cách tìm nhà hay phòng trọ, ký túc xá.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 5 Bài 4: Lời mời và đến thăm	2	1	0	-Thực hành hội thoại về tình huống được mời và đến thăm nhà hay thăm ai đó. -Tìm hiểu thêm văn hóa khi đến chơi nhà người Hàn Quốc vào dịp tết.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 6 Ôn tập và hệ thống kiến thức đã học	2	2	0	Ôn tập các bài đã học và thi giữa kỳ	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 7 Bài 5: Ngoại hình và tính cách	2	1	0	-Tập nói câu sử dụng từ miêu tả ngoại hình, hình dáng, tính cách.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói



				- Thảo luận và trao đổi về tình cách hay ngoại hình của một người nào đó.	các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 8 Bài 6: Vấn đề, khó khăn	2	1	0	- Thực hành hội thoại về tình huống yêu cầu giúp đỡ hay mong muốn thực hiện việc gì. -Thảo luận và trao đổi về những khó khăn hay vấn đề khi mua hàng cùng với dịch vụ chăm sóc khách hàng.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 9 Bài 7: Công việc	2	1	0	- Thực hành hội thoại về tình huống tìm việc	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
				và giải thích những dẫn đo trong công việc. -Thảo luận và trao đổi về công việc của nhân viên thử việc cho công ty trong thời gian nghỉ hè.	
Tuần 10 Bài 8: Sinh hoạt nơi công cộng	2	1	0	- Thực hành nói về việc sử dụng dịch vụ của một số nơi như ngân hàng, bưu điện, phòng xuất nhập cảnh... -Tạo hội thoại kể về việc hướng dẫn chi tiết quá trình hay các bước khi sử dụng dịch vụ ở một số nơi công cộng.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 11 Ôn tập và thảo luận về một số chủ đề mới Bài nghe: Giấc mơ	1	2	0	-Thực hành hội thoại kể về ước mơ hay giấc mơ trong tương lai -Tìm hiểu từ vựng về	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.



				kế hoạch vạch ra cho tương lai và những ngành nghề nổi bật.	
Tuần 12 Ôn tập và thực hành nói một số chủ đề mới Bài nghe: Ngôi nhà mình muốn sống	2	1	0	-Thực hành mẫu câu nói về những điều kiện hay những điểm trong ngôi nhà mơ ước muốn sống -Tìm hiểu từ vựng về cơ sở vật chất, hệ thống giao thông...	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Sogang (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3A*, Nxb. Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2012), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 3*, Nxb. Giáo dục.

[3] Trường Đại học Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Nxb. Viện Giáo dục Ngôn ngữ trường ĐH Dongguk.

[4] Trường Đại học Yeonsei (2013), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2-2*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[5] Trường Đại học Seoul (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2B*, Nxb. Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355 , Email: thuynghvt@gmail.com

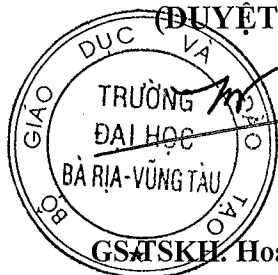
Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(ĐUỆT)



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: ĐỌC 5 (TIẾNG HÀN)
- Mã học phần: 0101120917
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên cấu trúc ngữ pháp trình độ Trung cấp tiếng Hàn (theo chuẩn của Bộ Giáo dục Hàn Quốc)
- Kỹ năng: kỹ năng đọc thành thạo và nhanh các văn bản tiếng Hàn trình độ Trung cấp.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Đọc 5 (tiếng Hàn).

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Ôn tập	2	1	0	Làm bài kiểm tra kiến thức đọc hiểu	- Hiểu văn bản được cho, biết cách trả lời và trả lời đúng câu hỏi đưa ra.

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 2: Giới thiệu người bạn làm cùng công ty	2	1	0	Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 3: Bạn đã chuẩn bị như thế nào trước khi đến Hàn Quốc	2	1	0	Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 4: Chúc các bạn tìm được căn nhà phù hợp với mình	2	1		Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 5: Ôn tập + thi giữa kỳ	2	1	0	Hiểu nội dung văn bản Coi thi giữa kỳ	- Hiểu bài - Làm bài thi tốt
Bài 6: Ôn tập và thi giữa kỳ	2	1		Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 7: Ga-eun rất biết giữ mồm giữ miệng	2	1		Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 8: Tôi thấy bất tiện vì không có trung tâm sửa chữa ở đây	2	1		Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 9: Nghề 'hot' sau 10 năm nữa	2	1		Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự



Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá xã hội Hàn Quốc thông qua tác phẩm văn học.

Thông tin liên hệ: thuhlim@gmail.com

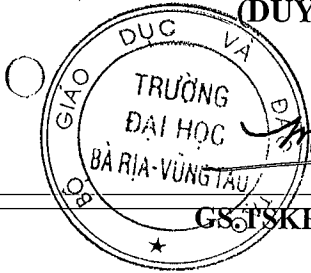
Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

GS.TSKH. Hoàng Văn Việt

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **VIẾT 5 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101120912
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp liên quan đến các chủ đề. Từ đó rèn luyện kỹ năng viết câu, viết đoạn văn bằng tiếng Hàn theo các chủ đề đó. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên học hỏi thêm về văn hóa giao tiếp và ứng xử của người Hàn

- **Kỹ năng:** rèn luyện kỹ năng viết một câu, một đoạn văn, một bài viết về các chủ đề. Nâng cao kỹ năng đọc và sử dụng từ, luyện tập cấu trúc ngữ pháp liên quan.

- **Thái độ:** sinh viên biết tự viết bài và phát biểu cảm nghĩ, ý kiến của mình về một vấn đề nhất định.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 6 bài với 6 chủ đề khác nhau là sinh hoạt trường lớp, đối nhân xử thế, sức khỏe, mua sắm, ẩm thực, ngân hàng. Mỗi chủ đề sẽ có 1 tuần để học bài trong giáo trình chính và 1 tuần thực hành với những kiến thức bổ sung từ các giáo trình khác. Tùy theo từng chủ đề, giáo viên cho sinh viên luyện tập viết câu theo cấu trúc ngữ pháp của bài học, viết đoạn ngắn và bài ngắn theo chủ đề của từng bài học.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
Bài 1: Sinh hoạt trường lớp	4	2		- Luyện cho Sinh viên viết bản hướng dẫn sử dụng cơ sở vật chất của trường, viết về kế hoạch sinh hoạt ở trường Đại học.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Viết bài ngắn
Bài 2: Đối nhân xử thế	4	2		- Sinh viên tập viết thư riêng, thư xin lỗi khi không thể tham gia họp mặt.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Viết bài
Bài 3: Sức khỏe	4	2		- Viết bài giới thiệu về món ăn và các môn thể thao tốt cho sức khỏe.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Viết bài
Ôn tập bài 1, 2, 3 Thi giữa kỳ	1	3		- Luyện viết các bài đã học - Thi giữa kỳ	- Làm bài tập - Làm bài thi
Bài 4: Mua sắm	4	2		- Viết về kinh nghiệm đổi và trả lại hàng hóa.	- Chuẩn bị bài - Viết bài
Bài 5: Ẩm thực	4	2		- Viết bài giới thiệu về món ăn, cách làm món ăn, văn hóa ăn uống.	- Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Viết bài
Bài 6: Ngân hàng Ôn tập 4, 5, 6	2	2		- Viết về phương pháp tích lũy tiền - Viết bài tổng hợp các bài đã học.	- Chuẩn bị bài - Viết bài
Tổng	23	15			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyến (2009), *Giáo trình tổng hợp dành cho người Việt Nam 3*, Nxb. KB Kookmin Bank.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 서울대학교 언어교육원 (2016), *한국어 3*, [주]문진미디어.

Giáo trình tiếng Hàn trường Đại học Seoul 3, 2016

[3] 경희대학교 언어교육원 교재편찬위원회 (2017), *경희대 한국어 3*, 형설출판사.

Giáo trình tiếng Hàn trường Đại học Kyunghee 3, 2017

[4] 김성희, 이효성, 이석란, 이윤실, 장수진, 최선영 (2016), *서강 한국어 3A*, 서강대학교-국제문화교육원-출판부.

Giáo trình tiếng Hàn trường Đại học Sogang 3A, 2016

[5] 연세대학교교 한국어학당 편 (2016), *연세 한국어 3-1*, 연세대학교 대학출판문화원.

Giáo trình tiếng Hàn trường Đại học Yonsei 3-1, 2016

[6] Lý Kính Hiền (2005), *Từ điển ngữ pháp tiếng Hàn*, Nxb. Văn hóa thông tin.

[7] 최정선 (2013), *Yonsei Korean 2-1, 2-2*, 연세언어원출판사.

Choi Jeong Soon (2013), *Yonsei Korean 2-1, 2-2*, Nxb. Viện ngôn ngữ ĐH Yonsei.

[8] 동국대 (2015), *함께 배우는 한국어*, 동국대학교 한국어연구원.

ĐH Dongguk (2015), *Cùng học tiếng Hàn*, Nxb. ĐH Dongguk.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

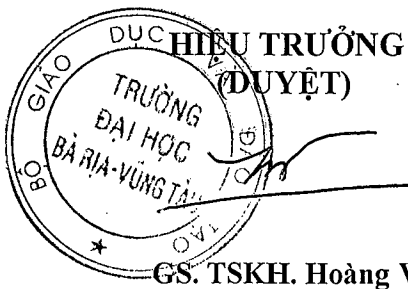
Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018



GS. TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **NGŨ PHÁP 6 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101121389
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** cung cấp sinh viên những kiến thức từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề trong bài học và mở rộng vốn hiểu biết về Hàn Quốc thông qua các bài tập bổ sung từ các giáo trình khác.

- **Kỹ năng:** rèn luyện kỹ năng đặt câu, viết câu sử dụng trong giao tiếp, trong văn bản, kỹ năng tư duy, lập luận trong các tình huống theo từng chủ đề của bài học,

- **Thái độ:** giúp sinh viên mạnh dạn và tự tin hơn trong giao tiếp tiếng Hàn, yêu thích tiếng Hàn, yêu thích văn hóa Hàn Quốc, và có thái độ học tập một cách tích cực.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 8 bài với 8 chủ đề khác nhau chia đều trong 12 tuần học. Kết hợp cả lý thuyết và thực hành, xen kẽ thi giữa kỳ vào các tuần học. Tuần đầu ôn tập, từ tuần 2 học theo các chủ đề là: thời tiết, ẩm thực, sức khỏe, mùa sắm, tuần 6 ôn tập và thi giữa kỳ, tuần 7 trở đi tiếp tục học các chủ đề: thất lạc, biện minh, ký ức, hối hận. Giáo viên cho Sv luyện tập cấu trúc mới và thực hành cấu trúc theo sách bài tập.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	L T	B T			
Tuần 1: Ôn tập 연습	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập các kiến thức đã học ở học kỳ trước - Định hướng kiến thức sẽ học trong học kỳ này 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 2 Bài 1: Thời tiết và du lịch 날씨와 여행	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - 은/는데 - 을지도 모르다 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 3 Bài 2: Âm thực 음식	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - 을래요 - 네요 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 4 Bài 3: Sức khỏe 건강	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - 았/였더니 - 다가 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 5 Bài 4: Mua sắm 쇼핑	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - 더라고요 - 게 	<ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 6 Ôn tập, thi giữa kỳ	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập các kiến thức trong bài đã học 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập ôn tập - Thi giữa kỳ

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Tuần 7 Bài 5: Thất lạc 분실	2	1	- 아/어 있다 - 은가/나보다	- Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 8 Bài 6: Vấn đề và biện minh 실수와 변명	2	1	- 느라고 - 은/는 줄 알았다	- Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 9 Bài 7: Ký ức 추억	2	1	- 았/었던 - 던 - 고 나서	- Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 10	2	1		
Bài 8: hối hận và kế hoạch 후회와 계획			- 았/였으면 - 았/었을 텐데 - 을까 하다	- Phát biểu xây dựng bài - Làm bài tập trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 11: Ôn tập 연습	2	2	- Ôn tập các kiến thức trong bài đã học	- Làm bài tập ôn tập
Tuần 12: Ôn tập 연습	2	2	- Ôn tập các kiến thức trong bài đã học	- Làm bài tập ôn tập
Tổng	23	15		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần;

- Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

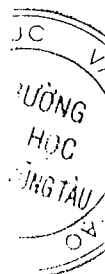
5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] 김성희외 (2016), *서강 한국어 3B (Student's Book & Work Book*, 서강대학교 출판사.



Kim Seong Hee và nhóm biên soạn (2016), *Giáo trình Sogang 3B (Student's Book và Workbook)*, NXB. Trường Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 서울대학교 언어교육원 (2016), *한국어 3,4*, [주]문진미디어.

Viện ngôn ngữ Đại học Seoul (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Seoul 3*, Nxb. Moonjin.

[3] 경희대학교 언어교육원 교재편찬위원회 (2017), *경희대 한국어 3, 4*, 형설출판사.

Ủy ban biên soạn giáo trình viện ngôn ngữ Đại học Kyunghee (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Kyunghee 3 và 4*, Nxb. Hyungsals.

[4] 이미혜 외 (2017), *이민자를 위한 한국어와 한국문화 중급 2*, 국립중앙도서관.

Lee Mi Hye và nhóm biên soạn (2017), *Văn hóa Hàn Quốc – trung cấp 2*, Nxb. Trung Ương quốc gia.

[5] Lê Huy Khánh, Lê Huy Khoa – *Tục ngữ – thành ngữ tiếng Hàn* – Nxb. Trẻ.

[6] Lê Huy Khoa, Lê Hữu Nhân – *Tiếp từ, thành ngữ 4 chữ và danh ngôn tiếng Hàn* – Nxb. Thanh Niên.

[7] Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyện – *Giáo trình tổng hợp dành cho người Việt Nam 2,3* Nxb. KB Kookmin Bank.

[8] 최정선 (2013), *Yonsei Korean 3-1, 3-2*, 연세언어원출판사.

Choi Jeong Soon (2013), *Yonsei Korean 3-1, 3-2*, Viện ngôn ngữ ĐH Yeonsei.

[9] 동국대 (2015), *함께 배우는 한국어*, 동국대학교 한국어연구원.

ĐH Dongguk (2015), *Cùng học tiếng Hàn*, Nxb. ĐH Dongguk.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc


Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

Facebook: Nguyen Thy Trang

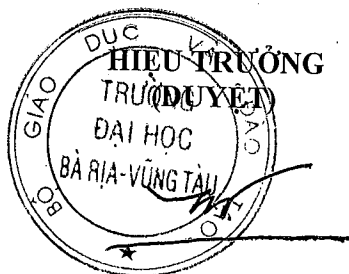
Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN


PGS.TS. Hoàng Văn Việt


Nguyễn Thị Trang



GS. TSKH. Hoàng Văn Kiêm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **NGHE 6 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101121920
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để hoàn thiện một câu, tăng cường kỹ năng nghe hiểu câu, đoạn văn, đoạn hội thoại dài và phức tạp.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để đặt câu.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

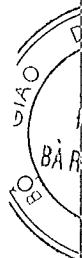
3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kỹ năng nghe hiểu và tiếp nhận thông tin bằng việc kết hợp các điểm ngữ pháp và nguồn từ vựng đã học. Sinh viên sẽ tập nghe hiểu câu, đoạn văn, hội thoại giao tiếp cũng như tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến, thảo luận. Nội dung bài nghe được thực hiện từ đơn giản đến khó dần và theo nhiều chủ đề, trường hợp cụ thể sát với thực tế giúp cho sinh viên có thêm nhiều thông tin liên quan đến bài học.

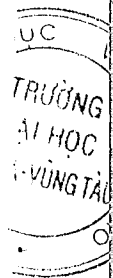
4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp	Thí nghiệm,		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, thực hành,		

		luận	điền đã		
Tuần 1: Bài 1: Thời tiết và du lịch	2	1	0	-Thực hành nghe cấu trúc nói về thời tiết với cách nói nhiệt độ, lượng mưa, gió và dự báo thời tiết. -Nghe hội thoại trao đổi về kế hoạch du lịch được đưa ra theo tình hình thời tiết	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 2 Ôn tập	2	1	0	Ôn tập và hệ thống kiến thức	-Hệ thống kiến thức đã học và làm bài tập
Tuần 3 Bài 2: Ẩm thực	2	1	0	-Nghe hội thoại về những ngày đặc trưng theo mùa ở Hàn Quốc và món ăn tiêu biểu. -Hội thoại ở nhà hàng về gọi món ăn và tư vấn về món ăn.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm liên quan đến chủ đề ẩm thực và các mùa. -Làm bài tập.
Tuần 4 Bài 3: Sức khỏe	2	2	0	-Nghe hội thoại về tình huống khám và điều trị bệnh. - Nghe hiểu các giải thích các triệu chứng liên quan đến sức khỏe.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 5 Bài 4: Mua sắm	2	1	0	-Nghe hội thoại về tình huống mua bán hàng điện tử hay các sản phẩm khác qua hệ thống mua sắm online. -Tìm hiểu mô hình mua bán và một số chính sách đổi, trả hàng ở Hàn Quốc.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 6 Ôn tập và hệ thống kiến thức đã học	2	2	0	Ôn tập các bài đã học và thi giữa kỳ	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.



Tuần 7 Bài 5: Đồ thất lạc	2	1	0	-Nghe hội thoại về tình huống bị thất lạc đồ và cách xử lý khi gặp sự cố. -Nghe hiểu tình huống bị quên đồ dùng cá nhân và người nhặt được trả lại cho người bị quên đồ dùng.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 8 Bài 6: Lỗi lầm và sự biện minh	2	1	0	-Nghe hội thoại về tình huống do sai sót nên gây ra lỗi lầm và cách giải thích, biện minh cho hành động đó. -Nghe đoạn văn kể về do	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
				lỗi của mình mà gây ra những hậu quả cho công việc và cách chuộc lỗi.	
Tuần 9 Bài 7: Ký ức	2	1	0	-Nghe hội thoại về việc miêu tả thời trang hay sự việc gì nổi trội nhất trong một thời điểm trong quá khứ. -Nghe đoạn văn kể về thời đi học.	-Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 10 Bài 8: Hối hận và kế hoạch	2	1	0	-Nghe hội thoại về việc đưa ra kế hoạch thực hiện một việc nào đó nhưng chỉ được vài ngày lại ngừng. -Nghe đoạn văn kể về quyết tâm của một người muốn tham gia thi đấu marathon.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể nghe hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 11 Ôn tập và nghe một số chủ	1	2	0	-Nghe hội thoại kể về ước mơ hay giấc mơ	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để nghe



đề mới Bài nghe: Giấc mơ				trong tương lai -Tìm hiểu từ vựng về kế hoạch vạch ra cho tương lai và những ngành nghề nổi bật.	hiểu hội thoại. -Làm bài tập.
Tuần 12 Ôn tập và nghe một số chủ đề mới Bài nghe: Ngôi nhà mình muốn sống	2	1	0	-Nghe hội thoại kể về những điều kiện hay những điểm trong ngôi nhà mơ ước muốn sống -Tìm hiểu từ vựng về cơ sở vật chất, hệ thống giao thông...	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để nghe hiểu hội thoại. -Làm bài tập.
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Sogang (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3B*, Nxb. Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2012), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 4*, Nxb. Giáo dục.

[3] Trường Đại học Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Nxb. Viện Giáo dục Ngôn ngữ trường ĐH Dongguk.

[4] Trường Đại học Yeonsei (2013), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3-1*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[5] Trường Đại học Seoul (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2B*, Nxb. Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

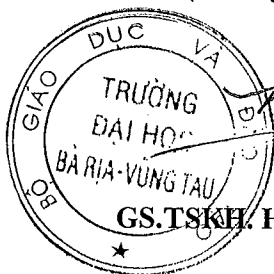
Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355 , Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Nói 6 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101121922
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để hoàn thiện một câu, tăng cường kỹ năng nói câu văn, đoạn văn, đoạn hội thoại.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để đặt câu.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản đã học để thực hành nói câu, đoạn văn, hội thoại giao tiếp cũng như tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Sinh viên có thể nói những câu có kết cấu phức tạp, mẫu câu nhiều ý cần diễn đạt. Bên cạnh đó còn có thể mở rộng tình huống giao tiếp nâng cao với những chủ đề phức tạp hơn và thảo luận nhiều hơn dựa trên những cấu trúc ngữ pháp cùng với từ vựng phù hợp cho từng trường hợp cụ thể như: ẩm thực, đi du lịch, miêu tả đồ bị thất lạc, xây dựng kế hoạch cho tương lai...

4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp			
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
		Thí nghiệm, thực hành,		

		luận	điền đã		
Tuần 1: Bài 1: Thời tiết và du lịch	2	1	0	-Thực hành nói cấu trúc nói về thời tiết với cách nói nhiệt độ, lượng mưa, gió và dự báo thời tiết. -Nghe hội thoại trao đổi về kế hoạch du lịch được đưa ra theo tình hình thời tiết.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 2 Ôn tập	2	1	0	Ôn tập và hệ thống kiến thức	-Hệ thống kiến thức đã học và làm bài tập
Tuần 3 Bài 2: Âm thực	2	1	0	-Thực hành nói và giới thiệu về những ngày đặc trưng trong các dịp Lễ, Tết ở Hàn Quốc và	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học.
				món ăn tiêu biểu. -Tạo đoạn hội thoại tiêu biểu ở nhà hàng về gọi món ăn và tư vấn về món ăn.	-Làm bài tập.
Tuần 4 Bài 3: Sức khỏe	2	2	0	-Thực hành nói một số mẫu câu hội thoại về tình huống khám và điều trị bệnh. - Nghe hiểu và giải thích các triệu chứng liên quan đến sức khỏe.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 5 Bài 4: Mua sắm	2	1	0	-Thực hành hội thoại về tình huống mua bán hàng điện tử hay các sản phẩm khác qua hệ thống mua sắm online. -Tìm hiểu mô hình mua bán và một số chính sách đổi, trả hàng ở Hàn Quốc.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 6 Ôn tập và hệ thống kiến thức đã học	2	2	0	Ôn tập các bài đã học và thi giữa kỳ	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có



					thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 7 Bài 5: Đồ thất lạc	2	1	0	-Thực hành hội thoại về tình huống bị thất lạc đồ và cách xử lý khi gặp sự cố. -Sử dụng những mẫu câu đã học vào tình huống bị quên đồ dùng cá nhân và người nhặt được trả lại cho người bị quên đồ dùng.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 8 Bài 6: Lỗi lầm và sự biện minh	2	1	0	-Thực hành nói về tình huống do sai sót nên gây ra lỗi lầm và cách giải thích, biện minh cho hành động đó. -Thảo luận về tình huống do lỗi của mình mà gây ra những hậu quả cho công việc và cách chuộc lỗi.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 9 Bài 7: Ký ức	2	1	0	-Thực hành mẫu câu về việc miêu tả thời trang hay sự việc gì nổi trội nhất trong một thời điểm trong quá khứ. -Thảo luận và kể về thời đi học.	-Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 10 Bài 8: Hồi hận và kế hoạch	2	1	0	-Thực hành nói những mẫu câu về việc đưa ra kế hoạch thực hiện một việc nào đó nhưng chỉ được vài ngày lại ngừng. - Kể về quyết tâm của	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.

				một người muốn tham gia thi đấu marathon.	
Tuần 11 Ôn tập và thực hành nói một số chủ đề mới Bài nghe: Giác mơ	1	2	0	-Thực hành kể về ước mơ hay giấc mơ trong tương lai -Tìm hiểu từ vựng về kế hoạch vạch ra cho tương lai và những ngành nghề nổi bật.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 12 Ôn tập và thực hành một số chủ đề mới Bài nghe: Ngôi nhà mình muốn sống	2	1	0	- Kể về những điều kiện hay những điểm trong ngôi nhà mơ ước muốn sống -Tìm hiểu từ vựng về cơ sở vật chất, hệ thống giao thông...	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Trường Đại học Sogang (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3B*, Nxb. Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2012), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 4*, Nxb. Giáo dục.

[3] Trường Đại học Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Nxb. Viện Giáo dục Ngôn ngữ trường ĐH Dongguk.

[4] Trường Đại học Yeonsei (2013), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3-1*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[5] Trường Đại học Seoul (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2B*, Nxb. Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355

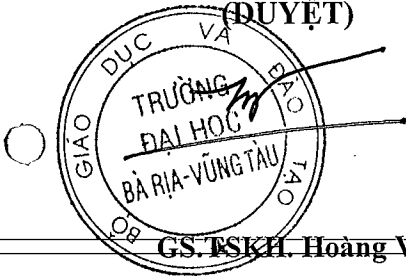
, Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: ĐỌC 6 (TIẾNG HÀN)
- Mã học phần: 0101120921
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên cấu trúc ngữ pháp trình độ Trung cấp tiếng Hàn (theo chuẩn của Bộ Giáo dục Hàn Quốc)
- Kỹ năng: kỹ năng đọc thành thạo và nhanh các văn bản tiếng Hàn trình độ Trung cấp.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Đọc 5 (tiếng Hàn).

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Ôn tập	2	1	0	Làm bài kiểm tra kiến thức đọc hiểu	- Hiểu văn bản được cho, biết cách trả lời và trả lời đúng câu hỏi đưa ra.

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 2: Thời tiết và du lịch	2	1	0	Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 3: Âm thực	2	1	0	Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 4: Sức khoẻ	2	1		Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 5: Mua sắm	2	1	0	Hiểu nội dung văn bản Coi thi giữa kỳ	- Hiểu bài - Làm bài thi tốt
Bài 6: Ôn tập + thi giữa kỳ	2	1		Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 7: Thất lạc đồ đạc	2	1		Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 8: Mắc lỗi và biện minh	2	1		Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 9: Kỷ niệm	2	1		Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự

UC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
RIJA-VUN
★

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 10: Hồi hận và kế hoạch	2	1		Hiểu nội dung văn bản	- Hiểu cấu trúc - Hiểu bài luận - Ứng dụng viết bài tương tự
Bài 11: Ôn tập từ bài 1-5	1	2		Đọc hiểu bài Có khả năng tóm tắt văn bản	- Nắm vững kiến thức ngữ pháp từ bài 1-5
Bài 12: Ôn tập từ bài 6-10	1	2		Đọc hiểu bài Có khả năng tóm tắt văn bản	- Nắm vững kiến thức ngữ pháp từ bài 6-11
Bài 13: Tổng kết	1	1		Có khả năng tóm tắt văn bản	- Nắm vững kiến thức toàn chương trình
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần; Hình thức đánh giá: điểm danh và gọi ngẫu nhiên kiểm tra 10 phút đầu giờ.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức đánh giá: Bài kiểm tra 60 phút (2 bài)

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức đánh giá: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3B*, Đại học Sogang Hàn Quốc, Nxb Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2013), Giáo trình *Tiếng Hàn tổng hợp 3*, NXB Giáo dục

3. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3*, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, Nxb Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc.

4. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3*, Trường Đại học Yonsei, NXB Đại học Yonsei.

5. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3*, Trường Đại học Seoul, Nxb Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá xã hội Hàn Quốc thông qua tác phẩm văn học.

Thông tin liên hệ: thuhalin@gmail.com

Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TS. Hoàng Văn Việt

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **VIẾT 6 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101120922
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp liên quan đến các chủ đề. Từ đó rèn luyện kỹ năng viết câu, viết đoạn văn bằng tiếng Hàn theo các chủ đề đó. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên học hỏi thêm về văn hóa giao tiếp và ứng xử của người Hàn

- **Kỹ năng:** rèn luyện kỹ năng viết một câu, một đoạn văn, một bài viết về các chủ đề. Nâng cao kỹ năng đọc và sử dụng từ, luyện tập cấu trúc ngữ pháp liên quan.

- **Thái độ:** sinh viên biết tự viết bài và phát biểu cảm nghĩ, ý kiến của mình về một vấn đề nhất định.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 6 bài với 6 chủ đề khác nhau là lỗi lầm, chuyên nhà, du lịch, điều lo lắng, Internet và hi vọng. Mỗi chủ đề sẽ có 1 tuần để học bài trong giáo trình chính và 1 tuần thực hành với những kiến thức bổ sung từ các giáo trình khác. Tùy theo từng chủ đề, giáo viên cho sinh viên luyện tập viết câu theo cấu trúc ngữ pháp của bài học, viết đoạn ngắn và bài ngắn theo chủ đề của từng bài học.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			
Bài 1: Lỗi lầm	4	2		<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện cho Sinh viên viết lời xin lỗi, viết bài về những sai sót do sự khác biệt văn hóa gây ra 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Viết bài ngắn
Bài 2: Chuyển nhà	4	2		<ul style="list-style-type: none"> - Học các từ ngữ chuyên về việc chuyển nhà, viết bài về kinh nghiệm chuyển nhà và ăn tiệc mừng tân gia. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Học thuộc bài
					<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Viết bài
Bài 3: Du lịch	4	2		<ul style="list-style-type: none"> - Viết bài giới thiệu đặc điểm vùng du lịch, viết về những chuyến du lịch đáng nhớ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Viết bài
Ôn tập bài 1, 2, 3 Thi giữa kỳ	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Luyện viết các bài đã học - Thi giữa kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Làm bài thi
Bài 4: Điều lo lắng	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Viết về lời khuyên đáng nhớ nhất, viết thư kể về điều lo lắng của bản thân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Viết bài, làm bài
Bài 5: Internet	4	2		<ul style="list-style-type: none"> - Học từ vựng liên quan đến Internet, thư điện tử, các chương trình soạn thảo, viết bài để đăng lên mạng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Viết bài
Bài 6: Hi vọng Ôn tập 4, 5, 6 Thi cuối kỳ	5	3		<ul style="list-style-type: none"> - Học từ vựng liên quan đến ước mơ, hi vọng trong tương lai, viết đoạn văn về các hoạt động tình nguyện, về bí quyết của sự thành công. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Viết bài
Tổng	23	15			



7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

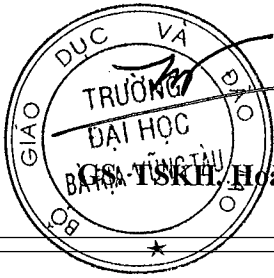
Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Hoàng Văn Kiêm
PGS.TS. Hoàng Văn Kiêm

Nguyễn Thị Trang
Nguyễn Thị Trang



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **ĐỊA LÝ DÂN CƯ HÀN QUỐC**
- Mã học phần: 0101120914
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về địa lý, dân cư, văn hóa, xã hội của Hàn Quốc. Đi sâu tìm hiểu một số đặc điểm nổi bật của từng vùng miền thông qua các bài thuyết trình, báo cáo.

- **Kỹ năng:** rèn luyện kỹ năng phát biểu, thuyết trình, báo cáo trước đám đông cho sinh viên, tập cho sinh viên thói quen làm việc nhóm cũng như thói quen tự lập khi làm việc một mình.

- **Thái độ:** là động lực cho sinh viên yêu thích Hàn Quốc thông qua những kiến thức đã học. Sinh viên tự ý thức về việc học tiếng Hàn nhờ các bài giảng về địa lý, dân cư hay đặc điểm của từng vùng miền.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 12 bài với 1 bài tổng quan và 11 bài đi sâu tìm hiểu về đặc trưng từng vùng đất của Hàn Quốc. Tuần 1: tổng quan về Hàn Quốc; tuần 2 đến tuần 12: tìm hiểu về từng vùng miền cụ thể; tuần 6 có bài thi giữa kỳ, tuần 12 kết hợp ôn tập để thi cuối kỳ. GV vừa giảng dạy theo phương pháp truyền thống, vừa kết hợp cho sinh viên làm các bài thuyết trình, phát biểu và báo cáo để khơi gợi tính sáng tạo, đam mê tìm hiểu của sinh viên, giúp sinh viên tiếp thu kiến thức một cách chủ động và thoải mái.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
<p>Bài 1: Tổng quan về Hàn Quốc</p> <p>1.1. Địa lý Hàn Quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên giới, diện tích - Đặc điểm địa hình, sông ngòi - Đặc điểm khí hậu - Các nguồn tài nguyên - Đặc điểm các vùng miền <p>1.2. Dân cư Hàn Quốc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ cấu dân số 	2	2		<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên hiểu khái quát về đất nước, con người Hàn Quốc. - Tìm hiểu sâu hơn các đặc điểm về địa lý và dân cư. - Biết được những biến đổi trong tương lai của xã hội Hàn Quốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Thảo luận
<ul style="list-style-type: none"> - Dân tộc - Những biến đổi về dân số Hàn Quốc trong tương lai (tỷ lệ sinh giảm, tỷ lệ di dân cao, lão hóa dân số nhanh, cơ cấu dân số mất cân bằng) 					
<p>Bài 2: Thành phố Seoul</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích - Dân số - Vai trò thủ đô - Tình hình phát triển chính trị, kinh tế, xã hội, ... của Seoul 	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu khái lược về thủ đô của Hàn Quốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Thảo luận
<p>Bài 3: Tỉnh Kyounggi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích - Dân số - Thế mạnh của vùng - Định hướng phát triển 	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp kiến thức về tỉnh Kyounggi, điểm mạnh điểm yếu của vùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Thảo luận

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ
Bài 4: Tỉnh Chungcheong	2	1		- Cung cấp kiến thức về tỉnh Chungcheong, điểm mạnh điểm yếu của vùng.	- Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Thảo luận
Bài 5: Thành phố Daegu, thành phố Incheon	2	1		- Hiểu cơ bản về thành phố Daegu và Incheon, biết so sánh thế mạnh và hạn chế còn tồn tại của hai thành phố.	- Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Làm bài báo cáo - Thuyết trình
Bài 6: Thành phố Ulsan, thành phố Kwangju	2	2		- Hiểu cơ bản về thành phố Ulsan và Kwangju, biết so sánh thế mạnh và hạn chế còn tồn tại của hai thành phố.	- Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Làm bài báo cáo - Thuyết trình
* Thi giữa kỳ					- Làm bài thi
Bài 7: Thành phố Busan và thành phố Daechon	2	1		- Hiểu cơ bản về thành phố Busan và Daechon, biết so sánh thế mạnh và hạn chế còn tồn tại của hai thành phố.	- Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Làm bài báo cáo - Thuyết trình
Bài 8: Tỉnh Kyoung Sang Buk	2	1		- Hiểu cơ bản về tỉnh Kyoungsang Buk, biết được thế mạnh và hạn chế của vùng.	- Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Thảo luận
Bài 9: Tỉnh Kang Won	2	1		- Hiểu cơ bản về tỉnh Kangwon, biết được thế mạnh và hạn chế của vùng.	- Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Thảo luận
Bài 10: Đảo Jeju	2	1		- Hiểu cơ bản về đảo Jeju, biết được thế mạnh và hạn chế của vùng.	- Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Thảo luận

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ
Bài 11: Tỉnh Cheonla - Diện tích - Dân số - Thế mạnh của vùng - Định hướng phát triển	2	1	- Hiểu cơ bản về tỉnh Cheonla, biết được thế mạnh và hạn chế của vùng.	- Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Thảo luận
Bài 12: Tỉnh Yeoeui - Diện tích - Dân số - Thế mạnh của vùng - Định hướng phát triển	1	2	- Hiểu cơ bản về tỉnh Yeoeui, biết được thế mạnh và hạn chế của vùng.	- Đọc tài liệu - Tham gia xây dựng bài - Thảo luận
Tổng	23	15		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Kiến Văn, Nguyễn Anh Dũng (2015), *Hàn Quốc-đất nước-con người*, Nxb. Thời Đại.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á (2016), *Xã hội Hàn Quốc, truyền thống và biến đổi*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.

[3]. 연세대학교 한국어학당 (1998), 주제가 있는 한국어 읽기 5, 연세대학교 출판부.

Trung tâm tiếng Hàn đại học Yeonsei (1998), *Đọc tiếng Hàn theo chủ đề 5*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[4]. 한국어읽기연구회(2014), 간단히 보는 한국의 지리 - 외국인을 위한 한국어 읽기, Ebook.

Hội nghiên cứu tài liệu đọc tiếng Hàn (2014), *Địa lý Hàn Quốc – tài liệu đọc dành cho người nước ngoài*, Nxb. Ebook.

[5]. 조용희, 한유미, 조혜영 - 프랑수어권 학습자를 위한 한국 문화 100 선- Darakwon, 2016.

Cho Yong Hee, Han Yu Mi, Cho Hye Yong (2016), *100 điểm văn hóa Hàn Quốc cho người học tiếng Hàn*, Nxb. Darakwon.

[6]. 해외문화홍보원 (2011), *한눈에 보이는 한국생활*, 문화국 출판사.

Viện quảng bá văn hóa hải ngoại Hàn Quốc (2011), *Sinh hoạt Hàn Quốc từ một cái nhìn*, Nxb. Moonhwakuk.

[7]. Kwak Hae Seon (2003), 경제 기사 소프트, 사계절 출판사.

Kwak Hae Seon (2003), Báo cáo nhanh kinh tế Hàn Quốc, Nxb. Sakyechoul.

[8]. 문화 - 여행부 (2012), 한국의 어제와 오늘, 사계절 출판사.

Bộ Văn hóa và du lịch (2012), Hàn Quốc - hôm qua và hôm nay, Viện quảng bá văn hóa hải ngoại.

[9]. 법무부 (2013), 이민자를 위한 한국어와 한국문화(중급), 한국이민재단.

Bộ pháp vụ (2013), Văn hóa Hàn Quốc dành cho người nước ngoài (trung cấp), Tổ chức di dân Hàn Quốc.

[10]. 이화여자대학교 (2006), 말이 트이는 한국어 3, 이화여자대학교 출판사.

Trường ĐH Ihwa (2006), Tiếng Hàn 3, Nxb. Trường ĐH nữ Ihwa.

[11]. Naver.com

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

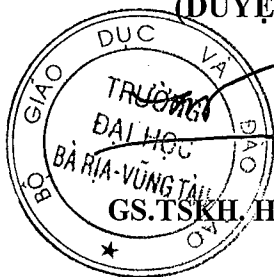
Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018


HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm


GS.TS. Hoàng Văn Việt


Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: TIẾNG HÀN THƯƠNG MẠI 1
- Mã học phần: 0101120913
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên từ vựng thương mại và cấu trúc ngữ pháp tương sử dụng nơi công sở, giao thương
- Kỹ năng: kỹ năng sử dụng thành thạo từ vựng thương mại và cấu trúc ngữ pháp tương sử dụng nơi công sở, giao thương.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Tiếng Hàn thương mại 1, có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết các tài liệu lĩnh vực thương mại.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên	
	Lên lớp				Thí nghiệm, thực hành, điền dã
	LT	BT			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 1: Tìm việc	2	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 는다면서요? - 는다니까 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 2: Giới thiệu bản thân	2	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 기는 하지만 - 도록 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 3: Phỏng vấn	2	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 게 되다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp
				<ul style="list-style-type: none"> - 은 적이 있다 	<ul style="list-style-type: none"> - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 4: Phòng ban và nhiệm vụ	2	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 기 위해서 - 지 않으면 안 되다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 5: Danh thiếp	2	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 기는요 - 으로 봐서는 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 6: Hộp	2	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 어 놓다 - 는다고 보다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 7: Giới thiệu sản phẩm	2	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 느라고 - 었는데 - 게 마련이다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Thi giữa kỳ	2	0	0	Đánh giá năng lực sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài thi
Bài 8: Thư email thương mại	2	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 기 바라다 - 는 대로 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 9: Thông báo công ty	2	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 느라고 - 는다기에 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 10: Liên hoan công ty	2	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 을 겸 - 어 가면서 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo

A
 NG
 OC
 NGTA
 ★

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 11: Quản lý chất lượng sản phẩm	2	0	0	- 을 건가요? - 아무리 - 는다고 해서	- Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 12: Diễn đạt bất mãn	2	0	0	- 을 뿐만 아니라 - 도록 하다	- Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 13: Dịch vụ khách hàng	2	0	0	- 고 나서	- Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp
				- 사동사	- Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Ôn tập	2	0		Ôn tập chương trình	- Làm gia hệ thống kiến thức - Ghi chép và làm bài tập
Tổng	30	0	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Trung tâm ngôn ngữ Đại học Yonsei (2015), *Tiếng Hàn thương mại dành cho người nước ngoài*, Đại học Yonsei, Nxb Trường đại học Yonsei.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. 강연화, 민재훈 (2007), 외국인 유학생을 위한 경경 한국어, 다락원 출판사.
3. 법무부 출입국, 외국인 정책 (2013) 이민사를 위한 한국어와 한국문화 중급, 한국재단.
4. 연세대학교 한국어 학당 (2016), 연세 한국어 4, 연세대학교 대학출판문화원.
5. 연세대학교 한국어 학당 (2017), 외국인을 위한 한국어 어휘연습 -고급, 연세대학교 대학출판문화원.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá văn học.

Thông tin liên hệ: thuhelim@gmail.com

Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

Hoàng Văn Việt
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **THỰC HÀNH DỊCH 1 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101120916
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

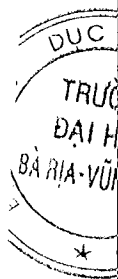
- **Kiến thức:** trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ năng thông dịch và phiên dịch, chủ yếu là thông dịch(dịch nói), thực hành dịch về các chủ đề liên quan tới cuộc sống hàng ngày để nâng cao vốn từ vựng, vốn kiến thức liên quan.
- **Kỹ năng:** rèn luyện kỹ năng dịch nói, dịch viết về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống hàng ngày rèn luyện kỹ năng nói chuyện trước công chúng.
- **Thái độ:** sinh viên mạnh dạn làm biên - phiên dịch viên, tự tin nói chuyện trước công chúng, chuẩn bị tinh thần làm thông dịch viên sau khi ra trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 10 bài với 10 chủ đề khác nhau với 23 tiết lý thuyết và 15 tiết thực hành. Mỗi chủ đề học trong 1 tuần, trong đó lý thuyết kết hợp với thực hành. Tuần 1: tìm hiểu sơ lược về biên – phiên dịch; tuần thứ 2, 3, 4, 5 dịch về chủ đề kết hôn, công sở, cuộc sống, xin việc; tuần 6 ôn tập và thi giữa kỳ; tuần 8 đến tuần 10 dịch về chủ đề: sự kiện & sự cố, giao dịch, chính trị và kinh tế.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Tuần 1: Tìm hiểu về kỹ năng biên - phiên dịch Thực hành dịch bài phóng sự nhỏ	3	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho Sinh viên những khái niệm, kỹ năng và kinh nghiệm cơ bản của biên phiên dịch. - Giúp sinh viên tìm hiểu thêm những lưu ý khi làm biên - phiên dịch trong môi trường của người Hàn Quốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thảo luận - Thực hành dịch
Tuần 2: Thực hành dịch, chủ đề: cuộc sống	3	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và vốn từ vựng liên quan tới cuộc sống hàng ngày. - Sinh viên thực hành dịch nói và dịch viết về chủ đề sinh hoạt hàng ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài về chủ đề cuộc sống - Thực hành dịch nói, viết trên lớp - Làm bài tập về nhà
Tuần 3: Thực hành dịch, chủ đề: công sở	3	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng vốn kiến thức và vốn từ liên quan tới chủ đề công sở. - Thực hành dịch nói và viết về chủ đề công sở. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài GV đã cho trước - Làm bài tập - Thực hành tại chỗ
Tuần 4: Thực hành dịch về chủ đề kết hôn	2	2	0	<ul style="list-style-type: none"> - Học từ, ngữ pháp về chủ đề kết hôn - Thực hành dịch về kết hôn 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Tuần 5: Thực hành dịch chủ đề xin việc	2	2	0	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng kiến thức về chủ đề xin việc. - Thực hành dịch về chủ đề xin việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thực hành
Tuần 6: Ôn tập, thi giữa kỳ	2	2	0	<ul style="list-style-type: none"> - Luyện tập các bài đã học - Thi giữa kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Làm bài thi



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Tuần 7: Thực hành dịch chủ đề sự kiện - sự cố	2	2	0	- Làm quen với các tình huống xảy ra. - Thực hành dịch về chủ đề sự kiện - sự cố	- Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Tuần 8: Thực hành dịch chủ đề giáo dục	2	2	0	- Làm quen với từ, câu và cấu trúc ngữ pháp liên quan chủ đề giáo dục. - Thực hành dịch về chủ đề giáo dục.	- Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Tuần 9: Thực hành dịch chủ đề kinh tế	2	1	0	- Mở rộng kiến thức về chủ đề kinh tế. - Thực hành dịch về kinh tế	- Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Tuần 10: Thực hành dịch chủ đề chính trị	2	1	0	- Mở rộng kiến thức về chính trị Hàn Quốc - Thực hành dịch về chính trị Hàn Quốc	- Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyên (2013), *Giáo trình tổng hợp dành cho người Việt Nam 4*, 5, Nxb. KB Kookmin Bank.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 서울대학교 언어교육원 (2016), *한국어 3*, [주]문진미디어.

Viện ngôn ngữ Đại học Seoul (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Seoul 3*, Nxb. Moonjin.

[3] 경희대학교 언어교육원 교재편찬위원회 (2017), *경희대 한국어 3*, 형설출판사.

Ủy ban biên soạn giáo trình viện ngôn ngữ Đại học Kyunghee (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Kyunghee 3*, Nxb. Hyungsal.

[4] 이미혜 외 (2017), *이민자를 위한 한국어와 한국문화 중급 1*, 국립중앙도서관.

Lee Mi Hye và nhóm biên soạn (2017), *Văn hóa Hàn Quốc - trung cấp 1*, Nxb. Trung Ương quốc gia.

[5] 이미혜 외 (2017), *이민자를 위한 한국어와 한국문화 중급 2*, 국립중앙도서관.

Lee Mi Hye và nhóm biên soạn (2017), *Văn hóa Hàn Quốc - trung cấp 2*, Nxb. Trung Ương quốc gia.

[6] Nghiêm Thị Thu Hương, Lee Kye Sun (2017), *한국어 - 베트남어 번역능력 향상 워크북*, 문예림.

Nghiêm Thị Thu Hương, Lee Kye Sun (2017), *Luyện tập nâng cao năng lực dịch Hàn - Việt, Việt - Hàn*, Nxb. Moonjerim.

[7] ĐH Kyunghee (2015), *Get it Korean 4*, Nxb. Hawoo.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

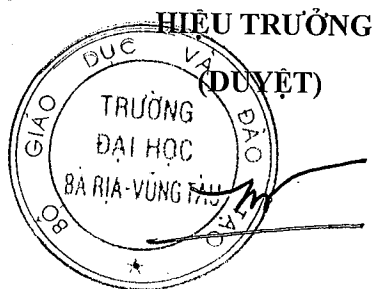
Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: TIẾNG HÀN THƯƠNG MẠI 2
- Mã học phần: 0101120924
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên từ vựng thương mại và cấu trúc ngữ pháp sử dụng nơi công sở, giao thương
- Kỹ năng: kỹ năng sử dụng thành thạo từ vựng thương mại và cấu trúc ngữ pháp sử dụng nơi công sở, giao thương.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Tiếng Hàn thương mại 2, có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết các tài liệu lĩnh vực thương mại.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền đã		
	LT	BT			
Bài 1: Hợp đồng	2	2	0	<ul style="list-style-type: none">- 에 비하면- 으니 만큼	<ul style="list-style-type: none">- Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp- Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp- Hiểu và ứng dụng thành thạo



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 2: Phát triển sản phẩm mới	2	2	0	<ul style="list-style-type: none"> - 어서 그런지 - 던데요 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 3: Quảng cáo	2	2	0	<ul style="list-style-type: none"> - 으므로 - 기에는 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 4: Home Shopping	2	2	0	<ul style="list-style-type: none"> - 는데도 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp
				<ul style="list-style-type: none"> - 었던 것보다 	<ul style="list-style-type: none"> - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 5: Điều tra thị trường	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - 을 즐 몰랐다 - 더니 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 6: Mở cửa kinh doanh	2	2		<ul style="list-style-type: none"> - 는다고 하던데 - 느냐에 달려 있다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo

DUC
 TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC
 4-VÙNG

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 7: Điều tra bảng hỏi	3	1		<ul style="list-style-type: none"> - 으면서도 - 는다기보다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 8: Thẻ tín dụng	3	1		<ul style="list-style-type: none"> - 거든요 - 는 편이다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 9: Bảo hiểm	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - 에 의하면 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp
				<ul style="list-style-type: none"> - 을 만하다 	<ul style="list-style-type: none"> - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 10: Nghề nghiệp tương lai	3	1		<ul style="list-style-type: none"> - 을 수록 - 는 걸 보면 - 는 것 같다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút (1 bài)

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Trung tâm ngôn ngữ Đại học Yonsei (2015), *Tiếng Hàn thương mại dành cho người nước ngoài*, Đại học Yonsei, Nxb Trường đại học Yonsei.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. 강연화, 민재훈 (2007), 외국인 유학생을 위한 경경 한국어, 다락원 출판사.
3. 법무부 출입국, 외국인 정책 (2013) 이민사를 위한 한국어와 한국문화 중급, 한국재단.
4. 연세대학교 한국어 학당 (2016), 연세 한국어 4, 연세대학교 대학출판문화원.
5. 연세대학교 한국어 학당 (2017), 외국인을 위한 한국어 어휘연습 -고급, 연세대학교 대학출판문화원.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá văn học.

Thông tin liên hệ: thualim@gmail.com

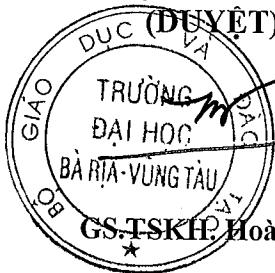
Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

Đ. Linh
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Thu Hà

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **VĂN HÓA DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC**
- Mã học phần: 0101120927
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản mà thực tế nhất về doanh nghiệp, những điều cần chú ý hay văn hóa khi làm việc ở công ty như thế nào là phù hợp và hiệu quả để khi tốt nghiệp sinh viên cảm thấy tự tin khi làm việc ở công ty, doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để nắm bắt thông tin, kiến thức.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.
- + Am hiểu hơn về một số lĩnh vực: du lịch, sản xuất, thương mại...

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học.
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn, những nét đặc trưng về đất nước Hàn Quốc và văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc để sinh viên tự tin hơn khi tốt nghiệp và đi làm việc. Nội dung bài đi từ những kiến thức chung về doanh nghiệp, công ty với cơ cấu tổ chức. Sau đó là tìm hiểu về suy nghĩ, tính cách của người Hàn Quốc và cả những phép tắc, lễ nghi, văn hóa đặc trưng ở nơi công sở để giúp sinh viên dễ nắm bắt và nhanh thích nghi với môi trường làm việc.

4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

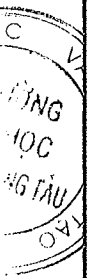
Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể/ Nội dung cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp	Thí		



			Bài tập, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	thảo luận			
Bài 1: Điều kiện tự nhiên- đất nước - con người và ngôn ngữ Hàn Quốc và những nét đặc trưng. Bài đọc: Đặc trưng của Hàn Quốc	2	1	0	-Trang bị kiến thức một cách ngắn gọn à xúc tích về đất nước, con người Hàn Quốc. -Tìm hiểu sâu hơn về những nét đặc trưng của Hàn Quốc: chữ viết, quốc kỳ...	- Chuẩn bị từ vựng và kiến thức liên quan đến bài học. -Đọc tài liệu tham khảo.
Bài 2: Nét đặc trưng của văn hóa Hàn Quốc và tính cách nổi bật của người hàn quốc Bài đọc: Suy nghĩ của người Hàn Quốc	2	2	0	-Tìm hiểu từ vựng về tính cách, suy nghĩ và cách giải quyết vấn đề của người Hàn Quốc. -Tìm hiểu sâu hơn về nét đặc trưng trong công việc có chi phối bởi tình cảm, suy nghĩ của người Hàn Quốc.	- Chuẩn bị từ vựng và kiến thức liên quan đến bài học. -Đọc tài liệu tham khảo.
Bài 3: Doanh nghiệp và môi trường làm việc Bài đọc: Công ty	3	1	0	-Tìm hiểu từ vựng về doanh nghiệp và nhân sự, cơ cấu tổ chức. -Tìm hiểu về vấn đề việc làm ở Hàn Quốc trao đổi thông tin với bạn bè về những kinh nghiệm hay những điều cần chú ý ở Hàn Quốc.	- Chuẩn bị từ vựng và kiến thức liên quan đến bài học. -Đọc tài liệu tham khảo.
Bài 4: Quan hệ công việc và những hoạt động giao tiếp hàng ngày tại nơi làm việc	2	2	0	-Các mối quan hệ trong công ty +Vào làm việc – ra về +Cấp trên – cấp dưới +Quan hệ đồng nghiệp với nhau -Những hoạt động chào hỏi, làm quen và	- Chuẩn bị từ vựng và kiến thức liên quan đến bài học. -Đọc tài liệu tham khảo.

DU
TH
ĐA
1/A-1
*

				thái độ làm việc ở nơi làm việc. Liên hệ một số tình huống cụ thể	
Bài 5: Trang phục và một số quy tắc ở nơi làm việc.	2	2	0	- Văn hóa mặc, sử dụng trang phục khi đến nơi làm việc. - Những quy tắc, lễ nghi về việc sử dụng điện thoại ở nơi làm việc (Nghe và nhận điện thoại). - Quy tắc trong công việc và tiếp khách ở nơi làm việc.	- Chuẩn bị từ vựng và kiến thức liên quan đến bài học. - Đọc tài liệu tham khảo.
Hệ thống lại những kiến thức đã học và chia nhóm thảo luận	2	1	0	- Ôn tập và sửa bài tập - Thảo luận theo nhóm	- Hệ thống lại toàn bộ từ vựng và các điểm ngữ pháp đã học của các bài đọc. - Chuẩn bị theo chủ đề.
Bài 6: Một số lễ nghi, quy tắc khi làm việc ở công ty Bài đọc: Đời sống nơi làm việc	2	1	0	- Tìm hiểu các quy tắc và lễ nghi khi đến thăm hay làm việc ở công ty hay ở công ty đối tác. - Trao đổi thông tin với bạn bè về những quy tắc khi tham dự các hoạt động, sự kiện của công ty.	- Chuẩn bị từ vựng và kiến thức liên quan đến bài học. - Đọc tài liệu tham khảo.
Bài 7: Các buổi gặp mặt hay văn hóa ăn uống bên ngoài của công ty. Bài đọc: Buổi họp mặt của công ty	2	1	0	- Tìm hiểu về văn hóa họp mặt của công ty, các cách chào hỏi và quy tắc. - Trao đổi thông tin với bạn bè về văn hóa họp mặt và đưa ra so	- Chuẩn bị nội dung cho bài học. - Học thuộc từ vựng và cách diễn đạt trong một số tình huống.



				sánh nét văn hóa này giữa Hàn Quốc và Việt Nam.	
Bài 8: Văn hóa ứng xử trong đời sống hàng ngày Bài đọc: Sự khác biệt trong văn hóa	3	2	0	-Tìm hiểu về những nét văn hóa đặc trưng, những quy tắc, lễ nghi trong văn hóa ứng xử. -Trao đổi thông tin với bạn bè về một số tình huống thể hiện nét văn hóa ứng xử cụ thể cho từng trường hợp (trong lúc nói chuyện, trong lúc làm việc).	- Chuẩn bị nội dung cho bài học. -Học thuộc từ vựng và cách diễn đạt trong một số ngữ cảnh cụ thể.
Chia nhóm và thuyết trình	3	2	0	Chia nhóm và các nhóm sẽ tạo nội dung bằng video clip về một số lễ nghi hay quy tắc khi tiếp đối tác.	- Chuẩn bị nội dung cho bài học. -Học thuộc từ vựng và thông tin trải nghiệm thực tế.
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] 강현화, 민재훈 (2007), 외국인 유학생을 위한 경영 한국어, 다락원 출판사.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] 이화여자대학교 (2006), 말이 트이는 한국어 5, 이화여자대학교 출판부.

[3] PGS.TS. Trần Thị Thu Lương (2016), Đặc trưng Văn hóa Việt Nam Hàn Quốc - Tương đồng và khác biệt, Nxb. Chính trị quốc gia.

[4] 한국어 읽기 연구회 (2013), 외국인을 위한 한국어 읽기 한국을 알리는 기업들 95, 대한민국 서울 학이시습 출판부.

[5] 법무부 출입국 - 외국인 정책 (2013), 이민자를 위한 한국어와 한국문화 중급, 한국이민재단 출판부.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355

, Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(QUYẾT)



GS. PSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **TOPIK 1**
- Mã học phần: 0101121932
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** Topik là kỳ thi bắt buộc chuẩn đầu ra của chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về kỳ thi Topik, dạng đề thi Topik, barem ngữ pháp và giới hạn từ vựng mà sinh viên phải nắm của đề thi Topik mình đăng ký thi. Sinh viên có thêm kiến thức về văn hóa, xã hội và ngôn ngữ của Hàn Quốc, thành thạo hơn các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp một cách tự tin.

- **Kỹ năng:** kết thúc môn học, sinh viên sẽ nắm được kỹ năng làm bài thi Topik một cách thành thạo và chuyên nghiệp. Có khả năng tính toán được thời gian khi làm bài thi và phân bổ thời gian cho hợp lý, biết lựa chọn phần bài thi phù hợp với khả năng của mình, xử lý đề thi một cách nhanh chóng và hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên còn rèn luyện được kỹ năng sử dụng ngôn ngữ với 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết thành thạo, sáng tạo trong các bài viết và trau dồi vốn kiến thức học hỏi được.

- **Thái độ:** sinh viên ý thức được tầm quan trọng của cuộc thi Topik, biết đặc ra mục tiêu môn học cho mình như tự giác tải đề, giải đề, đăng ký thi, ... Ngoài ra còn rèn luyện cho sinh viên cảm thấy tự tin hơn trong giao tiếp, thành thực hơn trong sử dụng ngôn ngữ để mở rộng mối quan hệ với những người xung quanh, đặc biệt là người Hàn Quốc.

3. Tóm tắt nội dung học phần: Học phần gồm 12 tuần học (bao gồm thi giữa kỳ), trong đó trong 4 tuần đầu sinh viên sẽ được học những kỹ năng cơ bản về phương pháp làm một bài thi Topik ở **mức độ trung cấp 3**. Những tuần tiếp theo sinh viên thực hành làm bài thi mẫu. Học phần kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.



4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp	TN Thực hành, điền đã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
Chương 1: Làm quen đề thi Topik	12	4	Giảng viên giới thiệu về môn học, cấu trúc đề thi, cách làm đề thi chung.	Sinh viên tiếp cận đề thi, vừa học lý thuyết vừa thực hành
1.1. Ngữ pháp – từ vựng	2	0	Hướng dẫn sinh viên làm quen phần Ngữ pháp – từ vựng trong đề thi Topik trung cấp, cấu trúc đề thi, phương pháp làm bài có hiệu quả.	Sinh viên nắm những ngữ pháp – từ vựng cơ bản trong đề thi Topik, cấu trúc đề thi, phương pháp làm bài thi có hiệu quả
1.2. Làm bài thi ngữ pháp – từ vựng	1	1	Ra đề thi cho Sv thực hành làm bài thi, chấm thi	Sinh viên làm bài thi phần từ vựng – ngữ pháp
1.3. Đọc hiểu	2	0	Hướng dẫn sinh viên làm quen phần Đọc hiểu trong đề thi Topik trung cấp, cấu trúc đề thi, phương pháp làm bài có hiệu quả.	Sinh viên nắm những ngữ pháp – từ vựng cơ bản trong phần Đọc hiểu của đề thi Topik, cấu trúc đề thi, phương pháp làm bài thi.
1.4. Làm bài thi Đọc hiểu	1	1	Ra đề thi cho Sv thực hành làm bài thi, chấm thi	Sinh viên làm bài thi phần từ Đọc hiểu
1.5. Viết	2	0	Hướng dẫn sinh viên làm quen phần Viết trong đề thi Topik trung cấp, cấu trúc đề thi, phương pháp làm bài có hiệu quả.	Sinh viên nắm những ngữ pháp – từ vựng cơ bản trong đề thi Viết của Topik, cấu trúc đề thi, phương pháp làm bài thi có hiệu quả
1.6. Làm bài thi Viết	1	1	Ra đề thi cho Sv thực hành làm bài thi, chấm thi	Sinh viên làm bài thi phần Viết
1.7. Nghe	2	0	Hướng dẫn sinh viên làm quen phần Nghe trong đề thi Topik trung cấp, cấu trúc đề thi, phương pháp làm bài có hiệu quả.	Sinh viên nắm những ngữ pháp – từ vựng cơ bản trong đề thi Nghe của Topik, cấu trúc đề thi, phương pháp làm bài thi có hiệu quả
1.8 Làm bài thi nghe	1	1	Ra đề thi cho Sv thực hành làm bài thi, chấm thi	Sinh viên làm bài thi phần Nghe
Ôn tập	1	1	Ôn tập, củng cố kiến thức đã học	Sinh viên ôn tập và làm những bài tập nhỏ liên quan

				từng phần trong bài thi
Thi giữa kỳ	1	1	GV ra đề, chấm thi	SV làm bài thi
Chương 2. Thực hành tổng hợp	9	9	GV ra đề, chấm thi và tổ chức sửa bài trên lớp cho SV	SV làm bài thi, đúc rút kinh nghiệm làm bài thi
2.1. Làm bài thi tổng hợp 1	1	2	GV ra đề, chấm thi	SV làm bài thi
2.2. Sửa bài thi tổng hợp 1	2	1	GV trả bài, sửa bài thi	Sv sửa bài thi
2.3. Làm bài thi tổng hợp 2	1	2	GV ra đề, chấm thi	SV làm bài thi
2.4. Sửa bài thi tổng hợp 2	2	1	GV trả bài, sửa bài thi	Sv sửa bài thi
2.6. Làm bài thi tổng hợp 3	1	2	GV ra đề, chấm thi	SV làm bài thi
2.6. Sửa bài thi tổng hợp 3	2	1	GV trả bài, sửa bài thi	Sv sửa bài thi
Tổng	23	15		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần; Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] 시대 (2009), *Topik II*, 시대고시기획.

Sidaedu (2009), *Topik II*, Nhà xuất bản Kế hoạch khảo thí Sidae.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 세종대학교 토픽연구원 (2016), *Topik II*, 동양북출판사.

Viện nghiên cứu Topik trường ĐH Sejong (2016), *Topik II*, Nhà xuất bản Dongyangbook.

[3] 경희대학교 토픽연구원 (2017), *Topik II*, 다락원출판사.

Viện nghiên cứu giáo dục tiếng Hàn ĐH Kyonghee (2017), *Master Topik II*, Nhà xuất bản Darakwon.

[4] 존인태 (2015), *Topik 문법 중급*, 도서출판사.

Chon In Tae (2015), *Ngữ pháp Topik trung cấp*, Nhà xuất bản Doseo.

[5] 고경민의 (2015), *새롭게 Topik 쓰기*, 도서출판사.

Ko Kyoung Min (2015), *Viết Topik II*, Nhà xuất bản Doseo.

[6] 김순례의 (2014), *핫토픽 II*, 한글파크.

Kim Sun Rye (2014), *Hot Topik II*, Nhà xuất bản Hangeulpark.

[7] 여러 작가 (2014), *한국어능력시험 Topik II*, 한글파크.

Nhiều tác giả (2014), *Thi năng lực tiếng Hàn Topi II*, Nhà xuất bản Hangeulpark.

6.3. Các website:

- Topik.or.kr

- Studytopik.go.kr

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

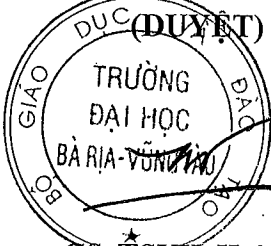
Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS. TSKH. Hoàng Văn Kiếm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Ngữ pháp 7 (Tiếng Hàn)**
- Mã học phần: 0101121934
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức nền về tự vựng, tình huống và một số hiện tượng ngữ pháp tiếng Hàn. Khi kết thúc học phần, sinh viên phải nắm được cấu trúc câu tiếng Hàn ở mức độ nâng cao để hoàn thành câu nhiều ý và tạo lập được đoạn văn.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được quy tắc trật tự câu văn tiếng Hàn và cách sử dụng hệ thống trợ từ.
- + Sinh viên phải nắm được kỹ năng dịch Hàn – Việt, Việt – Hàn đối với những câu đơn cơ bản.

- Thái độ:

- + Tập trung trong giờ học, về nhà học bài, làm bài đầy đủ.
- + Tích cực phát biểu trong giờ học, đam mê môn học.
- + Có thể làm bài thi Topik ở mức độ tương đương.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Môn học trang bị cho sinh viên những cấu trúc ngữ pháp ở mức độ chuyên sâu và nâng cao nhằm giúp cho sinh viên có thể đọc hiểu hay viết câu khi kết hợp các điểm ngữ pháp đó với nguồn từ vựng đã học ở mức độ trung cấp và cao cấp. Từ đó sinh viên có thể tạo các đoạn hội thoại theo tình huống một cách dễ dàng hoặc tạo phản xạ nhanh trong các tình huống giao tiếp. Ngoài ra môn học còn cung cấp một số điểm ngữ pháp sử dụng trong các văn bản hay tài liệu ở nhiều môi trường làm việc mà sinh viên có thể áp dụng.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp				
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Tuần 1: Bài 1: -Tự giới thiệu bản thân -Nhìn vào thực tế của xã hội -Nói về động lực thực hiện việc gì	2	1		-Dạng cấu trúc giải thích động cơ hay lý do và thực hiện hành động nào đó. -Dạng định ngữ đối với động từ thì quá khứ và hiện tại. -Từ vựng liên quan đến các buổi họp hội, các hiệp hội, câu lạc bộ, thông tin liên quan đến bản thân.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 2: Ôn tập, hệ thống kiến thức	2	1		Ôn tập và làm thêm bài tập ngoài, tạo tình huống sử dụng các điểm ngữ pháp đã học	*Học thuộc từ mới và làm bài tập
Tuần 3: Bài 2: Nói về kinh nghiệm và đưa lời khuyên	2	1		-Cấu trúc giải thích quá trình thực hiện cho kết quả của việc gì . -Cấu trúc giả định, đưa ra khả năng thực hiện một hành động nào đó. -Từ vựng liên quan đến nhạc cụ, phỏng vấn người nổi tiếng, kế hoạch học tập...	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 4 Bài 3: Cách sử dụng từ ngữ trang trọng	2	1		-Hình thức dùng kính ngữ và trang trọng từ khi bắt đầu đến lúc kết thúc trong buổi phỏng vấn hay giới	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học.



				thiệu sản phẩm. -Cách sử dụng từ chuyên môn trong những buổi thuyết trình, thảo luận. -Từ vựng liên quan đến thông tin văn hóa, xã hội và truyền thông, ẩm thực, tiền tệ.	-Làm bài tập.
Tuần 5: Ôn tập	1	1		Ôn tập và làm bài tập tổng hợp các điểm ngữ pháp đã học.	*Học thuộc từ mới và làm bài tập
Tuần 6 Bài 4: Lo lắng và cho ý kiến	2	1		-Cách nói dự đoán một sự việc gì có thể xảy ra dựa theo tình huống thực tế.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm
				-Cách nói về lý do, nguyên nhân cho hành động hay sự việc phía sau. -Từ vựng liên quan đến biểu hiện, bản khoản và đề xuất ý kiến.	ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 7 Bài 5: Cách hỏi, chỉ đường và phương hướng	2	2		-Cách nói hỏi lại điều gì khi chưa nghe rõ mà cần xác nhận lại. -Cách diễn tả cách di chuyển khi lưu thông trên đường. -Từ vựng liên quan đường bộ, địa điểm công cộng, phương tiện giao thông, địa điểm du lịch.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 8: Ôn tập và thi giữa kỳ	2	2		Hệ thống kiến thức và ôn tập	*Ôn tập và làm bài tập
Tuần 9 Bài 6: Miêu tả âm thanh và	2	1		-Cấu trúc chỉ nguyên nhân hay trình tự của sự việc, hành động. -Cách dùng câu trần	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành

C
 PHÒNG
 HỌC
 TẬP

động tác; hành động				thuật, câu kể chuyện kết hợp từ tượng thanh, tượng hình. -Từ vựng liên quan đến các hành động, hiện tượng sự vật.	nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 10 Bài 7: Phỏng đoán và thuyết phục	2	1		-Mẫu câu nói về sự việc, hành động cả người nói và người nghe đều biết. -Mẫu câu gián tiếp nhắc lại ý của người khác và thể hiện suy nghĩ, ý kiến của bản thân. -Từ vựng liên quan đến kế	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
				hoạch, quảng cáo, tìm việc, hồ sơ lý lịch...	
Tuần 11 Bài 8: Miêu tả sự vật	2	2		-Cách nói phỏng đoán, ước chừng cho sự vật. -Cách nói về các đơn vị đo lường thông dụng. -Cách nói, giải thích về sự việc nào đó mà người nghe không biết về nó. -Từ vựng liên quan đến thông tin cá nhân, cách miêu tả sự vật.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 12 Ôn tập và mở rộng	2	1		Ôn tập và làm bài tập tổng hợp các điểm ngữ pháp đã học.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể thực hành nói các nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tổng	23	15			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.



Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Trường Đại học Sogang (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 4A*, Nxb. Đại học Sogang.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2012), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 4*, Nxb. Giáo dục.

[3] Trường Đại học Dongguk (2015), *함께 배우는 한국어*, Nxb. Viện Giáo dục Ngôn ngữ trường ĐH Dongguk.

[4] Trường Đại học Yeonsei (2013), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 3-1*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[5] Trường Đại học Seoul (2016), *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 2B*, Nxb. Đại học Seoul.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355

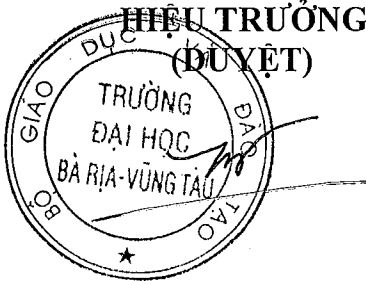
, Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(ĐUÝỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Nga

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiém

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **PHƯƠNG PHÁP DẠY TIẾNG (T. HÀN)**
- Mã học phần: 0101120107
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp dạy ngoại ngữ, cụ thể là tiếng Hàn, đồng thời, rèn luyện cả kỹ năng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài khi cần thiết. Ngoài ra học phần còn có những bài tập bổ sung kiến thức cho các em trước khi ra trường.

- **Kỹ năng:** giúp sinh viên có những kỹ năng cần thiết khi dạy ngoại ngữ: kỹ năng giảng giải, kỹ năng diễn đạt, kỹ năng phản biện, ...

- **Thái độ:** rèn luyện tác phong và phong cách ứng xử của một người thầy / cô giảng dạy.

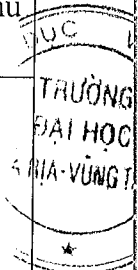
3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia 12 tuần, trong đó kết hợp cả lý thuyết và thực hành để Sinh viên luyện tập những nội dung đã học. Tuần đầu tiên tìm hiểu chung về phương pháp giảng dạy, những tuần tiếp theo bám sát vào 5 kỹ năng trong giảng dạy ngoại ngữ (tiếng Hàn) là: ngữ pháp, từ vựng, phát âm, nghe, nói, đọc, viết. Tuần 6: ôn tập và thi giữa kỳ, tuần 12: ôn thi cuối kỳ.



4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	L T	B T			
Tuần 1: Tìm hiểu chung về phương pháp dạy tiếng	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên tìm hiểu về những phương pháp dạy ngôn ngữ thường gặp, làm quen với các khái niệm mới về ngôn ngữ. - Sinh viên tự tìm cho mình phương pháp dạy tiếng hiệu quả để thực hành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Thảo luận - Thực hành
Tuần 2: Phương pháp dạy phát âm tiếng Hàn	2	2		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu những phương pháp dạy phát âm tiếng Hàn thường gặp. - Hiểu về cách hình thành nguyên âm, phụ âm, patchim, âm tiết trong tiếng Hàn để phát âm chính xác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thảo luận - Làm bài tập - Thực hành dạy
Tuần 3: Phương pháp dạy từ vựng tiếng Hàn	2	2		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về phương pháp dạy, phạm vi và chú ý khi dạy từ vựng tiếng Hàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thảo luận - Làm bài tập - Thực hành dạy từ vựng tiếng Hàn
Tuần 4-5: Phương pháp dạy ngữ pháp tiếng Hàn	4	2		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về phương pháp dạy ngữ pháp, thực hành một vài điểm ngữ pháp đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thảo luận - Thực hành dạy ngữ pháp theo chủ điểm
Tuần 6: Ôn tập, thi giữa kỳ	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra năng lực của Sv 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thảo luận - Làm bài



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Tuần 7: Phương pháp dạy nghe tiếng Hàn	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Sv hiểu về những đặc tính của việc dạy nghe tiếng Hàn. - Tìm hiểu các phương pháp dạy nghe thường gặp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thực hành dạy nghe tiếng Hàn - Làm bài tập
Tuần 8: Phương pháp dạy nói tiếng Hàn	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu đặc trưng dạy nói tiếng Hàn. - Tìm các phương pháp dạy nói có hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thực hành dạy nói
Tuần 9: Phương pháp dạy đọc hiểu tiếng Hàn	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về đặc trưng của môn đọc hiểu và phương pháp dạy đọc hiểu tiếng Hàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thực hành dạy đọc hiểu
Tuần 10: Phương pháp dạy viết tiếng Hàn	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng phương pháp dạy viết, vai trò của giáo viên trong dạy viết. - Tìm hiểu các phương pháp dạy viết hiệu quả thường gặp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thảo luận - Làm bài tập - Thực hành dạy viết
Tuần 11: Luyện tập 4 kỹ năng: nghe nói đọc viết	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Biết kết hợp 4 kỹ năng nghe nói đọc viết trong giảng dạy tiếng Hàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thực hành 4 kỹ năng
Tuần 12: Ôn thi cuối kỳ	2	1		<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập các kỹ năng đã học, đúc rút kinh nghiệm cho từng kỹ năng 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm bài tập - Thực hành dạy
Tổng	23	15			

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần;
 Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] 한국국제 협력단 (2016), *한국어교사 양성 및 능력 배양 [고급] 과정 (1, 2 - 2016)*, 한국외국어대학교.

Tổ chức hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (2016), *Đào tạo và bồi dưỡng năng lực giáo viên tiếng Hàn (cao cấp 1, 2 năm 2016)*, Nxb. Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] 국립국어원 (2017), *2017 년 국립어원 한국어 전문가 국외 파견 교육 자료집*, 국립국어원.

Viện ngôn ngữ Quốc gia (2017), *Tài liệu đào tạo tiếng Hàn của chuyên gia viện Quốc ngữ Hàn Quốc*, Nxb. Viện ngôn ngữ Quốc gia.

[3] 한국국제 협력단 (2016), *KOICA 2016 한국어교사 양성 및 능력 배양 [고급] 과정 (결과물)*, 한국외국어대학교.

Tổ chức hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (2016), *Đào tạo và bồi dưỡng năng lực giáo viên tiếng Hàn của Koica (cao cấp - Tài liệu tổng kết)*, Nxb. Đại học ngoại ngữ Hàn Quốc.

[4] 연세대학교 광지영외 9 명 (2016), *한국어 교수법의 실제*, 연세대학교 대학출판문화원.

Kwak Ji Young và nhóm biên soạn trường Đại học Yonsei (2016), *Hiện trạng giảng dạy tiếng Hàn*, Đại học Yonsei.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

Facebook: Nguyen Thy Trang

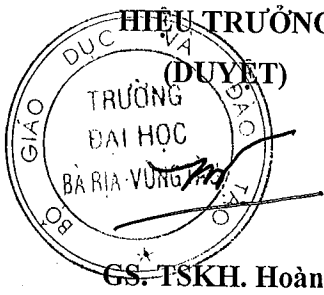
Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(DUYỆT)



PGS.TS. Hoàng Văn Việt

GS. TSKH. Hoàng Văn Kiểm

Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **VĂN HÓA XÃ HỘI HÀN QUỐC**
- Mã học phần: 0101120918
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để nắm bắt nội dung bài học. Từ đó tập kỹ năng đọc hiểu đoạn văn tăng cường kỹ năng đọc hiểu đoạn văn, chủ đề... liên quan đến các nét văn hóa và xã hội của Hàn Quốc

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để đặt câu.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,
- + Biết chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu,
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

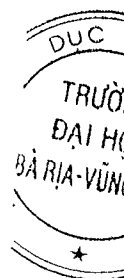
3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên được trang bị những kiến thức chung về văn hóa xã hội của Hàn Quốc, được tìm hiểu cụ thể những nét văn hóa đặc trưng nổi bật của người Hàn Quốc để từ đó giúp cho sinh viên hiểu rõ và tự tin hơn trong quá trình làm việc ở các công ty, doanh nghiệp Hàn Quốc sau khi tốt nghiệp. Bài giảng được thực hiện theo quá trình đi từ những thông tin cơ bản nhất về Hàn Quốc như quốc hoa, chữ Hàn... và sau đó sẽ tìm hiểu về văn hóa ẩm thực trong bữa ăn hàng ngày, dịp lễ tết, văn hóa sinh hoạt và văn hóa đi lại của người Hàn Quốc.

4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực		
	Lý thuyết	Bài tập,			

		thảo luận	hành, điền đã		
Tuần 1 Bài 1: Tìm hiểu sơ lược về Hàn Quốc	2	2	0	-Giới thiệu chữ Hàn, vua Sejong -Những biểu tượng đặc trưng của Hàn Quốc (quốc hoa...) -Một số nguyên tắc khi chào hỏi, giao tiếp với người Hàn.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.
Tuần 2 Bài 2: Văn hóa ẩm thực Hàn Quốc	2	1	0	-Các món ăn hàng ngày và những món ăn trong các dịp lễ, tết.. -Một số lễ nghi trong khi dùng bữa.	Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.
Tuần 3 Bài 3: Phương tiện giao thông và văn hóa nơi công cộng ở Hàn Quốc	2	2	0	-Các phương tiện đại chúng, phương tiện giao thông ở Hàn Quốc. - Văn hóa nơi công cộng ở Hàn Quốc: thư viện, viện bảo tàng...	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.
Tuần 4 Bài 4: Các ngày lễ chúc mừng ở Hàn Quốc	2	2	0	Tìm hiểu về những ngày lễ chúc mừng ở Hàn Quốc: tiệc thổi nôi, kết hôn... và những hoạt động cụ thể trong các dịp này. So sánh với Việt Nam	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm hội thoại liên quan đến chủ đề thảo luận.
Tuần 5 Bài 5: Các ngày nghỉ lễ ở Hàn Quốc và tìm hiểu các địa điểm tham quan du lịch nổi tiếng	2	2	0	Tìm hiểu về những ngày nghỉ lễ ở Hàn Quốc, các hoạt động trong những ngày nghỉ lễ và một số điểm du lịch nổi tiếng ở Hàn Quốc -Từ vựng liên quan đến sức khỏe, các môn thể thao vận động, biểu hiện của sức khỏe.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.
Tuần 6 Ôn tập	1	1		-Ôn tập và sửa bài tập -Làm bài kiểm tra giữa học kỳ.	- Hệ thống lại toàn bộ từ vựng và các điểm



					ngữ pháp đã học.
Tuần 7 Bài 6: Nhà ở Hanok	2	1	0	Tìm hiểu về văn hóa ở của người Hàn Quốc, tiêu biểu nhà Hanok ở Hàn Quốc. Xu thế nhà ở trong thời điểm hiện tại.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.
Tuần 8 Bài 7:Lễ kết hôn ở Hàn Quốc	2	1	0	Tìm hiểu về lễ kết hôn ở Hàn Quốc và các nét văn hóa đặc trưng của người Hàn Quốc trong ngày kết hôn, so sánh với Việt Nam.	Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.
Tuần 9 Bài 8: Văn hóa tặng và nhận quà ở Hàn Quốc	2	1	0	Cách tặng và nhận quà ở Hàn Quốc trong một số dịp tiêu biểu như tân gia nhà mới, đến thăm nhà..... So sánh với Việt Nam.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.
Tuần 10 Bài 9: Nét đẹp của Hanbok	2	2	0	-Giới thiệu Hanbok là trang phục truyền thống của Hàn Quốc -Tính ưu việt của trang phục Hanbok -Vai trò của Hanbok trong đời sống của người Hàn Quốc	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.
Tuần 11: Bài 10: Công dụng của Kim chi – thực phẩm lên men	2	1	0	-Phương pháp và các nguyên liệu để làm kim chi -Giá trị mang lại của Kim chi qua nhiều khảo sát và nghiên cứu. -Một số loại kim chi tiêu biểu	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.
Tuần 12:	2	2	0	Chia nhóm và thảo luận về văn hóa Hàn Quốc	-Sinh viên chuẩn bị từ vựng và chủ đề cho bài thuyết trình.
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] 서울대 한국학교재편찬위원회 (2008), 현대 한국의 사회, 베트남 - 하노이 국립대학교 출판부.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] 해외문화홍보원 (2011), 한눈에 보이는 한국 생활, 문화국 출판사.

[3] 법무부출입국-외국인 정책 (2013), 이민자를 위한 한국어와 한국문화 중급, 한국이민재단 출판사.

[4] Nguyễn Thị Thắm (Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á) (2016), Xã hội Hàn Quốc truyền thống và biến đổi, Nxb Giáo dục Việt Nam.

[5] 김성희, 이효정, 이석란, 이윤실, 장수진, 최선영 (2016), 서강한국어 5B, 도서출판하우.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355

, Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiếm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **THỰC HÀNH DỊCH 2 (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101120923
- Số tín chỉ: **02 (1,1,4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kỹ năng thông dịch và phiên dịch, chủ yếu là thông dịch (dịch nói), thực hành dịch Việt sang Hàn, Hàn sang Việt về các chủ đề liên quan tới cuộc sống hàng ngày để nâng cao vốn từ vựng, vốn kiến thức liên quan.

- **Kỹ năng:** rèn luyện kỹ năng dịch nói, dịch viết về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống hàng ngày rèn luyện kỹ năng nói chuyện trước công chúng.

- **Thái độ:** sinh viên mạnh dạn làm biên - phiên dịch viên, tự tin nói chuyện trước công chúng, chuẩn bị tinh thần làm thông dịch viên sau khi ra trường.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia làm 14 bài với 14 chủ đề khác nhau và 1 bài ôn tập + thi giữa kỳ. Mỗi chủ đề học trong 3 tiết, tổng cộng 15 tiết lý thuyết kết hợp với 30 tiết thực hành. Các chủ đề dịch Hàn => Việt gồm: cuộc sống, phát biểu, tục ngữ, mua sắm, khuyến bảo, phương tiện truyền thông, sức khỏe; các bài dịch Việt => Hàn gồm: bài phát biểu, công văn, kịch bản lễ kỷ niệm, họp đồng. Tuần 8: ôn tập và thi giữa kỳ; tuần cuối: học và kết hợp ôn tập.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	L T	B T			
Bài 1: Thực hành dịch Hàn → Việt Chủ đề cuộc sống	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và vốn từ vựng liên quan tới cuộc sống hàng ngày. - Sinh viên thực hành dịch nói và dịch viết về chủ đề sinh hoạt hàng ngày. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thảo luận - Thực hành dịch
Bài 2: Thực hành dịch Hàn → Việt Chủ đề: chuẩn bị phát biểu	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp từ vựng và kiến thức về các bài phát biểu, cách thức phát biểu bằng tiếng Hàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài về chủ đề cuộc sống - Thực hành dịch nói, viết trên lớp - Làm bài tập về nhà
Bài 3: Thực hành dịch Việt → Hàn: bài phát biểu	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Tập dịch bài phát biểu tiếng Việt qua tiếng Hàn để biết văn phong, cách viết của người Hàn về các bài phát biểu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài GV đã cho trước - Làm bài tập - Thực hành tại chỗ
Bài 4: Thực hành dịch Hàn → Việt Chủ đề: Tục ngữ Hàn Quốc	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu thêm về tục ngữ, thành ngữ trong cuộc sống giao tiếp hàng ngày của người Hàn để biết cách sử dụng cho đúng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Bài 5: Thực hành dịch Hàn → Việt Chủ đề: Mua sắm	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng kiến thức về chủ đề mua sắm. - Tập dịch các tình huống gặp phải khi mua, đổi, trả hàng hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thực hành
Bài 6: Thực hành dịch Việt → Hàn Chủ đề: kịch bản buổi lễ kỷ niệm quan hệ Việt Hàn	1	2		<ul style="list-style-type: none"> - Tập dịch từ Việt sang Hàn các kịch bản cho buổi lễ kỷ niệm, semina, ... - Làm quen với tên gọi của các cơ quan, ban ngành. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị bài - Làm bài tập - Thực hành dịch

GIAO
BỘ

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 7: Thực hành dịch Hàn → Việt Chủ đề: Khuyên bảo	1	2		- Học cách khuyên bảo, động viên bằng tiếng Hàn thông qua các bài dịch có sẵn.	- Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Ôn tập, thi giữa kỳ	1	3		- Luyện tập các bài đã học - Thi giữa kỳ	- Làm bài tập - Làm bài thi
Bài 8: Thực hành dịch Hàn → Việt Chủ đề: Phương tiện truyền thông	1	2		- Làm quen với từ, câu và cấu trúc ngữ pháp liên quan chủ đề phương tiện truyền thông. - Tập dịch Hàn ⇔ Việt các bài viết trên mạng, TV, báo đài...	- Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Bài 9: Thực hành dịch Việt → Hàn	1	2		- Làm quen với cách dịch	- Chuẩn bị bài
Chủ đề: Công văn, văn bản				vấn bản tiếng Việt và tập dịch sang tiếng Hàn theo văn phong tiếng Hàn.	- Thực hành - Làm bài tập
Bài 10: Thực hành dịch Hàn → Việt Chủ đề: Sức khỏe	1	2		- Mở rộng kiến thức về chủ đề sức khỏe - Dịch và tập nói những lời khuyên bảo về thói quen vận động, ăn uống có ích cho sức khỏe.	- Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Bài 11: Thực hành dịch Hàn → Việt Chủ đề: Sự khác biệt văn hóa	1	2		- Vừa dịch vừa hiểu sâu hơn về những khác biệt văn hóa của hai nước và những kinh nghiệm cần có để giải quyết.	- Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Bài 12: Thực hành dịch Việt → Hàn Dịch hợp đồng lao động	1	2		- Sinh viên làm quen với hợp đồng lao động Việt Nam, tập dịch sang tiếng Hàn theo văn phong của tiếng Hàn.	- Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Bài 13: Thực hành dịch Hàn → Việt Chủ đề: Lễ tết	1	2		- Thực hành dịch sâu hơn về các ngày lễ tết của hai nước, tập nói chuyện với phong cách của người Hàn.	- Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập

ĐUC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
RIA-VŨN
★

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	1	3		
Bài 14: Thực hành dịch Hàn → Việt Chủ đề: thi cử Ôn tập cuối kỳ	1	3	- Dịch bài về chủ đề thi cử, chuẩn bị thi cuối kỳ.	- Chuẩn bị bài - Thực hành - Làm bài tập
Tổng	15	30		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần;
Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] Nghiêm Thị Thu Hương, Lee Kye Sun (2017), *한국어 - 베트남어 번역능력향상 워크북*, 문예림.

Nghiêm Thị Thu Hương, Lee Kye Sun (2017), *Luyện tập nâng cao năng lực dịch Hàn - Việt, Việt - Hàn*, Nxb. Moonjerim.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] 서울대학교 언어교육원 (2016), *한국어 3, 4*, [주]문진미디어.

Viện ngôn ngữ Đại học Seoul (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Seoul 3, 4*, Nxb. Moonjin.

[3] 경희대학교 언어교육원 교재편찬위원회 (2017), *경희대 한국어 3*, 형설출판사.

Ủy ban biên soạn giáo trình viện ngôn ngữ Đại học Kyunghee (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Kyunghee 3*, Nxb. Hyungsals.

[4] 이미혜 외 (2017), *이민자를 위한 한국어와 한국문화 중급 1, 2* 국립중앙도서관.

Lee Mi Hye và nhóm biên soạn (2017), *Văn hóa Hàn Quốc - trung cấp 1, 2*, Nxb. Trung Ương quốc gia.

[5] 연세대학교 한국어학당 (2016), *연세 한국어 4-1, 4-2*, 연세대학교 대학출판문화원.

Trung tâm tiếng Hàn trường Đại học Yeonsei (2016), *Giáo trình tiếng Hàn Yeonsei 4-1, 4-2*, Nxb. Đại học Yeonsei.

[6] Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê Thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyện (2013), *Giáo trình tổng hợp dành cho người Việt Nam 4*, Nxb. KB Kookmin Bank.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc.

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

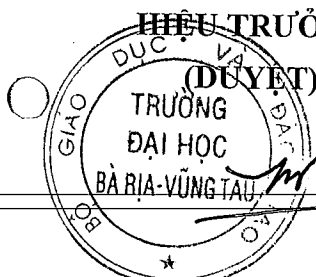
Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS. TSKH. Hoàng Văn Kiêm

[Signature]
GS.TS. Hoàng Văn Việt

[Signature]
Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: TIẾNG HÀN THƯƠNG MẠI 3
- Mã học phần: 0101120928
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên từ vựng thương mại và cấu trúc ngữ pháp sử dụng nơi công sở, giao thương
- Kỹ năng: kỹ năng sử dụng thành thạo từ vựng thương mại và cấu trúc ngữ pháp sử dụng nơi công sở, giao thương.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Tiếng Hàn thương mại 3, có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết các tài liệu lĩnh vực thương mại.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 1: Khởi nghiệp	3	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 는다고 하던데 - 느냐에 달려 있다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 2: Điều tra bảng hỏi	3	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 으면서도 - 는다기보다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 3: Quảng cáo	3	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 거든요 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp
				<ul style="list-style-type: none"> - 는 편이다 	<ul style="list-style-type: none"> - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 4: Home Shopping	3	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 에 의하면 - 을 만하다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 5: Điều tra thị trường	3	0	0	<ul style="list-style-type: none"> - 을 수록 - 는 걸 보면 - 는 것 같다 	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 7: Phân tích tài liệu	3	0	0	- 다시피 - 고말고	- Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 8: Thịnh hành và xu hướng	3	0	0	- 음에도 불구하고 - 던	- Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 9: Chiến lược marketing	3	0	0	- 고자	- Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp
				- 음으로써	- Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Bài 10: Quan hệ đối ngoại	3	0	0	- 다 보면 - 도 이지만	- Tham gia mở rộng từ vựng, ngữ pháp - Học và thuộc từ vựng, ngữ pháp - Hiểu và ứng dụng thành thạo
Tổng	30	0	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

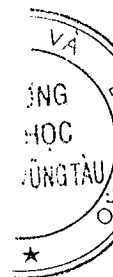
5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút (2 bài)

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:



1. Trung tâm ngôn ngữ Đại học Yonsei (2015), *Tiếng Hàn thương mại dành cho người nước ngoài*, Đại học Yonsei, Nxb Trường đại học Yonsei.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. 강연화, 민재훈 (2007), 외국인 유학생을 위한 경경 한국어, 다락원 출판사.
3. 법무부 출입국, 외국인 정책 (2013) 이민사를 위한 한국어와 한국문화 중급, 한국재단.
4. 연세대학교 한국어 학당 (2016), 연세 한국어 4, 연세대학교 대학출판문화원.
5. 연세대학교 한국어 학당 (2017), 외국인을 위한 한국어 어휘연습 -고급, 연세대학교 대학출판문화원.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

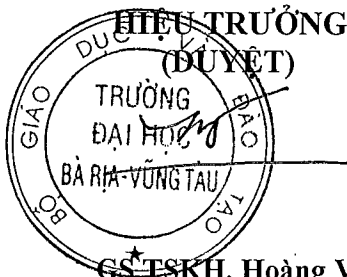
Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá văn học.

Thông tin liên hệ: thualim@gmail.com

Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Hoàng Văn Việt
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Thu Hà

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **TOPIK 2**
- Mã học phần: 0101121933
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** Topik là kỳ thi bắt buộc chuẩn đầu ra của chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về kỳ thi Topik, dạng đề thi Topik, barem ngữ pháp và giới hạn từ vựng mà sinh viên phải nắm của đề thi Topik mình đăng ký thi. Sinh viên có thêm kiến thức về văn hóa, xã hội và ngôn ngữ của Hàn Quốc, thành thạo hơn các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp một cách tự tin.

- **Kỹ năng:** kết thúc môn học, sinh viên sẽ nắm được kỹ năng làm bài thi Topik một cách thành thạo và chuyên nghiệp. Có khả năng tính toán được thời gian khi làm bài thi và phân bổ thời gian cho hợp lý, biết lựa chọn phần bài thi phù hợp với khả năng của mình, xử lý đề thi một cách nhanh chóng và hiệu quả. Ngoài ra, sinh viên còn rèn luyện được kỹ năng sử dụng ngôn ngữ với 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết thành thạo, sáng tạo trong các bài viết và trau dồi vốn kiến thức học hỏi được.

- **Thái độ:** sinh viên ý thức được tầm quan trọng của cuộc thi Topik, biết đặc ra mục tiêu môn học cho mình như tự giác tải đề, giải đề, đăng ký thi, ... Ngoài ra còn rèn luyện cho sinh viên cảm thấy tự tin hơn trong giao tiếp, thành thực hơn trong sử dụng ngôn ngữ để mở rộng mối quan hệ với những người xung quanh, đặc biệt là người Hàn Quốc.

3. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần gồm 12 tuần học (bao gồm thi giữa kỳ), trong đó trong 4 tuần đầu sinh viên sẽ được học những kỹ năng cơ bản về phương pháp làm một bài thi Topik ở **mức độ trung cấp 4**. Những tuần tiếp theo sinh viên thực hành làm bài thi mẫu. Học phần kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.



4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp	TN		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận		
Tuần 1: Làm bài thi 1	0	3	GV ra đề thi, chấm thi	SV làm bài thi
Tuần 2: Sửa phần Nghe trong bài thi 1	3	0	GV trả bài thi, sửa bài thi phần Nghe	SV sửa bài thi
Tuần 3: Sửa phần Đọc hiểu trong bài thi	3	0	GV trả bài thi, sửa bài thi phần Đọc hiểu	SV sửa bài thi
Tuần 4: Sửa phần Viết trong bài thi	3	0	GV trả bài thi, sửa bài thi phần Viết	SV sửa bài thi
Tuần 5: ôn tập	2	1	GV ôn lại kiến thức các phần đã học	SV làm bài ôn tập
Tuần 6: thi giữa kỳ	1	4	GV ra đề thi, chấm thi	SV làm bài thi
Tuần 7: Làm bài thi 1	0	3	GV ra đề thi, chấm thi	SV làm bài thi
Tuần 8: Sửa phần Nghe trong bài thi 1	3	0	GV trả bài thi, sửa bài thi phần Nghe	SV sửa bài thi
Tuần 9: Sửa phần Đọc hiểu trong bài thi	3	0	GV trả bài thi, sửa bài thi phần Đọc hiểu	SV sửa bài thi
Tuần 10: Sửa phần Viết trong bài thi	3	0	GV trả bài thi, sửa bài thi phần Viết	SV sửa bài thi
Tuần 11: ôn tập	1	2	GV ôn lại kiến thức các phần đã học	SV làm bài ôn tập
Tuần 12: Làm bài tổng hợp	1	3	GV ra bài thi tổng hợp	SV làm bài thi
Tổng	23	15		

C
 HUON
 MI HO
 A-VUN
 *

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần;
Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1] 시대 (2009), *Topik II*, 시대고시기획.

Sidaedu (2009), *Topik II*, Nhà xuất bản Kế hoạch khảo thí Sidae.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] 세종대학교 토픽연구원 (2016), *Topik II*, 동양북출판사.

Viện nghiên cứu Topik trường ĐH Sejong (2016), *Topik II*, Nhà xuất bản Dongyangbook.

[3] 경희대학교 토픽연구원 (2017), *Topik II*, 다락원출판사.

Viện nghiên cứu giáo dục tiếng Hàn ĐH Kyonghee (2017), *Master Topik II*, Nhà xuất bản Darakwon.

[4] 존인태 (2015), *Topik 문법 중급*, 도서출판사.

Chon In Tae (2015), *Ngữ pháp Topik trung cấp*, Nhà xuất bản Doseo.

[5] 고경민외 (2015), *새롭게 Topik 쓰기*, 도서출판사.

Ko Kyoung Min (2015), *Viết Topik II*, Nhà xuất bản Doseo.

[6] 김순례외 (2014), *핫토픽 II*, 한글파크.

Kim Sun Rye (2014), *Hot Topik II*, Nhà xuất bản Hangulpark.

[7] 여러 작가 (2014), *한국어능력시험 Topik II*, 한글파크.

Nhiều tác giả (2014), *Thi năng lực tiếng Hàn Topi II*, Nhà xuất bản Hangulpark.

6.3. Các website:

- Topik.or.kr

- Studytopik.go.kr

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

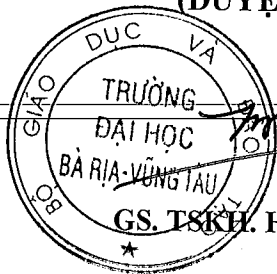
Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS. TS.KH. Hoàng Văn Kiêm

GS. TS. Hoàng Văn Kiêm

Nguyễn Thị Trang

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT THỰC TẬP CHUYÊN NGÀNH
CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA HÀN QUỐC
TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC**

(Đính kèm Giấy giới thiệu số /GGT – ĐHBRVT, ngày tháng năm của Trường ĐHBRVT)

1. Tên học phần: THỰC TẬP CHUYÊN NGÀNH

2. Số tín chỉ: 03 (0, 3, 6)

3. Mã học phần: 0101120185

4. Điều kiện tiên quyết: Không

5. Mục tiêu của học phần:

- Đạt thực tập giúp cho sinh viên hội nhập môi trường doanh nghiệp, công ty, đoàn thể.

- Vận dụng kiến thức đã học vào công việc.

- Học hỏi, rèn luyện phong cách làm việc, biết ứng xử trong các mối quan hệ tại cơ quan.

6. Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Học phần *Thực tập chuyên ngành* giúp cho sinh viên tiếp cận, tìm hiểu hoạt động của các doanh nghiệp, có thể áp dụng những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa xã hội, kinh tế... tạo tiền đề để có thể thực hiện tốt các yêu cầu công tác và nghiên cứu thực tế sau khi ra trường.

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

7.1. Yêu cầu về thời gian:

- Sinh viên tuân thủ thời gian thực tập theo kế hoạch của trường
- Thời gian làm việc tại đơn vị thực tập: theo yêu cầu thực tế của công việc.

7.2. Yêu cầu về chuyên môn:

Vận dụng những kiến thức đã học vào môi trường thực tế.

7.3. Yêu cầu về kỷ luật:

- Đảm bảo kỷ luật lao động nơi làm việc.
- Chấp hành nội quy nơi thực tập.

Thời gian	Nội dung công việc
Tuần 1	- Tìm hiểu tổng quát về đơn vị thực tập - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 2	- Tìm hiểu tổng quát về đơn vị thực tập - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 3	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 4	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó. - Viết báo cáo thực tập
Tuần 5	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó.
Tuần 6	- Tìm hiểu tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, đi sâu vào tìm hiểu lĩnh vực mình quan tâm. - Thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực tập giao phó. - Viết báo cáo thực tập

11. Thông tin về giảng viên

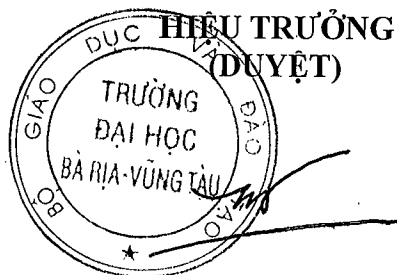
Họ và tên: Nguyễn Thị Nga sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355 , Email: thuyngavt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Hoàng Văn Việt
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Nga
Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: LỊCH SỬ HÀN QUỐC
- Mã học phần: 0101120915
- Số tín chỉ: 03 (3,0,6)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử Hàn Quốc.
- Kỹ năng: sinh viên hiểu tiến trình lịch sử Hàn Quốc, nắm bắt và sử dụng thành thạo thuật ngữ lịch sử bằng tiếng Hàn.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Lịch sử Hàn Quốc (tiếng Hàn), có kỹ năng đọc hiểu các văn bản lĩnh vực lịch sử bằng tiếng Hàn.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Tổng quan lịch sử Hàn Quốc	2	1	0	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên hiểu tổng quan lịch sử Hàn Quốc từ ngày lập quốc tới thời cận đại 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	2	1	0		
Bài 2: Vua Sejong	2	1	0	- Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	- Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 3: Nữ vương Seondeok	2	1	0	- Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	- Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 4: Mun Ik Jeom	2	1	0	Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	- Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 5: Seo Hui	2	1	0	Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	- Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 6: Kim Yu Sil	2	1		Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	- Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 7: Jang Young Shil	2	1		Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	- Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 8: Jumong	2	1		Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	- Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình

ĐỤC
TRU
ĐẠI
SÀ RI-

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 9: An Chang Ho	2	1		Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 10: An Jung Geun	2	1		Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 11: Kim Jwa Jin	2	1		Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 12: Kim Ku	2	1		Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 13: Lee Bong Chang	2	1		Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 14: Yu Kwang Sun	2	1		Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Bài 15 Hong Beom Do	2	1		Sinh viên hiểu nhân vật lịch sử, đóng góp của nhân vật đó trong tiến trình lịch sử.	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu bài đọc lịch sử bằng tiếng Hàn - Làm bài tập - Thuyết trình
Tổng	30	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

VA
HỌC
TÀU

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần; Hình thức đánh giá: điểm danh và các bài kiểm tra ngẫu nhiên 10 phút đầu giờ.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài thuyết trình cá nhân.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. 조성순과 다른 작가 (2012), 한국어 한국문화, 다문화연구소, 다락원출판사.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Hội nghiên cứu lịch sử Hàn Quốc, *Lịch sử Hàn Quốc dành cho người nước ngoài*, NXB Humanist.

3. 문화부 출입국 외국인 정책 (2013), 한국어와 한국문화, 한국이민재단.

4. 여러 저자 (2015), *경희한국어 5*, 하우출판사.

5. 배보자, 최정선, 지현숙 (2016), *한국언어 문화*, 하우 출판사.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá xã hội Hàn Quốc thông qua tác phẩm văn học.

Thông tin liên hệ: thuhlim@gmail.com

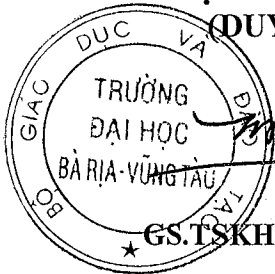
Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

Handwritten signature
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Handwritten signature

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: KINH TẾ HÀN QUỐC
- Mã học phần: 0101120919
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức: trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản về kinh tế Hàn Quốc
- Kỹ năng: kỹ năng nghe nói đọc viết thành thạo các văn bản chuyên ngành kinh tế ở mức cơ bản.
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Kinh tế Hàn Quốc, có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết các tài liệu lĩnh vực kinh tế Hàn Quốc

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

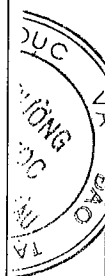
Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	LT	BT			
Bài 1: Nguyên lý kinh tế - Khái niệm Nguyên lý kinh tế - Đọc hiểu: Giày thể thao trong cuộc sống	2	1	0	- Từ vựng: thuật ngữ kinh tế cơ bản - Biên dịch văn bản về quan hệ cung cầu	- Tham gia mở rộng từ vựng liên quan - Thực hành kỹ năng biên dịch văn bản chủ đề bài học

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 2: Quan hệ cung cầu -Từ vựng: nhóm từ vựng về cung cấp và nhu cầu kinh tế - Bài đọc: Quan hệ cung cầu	2	1	0	- Biên dịch văn bản “Quan hệ cung cầu”	- Tham gia mở rộng từ vựng liên quan - Thực hành kỹ năng biên dịch văn bản chủ đề bài học
Bài 3: Nguyên lý Marketing -Từ vựng: nhóm từ vựng về Nguyên lý marketing - Bài đọc: Người môi giới doanh nghiệp	2	1	0	- Biên dịch văn bản “Người môi giới doanh nghiệp”	- Tham gia mở rộng từ vựng liên quan - Thực hành kỹ năng biên dịch văn bản chủ đề bài học
Bài 4: Kỹ thuật marketing, hiệu và tấn công thị trường -Từ vựng: nhóm từ vựng về marketing - Bài đọc: “Kỹ thuật marketing, hiệu và tấn công thị trường”	2	1	0	- Biên dịch văn bản “Kỹ thuật marketing, hiệu và tấn công thị trường”	- Tham gia mở rộng từ vựng liên quan - Thực hành kỹ năng biên dịch văn bản chủ đề bài học
Bài 5: Quản trị doanh nghiệp quốc tế -Từ vựng: nhóm từ vựng quản trị kinh doanh quốc tế - Bài đọc: “Người bạn tốt của người Trung Quốc”	2	1	0	- Biên dịch văn bản “Người bạn tốt của người Trung Quốc”	- Tham gia mở rộng từ vựng liên quan - Thực hành kỹ năng biên dịch văn bản chủ đề bài học
Bài 6: Quản lý nhân sự -Từ vựng: nhóm từ vựng quản lý nhân sự - Bài đọc: “Tuyển dụng tập đoàn”	2	1		-Biên dịch “Tuyển dụng tập đoàn”	- Tham gia mở rộng từ vựng liên quan - Thực hành kỹ năng biên dịch văn bản chủ đề bài học

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 7: Quản lý sản xuất - Từ vựng: nhóm từ vựng quản lý sản xuất - Bài đọc: “Hyundai- lắp đặt dây chuyền sản xuất robot cực đại”	2	1	- Biên dịch văn bản “Hyundai- lắp đặt dây chuyền sản xuất robot cực đại”	- Tham gia mở rộng từ vựng liên quan - Thực hành kỹ năng biên dịch văn bản chủ đề bài học
Bài 8: Chiến lược quản trị kinh doanh - Từ vựng: nhóm từ vựng liên quan chiến lược quản trị kinh doanh - Bài đọc: “Vượt qua nguy cơ	2	1	trở thành doanh nghiệp thông minh” - Biên dịch văn bản “Vượt qua nguy cơ trở thành doanh nghiệp thông minh”	- Tham gia mở rộng từ vựng liên quan - Thực hành kỹ năng biên dịch văn bản chủ đề bài học
trở thành doanh nghiệp thông minh”				
Bài 9: Làm việc tập thể - Từ vựng: nhóm từ vựng liên quan làm việc tập thể - Bài đọc: “Chìa khoá điều hành tổ chức thành công, văn hoá giao tiếp”	2	1	- Biên dịch văn bản “Chìa khoá điều hành tổ chức thành công, văn hoá giao tiếp”	- Tham gia mở rộng từ vựng liên quan - Thực hành kỹ năng biên dịch văn bản chủ đề bài học



Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
<p>Bài 10: Tập đoàn Hyundai</p> <p>1. Hyundai và Jeong Ju Young</p> <p>2. Khởi điểm của Hyundai và Xây dựng Hyundai</p> <p>3. Chuẩn bị cho tương lai và công nghiệp đóng tàu Hyundai</p> <p>4. Sản xuất ô tô biển nguy cơ thành cơ hội</p>	2	1	<p>- Hiểu quá trình hình thành và phát triển của tập đoàn Hyundai</p>	<p>- Chú ý nghe giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi xây dựng bài</p> <p>- Thực hành tóm tắt nội dung được học bằng tiếng Hàn</p>
<p>Bài 11: Tập đoàn Samsung</p> <p>1. Lee Byung Cheol thành lập Samsung và bài học từ thất bại đầu tiên</p> <p>2. Tâm quan trọng của nhân tài và sản phẩm của Samsung</p> <p>3. Tâm quan trọng của xuất khẩu và ngành chế tạo sản xuất</p> <p>4. Điện tử Samsung và những bước chân đầu tiên hướng tới số 1 thế giới</p> <p>5. Tập đoàn hàng đầu và chất lượng tốt nhất</p>	1	2	<p>- Hiểu quá trình hình thành và phát triển của tập đoàn Samsung</p>	<p>- Chú ý nghe giảng</p> <p>- Đặt câu hỏi xây dựng bài</p> <p>- Thực hành tóm tắt nội dung được học bằng tiếng Hàn</p>



Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	1	2			
Bài 12: Tập đoàn LG 1. Cuộc gặp gỡ giữa họ Gu và họ Ho 2. Khởi nghiệp với công ty chế tạo và “Lucky Cream” 3. Công nghiệp hoá học trưởng thành trong cuộc sống 4. Công ty điện tử đầu tiên của Hàn Quốc				- Hiểu quá trình hình thành và phát triển của tập đoàn LG	- Chú ý nghe giảng - Đặt câu hỏi xây dựng bài - Thực hành tóm tắt nội dung được học bằng tiếng Hàn
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần; Hình thức đánh giá: điểm danh và gọi kiểm tra ngẫu nhiên 10 phút đầu giờ.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Bài kiểm tra 60 phút.

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Viện nghiên cứu phát triển tài liệu tiếng Hàn- *Tiếng Hàn kinh doanh dành cho du học sinh nước ngoài*- NXB Darakwon.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. 연세대 한국어학당 (2016), 비즈니스 한국어, 연세대학교 출판부.

3. 서울대 한국학교재 편찬 위원회 (2008), 현대 한국의 사회, 베트남 -하노이 국립대학교 출판부.

4. 이화여자대학교 (2006), 말이 트이는 한국어 3, 이화여자대학교 출판부.

5. 한국어국어대학교 한국어문화 교육원 (2016), 외국인을 위한 한국어, 하우출판사.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá xã hội Hàn Quốc thông qua tác phẩm văn học.

Thông tin liên hệ: thualim@gmail.com

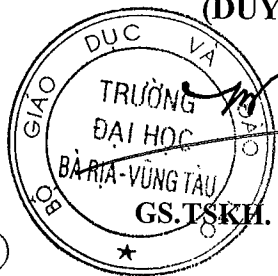
Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS. TSKH. Hoàng Văn Kiêm

Handwritten signature
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Handwritten signature

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **VĂN HỌC HÀN QUỐC**
- Mã học phần: 0101120926
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- **Kiến thức:** cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về văn học Hàn Quốc. Từ đó, hiểu thêm về lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của Hàn Quốc lúc bấy giờ.

- **Kỹ năng:** rèn luyện kỹ năng phát biểu, thuyết trình, báo cáo trước đám đông cho sinh viên, tập cho sinh viên thói quen làm việc nhóm cũng như thói quen tự lập khi làm việc một mình.

- **Thái độ:** là động lực cho sinh viên yêu thích Hàn Quốc thông qua những tác phẩm văn học. Sinh viên tự ý thức về việc học tiếng Hàn nhờ các bài giảng về các tác phẩm văn học tiêu biểu.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần chia thành 3 phần lớn là Văn học dân gian, văn học cổ điển, văn học hiện đại. Bài 1 khái quát chung về văn học Hàn Quốc, từ bài 2 trở đi sẽ đi sâu tìm hiểu kỹ từng thể loại nhỏ trong 3 phần lớn nêu trên. Phần văn học dân gian có truyện cổ, tục ngữ, thơ ca dân gian; phần văn học cổ điển chia thành 3 giai đoạn nhỏ là: thời kỳ Tam quốc và Silla thống nhất, thời Goryeo, thời Choson, trong đó có văn học quốc ngữ và văn học chữ Hán; phần văn học hiện đại có thời cận đại (Nhật chiếm đóng), thời kỳ hậu chiến và chia cắt đất nước, thời kỳ hiện đại hóa và văn hóa đại chúng.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm thực hành, điền dã		
	LT	BT			
MỞ ĐẦU: KHÁI QUÁT VĂN HỌC HÀN QUỐC 1. Khái niệm và phạm vi 2. Bối cảnh văn hóa 3. Tiến trình và đặc điểm	3	1		Sơ lược tổng quan về văn học Hàn Quốc, hiểu được bối cảnh ra đời cũng như quá trình phát triển và những đặc điểm nổi bật của văn học Hàn Quốc.	- Đọc tài liệu - Phát biểu - Thảo luận - Thuyết trình
PHẦN 1: VĂN HỌC DÂN GIAN Chương 1: Truyện cổ dân gian	6	4		- Hiểu các khái niệm về truyện kể dân gian, huyền thoại, thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ, tục ngữ của Hàn Quốc. - Hiểu về đặc trưng và ý nghĩa của từng thể loại, làm quen với một vài tác phẩm tiêu biểu của từng thể loại.	- Đọc tài liệu - Phát biểu - Thảo luận - Thuyết trình
2.1.1. Đặc trưng và ý nghĩa 2.1.2. Các tác phẩm tiêu biểu Chương 2: Tục ngữ 2.2.1. Đặc trưng và ý nghĩa 2.2.2. Các tác phẩm tiêu biểu Chương 3: Thơ ca dân gian 2.3.1. Đặc trưng và ý nghĩa 2.3.2. Các tác phẩm tiêu biểu					

DỤC
 TR
 ĐÀ
 BÀ RIA
 5

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ
<p>PHẦN 2: VĂN HỌC CỔ ĐIỂN</p> <p>Chương 1: Văn học thời Tam quốc và Silla thống nhất</p> <p>1.1. Khái quát văn học thời Tam quốc và Silla thống nhất</p> <p>1.2. Thơ ca quốc ngữ: Hyangga</p> <p>1.2.1. Đặc trưng và ý nghĩa</p> <p>1.2.2. Các tác phẩm tiêu biểu</p> <p>1.3 Văn học chữ Hán</p> <p>1.3.1. Đặc trưng và ý nghĩa</p> <p>1.3.2. Các tác phẩm tiêu biểu</p>	9	6	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu khái quát về văn học cổ điển Hàn Quốc, nắm được những đặc trưng, ý nghĩa của từng thể loại qua từng thời kỳ: thời Tam quốc, thời Goryo, thời Choson. - Tìm hiểu về một số thể loại văn học tiêu biểu như Hyangga, thơ ca Hán văn, thơ ca quốc ngữ, văn xuôi quốc ngữ, ... - Tìm hiểu một số tác phẩm tiêu biểu của từng thể loại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Phát biểu - Thảo luận - Thuyết trình
<p>Chương 2: Văn học thời Goryo (918-1392)</p> <p>2.1. Khái quát văn học thời Goryo</p> <p>2.2. Thơ ca quốc ngữ: sogyo và gyeonggichega</p> <p>2.2.1. Đặc trưng và ý nghĩa</p> <p>2.2.2. Các tác phẩm tiêu biểu</p> <p>2.3. Văn học chữ Hán</p> <p>2.3.1. Đặc trưng và ý nghĩa</p> <p>2.3.2. Các tác phẩm tiêu biểu</p> <p>Chương 3: Văn học thời Choson (1392-1910)</p> <p>3.1. Khái quát văn học thời Choson</p> <p>3.2. Văn học quốc ngữ</p> <p>3.2.1. Thơ ca quốc ngữ: Sijo và Gasa</p> <p>3.2.2. Văn xuôi quốc ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đặc trưng và ý nghĩa - Tác phẩm tiêu biểu <p>3.3. Văn học chữ Hán</p>				

V
 SỞNG
 HỌC
 VÙNG TÂY

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ
<p>PHẦN 3: VĂN HỌC HIỆN ĐẠI</p> <p>Chương 1: Văn học thời kỳ cận đại (1900-1945)</p> <p>1.1. Khái quát</p> <p>1.2. Thơ</p> <p>1.3. Văn xuôi</p> <p>1.4. Các tác phẩm tiêu biểu</p> <p>Chương 2: Văn học thời kỳ hậu chiến và chia cắt đất nước (1945 – cuối những năm 1960)</p> <p>2.1. Khái quát</p> <p>2.2. Thơ</p> <p>2.3. Văn xuôi</p>	5	4	<p>-Tìm hiểu sơ lược về văn học hiện đại Hàn Quốc, nắm được quá trình hình thành, phát triển của văn học qua các thời kỳ, đặc trưng, ý nghĩa từng thời kỳ.</p> <p>Tìm hiểu một số tác phẩm tiêu biểu theo từng thể loại.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tài liệu - Phát biểu - Thảo luận - Thuyết trình
<p>2.4. Các tác phẩm tiêu biểu</p> <p>Chương 3: Văn học thời kỳ công nghiệp hóa và văn hóa đại chúng (cuối những năm 1960 – 1990)</p> <p>3.1. Khái quát</p> <p>3.2. Thơ</p> <p>3.3. Văn xuôi</p> <p>3.4. Các tác phẩm tiêu biểu</p> <p>Chương 4: Văn học từ năm 1990 – nay</p> <p>4.1. Khái quát</p> <p>4.2. Thơ</p> <p>4.3. Văn xuôi</p> <p>4.4. Các tác phẩm tiêu biểu</p>				
TỔNG	23	15		

ĐẠO TÀI

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần; Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần;

- Hình thức thi: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Phan Thị Thu Hiền (chủ biên - 2017), *Giáo trình văn học Hàn Quốc*, Nxb. ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Phan Thị Thu Hiền (chủ biên - 2017), *Hợp tuyển văn học dân gian Hàn Quốc*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

[3] Phan Thị Thu Hiền (chủ biên - 2017), *Hợp tuyển văn học cổ điển Hàn Quốc*, Nxb. Tổng-hợp-Tp. Hồ-Chí-Minh.

[4] 이창식 (2014), *한국문학의 이해*, 도서출판 박이정.

Lee Chang Sik (2014), *Hiểu về văn học Hàn Quốc*, Nxb. Park Lee Jong.

[5] 한국어읽기연구회 (2013), *한국의 현대 시*, 학이시습.

Hội nghiên cứu tài liệu đọc tiếng Hàn (2013), *Thơ hiện đại Hàn Quốc*, Nxb. Hakisiseup.

[6] 한국어읽기연구회 (2013), *한국의 현대 수필*, 학이시습.

Hội nghiên cứu tài liệu đọc tiếng Hàn (2013), *Tùy bút hiện đại Hàn Quốc*, Nxb. Hakisiseup.

[7] 한국어읽기연구회 (2013), *한국의 고전 수필 1*, 학이시습.

Hội nghiên cứu tài liệu đọc tiếng Hàn (2013), *Tùy bút cổ điển Hàn Quốc 1*, Nxb. Hakisiseup.

[8] 한국어읽기연구회 (2013), *한국의 고전 수필 2*, 학이시습.

Hội nghiên cứu tài liệu đọc tiếng Hàn (2013), *Tùy bút cổ điển Hàn Quốc 2*, Nxb. Hakisiseup.

[9] 한국어읽기연구회 (2013), *한국의 고전 시가*, 학이시습.

Hội nghiên cứu tài liệu đọc tiếng Hàn (2013), *Thơ ca cổ điển Hàn Quốc*, Nxb. Hakisiseup.

[10] 황경신 (2015), *생각이 나서*, 소담출판사

Hwang Kyoung Shin (2015), *Suy ngẫm*, Nxb. Sodam.

[11] 한국어읽기 연구회 (2013), *외국인을 위한 한국어 읽기 - 한국대표작가들*, 학이시습.

[12] Viện nghiên cứu Đọc hiểu tiếng Hàn (2013), *Đọc hiểu tiếng Hàn dành cho người nước ngoài - những tác giả Hàn Quốc tiêu biểu*, Nxb. Hakisiseup.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc.

Thông tin liên hệ: Thytrang1110@gmail.com

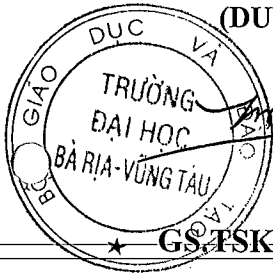
Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

Nguyễn Thị Trang

ĐỀ CƯƠNG THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Trình độ	:	Đại học
Hệ	:	Chính quy
Chuyên ngành	:	Ngôn ngữ Hàn Quốc
Khoá	:	2014-2018

1. Mục đích, yêu cầu và phạm vi thực tập tốt nghiệp

1.1. Mục đích đi thực tập

- Thực tập tốt nghiệp là nhiệm vụ bắt buộc của mỗi sinh viên sau khi hoàn thành chương trình lý thuyết của khóa học.
- Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên vận dụng kiến thức tổng hợp của các môn học vào thực tế hoạt động, có điều kiện so sánh, giải thích, áp dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc.
- Bước đầu tiếp cận thực tế các nội dung đã học ở chuyên ngành, sinh viên thực tập, học hỏi và làm quen với chuyên môn được đào tạo để khi tốt nghiệp có thể làm việc được ngay tại các cơ quan, doanh nghiệp.
- Tìm hiểu về tổ chức và bộ máy hoạt động của cơ quan, doanh nghiệp, xu thế phát triển của các doanh nghiệp trong tương lai.
- Thực tập tốt nghiệp cũng giúp cho sinh viên rèn luyện tính tổ chức, kỷ luật, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo.
- Đồng thời cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, đối tác, cấp trên, biết xử lý các vấn đề thực tiễn phát sinh trong các hoạt động thực tiễn của đơn vị; rèn luyện khả năng biết liên kết, làm việc trong một cộng đồng, cùng vì một nhiệm vụ chung.
- Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào một (hay một số) nội dung liên quan đến công việc cụ thể tại đơn vị thực tập.
- Giúp sinh viên có cơ hội tìm hiểu thực tế, làm quen với công tác nghiên cứu cũng như kỹ năng thu thập, xử lý thông tin làm báo cáo khoa học, chuẩn bị cho công tác tốt nghiệp.

1.2. Yêu cầu khi đi thực tập

- Hiểu và nắm vững về kiến thức chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc và những kiến thức bổ trợ liên quan.
- Tìm hiểu thực tiễn về nội dung đã học và những vấn đề có liên quan.
- Nhận xét và ghi chép về hoạt động trong thực tiễn tại cơ quan, doanh nghiệp, công ty so với cơ sở lý luận đã học tại trường. Giải thích sự khác biệt giữa thực tiễn và lý thuyết áp dụng tại các cơ quan, doanh nghiệp trên cơ sở lý luận và điều kiện thực tế của cơ quan, doanh nghiệp.

- Sinh viên phải có tinh thần tích cực và chủ động gặp gỡ, trao đổi với giáo viên hướng dẫn trong quá trình thực tập, nghiên cứu và trình bày kết quả trong báo cáo thực tập tốt nghiệp.
- Mỗi sinh viên trên cơ sở đã được hướng dẫn, tự lập cho mình một đề cương chi tiết sẽ thực hiện trong thời gian thực tập tại cơ sở.
- Yêu cầu sinh viên chấp hành nghiêm túc nội quy thực tập của Bộ môn và cơ sở thực tập.
- Kết thúc đợt thực tập, mỗi sinh viên viết một báo cáo theo đề cương chi tiết (*theo yêu cầu và mẫu kèm theo*). Bài báo cáo phải đính kèm phiếu nhận xét có đầy đủ chữ ký và dấu xác nhận của cơ sở thực tập (*mẫu kèm theo*).
- Báo cáo thực tập được tính là 1 môn học, tương đương 4 đơn vị học trình. Hình thức chấm điểm: Báo cáo trước hội đồng Bộ môn (ngày cụ thể thông báo khi nộp báo cáo).

1.3. Phạm vi thực tập tốt nghiệp

Sinh viên có thể thực tập tốt nghiệp tại các loại hình đơn vị sau:

- Các cơ quan nhà nước có sử dụng tiếng Hàn như: Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam; Tổng lãnh sự quán Hàn Quốc tại Việt Nam; Cơ quan Xúc tiến đầu tư - thương mại Hàn Quốc (KOTRA); Hiệp hội Tư vấn thống nhất quốc gia Hàn Quốc, Hội Hàn - Việt, Hiệp hội NGOs; ~~Hiệp hội thương mại Hàn Quốc tại Việt Nam (Kocham); Sở/Phòng ngoại vụ; Báo/Tạp chí Hàn Quốc tại Việt Nam; Sở Du lịch, ...~~
- Các công ty, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Hàn làm ngôn ngữ giao tiếp, nhà hàng, khách sạn, trung tâm ngoại ngữ, cửa hàng kinh doanh, ...

2. Nội dung thực tập

2.1. Kiến thức và kỹ năng đã được học

Sinh viên trong đợt thực tập này đã hoàn thành 127 tín chỉ trong tổng số 131 tín chỉ của chương trình đào tạo, bao gồm phần kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức cơ sở chuyên ngành, kiến thức chuyên ngành và được đào tạo một phần về kỹ năng, nghiệp vụ.

2.2. Công việc thực tập

Nêu rõ các công việc qui định sinh viên cần phải thực hiện về công tác chuyên môn, về quy tắc ứng xử trong thời gian thực tập và báo cáo thực tập.

3. Tiến độ thực tập

TT	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
1	18/02/2019 – 28/02/2019	Xét điều kiện thực tập tốt nghiệp	Phòng Đào tạo, Viện, Ngành Đông phương học
2	01/03/2019 – 16/03/2019	- Sinh viên đăng ký thực hiện Báo cáo thực tập tốt nghiệp; - Sinh viên lấy giấy giới thiệu thực tập tại Văn phòng Viện	Các giáo viên hướng dẫn thống nhất với sinh viên về tên đề tài hướng dẫn theo ngành học.
3	18/03/2019 – 404/05/2019	- Liên hệ cơ sở thực tập; - Nộp thông tin đơn vị thực tập của sinh viên về Viện.	

4	06/05/2019 - 29/06/2019	Sinh viên đi thực tập (8 tuần)	Giảng viên hướng dẫn sinh viên thực hiện báo cáo
5	01/07/2019 – 07/07/2019	Nộp Hồ sơ thực tập và báo cáo thực tập tại Văn phòng Viện (có chữ ký của giáo viên hướng dẫn)	Sinh viên nộp Báo cáo thực tập tốt nghiệp (01 cuốn + 01 file pdf)
6	08/07/2019 - 12/07/2019	Giáo viên hướng dẫn chấm báo cáo thực tập	

4. Nội quy thực tập

Để bảo đảm tốt kết quả thực tập, sinh viên có trách nhiệm thực hiện nội quy sau:

Điều 1: Tuyệt đối chấp hành nghiêm chỉnh những quy định của người hướng dẫn thực tập và cơ sở thực tập.

Điều 2: Giữ vững đạo đức, tác phong của người sinh viên.

- gương mẫu, nhiệt tình trong công tác.
- Tận tụy với công việc, tôn trọng nhân cách của cán bộ công nhân viên.
- Xung hô đúng mực.
- Đầu tóc, quần áo gọn gàng, nghiêm chỉnh.
- Quan hệ với cán bộ công nhân viên đúng mực.

Điều 3: Giữ vững đoàn kết

- Đoàn kết với cán bộ công nhân viên tại cơ sở thực tập, với nhân dân địa phương.
- Giữ vững đoàn kết nội bộ. Thẳng thắn phê bình và tự phê bình để giúp nhau cùng tiến bộ.

Điều 4: Đảm bảo ý thức tổ chức kỷ luật

-
- Không được nghỉ trong đợt thực tập. (Trường hợp đặc biệt phải được phép của giáo viên hướng dẫn thực tập và cán bộ hướng dẫn tại địa điểm thực tập).
 - Nghiêm chỉnh thực hiện thời gian biểu và sự phân công của người hướng dẫn thực tập và cơ sở thực tập.

Điều 5: Tự giác chấp hành nội quy.

Mọi sinh viên tự giác chấp hành nội quy thực tập.

Người thực hiện tốt sẽ được biểu dương, ai vi phạm sẽ bị xử lý tùy mức độ nặng, nhẹ.

Điều 6: Báo cáo tình hình thực tập

- Sau khi đến cơ sở thực tập, sinh viên phải báo cáo cho Giáo viên phụ trách họ tên và số điện thoại của cán bộ trực tiếp quản lý, hướng dẫn tại cơ sở thực tập.
- Hàng tuần, sinh viên phải liên hệ với Giáo viên phụ trách để báo cáo tình hình thực tập của mình, có thể nộp trực tiếp hoặc qua email. Tình huống phát sinh đột xuất phải báo cáo ngay với Giáo viên phụ trách.
- Sinh viên nào không liên hệ, không báo cáo cho Giáo viên phụ trách theo đúng quy định sẽ bị đánh giá vào điểm thực tập tốt nghiệp.

5. Quy định trình bày báo cáo thực tập tốt nghiệp

- Báo cáo bắt buộc phải đánh máy trên giấy A4, tối thiểu 30 trang, tối đa 50 trang (không tính mục lục, phụ lục và tài liệu tham khảo).
- **Tờ 1:** Bìa báo cáo (theo mẫu quy định, màu xanh đối với hệ Đại học và màu vàng đối với hệ Cao đẳng).
- **Tờ 2:** Mục lục (ghi rõ các phần được trình bày trong báo cáo, số trang)
- **Tờ 3:** Nhận xét của cơ sở thực tập (theo mẫu, phải xin đầy đủ chữ ký của CBHD, chữ ký và dấu của cơ sở thực tập trước khi nộp cho Bộ môn).
- **Tờ 4:** Nhận xét của Giáo viên hướng dẫn (theo mẫu, có đầy đủ chữ ký của GVHD).
- **Tờ 5:** Lời cảm ơn (nếu có)
- **Từ tờ thứ 6:** Nội dung báo cáo.

+ Mở đầu

+ Nội dung báo cáo:

Phần 1. Giới thiệu chung về cơ sở thực tập

Phần 2. Hoạt động của cơ sở thực tập

Phần 3. Nội dung tự chọn

Phần 4. Nhận xét, đánh giá, kiến nghị

+ Kết luận

+ Tài liệu tham khảo (nếu có): Xếp theo tên tác giả theo vần ABC.

+ Phụ lục (nếu có): Tranh ảnh minh họa về cơ sở thực tập, các hoạt động tại cơ sở thực tập.

6. Đánh giá kết quả thực tập

6.1. Thang điểm (Thang điểm 10)

1. Báo cáo quyền: 10 điểm

2. Điểm đánh giá tại cơ quan thực tập: 10 điểm

3. Điểm cuối cùng: là điểm trung bình cộng của báo cáo quyền do giảng viên hướng dẫn chấm và kết quả điểm do cán bộ tại cơ quan thực tập chấm.

6.2. Tiêu chí

Kết quả đánh giá dựa trên các yêu cầu sau:

- Nộp kế hoạch công việc đúng hạn
- Nộp nhật ký thực tập có ghi chép đầy đủ
- Nộp báo cáo đúng hạn
- Báo cáo đầy đủ nội dung theo quy định
- Báo cáo phải theo kế hoạch xác lập từ trước.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp được đánh giá dựa trên các tiêu chí sau:

- Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài
- Phương pháp, kỹ năng, tài liệu
- Kết quả nghiên cứu, khả năng ứng dụng

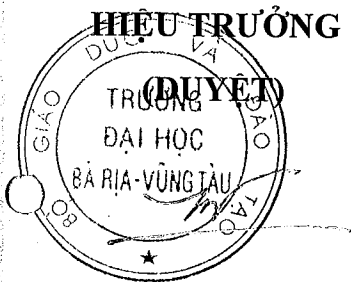
ĐANG
ĐC
TÀI
04

- Bố cục và hình thức trình bày.

Số lượng báo cáo thực tập tốt nghiệp phải nộp: **01 cuốn** (Bìa màu xanh dương).

- Điểm của báo cáo thực tập tốt nghiệp do giáo viên hướng dẫn chấm và ghi vào danh sách do thư ký chuyên cho giảng viên theo mẫu của trường. Khi sinh viên nộp bảng báo cáo thực tập tốt nghiệp chính thức, giáo viên hướng dẫn cho sinh viên ký tên vào bảng điểm, xong giáo viên hướng dẫn ký tên vào bên dưới bảng điểm và nộp lại cho thư ký khoa.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018



HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Trang

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU
VIỆN NGÔN NGỮ - VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

(Times New Roman, 14pt, Bold)

BÁO CÁO
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
(Times New Roman, 25pt, Bold)

TÊN ĐỀ TÀI

(Times New Roman, 16pt, Bold)

Trình độ đào tạo: Đại học

Hệ đào tạo: Chính quy

Ngành: Đông phương học

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Hàn Quốc

Khoá học: 2014-2018

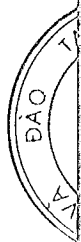
Đơn vị thực tập:

Giảng viên hướng dẫn: :

(Yêu cầu ghi đầy đủ học hàm, học vị, Times New Roman, 14pt)

Sinh viên thực hiện:.....

Bà Rịa-Vũng Tàu, thángnăm 2018



MỤC LỤC

Mở đầu:-----Trang...

Chương 1: Giới thiệu về đơn vị thực tập

1.1. -----Trang...

1.2. -----Trang...

1.3. -----Trang...

...

Chương 2. Nội dung công việc thực tế thu thập được

2.1. -----Trang...

2.2. -----Trang...

2.3. -----Trang...

....

Chương 3. Kết luận và hướng phát triển

Tài liệu tham khảo: -----Trang...

10/01/2010
T. 01
C. 01
M. 01
/ /

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

....., ngày..... thángnăm 20...

Xác nhận của đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

(Lưu ý phần này phải có đầy đủ chữ ký lãnh đạo và dấu xác nhận của cơ sở thực tập)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
ĐẠI HỌC
ĐẠI HỌC

ĐÁNH GIÁ CỦA GIÁNG VIÊN HƯỚNG DẪN

1. Thái độ tác phong khi tham gia thực tập:

.....
.....
.....

2. Kiến thức chuyên môn:

.....
.....
.....
.....

3. Nhận thức thực tế:

.....
.....
.....
.....

4. Đánh giá khác:

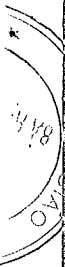
.....
.....
.....

5. Đánh giá kết quả thực tập:

.....

Giảng viên hướng dẫn

(Ký ghi rõ họ tên)



LỜI CẢM ƠN

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

....., ngàytháng.....năm 20..

Sinh viên thực hiện



MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

1. **Hình thức:** Font chữ, cỡ chữ tương ứng như trong các trang trên.
2. **Đánh số trang:** Từ trang Mở đầu (giữa trang in/Footer).
3. **Qui định về trang in:**
 - *Khổ giấy:* A4;
 - *Lề trái:* 3-3.5 cm;
 - *Lề phải:* 2.0 cm;
 - *Lề trên:* 3.0 cm;
 - *Lề dưới:* 3.0 cm;
 - *Cỡ chữ:* 14;
 - *Font chữ :* Times New Roman
 - *Giãn-dòng:* 1.5-line.

4. Bảng biểu, hình vẽ, trang in

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương. Ví dụ hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong Chương 3. Mọi đồ thị, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ. Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục Tài liệu tham khảo. Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình. Thông thường, những bảng ngắn và đồ thị phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và đồ thị này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể để ở những trang riêng nhưng cũng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên.

5. Tài liệu tham khảo:

Nếu có cả tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì sắp xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung, Nhật...).

Với các tài liệu tham khảo tiếng Việt sắp xếp tài liệu theo vần ABC theo tên riêng của các tác giả.

Với các tài liệu tham khảo tiếng nước ngoài sắp xếp tài liệu theo vần ABC theo Họ của tác giả.

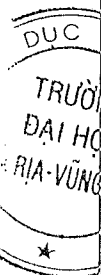
4.1. Sách, chuyên khảo, luận văn

4.1.1. Tiếng Việt

- Liệt kê họ tên đầy đủ của tất cả các tác giả hoặc chủ biên.

- Đưa ra tựa đề đầy đủ, nơi phát hành, nhà xuất bản, năm xuất bản và phần tham khảo nằm ở trang số mấy. Mẫu viết tài liệu tham khảo Tác giả (Năm xuất bản). *Tên bài viết*. Lần tái bản. Tên sách, Tên chủ biên, Nhà xuất bản, Nơi xuất bản: Trang.

Ví dụ: Tác giả là một cá nhân: Phạm Đức Dương (cb) (2014), *Biểu tượng văn hóa ở làng quê Việt Nam*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội. 139-47.



Tác giả là tên tổ chức, tập thể: Trung tâm từ điển (2008) *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng. 117-130.

Luận văn, đề tài nghiên cứu: Kiều Mai Phương (1998). *Khảo sát thực trạng ô nhiễm vi khuẩn thức ăn đường phố tại các cửa hàng ăn dọc quốc lộ 1A thuộc huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh*. Luận văn thạc sỹ Y tế công cộng, ĐH YTCC.

4.1.2. Tiếng nước ngoài:

Tác giả/chủ biên là tên riêng.

John Stevenson and John Guy (1997) *Vietnamese Ceramics: A separate tradition*. Chicago: Avery Press. 50-68.

4.2. Tin từ Internet hoặc báo điện tử:

4.2.1. Tài liệu là các bài báo, tạp chí đã được xuất bản:

Tác giả (Năm xuất bản). *Tên bài báo*. Tên tạp chí điện tử [số tạp chí điện tử] [Ngày trích dẫn]; Số tạp chí (kỳ xuất bản): [số trang/trang màn hình]. Lấy từ: URL: địa chỉ internet.

4.2.2. Tài liệu các tin trên trang internet, không có tên báo, số xuất bản:

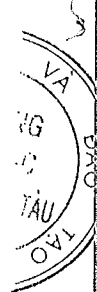
Tác giả (Năm xuất bản). *Tên bài* [Internet]. [Ngày trích dẫn] Lấy từ: URL: địa chỉ internet

Trung Hiếu (2004). *Những thách thức trong phòng, chống bệnh lao*. [Internet]. 15/7/2004 [trích dẫn ngày 15/4/2004] Lấy từ: URL: <http://www.nhandan.com.vn>

4.3. Cơ sở dữ liệu trên internet

Tác giả (năm). *Tên bài* [Internet]. Chi tiết xuất bản nếu có. Lấy từ: Tên và chi tiết xuất bản nếu có. [Ngày trích dẫn]

Ví dụ: Kirkpatrick GL (1998). Viral infections of the respiratory tract. In: Family Medicine. 5th ed. [Online]. Available from: Stat!Ref.Jackson (WY): Teton Data Systems; 2001. [cited 2001 Aug 31].



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/MÔN HỌC
HỌC PHẦN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **Khóa luận tốt nghiệp**
- Mã học phần: 010112018
- Số tín chỉ: 8 (8, 0, 16)
- Học phần học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần: Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững hơn những vấn đề liên quan đến nghiên cứu khoa học, quan điểm, phương pháp luận và các bước tiến hành nghiên cứu khoa học; việc lựa chọn vấn đề cần nghiên cứu, sự đóng góp của công trình nghiên cứu; cách thức thu thập và các nguồn thông tin, xây dựng bảng câu hỏi, phương pháp phỏng vấn, chọn mẫu,...

3. Mô tả vắn tắt nội dung của học phần

Khóa luận tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc là kết quả nghiên cứu khoa học về mọi vấn đề xã hội, chính trị, văn hoá của Hàn Quốc.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

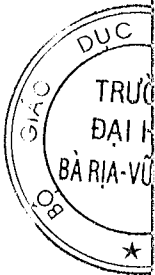
TT	Nội dung	Số tiết	Phân bố thời gian		
			Lý thuyết	Thực hành	Tự học
1	Lựa chọn đề tài khoá luận				
2	Khảo sát và thu thập tư liệu nghiên cứu				
3	Xử lý tư liệu nghiên cứu				
4	Viết khoá luận tốt nghiệp				
5	Báo cáo khoá luận tốt nghiệp				
	TỔNG			240	

5. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ



Hướng nghiên cứu chính: Ngữ pháp Tiếng Hàn, phương pháp giảng dạy tiếng Hàn, văn hoá Hàn Quốc thông qua những tác phẩm văn học.

Thông tin liên hệ: thuhalin@gmail.com

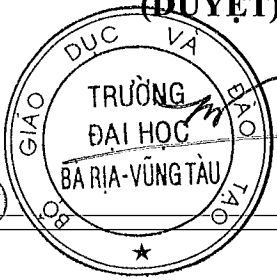
Facebook: Thuha Lim

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018.

**HIỆU TRƯỞNG
(DUYỆT)**

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

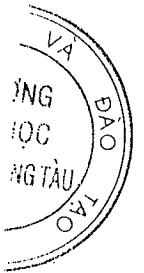
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



Handwritten signature
PGS.TS. Hoàng Văn Việt

Handwritten signature

Ths. Nguyễn Thị Thu Hà



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **KỸ NĂNG BIÊN DỊCH NÂNG CAO (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 010112227202
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để thực hành dịch ý và kết hợp thành câu hoàn chỉnh. Từ đó tập kỹ năng đọc hiểu đoạn văn tăng cường kỹ năng đọc hiểu đoạn văn, chủ đề... kiến thức về một số lĩnh vực có liên quan hay gắn gũi với bài học một cách thực tế.

- Kỹ năng:

- + Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú để đặt câu.
- + Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

- + Yêu thích môn học, ngành học,
- + Biết chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu,
- + Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản đã học để thực hành dịch đoạn văn, văn bản từ đó tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Thực hành kỹ năng dịch câu, đoạn văn theo ý nghĩa từng từ sau đó luyện tập kỹ năng tổng hợp ý nghĩa, trau chuốt nội dung trong câu để tạo thành đoạn văn, hội thoại, bài dịch hoàn thiện. Nội dung biên dịch đa dạng cụ thể như: một số thay đổi của nông thôn và thành phố trước đây và hiện tại, mô hình đào tạo và giáo dục ở Hàn Quốc, hình thức lưu trú ở Hàn Quốc đối với người nước ngoài....

4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ
-------------------	---------	-----------------	-------------

	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		thể của sinh viên
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Tuần 1 Khái quát về sự thay đổi của nông thôn và thành phố ở thời gian trước đây mà mô hình thời điểm hiện tại.	2	1	0	- Khái quát về sự thay đổi của nông thôn và thành phố ở thời gian trước đây mà mô hình thời điểm hiện tại.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 2 Bài 2: Chế độ đào tạo và học tập từ tiểu học đến cao học ở Hàn Quốc	2	1	0	-Cách chia thời gian đào tạo ở các bậc tiểu học, trung học...và các chính sách tập trung áp dụng cho việc giáo dục.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm hội thảo liên quan đến chủ đề thảo luận. -Làm bài tập.
Tuần 3 Bài 3: Tìm hiểu về nhập tịch và các hình thức về tư cách lưu trú ở Hàn Quốc	2	1	0	-Các hình thức lưu trú cho người nước ngoài và các điều kiện có thể tham gia nhập tịch ở Hàn Quốc.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 4 Bài 4: Thực hành dịch tìm hiểu về hệ thống phương tiện giao thông và thông tin ở Hàn Quốc	2	1	0	-Các phương tiện giao thông truyền thông ở Hàn Quốc ở thời gian trước đây và hiện tại.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm hội thoại liên quan đến chủ đề thảo luận. -Làm bài tập.
Tuần 5 Bài 5: Thực hành dịch tìm hiểu về những vấn đề liên quan đến tài sản ở Hàn Quốc	2	1	0	-Các tài sản ở Hàn Quốc khi được công nhận và các hình thức giao dịch, mua bán liên quan đến bất động sản.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 6 Ôn tập các bài đã học và	1	2		-Ôn tập và sửa bài tập -Làm bài kiểm tra giữa	- Hệ thống lại toàn bộ từ vựng



thi giữa kỳ				học kỳ.	và các điểm ngữ pháp đã học. -Làm bài tập.
Tuần 7 Bài 6: Thực hành dịch tìm hiểu về những thủ tục, giấy tờ cần thiết khi nhập cảnh và xuất cảnh ở Hàn Quốc	2	1	0	-Các thủ tục pháp lý của quá trình xuất cảnh và nhập cảnh ở Hàn Quốc và một số vấn đề phát sinh trong quá trình này.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 8 Bài 7: Thực hành dịch tìm hiểu về các tập đoàn lớn ở Hàn Quốc và những sản phẩm kinh doanh tiêu biểu	2	1	0	-Những tập đoàn lớn cùng với sự phát triển vượt bậc đi cùng với các sản phẩm đặc trưng tiêu biểu.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm hội thoại liên quan đến chủ đề thảo luận. -Làm bài tập.
Tuần 9 Bài 8: Tìm hiểu đặc trưng một số thành phố ở Hàn Quốc (P1)	2	1	0	Thực hành dịch tìm hiểu về đặc trưng của một số thành phố ở Hàn Quốc (1): Gangwon, Chung cheong.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học. -Làm bài tập.
Tuần 10 Bài 9: Tìm hiểu đặc trưng một số thành phố ở Hàn Quốc (P2)	2	1	0	Bài 9: Thực hành dịch tìm hiểu về đặc trưng của một số thành phố ở Hàn Quốc (2): Gyeongsang, Jeolla, Jeju	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm hội thoại liên quan đến chủ đề thảo luận. -Làm bài tập.
Tuần 11 Chia nhóm và thuyết trình	2	2	0	Chia nhóm và chọn chủ đề thuyết trình theo nhóm tìm hiểu về văn hóa ở Hàn Quốc	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để thảo luận và thuyết trình
Tuần 12 Ôn tập và hệ thống kiến thức	2	2	0	-Ôn tập và sửa bài tập	-Làm bài tập. -Ôn tập toàn bộ kiến thức
Tổng	23	15	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] 이정희, 김종섭, 조현용, 윤혜리, 김지혜, 오수진 (2015), 경희 한국어 읽기 4, 도서출판 하우.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] 서강대학교 한국어교육원 김성희, 이효정, 이석란, 이윤실, 장수진, 최선영 (2016), 서강한국어 5B, 도서출판 하우.

[3] 법무부 출입국, 외국인정책본부 (2016), 이민자를 위한 한국어와 한국문화 중급 2, 한국이민재단 도서출판.

[4] 최은규, 김민애, 안경화, 정인아, 함창덕 (2012), 서울대 한국어 5B, 서울대학교 언어교육원.

[5] 김종선 (2018), 경제 상식 아는 척하기, 취업 창업 경제 독립 전에 경제 상식부터 제대로, 펴낸곳 팬덤박스.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355

, Email: thuyngavt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

GS.TS. Hoàng Văn Việt

Nguyễn Thị Nga

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: Kỹ năng phiên dịch tiếng Hàn nâng cao
- Mã học phần: 0101122273
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

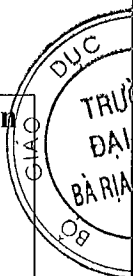
- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên từ vựng và các mẫu diễn đạt tiếng Hàn thường dùng trong các bản tin chính thống thuộc nhiều lĩnh vực văn hoá, xã hội, kinh tế,...
- Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích câu tiếng Việt và tiếng Hàn cơ bản, kỹ năng lựa chọn từ vựng hay và phù hợp, kỹ năng tạo câu văn chuẩn chỉnh làm nền tảng để phiên dịch các buổi thảo luận, làm việc từ tiếng Hàn sang tiếng Việt
- Thái độ: sinh viên yêu thích học phần Kỹ năng phiên dịch nâng cao, ham tìm tòi sách báo để trang bị kiến thức nền cơ bản, chăm chỉ phân tích, luyện tập, thực hành phiên dịch theo sự hướng dẫn của giáo viên.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Môn học gồm có các phần cơ bản theo các chủ đề.

4. Nội dung chi tiết, hình thức tổ chức dạy, học của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết		Thí nghiệm, thực hành, điền dã	Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
	Lên lớp				
	LT	BT			



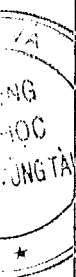
Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ của sinh viên
Bài 1: Discovery: Các ngôn ngữ trên thế giới	3	0	0	Phiên dịch Hàn – Việt theo chủ đề	Luyện tập và thực hành phiên dịch
Bài 2: Discovery: Thực trạng trẻ em học tiếng Anh sớm	3	0	0	Phiên dịch Hàn – Việt theo chủ đề	Luyện tập và thực hành phiên dịch
Bài 3: Thời sự: Giáo dục sớm tiếng Anh cho trẻ em	3	0	0	Phiên dịch Hàn – Việt theo chủ đề	Luyện tập và thực hành phiên dịch
Bài 4: Hiện trạng sử dụng các mạng xã hội	3	0	0	Phiên dịch Hàn – Việt theo chủ đề	Luyện tập và thực hành phiên dịch
Bài 5: Sự phổ biến của internet	3	0	0	Phiên dịch Hàn – Việt theo chủ đề	Luyện tập và thực hành phiên dịch
Bài 6: Thời sự: Bảo mật trong thời đại công nghệ	3	0	0	Kiểm tra, đánh giá năng lực sinh viên	Làm bài thi
Bài 7: Thời sự: Tính tự lập kinh tế của sinh viên	3	0	0	Phiên dịch Hàn – Việt theo chủ đề	Luyện tập và thực hành phiên dịch
Bài 8: Xu hướng thời trang	3	0	0	Phiên dịch Hàn – Việt theo chủ đề	Luyện tập và thực hành phiên dịch
Bài 9: Khuynh hướng tiêu thụ của lớp trẻ	3	0	0	Phiên dịch Hàn – Việt theo chủ đề	Luyện tập và thực hành phiên dịch
Bài 10: Thực trạng Hàn lưu hiện nay	3	0		Phiên dịch Hàn – Việt theo chủ đề	Luyện tập và thực hành phiên dịch
Tổng	30	0	0		

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần; Hình thức thi: Vấn đáp

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần; Hình thức thi: Vấn đáp



6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

1. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 5*, Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, Nxb Hawoo.

6.2. Tài liệu tham khảo

2. Quỹ hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2013), Giáo trình *Tiếng Hàn tổng hợp 5*, NXB Giáo dục

3. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 6*, Trường Đại học Ngoại ngữ Hàn Quốc, Nxb Hawoo.

4. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 5*, Viện ngôn ngữ trường Đại học Yonsei, NXB Đại học Yonsei.

5. Nhiều tác giả (2016), Giáo trình *Tiếng Hàn cho người nước ngoài 5A* Trường Đại học Sogang, Nxb Đại học Sogang.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Hà

Năm sinh: 1982

Học vị: Thạc sĩ

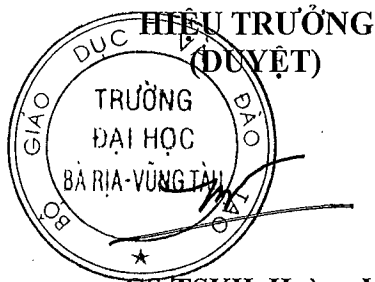
Hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ Hàn, văn học Hàn Quốc, văn hoá Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thuholim@gmail.com


Facebook: Thuha Lim


Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2108

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm


PGS.TS. Hoàng Văn Việt


Ths. Nguyễn Thị Thu Hà

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **NGHE CAO CẤP TIẾNG HÀN**
- Mã học phần: 0101090128
- Số tín chỉ: **02 (1.5, 0.5, 4)**
- Học phần tiên quyết/học trước: không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): không

2. Mục tiêu của học phần

Thông qua việc nghe tiếng Hàn dành cho sinh viên năm cuối khóa để hiểu về cách nói chuyện của người bản ngữ, thông qua đó, nâng cao năng lực hội thoại tiếng Hàn và hiểu thêm về văn hóa Hàn Quốc.

- **Kiến thức:** hiểu rõ về những hiện tượng biến âm ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của việc nghe, phân biệt được những từ vựng và biểu hiện có sự biến đổi âm vần.
- **Kỹ năng:** sinh viên có thể phát âm một cách chính xác những từ vựng có thay đổi âm vần, hiểu và sử dụng một cách linh hoạt vào hội thoại hàng ngày bằng tiếng Hàn.
- **Thái độ:** hình thành thói quen tự ghi chú (memo) khi nghe những từ khó, từ trọng tâm của những đoạn hội thoại, tự ý thức luyện tập các bài tập dạng File nghe như mp3, video một cách tự giác.

Phương pháp giảng dạy:

- Sử dụng những phương pháp mang lại sự thú vị và thoải mái cho sinh viên khi học về cách biến đổi âm vần như các thẻ từ hoặc trò chơi.
- Sử dụng các bài hát và lời bài hát tiếng Hàn để hiểu về nguồn gốc của câu tiếng Hàn.
- Sử dụng các bài nghe trong giáo trình của sinh viên năm 4 để nâng cao năng lực nghe theo từng cấp độ.
- Sử dụng giáo trình phát âm tiếng Hàn dành cho người nước ngoài kết hợp áp dụng phương pháp phát âm được thực hiện tại Hàn Quốc.
- Sử dụng các bài tập kết hợp: nghe – nói, nghe – viết để nâng cao năng lực của các kỹ năng khác.

Nội dung chi tiết	Số tiết		Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ
Tuần 5: Học nghe qua bài hát tiếng Hàn, bài: Hi vọng của Byun Jin Seop Bài 10: Điện thoại Bài 11: Giao thông	2	1	- Nghe => hiểu câu tiếng Hàn thông qua lời hát, viết lời bài hát - Luyện nghe phát âm	- Chuẩn bị bài - Nghe - Phát biểu - Làm bài tập
Tuần 6: Học nghe qua bài hát tiếng Hàn, bài: Như súng bắn vào tim của Beak Ji Young Bài 12: Thời tiết Bài 13: Sở thích	2	1	- Nghe => hiểu câu tiếng Hàn thông qua lời hát, viết lời bài hát - Luyện nghe phát âm	- Chuẩn bị bài - Nghe - Phát biểu - Làm bài tập
Tuần 7: Học nghe qua bài hát tiếng Hàn, bài: Hình như anh đã yêu của Yun Do Hyun	2	2	- Nghe => hiểu câu tiếng Hàn thông qua lời hát, viết lời bài hát	- Chuẩn bị bài - Nghe - Phát biểu
Bài 14: Du lịch Bài 13: Tìm đồ			- Luyện nghe phát âm	- Làm bài tập
Tuần 8: Học nghe qua bài hát tiếng Hàn, bài: Không được khóc Bài 16: Bệnh tật Bài 17: Nhà Giáo trình nghe tiếng Hàn sơ cấp	2	1	- Nghe => hiểu câu tiếng Hàn thông qua lời hát, viết lời bài hát - Luyện nghe phát âm	- Chuẩn bị bài - Nghe - Phát biểu - Làm bài tập
Tuần 9: Bài 18: Quân áo Bài 19: Công diễn Bài 20: Cách chế biến Giáo trình nghe tiếng Hàn sơ cấp	2	1	- Nghe => hiểu => viết chính tả một cách chính xác phần đã nghe.	- Chuẩn bị bài - Nghe - Phát biểu - Làm bài tập
Tuần 10: Bài 1: Một Giáo trình tiếng Hàn tổng hợp 4	2	1	- Nghe => hiểu => thảo luận về chủ đề trong bài.	- Chuẩn bị bài - Nghe - Phát biểu - Làm bài tập



Cho Hang Rok và nhóm tác giả (2009), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người nước ngoài 4*, Nxb. Korea Foundation.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Trang

Năm sinh: 1986

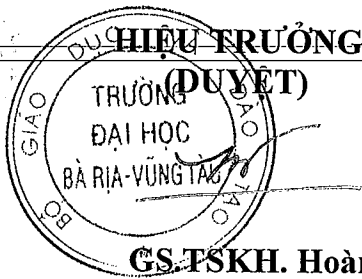
Học vị: Cử nhân

Hướng nghiên cứu chính: ngôn ngữ Hàn Quốc

Thông tin liên hệ: thytrang1110@gmail.com

Facebook: Nguyen Thy Trang

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018



GS.TSKH. Hoàng Văn Kiêm

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

PGS.TS. Hoàng Văn Việt

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Trang



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

- Tên học phần: **KỸ NĂNG VIẾT BÁO CÁO TIẾNG HÀN (TIẾNG HÀN)**
- Mã học phần: 0101122274
- Số tín chỉ: 02 (1.5, 0.5, 4)
- Học phần tiên quyết/học trước: Không
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có) : Không

2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Kiến thức:

Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng nhất định, một số cấu trúc ngữ pháp đơn giản để thực hành dịch ý và kết hợp thành câu hoàn chỉnh. Từ đó tập kỹ năng viết báo cáo trong nhiều lĩnh vực như báo cáo công việc hàng ngày, báo cáo về kế hoạch thực hiện, báo cáo về doanh số...

- Kỹ năng:

+ Sinh viên phải nắm được nguồn từ vựng phong phú kết hợp các điểm ngữ pháp cơ bản để sắp xếp viết câu dễ hiểu, ngắn gọn.

+ Sinh viên cần biết cách làm việc trao đổi theo nhóm để tăng cường kỹ năng phản xạ.

- Thái độ:

+ Yêu thích môn học, ngành học,

+ Biết chia sẻ thông tin trong học tập và nghiên cứu,

+ Có tinh thần học nhóm và đưa ra các chủ đề để thảo luận.

3. Tóm tắt nội dung học phần

Sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản đã học để thực hành dịch đoạn văn, văn bản từ đó tập phản xạ nhanh, tăng cường khả năng phân tích câu và tìm hiểu thông tin để đưa ra ý kiến. Môn học trang bị cho sinh viên làm quen với cách đọc và tổng hợp thông tin để từ đó có thể trực tiếp hoàn thành bản báo cáo ngắn gọn, xúc tích đầy đủ những nội dung cơ bản. Sinh viên được làm quen với cách đọc, phân tích báo cáo và sau đó viết báo cáo liên quan đến nhiều lĩnh vực trong công ty như báo cáo công việc hàng ngày, báo cáo kế hoạch cho một dự án...

4. Nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy của học phần

Nội dung chi tiết	Số tiết			Mục tiêu cụ thể	Nhiệm vụ cụ thể của sinh viên
	Lên lớp		Thí nghiệm, thực hành, điền dã		
	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận			
Tuần 1 Bài 1: Tìm hiểu về một số mẫu câu, từ vựng chuyên môn sử dụng trong viết báo cáo	2	1	0	-Xem lại các điểm ngữ pháp đã học và các điểm ngữ pháp mở rộng. -Tìm hiểu và học các thuật ngữ, từ chuyên môn thường sử dụng trong viết báo cáo, thuyết trình...	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.
Tuần 2 Bài 2: Viết báo cáo về công việc hàng ngày	2	1	0	-Cách diễn tả nội dung báo cáo cần thể hiện một cách ngắn gọn, dễ hiểu. -Chú ý cách sử dụng các dấu chấm câu và cách xưng hô trong môi trường công ty, doanh nghiệp...	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để làm hội thảo liên quan đến chủ đề thảo luận. -Làm bài tập.
Tuần 3 Bài 3: Cách viết báo cáo về công việc đã thực hiện trong thời gian quy định (1 tuần, 1 tháng..)	2	1	0	-Báo cáo chú ý đưa ra lại các kế hoạch, công việc đã đề ra sau đó đánh giá mức độ thực hiện và hiệu quả của công việc. -Kết hợp đề xuất hướng thực hiện hay giải quyết để đảm bảo tốt công việc.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có thể đọc hiểu nội dung bài học.
Tuần 4 Bài 4: Cách viết báo cáo về một dự án được phân công quản lý	2	1	0	-Cách thức trình bày báo cáo chia theo lộ trình thực hiện hay	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp liên quan để viết báo cáo.



				theo từng giai đoạn. -Từ vựng chuyên môn chính xác, rõ ràng, chi tiết.	
Tuần 5 Bài 5: Thảo luận và thuyết trình	2	1	0	-Chia nhóm thực hành thuyết trình, trình bày báo cáo với chủ đề “Báo cáo về tình hình kinh doanh của bộ phận mà bản thân đang làm việc”. -Chú ý đến các mẫu câu, cách diễn giải dễ hiểu và nội dung ngắn gọn, xúc tích.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để trình bày báo cáo.
Tuần 6 Ôn tập và thi giữa kỳ	1	2		-Ôn tập và sửa bài tập -Làm bài kiểm tra giữa học kỳ.	- Hệ thống lại toàn bộ từ vựng và các điểm ngữ pháp đã học. -Làm bài tập.
Tuần 7 Bài 6: Cách viết báo cáo cơ bản về tình hình tài chính	2	1	0	-Cách diễn đạt nội dung về tình hình tài chính một cách cơ bản và đưa ra một số đánh giá tổng quan. -Chú ý tìm hiểu thêm phần từ vựng chuyên ngành về tài chính...	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có viết câu.
Tuần 8 Bài 7: Cách viết báo cáo về so sánh sản phẩm cùng loại của hai công ty	2	1	0	-Tập trung tìm ra những ưu và nhược điểm của sản phẩm cùng loại này và đưa ra so sánh, phân tích. -Chú ý cách diễn giải để làm nổi bật những đặc điểm chính mà báo cáo yêu cầu.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để vận dụng đưa vào báo cáo. -Học thuộc từ vựng



Tuần 9 Bài 8: Cách viết báo cáo về khảo sát thị trường trước khi đưa sản phẩm ra kinh doanh	2	1	0	- Trong báo cáo chú ý cách diễn đạt những yếu tố ảnh hưởng đến thị trường của sản phẩm định đưa ra, các thông số chính xác. - Đưa ra một số giải pháp, đề xuất phù hợp cho việc kinh doanh sản phẩm trong thời điểm hiện tại.	Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có viết câu. - Làm bài tập.
Tuần 10 Bài 9: Cách viết báo cáo về chuyến đi công tác	2	1	0	- Cách diễn giải về quá trình chuyến công tác và đưa ra các kết quả đạt được thông qua chuyến công tác.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có viết câu. - Học thuộc từ vựng
				- Chú ý đưa ra các điểm mạnh hay tiềm năng ở nơi công tác mà có lợi cho công việc đang thực hiện.	
Tuần 11 Bài 10: Cách viết báo cáo về ngày hội khách hàng của công ty	2	1	0	- Cách báo cáo về các công việc chuẩn bị và các thủ tục cần thiết cho hội nghị. - Đưa ra một số nhược điểm cần khắc phục và đề xuất để thực hiện tốt hơn cho những đợt sau.	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có viết câu. - Học thuộc từ vựng
Tuần 12 Ôn tập và hệ thống các báo cáo	1	2	0	- Ôn tập và sửa bài tập - Chia nhóm	- Chuẩn bị từ vựng và các điểm ngữ pháp để có viết câu. - Ôn tập toàn bộ kiến thức
Tổng	23	15	0		



5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần

5.1. Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ, chuyên cần thái độ học tập: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: điểm danh và cho làm bài kiểm tra (2 bài)

5.2. Điểm thi giữa học phần: 20% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

5.3. Điểm thi kết thúc học phần: 60% điểm học phần.

Hình thức đánh giá: bài thi trắc nghiệm + tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu bắt buộc

[1] 박종필 (2015), 상사의 마음을 얻는 보고의 기술 - 고수의 보고법, 옥당출판사.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] 아사다스구루, 서경원 (2015), 토요타에서 배운 종이 한 장으로 요약하는 기술, 시사일본어출판사.

[3] Cho Hang Rok, Lee Mi Hye, Lê Đăng Hoan, Lê thị Thu Giang, Nguyễn Thị Hương Sen, Đỗ Ngọc Luyên (2013), *Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt Nam 6*, Nxb. Quỹ giao lưu quốc tế Hàn Quốc.

[4] 김종선 (2018), 경제 상식 아는 척하기, 취업 창업 경제 독립 전에 경제 상식부터 제대로, 퍼넨곳 팬덤북스.

[5] 공병훈 (2018), 4 차 산업혁명 상식사전 - 58 개 핵심 키워드로 끝내는 4 차 산업 혁명의 모든 것, 도서출판 깃벗.

7. Thông tin về giảng viên

Họ và tên: Nguyễn Thị Nga

sinh ngày 11/1/1984

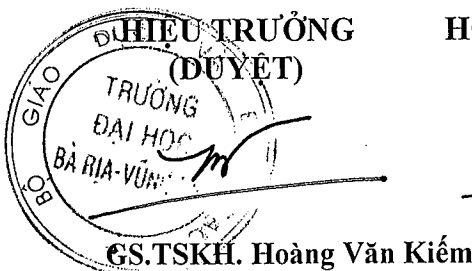
Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Các hướng nghiên cứu chính: Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn

Địa chỉ liên hệ: ĐT: 0983 277 355 , Email: thuynghvt@gmail.com

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 11 năm 2018

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN




PGS.TS. Hoàng Văn Việt


Nguyễn Thị Nga